

GRAD
JQ
873
.A83
T46
1962

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

B 972,160

BẢN VĂN TỔ-CHỨC TƯ-PHÁP VIỆT-NAM



**ĂN-BẢN ĐẶC-BIỆT
PHÁP-LÝ TẬP-SAN**
Bộ Tư-Pháp Xuất-Bản

1962

TÁC PHẨM VÀ TÀI LIỆU

sẽ xuất bản :

1 - THỪA PHÁT LẠI CẨM NANG

của *NGUYỄN HUY ĐÁU* và *LÂM VĂN SÁU*

2 - LUẬT DÂN-SỰ TỒ-TỤNG VIỆT-NAM

của *NGUYỄN HUY ĐÁU*

3 - MƯỜI NĂM ÁN LỆ (tóm tắt án-lệ dân-sự, hình-sự và
hành-chánh từ 1951 đến 1960)

4 - BIÊN BẢN CÁC PHIÊN NHÓM CỦA ỦY-BAN SOẠN
THẢO DỰ-ÁN BỘ DÂN-LUẬT, quyển 1.

5 - BỘ HÌNH-LUẬT VIỆT-NAM (sưu-tầm, xếp loại và cập
nhật hóa các Bộ Hình Luật Canh-cải và Hoàng-Việt
Hình-luật) của *NGUYỄN VĂN HẢO*



En préparation :

Recueil d'Etudes sur les Institutions Judiciaires du
Vietnam (Edition trilingue en français, anglais, vietnamien.)

THE UNIVERSITY OF MICHIGAN LIBRARIES

1132

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BẢN VĂN TỔ-CHỨC TƯ-PHÁP VIỆT-NAM



ẤN-BẢN ĐẶC-BIỆT
PHÁP-LÝ TẬP-SAN
Bộ Tư-Pháp Xuất-Bản

1962

TÁC PHẨM VÀ TÀI LIỆU

sẽ xuất bản :

1 — THỪA PHÁT LẠI CẨM NANG

của *NGUYỄN HUY ĐÁU* và *LÂM VĂN SÁU*

2 — LUẬT DÂN-SỰ TỔ-TỤNG VIỆT-NAM

của *NGUYỄN HUY ĐÁU*

3 — MƯỜI NĂM ÁN LỆ (tóm tắt án-lệ dân-sự, hình-sự và
hành-chánh từ 1951 đến 1960)

4 — BIÊN BẢN CÁC PHIÊN NHÓM CỦA ỦY-BAN SOẠN
THẢO DỰ-ÁN BỘ DÂN-LUẬT, quyển 1.

5 — BỘ HÌNH-LUẬT VIỆT-NAM (sưu-tầm, xếp loại và cập
nhật hóa các Bộ Hình Luật Canh-cải và Hoàng-Việt
Hình-luật) của *NGUYỄN VĂN HẢO*



En préparation :

Recueil d'Etudes sur les Institutions Judiciaires du
Vietnam (Edition trilingue en français, anglais, vietnamien.)

UNIVERSITY OF MICHIGAN LIBRARIES

TỔ-CHỨC TƯ-PHÁP

Bộ Tư-pháp.
VIỆT-NAM. CỘNG-HÒA



BỘ TƯ PHÁP XUẤT BẢN

1962



GrL Bahr
1037558-234
SEAS
1-10-92

Dẫn nhập tổng quát

I

CƠ QUAN TÀI PHÁN TƯ-PHÁP

KHÁI NIỆM MỞ ĐẦU

NHỮNG NGUYÊN TẮC CĂN BẢN

Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 26-10.1956 dành thiên thứ năm cho Tổ-chức Tư-Pháp.

Nhưng ngay trong thiên thứ nhất, điều 4 đã nói rằng: «Hành-
«Pháp, Lập-Pháp, Tư-Pháp có nhiệm-vụ bảo-vệ Tự-Do, Dân-
«chủ, Chính-thể Cộng-Hòa và trật-tự công-cộng.

« Tư-Pháp phải có một quy-chế bảo-đảm tính cách độc-
«lập».

Tuy vậy Tư-Pháp không phải là một quyền riêng biệt mà
gồm chung với quyền Hành-Chính. Điều 72 của Hiến-Pháp
định rằng: « Dưới sự kiểm-soát của Bộ Tư-Pháp. Thẩm-Phán
«Công-Tố trông coi và theo dõi sự áp-dụng luật-pháp, sự tôn-
« trọng đạo-lý và trật-tự công-cộng ».

Tư-pháp được tổ-chức theo hai nguyên-tắc: bình-dẳng của
mọi người trước pháp-luật và độc-lập của Thẩm-Phán xử án
(đ.70 của Hiến-Pháp),

Thẩm-phán xử án quyết-định theo lương tâm mình, trong
sự tôn-trọng luật-pháp và quyền-lợi Quốc-Gia (đ.71 của Hiến
Pháp).

Để bảo-đảm sự độc-lập của Thẩm-Phán xử án, điều 73 của
Hiến-Pháp định rằng « sẽ thiết lập một Thượng-Hội-Đồng
Thẩm-Phán xử án ».

Thượng-Hội-Đồng Thẩm-Phán đã được đạo luật số 6/1961
ngày 15-3-1961 tổ chức và đã được thành lập.

PHÂN BIỆT GIỮA CÁC TÒA ÁN

TÒA-ÁN HÀNH-CHÁNH

Tòa án Tư-Pháp riêng biệt đối với các Tòa án Hành-Chánh, gồm có Tham-Chính-Viện tổ chức bởi Dụ ngày 9-11-1954 và Tòa án Hành-Chánh thiết lập bởi Dụ ngày 5-1-1950.

Các tòa-án này đặt ra để xét xử các vụ tranh tụng giữa tư-nhân và các cơ-quan Hành-Chính, vì Tòa-án Tư-Pháp không thể trái với nguyên-tắc phân-quyền xét xử công việc của các cơ-quan Hành-Chính.

Thẩm-Phán các Tòa án Hành-Chính có quy-chế riêng biệt với quy-chế của Thẩm-Phán Tư-Pháp.

TÒA-ÁN ĐẶC BIỆT ĐIỀN-ĐỊA

Tòa án Đặc Biệt Điền-Địa được dự định bởi điều 26 Dụ số 57 ngày 22-10-1956 và tổ-chức bởi sắc-lệnh ngày 27-10-1957, sửa đổi bởi sắc lệnh ngày 5-12-1958. Chánh Án Tòa-ÁN Điền-Địa là Chánh-ÁN Tòa-ÁN cấp Sơ-Thẩm tư-pháp; nhưng hai phụ-thẩm là công chức hành-chính. Tòa-ÁN Điền-Địa còn có một Ủy-Viên Chính-Phủ «bổ nhiệm làm Công-Tổ Viện» và một thư ký có mặt tại phiên tòa công khai giữ bút lục.

Tòa Án Điền-Địa mà quản hạt gồm một hay nhiều tỉnh xét những vụ vi-phạm và tranh tụng xảy ra khi thi hành Dụ 57 nói trên ngày 22-10-1956.

Án-văn của Tòa-ÁN Điền-Địa đều coi là chung quyết, tuy nhiên muốn có hiệu lực chấp-hành các án văn đó phải được Hội-Đồng Cải-Cách Điền-Địa chấp thuận. Nếu bác bỏ một án văn nào, Hội Đồng sẽ chỉ dẫn một biện pháp hoặc một đường lối và giao cho một Tòa-án Điền-Địa lân cận xét xử lại vụ kiện.

TÒA-ÁN QUÂN-SỰ.

Tòa-ÁN Quân-Sự được tổ chức bởi Bộ Quân-Luật (Dụ số 8 ngày 14-5-1951).

Chánh-ÁN là một Thẩm-Phán tư-pháp. Các Phụ-Thẩm cũng như Ủy-Viên Chính-Phủ và Lục-sự đều là quân-nhân.

Tòa-Án Quân-Sự xử những vụ phạm pháp của các quân-nhân và các sự phạm-pháp chính-trị. Bộ Quân-Luật cũng minh định những trường hợp mà can-phạm thường dân thuộc thẩm quyền Tòa-Án Quân-Sự.

Án của Tòa-Án Quân-Sự chỉ được thượng tố lên Tòa Phá-Án,

TÒA-ÁN BÌNH ĐẶC-BIỆT.

Tòa-Án Quân-Sự trở thành Tòa-Án Bình Đặc-Biệt khi chiếu Dự Số 8 ngày 16-5-1954, nhà chức trách có quyền truy tố theo điều 20 của Bộ Quân-Luật, đưa thẳng ra Tòa-Án Quân-Sự, không cần thẩm-vấn sơ-khởi, tất cả các người bị bắt quả-tang về một trọng-tội hay khinh-tội dự liệu trong Bộ Quân-Luật, mặc dầu việc phạm-pháp có thể đưa đến tội tử-hình.

Án của Tòa-Án Bình Đặc-Biệt không thể chống án hay thượng tố (lên Tòa Phá-Án) .

TÒA-ÁN QUÂN-SỰ TẠI MẶT TRẬN.

Tổ-chức bởi Sắc-Luật số 11/62 ngày 21-5-1962, Tòa-Án Quân-Sự tại Mặt Trận được thiết-lập tại mỗi Vùng Chiến-Thuật.

Chánh-Thẩm, Phụ-thẩm, Ủy-Viên Chính-Phủ và Lục-Sự đều là quân-nhân.

Tòa-Án Quân-Sự tại Mặt Trận xét xử các phạm-pháp quả tang xảy ra suốt thời gian có tình-trạng khẩn-cấp, tại lãnh thổ Vùng Chiến-Thuật.

Với các điều kiện trên, đối với quân-nhân và nhân viên Bảo-An, Tòa-Án Quân-Sự tại Mặt Trận có thẩm-quyền để xử mọi khinh-tội và trọng-tội; đối với các thường dân, Tòa-Án ấy chỉ có thẩm-quyền xét xử các tội xâm-phạm an-ninh Quốc-Gia và các tội mà Bộ Quân-Luật đã minh định rằng can-phạm thường dân cũng thuộc Tòa-Án Quân-Sự.

Thủ tục áp dụng trước Tòa-Án Quân-Sự tại Mặt Trận là thủ tục áp dụng trước Tòa-Án Bình Đặc-Biệt, ấn định bởi Dự số 8 ngày 16-5-1954. Các bị-can bị đưa thẳng ra trước tòa, không cần thẩm-vấn sơ khởi.

Tòa-Án Quân-Sự tại Mặt Trận xử chung-thầm. Mọi phương chức kháng-cáo hay phá án không áp dụng.

TÒA-ÁN QUÂN-SỰ ĐẶC BIỆT

Tòa Án Quân-sự Đặc Biệt được tổ chức bởi luật số 10/59 ngày 6-5-1959, gồm có một Chánh-Thẩm phải có bằng luật-khoa cử-nhân, một Ủy Viên Chính-Phủ, một phụ thẩm—cả ba đều là sĩ-quan từ cấp tá trở lên.

Ngoài ra, còn có một phụ-thẩm hành chính là Đó-Trưởng Thị-Trưởng hay Tỉnh-Trưởng nơi tòa nhóm họp hoặc đại-diện. Lục sự cũng là quân-nhân. Tất cả các nhân-viên đều phải tuyên-thệ bằng bút lục trước Tòa Phá-Án trước khi nhận việc.

Tòa-Án Quân-sự Đặc-Biệt có thẩm-quyền để xử các vụ phá hoại, xâm phạm an-ninh quốc-gia, xâm phạm tài-sản của nhân-dân, các tội gián-diệp và phản-ngịch, các tội lũng-đoạn và phá hoại nền kinh-tế và tài-chính quốc-gia, (đ. 11 luật số 10/59).

Bị can có luật-sư biện hộ.

Tòa-án quân-sự đặc-biệt xử chung-thầm, án-văn không được thượng tố lên Tòa Phá-án.

TÒA ÁN LAO-ĐỘNG.

Tòa-án này được thiết lập bởi Bộ luật Lao-Động (Dụ số 15 ngày 8.7.1952), gồm có một Chánh-Án do một thẩm-phán hòa-giải hay một thẩm phám kiêm chức, hai phụ-thẩm chủ-nhân, hai phụ-thẩm là thợ thuyền hay thuộc-viên và một thư-ký.

Tòa-án lao-động phân-xử các vụ cá-nhân phân tranh xảy ra giữa chủ-nhân và công-nhân trong dịp thi-bành khế ước lao-động.

Các án do Tòa-án lao-động xử về thẩm-quyền hay xử những vụ mà giá-ngạch quá giá-ngạch chung-thầm của Tòa Hòa-Giải có thể kháng-cáo lên Tòa-án sơ-thầm hay Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền.

Những án chung-thầm của Tòa-án lao-động có thể bị

thượng tố lên Tòa Phá-Án vì lý-do lạm-quyền hay vi-luật.

Người ta thường coi Tòa-án lao-động là một tòa-án tư-pháp vì các Tòa-án lao-động hoạt-động dưới quyền kiểm-soát của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp (đ. 251 Bộ Luật Lao-Động) và trong địa phận nào chưa lập Tòa-án Lao-Động thì các vụ phân tranh do tòa-án dân-sự phổ-thông xét-xử (đ. 249 Bộ Luật Lao-Động).

TÒA-ÁN NHÀ PHỐ.

Tòa-án Nhà phố được thiết-lập bởi Điều 29 Dự số 4 ngày mồng 2 tháng 4 năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê hay chiếm ngụ ngay tình nhà để ở hoặc dùng về thủ-công nghệ hay nghề-nghiệp và điều 20 Dự số 17 ngày mồng 3 tháng 6 năm 1953 về khế-uớc thuê nhà làm thương-mại hay kỹ-nghệ.

Thực ra các điều-luật trên muốn dân-dị-hóa thủ-tục và buộc Chánh-Án Tòa Sơ-Thẩm hay Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền nơi tọa-lạc bất động-sản phải xử trong phòng nghị-án.

Những án của Tòa-án Nhà phố cũng có thể kháng-cáo lên Tòa Thượng-Thẩm như án dân-sự của Tòa-án cấp Sơ-Thẩm. Về thượng-tố, các án này cũng theo như thủ-tục định cho các án dân-sự.

Tòa-án Nhà-phố thực ra gồm trong tổ-chức của Tòa-án tư-pháp, chỉ có thủ-tục hơi dân-dị hơn ở cấp sơ-thẩm.

TÒA-ÁN THIẾU-NHI

Luật số 11/58 ngày mồng 3 tháng 7 năm 1958 thiết-lập và tổ-chức Tòa-án Thiếu-nhi. Tòa-án này xét xử các thiếu-nhi dưới 18 tuổi can tội đại-bình hay tiểu-hình.

1) Thành phần tòa-án thiếu-nhi như sau:

a) Cấp Sơ-Thẩm tiểu-hình có một thẩm-phán ngồi ghế Chánh-án.

b) Cấp thượng-thẩm tiểu-hình có một hội - thẩm Tòa

Thượng-Thẩm ngồi ghế Chánh-Án, hai thẩm-phán ngồi ghế phụ-thẩm.

c) Cấp sơ-thẩm đại-hình gồm có Chánh-án Tòa-Án thiếu-nhi ngồi ghế Chánh-Án và 2 phụ-thẩm nhân-dân.

d) Cấp thượng-thẩm đại-hình có 1 hội thẩm Tòa thượng thẩm ngồi ghế Chánh-thẩm và 2 phụ-thẩm nhân-dân.

Các thẩm phán tòa-án thiếu-nhi do Nghị-định Bộ-Trưởng, Tư-Pháp chỉ định.

Công-Tổ Viện vẫn là Công-tổ-Viện trước Tòa tiểu-hình hay đại-hình.

2) Thủ-tục hơi đặc-biệt. Những thủ-tục trực tố hay quả tang chỉ áp dụng như biệt lệ nếu xét có lợi cho bị can. Còn ngoài ra bao giờ cũng phải có cuộc thẩm-vấn sơ-khởi. Mỗi vụ thiếu-nhi phải xử riêng, can phạm các vụ khác không được có mặt trong phiên xử : chỉ được dự phiên tòa các nhân chứng, thân-thuộc của đũa trẻ, luật-sư, đại diện các cơ quan lo về thiếu nhi và những người tòa xét cần phải có mặt. Tòa thiếu-nhi tuyên-án trong phiên nhóm công-khai.

Cấm tường-thuật cuộc tranh-luận trước Tòa-Án thiếu-nhi bằng mọi cách, cấm đăng hình hay tên của bị can thiếu-nhi dù là đề chữ tắt.

3) Nếu xét thiếu-nhi có tội, tòa-án sẽ ra phán quyết có viện dẫn lý-do áp-dụng các biện-pháp sau đây, nhưng không quá ngày mà vị thành-niên đủ 21 tuổi tròn :

1) Giao cho cha mẹ, người giám hộ hay một người đáng tin cậy;

2) Giao cho một hội phước-thiện hay một cơ-quan cứu-tế xã-hội, hay cho lưu-trú trong một trường học ;

3) Giao cho một cơ-quan giáo-hóa đào-luyện nghề-nghiệp hay bảo-dưỡng nhi-đồng hoặc bệnh-viện ;

4) Đưa vào một trại hướng-nghiệp, giáo-huấn kiểm-chế hoặc giáo-huấn trừng-trị.

Ngoài những biện-pháp trên đối với thiếu-nhi trên 13 tuổi, tòa-án có thể tuyên phạt chiều hình luật. Vị-thành-niên 13 tuổi và dưới 13 tuổi không thể bị phạt tù.

Mặc dầu thủ-tục có hơi khác, Tòa-Án thiếu-nhi gồm trong tổ-chức của các Tòa-án tư-pháp.

CÁC TÒA-ÁN TƯ-PHÁP CHÍNH THỨC.

Các Tòa-Án này được tổ-chức bởi Dụ Số 4 ngày 18-10-1949. Chính thức Tòa-án tư-pháp gồm có các Tòa-án sau này :

- 1) Tòa Hòa-Giải
- 2) Tòa-án cấp sơ-thẩm gồm có Tòa Sơ-Thẩm và Tòa Hòa Giải Rộng Quyền.
- 3) Tòa Thượng-Thẩm
- 4) Tòa Phá-Án.

Các tòa trên vừa xử về dân-sự vừa xử về hình-sự.

Xử về hình-sự, Tòa Hòa Giải có tên là Tòa Vi-Cảnh.

Tòa-Án cấp Sơ-Thẩm xử về tiểu-hình lấy tên là Tòa Tiểu hình, xử về Đại hình lấy tên là Ban Sơ-Thẩm Đại-Hình.

Tòa Thượng-Thẩm xử về Tiểu Hình được gọi là Ban Tiểu Hình Tòa Thượng-Thẩm hay Phòng kháng-cáo Tiểu-hình, xử về Đại-Hình được gọi là Ban Đại-Hình Tòa Thượng-Thẩm hay Phòng Kháng-Cáo Đại-Hình.

Tại Việt-Nam, hiện thời các việc Đại-hình xử hai cấp và có thể thượng-tổ lên Tòa Phá-Án.

Trong tổ-chức Tư-Pháp Việt-Nam hiện thời không có Tòa Án Thương Mại riêng biệt gồm có *thẩm-phán thương-gia*. Tòa Án cấp Sơ-Thẩm xét về dân-sự, xử luôn cả việc tranh tụng về thương sự. Trong các tòa-án lớn, một phiên-tòa dành cho các vụ kiện về thương-sự nhưng thành-phần của Tòa vẫn là thành phần của Tòa dân-sự, Công Tố Viên có mặt và không có *thẩm-phán thương-gia*.

CHƯƠNG I

TÒA HÒA-GIẢI

Tòa Hòa-Giải tổ-chức bởi các điều 85, 86 và 87 Dự Số 4 ngày 18-10-1949 được đặt tại các quận, phủ, huyện, đô-thị hay tỉnh-lỵ.

ĐOẠN I.— TỒ-CHỨC

Các Tòa Hòa-Giải được tổ-chức trong phạm-vi các Tòa Sơ Thăm và Hòa Giải Rộng Quyền và được thiết-lập dần dần theo nhu-cầu của cộng-vụ. Sắc-Lệnh thiết-lập mỗi Tòa-Án Hòa-Giải sẽ ấn-định quản-hạt của tòa-án đó.

1) Tại Nam-Phần đã thiết-lập Tòa-Án Hòa-Giải tại Saigon, Sadec, Gò-Công và Bắc-Liên. Tại các nơi chưa thiết-lập Tòa Hòa-Giải, Tòa-Án cấp Sơ-Thăm tại các nơi đó chiều-quyền toàn-thăm thụ-lý và xét-xử luôn cả các việc thuộc thẩm-quyền Tòa Hòa-Giải về hình-sự cũng như về dân-sự.

2) Tại Trung-Phần chỉ có Tòa Hòa-Giải Hội-An (Faifo) thiết lập năm 1950, là một Tòa Hòa-giải tân-lập theo chế-độ của Dự số 4 ngày 18-10-1954. Còn lại, chiều điều 87 của Dự này các Tòa-Án Sơ-Cấp cũ thiết-lập tại mỗi Phủ, Huyện, Châu và thị-xã đều đổi tên là Tòa Hòa-Giải. Các Tòa-Án Sơ-Cấp này không phải là Tòa-Án của Chính-Phủ Nam-Triều dưới thời Pháp thuộc mà là các *Tòa Sơ-Cấp* thiết-lập bởi Nghị-định số 9 ngày 23-4-1947 của Hội-Đồng Chấp-Chánh Lâm Thời Trung Kỳ.

Tại các nơi trước kia không có Tòa Sơ-Cấp mà cũng chưa thiết-lập Tòa Hòa-Giải — đó là trường-hợp của hầu hết các tỉnh-lỵ và của hai Đô-thị Huế và Đà-Nẵng — Các Tòa-Án sơ Thăm hay Hòa-Giải Rộng-Quyền ở các nơi đó thụ lý và xét xử các việc thuộc thẩm quyền của Tòa Hòa-Giải như tại Nam-Phần.

ĐOẠN II.— THÀNH PHẦN

Mỗi Tòa Hòa-Giải thiết-lập sau Dự số 4 ngày 18-10-1949 chiều điều 86 của Dự ấy gồm có một Thẩm-Phán Hòa-Giải và một Lục-sự.

Tại Tòa-Án Hòa-giải không có Công-Tổ-Viện. Nhưng Chức-lý hay biện-lý tòa-án có quyền quản-hạt đối với Tòa-án Hòa-giải có thể gửi đến Tòa Hòa-giải những bản luận-trạng viết về các vụ kiện lưu ý.

Tại Trung-phần, ngoài Tòa Hòa-giải Hội-An được thiết-lập như nói ở trên, trong khi chờ đợi việc bổ dụng các Thẩm-phán Hòa-giải chính thức, thành phần của Tòa-án Sơ-cấp được đổi tên là Tòa-án hòa-giải gồm có Quận-Trưởng Hành-Chính kiêm nhiệm chức vụ Thẩm-phán Hòa-giải và một nhân viên làm công việc của Lục sự.

ĐOẠN III.— THẨM-QUYỀN

Điều 86 Dự số 4 ngày 18-10-1949 định rằng tại Nam-phần, thẩm-quyền của các tòa-án hòa-giải tạm thời được ấn định bởi Nghị-định ngày 7 tháng 3 năm 1924 và các bản văn tu-chính sau này. Còn ở Trung-phần, thẩm-quyền của các Tòa-án hòa-giải là thẩm-quyền của các tòa Sơ-cấp cũ do «luật lệ hiện hành» tại địa phương ấn định. «Luật-lệ hiện-hành» nói ở đây không phải là luật-lệ của Nam triều dưới thời Pháp thuộc mà là các Nghị-định của Hội-Đồng Chấp-Chánh Lâm-thời Trung-kỳ số 9 ngày 23-4-1947 và số 877 ngày 20-11-1947, các Nghị-định này đã được chuẩn nhận bởi Sắc-lệnh của Thủ-tướng Chánh-Phủ Trung Ương Lâm Thời số 129-SG, ngày 27-11-1948.

Mặc dầu các Nghị-định năm 1924 và năm 1947 có nhiều điều sai biệt, thẩm quyền của các Tòa Hòa-giải Nam-phần và các Tòa Hòa-giải Trung-phần có nhiều khoản tương đồng.

1) Về vi-cảnh

Tòa Hòa-giải họp thành Tòa-án vi-cảnh xử các tội phạm vi-cảnh.

Án vi-cảnh có thể là án sơ-thẩm và chung-thẩm hay án sơ-thẩm với quyền kháng-cáo lên Tòa Sơ-thẩm hay Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền.

1) Án Sơ-thẩm và chung-thẩm.

— nếu phạt bạc và bồi thường tổn hại, giá ngạch không

quá 20\$00 $\left(\frac{5f \times 40}{10}\right)$ (tại Nam-phần)

— Nếu tiền phạt và bồi thường tổn hại giá-ngạch không quá 150\$00 (tại Trung-phần).

2) Án sơ-thẩm với quyền kháng-cáo.

— Nếu phạt giam (tại Nam-phần cũng như tại Trung-phần)

— Nếu tiền phạt bạc, tiền bồi hoàn và tiền bồi thường tổn hại trên 20\$00 (tại Nam-phần)

— Nếu phạt bạc nhưng bồi thường tổn hại trên 150\$00 (tại Trung-phần).

2) Về tiểu-hình và đại-hình

Thẩm-Phán Hòa-giải chỉ có quyền hạn về cảnh sát tư pháp

— Khi nào được báo cáo về một việc tiểu hình hay đại-hình, phải trình ngay cho Biện lý Tòa Sơ-thẩm hay Chánh-án: Tòa Hòa giải Rộng-quyền biết và cho dẫn ngay bị can bị bắt quả tang đến các vị thẩm phán ấy ;

— phải điều tra và lập hồ sơ để gửi cho Biện lý hay Chánh Án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền.

— phải điều tra, khám xét, kiểm chứng, nếu có ủy quyền của Biện lý, của Dự thẩm, của Tòa Tiểu-hình, của Tòa kháng cáo Tiểu hình, của Phòng Luận-tội, của Ban Sơ Thẩm Đại hình hay Ban Kháng-cáo Đại-hình ;

— phải chuyển lên Biện lý Tòa Sơ thẩm hay Chánh Án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền các biên bản, đơn cáo giá chay khiếu tố đã nhận được và tờ trình kết quả đầu tiên.

3) Về dân-sự

A. — Các việc thuộc thẩm-quyền của Tòa Án Hòa-Giải

1) Quyền tài phán phi tụng :

— Hòa giải tất cả các việc tương tranh dân-sự và thương-sự bất cứ giá ngạch bao nhiêu,

— Tại Trung-phần, chiêu tập và chủ tọa Hội-đồng Gia-tộc

cùng coi sóc cách tổ-chức việc giám-hộ những người vô tư-cách.

— Tại Nam-phần, Thẩm-phán Hòa-giải có quyền làm[nhiều việc khác như lập chứng chỉ thế vi khai-sinh, hay khai tử niệm phong hay gỡ niệm, lập bản kê khai kế sản vãn vãn...

2.— Quyền tài phán hữu tụng.

a) Tại Trung phần, Thẩm-phán Hòa-giải có thể xử :

— Sơ-thẩm và chung-thẩm các việc sau này mà giá ngạch không quá 150\$: kiện về thương-sự, kiện về dân-sự thuộc động sản hoặc đối nhân, đòi diền hoàn hay bồi thường tổn hại do sự phạm pháp sinh ra mà chưa do Tòa án hình xử đến ;

— Sơ-thẩm với quyền kháng-cáo các việc vừa kể trên mà giá ngạch trên 150\$ và không quá 500\$.

b) Tại Nam-phần, Thẩm-phán Hòa-giải có thể xử :

— Sơ-thẩm và chung-thẩm các tố-quyền đối nhân động-sản mà giá ngạch không quá 150\$00.

— Sơ-thẩm với quyền kháng-cáo các tố-quyền nói trên mà giá ngạch không quá 450\$00 và các tố quyền chấp hữu.

B.— Các việc thuộc quyền của các Tòa-án cấp Sơ-thẩm (Tòa Sơ-thẩm hay Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền.)

— Thẩm-phán Hòa-giải chuyển đệ lên Chánh-án các tòa-án này tất cả các đơn khởi-tố nhận được của nguyên đơn, kèm theo tờ biên-bản hòa-giải bất thành.

— Nếu có lời yêu cầu của Chánh-án có quyền xét xử vụ kiện đó, Thẩm-phán Hòa-giải có thể mở cuộc điều tra kỹ lưỡng về nội-dung vụ kiện.

CHƯƠNG II

TÒA-ÁN CẤP SƠ-THẨM

Đây là tòa án cấp tỉnh, được đặt tại các tỉnh lỵ, thị xã hay đô-thành. Cũng có khi hai hay nhiều tỉnh mới có một tòa án cấp sơ-thẩm mà quản hạt gồm hai hay nhiều tỉnh ấy. Tòa án cấp sơ-thẩm là tên chỉ chung cho hai loại tòa-án tỉnh cùng ở một cấp bậc và thẩm-quyền như nhau, đó là Tòa Sơ-Thẩm và Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền. Chỉ có khác là Tòa Sơ-Thẩm quan hệ hơn và có Biện-lý-cuộc.

ĐOẠN I

TÒA SƠ-THẨM

KHOẢN I.— SỰ TỔ CHỨC

Tòa Sơ-Thẩm được tổ chức bởi Dự 4 số ngày 18-10-1949 (từ điều 40 đến hết điều 81) gồm có một Chánh-Án, một Biện-lý, một Dự-Thẩm và một Chánh-lục-sự có nhiều lục-sự và thư ký giúp việc.

Nếu nhu-cầu công-vụ bắt buộc, Tòa Sơ-Thẩm có thể có thêm một hay nhiều Chánh-Án dự-khuyết, thẩm-phán hay thẩm-phán phụ-khuyết một hay nhiều Dự-Thẩm, một hay nhiều Phó Biện-Lý và Tùy-Viên Công-Tổ-Viện.

I.— CHÁNH-ÁN VÀ CÁC THẨM PHÁN TỌA XỬ

Các Thẩm Phán tọa xử trong Tòa Sơ Thẩm gồm có Chánh Án, các Chánh-Án Dự-khuyết, Thẩm Phán và Dự Thẩm. Trừ Dự-Thẩm có nhiệm-vụ thẩm-cứu, Chánh-Án và các thẩm-phán tọa-xử khác chủ tọa các phiên Tòa và xử án.

Theo nguyên tắc Chánh-Án chủ tọa tất cả các phiên tòa. Tuy nhiên, nếu Tòa có nhiều thẩm phán xử án, Chánh-Án có thể ủy-nhiệm cho các vị này chủ tọa các phiên tòa. Nhưng trong các việc được ủy-nhiệm xét xử, thẩm-phán phụ lục có quyền tự do quyết định theo ý riêng và lương-tâm của mình.

Ngoài quyền hạn thuộc về Tòa Sơ-Thẩm, lại có những quyền hạn chỉ thuộc riêng về Chánh-Án; những quyền hạn này, tại các tỉnh hay đô thị lớn, rất là quan trọng.

Chánh-án là vị chỉ huy trực tiếp của các thẩm-phán tọa xử, phê điểm và đề nghị thăng trật các thẩm phán dưới quyền.

Chánh-Án lại còn có những quyền hạn rất quan hệ mà Chánh Án có thể ủy quyền tất cả hay một phần cho các thẩm-phán xử án dưới quyền, khi công vụ bề bộn bắt buộc.

Đây là những quyền hạn chính: thị thực những giấy trích sao hộ-tịch do Chánh Lục-sự cấp; hòa giải các vụ ly thân; ra lệnh giam giữ các trẻ vị thành niên ngộ nghịch khi cha mẹ chúng thỉnh cầu...

Hai công việc nặng nhất của Chánh Án là ký án lệnh phê đơn và xử cấp thẩm. Án lệnh phê đơn chấp thuận hay bác bỏ đơn của các đương sự xin thi hành những biện pháp tạm thời khẩn thiết nhất là về thủ tục. Sự xét xử các việc cấp thẩm thường chiếm một phiên tòa có khi hai phiên trong một tuần lễ. Đó là cơ-quan tài phán những vụ kiện khẩn-cấp cần phải có một giải-quyết tức thì vì có nguy cấp diện tiền. Chánh-Án chỉ xử về tạm thời mà không có quyền đi sâu vào nội-dung vụ kiện.

II.— BIỆN-LÝ

Ở mỗi Tòa Sơ-Thẩm, chức vụ Công Tố giao cho Biện-lý có Phó Biện-lý và Tùy-Viên Công-Tố-Viện trợ lực nếu cần. Phó Biện lý chỉ hành động với sự ủy quyền công nhiên hay mặc nhiên của Biện-lý. Tùy-viên Công-tố-viện chỉ giúp việc mà không có quyền quyết định.

I.—Quyền hạn của Biện-lý về hình-sự

1) Cảnh sát tư pháp.

Dưới quyền giám-đốc và kiểm-soát của Chương-lý, Biện-Lý có trách nhiệm tầm-nã và truy-tố các tội phạm về đại-hình và tiểu-hình đã xảy ra trong quản-hạt tòa án.

Biện-lý nhận tất cả các đơn thưa, đơn tố-cáo và những vi

phạm đến sự trị-an công cộng hoặc đến tính mệnh, tài-sản của tư nhân, nhận tất cả các biên-bản, phúc trình về các tội phạm, làm lấy hay ra lệnh cho các cơ-quan an-ninh làm những cuộc điều tra bán chính thức để bằng vào đấy mà định danh các tội phạm và xét có nên đưa thẩm-cửu dự bị bởi Dự-Thẩm không.

2) *Phương sách hành sự của Biện-lý.*

Sau khi xem đơn tố cáo hay biên-bản điều tra, Biện lý có thể đình cửu nếu xét không phải là một việc hình hay việc không đáng bị cửu xét. Biện lý sẽ chuyển hồ sơ sang Tòa Vi-Cảnh nếu là một tội vi-cảnh, sang Tòa-án Quân-sự nếu việc thuộc thẩm quyền Tòa này.

Nếu là một tội phạm tiểu hình, Biện-lý có thể đưa bị can ra trước tòa Tiểu-Hình theo thủ tục quả tang hay thủ tục trực tố, nếu đã có đủ bằng chứng và nếu luật pháp không buộc phải thẩm cửu trước đã. Nếu việc phạm pháp tiểu hình « rắc rối hay mờ ám » cần phải điều tra cho đầy đủ, hoặc sự thẩm vấn là bó buộc, Biện lý đưa việc ấy sang phòng Dự-Thẩm để thẩm cửu.

Nếu là một việc đại-hình, sự thẩm-vấn bó buộc, Biện-lý gửi hồ sơ sang Dự-Thẩm để yêu cầu thẩm cửu.

II.— Quyền hạn của Biện-lý về dân sự.

Trong các vụ dân sự, Biện-lý đứng chính tố hoặc đứng phụ tố.

Biện-lý đứng chính tố khi thay mặt cho con cháu để kiện Ông, Bà, cha, mẹ, nếu không có trưởng tộc hay trưởng tộc từ chối hoặc vắng mặt. Theo Luật Gia Đình ngày 2-1-1959, điều 31 và điều 33 Biện lý cũng có thể khởi tố xin tiêu-hôn.

Biện-lý đứng phụ tố trong tất cả các vụ dân sự khác. « Về các việc dân sự Công-Tổ-Viện bao giờ cũng có thể đòi xem bút lục việc kiện » (d. 57 Dự số 4 ngày 18-10-1949) có những việc bó buộc phải thông tri cho Công-Tổ-Viện và Công-Tổ-Viện phải làm kết luận trạng.

Đứng địa vị chính tố, Biện-lý phải làm mọi thủ-tục như

một đương sự và có thể xử dụng các phương pháp thượng cầu (kháng tố, kháng cáo v.v...)

III.— Quyền hạn hành chính của Biện-Lý.

Biện-lý kiểm soát công việc của Phòng Lục-Sự tòa án minh và các phòng Lục sự các Tòa-án Hòa-Giải trong quân bất.

Biện lý cũng có trách nhiệm kiểm soát tất cả các công chứng và công lại và coi sóc cho họ làm tròn chức vụ chuyên nghiệp một cách đúng đắn. Nếu họ phạm lỗi trong lúc làm phận sự Biện lý, sẽ truy tố họ về phương diện kỷ-luật.

III.— DỰ - THẨM

Dự-thẩm chuyên về việc thẩm cứu. Dự-thẩm có thể tự mình thụ lý trực tiếp các vụ phạm pháp quả tang. Ngoài trường hợp này, Dự Thẩm chỉ thụ lý do Biện-lý yêu cầu bằng khởi lệnh trạng hay do đơn khiếu tố của người bị thiệt hại đứng dân sự nguyên-cáo, nhưng đơn khiếu tố của người bị thiệt hại phải chuyển cho Biện lý để lập khởi-lệnh-trạng.

Dự-thẩm nhận được khởi lệnh trạng phải thẩm cứu, nghĩa là phải mở cuộc điều tra, hỏi nhân chứng, truy cứu bị can, hỏi cung bị can mở cuộc giám định, khám nhà các bị can và tông phạm, sưu sách, tịch thu tang vật, ủy thác làm các việc trên tức là làm tất cả mọi công việc do luật định để tìm ra các bằng chứng của sự phạm pháp.

Dự-thẩm cũng có thể tuyên án lệnh từ-thẩm nếu quyền công tố đã tiêu diệt, nếu đã có đại-xá, uy-lực quyết-tụng, vô thẩm-quyền hay nếu các sự-kIỆN không có tính cách hình sự.

Sự thụ-lý của Dự-Thẩm có tính cách đối vật nghĩa là Dự Thẩm thụ lý về các sự kiện. Nếu khởi lệnh trạng buộc tội kẻ vô danh, Dự Thẩm có quyền tìm kiếm và buộc tội tất cả mọi người nghi là thủ phạm hay tông phạm vụ hình thụ lý. Nếu khởi lệnh trạng ghi tên một bị can là thủ phạm, Dự Thẩm có quyền, ngoài người này, truy cứu và buộc tội các thủ-phạm và tông phạm liên can đến sự phạm pháp thụ lý. Theo kết

quả của sự thăm vấn, Dự-Thẩm có thể thay đổi sự định danh tội phạm,

Khi hỏi cung bị can lần đầu, sau khi xác nhận căn cước của bị can, Dự-Thẩm phải cho y biết các sự kiện do đó y bị buộc tội, các điều luật hình về tội ấy. Dự-Thẩm cũng cho y biết và điều này phải ghi vào biên bản rằng y có quyền không trả lời. Dự-Thẩm cũng phải hỏi y xem có muốn Luật-sư không ; nếu không, Dự-Thẩm sẽ cử thẳng cho y một Luật-sư, nếu y thỉnh cầu.

Sau sự hỏi cung lần đầu, bị can có thể gặp Luật-sư của y và mỗi khi hỏi cung y hay đổi chất, phải có một Luật-sư, trừ khi y từ khước.

Mỗi khi hỏi cung bị can, Dự-Thẩm phải báo cho Luật-sư của y biết 24 giờ trước. Luật-sư có quyền xem hồ sơ trước khi bị can bị hỏi cung.

Để thi hành nhiệm vụ, Dự-Thẩm có quyền hạ trát nghĩa là hạ lệnh làm giảm bớt nhiều hay ít sự tự do của một bị can.

Các trát này gồm có bốn thứ :

a) Trát đòi và trát dẫn giải cốt để cho bị can phải đến trước mặt Dự-Thẩm để thăm-vấn,

b) Trát tạm giam và trát nã cốt để tạm giam bị can cho y không thể trốn tránh được.

Sự tạm giam hay giam cứu là tạm thời giam bị can vào khám đường trong một phần hay trong tất cả thời gian của sự thăm cứu dự bị và sau khi sự thăm cứu kết liễu tới khi có án nhất định.

Sự giam cứu có thể kết thúc bằng ba cách :

1) Sự phóng thích do luật năm ngày sau khi giam nếu bị can chỉ có thể bị phạt tối đa dưới 2 năm, nếu y có nơi cư trú và chưa hề bị phạt về đại-hình hay bị phạt hơn 3 tháng tù giam về tội tiểu hình thường phạm,

2) Sự giải hiệu trát giam khi Dự-Thẩm và Biện-Lý cùng đồng ý để thu hồi trát tổng giam hay trát nã.

3) Sự tạm tha theo đơn xin của bị-can — Dự-Thẩm nhận được đơn, thông tri đơn ấy cho Biện-lý rồi quyết-định bằng một án-lệnh cho tạm tha hay bác đơn. Dự-Thẩm có thể quyết định trái với kết-luận của Biện-lý.

Khi cho rằng cuộc thẩm cứu đã kết thúc, Dự-Thẩm sẽ tuyên một án lệnh « xét rằng thủ tục đã đầy đủ » và thông tư hồ sơ cho Biện-lý. Án-lệnh này cũng phải thông tư cho Luật-sư của bị can và cho dân sự nguyên cáo. Luật-sư của bị can và Luật-sư của dân sự nguyên-cáo có thể coi hồ sơ và nộp biện-minh-trạng.

Nếu thấy thủ-tục còn khuyết-diểm, Biện-lý có thể yêu cầu Dự-thẩm điều tra thêm. Nếu thủ tục đã đầy đủ, sau khi xét hồ sơ, Biện-lý sẽ lập quyết tố trạng yêu cầu Dự-Thẩm hoặc miễn tố hoặc đưa nội vụ ra trước Tòa có thẩm-quyền.

Dự-Thẩm không bó buộc phải theo lời thỉnh cầu của Biện lý.

Dự-Thẩm kết thúc công việc thẩm cứu bằng án lệnh tạm đình cứu nếu chưa bắt được can-phạm hoặc chưa có đủ tài liệu, bằng án-lệnh vô thẩm-quyền hoặc án lệnh chuyển giao giải bị can sang tòa-án có thẩm quyền để xét xử, sang Tòa Vi-cảnh hay Tòa Tiểu-hình nếu là tội vi-cảnh hay tội tiểu-hình, lên Phòng Luận-Tội Tòa Thượng-Thẩm nếu là tội đại-hình.

Biện-lý và bị can có quyền kháng-cáo lên Phòng Luận-tội tất cả các án lệnh của Dự-Thẩm — Dân sự nguyên cáo có thể kháng-cáo những án-lệnh làm thiệt hại đến quyền lợi dân sự của họ. Thời hạn kháng cáo là hai ngày kể từ ngày tổng đạt hay báo thị án lệnh, sự tổng đạt hay báo thị này phải thi hành ngay trong 24 giờ sau khi làm án-lệnh. Thời hạn kháng cáo của Biện-Lý là 24 giờ kể từ ngày ra án lệnh.

Trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chương-lý phải làm tờ trình trước Phòng Luận-Tội. Bị can và dân sự nguyên cáo trong thời gian đó có thể nộp biện minh trạng. Bị can bị giam cứu sẽ bị giữ ở lao-thất cho đến khi xử xong việc kháng cáo và trong tất cả mọi trường hợp cho đến khi hết hạn kháng-cáo.

KHOẢN II.— SỰ ĐIỀU HÀNH

I.— Phiên tòa công khai

Khi Tòa Sơ-Thẩm họp phiên công khai, ghế Chánh-án do Chánh-Án hay một Thẩm-phán xử-án ngồi, ghế Biện-lý do Biện-lý hay một phó Biện-lý ngồi, ghế Lục-sự do Chánh Lục-sự hay một lục sự ngồi.

Chánh-Án hay Thẩm-phán thay thế có quyền cảnh ngự phiên tòa tức là quyền giữ trật tự trong phiên tòa. Người tới dự phiên tòa phải giữ lễ độ. Ai làm rối trật tự, mà không chịu ra khỏi phòng, mặc dầu đã có lệnh, sẽ bị bắt giam 24 giờ theo lệnh của Chánh-Án.

Nếu tội phạm xảy ra trong phiên tòa, Tòa Sơ-Thẩm, mặc dầu là đang xử về việc dân sự, có thể điều tra tại chỗ và xử ngay, nếu là tội vi-cảnh hay tội tiểu-hình. Bị can có quyền kháng cáo và thượng tố theo luật.

Nếu là tội phạm đại hình hay tội phạm tiểu hình mà sự thẩm cứu là bó buộc, sau khi lập biên bản, Tòa Sơ-Thẩm sẽ giao nội-vụ cho Biện-lý để làm khởi tố trạng đưa sang Dự Thẩm thẩm cứu.

II.— Đại hội đồng

Tất cả các Phòng của Tòa Sơ-Thẩm có thể họp thành *đại hội đồng* và họp kín không phải là để xử một vụ nào nhưng là để định liệu các công việc hành chính nội bộ như định ngày giờ các phiên tòa, hay cho ý kiến về một dự án luật.

Công tố viện có quyền dự họp nhưng không được quyền bỏ thăm.

III.— Phòng Thẩm-nghị hay Phòng Nghị-xử

Chữ *Phòng thẩm-nghị* có hai nghĩa :

1) Phòng nơi mà tòa án lui vào để xét kỹ một việc quan trọng trước khi lên án,

2) Cơ quan tài phán họp trong phòng thẩm nghị trong trường hợp luật định. Tòa xử trong Phòng Thẩm-Nghị gồm có

Chánh Án, Biện lý và Lục sự.

Về phi tụng, Tòa sơ-thẩm dân-sự họp trong *Phòng nghị-xử* để phê chuẩn kế ước lập con nuôi (đ. 122 Luật Gia Đình).

Về hữu tụng, Tòa sơ thẩm dân sự họp trong *Phòng Thẩm Nghị* để xử các vụ về nhà phố (đ. 30 Dự số 4 ngày 2-4-1953 và đ. 20 Dự số 17 ngày 3-6-1953)

Án xử trong Phòng Thẩm Nghị có thể bị kháng cáo.

KHOẢN III.— TÒA SƠ-THẨM DÂN-SỰ — THẨM-QUYỀN

Người ta thường chia các tòa án ra tòa-án phổ thông và tòa-án đặc thẩm. Tòa Sơ Thẩm, Tòa Hòa Giải Rộng Quyền, Tòa Thượng Thẩm là tòa án phổ thông. Tòa Hòa-Giải, Tòa Phá-Án là tòa-án đặc thẩm.

Các tòa-án phổ thông có quyền toàn thẩm. Trái lại các tòa-án đặc thẩm chỉ có một thẩm quyền chính-xác giới-hạn.

Các tòa án phổ thông còn chia ra làm tòa dưới hay tòa án cấp sơ-thẩm và tòa trên hay Tòa Thượng-Thẩm.

Tòa Sơ Thẩm là Tòa án phổ thông xử tất cả các việc dân sự nghĩa là khi các việc đó không phải là việc hình hay việc hành-chính. Chỉ thoát ra ngoài thẩm-quyền của tòa Sơ-thẩm những việc dân-sự do luật-pháp giao cho Tòa-án Hòa-Giải và Tòa-án Lao-động. Vì không có Tòa-án thương-mại như trên đã xét, Tòa Sơ-Thẩm xét luôn cả việc thương-mại. Tổ quyền về dân sự, nếu đem thi hành riêng biệt với tổ quyền hình sự cũng thuộc thẩm quyền tòa sơ thẩm ; nhưng theo tục đạo «Hình hoãn hộ» sự thi hành tổ quyền dân sự tạm đình tới khi tổ quyền về hình sự đã có kết quả nhất định.

I.— Quyền hạn về Sơ-Thẩm

Giá ngạch về thẩm quyền của Tòa án Sơ-Thẩm (hay Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền) hơi sai biệt giữa các Tòa-án tại Nam-Phần và các Tòa án tại Trung Phần.

A — Tại Nam-Phần. Nghị-dịnh ngày 16-3-1910 về thủ tục dân sự vẫn còn áp dụng, nên giá ngạch ấy vẫn do Sắc lệnh

ngày 27-12-1943 sửa đổi lại điều I Nghị định nói trên chi phối và quy định như sau :

1) sơ-thẩm và chung-thẩm.

a) tố-quyền đối nhân động sản tới 750\$ hay 750 gia lúa tính vốn (mỗi gia nặng 20 kilô)

b) tố-quyền bất động sản tới 20\$00 tiền lợi-tức hay 40 gia lúa địa-tô đồng niên.

2) sơ-thẩm với quyền kháng-cáo, tất cả các tố-quyền khác

B.— Tại Trung-Phẩm giá ngạch ấy do Nghị-định số 877 ngày 20-11-1947 của Hội-Đồng Chấp-Chánh Lâm-Thời quy-định như sau :

1) sơ-thẩm và chung-thẩm:

a) Các việc kiện sau này mà giá ngạch từ trên 500\$00 đến 1500\$: kiện về thương sự, kiện về dân sự thuộc động-sản hoặc đối nhân, đòi đền hoàn hay bồi thường tổn hại do sự phạm pháp sinh ra mà chưa do Tòa-án hình xử đến.

b) Các việc kiện thuộc về bất động-sản mà giá ngạch định theo lợi tức đồng niên không quá 150\$.

2) sơ-thẩm với quyền kháng-cáo :

a) Tất cả các vụ kiện về thương sự, dân sự thuộc động-sản hoặc đối nhân, đòi đền hoàn hay bồi thường ghi ở trên mà giá ngạch trên 1.500\$00 hoặc giá ngạch không định rõ là bao nhiêu.

b) Các việc kiện thuộc về sự khánh tận ;

c) Các việc kiện về bất-động-sản mà giá ngạch trên 1500\$ hoặc giá ngạch không định rõ được là bao nhiêu.

d) Các việc kiện về công-sản, nhân-thế, căn-cước của người ta hoặc các việc thuộc về thừa tự.

II.— Quyền hạn về kháng-cáo.

Tòa Sơ-Thẩm là tòa kháng cáo đối với các án của Tòa Hòa-Giải và của Tòa-án Lao-động. Điều 249 của Bộ Luật Lao-động định rằng : «trong địa-phận nào chưa lập tòa-án lao-động,

các vụ phân tranh sẽ đưa ra tòa-án dân-sự phổ-thông xét xử. Trong trường hợp này, Tòa Sơ Thăm xử thay cho Tòa-án Lao-Động và Tòa kháng-cáo lao-động lại là Tòa Thượng-Thăm.

KHOẢN IV.— TÒA TIỀU-HÌNH

I.— Tổ chức.

Tòa án cấp sơ-thăm xử về tiểu hình là Tòa Tiểu hình gồm có Chánh-Án hay một Thăm-phán chủ tọa để xét xử, Biện-lý hay một phó Biện-lý ngồi ghế Công-Tố-Viện để buộc tội và một lục sự giữ bút lục.

Bị can và dân sự nguyên cáo có thể mượn luật-sư biện hộ.

Điều 45 Dự số 4 ngày 18 - 10 - 1949 định rằng công việc xử án và công việc thăm cứu phải giao cho hai cơ-quan riêng biệt đảm nhiệm. Đó là nguyên tắc. Tuy nhiên, trong trường hợp vì nhu cầu công vụ, Tổng-Trưởng Tư-Pháp chiếu lời đề nghị của Chánh-Nhất có thể cho phép Chánh Án đặc biệt ủy nhiệm cho Dự-Thăm chủ tọa các phiên tòa tiểu hình, dù rằng những việc đem ra xét xử đã do vị Dự-Thăm ấy thăm cứu rồi.

Một thăm phán công-tố-viện, sau này được cử giữ chức thăm phán ngồi xử, không thể xét xử vụ tiểu hình trước kia chính mình truy tố.

Trái lại, một Thăm phán tọa xử đã xét một việc tiểu-hình sau này được cử làm Thăm phán công tố vẫn có thể ngồi ghế buộc tội. Các thể lệ về việc cảnh ngữ phiên tòa dân-sự được áp dụng trước Tòa Tiểu-Hình.

II. — Thăm-quyền.

Nói chung, Tòa tiểu-hình có thăm-quyền để xử tất cả những tội phạm tiểu-hình.

Tuy vậy, các tội phạm tiểu-hình liên hệ với các tội phạm đại hình, đều do Tòa Đại Hình xử luôn cả. Các tội phạm tiểu hình xảy ra trước phiên Tòa dân-sự do Tòa dân-sự xét xử như ta thấy ở trên.

Có những tội phạm tiểu-hình dành cho các Tòa-án đặc

thẩm như Tòa-án quân-sự.

Đối với các thiếu nhi thuộc thẩm-quyền Tòa án thiếu nhi, Tòa Tiểu hình cũng không có thẩm-quyền.

Tòa Tiểu Hình trái lại có quyền xét xử về tố quyền dân sự đòi bồi thường thiệt hại gây ra bởi một tội phạm tiểu hình đem ra truy tố trước Tòa Tiểu-hình. Tòa này có thẩm quyền để xét đơn xin bồi thường bất kỳ lời số tiền nào.

Tòa Tiểu-Hình cũng có thẩm quyền để xét xử về việc kháng cáo các án vi-cảnh.

Tòa Tiểu-Hình có thể áp dụng mọi biện pháp để thấu hiểu việc đem ra xét xử như điều tra thêm, giám-định, khám xét trường sở.

KHOẢN V.— TÒA SƠ THẨM ĐẠI-HÌNH

Dụ số 4 ngày 18-10-1949 về tổ chức tư-pháp dự định việc xét xử các tội phạm đại-hình bằng hai cấp tòa-án cũng như các tội phạm tiểu hình « Ban đại hình tòa Sơ-Thẩm hay Hòa-giải Rộng-Quyền sẽ sơ thẩm các việc đại-hình. Quyền xét xử việc kháng cáo các bản án đại-hình do các tòa-án nói trên tuyên xử sẽ thuộc về ban đại-hình của Phòng Nhì Tòa Thượng-Thẩm » (đ 88).

I.— Tổ-chức :

Ban đại hình tòa-án cấp tỉnh gồm có :

- Một Chánh-Án
- Hai Thẩm phán phụ thẩm (đ 88)
- Công-lỗ-viện để buộc tội
- Lục sự để ghi chép và giữ bút lục.

Tòa Sơ-Thẩm Đại-Hình không có phụ thẩm nhân dân như Ban Đại-Hình của Tòa Thượng-Thẩm (Tòa Kháng cáo đại hình) sẽ xét sau này.

Chánh-Án là Chánh-Án Tòa Sơ-Thẩm hay Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền sở tại.

Hai Thẩm Phán phụ thẩm sẽ do Chánh-Nhất Tòa Thượng

Thẩm địa phương sở quan cử bằng định lệnh trong số các Thẩm Phán Hòa-Giải ở gần trụ sở của Tòa Án sở quan, hay trong số các thẩm phán Tòa-án cấp sơ-thẩm gần nhất.

Các thẩm-phán phụ-thẩm này cũng có thể là các viên chức thuộc ngạch hành chính ở gần trụ-sở Tòa-án sở-quan nhất, do Chủơng-Lý và Chánh-Nhất, sau khi thỏa hiệp với Đại-Biểu Chính - Phủ đề nghị lên Tổng - Trưởng Tư-Pháp đề cử.

Tại Tòa Sơ-Thẩm Biện-Lý hay một thẩm phán do Chủơng Lý đặc cử ngồi ghế Công tố Viện.

Tại Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền, Chủơng-Lý sẽ cử một thẩm phán đề buộc tội.

Theo nguyên tắc, trong các phiên tòa xử đại-hình sự hiện diện của Công tố viện sẽ bắt buộc và Chánh Án hay Thẩm phán nào đã thẩm cứu một việc đại hình rồi sẽ không thể dự vào việc xét xử việc đó. Nhưng tạm thời theo Dự số 1 ngày 4-1-1951 hai nguyên tắc trên không bắt buộc.

Như vậy hiện thời tại các tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền xử sơ thẩm đại hình, có thể không có Công Tố Viện.

II.— Điều Hành

Các Tòa Sơ-Thẩm Đại Hình, cứ hai tháng họp xử một kỳ. Nếu cần có thể mở kỳ họp bất thường. Chủơng-Lý Giám-Đốc Sở Tư-Pháp sẽ ra quyết nghị nói rõ lý do về việc này và phải cáo tri Tổng-Trưởng Tư-Pháp rõ. Chánh Nhất Tòa Thượng Thẩm sẽ ấn định ngày khai mạc kỳ họp về đại hình của mỗi Tòa án cấp Sơ Thẩm trong quận hạt mình và cử các Thẩm-Phán phụ-thẩm.

Các Thẩm Phán xử sơ thẩm đại-hình sẽ quyết định theo đa số về tất cả các khoản liên quan tới tội trạng của bị cáo, các trường hợp tăng hay giảm tội, về việc áp dụng hình phạt và về các khoản đòi bồi thường.

ĐOẠN II

TÒA HÒA-GIẢI RỘNG-QUYỀN

Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền là một tòa-án cấp sơ thẩm tức là tòa-án cấp tỉnh đặt tại các tỉnh lỵ như Tòa Sơ-Thẩm. Chỉ có khác là không quan hệ bằng Tòa Sơ-Thẩm và không có Biện lý.

I.— Tổ chức

Tại mỗi Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền có một Chánh-Án và nhiều khi một Thẩm Phán để giúp việc.

1.— Sự vắng mặt của Công-Tố-Viện — Hậu quả.

— Về dân sự, tại Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền, quyền đứng chính tố trong các trường hợp luật-định dành cho Chương-lý Tòa Thượng-Thẩm địa-phương sở-quan. Vị này gửi đơn hay luận-trạng viết. Nếu xét cần Chương-lý có thể ủy cho một thẩm phán trong quân hạt đến Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền để thi hành nhiệm-vụ của Công-Tố-Viện. Về các việc dân sự mà luật chỉ buộc phải thông-tri cho Công-Tố-Viện Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền xử ngay không cần phải Công-Tố-Viện chứng kiến.

— Về hình sự, Chương lý có quyền đòi xem hồ sơ các vụ đại hình đang điều tra tại Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền và làm các công việc mà Công-Tố-Viện tại Tòa sơ-thẩm có thể làm được.

2.— Chánh-Án và Dự-Thẩm.

a) Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền chỉ có một mình Chánh-Án.

Công việc truy-tố, thẩm cứu và xử án đều giao cho một vị Thẩm Phán ; nguyên tắc biệt lập giữa 3 chức vụ nói trên không áp dụng được.

Để cho Chánh-Án dễ kiểm soát công việc, Thông-tư ngày 24-12-1949 của Tổng Trưởng Bộ Tư-Pháp buộc phải tổ chức ba phòng giấy có nhân viên và sổ sách riêng vì mỗi phòng có công việc riêng biệt : một Phòng Công-Tố, một Phòng Dự-Thẩm và một Phòng Lục sự.

b) Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền có hai Thẩm-phán : một Chánh-Án và một Thẩm-phán phụ lực.

Chánh-Án có thể ủy cho Thẩm-Phán cộng sự chủ tọa các phiên tòa tiểu-hình hoặc giữ công việc thẩm-cứu.

Khi chủ tọa phiên tòa tiểu hình, Thẩm-Phán được ủy nhiệm có toàn quyền xử đoán theo đúng luật pháp và lương tri của mình.

Khi thẩm-cứu, Thẩm-Phán được ủy-nhiệm có đủ quyền hành như một Dự-Thẩm Tòa Sơ-Thẩm.

Tuy nhiên Thẩm-Phán phụ lục chỉ hoạt động với ủy-nhiệm của Chánh Án Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền, nên vị này có thể giữ lại để chính mình thẩm-cứu những vụ đặc-biệt quan-trọng.

Đối với những vụ án đã chuyển giao cho Thẩm-Phán phụ lục thẩm cứu, Chánh Án Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền còn có quyền bất cứ lúc nào, giữa cuộc thẩm cứu, cũng có thể lấy lại hồ sơ để tự mình tiếp-tục sự thẩm-vấn và làm tất cả các thủ-tục tố-tụng nếu xét là cần thiết (Thông tư ngày 24-12-1949 nói ở trên).

II.— Điều hành và thẩm quyền

Sự điều hành của Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền hơi khác đối với Tòa Sơ-Thẩm. Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền cũng họp những phiên công khai và xử trong Phòng Thẩm-Nghị như Tòa Sơ-Thẩm nhưng ghế Công-Tổ-Viện bỏ trống, trừ phi khi Chương-lý xét Công-Tổ-Viện cần phải kết luận miệng tại Tòa, thì cử một Phó Biện-Lý ở nơi khác tới để ngồi ghế Công-Tổ-Viện. Chánh-Án có quyền cảnh ngự phiên tòa.

Khi xử về đại hình, Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền cũng tổ-chức và điều hành giống như Tòa Sơ-Thẩm vì theo nguyên tắc sự hiện diện của Công-Tổ-Viện bó buộc.

Tuy vậy, hiện thời theo dụ số 1 ngày 4-1-1951 sự hiện diện của Công-Tổ-Viện tại các phiên Tòa Sơ-Thẩm Đại-hình cũng không bó buộc, nên tại các Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền ghế Công-Tổ-Viện vẫn bỏ trống trong các phiên xử về đại hình.

Khi Tòa Hòa Giải Rộng Quyền xử về dân sự hay xử về tiểu hình, thẩm quyền giống như thẩm quyền của Tòa Sơ-Thẩm đã xét ở trên.

CHƯƠNG III

TÒA THƯỢNG-THẨM

Tòa Thượng-Thẩm là Tòa án cấp Phấn. Hiện thời có một Tòa Thượng-Thẩm tại Saigon và một Tòa Thượng-Thẩm tại Huế.

ĐOẠN I.— TỒ-CHỨC

Tòa Thượng - Thẩm được tổ chức bởi Dự số 4 ngày 18-10-1949.

Mỗi Tòa Thượng-Thẩm có một Chánh Nhất, một hay hai Chánh-Án Phòng và nhiều Hội-Thẩm.

Chức-vụ Công-tố do Chủơng-lý đảm nhiệm và tùy theo nhu cầu công vụ có một hay hai Phó Chủơng-lý, một hay nhiều Thẩm-lý và Tùy Viên Công-Tố-Viện phụ lục.

Phòng Lục-sự do một Chánh-Lục-Sự điều-khiển cùng một số lục-sự và thư-ký giúp việc.

I.— Chánh nhất

Chánh-Nhất là vị chỉ huy của tất cả các Thẩm-phán tọa xử, không những tại Tòa Thượng-Thẩm mà tại tất cả các tòa án trong quân hạt nữa.

Chánh-Nhất có quyền sát ngữ, đề nghị bổ nhiệm, thuyên chuyển hay thăng thưởng các vị thẩm-phán cũng như có quyền đề nghị trừng phạt theo kỷ-luật và luật-lệ nếu các vị thẩm phán ấy phạm lỗi.

Chánh-Nhất cũng có quyền luân chuyển điều động các thẩm phán không những tại Tòa Thượng-Thẩm mà tại tất cả các Tòa-án trong quân hạt.

Bắt đầu mỗi lục cá nguyệt sau khi hỏi ý kiến Chánh-Án-Pông và Hội-Thẩm cao niên nhất cùng Chủơng-lý, Chánh-Nhất lập bản luân chuyển các Hội-Thẩm trong các phòng của Tòa Thượng-Thẩm và phân chia việc chủ tọa các phòng ấy với Chánh-Án-Pông.

Trong kỳ lục cá nguyệt, nếu Phòng nào khuyết một nhân viên vì mệnh một, đau yếu hay nghỉ phép, Chánh-Nhất sau khi hỏi ý kiến Chánh-Án-Phòng sẽ quyết định bằng cách cử một Hội-Thẩm hay một Thẩm-Phán tại các Tòa-Án cấp Sơ-Thẩm để điền vào chỗ khuyết đó.

Trong toàn thể quản hạt mình, Chánh-Nhất có thể cử một thẩm phán xử án để tạm thời giữ các chức vụ xử án hay quyền nhiếp chức vụ đó tại Tòa Thượng Thẩm hay Tòa Án tỉnh. Nếu không có tính cách tạm thời sự chuyển chuyển phải được Tổng-Trưởng Tư-Pháp chuẩn y trước.

Nếu muốn cử một Thẩm-Phán xử án để quyền nhiếp chức vụ Công Tố trong một Tòa-Án quản hạt hay một chức-vụ không phải là chức vụ Tư-Pháp như đi công cán phải có ý kiến hay đề cử của Chánh-Nhất.

Chánh-Nhất còn phải chính mình, hay phái các vị Thẩm-Phán Tòa Thượng-Thẩm, đi khám các tòa án trong quản hạt hoặc có kỳ hạn nhất định hoặc khám bất thần để kiểm soát sự tiến hành của công việc tư pháp. Mỗi lần đi khám phải gửi tờ trình cho Bộ Tư-Pháp. Mỗi khi một thẩm-phán xử án hoặc một Thẩm-phán Công Tố Viện bị khiếu nại, Chánh-Nhất sẽ chính mình hoặc ủy nhiệm cho Chánh-Án Phòng hay cho một Hội-Thẩm mở cuộc điều tra. Nếu là một Thẩm-phán Công Tố Viện, cuộc điều tra sẽ tiến hành dưới quyền chỉ huy của Chương lý hay vị đại diện của Chương-lý là Phó Chương lý hay Thẩm lý. Thẩm phán được ủy nhiệm mở cuộc điều tra sẽ làm báo cáo về kết quả công việc đã làm; báo cáo này sẽ do Chánh-Nhất hay Chương-lý chuyển lên Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp kèm theo ý kiến có nên trừng phạt thẩm-phán can cứu về phương diện kỷ-luật hay không.

II.— Chương lý

1) Chương lý, Giám Đốc sở Tư-Pháp

Trong quản hạt mỗi Tòa Thượng-Thẩm, Chương-Lý giữ chức Giám-Đốc Sở Tư-Pháp. Chương lý được Tổng-Trưởng Bộ Tư Pháp ủy nhiệm việc tư pháp hành chánh trong quản hạt mình.

Chương-lý phát biểu ý kiến về tất cả các việc bổ nhiệm, chuyển các Thẩm-Phán Công-Tổ-Viện, đề nghị việc bổ nhiệm các lục sự và tất cả nhân viên Sở Tư-Pháp, cho sát ngữ phiếu diêm và đề nghị thăng thưởng các Thẩm-Phán Công Tổ và các lục sự và nhân viên nói trên,

Về công việc của Sở Tư-Pháp, Chương-lý xin huấn lệnh tổng quát của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp, chỉ huy việc thi hành các huấn lệnh đó, chiếu theo các chỉ dụ, sắc-lệnh hay nghị định và phải báo cáo cho Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp tất cả hành động về công việc hành-chính tư-pháp và kết quả của hành động đó. Chỉ riêng Chương lý là có quyền giao thiệp với Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp và tiếp nhận hoặc chuyển giao các mệnh lệnh thuộc về Sở Tư-Pháp.

Chỉ riêng Chương lý là có quyền giao thiệp với các chức trách địa phương để thi hành nhiệm vụ.

2) Chương-lý chỉ huy Công-tổ-viện

Những công việc giao cho Chương-lý Giám-Đốc Sở Tư-Pháp là những công việc hành chính do Tổng Trưởng Bộ Tư-Pháp ủy nhiệm cho Chương lý.

Công việc chính của Chương-lý là công việc chỉ huy Công-Tổ-Viện.

Ở mỗi Tòa Thượng-Thẩm tất cả quyền công-tổ đều trao cho một mình Chương-lý. Phó Chương-lý và Thẩm-lý chỉ dự vào việc thi-hành quyền công tổ khi nào được Chương-lý ủy quyền. Chương-Lý có quyền đích thân phát biểu ý kiến tại các phiên tòa long trọng và các phiên tòa đại-hình. Nhưng tại các phiên tòa thường, Chương-lý thường ủy quyền cho Phó Chương lý và Thẩm-lý thay mặt. Tuy vậy Chương-lý bất cứ lúc nào trong vụ án cũng có thể tự mình gửi luận trạng viết. Chương lý phân chia công việc ở các Phòng Tòa Thượng-Thẩm cho Phó Chương-lý và Thẩm-lý. Phó Chương-lý thường thay mặt Chương lý tại các phiên tòa xử về dân-sự, hay về đại-hình. Thẩm-lý phần nhiều được ủy nhiệm xét và thảo các biên bản về việc luận tội, thảo các cáo trạng và trợ lực Chương-lý về tất cả công

việc nội bộ. Phó Chương lý và Thẩm lý cũng thường được ủy nhiệm đứng buộc tội tại các phiên tòa xử các việc tiểu hình.

Phó Chương lý và Thẩm lý phải báo cáo cho Chương-lý biết những lời kết luận của mình đối với các vụ quan trọng và khó khăn hay đối với các vụ mà Chương-Lý muốn biết rõ.

Chương-lý cũng có quyền tổng kiểm soát các công việc của Công-Tổ-Viện tại các tòa-án cấp sơ-thẩm thuộc quân hạt.

Dưới quyền giám đốc và kiểm soát của Chương lý, Biện lý các tòa sơ thẩm và Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền có trách nhiệm làm nã và truy tố các tội phạm về đại-hình và tiểu-hình xảy ra trong quân hạt tòa-án.

Đối với các vụ liên quan đến Chính-phủ, khi nhận được lời yêu cầu của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp, Chương-lý sẽ tuân theo các huấn lệnh mà làm các giấy tờ cần thiết để chuyển giao các việc đó sang tòa-án có thẩm quyền.

Chương-lý cũng có quyền kiểm-soát sự tiến hành công việc thẩm cứu các việc hình tại các tòa-án trong quân-hạt. Đối với các Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền Chương-lý có quyền đòi xem hồ sơ các vụ đại-hình đang thẩm cứu và làm các công việc mà Công-Tổ-Viện tại các Tòa Sơ-thẩm có thể làm được. Chương lý có thể kháng cáo tất cả án lệnh của Dự-thẩm lên Phòng Luận-tội.

Đối với các Tòa Án Hòa-giải trong quân-hạt mình, Chương lý có thể gửi đến những lời kết luận viết về các vụ kiện được lưu ý ; Chương lý lập các hồ sơ án-xá, án-giảm, xin tạm tha có điều-kiện, phê ý kiến rồi gửi lên Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp.

Về dân sự, Công-tổ-viện hành động hoặc bằng cách xử dụng tố quyền hoặc bằng cách đệ luận trạng dưới sự điều khiển của Chương-lý. Tại các Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền trong quân-hạt Chương-lý đứng chính tố vì không có Công tố viện tại chỗ.

Nếu cần Chương lý có thể ủy cho một thẩm-phán trong quân hạt đến Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền sở quan để thi hành nhiệm vụ Công-tổ-viện.

Trong quân-hạt mình, Chương lý có quyền cử một Thẩm-phán Công-tổ-viện một tòa án tỉnh để thay thế cho một Thẩm-

phán cũng ở Công tố viện tại một Tòa-án cấp Sơ-Thẩm khác hay tại Tòa Thượng-Thẩm khi vị này mắc bận hay nghỉ phép.

Mọi sự chuyển chuyển này chỉ là tạm thời và phải thông tri cho Chánh-nhất biết và phải trình Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp. Chỉ có Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp mới có quyền ký nghị-định bổ-nhiệm và chuyển chuyển một cách vĩnh-viễn tất cả nhân viên ở các Tòa Thượng-thẩm và Sơ-thẩm : Thẩm-phán, Lục-sự, Thư-ký, Thông ngôn, viên chức ngạch dưới. Riêng đối với các Thẩm-phán xử-án phải có sự đồng ý của Thượng Hội đồng Thẩm phán (đ.18 luật số 6/61 ngày 15-3-1961).

Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp có quyền đòi Chương-ly phải tường trình sự tiến hành tất cả mọi công việc và ra huấn lệnh cho Chương-ly và tất cả nhân viên ở Công-tố-Viện về cách thức giải quyết các công việc đó. Chương lý phải báo cáo cho Tổng Trưởng Bộ Tư-pháp tất cả mọi việc quan trọng nếu không sẽ chịu trách nhiệm.

Trong phạm-vi thẩm quyền của mình Chương-ly trông nom việc thi hành các đạo-luật, chỉ-dụ, sắc-lệnh và quy-tắc hiện-hành. Chương-ly có quyền cho thi hành các bản án hình-sự hay dân-sự về các điều khoản liên-quan đến trật-tự chung.

Chương-ly có quyền thôi-triệu binh lực chiếu theo luật định.

Chương-Lý có quyền giám đốc tất cả các phụ trách cảnh-sát tư-pháp, và giám đốc các công lại, công-chứng trong quân hạt. Chương-Lý phải báo cáo lên Tổng-trưởng Bộ Tư-Pháp biết tất cả các điều gì liên quan đến kỷ-luật các lục-sự, thư ký và thông ngôn, các quản-ly văn-khố, luật-sư và tất cả các công-lại khác và đề nghị các việc truy tố và trừng phạt.

Chương-Lý có nhiệm vụ trông coi việc quản-trị di-sản, có quyền khám xét các sổ hộ tịch, sổ sách của người quản tài di sản, các sổ sách của Phòng Lục-sự.

Nếu Chương-Lý bị mắc bận trong một thời gian ngắn thì Phó Chương-Lý lên thay. Nếu Chương lý tạ thế, nghỉ phép, đi công cán hay vắng mặt vì duyên cớ khác, Phó Chương-Lý

quyền chức-vụ đó. Tuy nhiên, Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp gặp trường hợp nào cũng có thể ra nghị định cử một Thẩm-phán khác để quyền nhiếp chức vụ đó.

ĐOẠN II.— THÀNH PHẦN

Mỗi Tòa Thượng-Thẩm gồm có hai Phòng thường : Phòng Nhất và Phòng Nhì.

Phòng Nhất theo thường lệ do Chánh-Nhất chủ tọa có hai Hội-thẩm phụ lực, xét xử các việc kháng cáo các bản án dân sự và thương-sự do các Tòa Sơ-thẩm và Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền tuyên-xử.

Phòng Nhì do một Chánh-án Phòng chủ tọa có 2 Hội thẩm phụ lực xét xử các việc kháng cáo các bản án hình-sự do các Tòa-án nói trên tuyên xử. Phòng Nhì gồm có hai ban :

— Ban tiểu hình chuyên xử về các việc kháng cáo các bản án tiểu hình do các Tòa-án cấp Sơ-thẩm tuyên.

— Ban đại-hình xét xử về các việc kháng cáo các bản án xử về việc đại hình cũng do các Tòa-án cấp Sơ-thẩm tuyên. Ban này có thêm 2 phụ thẩm nhân dân;

Nếu công vụ bắt buộc, Tòa Thượng Thẩm có thể họp một phiên đại hội đồng để thành lập trong Phòng Nhất hay Phòng Nhì các ban lâm thời để xét xử các việc thuộc thẩm quyền các phòng ấy. Các ban đó sẽ do Chánh-Án Phòng hay một Hội Thẩm chủ tọa. Tuy nhiên Chánh Nhất, có thể chủ tọa Phòng Nhất hay Phòng Nhì hay một ban lâm thời.

Tòa Thượng Thẩm lại còn một Phòng Luận-Tội do Chánh Nhất, Chánh-Án Phòng hay một Hội-Thẩm chủ tọa với 2 Hội thẩm phụ lực. Phòng Luận-Tội có thẩm quyền như sau :

- 1— Thẩm vấn các vụ đại-hình.
- 2— Xét xử về việc kháng cáo án-lệnh của Dự Thẩm.
- 3— Chấp đơn xin khôi phục công quyền.

Việc chia Tòa Thượng Thẩm ra hai Phòng : Phòng Nhất và Phòng Nhì và Phòng Luận Tội là một sự phân địa đại thể : Phòng Nhất xử về dân-sự, Phòng Nhì xử về hình-sự và Phòng Luận Tội xét về việc thẩm cứu.

Thực ra, khi công vụ bắt buộc Phòng Nhất và Phòng Nhì còn chia ra làm ban như ban tiểu-hình, ban đại-hình hay ban lâm thời.

Mỗi ban cũng lập thành phiên tòa và theo thói quen người ta cũng gọi các ban đó là Phòng như Phòng kháng-cáo tiểu-hình. Ngoài ra, Tòa Thượng Thẩm còn họp thành Phiên Tòa công khai tất cả các Phòng họp lại và Đại Hội Đồng.

ĐOẠN III — PHIÊN-TÒA CÔNG KHAI TẤT CẢ CÁC PHÒNG HỘI LẠI — PHIÊN TÒA LONG TRỌNG

Phiên tòa này do Chánh-Nhất chủ tọa và gồm tất cả các Chánh-Án Phòng và Hội Thẩm.

Chưởng-Lý ngồi ghế Công-Tổ-Viện.

Nếu Chánh-Nhất vắng mặt hay mắc bận Chánh-Án Phòng thay thế. Chưởng-Lý vắng mặt hay mắc bận sẽ do Phó Chưởng-Lý thay thế.

Chánh Lục sự Tòa Thượng-Thẩm giữ bút ký.

Phiên tòa công khai tất cả các Phòng hội lại họp để nhận lời tuyên thệ của các Thẩm-Phán Tòa Thượng-Thẩm, để xử một Thẩm-Phán phạm tội đại-hình hay tiểu hình (đ.42,43,44 Dự số 3 ngày 29-3-1954).

Dự số 4 ngày 18-10-1949 (đ.28) có nói đến *phiên Tòa long trọng* của Tòa Thượng Thẩm gồm có Chánh Nhất chủ tọa và có 8 Hội Thẩm ngồi cạnh. Chánh Nhất vắng mặt do Chánh Án Phòng thay thế. Chưởng-Lý ngồi ghế Công-Tổ-Viện trừ khi mắc bận. Chánh lục sự giữ bút ký.

ĐOẠN IV.— ĐẠI HỘI ĐỒNG

Đại Hội-Đồng gồm tất cả các Thẩm-Phán ban xử án và ban Công-Tổ-Viện hiện có mặt thực thụ hay quyền của Tòa Thượng-Thẩm.

Đại-Hội Đồng họp ở trong Phòng nghị án, do Chánh-Nhất chủ tọa. Chương-ly ngồi đối diện với Chánh-Nhất và tuyên bố về mục đích phiên họp.

Chánh Nhất có quyền tự ý triệu tập Đại Hội-Đồng hay chiếu lời yêu cầu của Chương-ly. Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp cũng có thể yêu cầu triệu tập Đại Hội-Đồng để hỏi ý kiến về việc thi hành các luật lệ có liên-quan đến việc hành chính, tư pháp, về các phương sách để áp dụng riêng trong nội bộ, về nội dung các đạo luật, sắc-lệnh hay nghị-định thuộc về cơ quan tư-pháp.

Mỗi năm trong phiên Đại Hội Đồng, sẽ tường trình công việc tư pháp hành chính về năm trước.

Mỗi bản sao bài diễn văn của Chương-ly và các lời phán nghị trong phiên Hội-Đồng sẽ chuyển đệ lên Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Đại Hội-Đồng phát biểu ý kiến về đơn xin nhậm chức của các công lại (Luật-sư, Quản-ly Văn-khế, Thừa phát lại, Hổ-giá viên) trong quần hạt.

Đại Hội-Đồng xét xử các vụ phạm kỷ luật của các luật-sư, quản-ly văn-khế hay thừa phát lại hay tất cả các công lại nào khác trong khi làm công việc chức nghiệp.

ĐOẠN V.— PHÒNG LUẬN-TỘI

Như đã xét, Phòng Luận Tội do Chánh-nhất, Chánh-Án Phòng hay một Hội-Thẩm chủ tọa với hai hội-thẩm phụ lục đề:

- 1.— Thẩm-vấn các vụ đại hình
- 2.— Xét xử về việc kháng cáo án lệnh của Dự-Thẩm
- 3.— Chấp đơn xin khôi phục công quyền.

Thật ra hai quyền hạn thứ nhất và thứ nhì là quyền hạn chính của Phòng Luận Tội, vì Phòng này là một cơ quan tài-phán về đại hình dự thẩm. Riêng về việc thẩm vấn các vụ, khi kết thúc việc thẩm cứu, Dự-Thẩm tại các tòa án cấp sơ thẩm không có quyền đưa thẳng bị cáo ra trước tòa đại-hình

mà phải làm án lệnh đưa bị cáo ra trước Phòng Luận-Tội. Phòng Luận-Tội xét xem có phải là một việc đại-hình thuộc thẩm quyền tòa án tư pháp không hay thuộc thẩm quyền các tòa đặc-thẩm như Đặc-biệt Pháp Viện, Tòa Án Quân-Sự Đặc Biệt hay Tòa Án Quân Sự thường...

Khi việc thuộc thẩm quyền mình, Phòng Luận-Tội xét lại hồ sơ. Nếu sự thẩm-cứu còn thiếu sót, Phòng Luận-Tội cho điều tra thêm. Phòng Luận-Tội có thể sửa đổi lại những sự định danh tội trạng do Dự-Thẩm xác nhận.

Về việc kháng-cáo các án-lệnh của Dự-Thẩm, Phòng Luận-Tội phải xét xem sự kháng-cáo có làm trong thời hạn luật định không. Khi sự kháng-cáo có thể chấp nhận được về hình thức, Phòng Luận-Tội xét tất cả các khoản của án-lệnh bị kháng-cáo về nội dung rồi quyết định hoặc hủy án-lệnh hoặc bác sự kháng-cáo,

Phòng Luận-Tội họp trong Phòng thẩm-nghị. Dân-sự nguyên cáo, bị can và nhân chứng không được có mặt trước Phòng Luận-Tội.

ĐOẠN VI.— BAN TIỀU HÌNH TÒA THƯỢNG THẨM

Điều 3 Dự số 4 ngày 18-10-1949 định rằng Ban Tiều Hình của Phòng Nhì Tòa Thượng-Thẩm chuyên xử về các việc kháng-cáo bản án xử về tiều-hình.

Người ta thường gọi Ban Tiều-Hình này là Phòng Kháng-cáo tiều-hình của Tòa Thượng-Thẩm. Ban này do Chánh-Án Phòng chủ tọa có hai Hội-Thẩm phụ lực. Cũng có khi một Hội-Thẩm chủ tọa ban này.

Tất cả các án văn xử về tiều-hình có thể kháng-cáo lên Phòng Kháng-Cáo Tiều Hình. Tuy vậy, nếu Tòa Tiều-hình đã xử một vụ vi cảnh, thì bản án không thể kháng cáo được vì là án chung-thẩm. Nhưng nếu một sự kiện mà Biện-lý cuộc cho là một tội-phạm tiều hình và đưa ra trước Tòa Tiều-Hình với định danh ấy, Tòa này lại cải danh lại là một tội phạm vi-cảnh,

án vẫn có thể kháng-cáo được nếu sự cải danh sai lầm. Phòng Kháng-Cáo Tiểu-Hình phải xét lại các sự-kiện. Nếu sự cải danh của Tòa Tiểu Hình đúng, Phòng Kháng-Cáo Tiểu-Hình sẽ tuyên bố sự kháng-cáo không chấp nhận được mà không xét về nội dung.

Tòa Kháng-Cáo Tiểu-Hình xử công khai. Một Hội-Thẩm đọc thuyết trình. Dân-sự nguyên-cáo, bị can và người dân-sự trách nhiệm có thể mượn luật sư biện hộ. Sau khi nghe bản thuyết trình, Tòa hỏi cung bị can và có thể hỏi cung chứng nhân. Bị can có quyền nói cuối cùng cũng như trước Tòa Tiểu Hình.

Tòa Kháng-Cáo Tiểu-Hình phải xét tất cả các khoản của bản án bị kháng-cáo. Nếu chỉ có bị-can kháng-cáo, Tòa không thể xử nặng hơn được.

ĐOẠN VII.— BAN ĐẠI HÌNH TÒA THƯỢNG-THẨM

Tổ chức bởi Dự số 4 ngày 18-10-1949 (đ. 91 trở đi), Ban Đại-Hình Phòng Nhì Tòa Thượng-Thẩm do Chánh-Án Phòng chủ tọa có hai Hội-Thẩm ngồi ghế phụ thẩm và hai phụ thẩm nhân dân là công dân Việt-Nam.

Vào hạ tuần tháng chạp dương lịch, Đại-Biểu Chính-Phủ địa-phương lập một danh-sách chính thức 12 thân hào và một danh sách phụ khuyết cũng 12 thân hào để làm phụ thẩm năm sau của Ban Đại-Hình Tòa Thượng-Thẩm. Danh sách phụ khuyết dùng để bổ khuyết danh sách chính thức, nếu có người tạ thế hay đi vắng lâu. Chỉ được cử làm phụ thẩm các công dân Việt-Nam, 30 tuổi chẵn, không có tiền án, có đủ công quyền và dân quyền, không phải là nhân viên các cơ quan tư-pháp, mục-sư, binh sĩ tại ngũ.

Năm ngày trước khi khai mạc kỳ họp của Ban Đại-Hình Tòa Thượng-Thẩm, tại Phòng Hội Đồng trước mặt Chưởng-ly hay đại-diện, Lục-sự, các bị cáo và các luật-sư của các bị cáo, Chánh-Án Ban Đại-Hình sẽ rút thăm trong danh sách

chính thức được bổ khuyết để chọn lấy hai phụ-thẩm nhân-dân thực thụ và hai phụ-thẩm nhân-dân phụ khuyết. Các phụ-thẩm nhân-dân có thể bị cáo tị.

Ngày phiên-tòa đầu tiên kỳ họp đại-hình, trước khi gọi các việc để xử, các phụ-thẩm nhân dân phải tuyên thệ rồi mới vào ngồi hoặc bên phải hoặc bên trái các Thẩm-Phán theo thứ tự đã rút thăm.

Các Thẩm-Phán ban Đại-hình Tòa Thượng-Thẩm và các phụ-thẩm nhân-dân cùng nhau quyết định theo đa số về tất cả các khoản liên can đến tội trạng, đến các trường hợp tăng tội hay giảm tội cùng là về việc áp dụng hình phạt,

Trước khi mở cuộc thẩm vấn công khai hay trong khi thẩm vấn, nếu xảy ra những điều phụ đới về luật pháp và về thủ tục cần phải giải quyết ngay, chỉ riêng các Thẩm phán mới có quyền quyết định. Các Phụ-thẩm nhân-dân không có quyền tham dự vào công việc này cũng như việc xét định các khoản bồi thường.

Ban Đại-Hình Tòa Thượng-Thẩm cứ ba tháng họp một lần. Có thể mở kỳ họp bất thường. Chánh-Nhất Tòa Thượng-Thẩm ấn định ngày khai mạc kỳ họp.

Tất cả án văn do Ban Đại-Hình các tòa án cấp sơ thẩm xử, đều có thể kháng cáo lên Ban Đại-Hình Tòa Thượng Thẩm.

Ở Trung-Việt thời hạn và thủ tục kháng cáo về Đại-Hình là thời hạn và thủ tục ấn định trong tiết 2 Chương III bộ Trung-Kỳ Hình-Vụ Tổ-tụng-pháp.

Ở Nam-Việt thời hạn và thủ tục kháng cáo về đại-hình là thời hạn và thủ tục ấn-định cho các việc tiểu-hình.

CHƯƠNG IV

TÒA PHÁ-ÁN

Do thỏa-ước Việt-Pháp ngày 8-3-1949, Pháp-Quốc trả lại cho Việt-Nam thẩm-quyền về tư-pháp đối với người Việt-Nam và các người ngoại quốc trước kia không được hưởng đặc quyền tài-phán. Vì vậy, sau thỏa ước nói trên, tại Việt-Nam có hai tổ-chức tư-pháp song hành .

— Các Tòa-án quốc-gia Việt-Nam,

— Các Tòa-án hỗn-hợp Việt-Pháp,

Các Tòa-án hỗn-hợp được tổ chức bởi thỏa hiệp tư-pháp ngày 8-3-1949 gồm có, tại Việt-Nam, hai Tòa Thượng-Thẩm, bảy Tòa Sơ-Thẩm và ba Tòa Thương-Mại và tại Pháp-quốc, Tòa Phá-Án Hỗn-Hợp Việt-Pháp ở Ba-lê.

Các Tòa-án hỗn-hợp có thẩm quyền để xét xử những vụ dân-sự, thương-sự và hình-sự trong đó người Pháp, dân Liên-Hiệp Pháp (ngoài người Việt-Nam) và người Trung-Hoa (Trung-Hoa trước có ký hiệp-ước hưởng đặc quyền tài phán với Pháp-quốc) là đương-sự, bị can hay người bị thiệt hại.

Các Tòa-án, Quốc-Gia Việt-Nam được tổ chức bởi Dự số 4 ngày 18-10-1949 mà điều thứ nhất nói rằng « quyền xử án tại Việt-Nam thuộc về Tối-Cao Pháp-Viện, các Tòa Thượng-Thẩm, các Tòa Sơ-Thẩm, các Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền và các Tòa Hòa-Giải ».

Tối-Cao Pháp-Viện được tổ chức bởi Dự số 5 ngày 18-10-1949 gồm có ba ban : ban Thẩm-Tra Kế-Toán, ban Tư-Pháp và ban Hành Chính.

Ban Kiểm-Tra Kế-Toán bị hủy bỏ bởi Dự số 5 ngày 29-3-1954.

Ban Tư-Pháp bị hủy bỏ và thay thế bởi Tòa Phá-Án thiết lập bởi Dự số 27 ngày 2-9-1954. Đồng thời, Dự số 28 ngày 2-9-1954 ấn định quy chế riêng cho ngạch Thẩm-Phán Tòa Phá-Án.

Thẩm quyền Tòa Phá-Án do Dự số 5 ngày 18-10-1949 chi phối.

Thẩm quyền này được nới rộng ra, cũng như thẩm quyền của các Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm khi thỏa-hiệp Việt-Pháp ngày 16-9-1954 được ký kết hủy bỏ tất cả các Tòa án hỗn hợp kể cả Tòa Phá-Án Hỗn-Hợp.

VIỆT-NAM thu hồi hoàn toàn chủ quyền về tư pháp với Thỏa-Hiệp nói trên ngày 16-9-1954. Các Tòa-Án Việt-Nam ngoài thẩm quyền đã có còn xét xử tất cả các vụ kiện trước kia thuộc thẩm quyền của các Tòa-Án Hỗn-Hợp.

TÒA PHÁ-ÁN thay thế cho ban Tư-Pháp của Tối-Cao Pháp-Viện và cả cho Tòa Phá-Án Hỗn-Hợp bị hủy bỏ.

Quản hạt Tòa Phá-Án gồm toàn cõi Việt-Nam và trụ sở đặt tại Thủ đô nước Việt-Nam (đ. 1 Dự số 27 ngày 2-9-1954)

I.— Tổ-chức

Tòa Phá-Án gồm có một Chánh-Nhất, một Chánh-Án Phòng và sáu Hội-Thẩm. Chức vụ Công Tố Viện giao cho một Chương-Lý đảm nhiệm, có một Phó Chương-Lý phụ lực.

Phòng Lục-Sự do Lục-Sự-Trưởng điều khiển có nhiều lục sự và thư ký giúp việc.

Tòa Phá-Án chia làm hai Phòng :

1— Phòng Dân-Sự theo thường lệ do Chánh-Nhất chủ-tọa và hai Hội-Thẩm phụ-lực, xét xử các việc thượng-tố về dân-sự và thương-sự.

2— Phòng Hình-Sự do Chánh-Án Phòng chủ-tọa, có hai Hội-Thẩm phụ-lực, xét xử các việc thượng-tố về hình-sự. Tuy nhiên, nếu xét cần Chánh-Nhất có thể chủ-tọa Phòng Dân-Sự hay Phòng Hình-Sự.

Khi có sự ngăn trở, Chánh-Nhất sẽ thay thế bởi Chánh-Án Phòng và vị này bởi vị Hội-Thẩm thẩm niên nhất.

Nếu vì lý do gì mà một Phòng Tòa Phá-Án không thể họp để xử các vụ ghi trong bản kê các việc đang đường, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp theo đề-nghị của Chánh-Nhất Tòa Phá-Án,

sẽ cử một Chánh-Nhất hay một Chánh-Án Phòng Tòa Thượng-Thẩm để thay thế vị Thẩm-Phán Tòa Phá-Án vắng mặt hay bị cản trở.

Khi Phó Chủ tọa Lý Tòa Phá-Án bị cản trở hay vắng mặt lâu ngày hay chưa bổ-nhiệm, Chánh-Nhất và Chủ tọa lý có thể do một quyết nghị chung ủy cho một Hội-Thẩm đảm nhiệm tạm thời chức-vụ Phó Chủ tọa lý.

II. — Điều-hành

Mỗi Phòng của Tòa Phá-Án sẽ họp ít nhất mỗi tháng một kỳ.

Các phiên xử đều công khai.

Các Phòng hoặc họp riêng, hoặc họp thành phiên tòa long trọng hay phiên tòa tất cả các phòng nhóm lại hay phiên đại hội-đồng.

Chánh Nhất chủ tọa phiên tòa long-trọng, phiên họp các phòng nhóm lại, hay phiên đại hội-đồng. Chỉ khi nào Chánh Nhất vắng mặt hay bị cản trở, Chánh-Án Phòng mới thay thế. Chủ tọa lý ngồi ghế công tố viện, trừ khi nào bị cản trở thì Phó Chủ tọa lý thay thế.

III. — Thẩm-quyền

Theo điều 7 Dự số 5 ngày 18-10-1949, Tòa Phá-Án xét xử về tất cả các đơn xin phá các bản án tố tụng chung thẩm về dân-sự, thương-sự và hình-sự.

Chỉ có thể xin phá án vì các lý do sau đây :

1) vô thẩm quyền hay lạm quyền

2) vi luật

3) trong các giấy tờ về thủ tục tố tụng hay trong các án văn không tuân theo các thể thức mà luật pháp đã đặt ra và đã ấn định rằng nếu không tuân theo thì sẽ bị vô hiệu.

4— Có sự tương-phản giữa hai bản án cùng xử về một việc của hai tòa-án khác nhau.

Nhiệm vụ chính của Tòa Phá-Án là xét xử các đơn xin phá các bản án của các tòa-án đặt dưới quyền kiểm soát của Tòa Phá-Án và tiêu hủy các bản án nào phạm luật để giao vụ tranh chấp cho các Thẩm-phán khác xét xử lại. Tòa Phá-Án chỉ xét xem bản án bị thượng tố có làm đúng theo thể thức luật định không, có áp dụng đúng luật pháp không. Tòa Phá-Án không xét đến tình-lý vụ kiện. Sau khi phá một bản án, Tòa Phá-Án sẽ giao vụ kiện ấy cho Tòa án có trách nhiệm để xét xử về tình lý (Đ. 18 Dự nói trên).

CHƯƠNG V

QUY-CHẾ CÁC NGẠCH THẨM-PHÁN TƯ-PHÁP VÀ THƯỢNG HỘI-ĐỘNG THẨM-PHẨM

ĐOẠN 1.— QUY CHẾ CÁC NGẠCH THẨM-PHÁN TƯ-PHÁP

Có ba ngạch Thẩm-phán Tư-pháp :

- 1) Thẩm-phán Hòa-giải,
- 2) Thẩm-phán các Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm,
- 3) Thẩm-Phán Tòa Phá-án,

Quy chế hai ngạch trên do Dự số 3 ngày 29-3-1954 ấn định.
Quy chế ngạch Thẩm-phán Tòa Phá-án do Dự số 28 ngày 2-9-1954 chỉ phối ;

Mặc dầu có sự khác biệt giữa ba ngạch thẩm phán nói trên nhưng rất có nhiều điểm tương đồng.

Các thẩm-phán xử án có nhiệm vụ xét xử nhân danh Quốc-dân Việt-nam và trong khi thi hành nhiệm vụ tài phán của mình chỉ tùy thuộc lương-tâm và không thể bị thuyên-chuyển hay bãi-chức ngoài những trường hợp do pháp quy ấn định. Đó là nguyên-tắc độc-lập của Thẩm-phán xử án quy định ở các điều 70 và 71 Hiến-pháp.

Các Thẩm-phán Công-tổ-viện đặt dưới sự điều-khiển và kiểm-soát của các cấp chỉ huy và dưới quyền của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp. Trước Tòa, các Thẩm-phán Công-tổ-viện được tự do kết luận miệng theo riêng của mình.

Chức-vụ Tư-pháp phân biệt hẳn ra với các chức-vụ hành chính. Ngoài chức vụ tư-pháp, các Thẩm-phán không thể bị trưng tập để làm những công vụ nào khác ngoại trừ quân dịch.

1.— Tuyển-bổ :

Các thẩm phán phải có quốc-tịch Việt-Nam, có bằng tiến-sĩ hay cử-nhân luật-khoa. Bằng sau này bỏ buộc đối với các Thẩm-phán Tòa Phá-án, và Thẩm-phán các Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-thẩm.

Đối với các Thẩm-phán hòa-giải điều kiện bằng cấp dễ dãi hơn : có thể tuyền vào ngạch thẩm-phán này sau khi đã trúng tuyền một kỳ thi nhập ngạch các người có quốc-tích Việt-nam ít nhất 22 tuổi nhiều nhất 35 tuổi có bằng Luật-khoa cử-nhân, bằng Luật-học Đông-dương hoặc bằng tốt nghiệp trường Pháp chính Hà-nội hay trường Cao-học Đông-dương. Cũng có thể được tuyền, các lục-sự tòa-án từ hạng nhì trở lên và, nếu ở ngạch thư-ký tòa-án lên phải đủ 6 năm thâm niên trong ngạch Lục-sự.

Đối với Thẩm-phán các Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm, sau một kỳ thi nhập ngạch, những thí sinh trúng tuyền được bổ :

— Tùy viên công tố viện nếu có bằng cử nhân luật-khoa.

— Tùy viên công tố viện nhưng hưởng chỉ số lương Chánh án Hòa-giải Rộng-quyền hạng 3 trước 3 năm nếu có bằng tiến-sĩ luật-khoa.

Đối với các Thẩm-phán Tòa Phá-án, ngoài bằng tiến-sĩ và cử-nhân luật-khoa (các bằng tương đương bất khả chấp) chỉ có thể tuyền bổ vào ngạch những người đã giữ hay đang giữ chức vụ :

— Hội-thẩm Tòa Phá-án Hồn-hợp Ba-lê,

— Chánh Nhất hay Chủ-đạo-lý Tòa Thượng-thẩm,

— Chánh-án Phòng hay Phó Chủ-đạo-lý Tòa Thượng-thẩm hạng nhất,

— Chánh-án hay Biện lý Tòa Sơ-Thẩm ngoại hạng,

— Giám-đốc Nha ở Bộ Tư-pháp ít nhất được ba năm và đã từng giữ chức vụ Thẩm-phán ở Tòa Thượng-Thẩm.

— Giáo-sư thạc sĩ trường Đại-học Luật-khoa.

— Luật-sư các Tòa Thượng-Thẩm Việt-nam có ít nhất 10 năm thâm-niên trong nghề kể từ ngày được ghi tên vào danh biểu luật-sư và đã từng làm Thủ-lãnh hay Hội-viên trong Hội-đồng Luật-sư.

Các Thẩm-phán được bổ nhiệm do Sắc-lệnh. Các Thẩm-

phán Hòa-giải và các Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm và Thượng thẩm được cử đi giúp việc tại các Tòa-án do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp. Nhưng nếu là Thẩm-phán xử-án, quyết định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp phải có sự đồng ý của Thượng Hội-Đồng Thẩm-phán.

II.— Phẩm-trật, lương-bổng căn-bản.

1) Ngạch Thẩm-Phán Hòa-giải gồm có 11 trật từ Thẩm-phán Hòa-giải hạng sáu hay tập sự với chỉ số lương 430 đến Thẩm-phán hòa-giải thượng hạng ngoại hạng sau 3 năm với chỉ số lương 1.000.

2) Ngạch Thẩm-Phán Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm gồm có 15 trật từ tùy viên công-tổ-viện với chỉ số lương 430 đến Chánh-Nhất và Chủ-đồng-Lý Tòa Thượng-Thẩm với chỉ số lương 1120.

3) Ngạch Thẩm-Phán Tòa Phá-Án gồm có ba trật : Hội-Thẩm với chỉ số lương 1120, Chánh-Án Phòng và Phó Chủ-đồng-Lý với chỉ số lương 1160, Chánh-Nhất và Chủ-đồng-Lý với chỉ số lương 1200.

Trước khi nhận việc, các Thẩm-Phán phải tuyên thệ.

III.— Tuyên-thệ, y-phục, huy-hiệu :

1) Thẩm-Phán Hòa-giải tuyên thệ trước Tòa-án tỉnh (Tòa Sơ-Thẩm hay Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền) có quyền quản hạt đối với Tòa Hòa-giải này, trong một phiên họp công-khai.

Thẩm-Phán Hòa-giải mặc y-phục giống y-phục các Thẩm-Phán Sơ-Thẩm trong các phiên-tòa thường.

2) Các Thẩm-Phán Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm tuyên thệ trước Tòa Thượng-Thẩm trong một phiên họp công khai do tất cả các phòng hội lại.

Những Thẩm-Phán ở xa trụ sở Tòa Thượng-Thẩm có thể được phép viết lời thề ra giấy gửi đến Tòa Thượng-Thẩm.

Các Thẩm-Phán chỉ tuyên thệ khi nhận chức lần đầu tiên và khỏi phải tuyên thệ lại mỗi khi được thăng chức hay hoán đổi trong quản-hạt một Tòa Thượng-Thẩm.

Tuy nhiên các Thăm-Phán Sơ-Thăm, được cử quyền nhiếp hay bổ thực-thụ vào một chức vụ ở cấp thượng-thăm, phải tuyên-thệ lại.

Các Thăm-Phán cấp thượng-thăm được cử quyền nhiếp hay được bổ thực thụ vào các chức vụ Chánh-Nhất, Chánh-Án Phòng hay Chương-Lý cũng phải tuyên thệ lại.

Các Thăm-Phán cấp sơ-thăm trong những phiên-tòa thường cũng như trong những phiên-tòa long trọng và các buổi lễ công cộng mặc áo dài đen tay rộng giải lụa đen có lông trắng quàng trên vai bên trái, giải trắng bằng vải mỏng có nếp rủ xuống trước ngực, mũ bằng nhung đen có viền một lon bạc. Mũ của Biện-Lý và Chánh-Án Tòa Sơ-Thăm viền hai lon bạc.

Các Thăm-Phán cấp thượng-thăm mặc y phục như trên, màu đen trong những phiên-tòa thường và màu đỏ trong những phiên-tòa long trọng và các buổi lễ công cộng.

Khi mặc áo đỏ, mép lật áo dài của Chánh-Án Phòng, Chánh-Nhất và Chương-Lý lót da chồn trắng.

Các Hội-Thăm, Thăm-Lý và Phó Chương-Lý đội mũ bằng nhung đen có viền hai lon vàng mịn, mũ của Chánh-Án Phòng viền ba lon vàng mịn.

Mũ của Chánh-Nhất và Chương-Lý viền bốn lon vàng mịn.

3 — Các Thăm-Phán Tòa Phá-Án tuyên thệ trong một Phiên Tòa Phá-Án họp long trọng tất cả các phòng nhóm lại công khai.

Trong những phiên-tòa, Thăm-Phán Tòa Phá-Án mặc y phục sắc đỏ có lông trắng và đội mũ giống như y phục và mũ của Chánh-Nhất và Chương-Lý Tòa Thượng-Thăm trong những phiên long trọng.

IV.— Bất khả kiêm-nhiệm :

Vợ chồng, thân thuộc hay thích thuộc cho đến bậc bác cháu, chú cháu hay cậu cháu không thể cùng là nhân-viên một Tòa Sơ-Thăm hay Thượng-Thăm với tư cách Thăm-phán

xử án hoặc với tư cách Thẩm-Phán Công-Tố, hoặc với tư cách lục-sự, nếu không được phép miễn trừ riêng.

Thẩm-Phán nào vì kết hôn mà có tình thích thuộc sẽ không thể tiếp tục công việc cũ, nếu không được phép miễn trừ.

Dù có được miễn trừ, vợ chồng hay các người có tình thân thuộc hay thích thuộc với nhau đều không thể cùng ngồi xử được.

Thẩm-Phán cũng không thể xét một vụ án mà người biện hộ, thụ-ủy hay luật-sư của một bên đương sự là thân thuộc hay thích thuộc của mình cho đến bậc thứ ba; bất tuân, thủ tục tố tụng sẽ vô hiệu.

Thẩm-Phán không thể làm hội-viên một Hội đồng dân-cử. Nếu trước khi được bổ vào ngạch, Thẩm-Phán đã có giữ một chức vụ dân cử trong quân hạt tòa-án nào thì chỉ có thể được cử giúp việc tại quân hạt tòa-án đó sau 3 năm đã thôi hẳn đảm nhiệm chức vụ dân cử.

Các chức-vụ phụ-thuộc Tòa-án như quản-lý văn-khế, thừa-phát-lại, hồ-giá-viên, luật-sư đều bất năng kiêm-nhiệm với một chức-vụ tư-pháp.

Cũng không thể kiêm-nhiệm chức-vụ Thẩm-Phán với một nghề buôn hay một kỹ-nghệ gì khác, với một công việc gì trong hãng buôn hay hãng kỹ-nghệ.

V.— Đặc-quyền tài-phán :

Nhận được đơn khiếu tố hay cáo-giác một Thẩm-Phán phạm một khinh tội hay trọng tội trong khi thừa hành chức vụ hay ngoài chức-vụ, Chương-Lý phải báo cáo ngay với Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp và phải chính mình hay ủy một Thẩm-Phán cấp trên bị can mở cuộc điều-tra mật về việc này. Sau đó, Chương-lý chuyển hồ sơ điều-tra lên Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, vị này sẽ quyết định xem có nên truy-tố không.

Nếu việc đáng truy-tố và bị can không phải là Thẩm-Phán Tòa Thượng-Thẩm, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp giao nội vụ cho Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm có quyền quản hạt đối

với bị can. Vị Chủ tọa-Lý này, làm luận-trạng chuyển giao nội vụ sang Chánh-Nhất đồng tòa để thẩm-cứu. Chánh-Nhất phải chính mình thẩm cứu và chỉ có thể ủy cho một Thẩm-Phán Tòa Thượng-Thẩm cấp trên bị can thay mình nếu mắc bận. Chánh-Nhất hay Thẩm-Phán ủy nhiệm có quyền hạ trát đòi hay trát dẫn-giải. Chỉ riêng Chánh-Nhất mới có quyền hạ trát tổng-giam hoặc cho tại ngoại khi có sự thỏa thuận của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Sự thẩm-cứu kết liễu, nếu là khinh tội Chủ tọa-Lý sẽ đưa việc ra trước Tòa Thượng-Thẩm, tất cả các phòng hội lại để xét xử. Chánh-Nhất hay trong trường hợp Chánh-Nhất mắc bận, Chánh-Án Phòng thẩm-niên nhất chủ tọa phiên-Tòa.

Chủ tọa-Lý ngồi ghế Công-Tổ Viện. Nếu Chủ tọa-Lý mắc bận, Phó Chủ tọa-Lý hay Thẩm-Lý thay thế.

Nếu là trọng tội, Chủ tọa-Lý đưa hồ sơ ra trước Phòng Luận-Tội do Chánh-Nhất chủ tọa.

Nếu Phòng này đình-cứu, bị can sẽ lập tức được tha ngay ; nếu không, Chủ tọa-Lý sẽ đưa nội vụ ra trước Tòa Thượng-Thẩm, tất cả các phòng hội lại xét xử.

Nếu bị can là một Thẩm-phán Tòa Thượng-Thẩm, thủ tục trên đây cũng áp dụng ; sự thẩm-cứu sẽ do Tòa Thượng-Thẩm nơi bị can làm việc thi hành thủ tục. Tòa Thượng-Thẩm khác với Tòa Thượng-Thẩm nơi bị can làm việc sẽ xét xử.

VI.— Thăng Chức :

Sau khi đã tập-sự đúng hai năm, các Thẩm-Phán hòa-giải tập-sự và các Tùy-Viên Công-Tổ-Viện xét ra đủ năng lực sẽ được thực thụ vào ngạch. Các Thẩm-Phán hòa-giải và các Thẩm-Phán Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm phải có ít nhất hai năm thẩm-niên trong một trật mới có thể thăng lên một trật trên.

Các Thẩm-Phán Tòa Phá-Án phải có đủ thẩm niên ít nhất là ba năm mới có thể được thăng trật.

Muốn được thăng thưởng các *Thẩm-phán xử án* — (Chánh-án các Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền, các Tòa Hòa-giải và Dự-

Thẩm được kê như Thẩm-Phán xử án) — phải được ghi trong quyết định của Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán (đ.3 và 16 Luật ngày 15-3-1961).

Đối với các Thẩm-Phán Công-Tổ-Viện, hiện thời chưa có quy chế mới, như vậy phải theo quy chế cũ. Muốn được thăng thưởng :

1) Các Thẩm-Phán Công-Tổ tại Tòa Phá-Án phải được ghi tên vào bảng thăng thưởng do Ủy-ban lập ra vào khoảng cuối năm gồm có :

Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, Chủ-Tịch,

Chánh-Nhất Tòa Phá-Án, Hội-Viện

Chưởng-Lý Tòa Phá-Án, — nl —

(đ.13 Dự số 28 ngày 2-9-1954).

2) Các Thẩm-Phán Công-Tổ Viện tại các Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm phải được ghi tên vào bảng thăng thưởng do Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp lập vào khoảng cuối năm, chiếu theo đề-nghị của Ủy ban gồm có :

— Chánh-Nhất Tòa-Phá-Án

— Chưởng-Lý Tòa Phá-Án,

— Hai vị Chưởng-lý Tòa Thượng-Thẩm Saigon và Huế

— Hai vị Chánh-Nhất Tòa Thượng-Thẩm Saigon và Huế

— 2 vị đại diện do các Thẩm-Phán côngtổ viện mỗi phần:
(Nam Trung) tuyển cử mỗi năm.

— Giám-Đốc Nha Tổng Hành-Chính Bộ Tư-Pháp (đ.22, Dự số 3 ngày 29-3-1954).

VII.— Kỷ luật :

Nếu Thẩm-Phán cư-xử không xứng đáng với chức vụ mình, Chưởng-Lý hay Chánh-Nhất có quyền cảnh-cáo.

Nếu cảnh cáo vô hiệu hoặc nếu việc phạm lỗi có tính cách làm tổn hại đến danh-dự của người ấy, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp theo báo cáo của Chưởng-lý hay Chánh-Nhất, sau khi nghe lời phản trần của đương-sự hay sau khi đã đòi một cách

hợp-lệ đương-sự đến hỏi rõ, sẽ tuyên-cáo phạt khiển-trách có ghi vào lý-lịch.

Ngoại trừ quyền cảnh cáo và quyền khiển trách nói ở trên đối với các Thẩm-Phán xử án, Thượng Hội Đồng Thẩm-Phán quyết định về những trừng phạt nặng hơn kể sau đây :

- Thuyên-chuyển vì kỷ-luật,
- Chậm thăng thưởng một hay hai năm và có thể bị xóa tên trong bảng thăng-thưởng đã lập,
- giáng một hay hai trật,
- tạm huyền chức từ 3 đến 6 tháng không lương,
- cách chức không mất quyền hưu-bổn,
- cách chức mất quyền hưu-bổn.

Thẩm-Phán bị đưa ra trước Thượng Hội-Đồng vì kỷ-luật được quyền xem hồ sơ và giải thích trước Thượng Hội-Đồng hay gởi biện minh.

Đương-sự có thể viện nhân chứng và nhờ Luật-Sư hoặc đồng-nghiep binh vực cho mình.

VIII.— Thôi việc — Hưu-trí :

Các Thẩm-Phán được phép thôi việc theo đơn xin hay được cho về hưu do Sắc-lệnh.

Hạn về hưu được ấn định :

- 60 tuổi cho Thẩm-Phán Hòa-giải,
- 65 tuổi cho Thẩm-Phán cấp Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm
- 66 tuổi cho Chánh-Án Phòng và Phó Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm,
- 67 tuổi cho Chánh-Nhất và Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm,
- 70 tuổi cho Thẩm-Phán Tòa Phá-Án.

ĐOẠN II — THƯỢNG HỘI-ĐỒNG THẨM-PHÁN

Đề bảo đảm sự độc-lập của các Thẩm-Phán xử án nêu rõ ở các điều 70 và 71 của Hiến Pháp, điều 73 nối theo dự định • thiết lập một Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán, có nhiệm vụ trông coi áp dụng quy-chế Thẩm Phán-xử án.. Đạo Luật số

6/1961 ngày 15-3-1961 thiết-lập cơ quan nói trên đã được ban hành.

Các Thẩm-Phán xử án gồm tất cả các thẩm-phán ngồi xử như Chánh-Nhất, Chánh-án-Phòng, Hội-Thẩm, Chánh-Án, Chánh-Án Dự-khuyết, Thẩm-Phán, Chánh-Án các Tòa Hòa-giải Rộng Quyền, Thẩm-Phán Hòa-giải và Dự-Thẩm, cũng kể như thẩm-phán xử án (đ. 3, L. 15-3-1961).

1.— Tồ chức :

Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán gồm có :

— Tổng-Thống hoặc Đại-Diện Chủ-Tịch

— *Hội-Viên đương-nhiên*

Chánh-Nhất Tòa Phá-án Hội-Viên

— *Các Hội-Viên tuyển-cử*

Ba Thẩm-Phán xử-án thiết thọ

do các Thẩm Phán xử án Tòa

Phá-Án và các Tòa Thượng Thẩm

bầu Hội-Viên

— Hai Thẩm-Phán xử án thiết thọ

do các Thẩm-Phán xử án các Tòa

Sơ-Thẩm, Hòa giải Rộng Quyền

và Hòa giải bầu Hội-Viên

Chánh Nhất Tòa Phá-Án chủ Tọa Thượng Hội-Đồng Thẩm Phán khi Chủ-Tịch vắng mặt.

Một nhân viên cao cấp Bộ Tư-Pháp gửi chức vụ Thư ký không có quyền biểu quyết.

Như ta thấy ở trên, ngoài Tổng-Thống hoặc Đại-Diện, các hội-viên đều là Thẩm-Phán xử án được bầu bởi các đồng-sự. (trừ Chánh-Nhất Tòa Phá-Án, hội-viên đương nhiên).

Nhiệm-kỳ của các Hội-viên đặc cử vào Thượng Hội Đồng Thẩm Phán là ba năm, kể từ ngày mồng một tháng giêng năm kế tiếp năm bầu cử.

Các Hội-Viên đặc cử mãn nhiệm-kỳ có thể được tái cử.

Chỉ những Thẩm-Phán xử án đương hành nhiệm tại các Tòa-án mới được bầu làm Hội-Viên Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán và mới có tư cách cử-tri. Các Thẩm-Phán biệt-phái, tại ngũ, nghỉ giả-hạn, nghỉ dài hạn hay bị huyền chức không có quyền nói trên.

Việc bầu cử được thực hiện trong hạn ba tháng trước khi Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán mãn nhiệm kỳ. Các cử-tri được chia ra làm hai tuyền-cử đoàn: tuyền-cử đoàn thứ nhất gồm có các Thẩm-Phán xử án Tòa Phá-Án và các Tòa Thượng-Thẩm bầu 3 hội-viên thực-thụ và hai hội-viên dự-khuyết.

— Tuyền-cử đoàn thứ hai gồm có các Thẩm-Phán xử án các Tòa Sơ-Thẩm, Hòa-giải Rộng Quyền và Hòa-giải bầu hai hội-viên thực-thụ và một hội-viên dự-khuyết.

Việc bầu-cử được thi hành bằng phiếu kín: Mỗi cử-tri đoàn thứ nhất ghi trong lá phiếu của mình tên 5 Thẩm-Phán xử án thuộc Tòa Phá-Án và các Tòa Thượng Thẩm mà mình muốn bầu vào Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán. Mỗi cử-tri đoàn thứ hai ghi trong lá phiếu của mình tên ba thẩm-phán xử án thuộc các Tòa Sơ-Thẩm, Hòa-Giải Rộng-Quyền và Hòa Giải. Các phiếu bầu cử được bỏ trong một phong bì niêm kín, trên phong bì này không được ghi chú hoặc mang dấu hiệu gì.

Phong bì đựng phiếu kín được bỏ trong một phong bì thứ hai cũng niêm kín ngoài ghi tên, chức vụ, nhiệm sở của cử tri.

Một Ủy Ban kiểm phiếu gồm có:

- Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp hay Đại-Diện . Chủ-Tịch
- Chánh-Nhất Tòa Phá-Án Hội Viên
- Thư-ký Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán . . Thư-ký

xét tư cách cử tri của các Thẩm-Phán đã gửi phong bì đựng phiếu bầu cử phong bì của Thẩm-Phán không có quyền bầu cử được đính theo biên bản. Sau khi xếp phong bì hợp lệ theo từng loại tuyền-cử đoàn, Ủy-Ban mở phong bì ngoài và hủy đi một lượt. Ủy-Ban sẽ lần lượt mở phong bì trong và kiểm phiếu. Về tất cả các công việc trên, Ủy-Ban sẽ lập biên-bản và tuyền-bố kết quả cuộc bầu cử.

Về tuyền cử đoàn thứ nhất, năm Thẩm-phán nào được nhiều phiếu nhất sẽ được tuyền bố trúng cử : ba người đầu tiên là hội viên thực thụ, hai người sau là hội viên dự khuyết.

Về tuyền cử đoàn thứ hai, ba Thẩm-phán nào được nhiều phiếu nhất sẽ được tuyền bố trúng cử : hai người đầu tiên là hội viên thực thụ, người sau là hội viên dự khuyết.

Nếu số phiếu ngang nhau, Thẩm-phán có thâm niên nhiều hơn trong ngạch Thẩm-phán sẽ đắc cử ; nếu thâm niên ngang nhau, Thẩm-Phán cao niên hơn sẽ đắc-cử.

Kết quả cuộc bầu cử sẽ được xác nhận trong một nghị-định của Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp có đăng trong Công Báo.

Hội-viên dự khuyết thay thế cho Hội-viên thực thụ khi hội viên này quá vắng, từ dịch, hưu-trí hay vì một nguyên nhân nào mất tư cách cử-trì.

II. — Điều-hành.

Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán họp khóa thường lệ mỗi năm một lần trong đệ nhất tam cá nguyệt do Chủ Tịch triệu tập hoặc những khóa bất thường cũng do Chủ Tịch triệu tập. Chánh-Nhất Tòa Phá Án hoặc ba Hội-Viên cũng có thể đề nghị với Chủ-Tịch họp khóa bất thường.

Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán họp và biểu quyết hợp-lệ, khi có sự hiện diện của Chủ-Tịch hoặc của Chánh-Nhất Tòa Phá-Án và có ít nhất ba hội-viên hiện-diện. Không được ủy quyền biểu-quyết.

Trong các phiên nhóm, Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán biểu-quyết bằng lối bỏ thăm kín theo đa số tương đối các hội viên hiện diện. Nếu có nhiều ý kiến đồng phiếu, ý kiến Chủ-Tịch quyết định.

Thư ký Thượng Hội-Đồng tổ chức phiên họp, lập nghị trình khóa họp, trông coi hồ sơ, bút lục về hành chính và kế toán, thuyết trình các vấn đề đem ra thảo luận.

III. Quyền hạn.

1. — Thượng Hội - Đồng Thẩm-Phán quyết định về việc thăng-thưởng các Thẩm Phán xử án theo quy-chế.

2.— Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán cũng quyết định theo quy-chế về việc trừng phạt các Thẩm Phán xử án về phương diện kỷ luật, ngoại trừ quyền cảnh cáo và quyền khiển trách, quy-định theo Quy-chế Thẩm-Phán, đã xét ở trên.

Thẩm Phán bị đưa ra trước Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán vì kỷ luật được quyền xem hồ sơ và giải thích trước Thượng Hội-Đồng hay gửi biện minh trạng. Đương sự có thể nhờ luật sư hoặc đồng nghiệp bênh vực cho mình.

3.— Quyết định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp .bỏ nhiệm. và chuyển nhiệm sở các Thẩm Phán xử án cũng như quyết định chuyển các Thẩm-Phán từ ngành công-tổ sang ngành xử án hoặc từ ngành xử án sang ngành công-tổ đều phải có sự đồng ý của Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán (đ. 10 của Luật số 6/61 ngày 15-3-1961).

Điều 18 nói trên dùng chữ « bỏ nhiệm » không được dùng. Các Thẩm Phán đều do Sắc-Lệnh của Tổng-Thống bổ-nhiệm (đ.16 Dự số 3 ngày 29-3-1954, đ.8 Dự số 28 ngày 2-9-1954 Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp do nghị-định (chứ không phải quyết nghị) chỉ cử các Thẩm-Phán đã được bổ nhiệm đi giúp việc tại các tòa-án.

KẾT LUẬN.

Điều 71 của Hiến-Pháp định rằng : « Thẩm-Phán xử án quyết định theo lương tâm mình, trong sự tôn trọng luật pháp và quyền lợi quốc-gia ». Thẩm-Phán xử án chỉ có thể thi hành đúng nghĩa vụ do Hiến Pháp vạch ra, nếu có thể tin tưởng rằng sẽ không bị trừng phạt một cách độc đoán.

Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán có thể là một cơ quan bảo đảm chắc chắn cho các Thẩm-Phán xử án thi hành đúng nhiệm vụ. Thật vậy ngoài vị Chủ-Tịch của cơ quan ấy, các Hội-Viên đều là Thẩm-Phán xử án, năm trong sáu Hội-Viên lại do chính các Thẩm-Phán chọn lấy bằng cách tuyển cử. Ngoài ra Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán lại biểu-quyết bằng lối bỏ thăm kín.

VŨ TIẾN TUẤN

Chánh-Nhất Tòa Phá-Án.

II

CƠ-QUAN TÀI-PHÁN HÀNH-CHÁNH

Tại Việt-Nam cũng như tại nhiều nước trên thế-giới tự-do, tổ-chức tòa-án được chia làm hai hệ-thống riêng biệt : hệ-thống các tòa-án tư-pháp và hệ-thống các tòa-án hành-chánh.

Bài khảo-cứu này chỉ nói riêng về *tổ-chức các pháp-đình hành-chánh Việt-Nam*.

Lần lượt sẽ được trình-bày nguồn-gốc, lý-do thiết-lập các pháp-đình hành-chánh, tổ-chức, quyền-hạn và thủ-tục trước các pháp-đình ấy.

Vì pháp-luật Pháp-quốc là nguồn-gốc của sự phân-biệt hai ngành công-pháp và tư-pháp và hai hệ-thống tòa-án hành-chánh và tư-pháp, và cũng vì Việt-Nam (cũng như nhiều nước khác trên thế-giới) đã hướng theo các nguyên-tắc đại-cương của Luật Pháp-quốc để công-nhận những sự phân-biệt nói trên, vậy thiết-tưởng cũng nên xét qua, trong lịch-sử Luật Pháp-quốc, nguồn-gốc các pháp-đình hành-chánh để tìm hiểu vấn-đề một cách thấu-triệt hơn. Lại cũng nên khảo qua, trong luật đối-chiếu, khuynh-hướng quốc-tế hiện-tại về sự thiết-lập các pháp-đình hành-chánh.

TIẾT I

NGUỒN-GỐC VÀ LÝ-DO THIẾT-LẬP CÁC PHÁP-ĐÌNH HÀNH-CHÁNH

Về phương-diện lịch-sử, trước kia, trong các thời thượng-cổ và trung-cổ, ở Đông-phương cũng như ở Tây-phương, dưới chế-độ quân-chủ chuyên-chế, mọi quyền-hành đều tập-trung trong tay nhà Vua; các quyền của Vua lại rất rộng rãi và hất

khả phân, nghĩa là Vua không chia quyền ấy với một người nào hoặc một hội-đồng nào. Sự xử-dụng các quyền này lại không bị hạn-chế hoặc kiểm-soát. Các quan-chức thay mặt vua cai-trị dân chỉ chịu trách-nhiệm trước vua mà thôi. Vua có quyền sinh-sát trong tay, mọi sanh-mạng và tài-sản của dân-chúng đều coi như thuộc về nhà Vua. Ở Á-đông, Vua tự xưng là Thiên-Tử có nhiệm-vụ thay mặt Thượng-đế để cai-trị dân. Ở Âu-Tây, nguồn-gốc mọi quyền-hành của Vua được coi như tự Chúa mà có (*omnis potestas a Deo*). Do đó, Vua không chịu trách-nhiệm về việc cai-trị của mình trước một người nào hay một hội-đồng nào ; nghĩa-vụ của Vua nếu có thì cũng chỉ là nghĩa-vụ tinh-thần có tính-cách tôn-giáo, chứ không có tính-cách pháp-lý. Các phương-tiện hành-động của Vua rất rộng-rãi, không có giới-hạn ; vua xử-dụng quyền-hành tùy theo lương-tâm và quan-niệm riêng của mình. Người dân không có một quyền nào ; các quyền tự-do công-cộng, các nhân-quyền và dân-quyền chưa được công-nhận.

Một chế-độ như vậy đã đưa đến hậu-quả là dân-chúng sống lo-áo, sợ-hãi, không an-toàn, không bảo-đảm, dưới sự độc-đoán áp-bức của nhà Vua.

Vì vậy, những cuộc cách-mạng đã nổi lên tại nhiều nước trên thế-giới, và riêng về nước Pháp, thì bản tuyên-ngôn nhân-quyền và dân-quyền đã ra đời vào năm 1789 sau cuộc cách-mạng cùng năm ấy.

Sự thành-lập các pháp-định hành-chánh tại Pháp-quốc bắt nguồn ở nguyên-tắc phân-quyền do Locke và Montesquieu chủ-trương. Trong cuốn «*L'esprit des lois*», Montesquieu luận rằng kinh-nghiệm cho biết người nào có quyền trong tay thì dễ hay lạm-dụng, vậy trong một Quốc-Gia, phải tổ-chức các công-quyền cách nào để quyền này hạn-chế quyền kia (1). Theo Montesquieu, phải tổ-chức công-quyền một cách quân-bình để tránh sự tập-trung mọi quyền-hành trong tay một người hay

(1) «*C'est une expérience éternelle que tout homme qui a du pouvoir est porté à en abuser. Il faut que par la disposition des choses, le pouvoir arrête le pouvoir*» (Montesquieu, *L'Esprit des Loix*).

một hội-đồng. Trong một Quốc-Gia, ba quyền chính-yếu là quyền lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp : ba quyền ấy phải trao cho ba cơ-quan riêng-biệt.

Theo cách giải-thích của các nhà cách-mạng Pháp năm 1789, thì trong mối tương-quan giữa quyền hành-chánh và quyền tư-pháp, nguyên-tắc phân-quyền nói trên còn có nghĩa là nhiệm-vụ hành-chánh phải biệt-lập với nhiệm-vụ tư-pháp : đó là nguyên-tắc phân-lập giữa các cơ-quan hành-chánh và tư-pháp (*principe de séparation des autorités administrative et judiciaire*), — và nguyên-tắc này chỉ là hậu-quả tất-yếu của nguyên-tắc phân-quyền do Montesquieu chủ-trương.

Vì lý-do nghi-kị các đại-pháp-viện (1) dưới chế-độ cũ, hồi thế-kỷ thứ 18, thường hay lạm-quyền và xen lẫn vào công-việc hành-chánh, với mục-dịch bảo-vệ quyền-lợi của mình và cản-trở những cải-cách hành-chánh có lợi-ích cho dân-chúng, nên nhà lập-hiến Pháp sau cuộc cách-mạng năm 1789, đã giải-thích chặt-chẽ các nguyên-tắc nói trên để ban-hành đạo-luật tổ-chức tư-pháp ngày 16, 24 tháng 8 năm 1790, mà điều 13 định rằng «nhiệm-vụ tư-pháp phải riêng biệt với nhiệm-vụ hành-chánh ; thẩm-phán không thể, dù bằng cách nào, khuấy-rối các công-việc hành-chánh» (2). Sự cấm-đoán các thẩm-phán không được xen-lẫn vào công-việc hành-chánh lại được nhắc lại trong một đạo luật khác ; hơn nữa, đạo luật này không cho phép các thẩm-phán được đòi đến trước tòa các viên-chức hành-chánh vì những lý-do thuộc về chức-vụ của họ ; các thẩm-phán lại không được xét xử các hành-vi hành-chánh thuộc mọi loại (3).

(1) — Đại-pháp-viện (*Parlements*), dưới chế-độ cũ, là các tòa-án tư-pháp tương-dương với các Tòa Thượng-thẩm hiện nay.

(2) — Loi des 16, 24 Aout 1790, art. 13 : «*Les fonctions judiciaires sont distinctes et demeureront toujours séparées des fonctions administratives ; les juges ne pourront, à peine de forfaiture troubler de quelque manière que ce soit les opérations des corps administratifs*».

(3) — Loi du 16 fructidor an III : «*Les juges ne peuvent entreprendre sur les fonctions administratives, ni citer devant eux les administrateurs pour raison de leurs fonctions. Défenses itératives sont faites aux tribunaux de connaître des actes d'administration de quelque espèce qu'ils soient*».

Mối lo ngại của các nhà cách-mạng Pháp-quốc đã được dẹp yên, nhà lập-pháp mới trao quyền xét xử ngành biện-sự hành-chánh cho các cơ-quan hành-chánh ; nhưng giải-pháp này lại đưa đến một kết-quả mâu-thuẫn là nhân-danh nguyên-tắc phân-quyền, người ta đã trao một phần nhiệm-vụ tài-phán cho các cơ-quan hành-chánh, các cơ-quan này vừa là thẩm-phán vừa là đương-sự, vì có nhiệm-vụ xét xử các vụ tranh-tụng hành-chánh trong đó chính cơ-quan lại đóng vai đương-sự.

Tình-trạng bất hợp-lý đó khiến người ta phải nghĩ cách bỏ-tức vào nguyên-tắc phân-lập các quyền hành-chánh và tư-pháp bằng nguyên-tắc thứ hai, là nguyên-tắc phân-lập hành-chánh tác-động và tài-phán hành-chánh (*séparation de l'administration active et de l'administration contentieuse*). Do đó, một hệ-thống tòa-án hành-chánh, vừa biệt-lập với các tòa-án tư-pháp lại vừa biệt-lập với quyền hành-chánh, đã được thiết-lập ; và các tòa-án này, trong một hệ-thống đầy đủ từ các pháp-đình có tánh-cách hành-chánh cho tới Tham-Chính-Viện, với một kinh-nghiệm hoạt-động trên 160 năm nay, đã điều-hòa các phương-pháp hành-chánh để thiết-lập một nền tảng công-pháp tốt đẹp khả dĩ đem lại cho dân-chúng một chế-độ hành-chánh dân-chủ, tân-tiến, lại bảo-vệ hữu-hiệu nguyên-tắc hợp-pháp cùng các quyền-lợi căn-bản của người dân đối với Chánh-quyền, khiến ai nấy đều được sống trong sự an-toàn pháp-lý.

Trên đây đã được trình-bầy lý-do lịch-sử và chính-trị về sự thiết-lập một hệ-thống pháp-đình hành-chánh riêng biệt tại Pháp-quốc. Lý-do chính là sự nghi-kị các đại-pháp-viện xưa kia thường hay xen-lấn vào công-việc hành-chánh để cản trở mọi canh-tân có lợi ích cho công-chúng. Còn lý-do pháp-lý, bắt nguồn trong nguyên-tắc phân-quyền, chỉ là lý-do bề ngoài, và một lý-do này lại không đủ để chứng-minh sự cần-thiết phải thiết-lập một hệ-thống pháp-đình hành-chánh khác với hệ-thống các tòa-án tư-pháp. Vì có nhiều nước, tuy cũng công-nhận trong hiến-pháp nguyên-tắc phân-quyền, nhưng lại không thấy cần phải thiết-lập hai hệ-thống tòa-án khác nhau, như các nước Anh, Mỹ chẳng hạn. Nền biện-sự hành-chánh trong các nước ấy đều do các tòa-án tư-pháp xét xử.

Hiện nay, ở Pháp-quốc, lý-do nghi-kị các tòa-án tư-pháp không còn tồn-tại nữa ; nhưng với sự tiến-triển không ngừng của luật-pháp, với sự tăng-cường hoạt-động của Quốc-Gia trong mọi lãnh-vực, với sự can-thiệp cần-thiết của Chánh-quyền trên nhiều địa-hạt, với sự phát-triển của luật hành-chánh, sự thiết-lập một hệ-thống các pháp-đình hành-chánh là các tòa-án chuyên xét xử nền biện-sự hành-chánh, lại thấy cần-thiết hơn lúc nào hết. Đó là do những duyên-cớ kỹ-thuật, do sự khu-biệt của luật hành-chánh mà có, và chính duyên-cớ này đã thúc-dẩy nhiều nước khác trên thế-giới theo gương Pháp-quốc để đặt ra hai hệ-thống tòa-án riêng biệt. Đến cả những nước xưa nay vẫn theo truyền-thống là chỉ lập một qui-giai tư-pháp duy-nhất, như các nước Anh, Mỹ chẳng hạn, cũng đã bắt đầu thấy cần-thiết phải lập ra những tòa án riêng biệt có tánh-cách hành-chánh, để xét xử những vấn-đề hành-chánh, như sẽ nói ở một đoạn sau.

Hiện nay, *nguyên-tắc hợp-pháp* là một điểm trọng-yếu và thông-thường trong các hệ-thống pháp-lý của các Quốc-Gia văn-minh tân-tiến. Theo nguyên-tắc ấy, mọi hoạt-động trong Quốc-Gia, dù là hoạt-động tư-nhân hay hoạt-động của các cơ-quan công-quyền, đều phải phù-hợp với pháp-luật của Quốc-Gia đó. Các Quốc-Gia dân-chủ tân-tiến trong khối tự-do vẫn thường tự nhận vinh-dự là đích mình cũng do pháp-luật chi-phối, để các hành-vi hành-chánh thấy đều phù-hợp với pháp-luật ; nhưng hợp-pháp chưa đủ, mà còn phải kiểm soát sự hợp-pháp ấy : tính-cách hợp-pháp này tất nhiên sẽ do các tòa-án kiểm-soát. Đó là quan-niệm «Nhà Nước hợp-pháp» (*Etat légal*). Quan-niệm này là một quan-niệm dân-chủ, là yếu-kiện của một xã-hội tự-do, vì có mục đích bảo-vệ quyền-lợi của người dân trước những hành-vi lạm-quyền vi luật của các cơ quan hành pháp.

Nếu, trong Quốc-Gia tân-kỳ hiện-tại, cuộc sanh-hoạt hành-chánh cũng do pháp-luật chi-phối và do tòa-án kiểm-soát hợp-pháp-tính, thì ta phải tự hỏi : ngành pháp-luật nào chi-phối và hệ-thống tòa-án nào kiểm-soát ?

Trước khi trình-bày các giải-pháp đã được chấp-nhận để giải-quyết câu hỏi nói trên, tưởng cũng nên nhắc qua thể nào là tư-luật và công-luật.

Tư-luật là ngành luật-pháp khảo riêng về các lợi-quyền tư, (thí-dụ : quyền tư-hữu, quyền thừa-kế, quyền lưu-cư của người thuê nhà, trái-quyền, quyền sở-hữu văn-chương, mỹ-thuật và kỹ-nghệ, v.v...), các hoạt-động tư (thí-dụ : mua bán, thuê nhà, v.v...), chi-phối mối tương-quan giữa các tư-nhân với nhau, qui-định các quyền-lợi của tư-nhơn trong sự giao-thiệp hằng ngày.

Công-luật gồm những luật-lệ chi-phối Quốc-Gia và các cơ-quan công-quyền, qui-định mối tương-quan giữa các cơ-quan này và tư-nhân, Công-luật được chia ra nhiều ngành : luật hiến-pháp, luật hành-chánh, luật tài-chánh, quốc-tế công-pháp, v.v... Nói riêng về môn luật hành-chánh, luật này khảo về cách tổ-chức các công-sở, sự điều-hành công-vụ, sự hoạt-động của các cơ-quan hành-chánh, và mối liên lạc giữa các cơ-quan này và tư-nhân.

Trở lại câu hỏi trên đây về ngành luật-pháp nào sẽ áp-dụng cho sự hoạt-động của Quốc-Gia, và tòa-án nào sẽ kiểm-soát hợp-pháp-tính, có hai giải-pháp :

1.— Giải-pháp thứ nhứt

Theo giải-pháp này, Quốc-Gia và các cơ-quan công-quyền được đối xử như tư-nhơn, nghĩa là cũng tuân theo thường-luật, tức tư-luật (dân-luật, thương-luật, v.v...) như tư-nhơn vậy. Và tòa-án xét-xử hành-động của các cơ-quan sẽ là tòa-án tư-pháp, chuyên áp-dụng thường-luật cho tư-nhân, sẽ cũng lại áp-dụng luật ấy cho Quốc-Gia và các cơ-quan công-quyền.

Đó là giải-pháp áp-dụng tại các nước Anh, Mỹ. Tại các nước này, không có luật hành-chánh. Như vậy, không có nghĩa là Quốc-Gia không lệ-thuộc luật-pháp, lại không có nghĩa hoạt-động của các cơ-quan hành-chánh không do luật-pháp chi-phối và không bị đặt dưới sự chế-tái pháp-lý của quyền tư-pháp. Không có luật hành-chánh chỉ có nghĩa là không có luật riêng cho Quốc-Gia, cho các cơ-quan công-

quyền, và không có tòa-án riêng biệt để xét xử các vụ tranh-chấp liên-quan đến Quốc-Gia. Các pháp-nhân hành-chánh cũng như các tư-nhân đều do thường-luật chi-phối, và mọi loại tranh-tụng giữa tư-nhân hay giữa tư-nhân và Quốc-Gia, đều do tòa-án tư-pháp xét-xử theo thường-luật. Vậy lý-do chính khiến không có một hệ-thống pháp-đình hành-chánh riêng biệt tại Anh, Mỹ là vì tại các nước này không có luật hành-chánh, vậy không cần phải có tòa-án riêng để chuyên xét xử trên căn-bản luật này.

Trước kia, nguyên-tắc áp-dụng một ngành luật-pháp duy-nhất do một qui-giai tòa-án duy-nhất của giải-pháp thứ nhất này đã được các nước Anh, Mỹ thừa nhận một cách tuyệt-đối. Nhưng hiện nay, nguyên-tắc ấy đã dần dần nứt rạn, và các nước nói trên đã dung nhận nhiều ngoại-lệ, nghĩa là đã bắt đầu xét thấy cần phải phân-biệt hai ngành công-pháp và tư-pháp, và đặt ra nhiều pháp-đình có tánh-cách hành-chánh để xét-xử nhiều vấn-đề hành-chánh, như sẽ nói trong đoạn sau.

2.— Giải-pháp thứ hai

Giải-pháp này căn-cứ vào sự phân-biệt một ngành công-pháp riêng, khác với tư-luật, mà đối-tượng là khảo-cứu sự tổ-chức các cơ-cấu Quốc-Gia, các cơ-quan chính-quyền, qui-định nhiệm-vụ, quyền-hạn, chức-chương và hoạt-động của cơ-quan, cùng là mối tương-quan giữa cơ-quan và tư-nhân. Giải-pháp này lại thiết-lập một hệ-thống tòa-án hành-chánh riêng-biệt chuyên xét-xử theo công-pháp, các vụ tranh-tụng hành-chánh liên-quan đến các pháp-nhân hành-chánh.

Giải-pháp này đã được thừa-nhận đầu tiên tại Pháp-Quốc là nước trước hết đã công-nhận có một ngành công-pháp khác biệt với tư-luật, và đã thiết-lập một hệ-thống pháp-đình hành-chánh riêng-biệt với các tòa-án tư-pháp, để xét-xử các vụ tranh chấp hành-chánh theo luật hành-chánh.

Ở Việt-Nam cũng phân-biệt hai ngành tư-pháp và công-pháp, và hai hệ-thống tòa-án tư-pháp và hành-chánh khác nhau. Sự phân-loại hai môn luật tư-pháp và công-pháp ở nước ta mới phát-sinh trong thời-kỳ cận-đại, và là một quan-niệm mượn của Pháp-Luật Tây-phương, nhất là Pháp-quốc.

Lý-do phân-biệt hai môn luật tư-pháp và công-pháp rất hiển-nhiên :

Theo ý-niệm đã được trình-bày trong định-nghĩa của mỗi môn luật, thì đối-tượng của hai môn luật ấy khác nhau : một bên chuyên-khảo các vấn-đề liên-quan đến quyền-lợi tư, các hoạt-động của tư-nhân mà mục-đích trong sự giao-thiệp với nhau, là thực-hiện tư-lợi ; còn một bên nghiên-cứu tổ-chức chánh-quyền, các cơ-cấu Quốc-Gia, các công-sở, sự điều-hành công-vụ, cùng mối tương-quan giữa cơ-quan chánh-quyền và tư-nhân. Tóm lại, đối-tượng của công-pháp là nghiên-cứu quyền-lợi chung mà Quốc-gia là tượng-trưng cho quyền-lợi này; hoạt-động của Quốc-Gia có mục-đích thực-hiện lợi-ích công-cộng, nhiệm-vụ của Quốc-gia là tổ-chức và điều-hành công-vụ nghĩa là những dịch-vụ, những công-việc cần phải được thi-hành một cách điều-bòa và liên-tục để thỏa-mãn các nhu-cầu công-cộng của dân-chúng.

Vốn là ngành pháp-luật áp-dụng trong sự giao-tế giữa cá-nhân, ngành tư-luật là một ngành pháp-luật bình-đẳng vì qui-định những quyền-lợi tư được coi như bình-đẳng với nhau về phương-diện lý-thuyết. Trái lại, trong những mối tương-quan công-pháp, ta thấy có Quốc-Gia can-dự vào vì quyền-lợi chung, vậy khi có sự mâu-thuẫn giữa các quyền-lợi thì quyền lợi chung của Quốc-Gia phải có ưu-thế, nhưng ưu-thế này không phải là vô-hạn-định, mà trái lại đã được qui-định trong công-pháp.

Chủ-đích của hai môn luật đã khác nhau, thì tất-nhiên các nguyên-tắc căn-bản, làm nền-tảng cho mỗi môn luật, cũng phải khác nhau. Những tương-quan xã-hội đối-tượng của luật-pháp đều khác nhau về tánh-chất tùy theo, trường-hợp hoạt-động vì tư-lợi hay hoạt-động vì công-ích; do đó những kỹ-thuật pháp-lý áp-dụng để suy-luận về những giải-pháp do mối tương-quan ấy nêu lên cũng phải khác nhau tùy theo sự giao-thiệp giữa tư nhân với nhau hay với Chánh-quyền. Nói một cách khác, kỹ-thuật pháp-lý áp-dụng trong công-pháp khác với kỹ-thuật pháp-lý của ngành tư-luật. Kinh-nghiệm cho biết rằng

không thể áp-dụng luật này cho sự hoạt-động của Quốc-Gia, cho sự điều-hành công-vụ, vì một lẽ rất giản-dị là các bản văn về dân-luật đã được soạn-thảo trên quan-niệm lợi-quyền tư, trên ý-niệm hoạt-động tư-nhân nhằm mục-dịch thực-hiện tư-lợi, các bản-văn ấy lấy lợi-quyền tư làm đối-tượng và lấy tư-nhân làm chủ-thể

Một thí-dụ cụ-thể là ta không thể đem áp-dụng cho khế-ước hành-chánh nguyên-tắc bất di-dịch của khế-ước dân-sự (principe de l'intangibilité du contrat) bắt nguồn trong điều 1134 dân-luật, do đó, khế-ước là luật-lệ chi-phối mỗi tương-quan giữa đôi bên kết-ước. Theo dân-luật, một khế-ước ký-kết giữa hai tư-nhân chỉ có thể sửa đổi bởi một thỏa-hiệp mới của cả đôi bên.

Trái lại, khi tư-nhân ký-kết với Quốc-Gia một khế-ước hành-chánh liên-quan đến một hoạt-động công-vụ, thì Quốc-Gia, vì quyền-lợi chung, có quyền chuyên-quyết sửa-đổi để cải-thiện công-vụ bằng cách buộc người đối-ước phải thi-hành thêm những nghĩa-vụ không được dự-liệu trong khế-ước, mà không cần phải được người này thỏa-hiệp trước (dĩ-nhiên Quốc-Gia sẽ bồi-thường sau, nếu cần). Quốc-Gia có quyền đơn phương sửa-đổi khế-ước như vậy, là do một nguyên-tắc căn-bản sau đây mà là nền-tảng cho mọi tổ-chức và điều-hành công vụ : là nhu-cầu công-cộng, đối-tượng của công-vụ, luôn luôn thay-đổi tùy theo tình-hình luôn luôn biến-chuyển của các điều-kiện chánh-trị, xã-hội, kinh-tế và kỹ-thuật trong nước. Nhu-cầu công cộng đã thường thay đổi, thì công-vụ cũng cần được luôn luôn cải-tổ mới mong đạt được mục-dịch của một công-vụ là thỏa-mãn nhu-cầu của dân-chúng. Vì vậy, khế-ước ký-kết đầu tiên giữa Quốc-Gia và tư-nhân không thể là một trở ngại cho các canh-tân mà Quốc-Gia xét là cần-thiết để cải-thiện công-vụ. Quyền-lợi của tư-nhân đồng-ước không thể đưa đến kết-quả là làm cho công-vụ bất-di bất-dịch trong khuôn-khổ quá cũ của khế-ước khởi-thủy.

Trái lại, nếu đem áp-dụng thường-luật cho khế-ước hành-chánh, thì khế-ước này, mặc dầu có liên-quan đến sự điều-hành công-vụ, vẫn giữ nguyên tánh-cách khế-ước theo dân-

luật, do đó, mọi canh-lân trong tổ-chức công-vụ chỉ được thực-hiện với sự ưng-thuận của tư-nhân đồng-ước, mặc dầu chính Quốc-Gia mới là người chịu trách-nhiệm trước dân-chúng về sự điều-hành công-vụ. Vì vậy, quan-niệm công-vụ trở nên nặng-nề, không linh-dộng, mỗi sự đổi mới đều cần được đòi bên kết-ước đồng thỏa-thuận mới đem thực-hiện. Quá thiên về tư-luật dễ đặt dưới sự chi-phối của luật này những tương-quan giữa Quốc-Gia và tư-nhơn đồng-ước trong khế-ước hành-chánh, chỉ có hậu-quả tai-hại là làm tê-liệt công-vụ. Đáng lẽ ra, đối-tượng của khế-ước hành-chánh đã là công-vụ, thì sự điều-hành công-vụ ấy vì lý-do công-ích không thể dễ bị tê-liệt do ý-chí của tư-nhơn. Quá thiên về quyền-lợi tư-nhơn mà bằng quên lợi-ích công-cộng có thể là một trở-ngại lớn cho bước tiến của Dân-tộc.

Hơn nữa, dân-luật quá tiếm-nhiệm những ý-tưởng của cá-nhân chủ-nghĩa, lấy bình-đẳng pháp-lý giữa cá-nhân làm công-chuẩn lại tôn-trọng tự-do ý-chí, tự-do kết-ước của các cá-nhân, định rằng khế-ước là luật lệ của đôi bên kết-ước ; như vậy, dân-luật chỉ làm lợi cho kẻ mạnh và kẻ thông-minh xắc-xảo, mà không hề lưu-ý đến hậu-quả hay cứu-cánh xa-xôi của những người kết-ước, một khi trật-tự công-cộng và thuần-phong mỹ-tục không bị xâm-phạm. Do đó, dân-luật quá thiên về học thuyết cá-nhân, khiến có một vài khía-cạnh vô nhân-đạo. Trái lại, công-pháp là một nền luật-pháp cộng-đồng, bảo-vệ kẻ yếu, vì thường cho phép Quốc-Gia can thiệp vào nhiều địa-hạt để khuyến-khích và nâng-dỡ những hoạt-động có ích cho nhơn-quần xã-hội, và ngăn-ngừa những hoạt-động có hậu-quả nguy-hại. Do đó, đứng về phương-diện xã-hội, công-pháp hiện nay có nhiều công-dụng hơn tư-pháp, vì dễ làm thỏa-mãn các nguyện-vọng hiện-tại của quảng-đại quần-chúng hơn tư-pháp.

Nói riêng về sự áp-dụng thương-luật cho những tương-quan xã-hội của Quốc-Gia ở Mỹ-quốc, trái với lòng mong-muốn của các luật-gia Mỹ, sự áp-dụng luật ấy lại đưa đến một kết-quả kém hoàn-mỹ hơn là ở Pháp-quốc và ở Việt-Nam, là

những nước đã áp-dụng công-pháp cho Quốc-Gia. Một vài thí dụ để chứng-minh điều ấy :

a) Ở Mỹ, quyền tuyển-dụng và cách-chức các công-chức là một quyền chuyên-quyết của Chánh-Phủ. Các công-chức chỉ là những người làm công (employés) cho Chánh-phủ ; trong mối tương-quan với Chánh-Phủ, người công-chức Mỹ chỉ được coi như là một thường dân, vì vậy không được qui-chế công-vụ của luật hành-chánh bảo-đảm như ở Pháp và ở Việt-Nam, lại không có quyền xử-dụng các phương-pháp kháng-tổ của tổ-tụng hành-chánh để xin tiêu-hủy những quyết-định hành-chánh bất hợp-pháp, trừ khi nào có một điều luật minh-thị định khác (1).

b) Ở Mỹ, vì không có luật hành-chánh, nên không phân-biệt lỗi công-vụ hay lỗi cá-nhân của người công-chức. Ở Pháp và Việt-Nam, cũng như ở những nước có phân-biệt hai ngành tư-pháp và công-pháp, người công-chức chỉ riêng chịu trách-nhiệm bồi-thường về lỗi cá-nhân mà thôi; còn nếu lỗi gây thiệt-hại là một lỗi công-vụ, thì Quốc-Gia phải chịu trách-nhiệm.

Ở Anh, Mỹ thì khác. Vì trách-nhiệm của người công-chức được xét trên căn-bản thường-luật như trách-nhiệm của tư-nhân, nên trong khi thi-hành chức-vụ, nếu người công-chức, mặc dầu với tất cả lòng ngay thẳng, đã phạm một lỗi lầm gì để gây thiệt-hại, người công-chức vẫn phải riêng chịu trách-nhiệm bồi-thường (2), cũng như một tư-nhân phạm lỗi, phải chịu trách-nhiệm trên căn-bản của một điều-khoản thường-luật tương-tự như điều 1382 Dân-luật Pháp hiện còn áp-dụng tại Nam-Phần.

Quan điểm ấy có nhiều điều bất-lợi là làm tê-liệt bộ máy hành-chánh, giảm-bớt sáng-kiến và lòng sốt-sắng của người công-chức ; người này sẽ thành do-dự, không dám hăng-hái thi-hành nhiệm-vụ vì sợ có sự sai lầm trong việc giải-thích và

(1) — XC B.Schwartz «Le droit administratif américain».

(2) Bản án nguyên-tắc về vấn-đề này là án của Tòa-án tối-cao tiểu bang Massachusetts trong vụ Miller v. Horton, năm 1891.

áp-dụng pháp-luật khiến phải gánh chịu trách-nhiệm bồi-thường. Luật-pháp có một địa-hạt mông-mênh vô bờ bến, các điều-khoản thường khi rất phức-tạp, hoặc tối-nghĩa khó hiểu : không ai dám tự-hào là đã giải-thích và thi-hành đúng pháp-luật.

Quan-diểm ấy lại không hợp-lý : hiện nay số công-chức rất đông, phần nhiều lại nhũn-nhặn vô-danh, đồng lương ít ỏi mà buộc phải chịu trách-nhiệm riêng về những rủi-ro của chức-vụ, thì kể ra cũng có phần bất công.

Quan-diểm ấy lại không bảo-đảm cho dân-chúng được bồi-thường đầy đủ sự thiệt-hại do lỗi công-vụ gây ra. Nền tài-chánh của người công-chức thường eo-hẹp, (thí-dụ : tài-xế lái công-xa đi công-vụ chẳng may gây tai-nạn) tất nhiên không có tiền để bồi-thường nạn-nhân.

Hơn nữa, lại có nhiều loại công-chức được hưởng đặc-miễn về trách-nhiệm bồi-thường, thí-dụ như các thẩm-phán, các viên-chức mà chức-vụ có mẫu-sắc tài-phán, các viên-chức trong ủy-ban có tánh-cách tài-phán, các viên-chức mà quyền-hành có tánh-cách chuyên-quyết v.v... Khuynh-hướng hiện nay của án-lệ Mỹ là mở rộng quyền đặc-miễn cho nhiều loại công-chức khác. Nếu nạn-nhân bị thiệt-hại vì một lỗi công-vụ của các loại công-chức này, sự thiệt-hại sẽ không được đền bù, vì người công-chức được đặc-miễn, và nạn-nhân cũng không thể đòi Quốc-Gia phải bồi-thường thay cho người công-chức, vì Quốc-Gia cũng được đặc-miễn như sẽ nói sau đây.

c) Ở Anh-Mỹ, câu nói : «thường-luật chi-phối Quốc-Gia cũng như tư-nhân» không hẳn là đúng. Vì trong một vấn-đề quan-trọng, là vấn-đề trách-nhiệm, Quốc-Gia lại không bị luật ấy chi-phối. Quốc-Gia là một chủ-nhân quan-trọng nhất, vì có nhiều thuộc viên nhứt ; vậy đáng lý ra, theo thường-luật, Quốc-Gia phải được đối-xử như các chủ-nhân khác, nghĩa là phải chịu họ-trách về những hành-vi thuộc chức-vụ của các thuộc-viên. Nhưng không : về vấn-đề này, Quốc-Gia từ xưa tới nay được coi là vô trách-nhiệm, nguyên-tắc căn-bản làm

nền-tảng cho vấn-đề này là sự đặc-miễn của Quốc-Gia (immunité du souverain). Sự đặc-miễn này có nghĩa là mọi đơn khởi-tố kiện Quốc-gia, muốn được chấp-nhận, phải được Quốc-Gia ưng-thuận trước, sự ưng-thuận này phải được biểu-thị bằng một đạo luật (1). Nguyên-tắc vô trách-nhiệm của Quốc-Gia bắt nguồn trong câu phương-ngôn Anh-cát-lợi «The King can do no wrong» (Vua không thể làm điều lầm lẫn), do đó Vua không chịu trách-nhiệm về những hành-vi bất-hợp-pháp của các thuộc-viên, bất-luận lỗi đã phạm trong hay ngoài sự thi hành công-vụ.

Các luật-gia Mỹ rất lấy làm ngạc-nhiên tại-sao nguyên-tắc nói trên, vốn dĩ của nền pháp-luật Anh, lại có thể du nhập vào Mỹ-Quốc, là một nước Cộng-Hòa, không có Vua, mà chủ-quyền-khởi-thủ đã thuộc về toàn dân (2).

Thuyết về đặc-miễn của Quốc-Gia đã được các tòa-án Mỹ chấp-nhận. Theo Ông Bernard Schwartz, Giáo-sư luật-khoa Đại-học-đường Nữu-Uớc, thì Tối-Cao Pháp-Viện Mỹ đã chứng-minh thuyết ấy với lý-do là Quốc-Gia đã thiết-lập các tòa-án thì Quốc-Gia không thể bị kiện trước các tòa án là các cơ quan mà chính Quốc-Gia đã đặt ra (bản án United States v. Lee, 1882) (3).

(1) — XC B.Schwartz «Le droit administratif américain» trang 212.

(2) — Que cette doctrine ait été introduite aux Etats-Unis où il n'y avait pas de roi, où le Chef de l'Etat ne fut jamais le souverain où le pouvoir souverain de l'Etat résida dès le début dans le peuple, cela a paru un mystère à certains juristes américains eux-mêmes, et il est difficile de comprendre, en effet, comment, dans une république démocratique, où les droits de l'individu à l'encontre de l'Etat sont en principe de droit fondamental, on a accepté la doctrine de l'immunité juridictionnelle de l'Etat et son irresponsabilité à l'égard des individus pour dommages causés par ses agents «(Garner, la conception anglo-américaine du droit administratif, dans Mélanges Maurice Hauriou, 364).

(3) — La Cour suprême des Etats-Unis a déclaré : «Il semble tout à fait probable que cette doctrine a été adoptée par nos Cours, comme une application de la théorie générale des publicistes en vertu de laquelle le pouvoir suprême dans tout Etat, à quelques mains qu'il soit confié, ne doit pas être contraint, par la procédure de Cours qu'il a lui-même créées, à se défendre devant ces dernières » (B.Schwartz, op cit., 213)

Ông Holmes, cựu thẩm-phán Tối-Cao Pháp-Viện Mỹ, lại giải nghĩa thêm rằng Quốc-Gia phải có quyền đặc-miễn vì Quốc-Gia là tác-giả đã tạo thành luật-pháp, vậy Quốc-Gia phải ở trên luật-pháp. Không ai được đòi hỏi một quyền-lợi đối với Quốc-Gia trước một tòa-án nếu không có sự ưng-thuận của Quốc-Gia (1).

Lẽ dĩ-nhiên là những lời giải-thích nói trên đều bị chỉ-trích kịch-liệt vì trái với một quan-niệm dân-chủ là quan-niệm «Nhà Nước hợp-pháp»; nhưng dầu sao, không một tòa-án nào ở Mỹ phủ-nhận quyền đặc-miễn của Quốc-Gia; và mới đây (năm 1949) còn được xác-nhận lại nguyên-tắc do đó Quốc-Gia không thể bị kiện trong những vụ mà sự ưng-thuận của Quốc-Gia không được biểu-thị rõ rệt bằng một đạo-luật (2).

Thuyết đặc-miễn của Quốc-Gia được công nhận trên địa-hạt trách-nhiệm khế-ước cũng như trên địa-hạt trách-nhiệm ngoại khế-ước (*responsabilité extra-contractuelle*).

Ở Pháp và Việt-Nam thì khác hẳn.

Từ nguyên-tắc khởi-thủy là nguyên-tắc vô trách-nhiệm của Vua Chúa, và của Quốc-Gia, Tham-Chính-Viện Pháp đã căn-cứ vào những nguyên-tắc đại-cương của công-pháp để dần dần tạo-thành một án-lệ vững-chắc công-nhận trách-nhiệm của Quốc-Gia trên địa-hạt khế-ước cũng như ngoại khế-ước.

Các pháp-đình hành-chánh Việt-Nam, mặc dầu mới thiết-lập được mấy năm nay, cũng đã hướng theo sự tiến-hóa của trào-lưu dân-chủ, để xác-nhận nguyên-tắc trách-nhiệm của Quốc-Gia.

(1) — Un souverain est à l'abri de toute poursuite, non pas en vertu d'une conception formaliste ou d'une théorie surannée, mais par suite de cette idée logique et pratique qu'il ne peut y avoir de droit contre l'autorité qui pose une règle de droit objective sur lequel repose ce droit* (lời giải thích của ông thẩm-phán Holmes do Giáo-sư B.Schwartz dịch ra tiếng Pháp trong cuốn *Le droit administratif américain*, trang 214).

(2) — B.Schwartz, *Le droit administratif américain*, trang 214: «Le principe qui permet aux Etats-Unis de ne jamais être poursuivis dans une affaire pour laquelle une loi n'a pas donné son consentement à la poursuite, a été même réaffirmé tout récemment en 1949 (*Larson v. Domestic and Foreign Corp.*).»

Khuynh-hướng hiện tại về sự công-nhận một ngành luật hành-chánh riêng biệt, khác với thường-luật.

Vì tất cả các lý-lẽ đã trình-bày trên đây, các Nước xưa nay vẫn áp-dụng một ngành luật-pháp duy-nhứt là thường-luật cho tư-nhân cũng như cho Quốc-Gia — như các nước Anh-Mỹ chẳng hạn — nay đã nhận thấy cần phải có một ngành luật-pháp riêng biệt, khác với thường-luật (common law), để qui-định hoạt-động của Quốc-Gia (1)

Trước kia, khi tổ-chức các cơ-cấu Quốc-Gia còn đơn sơ, số công-sở cũng ít, đời sống của dân-chúng còn mộc-mạc, Chánh-quyền không hay can-thiệp vào cuộc sanh-hoạt xã-hội của nhân-dân, khiến sự giao-thiệp giữa Quốc-Gia và tư-nhân có phần đơn-giản; vì vậy, có thể áp-dụng thường-luật cho sự giao-thiệp này mà không thấy gặp trở-ngại lớn lao; và sự cần-thiết phải phân-biệt một ngành luật hành-chánh để qui-định hoạt-động của Quốc-Gia không gặp rút lắm.

Nhưng hiện nay, từ đầu thế-kỷ thứ 20, hoạt-động của Quốc-Gia ngày một tăng cường, số công-sở và công-chức nhiều thêm, Quốc-Gia vì lợi-ích công-cộng lại thường can-thiệp vào những phạm-vi trước kia dành riêng cho sáng-kiến, hoạt-động và tự-

(1) Về sự phát-triển ngành luật hành-chánh ở Anh-Mỹ, xin coi:

— Garner, *La conception anglo-américaine du droit administratif*, Mélanges Hau-riou, 382; *La justice administrative en France et aux Etats-Unis*, Rec.d'études E.Lam- bert, 11.79.

— B.Schwartz, *Le droit administratif américain*.

— Morstein Marx, *Quelques caractéristiques du droit administratif aux Etats-Unis*, Livre jubilaire du Conseil d'Etat, 673.

— Lawson, *Le droit administratif anglais*, Rev.int dr. comp., juill.-sept. 1951, 412

— William Robson, *Le droit administratif en Angleterre de 1919 à 1950*, Livre jubilaire du Conseil d'Etat, 649

— Riêng về Mỹ, một đạo luật về thủ-tục hành-chánh (Federal Administrative Procedure Act) đã được ban-hành năm 1946 để qui-định thủ-tục mà các cơ-quan hành-chánh phải tuân theo trước khi ra một quyết-định hành-chánh liên-quan đến nhân-thân hay tài-sản của một tư-nhơn. Ông Arthur T.Vanderbilt, trước là khoa-trưởng luật-khoa đại-học đường Nữu-Uớc, bây giờ là Chánh án tòa-án tối-cao tiều-bang, New-Jersey, đã giới-thiệu đạo-luật ấy như là khởi-thủy một kỷ-nguyên mới của luật hành-chánh Huê-Kỳ (Le début d'un nouvel âge du droit administratif des Etats-Unis).

do kinh-doanh của tư-nhơn; do đó, mối tương-quan giữa Quốc-Gia và tư-nhơn càng ngày càng trở nên mật-thiết, phức-tạp. Nền hành-chánh của Quốc-Gia ngày càng mở rộng lớn, có ảnh-hưởng trên mọi địa-hạt, lại phân-nhánh về từng làng, từng thôn, từng xóm; nhiều nhiệm-vụ hành-chánh lại có tính cách kỹ-thuật, khiến phải trao cho các cơ-quan chuyên-môn; luật-lệ ban-hành lần lần đã có màu-sắc riêng biệt, khác với thương-luật, để thay thế luật này trong việc qui-định hoạt-động hành-chánh; các hành-vi của các cơ-quan mỗi ngày một nhiều, và khi can-thiệp thường-xuyên vào đời sống tư-nhân, có thể xâm-phạm đến quyền lợi và gây thiệt-hại cho họ, khiến nguyên-lý khởi-thủy về sự vô trách-nhiệm của Quốc-Gia cũng cần phải được sửa đổi. Tỉ dụ, mới đây, đạo luật năm 1946 (Federal Tort Claims Act) ở Mỹ-quốc, và đạo luật năm 1947 (Crown Proceedings Act) ở Anh-quốc, đã thay-thế trách-nhiệm của Quốc-Gia vào trách-nhiệm riêng của công-chức về những thiệt-hại do lỗi công-vụ gây nên. Dầu sao, đó chỉ là bước đầu, vì các đạo luật ấy mới chỉ công-nhận trong một phạm-vi nhỏ hẹp (vì còn bao gồm nhiều ngoại lệ) nguyên-tắc trách-nhiệm của Quốc-Gia, nguyên-tắc ấy chưa được công-nhận một cách rộng rãi, đầy đủ, như trong án-lệ Tham-Chính-Viện Pháp (1).

Sở dĩ chế độ hành-chánh của Pháp hiện nay tiến tới một cao-độ dân-chủ, bảo-vệ hữu-hiệu các quyền-lợi công-dân, như

(1) — Nói riêng về Mỹ-Quốc, Giáo-sư Mỹ Bernard Schwartz đã viết: «La responsabilité prévue par la loi américaine (de 1946) est loin d'un système extensif de la responsabilité de l'Etat comparable à celui qui a été développé par le Conseil d'Etat en France. Un observateur du droit administratif américain peut même conclure que le défaut d'application de la règle de responsabilité à toutes les actions de l'Etat constitue encore la lacune la plus grave du système américain. Le défaut d'une protection adéquate contre l'Etat, exception faite des limites prévues par la loi de 1946, est d'une importance encore plus grande depuis que s'est révélée la tendance à conférer une immunité aux fonctionnaires pris individuellement, tendance qui supprime le seul procédé pour obtenir réparation dont dispose le citoyen victime de l'action administrative. A moins que l'Etat lui-même n'assume la responsabilité de réparer les dommages ainsi causés — et d'après la loi américaine de 1946 il ne le fait que d'une façon limitée — le citoyen est laissé sans protection juridique, résultat qui semble intolérable dans un état démocratique moderne.

các luật-gia Anh-Mỹ đã công-nhận (1), là vì ngay từ lúc đầu, Pháp đã phân-biệt có một ngành luật hành-chánh riêng, và môn luật này là do án-lệ Tham-Chính-Viện, trong hơn 160 năm hoạt-động, đã dần dần tạo-lập nên, hướng theo hai nguyên-tắc căn-bản là nguyên-tắc hợp-pháp và trách-nhiệm của Quốc-Gia.

Lý-do hiện-tại về sự thiết-lập các Pháp-đình hành-chánh

Khi đã trình-bày khuynh-hướng hiện-tại về sự phân-biệt hai ngành công-pháp và tư pháp, và sự cần-thiết áp-dụng công-pháp cho hoạt-động của các cơ-quan công-quyền và cho mối tương-quan giữa Quốc-Gia và tư-nhơn, thì có thể nhận thấy lý-do rất hiển-nhiên của sự cần-thiết tạo-lập một hệ-thống pháp-đình hành-chánh riêng biệt để xét-xử các vụ tranh-tụng hành-chánh theo công-pháp.

Hoạt-động của Quốc-Gia khác với tư-nhơn, nền-tảng và chủ-dịch của công-pháp khác với tư-pháp, kỹ-thuật pháp-lý (hiện nay rất phức-tạp) áp-dụng trong hai ngành luật-pháp

(1) — Thí dụ, ông Garner đã viết: «Alors qu'au début, le but principal du droit administratif français était de protéger l'administration contre l'intrusion des magistrats judiciaires... dans le cours de son développement, il est devenu un système de droit dont le principal objet est de protéger les individus contre l'arbitraire et la *conduite illégale* des autorités administratives et d'assurer *réparation* à ceux qui ont subi des dommages par la faute de ces autorités.»

— Giáo-sư William A. Robson, Viện Đại-học Londres, cũng viết: «... et même les juristes les plus conservateurs sont prêts à reconnaître que le système français offre au citoyen de plus grandes garanties de justice et des chances plus grandes de réparation dans ses rapports avec l'Etat que les Cours anglaises. Aucun juriste anglais ne parut disposé à soutenir le contraire à la Conférence juridique anglo-française organisée à Londres par la Law Society en 1947» (Le droit administratif en Angleterre de 1919 à 1950, Livre jubilaire du Conseil d'Etat, p.649).

— Sau đây là ý-kiến (dịch ra tiếng Pháp) của luật-gia Mỹ Frank J. Goodnow trong cuốn Comparative Administrative Law: «L'expérience française a montré que, dans les rares cas où l'on peut comparer les décisions des tribunaux judiciaires et administratifs en matière de droits individuels, celles des tribunaux administratifs sont plus favorables aux particuliers. En effet, la tendance du juge de l'ordre judiciaire en présence d'une question de caractère administratif est de la traiter selon les règles du droit privé, ce qui le conduit souvent à des erreurs et à une exclusive technicité».

ấy lại khác nhau, thì tất nhiên phải có các tòa-án chuyên-môn khác nhau để suy-luận và xét-xử các vụ tranh-tụng thuộc công-pháp hay tư-pháp.

Đó chỉ là một cuộc phân-công cần-thiết, và sự tiến-bộ của luật-pháp là do nơi phân-công ấy. Sở dĩ Tham-Chính-Viện Pháp đã tạo-thành, bằng án-lệ, một môn luật hành-chánh đầy đủ, lại dân-chủ, tân-tiến như ngày nay, là vì các pháp-đình hành-chánh Pháp đã được tổ-chức thành hệ-thống riêng biệt ngay từ đầu thế-kỷ thứ 19 (1), các pháp-đình này lại theo dõi hoạt-động của Quốc-Gia khảo-xét các nhu-cần thiết-yếu luôn luôn biến-chuyển của cuộc sanh-hoạt hành-chánh trên những căn-bản khác với thường-luật mà không buộc phải suy-luận theo khuôn-khổ quá cứng-rắn của thường-luật, là một nền luật-pháp mà bản-chất chính-yếu là thành-văn (*droit écrit*).

Các luật-gia thường có ý-kiến rằng : nếu ở bên Pháp, ngay từ đầu, nền biện-sự hành-chánh được giao cho tòa-án tư-pháp xét-xử, thì các tòa này tất nhiên sẽ áp-dụng các thể-lệ giống như thể-lệ thường-luật (tỉ dụ ở Anh, Mỹ) (2), và luật hành-chánh Pháp chưa chắc đã có thể đi tới mực-độ tân-tiến như ngày nay. Bởi lẽ các tương-quan giữa Quốc-Gia và tư-nhơn biến-chuyển mau hơn các tương-quan giữa cá-nhân với cá-nhân; quan-niệm về Quốc-Gia, về vai trò của Quốc-Gia, cũng là những yếu-chỉ linh-động hơn, vậy nếu lấy thường-luật làm mực-thước xét-xử các vụ tranh-tụng hành-chánh, thì án-lệ có lẽ đã không theo kịp sự tiến-hóa của cuộc sanh-hoạt hành-chánh, sự biến-chuyển của các nhu-cần công-cộng thiết-yếu mà sự thỏa-mãn là đối-tượng của mọi hoạt-động quốc-gia.

(1) — « S'il y a aujourd'hui en France un droit administratif autonome, comprenant d'autres règles que purement descriptives, c'est, et c'est uniquement, parce qu'il y a un Conseil d'Etat. Sans l'institution du Conseil d'Etat, il n'y aurait pas de droit administratif digne de ce nom. Le droit administratif français, c'est essentiellement l'oeuvre jurisprudentielle du Conseil d'Etat » (Waline, *Droit administratif*, 7^e éd. p. 32).

(2) — « La tendance du juge de l'ordre judiciaire en présence d'une question de caractère administratif est de la traiter selon les règles du droit privé, ce qui le conduit souvent à des erreurs... » (Goodnow, *op. cit.*).

Chính ngay trong nội-bộ hệ-thống các tòa-án tư-pháp, khuynh-hướng thông-bác hiện-tại cũng là chuyên-môn-hóa (spécialisation) các nhiệm-vụ tài-phán, thí dụ : tòa-án dân-sự, tòa-án thương-mại, tòa nhà-phổ, tòa-án thiếu-nhi, tòa cấp-dưỡng, tòa-án lao-động, tòa-án quân-sự, tòa-án điền-địa, v.v... để xét-xử những loại tranh-tụng khác nhau theo nhiều ngành của thương luật thì hướng hồ một môn luật khác hẳn, là ngành công-pháp vừa rườm-rà, phức-tạp, lại luôn luôn thay đổi, thì tất-nhiên phải có một hệ-thống pháp-đình riêng biệt để xét-xử theo những kỹ-thuật pháp-lý riêng biệt ; và pháp-đình này sẽ vun đắp cho công-trình kiến-trúc luật-pháp hành-chánh được thêm tốt đẹp (1).

Vả lại, bước sang thế-kỷ thứ 20, hai cuộc đại-chiến đã làm đảo-lộn tình-trạng kinh-tế và xã-hội của hầu hết các nước trên thế-giới; tiếp đó, là những cuộc tranh-đấu của các tiểu-nhược quốc vùng lên giành độc-lập, khiến những luật-lệ ban-bố trong thời kỳ chiến-tranh, những luật-lệ có mục-dịch chấn-hưng Quốc-Gia, những luật-lệ về kinh-kế chỉ-huy, đã làm thay đổi rất nhiều cục-diện của mối tương-quan giữa Quốc-Gia và tư-nhơn. Cộng thêm vào đó những luật-lệ rất phức-tạp trong địa-hạt hành-chánh, như luật-lệ về xây-dựng cải tiến hương-thôn, lâm-sản canh-nông, hầm mỏ, điện khí, tiểu công-nghệ, hàng-không dân sự, thương-thuyền, sông ngòi đạo lộ, vận-tải công-cộng, hỏa-xa, thương-cảng, bưu-điện, thuế-má, cấp-dưỡng dân-sự và quân-sự, cấp-dưỡng vi tân-phế, hưu-bổng, tuất-kim cô-nhi quả-phụ, kế-toán công, quỹ tín-dụng, nông-tín, quỹ tiết-kiệm, tài-chánh công, ngoại-thương, tiền-tệ, qui-chế cự chiến-bình, lao-động, an-ninh và tương-trợ xã-hội, vệ-sinh và y tế công-cộng, luật-lệ về việc hành nghề dược-sĩ, y-sĩ, nha-sĩ, nữ hộ-sinh, thiết-kế đô-thị, chỉnh-trang thành-phố, thanh-niên thể-thao, giáo-dục, văn-chương, nghệ-thuật, khoa-học, báo-chí vô-tuyến truyền-thanh, tự-do công-cộng, cảnh-sát hành-chánh, hầu-cử, tổ-chức hành-chánh, công-vụ, công-sở, qui-chế công-

(1) — « Le caractère spécial du droit administratif postule un juge spécial pour l'appliquer; en retour c'est ce juge qui élabore ce droit social » (A. de Laubadère, Manuel de Droit Administratif, p. 17).

chức, công-sản, truất-hữu vì công-ích, du-lịch, quốc-phòng, v.v. Xem như vậy, thì phạm-vi luật hành-chánh rất rộng-rãi, nội-dung lại linh-dộng, nghĩa là biến-chuyển luôn, khiến không thể diễn-chế (codifier) như dân-luật, thương-luật hay hình-luật được. Do đó, ta không thể buộc các thẩm-phán tư-pháp phải am-hiểu tường-tận một qui-lệ quá bao-quát, linh-tinh, tạp-bạc như vậy, khi mà địa-hạt của tư-luật cũng đã là mông-mênh rộng lớn lắm rồi (1).

Nếu trao nền biện-sự hành-chánh (contentieux administratif) cho thẩm-phán tư-pháp xét-xử, thẩm-phán này, đứng trước một qui-lệ quá bao-la, phức-tạp, lại thường sống xa-biệt với cuộc sanh-hoạt hành-chánh, nên không am-hiểu các nhu-cầu thiết-yếu của cuộc sinh-hoạt này, khiến sẽ trở thành bỡ-ngỡ. Kinh-nghiệm ở Anh Mỹ có thể chủ-giải điều ấy (2). Giáo-sư Anh Hamson nhận-xét rằng công-chức Anh không ngăn-

(1) — « On ne peut exiger les magistrats judiciaires, qu'ils connaissent le droit administratif. Pourquoi ? C'est que le droit administratif représente à lui seul une quantité importante de connaissances qui viendrait s'ajouter à une masse considérable d'autres connaissances juridiques que doivent déjà posséder ces magistrats : droit civil, droit pénal, droit commercial, droit des assurances, droit maritime, législation industrielle, droit international privé, enregistrement, procédure civile, procédure pénale, droit des brevets, des marques, de la propriété littéraire, artistique, industrielle, etc... »

Depuis moins d'un siècle, le Droit a pris une importance imprévue et s'est diversifié considérablement, et il est impossible aujourd'hui, à moins d'aptitudes exceptionnelles d'en posséder convenablement toutes les branches.

Peut-on raisonnablement demander à des magistrats qui doivent d'autre part avoir des connaissances très poussées en bien des branches du droit, d'y ajouter encore une connaissance approfondie du droit administratif, tel que l'a fait la jurisprudence du Conseil d'Etat depuis le début du XIX^e siècle ?...

Puisqu'il s'agit d'appliquer deux droits très nettement différents, il est préférable de diviser cette tâche entre différents tribunaux : chacun connaîtra mieux son métier». (Waline Droit administratif, 6^e ed. p. 48).

— « Le droit administratif est devenu un droit très spécial, foncièrement différent du droit civil, son application exige un juge spécialiste, différent du juge civil lequel, éloigné de la vie administrative, habitué aux règles, concepts et méthodes du droit civil, serait peu apte techniquement à juger le contentieux administratif» (A. de Laubadère, Manuel de droit administratif, P. 43).

(2) — « L'administration moderne est une opération hautement technique dont les tribunaux ordinaires se sentent par la nature même des choses trop éloignées pour s'y tenir à l'aise dans le rôle de critiques, particulièrement en ce qui concerne les questions de fait, mais même souvent sur le droit. L'efficacité de la justice administrative est en corrélation directe avec la connaissance qu'a le juge de l'administration» (trích trong bài « Quelques caractéristiques de droit administratif aux États-Unis » của ông Fritz Morstein Marx, Giáo-sư Viện Đại-học Washington, đăng trong cuốn Livre jubilaire du Conseil d'Etat, tr. 673).

ngại mà nói rằng chỉ họ mới hiểu biết những cần-thiết chính-xác của nền hành-chánh, còn thẩm-phán thì không (1). Chính thẩm-phán Anh, khi xét-xử nền biện-sự hành-chánh, cũng có ý-thức về những khuyết điểm của mình do sự không am-tường luật hành-chánh mà ra. Nếu xưa kia, khi tổ-chức Quốc-gia còn đơn-giản, kỹ-thuật xét-xử các vụ tranh-tụng hành-chánh và các vụ kiện tư-luật có thể giống nhau; nhưng hiện nay, với hoạt-động tăng-cường của hành-pháp, với những tổ-chức hành-chánh trung-ương quá mạnh, với tính-cách quá kỹ-thuật của nhiều tác-vụ hành-chánh, thẩm-phán tư-pháp trở thành bỡ-ngờ (2) gần như lạc-hướng, không biết phải xử-đoán các vụ tranh-tụng hành-chánh cách nào : tỉ-dụ : trong một vấn-đề quan-trọng là vấn-đề trách-nhiệm hành-chánh, tòa-án tư-pháp Anh, Mỹ vẫn một mực giữ nguyên thuyết lỗi-thời từ đời phong-kiến và quân-chủ chuyên-chế để lại, là thuyết vô trách-nhiệm của Vua, Chúa, chờ có một đạo-luật được ban-bố (năm 1946 ở Mỹ, 1947 ở Anh) mới chuyển-hướng án-lệ một cách còn dè-dặt.

Tóm lại, chia hai hệ-thống tài-phán hiện nay chỉ là một vấn-đề phân-công, một sự chuyên-môn-hóa cần-thiết trong mọi xã-hội tân-kỳ (3); các thẩm-phán hành-chánh, theo điều-kiện

(1) — « Le juge anglais ne connaît pas l'administration de l'intérieur, comme peut le faire le juge administratif français. Il ne serait pas possible, ainsi que le remarque le Professeur Hamson, à un fonctionnaire français de dire que le juge a pris une décision sans connaissance de son contexte; le fonctionnaire anglais ne se gêne pas pour dire que, lui, connaît — le juge pas — les nécessités de l'administration... Le juge anglais est conscient de son infériorité, de ses lacunes. Opinant dans le sens de la majorité, Lord Wright disait à la Chambre des Lords : « Je ne peux découvrir aucune raison pour m'inciter à croire que l'accomplissement de cette mission (celle incombant au ministre) doit être soumis au contrôle d'un juge qui ne peut pas recueillir les renseignements d'après lesquels le ministre a pris une décision ou apprécié la portée d'une mesure inspirée par l'intérêt national » (dans l'affaire *Liversidge v. Anderson*, 1942) (Daniel Pepy, *Justice anglaise et justice administrative française*, Etudes et documents du Conseil d'Etat, 1956, p. 159).

(2) — « Le juge anglais, en face de cette inflation de l'exécutif, se trouve pratiquement désarmé » (Daniel Pepy, *op. cit.*).

(3) — « Le principe de la séparation des fonctions administratives et judiciaires prend place dans cette tendance universelle à la division du travail et à la spécialisation qui caractérise la société moderne » (Georges Maleville, *Séparation des fonctions administratives et judiciaires et organisation du Conseil d'Etat*, Juris-classeur administratif, fasc 600).

tuyên-dụng, lại đã có kinh-nghiệm hành-chánh, và thường quen suy-nghiệm về các nguyên-lý của luật hành-chánh, sẽ có thẩm-quyền chuyên-môn và khả-năng thích-hợp hơn trong việc áp-dụng luật này.

Luật đối chiếu

Hiện nay, nhiều nước trên thế-giới đã thiết-lập các pháp-đình hành-chánh riêng-biệt tương tự như ở Pháp :

Có nhiều nước đã tự-hội các pháp-đình ấy trong một hệ-thống gồm một Tham-Chính-Viện hay một Pháp-Viện hành-chánh tối-cao, và các tòa-án hành-chánh, mà tổ-chức và thẩm-quyền hoặc giống như Tham-Chính-Viện và các tòa-án hành-chánh ở Pháp, hoặc có khác ít nhiều; thí-dụ : Turquie, Colombie, Equateur, Panama, Belgique, Việt-Nam, Italie, Egypte, Grèce, Allemagne, Espagne, v.v...

Còn nhiều nước khác thì chỉ mới đặt ra các pháp-đình hành-chánh lẻ tẻ chưa hợp thành hệ-thống, thí-dụ : Danemark, Mexique, Suède, Hollande, Uruguay, Vénézuéla, v. v...

Khuynh-hướng hiện tại ở Hoa-kỳ và Anh.

Huê-Kỳ.— Ở Huê-Kỳ, khởi-thủy chỉ có một hệ-thống duy-nhất là hệ-thống tòa-án tư-pháp phụ-trách xét-xử các vụ tranh-tụng giữa tư-nhơn với nhau, hoặc giữa tư-nhơn với Quốc-Gia.

Lần lần, những tòa-án hành-chánh lẻ tẻ đã được thiết-lập, thí-dụ :

a) Pháp-viện xét các khiếu-nại về khế-ước ký-kết giữa Quốc-Gia và tư-nhơn (Court of Claims: Cour des réclamations).— Vì các tòa-án tư-pháp vẫn áp-dụng một cách nghiêm-nhặt thuyết vô trách-nhiệm của Quốc-Gia trên địa-hạt khế-ước, nên Quốc-hội Huê-Kỳ, để sửa đổi tình-trạng ấy, đã thiết-lập, năm 1855, một pháp-viện riêng (Court of Claims) để xét xử các vụ kiện Quốc-Gia liên quan đến một khế-ước. Tuy nhiên, pháp-viện này cũng ít có công-dụng, vì khuynh-hướng hiện tại ở Huê-kỳ là Chánh-phủ thường hay trù-liệu điều-khoản theo đó, mỗi khi có tranh-chấp về khế-ước, thì quyết-định của các nhà chức-trách hành-chánh là tối-hậu, và người đối-ước không thể

kháng-nại được. Tối-Cao Pháp-Viện Huê-Kỳ đã giải-thích điều-khoản ấy như có hiệu-lực tước quyền kháng-tố của người đối-ước trước các tòa-án (bản án United States v. Moorman, 1950).

b) Pháp-viện thuế-vụ (Tax Court : Cour des impôts) là một pháp-đình hành-chánh biệt-lập, tạo ra năm 1929, có thẩm-quyền xét xử những vụ tranh-tụng về thuế-má giữa Quốc-gia và tư nhơn.

Ngoài ra, năm 1929, dự-án luật của ông Norris có đề- nghị thiết-lập một tòa-án hành-chánh có thẩm-quyền tổng-quát, và cùng năm đó, ở Anh cát lợi, ông Port cũng đề-nghị thiết-lập một pháp-viện hành-chánh (Cour administrative).

Năm 1936, tổng-hội luật-sư-đoàn Huê-Kỳ chấp-nhận nguyên tắc thiết-lập một pháp-viện hành-chánh liên-bang (Cour fédérale administrative) để điều-hòa án-lệ của các tổ-chức lễ-tể có tánh-cách pháp-đình hành-chánh; và ông Logan, thượng nghị-sĩ, đề-nghị thiết-lập một pháp-đình hành-chánh chia ra nhiều phòng sơ-thẩm và kháng-cáo.

Năm 1938, ông Logan, thượng-nghị-sĩ, và ông Celler hạ-nghị-sĩ đệ- nạp ở Quốc-Hội những dự-án về việc tạo-lập tòa-án hành-chánh.

Năm 1939, hai ông Logan và Celler lại đệ- nạp các dự-án luật về luật hành-chánh, các dự-án này tổng-hợp những đề-nghị đã được tổng-hội luật-sư-đoàn Huê-kỳ thảo-luận và chuẩn-y năm 1939.

Đồng thời, một dự-án luật về thủ-tục hành-chánh cũng được đệ-nạp.

Vì chiến-cuộc lan rộng, Quốc-Hội đã ngưng thảo-luận về các dự-án ấy.

Đến năm 1946, đạo luật về thủ-tục hành-chánh (Federal administrative Procedure Act) đã được biểu-quyết và ban-hành

Anh-cát-lợi.— Cũng như ở Huê-kỳ trước kia, Anh-cát-lợi chỉ biết có một nền luật-pháp duy-nhứt, áp-dụng do một qui-giai tòa-án duy nhứt.

Nhưng dần dần, những nhu-cầu công-cộng mới đã xuất-hiện, phát-sinh ra do tình-trạng chiến-tranh, khủng-hoảng kinh-tế, những ý-tưởng mới của chủ-nghĩa xã-hội, nên nhiều đạo luật mới thuộc phạm-vi hành-chánh đã được ban-hành, và áp-dụng do các tổ-chức riêng-biệt có tánh-cách pháp-đình hành-chánh. Chính ông William A. Robson, giáo-sư Viện đại-học Londres, cũng công-nhận sự phát-triển quan-trọng của hệ-thống luật hành-chánh và tòa-án hành-chánh hiện nay ở Anh-cát-lợi (1).

Vì ở Anh, chưa tổ-chức một hệ-thống pháp-đình hành-chánh có thẩm-quyền tổng-quát như ở Pháp và Việt-Nam, nên nhà lập-pháp Anh giao cho từng loại tòa-án hành-chánh chuyên-môn, nhiệm-vụ xét xử, cũng theo từng loại, các tranh-chấp do sự thi-hành các đạo luật mới gây ra.

Gần đây, các pháp-đình hành-chánh gia-tăng rất nhiều kẻ có hàng trăm, tùy theo khu-vực thi-hành riêng-biệt của từng đạo luật. Số hội-viên thuộc thành-phần tòa-án có tới hàng ngàn. Cho tới ngày 31-12-1948, người ta đã kiểm-điểm được 207 pháp-đình hành-chánh khác nhau, mỗi pháp-đình có một lãnh-vực riêng biệt, mà án-lệ còn phân-tán, tạp-bác, chưa được phối-trí bởi một pháp-viện hành-chánh trung-ương, vì lẽ chưa có pháp-viện này (2).

(1) — Robson, *Justice and Administrative Law*, Préface, p. XI.

— « Le développement extraordinaire du droit administratif a eu pour cause principale celui des activités administratives dans presque tous les domaines » (Robson, *Le droit administratif en Angleterre*, Livre jubilaire du Conseil d'Etat, p.649).

— « ...depuis 19 ans, la justice administrative s'est considérablement développée. Maintes lois sur l'enseignement, l'urbanisme, etc... ont augmenté le nombre des tribunaux administratifs, amélioré leur position et accru leur compétence : citons la substitution de tribunaux administratifs aux tribunaux judiciaires en matière d'accidents du travail, en matière de maisons meublées... » (Robson, *op. cit.*).

(2) — « ...au 31 décembre 1948, on a pu recenser en Grande-Bretagne 207 juridictions administratives différentes qui avaient chacune un domaine particulier, et dont aucun organisme supérieur ne coordonnait les activités fragmentaires » (Odent, *Contentieux administratif*, T.I, p.5).

— « ...la multiplication de ces juridictions administratives est un fait nouveau, dans les secteurs les plus divers ; plusieurs milliers de personnes sont appelées à les composer ». (Daniel Pepy, *Justice anglaise et justice administrative française*, Etudes et documents du Conseil d'Etat 1956, p. 159).

Năm 1955, được thành-lập một ủy-ban gồm nhiều nghị-sĩ, luật-gia, công-chức, giáo-sư công-pháp, (với sự phụ-giúp của ô. Letourneur, Cố-vấn Tham-Chính-Viện Pháp, và Giáo-sư Mỹ Bernard Schwarz) có nhiệm-vụ nghiên-cứu tổ-chức, điều-hành các tòa-án hành-chánh, cùng thủ-tục thẩm-cứu và điều-tra.

Sau mấy năm nghiên-cứu, công việc của ủy-ban đã hoàn-thành, và một đạo-luật được ban-hành ngày 1-8-1958 để qui-định tổ-chức các pháp-đình hành-chánh, cùng thủ-tục điều-tra hành-chánh. Các pháp-đình ấy được tổ-chức ngoài hệ-thống thông-thường của các tòa-án tư-pháp, nhưng không giống hẳn như các tòa-án hành-chánh có thẩm-quyền tổng-quát như ở Pháp và Việt-Nam. Mỗi Bộ có pháp-đình hành-chánh khác nhau, mỗi pháp-đình có thẩm-quyền chuyên-môn riêng-biệt, khác nhau tùy theo phạm-vi thi-hành của từng đạo luật (thí-dụ : về vệ-sinh, y-tế, thiết-kế đô-thị, chỉnh-trang thành-phố, lao-động, bảo-hiêm, an-ninh xã-hội, trợ-cấp gia-đình, cấp-dưỡng, cứu-tế xã-hội, điền-địa, giá cả, thuế-vụ, thuê mướn nhà cửa, truất-hữu vì công-ích, quân-dịch, canh-nông, kỹ-luật nghề-nghiệp, v.v...).

Do đó, các pháp-đình hành-chánh rất nhiều và tạp-bác. Vì không được tổ-chức thành một qui-giai rõ rệt có thẩm-quyền tổng-quát, vì mỗi pháp-đình chỉ có một phạm-vi chuyên môn nhỏ hẹp để xét xử những vụ tranh-tung liên-quan đến một vài vấn-đề hành-chánh, nên số pháp-đình càng ngày càng gia-tăng (1) : cho đến năm 1959, Sir Carleton Allen đã ước-lượng có tới 2076 tòa-án hành-chánh ở Anh (Sir Carleton Allen, *Courts and Judgements*, 1959).

(1) — « Le nombre des tribunaux administratifs est maintenant considérable... Il n'est pas douteux que la multiplication dans le Royaume-Uni de telles juridictions administratives spécialisées soit elle-même une conséquence de l'absence d'un système de tribunaux administratifs ayant une compétence générale ». (L. Neville Brown, *La récente évolution du contentieux administratif en Grande Bretagne : la loi du 1er Août 1958, Etudes et Documents du Conseil d'Etat*, 1959, p.201).

Nem như vậy, thì ta thấy nguyên-tắc thiết-lập một qui-giai tòa-án duy-nhất không còn được xác-nhận ở Anh nữa, vì dần dần đã thấy xuất-hiện rất nhiều tòa-án hành-chánh (1).

TIẾT II

LỊCH-SỬ PHÁP-ĐÌNH HÀNH-CHÁNH VIỆT-NAM

Trước thời Pháp-thuộc, tại Việt-Nam không có tòa-án hành-chánh nào cả. Mọi quyền-hành đều tập-trung trong tay nhà vua, các quan-chức thay mặt vua để cai-trị dân chỉ chịu trách-nhiệm trước vua mà thôi ; nguyên-tắc « Nhà nước hợp-pháp » chưa được công-nhận, vì vậy không có nền biện-sự hành-chánh, và cũng không có tòa-án nào được quyền kiểm-soát tính-cách hợp-pháp của các hành-vi hành-chánh và xác-nhận trách-nhiệm của vua, hay của Quốc-Gia đối với dân-chúng.

Trong thời Pháp-thuộc, cũng không có tòa-án nào có quyền chế-tài các hành-vi hành-chánh của Hoàng-đế Việt-Nam, hoặc của các quan-chức thống-thuộc Hoàng-Triều.

Nếu có một hệ-thống tài-phán hành-chánh ở Đông-dương gồm Tham-Chính-Viện Pháp và Hội-đồng tài-phán hành-chánh Đông-dương (Conseil du contentieux administratif de l'Indochine do Pháp thiết-lập), thì hệ-thống này cũng chỉ có thẩm-quyền chế-tài các hành-vi của các cơ-quan Pháp ban-hành ra mà thôi. Còn các quyết-định của các nhà chức-trách tại Bắc và Trung-phần, lệ-thuộc Hoàng-Triều, không thể bị chỉ-trích ; và nguyên-tắc trách-nhiệm hành-chánh của Quốc-Gia Việt-Nam cũng không được công-nhận. Hơn nữa, cũng không thể kháng-tổ đối với các hành-vi của các công-chức Pháp hành-

(1) — « L'unité de la justice anglaise n'est plus confirmée ; elle est constamment battue en brèche par la montée des juridictions administratives de tous ordres » (Daniel Pepy, op. cit.).

động với tư-cách là đại-diện của Hoàng-đế Việt-Nam, nghĩa là với tư-cách chánh-quyền ngoại-quốc đối với Chánh-Phủ Pháp.

Trong khoảng từ 1950 đến 1954, có hai hệ-thống pháp-đình hành-chánh tại Việt-Nam, có thẩm-quyền xét xử những vụ tranh-tung hành-chánh tùy theo quốc-tịch của các đương-sự :

1) — *Hệ-thống hỗn-hợp Pháp-Việt* — Văn-thư trao đổi ngày 17-6-1950 giữa Chánh-Phủ Pháp và Quốc-Trưởng Việt-Nam, thiết-lập một hệ-thống pháp-đình hành-chánh gồm tòa-án hành-chánh hỗn-hợp tại Đalat, và một Hội-đồng thượng-thẩm hỗn-hợp bên cạnh Tham-Chính-Viện Pháp.

2) — *Hệ thống Việt-Nam*. — Hệ-thống này gồm Tòa-án hành-chánh Việt-Nam thiết-lập do Dụ số 2 ngày 5-1-1950, và Ban hành - chánh Tối-cao Pháp-viện thiết-lập do Dụ số 5 ngày 18-10-1949.

Trong năm 1954, Việt-Nam đã thâu-hồi trọn vẹn chủ-quyền tư-pháp trên toàn lãnh-thổ quốc-gia; chế-độ pháp-đình hỗn-hợp đã bị bãi bỏ do hiệp-ước tư-pháp ngày 16-9-1954. Do đó, về phương-diện biện-sự hành-chánh, chỉ còn lại một hệ-thống tài-phán hành-chánh quốc-gia.

TIẾT III

HỆ-THỐNG PHÁP-ĐÌNH HÀNH-CHÁNH VIỆT-NAM HIỆN TẠI

Hệ-thống này gồm có Tòa-Án hành-chánh và Tham-Chính-Viện.

Đó là hệ-thống thông-thường, chưa kể các pháp-đình đặc-biệt có tánh-cách hành-chánh được thiết-lập do một vài đạo-luật riêng. Các pháp-đình này thống-thuộc Tham-Chính-Viện về phương-diện kháng-cáo hay thượng-lỗ phá-án đối với các án-văn đã tuyên.

Hiện nay, một pháp-đình quan-trọng có tánh-cách của một tòa đặc-thẩm hành-chánh là Tòa-án cấp-dưỡng.

Vậy, trong Tiết này, xin lần lượt trình bày trong đoạn I Tòa-án cấp-duỡng, đoạn II Tòa-án hành-chánh và đoạn III Tham-Chính-Viện.

ĐOẠN I. — TÒA-ÁN CẤP-DUỠNG

Tòa này có một vị trí đặc biệt trong hệ thống.

Ấn-định chế-độ cấp-duỡng binh-sĩ tàn-phế cho các quân-nhân Việt-Nam và những kẻ-quyền của họ, Du số 22 ngày 15-11-1952 thiết-lập các tòa-án cấp-duỡng để xét-xử các vụ tranh-chấp xảy ra do sự thi-hành đạo dụ nói trên. Tại quân-hạt của mỗi tòa thượng-thẩm, các vụ ấy đều được xét-xử làm 2 cấp: cấp sơ-thẩm do Tòa sơ-thẩm cấp duỡng phần, và cấp phúc thẩm do Tòa thượng-thẩm cấp-duỡng phần. Cả hai cấp đều có bản-chất của một tòa đặc-thẩm hành-chánh mặc dầu tòa cấp-duỡng ở mỗi cấp đều do một thẩm-phán tư-pháp chủ-tọa,

1^o) Tòa Sơ-Thẩm Cấp-Duỡng Phần

1. — Thành-phần :

Tại quân-hạt mỗi Tòa Thượng-Thẩm được thiết-lập một Tòa Sơ-Thẩm Cấp-Duỡng Phần mà thành-phần gồm có :

— một Thẩm-Phán của Tòa-án Dân-Sự do Chánh-Nhất Tòa Thượng-Thẩm cử giữ chức Chánh-Án :

— một y-sĩ và

— một cựu binh-sĩ đang hưởng cấp-duỡng giữ chức Phụ-Thẩm.

Ủy-viên Chính-Phủ là một công-chức sở Binh-Lương.

Lục-sự là Chánh-lục-sự hay Lục-sự các Tòa-án Sơ-Thẩm dân-sự nơi thủ-phủ của mỗi Phần.

2. — Thẩm-quyền :

Tòa sơ-thẩm cấp-duỡng phần thụ-lý những đơn kháng-lỗ các quyết-định của Tổng-Trưởng Bộ Cựu chiến-sĩ và phế-binh (bây giờ là Bộ Quốc-Phòng) thanh-toán tiền cấp-duỡng hoặc bác bỏ đơn xin cấp-duỡng.

Đương-sự cũng có thể kháng-tố những quyết-định chung của Tổng-Trưởng Bộ Cựu chiến-binh và phế-binh và Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh tu-chính những quyết-định nói ở đoạn trên đây của Tổng-Trưởng Bộ Cựu chiến-sĩ và phế-binh (bây giờ là Bộ Quốc-Phòng).

Tòa xử công-khai, án-văn phải ghi rõ lý do và có thể bị kháng-cáo lên Tòa Thượng-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần.

2o) Tòa Thượng-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần

Trong quân-hạt Tòa Thượng-Thẩm, được thiết-lập một Tòa Thượng-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần.

— *Thành-phần* :

Tòa này gồm có :

— Một Chánh-Án-Phòng Tòa Thượng-Thẩm hay một hội-thẩm thẩm-niên nhất giữ chức Chánh-Án ;

— Hai Hội-Thẩm Tòa Thượng-Thẩm ;

Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp hàng năm cử ba vị này còn Tòa Thượng-Thẩm cử ba vị Thẩm-phán dự-khuyết.

Ủy-viên Chính-phủ do Tổng-Trưởng Quốc-Phòng cử nhiệm trong các công-chức sở Binh-Lương.

Lục-sự là Chánh-lục-sự hay lục-sự Tòa Thượng-Thẩm sở quan.

— *Thẩm-quyền* :

Tòa Thượng-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần thụ-lý các vụ kháng-cáo án của Tòa Sơ-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần do đương-sự hay Ủy-Viên Chính-Phủ kháng-cáo.

Các án của Tòa Thượng-thẩm cấp-dưỡng phần có thể bị thượng-tố trước Ban hành-chánh Tối-cao pháp-viện (bây giờ là Tham-Chính-Viện) vì viết quyền, lạm quyền, có ti-tích về hình-thức hay vi-luật.

Ta phải coi các tòa-án cấp-dưỡng là tòa-án có tánh-cách hành-chánh vì có thẩm-quyền thụ-lý các vụ kháng-tố các quyết-

định hành-chánh của các Bộ-trưởng sở-quan thanh-toán tiền cấp-dưỡng hay bác bỏ đơn xin cấp-dưỡng (điều 76 và 21 Dự số 22 ngày 15-11-1952). Lại nữa, các án-văn của Tòa thượng-thẩm cấp-dưỡng phần đều có thể bị thượng-tổ trước Tham-Chính-Viện (điều 83). Như vậy, phải kể các tòa-án cấp-dưỡng là nằm trong hệ-thống các pháp-đình hành-chánh.

ĐOẠN II. — TÒA-ÁN HÀNH-CHÁNH.

Tòa-án hành-chánh được thiết-lập và tổ-chức do Dự số 2 ngày 5-1-1950 sửa đổi bởi Dự số 36 ngày 8-11-1954.

Trụ-sở Tòa-án hành-chánh đặt tại Saigon.

A. — Thành-phần :

Tòa-án hành-chánh gồm có :

- một chánh-án,
- một chánh-án dự-khuyết,
- một ủy-viên Chánh-phủ, chọn trong hàng hội-thẩm,
- một số hội-thẩm tùy theo nhu-cầu công-vụ,
- một tổng thư-ký.

Nhơn-viên Tòa-án hành-chánh, ngoại-trừ tổng thư-ký và các thư-ký trợ-lực, đều thuộc ngạch thẩm-phán hành-chánh, qui-chế ngạch này được ấn-định do Dự số 40 ngày 15-11-1954.

B. — Quyền-hạn :

Tòa-án hành-chánh :

1) — sơ-thẩm :

a) — các vụ kiện đòi bồi-thường liên-quan đến các pháp-nhân hành-chánh. (Điều luật này chứng tỏ nhà lập-pháp Việt-Nam đã công-nhận một cách rộng-rãi nguyên-tắc dân-chủ về trách-nhiệm hành-chánh của Quốc-Gia và của các pháp-nhân thuộc công-pháp).

b) — các vụ kiện xin tiêu-hủy các quyết-định hành-chánh có tánh-cách cá-nhân liên-quan đến tình-trạng hành-chánh của các viên-chức bổ-nhiệm do nghị-định Tổng-Trưởng. Bộ-

Trưởng, Đại-Biểu Chánh-phủ và Tỉnh-trưởng. (Các vụ kiện này thuộc loại tố-tụng liên-quan đến tình-trạng hành-chánh cá-nhân của các công-chức; tố-tụng này đã được Tham-Chính-Viện Việt-Nam giải-thích như bao gồm những vụ tranh-chấp liên-quan đến sự tuyển-bổ, thăng-thưởng, kỷ-luật, lương-bổng, phụ-cấp của các công-chức, và đại-dề mọi vụ tranh-chấp có tánh-cách cá-nhân liên-quan đến quyền-lợi của các công-chức (T.C.V. án ngày 1-8-1959 trong vụ T. V. T. k/ Bộ Tài-Chánh, P. L. T. S. đệ tam tam-cá-nguyệt 1960, tr. 86). Nếu người công-chức do nghị-định của các nhà chức-trách từ Bộ-trưởng trở xuống bổ-nhiệm, thì vụ kiện sẽ do Tòa-án hành-chánh xử sơ-thẩm, bất luận vụ kiện ấy thuộc tố-tụng xin tiêu-hủy hay thuộc tố-tụng toàn-bộ tái-phán (án T. C. V. ngày 11-6-1956, vụ Nguyễn-Nghiêm, P. L. T. S. đệ-nhi tam-cá-nguyệt 1956, tr. 75).

c) — các vụ tranh-tụng liên-quan đến mọi cuộc tuyển- cử hàng tỉnh, hàng quận, hàng xã.

2) — *sơ và chung-thâm* :

Các vụ kiện liên-quan đến mọi vấn-đề thuế trực-thu và thuế đồng-hóa với thuế trực-thu.

ĐOẠN III. — THAM-CHÍNH-VIỆN.

Tham-Chính-Viện được thiết-lập và tổ-chức do Dự số 38 ngày 9-11-1954, để thay thế Ban Hành-chánh Tối-cao Pháp-Viện bị bãi bỏ.

Quản-hạt Tham-Chính-Viện gồm toàn cõi Việt-Nam. Trụ-sở đặt tại Saigon.

I. — **Thành-phần** :

Tham-Chính-Viện gồm có những cơ-quan sau đây :

- một ban tái.phán
- một ban hành-chánh
- một đại hội-đồng Tham-Chính-Viện,
- một phòng tổng thư-ký.

Nhơn-viên Tham-Chính-Viện gồm có :

- một chủ-tịch,
- một hay hai phó chủ-tịch,
- một số cố-vấn và tham-ng nghị đủ để làm tròn mọi nhiệm-vụ của Viện;
- một tổng thư-ký có một hay nhiều thư-ký trợ-lực.

1. — Chủ-tịch Tham-Chính-Viện :

a) chủ-tọa ban tài-phán và ban hành-chánh. Ban tài-phán theo thường-lệ, do Chủ-tịch Tham-Chính-Viện chủ-tọa. Ban hành-chánh do một phó chủ-tịch, nếu có, chủ-tọa. Tuy nhiên, nếu xét cần, Chủ-tịch có thể chủ-tọa ban tài-phán hay ban hành-chánh,

b) đốc-biên hoạt-động tổng-quát của Tham-Chính-Viện.

c) phân-chia công-việc cho các ban.

d) thay mặt Viện trong sự giao-thiệp với các cơ-quan chính-quyền và tư-nhơn.

Trong khi vắng mặt, Chủ-tịch sẽ do phó chủ-tịch cao-niên nhất thay thế.

2. — Thành-phần ban tài-phán gồm có :

- một chánh-thẩm
- hai hội-thẩm,
- một ủy-viên Chánh-phủ.

Chánh-thẩm chọn trong hàng chủ-tịch, phó chủ-tịch hay Cố-vấn Thanh-Chính-Viện. Hội-thẩm và Ủy-Viên Chánh-phủ chọn trong hàng cố-vấn. Nếu cần, có thể cử thêm phó ủy-viên Chánh-phủ, chọn trong hàng tham-ng nghị, để giúp việc ủy-viên Chánh-phủ.

Danh từ « ủy-viên Chánh-Phủ » có thể khiến người ta hiểu lầm vai trò của vị này, và cho đó là một đại-diện của Chánh-Phủ hay của Công-tổ-viện bên cạnh ban tài-phán Tham-Chính-Viện (như các thẩm-phán Công-tổ-viện tại các tòa-án tư-pháp). Thật ra, ủy-viên Chánh-Phủ không đại-diện chánh-quyền mà chỉ đại-diện luật-pháp. Trong các bản kết-luận, vị ấy chỉ đề-

ngộ những giải-pháp mà vị ấy cho là phù-hợp với pháp-luật (1). Điều này đã được minh-thị xác-nhận trong điều 3 đoạn 2 Dự số 40 ngày 15-11-1954 ấn-định qui-chế ngạch thẩm-phán hành-chánh: « Các thẩm-phán hành-chánh được cử giữ chức ủy-viên chánh-phủ hay phó ủy-viên chánh-phủ tại tòa-án hành-chánh hay tại Tham-Chính-Viện được tự-do kết-luận và chỉ căn-cứ vào pháp-luật hiện-hành ». Trong thực-tế, nhiều đơn khởi-tổ của các tư-nhân kiện các pháp-nhân hành-chánh đã được vị ấy kết-luận là hợp-lý.

3. — *Thành-phần ban hành-chánh gồm có:*

- một chủ-tịch,
- hai cố-vấn,
- một số tham-ngệ, nhiều hay ít tùy theo nhu-cầu công-vụ.

Chủ-Tịch ban hành-chánh chọn trong hàng phó chủ-tịch hay cố-vấn, nhưng chủ-tịch Tham-Chính-Viện, nếu cần, vẫn có thể chủ-tọa ban này.

(1)- XC : Raymond Guillion « Les commissaires du Gouvernement près les juridictions administratives et, spécialement près le Conseil d'Etat » Rev. de droit public 1955, p. 281.

— Ông G. Cahen-Salvador, *Président de Section au Conseil d'Etat*, trong bài : Un grand commissaire du gouvernement : Jean Romieu (Livres jubilaires du Conseil d'Etat tr. 323) đã viết: « Le commissaire du gouvernement n'est ni un porte-parole du gouvernement ni un représentant du Parquet ».

— Ý- kiến của Ô. Waline :

*Commissaire du gouvernement et ministère public.—Celui-ci, malgré le titre qu'on lui donne, et qui pourrait induire en erreur, n'est pas un ministère public; il n'y a pas, devant le Conseil d'Etat, un ministère public hiérarchisé comme il y en a devant les tribunaux judiciaires. Il est absolument indépendant dans la rédaction de ses conclusions; il n'existe à son égard aucun pouvoir d'injonction du ministre de la Justice, comme il peut en exister devant le ministère public des juridictions répressives.

En réalité, le commissaire du gouvernement serait beaucoup mieux nommé commissaire de la loi.

Il doit défendre l'application de la loi telle qu'il la comprend, et son interprétation peut être parfaitement opposée à celle du gouvernement ou de l'Administration». (Waline, Droit administratif, 7^e éd. 1957, n^o 339, P. 203).

Trong mỗi vụ, chủ-tịch ban hành-chánh cử một cố-vấn hay một tham-ngự để giữ chức thuyết-trình viên.

Bắt đầu mỗi lục cá-nguyệt, sau khi hỏi ý-kiến các phó chủ-tịch, Chủ-tịch Tham-Chính-Viện lập bản luân-chuyển các thăm-phán trong các ban.

4). *Đại Hội-đồng Tham-Chính-Viện* gồm toàn-thể thăm-phán tông-sự tại Tham-Chính-Viện, do Chủ-tịch Tham-Chính-Viện chủ-tọa.

II.— Thăm-quyền Tham-Chính-Viện.

A.— Ban Tài-phán có thăm-quyền:

1.) phúc-thăm các bản án do tòa-án hành-chánh xử sơ-thăm;

2.) xét xử các việc xin phá các bản án do tòa-án hành-chánh hay những pháp-định có tánh-cách hành-chánh xử chung-thăm.

3.) sơ và chung-thăm những việc xin thủ-tiêu các quyết-định hành-chánh, cá-nhân hay lập quy, có những tỉ-tích sau đây:

- a) lạm-quyền (détournement de pouvoir)
- b) vô thăm-quyền (incompétence)
- c) vi luật (violation de la loi)
- d) không có lý-do hay căn-cứ vào lý-do không xác-thực (absence ou inexactitude des motifs).

4.) sơ và chung-thăm mọi vụ tranh-tụng liên-quan đến tình-trạng hành-chánh của các công-chức do sắc-lệnh hay nghị-định Quốc-trưởng bổ-nhiệm, mà không phân-biệt vụ kiện thuộc tổ-tụng xin tiêu-hủy hay thuộc tổ-tụng toàn-bộ tài-phán.

Ngoài ra, một vài đạo luật riêng lại trao cho Ban tài-phán Tham-Chính-Viện xét xử một vài loại tranh-tụng đặc-biệt:

1.— Theo điều 31, 48 và 53 Dự số 57/3 ngày 22-10-1956 qui-định thề-lệ hành-nghe y-sĩ, nha sĩ và hộ-sinh, và điều 90 luật số 1/58 ngày 10-1-1958 qui-định việc hành nghề dược-sĩ, Ban

tài-phán Tham-Chính-Viện có thẩm-quyền xét xử sơ và chung-thâm những vụ tranh-tụng liên-quan đến các cuộc bầu-cử vào các hội-đồng toàn-quốc y-sĩ đoàn, nha-sĩ đoàn và hộ-sinh đoàn, và hội-đồng quốc-gia được-sĩ đoàn.

2.— Theo điều 25, 48 và 53 Dự số 57/3 ngày 23-10-1956 và điều 83 luật số 1/58 ngày 10-1-1958, Ban tài-phán Tham-Chính-Viện có thẩm-quyền xét xử các đơn kháng-cáo của y-sĩ, nha-sĩ, sản-bà và được-sĩ đối với các quyết-định của hội-đồng đoàn đã từ chối không ghi tên đương-sự vào danh-sách đoàn.

3.— Theo điều 40, 48 và 53 Dự số 57/3, và điều 100 Luật số 1/58, Ban tài-phán Tham-Chính-Viện có thẩm-quyền xét xử các đơn thượng-tổ của các y-sĩ, nha-sĩ, sản-bà và được-sĩ can-cửu đối với những phán-ngệ của Ban kỷ-luật Hội-đồng đoàn.

4.— Theo điều 73 đoạn 3 Dự số 22 ngày 15-11-1952 ấn-định chế-độ tổng-quát cấp-dưỡng binh-sĩ tàn-phế cho các quân-nhân và những người kế-quyền của họ, Ban tài-phán Tham-Chính-Viện có thẩm-quyền xét xử trực-tiếp những vụ tranh-chấp xảy ra khi áp-dụng điều 92 Dự số 22 nói trên, qui-định thể-lệ tổng-quát về việc kiêm-lĩnh các cấp-dưỡng vĩnh-viễn hay tạm-thời, các tăng-khoản và trợ-cấp.

B. — Ban Hành-chánh có hai thẩm-quyền:

- thẩm-quyền cố-vấn,
- thẩm-quyền dự-pháp,

1. — Thẩm-quyền cố-vấn :

Ban Hành-chánh phát-biểu ý-kiến về những văn-kiện sau đây:

a) — Nhượng quyền khai-thác một nguyên-liệu thiên-nhiên của Quốc-Gia, một công-vụ hay một độc-quyền thương-mại.

b) — Khế-ước hành-chánh giữa một cơ-quan hành-chánh và tư-nhân, khi giá-trị ngang hay trên 500.000\$00.

c) — Cho phép các pháp-nhân hành-chánh nhận những tặng-dữ bằng tiền hay hiện vật, có điều-kiện kèm theo.

d) — Thiết-lập hay bãi bỏ các công-cục hành-chánh quốc-gia hay địa-phương.

Đối với những văn-kiện kể trên, ý-kiến của Ban hành-chánh Tham-Chính-Viện là một hình-thức quan-hệ, nếu thiếu, văn-kiện sẽ coi như vô hiệu-lực.

Tuy nhiên, nhà chức-trách không bó buộc phải tuân theo những ý-kiến của Tham-Chính-Viện.

Ngoài những văn-kiện kể trên, cơ-quan lập-pháp hay nhân-viên Chính-Phủ có thể yêu-cầu Tham-Chính-Viện phát-biểu ý-kiến về bất cứ một vấn-đề gì.

Những ý-kiến của Tham-Chính-Viện bao giờ cũng phải căn-cứ vào những lý-do chính-đáng, nhưng không bao giờ ràng buộc cơ-quan đứng hỏi.

2.— Thăm-quyền dự-pháp :

Ban Hành-chánh:

a) — Phát biểu ý-kiến về những dự-thảo luật, sắc-lệnh, nghị-định do cơ-quan lập-pháp hay Chính-phủ tự ý chuyển sang Tham-Chính-Viện để lấy ý-kiến.

b) — Dự-thảo các dự-án luật, sắc-lệnh, nghị-định nếu cơ-quan lập-pháp hay Chính-Phủ yêu-cầu. Cơ-quan lập-pháp hay Chính-Phủ vẫn giữ quyền tuyệt đối sửa đổi mọi dự-thảo của Tham-Chính-Viện.

Ngoài ra, khi nào một đạo luật định rằng trước khi thảo nghị-định thi-hành đạo luật ấy, cần phải hỏi ý-kiến Tham-Chính-Viện, cơ-quan thảo nghị-định buộc phải hỏi ý-kiến Tham-Chính-Viện. Nhưng ý-kiến của Tham-Chính-Viện cũng không bó buộc cơ-quan đứng hỏi.

c) — Chính-Phủ buộc phải lấy ý-kiến Tham-Chính-Viện về những dự-thảo luật, sắc-lệnh, nghị-định:

- liên-quan đến mọi quyền tự-do công-dân,
- qui-định quy-chế công-chức,
- qui-định quy-chế mọi nghề-nghiệp tự-do,

- liên-quan đến việc cải-tổ nền hành-chánh quốc-gia hay địa-phương,
- liên-quan đến công-thải,
- liên-quan đến tổ-chức tòa-án hành-chánh và Tham-Chính-Viện.

Nhưng ý-kiến Tham-Chính-Viện không bao giờ bó buộc cơ-quan đứng hời.

Ngoài hai thẩm-quyền cố-vấn và dự-pháp nói trên, Ban Hành-chánh Tham-Chính-Viện còn có thẩm-quyền chấp-nhận đề nạp-trình, hay từ-khước không nạp-trình lên Viện-Bảo-Hiến, những đơn đệ nạp theo phương-cách chánh tổ, đề xin phán-quyết về tính-cách bất hợp-hiến của các đạo-luật, sắc-luật hay quy-tắc hành-chánh (điều 15 và 17 luật số 7/60 ngày 23-12-1960 qui-định tổ-chức và điều-hành Viện Bảo-Hiến cùng thủ-tục áp-dụng trước cơ-quan này).

C.— Đại hội-đồng Tham-Chính-Viện.

Đại hội-đồng Tham-Chính-Viện phát-biểu ý-kiến về việc áp-dụng những khoản trừng-phạt đối với các thẩm-phán hành-chánh phạm kỷ-luật.

Ngoài ra, Chủ-tịch Tham-Chính-Viện có thể ủy-nhiệm cho Đại hội-đồng:

- thẩm-định những vụ tranh-tụng hành-chánh quan-trọng ;
- phát biểu ý-kiến về những dự-thảo luật, sắc-lệnh và nghị-định quan-trọng ;

Nếu xét cần, Đại hội-đồng Tham-Chính-Viện có quyền đề-nghị lên cơ-quan lập-pháp hay chánh-phủ sửa-đổi những điểm tối nghĩa, hoặc mâu-thuẫn, hoặc khiếm-khuyết trong nền pháp-luật hiện-tại.

Đại Hội-đồng Tham-Chính-Viện còn có thể phát-biểu ý-kiến về những vấn-đề hiến-pháp, quốc-tế-pháp hay lập-pháp do cơ-quan lập-pháp hay Chánh-Phủ chuyển sang đề lấy ý-kiến.

Tham-Chính-Viện cũng có quyền tự ý thỉnh-cầu Viện-Bảo-Hiến xét tính-cách hợp-hiến của một đạo-luật, sắc-luật hay qui-tắc hành-chánh.

TIẾT IV

THỦ-TỤC TỔ-TỤNG HÀNH-CHÁNH

Đoạn 1.— Đặc-điểm :

Thủ-tục tổ-tụng hành-chánh khác với thủ-tục tổ-tụng dân-sự ở bốn đặc-điểm sau đây :

- thủ-tục toàn là viết (*procédure écrite*)
- thủ-tục có tánh-cách truy-tầm (*procédure inquisitoire*)
- thể-thức thông-báo theo lối hành-chánh.
- thủ-tục giản-dị và ít tốn-kém.

A.— *Thủ-tục viết.*

Tất cả những đơn khởi-tố, lý-lẽ biện-minh, kháng-biện, tranh-luận của đôi bên đương-sự đều phải trình-bày trên giấy tờ đề nạp vào hồ-sơ. Lời nhận xét của các đương-sự ở phiên tòa chỉ là để giải-thích thêm các lý-do đã ghi trên các biện-minh-trạng và kháng-biện-luận chứ không được thêm lý-do nào khác.

B.— *Thủ-tục truy-tầm.*

Theo thủ-tục này, thẩm-phán phụ-trách điều-khiển cuộc thẩm-cứu (khác với thủ-tục tổ-tụng dân-sự, thủ-tục này do đôi bên đương-sự điều-khiển lấy và chỉ báo cho thẩm-phán hay lần hồi).

Trong thủ-tục tổ-tụng hành-chánh, thẩm-phán ra lệnh thông-báo các giấy tờ thủ-tục cho các đương-sự, định kỳ-hạn cho họ xuất-trình biện-minh, lại tự-động thi-hành các hành-vi thẩm-cứu cần-thiết mà không cần phải có lời thỉnh-cầu của các đương-sự, trừ trường-hợp có điều luật định khác. Cũng thẩm-phán quyết-định lúc nào cuộc thẩm-cứu kết-liệu và vụ kiện có thể cho đăng đường xét-xử. Thẩm-phán lại lập tờ trình và dự-thảo án-văn.

C. — Thờ-thức thông-báo theo lối hành-chánh.

Trong tổ-tụng hành-chánh, các đơn khởi-tổ, giấy tờ thủ-tục, biện-minh-trạng, kháng-biện-luận được thông báo cho đương-sự theo thờ-thức hành-chánh, nghĩa là do sự trung gian của một viên-chức (thí-dụ : tùy-phái, tổng-thơ-vấn) hay của nhà chức-trách hành-chánh (tỉnh-trưởng, quận-trưởng, hội đồng xã, v.v...)

Trái lại, trong tổ-tụng dân-sự, thủ-tục tổng-đạt do thừa-phát lại thi-hành.

D. — Thủ-tục dẫn-dị ít tốn kém.

Thủ-tục hành-chánh dẫn-dị và ít tốn kém hơn thủ-tục trước các tòa-án dân-sự.

Đoạn 2. — Thủ-tục trước Tòa-án hành-chánh

A. — Đơn khởi-tổ.

Đơn khởi-tổ phải nộp tại phòng tổng thơ-ký Tòa-án hành-chánh.

Đơn phải ghi rõ tên họ, nghề-nghiệp và trú-quán của nguyên-đơn và bị-đơn, trình-bày nội-vụ, viện-dẫn các lý-lẽ, các lời thỉnh-cầu, liệt-kê các giấy tờ đính theo đơn, ghi rõ trú quán tuyển-trạch tại nơi thiết-lập tòa-án.

Đơn khiếu-nại về một quyết-định hành-chánh phải nộp trong thời-hạn 3 tháng kể từ ngày nhận tổng-đạt quyết-định. Nếu nguyên-đơn không có trú-quán trong nước, thời-hạn sẽ gấp đôi (6 tháng).

B. — Thủ-tục tại tòa.

Sau khi đơn khởi-tổ được đăng-ký tại phòng tổng thơ-ký, chánh-án chỉ-định trong số hội-thẩm một ủy-viên thuyết-trình. Vị này phụ-trách điều-khiển, đốc-biện cuộc thẩm-cứu dưới quyền chánh-án, đề-nghị các biện-pháp thẩm-cứu cần-thiết, lập tờ trình sơ-lược và đề-nghị thông-báo đơn khởi-tổ cho bị-đơn.

Chánh-án ra án-lệnh thông-báo, định kỳ-hạn đề bị-đơn xuất-trình kháng-biện-luận, kỳ-hạn này không được dưới 2 tháng.

Kháng-biện-luận sẽ thông-báo cho nguyên-đơn, và người này có thể, trong hạn 15 ngày, nạp một biện-minh-trạng, và bị đơn trong hạn 15 ngày sau khi được tổng-đạt, có thể nạp kháng-biện-luận thứ hai về vụ này.

Khi vụ kiện có thể đem ra xử, ủy-viên thuyết-trình sẽ lập tờ-trình và dự-thảo án-vấn. Hồ-sơ, tờ-trình và dự-thảo này sẽ được chuyển cho ủy-viên Chánh-Phủ để lập kết-luận trạng.

Bản kê các việc đăng đường trong mỗi phiên tòa sẽ do chánh-án ấn-định theo đề-nghị của ủy-viên Chánh-Phủ.

C.— Phiên tòa công-khai.

Ngày phiên-tòa phải báo-thị cho đương-sự biết ít nhất là 8 hôm trước.

Tại phiên tòa, sau khi phụ-thẩm thuyết-trình, các đương-sự có thể trình miệng để giải-thích rõ những điều kết-luận viết. Ủy-viên Chánh-phủ kết-luận sau cùng. Sau đó, tòa tuyên án sau khi thảo-luận, hoặc nghị-án để tuyên-án trong một phiên-tòa sau.

D.— Đơn xin tạm hoãn thi-hành

Việc kháng-nại tại Tòa-án hành-chánh về một quyết-định hành-chánh không làm đình-chỉ sự thi-hành quyết-định ấy.

Tuy nhiên, trong trường-hợp mà việc thi-hành quyết-định có thể gây ra một sự thiệt-hại không đền-bù được, Tòa án có thể, chiếu lời yêu-cầu của đương-sự, sau khi đã thông-báo cho đối-phương biết, ra lệnh cho hoãn sự thi-hành hay truyền cho tạm-thời thi-hành nhưng bắt buộc phải có người bảo-lãnh.

Việc xin hoãn thi-hành phải đồng-thời thỉnh cầu cùng trong một lá đơn với chánh-vụ. Bị-đơn có thể phản-kháng đơn xin hoãn thi-hành.

H.— Kháng-tổ lên Tham-Chính-Viện

Muốn kháng-tổ các bản án của tòa-án hành-chánh lên Tham-Chính-Viện, đương-sự có thể chọn đề thi hành, trong hạn một tháng kể từ ngày tổng-đạt án-vấn đối-tịch, hay là ngày mãn hạn kháng-án khuyết-tịch, một trong hai thủ-tục sau đây :

a) — hoặc làm tờ khai kháng-tố tại văn-phòng tổng-thư-ký Tòa-án hành-chánh ;

b). — hoặc gửi đơn kháng-tố thẳng tới Tham-Chính-Viện.

Theo điều 53 Dự số 2 ngày 5-1-1950, « thời-hạn đề Quốc-Gia kháng-tố tính từ ngày tuyên-án ». Về điểm này, Tham-Chính-Viện Việt-Nam đã xử rằng : nguyên-tắc chung về thủ-tục tố-tụng là thời-hạn kháng-tố chỉ bắt đầu kể từ ngày tổng-dạt án-văn, vậy điều 53 nói trên phải coi như một ngoại-lệ chỉ áp-dụng cho Quốc-Gia đại-diện bởi Chánh-Phủ trung-ương mà thôi, chứ không áp-dụng cho các pháp-nhân hành-chánh khác với Quốc-Gia, hoặc các pháp-nhân hành-chánh địa-phương. Đối với các pháp-nhân này, thời-hạn kháng-tố tính từ ngày tổng-dạt án-văn chiếu theo nguyên-tắc chung đã được trần-bày trong điều 51 Dự số 2 ngày 5.1-1950 (án T.C.V. ngày 21-12-1957, vụ Đồn-thành Saigon k/ Công-ty bảo-hiểm « Le Secours », P.L.T.S. đệ-nhi tam-cá-nguyệt 1959, tr. 63).

E. — Cấp-thẩm hành-chánh.

Trong trường-hợp khẩn-cấp, theo đơn thỉnh-cầu của đương-sự, chánh-án tòa-án Hành-Chánh có thể ra án-lệnh cho thi-hành ngay mọi biện-pháp thích-ứng để giải-quyết mọi vụ tranh-chấp, miễn là án-lệnh này không được ảnh-hưởng đến tính-lý vụ án.

Có thể xin kháng-nại án-lệnh này trước Tham-Chính Viện trong hạn 15 ngày sau khi tổng-dạt.

Đoạn 3. — Thủ tục trước Tham-Chính-Viện.

A. — Đơn khiếu-nại và kháng-nại.

Đơn khiếu-nại phải do đương-sự hay người thụ-ủy ký tên.

Đơn kháng-nại của các công-sở sẽ do Bộ-Trưởng sở-quan ký, hay người công-chức được ủy-nhiệm đứng kháng-nại ký.

Đơn khiếu-nại và kháng-nại cùng bút-lục đính kèm phải gửi tới phòng tổng thư-ký Tham-Chính-Viện ; cũng có thể gửi thẳng tới Chủ-tịch Tham-Chính-Viện và được miễn tem.

Trong bất cứ trường-hợp nào, Tham-Chính-Viện chỉ có thể xét xử khi nào có một quyết-định của nhà chức-trách hành-chánh, hay một bản án của tòa-án hành-chánh hay một pháp-đình hành-chánh nào khác.

Nhà chức-trách hành-chánh nào tiếp nhận đơn thỉnh-cầu của ai về một việc gì mà lặng thinh trong một thời gian hai tháng sẽ coi như đã ra quyết-định bác lời thỉnh-cầu đó.

B. — Thời hạn khiếu-nại.

a) Trừ trường-hợp có điều luật định khác, đơn khiếu-nại chỉ được chấp-nhận trong hạn hai tháng kể từ ngày công-bố quyết-định hành-chánh bị chỉ-trích, hay kể từ ngày nhận được tổng-đạt nếu là quyết-định hành-chánh cá-nhân.

b) Thời hạn nói trên sẽ được đình-chỉ nếu đương-sự làm đơn xin tiêu-hủy quyết-định hành-chánh hoặc trước nhà chức-trách tác giả, hoặc trước thượng-cấp của họ. Nếu nhà chức-trách không trả lời, sự im lặng kéo dài trong hai tháng được coi như quyết-định bác-khước ; như vậy, thời hạn hai tháng ghi ở đoạn a trên đây sẽ tính từ ngày hạn hai tháng sau đã mãn.

C. — Đơn xin hoãn thi-hành.

Việc xin tiêu-hủy một quyết-định hành-chánh trừ ra Tham-Chính-Viện không có hiệu-lực làm đình-chỉ sự thi-hành văn-kiện đó. Tuy nhiên, nếu xét sự thi-hành một quyết-định hành-chánh có thể gây ra những kết-quả không đền bù được. Chủ-Tịch Tham-Chính-Viện có thể, theo lời thỉnh-cầu của đương-sự, sau khi báo cho đối-phương biết, ra án-lệnh tạm hoãn thi-hành.

Việc xin hoãn thi-hành phải thỉnh-cầu trong cùng một lá đơn với chính-vụ.

D. — Thủ-tục thẩm-cứu.

Chủ-tịch cử một ủy-viên thuyết-trình trong các cố-vấn, vị này độc-biện và điều-khiển cuộc thẩm-cứu.

Chủ-tịch ra án-lệnh thông-cáo các đơn khiếu-nại cùng bút

lục đính kèm, và định thời-hạn để đôi bên đương-sự xuất-trình biện-minh-trạng và kháng-biện-luận.

Khi cuộc thẩm-cứu đã hoàn-bị, ủy-viên thuyết-trình lập tờ-trình và dự-thảo án-vấn. Hồ-sơ đầy đủ sẽ chuyển cho ủy-viên Chánh-Phủ để làm kết-luận-trạng.

Đ.— Phiên tòa công-khai.

Tại phiên tòa, ủy-viên thuyết-trình đọc bản thuyết-trình, các đương-sự khấu-trình nhận-xét, và ủy-viên Chánh-Phủ kết-luận.

Án sẽ tuyên công-khai sau khi Tham-Chánh-Viện thảo-luận.

Chỉ có luật-sư thực-thụ mới được biện-hộ trước Tham-Chánh-Viện.

TIẾT V

QUY-CHẾ THẨM-PHÁN HÀNH-CHÁNH.

Nhân-viên Tham-Chánh-Viện và Tòa-án hành-chánh, trừ tổng thư-ký và các thư-ký trợ-lực, đều thuộc một ngạch thẩm-phán, mệnh-danh là *thẩm-phán hành-chánh* mà quy-chế được ấn-định do Dự số 40 ngày 15-11-1940.

Nguyên-tắc độc-lập của Thẩm-Phán Hành-Chánh.

Điều 3 Dự số 40 ngày 15-11-1954 đã xác-nhận nguyên-tắc độc-lập của các thẩm-phán hành-chánh, khi định rằng :

« Các thẩm-phán hành-chánh được cử giữ các chức-vụ tài-phán tại Tòa-án hành-chánh hay tại Tham-Chánh-Viện, trong khi thi-hành nhiệm-vụ xét xử, chỉ tùy thuộc lương-tâm và không thể bị thuyết-chuyển hay bãi chức ngoài những trường-hợp do pháp quy ấn-định.

Các thẩm-phán hành-chánh được cử giữ chức ủy-viên chánh-phủ hay phó ủy-viên chánh-phủ tại Tòa-án hành-chánh hay tại Tham-Chánh-Viện được tự-do kết-luận và chỉ căn-cứ vào pháp-luật hiện hành ».

Xác-nhận nguyên-tắc độc-lập của các thẩm-phán hành-chánh trên địa-hạt pháp-luật như vậy là hợp-lý, vì các thẩm-phán xét xử những vụ kiện giữa các tư-nhơn mà còn được bảo-đảm tánh-cách độc-lập, huống hồ là các thẩm-phán chuyên xét xử các vụ kiện giữa Chánh-Phủ và tư-nhơn, giữa các pháp-nhân hành-chánh và tư-nhơn, hoặc giữa hai pháp-nhân hành-chánh. Trách-nhiệm xử đoán của các thẩm-phán hành-chánh rất nặng nề. Có được bảo-đảm tánh-cách độc-lập, thì các vị này mới có thể xét xử một cách công bằng, khách-quan, và quyết-định theo lương-tâm, trong sự tôn-trọng luật-pháp và quyền-lợi quốc-gia, như điều 71 Hiến-pháp đã nói.

Ngoài ra, Hiến-pháp trong thiên thứ năm nói về Thẩm-phán không dùng danh-từ « *thẩm-phán tư-pháp* » mà lại dùng một danh-từ tổng-quát là danh-từ « *Thẩm phán* », như vậy nghĩa là không hề phân-biệt Thẩm-phán tư-pháp với Thẩm-phán hành-chánh. Tất cả các Thẩm-phán xử án, theo điều 71 Hiến-pháp, đều quyết-định theo lương-tâm, trong sự tôn-trọng luật-pháp và quyền-lợi quốc-gia; vậy thì Thẩm-phán hành-chánh cũng là Thẩm-phán xử án, nên cũng được bảo-đảm tánh-cách độc-lập như các Thẩm-phán xử án khác.

Phẩm-trật

Ngạch thẩm-phán hành-chánh chia ra làm 13 trật :

- 7 trật tham-ngự,
- 4 trật cố-vấn,
- 1 trật phó chủ-tịch Tham-Chính-Viện,
- 1 trật chủ-tịch Tham-Chính-Viện.

Tuyển-bồ

Có thể tuyển-bồ vào ngạch thẩm-phán hành-chánh, sau khi trúng-tuyển một kỳ thi nhập ngạch, những người có bằng luật-khoa cử-nhân hay tiến-sĩ, hội đủ những điều-kiện do qui-chế ấn-định.

Trong thời kỳ chuyển-tiếp, có thể tuyển-bồ vào ngạch thẩm-phán hành-chánh những giáo-sư, giảng-viên trường luật-

khoa đại-học, những luật-sư, những công-chức các ngạch tư-pháp hay hành-chánh, hội đủ các điều-kiện do qui-chế ấn-định.

Tuyên-thệ, thăng chức.

Các thẩm-phán hành-chánh chỉ có thể nhận chức sau khi tuyên-thệ.

Việc thăng-chức các thẩm-phán hành-chánh sẽ do Sắc-lệnh Quốc-Trưởng.

Muốn được thăng bậc, các thẩm-phán hành-chánh phải có đủ thâm-niên ít nhất là 2 năm, và phải được ghi tên vào bảng thăng-thưởng do một ủy-ban lập, ủy-ban này gồm :

- Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp. Chủ-tịch
- Chủ-tịch Tham-Chính-Viện hội-viên
- Một thẩm-phán hành-chánh đại-diện
thẩm-phán trong ngạch, hội-viên

Kỷ-luật

Đại hội-đồng Tham-Chính-Viện phát-biểu ý-kiến về việc áp-dụng những khoản trừng-phạt đối với các thẩm-phán hành-chánh phạm kỷ-luật. Trong mỗi quyết-định kỷ-luật, Bộ-trưởng Tư-pháp bao giờ cũng phải hỏi ý-kiến Đại hội-đồng Tham-Chính-Viện.

Thẩm-phán phạm lỗi phải được xem hồ-sơ và được phép phân-trần trước Đại hội-đồng Tham-Chính-viện về những điều khiển-trách, hay gởi biện-minh tới. Đương-sự có thể viện nhân-chứng hay nhờ luật-sư hoặc một đồng-nghiep bênh-vực cho mình.

Đặc quyền tài-phán.

Các thẩm-phán hành-chánh được hưởng đặc-quyền tài-phán như các thẩm-phán Tòa Thượng-thẩm.

KẾT-LUẬN

Sau khi thấu-hồi trọn vẹn chủ-quyền tư-pháp trên toàn lãnh-thổ quốc-gia, Bộ Tư-Pháp đã lần-lượt thực-hiện những cải-tiến sâu-rộng để tạo lập một tổ-chức tư-pháp hoàn-bị, canh-tân, có thể so sánh với tổ-chức tư-pháp các nước dân-chủ tiên-tiến trên thế-giới.

Sự chia hai hệ-thống pháp-đình cũng là một tổ-chức tân-tiến, phù-hợp với khuynh-hướng quốc-tế hiện-tại về việc chuyên-môn-hóa nhiệm-vụ xét xử theo hai ngành tư-pháp và công-pháp khác nhau.

Công-pháp và án-lệ hành-chánh Việt-Nam lại công-nhận những nguyên-tắc dân-chủ căn-bản về sự tôn-trọng nhân-quyền và dân-quyền, và là nền-tảng của văn-minh nhân-loại : đó là nguyên - tắc « Nhà Nước hợp-pháp », nguyên-tắc trách-nhiệm của Quốc-Gia và nguyên-tắc độc-lập của các thẩm-phán xử án, tư-pháp cũng như hành-chánh.

Với những nguyên-tắc nói trên, các pháp-đình hành-chánh Việt-Nam, suy-luận về những kinh-nghiệm của các nước văn-minh tân-tiến — khi mà những kinh-nghiệm ấy thích-hợp với truyền-thống nhân-bản và hoàn-cảnh thực-tại của nước nhà — đang lần hồi tạo-lập một ngành luật hành-chánh có tánh-cách dân-chủ, nhằm mục-đích thực-hiện hai khái-niệm Công-Lý và Công-Thiện, lại bảo-vệ hữu-hiệu các quyền-lợi chính-yếu của người dân, đảm-bảo cho con người quyền tự-do phát-triển bản-năng, phát-huy nhân-cách về lý-trí cũng như đạo-đức, trong sự hưng-thịnh của ích-lợi chung.

TRẦN-TÁC-LÂM

Chủ-Tịch Tham-Chính-Viện

PHỤ-BẢN NGOẠI-NGỮ

ORGANISATION JUDICIAIRE DU VIET-NAM

Le recouvrement de l'indépendance du Viet-Nam posait au Gouvernement, dès l'accord de la Baie d'Halong signé avec la France en 1949, le délicat problème de mettre sur pied un système de justice destiné à remplacer celui appelé à disparaître. Les premières pierres ont été posées par l'Ordonnance N°4 du 18-10-1949 portant création des Tribunaux nationaux fonctionnant aux côtés des juridictions mixtes maintenues à titre provisoire jusqu'au 16 septembre 1954, date à laquelle la souveraineté judiciaire a été consacrée par le transfert total et effectif de tous ses attributs.

Avec les données politiques et juridiques nouvelles, une réforme de structure a été conçue et réalisée sur la base des principes suivants :

1— principe de la séparation des fonctions administrative et judiciaire dont se réclame tout régime démocratique ;

2— principe de l'indépendance des juges, ayant sa source comme le premier dans la Constitution de la République du Viet-Nam du 26 Octobre 1956 ;

3— principe de l'unicité des juges admis dans les juridictions inférieures, en vue d'économiser les frais de justice et de simplifier les procédures ;

4— principe du double degré de juridictions, universellement accepté, pour plus de garantie aux justiciables ;

5— principe d'instituer deux ordres de juridictions séparées, chargés, l'un judiciaire, de juger les litiges entre particuliers, et l'autre administratif, de trancher les différends qui les opposent à la puissance publique ;

et 6-principe du contrôle juridictionnel de la constitutionnalité des textes législatifs et réglementaires, d'inspiration américaine, hier encore inconnu ou accueilli avec certaines réserves par quelques constitutions européennes.

Il échet d'étudier sommairement les juridictions vietnamiennes d'une part, et les juges et hommes de loi de l'autre, à la lumière de ces règles fondamentales.

I.— LES JURIDICTIONS

La Cour Constitutionnelle

Une place spéciale doit être faite à cette instance suprême qu'est la Cour Constitutionnelle qui, n'étant pas une autorité judiciaire proprement dite, n'en fait pas moins des actes véritablement juridictionnels.

La Cour Constitutionnelle comprend, pour la durée de chaque législature, un président nommé par le Président de la République avec l'accord de l'Assemblée Nationale, quatre hauts magistrats ou éminents juristes nommés par le Chef de l'Etat et quatre députés élus par l'Assemblée Nationale.

Mise à part ses attributions consultatives en cas d'amendements à la Constitution proposés par l'Assemblée Nationale ou le Président de la République, la Cour Constitutionnelle juge la constitutionnalité des lois, des décrets-lois et des règlements administratifs. A ces fins, elle est saisie d'une double manière, soit sur l'initiative des particuliers, soit sur celle du Conseil d'Etat.

Dans le premier cas, la requête aux fins de déclaration d'inconstitutionnalité est déposée par les intéressés sur les bureaux de la juridiction d'ordre judiciaire ou administratif saisie du litige principal, si la question d'inconstitutionnalité est soulevée incidemment au cours d'un procès en cours ; c'est la voie d'exception, celle généralement employée. La question peut encore être soulevée, indépendamment de tout procès, par voie d'action : une requête est alors déposée sur les bureaux du Conseil d'Etat pour être, si cet organe l'estime fondée, trans-

mise à la Cour Constitutionnelle. Une décision de refus de transfert peut être l'objet d'un recours devant la même Cour.

Dans le deuxième cas, le Conseil d'Etat soulève d'office l'inconstitutionnalité des textes législatifs ou réglementaires et saisit directement la Cour Constitutionnelle.

Devant la haute juridiction, l'affaire fait l'objet d'abord d'un examen préalable par une Commission spéciale dont la fonction est de se prononcer sur la recevabilité de la requête. Aucun recours n'est possible contre la décision de rejet de la Commission. Si la requête est déclarée recevable, alors seulement le dossier est soumis à la juridiction de la haute Cour.

Les sentences de la Cour Constitutionnelle ont pour effet de suspendre l'application des dispositions déclarées inconstitutionnelles.

Les deux ordres de juridictions.

Le Viet-Nam n'hésite pas à s'engager résolument dans la voie d'offrir à ses citoyens des garanties plus sérieuses et des chances plus grandes de réparation en leurs rapports avec l'Etat, par la création des juridictions administratives, que réclament même les juristes les plus conservateurs des pays anglo-saxons, distinctes des Tribunaux judiciaires. Deux ordres de juridictions sont donc établis.

A— ORDRE JUDICIAIRE

Les Tribunaux judiciaires comprennent les tribunaux de droit commun et les tribunaux d'exception, ayant au sommet de la pyramide la Cour de Cassation.

1.— Tribunaux judiciaires de droit commun.

a) **Composition** — Tout au bas de l'échelle, on trouve les Justices de paix, puis dans l'ordre hiérarchique, les Tribunaux de première instance ou les Justices de paix à compétence étendue et les Cours d'Appel.

— *Les Justices de paix*, composées d'un seul juge, le juge de paix, ont comme ressort territorial une ville ou un district,

Provisoirement, ce juge n'est pas toujours un magistrat de carrière, la fonction étant, dans certains ressorts, exercée cumulativement par le chef de district, fonctionnaire administratif. Même ainsi, les Justices de paix n'existent pas dans tous les centres. Dans les localités qui en sont dépourvues, les attributions sont dévolues aux Tribunaux de première instance ou aux Justices de paix à compétence étendue du ressort.

.. *Les Tribunaux de première instance et les justices de paix à compétence étendue*, dont la compétence s'exerce dans les limites d'une province ou s'étend à plusieurs provinces limitrophes, ne diffèrent que par leur composition, un Tribunal devant être composé au moins d'un Président, d'un Procureur de la République et d'un Juge d'instruction, tandis qu'une Justice de paix à compétence étendue est pourvue seulement d'un Président et d'un Juge d'instruction, quelquefois même du Président seul, qui cumule alors les fonctions de Procureur et de Juge d'instruction. Exceptionnellement, le Tribunal de Saigon, et dans une moindre mesure celui de Hue, comprennent un Président, plusieurs Vice-Présidents, de nombreux Juges, un Procureur de la République, des Substituts, plusieurs Juges d'instruction.

— *Deux Cours d'Appel* sont établies l'une à Saigon, l'autre à Hue, et composées chacune d'un Premier Président, de Présidents de chambre, de nombreux Conseillers d'une part, d'un Procureur Général, de plusieurs Avocats Généraux et Substituts Généraux d'autre part.

b) Compétence — Il existe en principe deux degrés de juridiction, en matière civile comme en matière pénale ; les infractions aux dispositions légales qualifiées de crime même sont jugées deux fois : notable différence avec les systèmes de jury populaire, dont les Cours d'assises se prononcent en premier et en dernier ressort.

En matière civile, outre leurs attributions tutélaires ou gracieuses, les Juges de paix connaissent des affaires inférieures à un certain taux, en premier et dernier ressort ou à charge

d'appel devant le Tribunal de première instance ou la Justice de paix à compétence étendue selon leur importance. Le Tribunal de première instance et la Justice de paix à compétence étendue sont les juges de droit commun en matière civile, en ce sens qu'ils ont plénitude de juridiction sur toutes les affaires sauf exceptions prévues par les textes. La Cour d'Appel enfin statue sur les appels formés contre les décisions rendues en premier ressort par les Tribunaux de première instance et les Justices de paix à compétence étendue, sauf pourvoi devant la Cour de Cassation.

A noter qu'il n'y a pas de Tribunaux de commerce à proprement parler. Les litiges entre commerçants sont jugés par une section du Tribunal de première instance qui n'est autre que la formation du même Tribunal appliquant le Code de commerce ; parfois il y a affectation spéciale d'un magistrat au service de ladite section. Devant les Justices de paix à compétence étendue, le Président juge indifféremment les affaires civiles et les affaires commerciales, s'intitulant respectivement juge en matière civile ou en matière commerciale. Autre différence avec le système français par exemple, qui connaît des Tribunaux de commerce, juridictions vraiment distinctes des juridictions civiles et composées exclusivement de commerçants élus par leurs pairs. Notre pratique actuelle a au moins l'avantage d'éviter que les exceptions d'incompétence puissent jamais être soulevées, comme ce pourrait être le cas s'il y avait deux juridictions distinctes.

En matière pénale, le système est organisé en fonction de la distinction traditionnelle entre les contraventions de simple police, que sanctionnent des peines d'amende ou de quelques jours de prison, les délits, punis d'une amende plus élevée ou d'un emprisonnement d'une plus longue durée, et les crimes, sanctionnés par une peine afflictive et infâmante plus rigoureuse, temporaire ou perpétuelle, et dans quelques cas par la peine de mort. Les contraventions de simple police sont jugées par le juge de paix, transformé pour la circonstance en juge de simple police, à charge d'appel devant le Tribunal

correctionnel. Les délits sont jugés par le Tribunal de première instance ou la Justice de paix à compétence étendue, transformé en Tribunal correctionnel, à charge d'appel devant la Cour d'Appel. Il en est de même des crimes dont la connaissance appartient, au premier degré, au même Tribunal de première instance ou à la même Justice de paix à compétence étendue, transformé en Tribunal criminel composé à titre exceptionnel de trois juges. L'appel est jugé par la Cour d'Appel dans des formations appelées Chambres des Appels Correctionnels ou Chambres des Appels Criminels. A cette dernière Chambre composée de trois juges, participent deux jurés désignés par la voie du sort. Le principe du double degré de juridiction est ainsi d'application générale. Devant les Tribunaux de 1ère instance ou Justices de paix à compétence étendue à juge unique, c'est le seul et même magistrat qui est appelé à présider à la fois les audiences civiles, correctionnelles et criminelles. La spécialisation ne peut intervenir que devant les tribunaux mieux dotés en personnel et surtout à la Cour où le nombre important d'affaires à juger justifie la division rationnelle du travail.

c) **Procédure** — La distinction entre délits et crimes se traduit par une différenciation sur le terrain de la procédure. Tandis que les délits peuvent être déférés directement devant le Tribunal Correctionnel par le Procureur ou ses Substituts, maîtres de l'action publique, suivant la procédure de flagrant délit ou de citation directe, les crimes doivent obligatoirement être l'objet d'une instruction préparatoire. Cette information judiciaire est l'œuvre du Juge d'instruction, dont la mission est de réunir les éléments nécessaires à soumettre à la juridiction de jugement. A la clôture de l'enquête, si le Juge d'instruction estime suffisantes les présomptions de culpabilité contre l'inculpé, il transmet le dossier à la Chambre des Accusations, autre section de la Cour d'Appel, qui seule dispose du pouvoir de déférer l'inculpé à la juridiction de jugement. Pour remplir sa mission, le juge d'instruction a à sa disposition les plus grands pouvoirs dont celui d'ordonner la détention préventive de la personne inculpée. Ce pouvoir est en,

fermé par la loi dans certaines limites et soumis dans une certaine mesure au contrôle du Procureur Général afin d'en prévenir l'exercice abusif.

En matière civile, il est à remarquer que la procédure de droit commun est plus simple et moins coûteuse, comparée à la procédure française ; au système accusatoire laissant la conduite du procès à l'initiative des parties et de leurs avocats, nous préférons le système inquisitorial confiant au juge la direction de la procédure. Ainsi les citations à comparaître, les significations des arrêts et jugements sont faites sur son ordre par le Greffier, les notables du village et facultativement par les huissiers.

Le personnel judiciaire réduit au strict minimum des Justices de paix à compétence étendue entraîne cette conséquence que provisoirement le siège du Ministère Public est laissé vacant, même dans les audiences criminelles, à moins que le Procureur Général n'estime nécessaire de déléguer sur les lieux un magistrat d'un Parquet voisin pour y prendre la parole.

Il résulte de ce qui précède que dans les matières civiles comme dans les matières correctionnelles de droit commun, le système du juge unique est appliqué dans les tribunaux inférieurs, celui de la collégialité à l'échelon de la Cour d'Appel. La règle ne comporte qu'une exception relative à la composition du Tribunal criminel composé de trois juges statuant en premier ressort.

2.— Tribunaux judiciaires d'exception.

A côté des tribunaux de droit commun, on trouve des tribunaux d'exception, compétents seulement pour une catégorie déterminée de litiges ou d'infractions ou une catégorie déterminée de personnes. Il convient de citer :

— *Les Tribunaux des Loyers*, habilités à juger les procès entre propriétaires et locataires bénéficiant de certaines prérogatives légales, suivant une procédure particulière. Dans les grands prétoires, un magistrat est spécialement affecté au service de ce Tribunal, tandis que dans les petits ressorts, c'est

encore le magistrat unique qui le préside sous la dénomination de Juge des loyers.

— *Les Tribunaux du travail* connaissent des différends individuels nés entre patrons et travailleurs à l'occasion de l'exécution du contrat de travail. Cette juridiction spéciale est composée d'un magistrat de carrière, entouré de deux assesseurs patrons et de deux assesseurs employés, désignés par la voie du tirage au sort sur des listes dressées par l'Inspecteur régional du Travail après consultation des organisations professionnelles intéressées. Elle applique une procédure expéditive. Les Tribunaux du Travail ne sont encore institués que dans certains centres. Dans les circonscriptions qui en sont dépourvues, les différends du travail sont portés devant la juridiction de droit commun appliquant la législation ouvrière.

— *Les Tribunaux pour Enfants* connaissent exclusivement des délits et crimes commis par des mineurs de moins de 18 ans. Leurs attributions sont dévolues aux tribunaux de droit commun dans les petites localités où la délinquance juvénile, fruit de la vie en agglomération urbaine, se fait plus rare que dans les grandes villes.

Un magistrat est spécialement désigné par arrêté du Secrétaire d'Etat à la Justice pour assurer le service d'un Tribunal pour mineurs. Au premier degré, ce magistrat qui statue comme juge unique en matière correctionnelle, s'adjoint dans les audiences criminelles de deux assesseurs-citoyens, désignés parmi les personnes s'intéressant aux problèmes de la jeunesse. En appel, la formation criminelle est également composée d'un conseiller, président, assisté de deux assesseurs-citoyens.

La procédure est caractérisée par les traits suivants : les règles du Code relatives à la citation directe ou au flagrant délit ne peuvent être utilisées, même en matière correctionnelle, qu'exceptionnellement, si l'intérêt du mineur l'exige ; autrement dit, l'instruction préparatoire est toujours obligatoire ; à l'audience, ne sont admis que les témoins, les parents du mineur, son avocat, les représentants des organisations ou associations

s'occupant des enfants et toutes personnes dont l'audition est jugée nécessaire aux débats. Toute reproduction des débats par la presse ou par tout autre moyen de diffusion est rigoureusement interdite.

Si le mineur est jugé coupable, le Tribunal, sans préjudice du droit de prononcer des peines de droit commun contre ceux âgés de plus de 13 ans, ne pourra ordonner que l'une des mesures édictées dans le but d'obtenir son redressement.

— *Les Tribunaux Agraires* connaissent des litiges survenus et des infractions commises à l'occasion de l'exécution de la réforme agraire. Là où il n'y a pas de tribunaux agraires, les tribunaux de droit commun en remplissent les fonctions.

Chaque Tribunal agraire est présidé en principe par le Président du Tribunal de première instance ou de la Justice de paix à compétence étendue du ressort, assisté de deux assesseurs, fonctionnaires administratifs nommés par le Secrétaire d'Etat à la Réforme Agraire. Un commissaire du Gouvernement, nommé dans les mêmes conditions, exerce les attributions du Ministère Public.

Les Tribunaux Agraires statuent en premier et dernier ressort. Le besoin pressant de faire aboutir la réforme agraire commande cette solution exceptionnelle mettant en brèche le principe du double degré de juridiction. Les décisions doivent cependant, pour avoir force exécutoire, être approuvées par la Commission de Réforme Agraire présidée par le Chef de l'Etat. En cas de désapprobation l'affaire est renvoyée par la Commission à un Tribunal Agraire d'un ressort voisin pour nouvel examen.

— *Les Tribunaux Militaires* de nature répressive connaissent de toutes infractions commises par les militaires et des crimes et délits contre la sûreté de l'Etat commis par toutes personnes. Il en existe trois sur tout le territoire.

Chaque Tribunal militaire est composé de cinq membres : le président, magistrat civil choisi dans le personnel judiciaire

de la Cour d'Appel du ressort et quatre juges militaires. Un commissaire du Gouvernement remplit les fonctions de Ministère Public.

Les jugements des Tribunaux militaires sont rendus en dernier ressort. Ils peuvent être déférés par la voie du pourvoi devant la Cour de Cassation.

— *Le Tribunal Militaire spécial* connaît de certains faits visant à porter atteinte soit à la sécurité de l'Etat, soit à la vie et aux biens de la population, des faits d'espionnage et de trahison, enfin des faits portant atteinte à l'économie et aux finances nationales. Tenant des audiences foraines, cette juridiction spéciale est présidée par un Officier, assisté de deux assesseurs : un officier et le chef de la province ou de la municipalité où siège le Tribunal. Le Président et les Assesseurs ainsi que le Commissaire du Gouvernement et le Greffier sont tous nommés par arrêtés du Secrétaire d'Etat à la Défense.

Le recours en cassation n'est pas admis contre ses arrêts.

3— La Cour de Cassation

Tous les tribunaux judiciaires statuant au civil comme au pénal, sont, à l'exception du Tribunal militaire Spécial, placés sous le contrôle de la Cour de Cassation. Cette haute juridiction ne constitue pas un troisième degré de juridiction. Elle n'exerce sa censure que sur l'application de la loi, mais n'a aucun pouvoir sur les faits souverainement appréciés par les juges du fond. La Cour de Cassation comprend le Premier Président, un Président de Chambre, six Conseillers, un Procureur Général et un Avocat-Général, et se divise en deux chambres, une Chambre civile statuant sur les pourvois en matière civile, présidée en principe par le Premier Président assisté de deux Conseillers, et une Chambre criminelle compétente pour les pourvois en matière pénale, présidée par le Président de Chambre assisté également de deux Conseillers. Les causes du pourvoi sont limitativement au nombre de quatre : incompétence ou excès de pouvoir, violation de la loi, vice de forme, contra-

riété de jugements. Les pourvois sont directement examinés par la Cour de Cassation. Si le pourvoi est accueilli, l'affaire, dans la généralité des cas, est renvoyée devant une autre juridiction de même degré ou devant celle qui a primitivement statué, mais autrement composée. La règle est que si la juridiction de renvoi adopte le point de vue de la juridiction primitivement saisie et que l'affaire revienne de nouveau devant la Cour de Cassation sur nouveau pourvoi, la haute Cour statuera cette fois souverainement.

B— ORDRE ADMINISTRATIF

Malgré les critiques dont fait encore parfois l'objet le principe même de l'institution des juridictions administratives comme instances distinctes des tribunaux judiciaires semble que la séparation des deux ordres de juridictions réponde à un certain besoin, celui de faire juger les affaires administratives, dont la solution requiert une technicité particulière, par les magistrats spécialisés. Nous avons fait remarquer qu'il existe dans les pays anglo-saxons qui n'adoptent pas cette séparation une tendance à accueillir le principe pour faire assumer par l'Etat la responsabilité de ses actes dommageables. Cette réaction est d'autant plus significative qu'on constate actuellement dans ces nations la recrudescence d'une multitude de petites juridictions dont chacune est habilitée à juger une catégorie de litiges déterminée de nature administrative.

Dans l'ordre administratif, en matière de droit commun, il n'y a encore pour tout le Viet-Nam qu'un Tribunal Administratif avec au-dessus, le Conseil d'Etat qui fait pendant à la Cour de Cassation dans l'ordre judiciaire (le Conseil d'Etat et la Cour de Cassation ont été, sous des vocables différents, deux sections d'une institution unique, la Cour Suprême de Justice, avant de devenir, par la scission de cette dernière, deux juridictions distinctes comme ils le sont aujourd'hui).

— *Le Tribunal Administratif* est composé d'un Président, d'un Président suppléant, d'un certain nombre d'assesseurs et d'un Commissaire du Gouvernement choisi parmi ces derniers.

— *Le Conseil d'Etat* est composé d'un Président, d'un ou de deux Vice-Présidents, de Conseillers et d'Auditeurs en nombre suffisant pour assurer le service. Il est divisé en plusieurs sections, dont une contentieuse. Devant cette section, un Conseiller assume les fonctions de Commissaire du Gouvernement.

Le Tribunal Administratif et le Conseil d'Etat statuent sous forme collégiale. Les deux juridictions se partagent le contentieux administratif, qui englobe le contentieux de la responsabilité des collectivités publiques, le contentieux de la fonction publique, le contentieux électoral, une partie du contentieux fiscal, le contentieux de la légalité des actes administratifs. De ces matières, certaines sont jugées en premier ressort par le Tribunal Administratif à charge d'appel, d'autres en premier et dernier ressort à charge de pourvoi, le tout devant le Conseil d'Etat, d'autres enfin sont déférées directement devant la haute juridiction pour recevoir une solution définitive.

La procédure en application devant les juridictions administratives diffère de celle suivie devant les tribunaux judiciaires sur plusieurs points. Elle est d'abord entièrement écrite : à l'audience où l'affaire est enrôlée pour le jugement, les parties ou leurs avocats ne peuvent pas en principe présenter des conclusions nouvelles, étant autorisés seulement à formuler des observations orales à l'appui des conclusions écrites qu'ils ont déposées. Elle est ensuite inquisitoriale : au seuil de chaque instance, un rapporteur est chargé, sous l'autorité du président, de diriger l'instruction du procès ; il propose les mesures et les actes d'instruction qu'il juge nécessaires ; en égard aux circonstances de l'affaire, le président fixe aux parties un délai pour présenter leurs mémoires en défense ou en réplique ; en dernier lieu, le juge rapporteur décide si l'affaire est en état d'être jugée et prépare éventuellement un rapport écrit et un projet de décision. Enfin, les notifications à faire dans les instances engagées devant les juridictions administratives ont lieu dans la forme administrative : les communications de la requête introductive d'instance, des mémoires en défense ou en

réplique ne sont pas faites de partie à partie mais par les soins du Secrétaire Général.

Il convient enfin d'ajouter une dernière juridiction administrative spécialisée : le *Tribunal des pensions* chargé de statuer sur les contestations en matières d'allocations aux anciens militaires invalides, comportant deux degrés et ressortissant également au Conseil d'Etat.

Les frais de justice et l'assistance judiciaire.

A l'exception des procédures se déroulant devant les Tribunaux Agraires, du Travail et des pensions, les procès civils ou administratifs au Viet-Nam ne sont pas gratuits. Les justiciables doivent, en principe, faire l'avance des frais. Mais ils peuvent en être dispensés par le bénéfice de l'assistance judiciaire ; deux bureaux sont établis à cet effet auprès du siège de chaque cour d'appel, qui examinent avec bienveillance l'objet de la demande introductive d'instance. L'institution d'assister les plaideurs démunis permet à 25% de demandeurs d'accéder au prétoire sans avoir à payer les frais ou dépens de justice et honoraires d'avocat,

II — MAGISTRATURE et HOMMES DE LOI

A—*Les magistrats* de l'ordre judiciaire se divisent comme en France en magistrats du siège, véritables juges chargés de «dire le droit» et magistrats du Parquet, agents du Gouvernement dont la principale fonction est de requérir l'application de la loi. En fait, les cloisons ne sont pas étanches; car, au gré de leur avancement, les magistrats passent souvent d'une catégorie à une autre. Tous les magistrats qu'ils soient du siège ou du Parquet, bénéficient de garanties au point de vue de leur avancement ou du régime disciplinaire auquel ils sont soumis, en ce sens que, en ces matières, les décisions concernant leur carrière échappent à l'arbitraire du pouvoir exécutif. La différence tient seulement à ce que l'organisme qui détient ce pouvoir de décision n'est pas le même pour les uns et les autres.

Pour les magistrats du siège, cet organisme est le Haut Conseil de la Magistrature, prévu par la Constitution elle-même. Il est composé du Président de la République, ou de son représentant, président, de trois magistrats du siège élus au scrutin secret par les magistrats du siège en exercice à la Cour de Cassation et aux Cours d'Appel, et de deux magistrats du siège élus dans les mêmes conditions par les magistrats du siège en service aux Tribunaux de première instance, aux Justices de Paix à compétence étendue et aux Justices de Paix. Le Haut Conseil de la Magistrature décide de l'avancement des magistrats et des sanctions graves à prendre contre eux sur le plan disciplinaire. Le magistrat déféré devant le Haut Conseil a le droit de prendre communication de son dossier et de s'y faire défendre par un collègue ou par un avocat. Les arrêtés du Secrétaire d'Etat à la Justice affectant un magistrat à un poste du siège ou déplaçant un magistrat du siège, ainsi que ceux mutant un magistrat du siège au Parquet ou inversement, doivent également recevoir l'approbation du Haut Conseil.

Tous les magistrats judiciaires, qu'ils soient du siège ou du Parquet, se répartissent en trois cadres : cadre des juges de paix, cadre des magistrats des Tribunaux de première instance et des Cours d'Appel, cadre des magistrats de la Cour de Cassation. Les magistrats de l'ordre administratif forment un cadre unique.

En règle générale, les magistrats de tout ordre sont recrutés sur concours, parmi les personnes titulaires au moins du grade de licencié en droit. Dans une période de transition déjà révolue, un recrutement sur titre a été prévu en faveur des juristes ayant, par leur activité passée, une expérience des choses judiciaires.

La fonction de magistrat est incompatible avec tout mandat électoral, ainsi qu'avec l'exercice des professions civile ou commerciale. Il est interdit aux magistrats de s'immiscer dans les affaires administratives, de se concerter pour délibérer sur des problèmes politiques, ou de manifester contre le régime

gouvernemental. Mais dans l'exercice de leurs fonctions, ils bénéficient d'une protection légale particulière contre les menaces et outrages dont ils peuvent être l'objet. Ils jouissent en outre d'un privilège de juridiction, à savoir que les poursuites pénales pour crimes ou délits contre un magistrat ne peuvent être ouvertes que sur l'ordre du Secrétaire d'Etat à la Justice après une enquête effectuée par le Procureur Général ou par un magistrat délégué, et que le magistrat éventuellement inculqué est traduit devant la Cour d'Appel qui statue toutes Chambres réunies.

B— *Les Avocats* occupent, par leur importance, la première place dans la catégorie des hommes de loi désignés traditionnellement dans notre système comme des auxiliaires de la justice.

L'avocat vietnamien n'est pas l'équivalent de son homonyme français ou du barrister anglais, car il ne se contente pas de plaider. Mandataire, il fait également les actes de procédure au nom de son client. De ce côté, il se rapproche plus du solicitor anglais que de l'avoué français, puisque à l'instar du premier et à la différence du second, il n'est pas le mandataire indispensable des parties, qui peuvent toujours se présenter en justice en personne; mais si elles préfèrent se faire représenter par d'autres personnes que des cohéritiers, des coassociés, des parents jusqu'au troisième degré, elles ne peuvent s'adresser qu'à un des avocats inscrits au Barreau. Toutes proportions gardées, leurs activités sont comparables à celles des Lawyers aux USA.

Les avocats sont groupés en deux Ordres ou Barreaux institués auprès des deux Cours d'Appel et dotés de la personnalité morale. Chaque Barreau est administré par un Conseil de l'Ordre, composé d'un chef, le Bâtonnier, et de membres dont le nombre varie selon l'effectif des avocats en exercice, tous élus par leurs pairs au scrutin secret et de liste.

Toute personne qui demande son admission au stage doit selon la récente loi du 8-1-1962, entre autres conditions, être titulaire du grade de licencié en droit ou d'un grade équivalent

et avoir subi avec succès un examen d'aptitude pour la profession d'avocat sanctionnant un enseignement pratique adéquat donné à l'Université par des professeurs de droit, des hauts magistrats et des grands maîtres du barreau. Le stage peut être fait dans une étude d'avocat ou auprès d'un Bureau de stage dirigé par le Conseil de l'Ordre. La durée du stage est en principe de trois années pendant lesquelles le stagiaire est tenu, outre son travail au bureau de l'avocat titulaire ou à celui de Stage, de participer à l'étude des dossiers et de fréquenter les audiences le tout avec assiduité. Si tout se passe normalement, à l'expiration du délai de stage, l'ancien stagiaire est inscrit sur le tableau des avocats.

Certaines personnes sont dispensées du stage comme de l'obligation de suivre l'enseignement dont il a été question, tels les anciens magistrats ayant au moins trois ans de fonctions et les professeurs de droit ayant enseigné au moins pendant le même laps de temps.

La profession d'avocat est incompatible avec toutes les fonctions de l'ordre judiciaire et de l'ordre administratif, à l'exception de celle de Président ou de Conseiller de la Cour Constitutionnelle, à moins que présent à l'audience il ne soit désigné comme juge provisoire pour compléter le Tribunal. Elle est compatible avec la fonction de professeur, de chargé de cours ou de chargé d'enseignement des facultés de droit. Elle est aussi compatible avec l'exercice de tout mandat électoral.

L'avocat doit rester dans les limites d'une certaine modération et d'un certain désintéressement : il lui est aussi interdit par la loi de se livrer à toute espèce de négoce. Les pactes de quota litis passés avec les clients lui sont interdits, ce qui fait la différence avec son confrère américain. Il doit également et surtout rester indépendant, condition nécessaire à l'exercice de la profession, ne pas par exemple accepter un emploi à gages qui le mette dans une situation subordonnée de salarié. Tout manquement à ses obligations peut entraîner pour

l'avocat des sanctions disciplinaires prononcées par le Conseil de l'Ordre érigé en Conseil de discipline.

A condition de respecter les lois et les autorités publiques, l'avocat bénéficie de l'immunité pour ses plaidoiries et ses écrits. De par la loi, son cabinet est inviolable et ne peut, en cas de poursuites pénales contre l'avocat, faire l'objet d'une perquisition que sur autorisation du Procureur Général, la mesure devant être exécutée par le juge d'instruction, en présence du bâtonnier ou d'un membre du Conseil de l'Ordre.

Après les avocats, les autres auxiliaires de la justice sont : les *greffiers* qui donnent l'authenticité aux actes du juge ; les *huissiers*, chargés des significations judiciaires et aussi extrajudiciaires et de l'exécution forcée des jugements et aussi d'autres actes publics, des *syndics-liquidateurs* auxquels les Tribunaux confient le soin de liquider les biens d'un commerçant en faillite ou d'une société en dissolution et dont le statut est encore à déterminer.

Il faut en dernier lieu citer les *notaires*, véritables fonctionnaires publics et non officiers ministériels, dont le rôle consiste à conférer l'authenticité aux actes qu'ils reçoivent.

BUI-SƠN-HUY et NGUYỄN-HUY-ĐÀU

Avocat

Magistrat

QUYỂN NHẤT

PHẦN THỨ NHẤT

TỔ-CHỨC BỘ TƯ-PHÁP

CHỨC CHƯỞNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP

*Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định Chức
chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp*

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG

*Chiều dụ số 1 ngày mùng 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức và điều-hành
các cơ-quan công-quyền;*

*Chiều dụ số 2 ngày 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức quy-chế các
công-sở;*

*Chiều sắc-lệnh số 1-CP ngày 1 bảy năm 1949 ấn-định thành-phần
Chánh-phủ;*

Chiều đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp;

SẮC-LỆNH :

Điều thứ nhất.— Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, sau khi thỏa hiệp với các Tổng-Trưởng và Bộ-Trưởng sở-quan, đệ trình Đức Quốc-Trưởng phê chuẩn một chính-sách về cách tổ-chức và sự điều-hành bộ máy tư-pháp cùng mọi phương-pháp cần-thiết mục-dịch làm cho việc xử án được hoàn-hảo, trừng trị mọi hành-động có phương-hại đến trật tự chung và đến sự an toàn nhân-mệnh, bảo vệ các tự-do cá-nhân và các công-hữu và tư-hữu tài-sản, và để thực-hiện việc thống-nhất luật-pháp trên lãnh-thò quốc-gia.

Điều thứ 2.— Để thực-hành điều trên, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp lãnh những nhiệm-vụ sau đây :

— Soạn thảo và thi hành các luật-lệ về việc tổ-chức và sự điều-hành bộ máy tư-pháp ;

— Soạn thảo và thi-hành các luật-lệ về việc đào-tạo các nhân-viên tư-pháp và việc ấn-định quy-chế của các nhân-viên ấy ;

— Soạn thảo luật-lệ và các chức-nghiệp tư-pháp và kiểm-soát các việc hành-sự chức-nghiệp ấy ;

Danh-biểu và kỷ-luật đoàn-thể các luật-sư ; quyền bảo chữa ;

Thiết-lập, tổ-chức, kỷ-luật, chuyển-nhượng và bãi-bỏ các chức-vụ công lại tư-pháp, Tuyển-bổ vinh-hàm, quy-chế chức-nghiep nhân viên các tổ-chức công lại tư-pháp ;

Tổ-chức nhân-viên và kỷ luật về quản-lý văn-khế ;

Tổ-chức chuyên nghiệp các giám-định-viên và quản-tài viên, điều kiện để nhập chức và kỷ luật.

— Soạn thảo và thi hành các luật lệ về dân sự và thương sự :

Xin phá án về dân sự và thương sự vì ích lợi của luật pháp

Tư pháp bảo trợ ;

Công bố các bản án về thất tung, về các di-sản không có người thừa tự :

Kiểm-soát việc giữ-gìn các sổ hộ-tịch ;

Miễn trừ điều-kiện tuổi, thân thuộc, thích thuộc trong việc giá-thú ;

Đổi tên và thêm tên ;

Nhập quốc-tịch ; phục hồi tư-cách công-dân Việt-Nam ;

Các vấn đề quốc-tịch, thẩm xét và đăng ký các tờ khai về quốc-tịch ;

Các việc ủy-thác hỏi cung thuộc dân-sự và việc tổng - đạt các văn-kiện cần thi-hành ở ngoại-quốc hay do ngoại-quốc yêu cầu thi-hành trong nước ;

— Soạn thảo và thi-hành các luật-lệ hình-sự :

Truy tố các trọng tội, khinh tội và vi-cảnh tội, kiểm-soát việc hành-sử quyền công-tố, trông nom các thủ-tục tố-tụng và việc thi-hành các khoản trừng phạt ;

Xin phá án về hình-sự vì ích-lợi luật pháp.

Chuẩn phê đề cho thi-hành các án-quyết tuyên xử ở ngoại quốc ;

Đơn xin phán định thẩm quyền, xin di giao án-vụ vì có hiềm nghi chính đáng ;

Thăm xét các đơn xin tái thăm các việc về đại-hình và tiểu-hình ;

Nghiên cứu các vấn đề liên-quan đến các tòa-án quân-sự;

Kiểm-soát việc hành-sự các nhiệm vụ tư-pháp cảnh-sát (thỏa hiệp với Bộ-Trưởng Bộ Nội-Vụ về các luật-lệ có liên quan đến việc thiết-lập và sự tổ-chức tư-pháp cảnh-sát do Bộ-Trưởng Bộ Nội-vụ soạn thảo);

Thăm xét các đơn xin ân xá — Đề trình hồ-sơ và đề-nghị lên Đức Quốc-trưởng quyết định về ân-xá và đại-xá;

Quyết-định về các phương-pháp khoan hồng khác; giảm bớt hình-phạt, phóng-thích có điều kiện, thay đổi nơi trụ sở của những người được phóng-thích có điều-kiện, hoán giảm hình phạt;

Tư-pháp lý-lịch trung-ương;

— Soạn thảo và thi-hành các hiệp-ước quốc-tế về dẫn-độ phạm-nhân;

Các việc ủy-thác hỏi cung về các vụ đại-hình và tiểu-hình cần thi-hành ở ngoại-quốc hay do ngoại-quốc yêu cầu thi-hành ở trong nước;

Kiểm-tra, hợp thức hóa và phát lệnh thu-ngân các khoản án-phí;

Thiết lập và kiểm-soát các phổi sở, lao-xá và nhà trừng-giới cùng quy-định chế-độ nội quy các cơ quan đó và cách thức di-chuyển các tù nhân và người bị tạm giam. Tạm thời việc quản-trị lao-thất thuộc thẩm-quyền hành-chính địa-phương;

Áp-dụng luật lệ xã-hội và luật lệ lao-động trong các phổi-sở, lao-xá và nhà trừng giới;

Thăm xét các dự-án về việc kiến-thiết các phổi-sở, lao-xá và nhà trừng-giới và kiểm-soát việc thi-hành các dự-án đã được chuẩn y;

— Pháp chế;

Tập trung các luật lệ hiện-hành để soạn thảo các bộ luật về hình-sự, dân-sự, thương-sự và tổ-tụng thủ-tục;

Phát biểu ý-kiến về phương-diện pháp-lý về các dự-án luật lệ do các cơ-quan hành-chánh quốc-gia chuyển đến;

Phân tích và xếp-loại các quyết-định của các tòa án trong nước;

Sưu-tầm tài liệu. Phiên-dịch các luật lệ của nước Pháp và các nước khác mà sự xuất-bản xét ra có ích;

Xuất-bản các tập san về pháp-lý và các bảng tư-pháp thống kê. Phổ thông các điều đại cương về luật-pháp thông thường và thiết-thực.

Điều thứ 3. — Để thực hiện các nhiệm-vụ, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, mỗi khi cần, sẽ thỏa-hiệp với các Tổng-Trưởng và Bộ-Trưởng sơ-quan.

Điều thứ 4. — Phó Thủ-tướng Chính-phủ, các Tổng-Trưởng và Bộ-trưởng và Tổng Thư-ký Chính-phủ, chiếu theo nhiệm-vụ, lãnh thi-hành sắc-lệnh này.

Làm tại Hà-nội, ngày 19 tháng chín năm 1949.

BẢO-ĐẠI

Phó-thư:

Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

NGUYỄN-KHẮC-VỆ

NGHỊ-ĐỊNH số 505 CTP/ND ngày 17-6-1955
tổ-chức lại nền hành-chánh trung-ương Bộ Tư-Pháp.

TỔNG-TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP

Chiều Dự số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền,

Chiều Dự số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 sửa đổi bởi Dự số 21 ngày 4 tháng 8 năm 1954 tổ-chức quy-chế các công-sở,

Chiều Sắc-lệnh số 145-CP ngày 10 tháng 5 năm 1955 ấn-định thành-phần Chánh-phủ,

Chiều Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định chức-chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp,

Chiều chỉ-thị số 320-Cab ngày 28 tháng 9 năm 1949 bổ-túc bởi chỉ-thị số 352-Cab ngày 12 tháng 12 năm 1949 ấn-định sự tổ-chức tạm-thời các cơ-quan hành-chánh Quốc-gia và địa-phương,

Chiều các Thông-tư số 30-SG-Ctr ngày 27 tháng 8 năm 1952, số 7-NV/NNV/I-TT ngày 6 tháng 3 năm 1954 và số 59-CV ngày 13 tháng 11 năm 1954 của Thủ-tướng Chánh-phủ,

Chiều Sắc-lệnh số 149 ngày 22 tháng 12 năm 1948 tổ-chức các Nha Sở tại Bộ Tư-Pháp,

Chiều Nghị-định số 584-BTP/ND ngày 29 tháng 12 năm 1952 bổ-túc bởi Nghị định số 601/BTP/ND ngày 9 tháng 12 năm 1953 tổ-chức lại các Nha Sở tại Bộ Tư-Pháp,

Vì nhu-cầu công-vụ,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Tổ-chức hành-chánh trung-ương tại Bộ Tư-Pháp gồm có các cơ-quan sau này, đặt dưới quyền trực-tiếp của Tổng-Trưởng :

I.— Nha Đồng-Lý Văn-Phòng

II.— Nha Giám-Đốc Nhân-viên và Kế-toán

III.— Nha Giám-Đốc Hộ-Vụ

IV.— Nha Giám-Đốc Hình-Vụ

Điều thứ 2.— NHA ĐỒNG-LÝ VĂN-PHÒNG

Nha Đồng-Lý Văn-phòng đặt dưới quyền của một Đồng-lý Văn-phòng, trợ-tá có một Chánh Văn-phòng, một hay hai Công-cán Ủy-viên, một Tham-chính Văn-phòng, một Bí-thư, và những Chủ-sự các phòng sau đây :

Nha Đồng-lý Văn-phòng gồm :

1.— VĂN-PHÒNG CHÍNH-DANH

- Công việc chính-trị, cần-nhiệm và dành riêng.
- Công-văn cần-nhiệm và mật.
- Văn-khố cần-nhiệm và dành riêng của Tổng-Trưởng.
- Mở và phân-tách thư-tín gấp, xem-xét và phân-phát công-văn đến.
- Tập trung các bản văn lập-pháp và lập-qui, các văn-thư, nghị-định và thư-tín đệ-trình Tổng-Trưởng xem xét, phê-ký hay phó-thự.
- Giao-dịch với Phủ Thủ-tướng, các Bộ và các Hội-đồng, trừ Quốc-Hội.
- Kiểm-soát sự thi-hành các quyết-định của Tổng-Trưởng.
- Xếp đặt và lưu-trữ văn-khố của văn-phòng.
- Phối-hợp công-việc các Nha, Sở trong Bộ.
- Nội-dịch.
- Triệu-tập các ủy-hội.
- Tổ-chức các việc công-cán ở ngoại-quốc.
- Đơn-từ tư-nhân.
- Các vấn-đề tổng-quát.
- Phúc-trình hàng tháng lên Chính-phủ.

2.— PHÒNG BÍ-THƯ

- Tiếp-kiến, tiếp-tân, lễ-tiết.
- Kinh-lý chính-thức và hành-lữ của Tổng-Trưởng.
- Nghi-lễ.
- Thư-tín riêng của Tổng-Trưởng.
- Biệt-vụ về báo chí của Tổng-Trưởng.

3.— PHÒNG LIÊN-LẠC VỚI QUỐC-HỘI

- Giao-thiệp với Quốc-Hội.
- Các câu hỏi và chất-vấn Chính-phủ của các nghị-sĩ và Quốc-Hội.
- Quyền-lợi, quyền bất-khả xâm-phạm và đặc-quyền của các nghị-sĩ.
- Liên-lạc với các Bộ khác để nghiên-cứu các vấn-đề liên-quan đến Quốc-Hội (thành-phần, bầu-cử, điều-hành, quyền-hạn và chức-chương).

4.— PHÒNG KÊ-KHAI TÀI-SẢN

- Kiểm-soát và tập-trung các tờ kê-khai tài-sản của nhân-viên Bộ Tư-pháp.
- Tổ-chức và điều-hành của ủy-ban danh-dự.
- Quyền-hạn và chức-chương của ủy-ban danh-dự.
- Giao-thiệp với Phủ Thủ-tướng, các Bộ khác và các Hội-đồng về việc kê-khai tài-sản.

5.— PHÒNG CÔNG-VĂN

- Tiếp-nhận, mở và vào sổ công-văn thường gửi đến.
- Vào sổ và phát các công-văn thường gửi đi.
- Vào sổ, sưu-tập vào pho bản các nghị-định, quyết-định và thông-tư.
- Phổ-biến các chỉ-thị và thông-tư có tính-cách chung.
- Canh gác thường trực.
- Đánh máy, in máy ronéo.
- Điện-thoại.

Điều thứ 3.— NHA GIÁM - ĐỐC NHÂN - VIÊN VÀ KẾ-TOÁN

Đặt dưới quyền điều-khiển của một Giám-đốc, trợ-tá có nhiều Chánh-sự-vụ và Chủ-sự, Nha này gồm:

- Sở Nhân-viên (2 phòng)
- Sở Kế-toán (3 phòng)

A.— SỞ NHÂN-VIÊN

Sở này gồm có hai phòng:

Phòng nhất

Quản-trị nhân-viên các ngạch tư-pháp

— Thẩm-phán (tư-pháp và hành-chánh) — Chương-khế, Chánh-Lục-sự, Lục-sự, thơ ký, thơ-ký đánh máy, tùy-phái (bổ-dụng, cử-nhiệm, truyền-chuyển, thực-thụ, thăng-thưởng, xếp hạng, từ-chức, hồi ngạch, biệt-phái sang Bộ Sở khác).

— Quản-trị nhân-viên các ngạch hành-chánh hay chuyên-môn, ngoài ngạch tư-pháp, được biệt-phái giúp việc tại Bộ Tư-Pháp hay tại các Nha Sở và cơ-quan thuộc quyền.

— Giữ và lập hồ-sơ cá-nhân của nhân-viên, phiếu điểm cá-nhân và sổ kiểm-kê tất cả nhân-viên tùy thuộc Bộ Tư-Pháp.

— Thư-tín liên-quan đến việc quản-trị nhân-viên các ngạch thường-hữu.

Phòng hai

Quản-trị nhân-viên tạm tuyển tùy-thuộc Bộ Tư-Pháp

a) Nhân-viên công-nhật : tuyển-dụng, tái-tuyển, cử-nhiệm, truyền-chuyển, điều-chỉnh lương-bổng, thải-hồi, từ chức;

b) Nhân-viên khế-ước: lập, tái-lập khế-ước và gia-hạn khế-ước, triệt-hồi khế-ước, bồi-thường.

— Đơn xin việc.

— Soạn-thảo và sửa đổi qui-chế nhân-viên các ngạch tư-pháp.

— Tổ-chức các kỳ thi hạch.

— Trừng-phạt kỷ-luật.

— Nghỉ giả-hạn, nghỉ dài hạn, nghỉ phép, giám-định y-khoa, hồi-hương, công-cán.

— Hưu-tri, tiền tuất, trợ-cấp.

— Tổ-tụng.

— Vinh-dự và thứ bậc : ân-tứ ban khen, huy-chương và bội-tinh, vinh-hàm.

- Công việc xã-hội.
- Động-viên nhân-viên tư-pháp (lập bản danh-sách những người có thể động-viên, đơn xin hoãn-dịch).
- Nhân-viên các tòa-án đặc-biệt: Tòa-án thương-sự, Tòa-án lao-động, Tòa-án cấp-dưỡng, Tòa-án quân-sự, hải-sự...
- Ủy-hội tuyển lựa tù-binh, hội-đồng trọng-tài, trọng-lai pháp-định.
- Thư-tín liên-quan đến việc quản-trị nhân-viên tam tuyển.

B. — SỞ KẾ-TOÁN

Sở này gồm có 3 phòng:

Phòng nhất

Phòng kiểm-soát và thanh-toán trung-ương

- Dự-trù ngân-sách Bộ Tư-Pháp
- Ủy-ngân.
- Phân-phối kinh-phí.
- Tập-trung tài-liệu và giải-quyết các vấn-đề về nguyên-tắc.
- Kiểm-soát các văn-kiện về kế-toán của Sở Tư-Pháp Nam, Trung, Bắc-Việt.
- Thanh-toán chi-phí về nhân-viên và vật-liệu của Bộ và Sở Tư-pháp Nam-Việt.
- Thanh-toán chi-phí về các niên kiệt (nhân-viên và vật-liệu) các Sở Tư-Pháp Trung và Bắc-Việt.
- Hợp-thức-hóa các chi-phí tiêu ở ngoài Việt-Nam.
- Kế-toán ước-chỉ và thanh-toán.
- Chức-vụ trung-gian-viên ngân-kho.
- Lập dự-án nghị-định bổ-nhiệm phát-ngân-viên.
- Xin trưng-thư chuyên-chở nhân-viên.

- Cấp-phát và tập-trung giấy lộ-hành, giấy khám sức khỏe, giấy nằm nhà thương.
- Lập các lệnh thâu ngân nằm nhà thương, nhà ở, điện và nước.

Phòng hai

Phòng lương-bổng

- Dự-trù ngân-sách (phần nhân-viên).
- Lập dự-án ngân-phiếu lương-bổng và phụ-cấp nhân-viên chính-ngạch, kế-ước và công-nhật các ngạch tại Bộ Tư-Pháp và tại các tòa-án ở Nam-Việt.
- Lập ước-chỉ.
- Nạp khoản khấu-hưu về các nhân-viên chính ngạch các ngạch.
- Trợ-cấp cho nhân-viên tư-pháp.
- Chức-vụ phát-ngân-viên.

Phòng ba

Phòng vật-liệu

- Dự-trù ngân-sách (phần vật-liệu).
- Kế-toán ước-chỉ.
- Công-xa.
- Sở khí-mảnh Bộ Tư-Pháp và các Sở Tư-Pháp Nam và Trung-Việt.
- Mua, sửa-chữa tu-bồ và kiến-trúc các công-thự.
- Ký dẫu-thầu, đặt khí-mảnh, và thâu nhận vật-dụng đã đặt.
- Ký giao-kèo thuê bất-động-sản.
- Lập ngân-phiếu trả các hóa-đơn : thuê nhà, nước và điện, bưu-diện, bàn ghế, thuê khoán, giấy in và vật-dụng văn-phòng...
- In Pháp-lý tập-san.
- Mua báo chí, sách luật và về án-lệ.

- Quản-lý kế-toán quỹ ứng trước.
- Dự-kiểm và điều-chỉnh án-phí tụng-lệ hình-sự.
- *Điều thứ 4.* — **NHA GIÁM-ĐỐC HỘ-VỤ**

Điều-khiển bởi một Giám-đốc, trợ-tá có nhiều Chánh-sự-vụ và Chủ-sự, Nha này gồm :

- Sở Tư-pháp hành-chánh (2 phòng).
- Sở Pháp-chế dân-sự (3 phòng).
- Sở sưu-tầm tổng-quát, xuất-bản, phiên-dịch và thư-viện (2 phòng).

A. — SỞ TƯ-PHÁP HÀNH-CHÁNH

Sở này gồm 2 phòng :

Phòng nhất

- Tổ-chức và điều-hành các tòa-án.
- Tổ-chức các tòa-án.
- Sửa đổi quản-hạt tư-pháp.
- Thiết lập các tòa-án thường và tòa-án đặc-biệt.
- Kê-khai, xếp đặt và tàng-trữ các văn-khố, và hồ-sơ của các tòa-án đã thôi hoạt-động.
- Tư-pháp bảo-trợ về dân-sự.
- Công-bố các án-văn về thất-tung và di-sản vô-thừa-nhận.
- Bối-cáo tư-pháp và luật định.
- Kiểm-soát tổng-quát về sự hoạt động của bộ máy tư-pháp.
- Phúc-trình của các Tòa Thượng-thẩm và Viện Chương-lý
- Phúc-trình về sự hoạt-động chung của các tòa-án.

Phòng hai

Pháp-chế và kiểm-soát nghề-nghiệp tư-pháp

— Dự-thảo các bản văn về thể-lệ tổng-quát liên-quan đến các công-lại và các viên phụ-tá tư-pháp, ngoại-trừ nhơn-viên lục-sự :

1) Chương-khế : qui-chế chương-khế, thiết-lập, bãi-bỏ và di-chuyển các văn-phòng chương-khế,

2) Luật-sư : qui-chế luật-sư đoàn, tư-cách và năng-lực, danh-biêu và kỷ-luật luật-sư đoàn,

3) Thừa-phát-lại và hồ-giá-viên : tổ-chức và kỷ-luật, thiết-lập và bãi-bỏ các phòng-văn, bổ-nhiệm,

4) Quản-lái-viên, quản-lý tư-pháp và bảo-quản-viên, giám định viên : tổ-chức về nghề-nghiệp, gia-nhập chức-vụ, kỷ-luật.

B.— SỞ PHÁP-CHẾ

gồm 3 phòng :

Phòng nhất

Hộ-vụ và pháp-chế đặc-biệt

- Quản-trị tư-pháp hộ-sự và kiểm-soát hộ-tịch.
- Thượng-tổ phá-án vì lợi-ích của pháp-luật về hộ-sự.
- Các vụ tranh-chấp thẩm-quyền.
- Xem xét tập-chí đăng các phán-quyết về dân-sự của Tòa Phá-án.
- Ủy-thác trợ-thẩm về dân-sự, truyền-đặt các văn-thư ra ngoại-quốc hay từ ngoại-quốc đến.
- Nghiên-cứu tập-quán phong-tục trong nước, thăm dò các nhân-sĩ về các vấn-đề ấy.
- Thê-chế pháp-lý về các môn chưa được sưu-tập.
- Nghiên-cứu về pháp-chế đặc-biệt (nhà cửa, hầm mỏ, lao-động, trưng-dụng, công-sản, v.v...) liên-lạc với các Bộ và các Sở sở-quan.

Phòng hai

Pháp-chế về dân-sự trong nước

- Nghiên-cứu các dự-án luật (dự), sắc-lệnh về dân-sự, thương-sự và dân-sự tố-tụng.
- Cho ý-kiến về các dự-án luật và sắc-lệnh của các Bộ khác chuyển tới để lấy ý-kiến hay chiếu-hội, tham-dự các ủy-hội nghiên-cứu các bản luật ấy.

- Cho ý-kiến về các dự-án bản văn lập-qui do các cơ quan hành-chánh địa-phương soạn-thảo.
- Phức-dáp các điều tham-vấn của các bộ và các cơ-quan hành-chánh về mặt pháp-lý.
- Ủy-ban canh-cải pháp-chế và biên-tập pháp-diễn : bộ dân-luật, bộ dân-sự tố-tụng, bộ thương-luật.
- Phòng thơ-ký của các ủy-ban, tập-trung công việc của các ủy-ban ấy.

Phòng ba

Pháp-chế ngoại-quốc và quốc-tế-pháp

Ban nhất

- Liên-lạc với các Bộ sở quan để thi-hành các hiệp-định và các hiệp-định thi-hành đã ký kết với nước Pháp.
- Áp-dụng các hiệp-định tư-pháp.
- Các hiệp-định liên-quốc.
- Hiệp-ước quốc-tế ký-kết với các ngoại-quốc ngoài nước Pháp.
- Suu-tầm và thành-lập một tàng-thư các luật ngoại-quốc, xếp đặt và lưu-trữ.

Ban nhì

- Việc tố-tụng về quốc-tịch, tham-vấn về quốc-tịch.
- Pháp-chế về quốc-tịch và thay đổi tên.
- Nhập quốc-tịch.
- Các vấn-đề liên-quan đến qui-chế ngoại-kiều.
- Mệnh-lệnh chấp-hành phán-quyết tuyên xử ở ngoại-quốc.

C.— SỞ SUU-TẦM TÀI-LIỆU TỔNG-QUÁT, XUẤT-BẢN, PHIÊN-DỊCH VÀ THƯ-VIỆN

Sở này gồm có hai phòng :

Phòng nhất

Suu-tầm tổng-quát và xuất-bản

- Văn-biểu trung-ương về án-lệ, phân-loại và phân-tích các quyết-định tư-pháp.

- Xuất-bản các tập-san tư-pháp hay tác-phẩm pháp-lý hay tài-liệu khác, sách luật và sách phổ-thông luật-pháp.
- Đặt mua các công-báo hay tạp-chí tư-pháp, các tập-san thường kỳ và các sách về tài-liệu tham-khảo.

Phòng hai

Phòng phiên-dịch và thư-viện

- Phiên-dịch các luật-lệ qui-tắc.
- Lưu-trữ các đạo luật, chỉ-dụ, sắc-lệnh, nghị-định các Bộ, ý-kiến các sở pháp-chế, thông-tư.
- Vựng-tập giải-lịch và theo tự-mẫu các bản văn.
- Liên-lạc với các văn-khố quốc-gia.
- Mua sách.
- Phân loại, lưu-trữ và làm mục-lục các sách và tạp-chí.

Điều thứ 5.— **NHA GIÁM-ĐỐC HÌNH-VỤ**

Nha Giám-đốc Hình-vụ đặt dưới quyền của một Giám-đốc có nhiều Chánh-sự-vụ và Chủ-sự trợ-tá, gồm có :

- Sở hình-vụ (3 phòng).
- Sở quản-trị lao-xá và giáo-huấn kiểm-chế.

A.— SỞ HÌNH-VỤ

gồm 3 phòng :

Phòng nhất

Hình-vụ và pháp-chế hình-sự

- Truy-tố các trọng-tội, khinh-tội và tội vi-cảnh.
- Kiểm-sát các thủ-tục và sự chấp-hành các án phạt.
- Thượng-tố phá-án vì lợi-ích pháp-luật về hình-sự.
- Xin phán-định thẩm-quyền và di-giao án vụ vì hiềm-nghĩ chính-dáng.
- Cử các phụ-thẩm các tòa đại-hình.
- Pháp-chế hình-sự.
- Nghiên-cứu pháp-chế đặc-biệt (thương-chính, lâm-chính, .).

- Các vấn-đề liên-quan đến nhân-viên cảnh-sát tư-pháp, cảnh-sát lưu-động.
- Các vấn-đề liên-quan đến tòa-án quân-sự và hải-sự.
- Ủy-ban chỉnh-lý pháp-chế và biên-tập pháp-điền : bộ hình-luật và bộ luật hình-sự tổ-tụng.

Phòng hai

- Xem xét và lập hồ-sơ về án-xá, đại-xá và phóng-thích có điều-kiện.
- Xem xét những vụ xin tái-thăm về đại-hình và tiểu-hình.
- Soạn-thảo và thi-hành các hiệp-định quốc-tế và dẫn-độ.
- Ủy-thác trợ-thăm từ ngoại-quốc đến hay gửi ra ngoại quốc về đại hình hay tiểu-hình.
- Thống-kê về hình-sự, dân-sự, thương-sự v.v... tập-trung các thống-kê về tư-pháp công-bố ở ngoại-quốc.
- Pháp-chế về tụng-phí và giám-định tư-pháp.

Phòng Văn-quĩ tư-pháp lý-lịch trung-trong

- Kiểm-sát các phiếu số 1 thâu nhận được.
- Cấp-pháp phiếu số 2 và 3.
- Kiểm-sát công việc vào sổ, xếp và trữ các phiếu tư-pháp lý-lịch.
- Lập các phiếu số 1 về các vụ quản-thức và trục-xuất ngoại-kiều.
- Thi-hành các hiệp-định liên-quan về tư-pháp lý-lịch.
- Sưu-tầm tài-liệu về tư-pháp lý-lịch.

B.— SỞ QUẢN-TRỊ LAO-XÁ VÀ GIÁO-HUẤN KIỀM CHẾ

Sở này gồm 2 phòng :

Phòng nhất :

Áp-dụng hình-phạt.

- Pháp-chế và thống-kê về quản-trị lao-xá, sưu-tầm tài-liệu.

- Áp-dụng các bản văn qui-định sự thi-hành các hình-phạt bác-đoạt tự-do — Ấn-định chế-độ và kỳ-hạn các hình-phạt.
- Gởi tù phạm đến các lao-xá.
- Sai-dịch tù-nhân.
- Xét đơn của tù phạm.
- Việc an-ninh tại các lao-xá — Đào-thoát.
- Thăm lao-xá.

Phòng hai

Giáo-huấn kiểm-chế

- Pháp-chế và thống-kê về can-phạm thiếu-nhi.
- Chế-độ lao-xá đối với vị-thành-niên: trung-tâm khảo-sát và tiếp đón. Nhà trưng-giới công-lập, nhà giáo-huấn tư-lập.
- Nghiên-cứu đề ấn-định chế-độ và giải-pháp khảo-sát và tái-huấn.
- Nghiên-cứu đề bảo-trợ thiếu-nhi về mặt tư-pháp.
- Kiểm-soát vị-thành-niên ký gửi tại trại tạm giam để đợi ngày giải-giao.
- Tòa-án và thăm-phán về thiếu-nhi.
- Xét đơn của cha mẹ.
- Các việc trốn thoát, tìm kiếm đào-thoát.
- Thăm các phối-sở.

Điều thứ 6. — Các điều trước trái với nghị-định này đều bãi-bỏ.

Điều thứ 7. — Đồng-ly Văn-phòng Bộ Tư-Pháp lãnh nhiệm-vụ thi-hành nghị-định này.

Saigon, ngày 17 tháng 6 năm 1955.

Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp,

NGUYỄN-VĂN-SĨ.

PHẦN THỨ NHÌ

TỔ-CHỨC CÁC TÒA-ÁN

VIỆN BẢO - HIẾN

Luật số 7/60 ngày 23 tháng 12 năm 1960 quy-định tổ-chức và điều-hành Viện Bảo-Hiến cùng thủ-tục áp-dụng trước cơ-quan này.

Quốc-Hội đã thảo-luận và biểu-quyết,

Tổng-Thống ban hành Luật số 7/60 ngày 23 tháng 12 năm 1960 quy-định tổ-chức và điều-hành Viện Bảo-Hiến cùng thủ-tục áp-dụng trước cơ-quan này, nguyên-văn như sau :

Điều 1.— Viện Bảo-Hiến có nhiệm-vụ :

a) phán-quyết về tính-cách hợp-hiến của các đạo-luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh ;

b) tham-gia ý-kiến về các đề-nghị sửa đổi Hiến-Pháp do Ủy-Ban Quốc-Hội định ở điều 91 Hiến-Pháp chuyển đến.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

TỔ-CHỨC

TIẾT I

Chủ-Tịch và Hội-Thẩm Viện Bảo-Hiến

Điều 2.— Viện Bảo-Hiến gồm có một (1) Chủ-Tịch và tám (8) hội-thẩm.

Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến do Tổng-Thống chỉ-định với sự thỏa-hiệp của Quốc-Hội, trong những phiên họp đầu khóa họp thường-lệ thứ nhất, của mỗi nhiệm-kỳ lập pháp.

Cũng trong thời-gian ấy, Tổng-Thống cử bốn (4) hội-thẩm lựa trong các thẩm-phán cao cấp hay luật-gia, và Quốc-Hội cử bốn (4) hội-thẩm lựa trong các dân-biểu.

Riêng đối với nhiệm-kỳ lập-pháp hiện thời, việc cử Chủ-Tịch và hội-thăm Viện Bảo-Hiến sẽ được thi-hành ngay sau ngày ban-hành luật này.

Chủ-Tịch và hội-thăm Viện Bảo-Hiến phải là những nhân-vật có danh-giá và cư-ngụ thực-sự trên lãnh-thổ Việt-Nam.

Điều 3. — Nhiệm-kỳ của Chủ-Tịch và hội-thăm Viện Bảo-Hiến chấm dứt cùng với nhiệm-kỳ lập-pháp.

Chủ-Tịch và hội-thăm do Tổng-Thống cử có thể được tái bổ-nhiệm ; các hội-thăm dân-biểu cũng có thể được Quốc-Hội tái-cử, nếu còn đắc-cử dân-biểu ở pháp-nhiệm sau.

Điều 4. — Chủ-Tịch và các hội-thăm Viện Bảo-Hiến chỉ có thể nhận chức sau khi đã tuyên-thệ trước Tổng-Thống, như sau :

« Tôi xin thề trung-thành làm tròn nhiệm-vụ, thi-hành phận-sự một cách vô-tư, tôn trọng Hiến-Pháp và giữ hoàn-toàn bí-mật những điều bàn luận trong lúc thăm-nghe và biểu-quyết ».

Sự tuyên-thệ này sẽ được ghi vào biên-bản.

Điều 5. — Chủ-Tịch và hội-thăm Viện Bảo-Hiến có bổn-phận-tránh tất cả những điều có thể làm thương-lỗn tánh-cách độc lập và phẩm-giá của chức-vụ mình.

Điều 6. — Chức-vụ Chủ-Tịch và hội-thăm Viện Bảo-Hiến không thể kiêm-nhiệm với những chức-vụ có phương-hại đến sự độc-lập của các vị đó.

Điều 7. — Nhiệm-vụ của Chủ-Tịch và hội-thăm Viện Bảo-Hiến có thể chấm dứt trước khi mãn nhiệm-kỳ lập-pháp, vì lý-do từ-chức hoặc vì lý-do sức khỏe, hoặc vì một lý-do khác mà Viện Bảo-Hiến xét ra chính đáng, chiếu các điều 4, 5 và 6 trên đây.

Quyết-định của Viện Bảo-Hiến chấm dứt nhiệm-vụ của Chủ-Tịch hay một hội-thăm vì những lý-do kể-trên, ít nhất phải được sáu (6) thăm chấp-thuận. Tùy trường-hợp, quyết-định này sẽ được chuyển lên Tổng-Thống hay Quốc-Hội để cử người thay thế.

Sự thay thế này sẽ được thi-hành như sau :

a) — Nếu là Chủ-Tịch, Tổng-Thống sẽ chỉ-định ngay một Chủ-Tịch khác với sự thỏa-hiệp của Quốc-Hội, trong trường-hợp sự khống-khuyết xảy ra trong thời-gian khóa họp của Quốc-Hội ; nếu không, sự chỉ-định này sẽ được thực-hiện vào tuần lễ đầu tiên của khóa họp tiếp cận thường hay bất thường. Trong lúc chờ đợi, vị niên-trưởng hội-thăm Viện Bảo-Hiến sẽ tạm thời đảm-nhiệm chức-vụ Chủ-Tịch.

b) — Nếu là hội-thăm do Tổng-Thống cử, Tổng-Thống sẽ chỉ-định hội-thăm thay thế trong thời-hạn một tháng.

c) — Nếu là hội-thăm do Quốc-Hội cử, Quốc-Hội sẽ bầu ngay vị thay thế, trong trường-hợp sự khống-khuyết xảy ra trong thời-gian khóa-họp của Quốc-Hội ; nếu không, sự chỉ-định này sẽ được thực-hiện vào tuần lễ đầu tiên trong khóa họp tiếp cận thường hay bất thường.

Các vị được cử thay thế trong những trường-hợp trên đây chỉ có thể được lưu tại chức cho đến hết nhiệm-kỳ của những người mà các vị ấy thay thế.

Điều 8. — Ngoại trừ trường-hợp phản-quốc, xâm-phạm an-ninh quốc-gia, hoặc đương-trường phạm-pháp, hội-thăm Viện Bảo-Hiến, trong suốt nhiệm-kỳ, không thể bị truy-tố, tẩm-nã, bắt giam hay xét xử, nếu không có sự thỏa-thuận của Viện Bảo-Hiến, ghi trong một bản quyết-định được hai phần ba ($\frac{2}{3}$) tổng số hội-viên chấp-thuận.

Riêng đối với Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến, trong trường-hợp can tội phản quốc và các trọng tội, sẽ áp-dụng các điều 74, 77 và 78 Hiến-Pháp.

Điều 9.— Phụ-cấp của Chủ-Tịch và các hội-thẩm Viện Bảo-Hiến sẽ do Tổng-Thống ấn-định. Phụ-cấp này được kiêm lãnh với lương-bổng hoặc các khoản phụ-cấp khác.

Trong trường-hợp các vị này không lãnh lương-bổng hoặc phụ-cấp của một công-quỹ, Tổng-Thống có thể ấn-định một phụ-cấp cao hơn.

TIẾT II

Quản-trị

Điều 10.— Viện Bảo-Hiến có ngân-sách riêng biệt.

Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến chuẩn-chi ngân-sách của Viện, điều-khiển và kiểm-soát hoạt-động của Viện về phương-diện hành-chánh.

Điều 11.— Một Phòng Tổng Thư-ký được thành-lập để đảm-nhiệm công việc hành-chánh, đăng ký đơn từ, tổ-chức và trông coi thư-viện cùng văn-khố.

Phòng Tổng Thư-ký đặt dưới sự điều-khiển của một Tổng Thư-ký do Tổng-Thống bổ-nhiệm, chiếu đề-nghị của Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến. Tổng Thư-ký có một số nhân-viên trợ-lực.

Tổ-chức Phòng Tổng Thư-ký sẽ do sắc-lệnh Tổng Thống ấn định.

Điều 12.— Trước khi nhậm chức, Tổng Thư ký phải tuyên thệ trước Viện Bảo Hiến như sau .

« Tôi xin thề trung-thành làm tròn nhiệm-vụ, tận tâm và ngay thẳng thi-hành phận-sự và xin giữ hoàn-toàn bí-mật về những công việc thuộc chức-nghiep ».

CHƯƠNG THỨ HAI

ĐIỀU-HÀNH VÀ THỦ-TỤC

TIẾT I

Thủ-tục thâu nhận đơn và phán-quyết

Điều 13.— Các đơn xin Viện Bảo-Hiến phán-quyết về tính-

cách hợp-hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh phải do các tòa-án nạo trình ; các tòa-án này là các tòa-án tư-pháp hoặc hành-chánh, thường luật hay đặc-hiệt, thuộc mọi cấp bậc.

Điều 14.— Trong mọi vụ kiện, bất kỳ ở giai-đoạn tố-tụng nào, kể cả giai-đoạn phá án, đương-sự có thể theo phương cách khước-biện, xin phán-quyết về tính-cách hợp-hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh. Đơn của đương-sự phải có viện dẫn lý-do và phải nộp tại tòa-án đương tụng.

Điều 15.— Một thê-nhân hay một pháp-nhân thuộc tư-pháp hoặc công-pháp có thể theo phương cách chính tổ xin phán-quyết về tính cách hợp-hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh. Đơn xin phán-quyết phải viện dẫn lý-do và gửi đến Tham-Chính-Viện (Ban Hành-chánh) để chuyển đến Viện Bảo-hiến.

Tham-Chính-Viện cũng có quyền tự ý thỉnh-cầu Viện Bảo-Hiến xét tính cách hợp-hiến của một đạo luật, sắc-luật hay quy-tắc hành-chánh.

Điều 16.— Thê-nhân hoặc pháp-nhân tư-pháp nộp đơn xin phán-quyết về tính cách hợp-hiến phải dự ký, tùy trường-hợp, tại tòa-án đương tụng hay tại Tham-Chính-Viện, một số tiền dự phạt là Hai ngàn đồng (2.000\$)

Điều 17.— Trong thời-hạn bảy (7) ngày sau ngày nhận đơn xin phán-quyết, tòa-án hay Tham-Chính-Viện phải quyết-định về vấn-đề nộp trình đơn ấy hay không, lên Viện Bảo-Hiến.

Tòa-án hay Tham-Chính-Viện có thể từ-khước nộp trình vì xét đơn xin không có lý-do chính-đáng; quyết-định này phải tổng-đạt cho đương-sự trong thời-hạn bảy (7) ngày. Quyết-định đó là một quyết-định thường và được biểu-quyết theo đa-số do thành-phần luật định của tòa-án thụ-lý vụ kiện, hay của Tham-chính-Viện (Ban Hành-Chánh), tùy trường-hợp.

Nếu công-tố-viện có đại-diện bên cạnh thành-phần tòa-án, tòa này sẽ quyết-định sau khi thông-tri đơn xin phán-quyết cho Công-tố-viện.

Trong trường-hợp tòa-án hay Tham-Chính-Viện chấp-nhận đơn xin phán-quyết, hồ-sơ sẽ được chuyển đến Viện Bảo-Hiến (Phòng Tổng Thư-ký) trong hạn bảy (7) ngày. Tòa-án hay Tham-Chính-Viện sẽ đình hoãn vụ kiện cho tới khi có phán-quyết của Viện-Bảo-Hiến, nếu vấn-đề tiên-quyết đã được nêu ra theo phương-cách khước-biện.

Điều 18.— Sau khi nhận được quyết-định của Tòa-án hay Tham-Chính-Viện từ-khước nạp trình đơn xin phán-quyết, đương-sự có thể khiếu-nại quyết-định ấy. Trong hạn bảy (7) ngày kể từ ngày quyết-định từ-khước được tổng-đạt đến đương-sự, đơn khiếu-nại có viện dẫn lý-do phải được đăng ký tại Phòng Lục-sự hoặc Phòng Tổng Thư-ký của các Pháp-đình đã từ-khước nạp trình đơn xin phán-quyết lên Viện Bảo-Hiến.

Trong hạn bảy (7) ngày sau khi đăng-ký đơn khiếu-nại, tòa-án hay Tham-Chính-Viện sẽ gửi hồ-sơ lên Viện Bảo-Hiến (Phòng Tổng Thư-ký).

Điều 19.— Tại Viện Bảo-Hiến, Ủy-ban Định-Thăm có nhiệm-vụ thăm-định những đơn xin phán-quyết về tính-cách hợp-hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh đã được chuyển đến Viện.

Ủy-ban gồm năm (5) hội-thăm do Chủ-Tịch Viện chỉ-định, trong số đó có hai (2) dân-biểu. Nhiệm-kỳ của Ủy-ban là một (1) năm. Ủy-ban tự bầu lấy một Trưởng-ban.

Ủy-ban Định-Thăm làm việc theo thủ-tục ấn-định trong những điều 21, 22 và 23 tiếp cận.

Điều 20.— Phòng Tổng Thư-ký tiếp nhận:

1. — những đơn xin phán-quyết về tính-cách hợp-hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh do đương sự trong một vụ kiện đệ trình theo phương cách khước-biện và được tòa-án sở-quan nạp trình Viện Bảo-Hiến;

2.— những đơn xin phán-quyết về tính-cách hợp-hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh do thể-nhân hoặc pháp-nhân thuộc tư-pháp hay công-pháp đệ trình theo phương-cách chính-tổ và được Tham-Chính-Viện (Ban Hành-chánh) nạp trình Viện Bảo-Hiến.

3.— những đơn khiếu-nại của đương-sự nói ở điều 18 do các tòa-án hay Tham-Chính-Viện chuyển tới;

4.— những đơn của Tham-Chính-Viện tự ý thỉnh-cầu Viện Bảo-Hiến phán-quyết về tính-cách hợp-hiến của một đạo luật, sắc-luật hay quy-tắc hành-chánh.

Những loại đơn trên đây đều phải viện dẫn lý-do; ngoài ra, có thể gởi thêm một bản biện-minh và mọi tài-liệu để Viện Bảo-Hiến đủ yếu-tổ phán-đoán.

Phòng Tổng Thư-ký Viện Bảo-Hiến giữ một quyển sổ thứ tự trong đó phải đăng-ký các đơn xin phán-quyết, hay các đơn khiếu-nại đã tiếp nhận được. Các đơn và giấy tờ đính kèm phải ghi số thứ tự và đóng dấu ngày tháng tiếp nhận.

Trong hạn ba (3) ngày, Tổng Thư-ký phải chuyển những đơn nhận được và hồ-sơ phụ-đính lên Chủ-Tịch để vị này chuyển giao ngay cho Trưởng-Ban Định-Thăm.

Điều 21.— Trong hạn ba (3) ngày sau khi nhận được đơn và hồ-sơ, Trưởng-Ban Định-Thăm giao nội vụ cho một hội-thăm của Ủy-Ban đề thăm-cứu. Trong thời-hạn hai (2) tháng, toàn-thể Ủy-Ban, do Trưởng-Ban triệu-tập, nghe thuyết-trình của hội-thăm phụ-trách, thảo-luận và quyết-dịnh theo đa-số tuyệt-đối về sự bác bỏ hay chấp-nhận đơn xin.

Điều 22.— Quyết-dịnh bác đơn của Ban Định-Thăm sẽ được Phòng Tổng Thư-ký, tùy trường-hợp, tống-đặt lời tòa-án sở-quan hay Tham-Chính-Viện, và tới đương-sự, trong thời-hạn bảy (7) ngày.

Quyết-dịnh bác đơn của Ủy-Ban Định-Thăm có tính cách chung-quyết, và được làm dưới hình-thức một bản án có viện dẫn lý-do. Tiền dự phạt ấn-dịnh ở điều 16 sẽ bị tịch-thâu.

Nếu đơn xin được chấp-nhận, hồ-sơ sẽ do Phòng Tổng Thư-Ký chuyển lên Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến trong thời-hạn ba (3) ngày. Tiền dự phạt sẽ hoàn lại đương-sự.

Điều 23.— Trong thời-hạn ba ngày sau khi tiếp nhận đơn xin phán-quyết cùng hồ-sơ, Chủ-Tịch chỉ-định một thuyết-trình-viên trong số hội-thẩm của Viện để thẩm-cứu đơn xin và lập bản thuyết-trình.

Trong một vụ, thuyết-trình-viên trước Viện Bảo-Hiến và thuyết-trình-viên trước Ủy-Ban Định-Thẩm phải là hai (2) vị khác nhau.

Trong thời-hạn hai (2) tháng sau khi nhận hồ-sơ, thuyết-trình-viên phải đệ lên Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến một bản thuyết trình kèm theo hồ-sơ.

Điều 24.— Bản thuyết-trình và hồ-sơ sẽ được Chủ-Tịch thông-tri cho tất cả hội-thẩm Viện Bảo-Hiến; đồng thời, Chủ-Tịch cũng ấn-định một phiên nhóm của toàn Viện trong hạn mười lăm ngày để thảo-luận.

Điều 25.— Cuộc thảo-luận và phán-quyết được hợp-lệ nếu trong phiên nhóm có sự hiện-diện của Chủ-Tịch và ít nhất sáu (6) hội-thẩm.

Trong trường-hợp Chủ-Tịch bị cản trở, hoặc trong các trường-hợp dự-liệu ở điều 7, vị niên-trưởng hội-thẩm sẽ tạm thời thay thế.

Chủ-Tịch chủ-tọa và điều-khiển cuộc thảo-luận.

Quyết-định của Viện tuyên-bố tính-cách bất hợp-hiến của một đạo-luật hay sắc-luật phải được ít nhất sáu (6) thẩm chấp-thuận; quyết-định tuyên-bố tính-cách bất hợp-hiến của một quy-tắc hành-chánh phải được ít nhất năm (5) thẩm chấp-thuận. Nếu thiếu định-túc-số nói trên, Viện phải bác đơn của đương-sự hay của Tham-Chính-Viện.

Các phiên nhóm của Viện Bảo-Hiến và của Ủy-Ban Định-Thẩm không có tính-cách công-khai.

Điều 26.— Quyết-định của Viện Bảo-Hiến về đơn xin phán-quyết về tính-cách hợp-hiến của các đạo luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh được soạn-thảo dưới hình-thức một bản án, trong đó, sau khi viện dẫn lý-do, Viện Bảo-Hiến phán-quyết rằng các điều khoản bị chỉ-trích hợp-hiến hay không hợp-hiến.

Các bút lục về thủ-tục và các bản án đều được miễn trước-bạ và con niêm.

TIẾT II

Sự công-bố các bản án

Điều 27.— Những bản án của Ủy-Ban Định-Thăm bác bỏ đơn xin phán-quyết như đã nói ở điều 22 trên đây, và những bản án của Viện Bảo-Hiến được chuyển sang Phủ Tổng-Thống trong hạn bảy (7) ngày.

Tất cả các bản án ấy sẽ đăng trong Công-báo trong thời-hạn mười lăm (15) ngày sau khi Phủ Tổng-Thống tiếp nhận được.

Điều 28.— Phán-quyết của Viện Bảo-Hiến có hiệu-lực đình-chỉ sự thi-hành các điều-khoản bất hợp-hiến kể từ ngày phán-quyết ấy được đăng trong Công-báo.

TIẾT III

Thủ-tục biểu-thị ý-kiến về đề-nghị của Quốc-Hội sửa đổi Hiến-Pháp

Điều 29.— Khi Ủy-Ban tại Quốc-Hội có nhiệm-vụ nghiên-cứu đề-nghị sửa đổi Hiến-Pháp, chiếu điều 91 Hiến-Pháp, tham khảo ý-kiến, Viện Bảo-Hiến, thủ-tục sau đây sẽ được áp-dụng.

Trong thời-hạn ba (3) ngày sau khi tiếp nhận đề-nghị sửa đổi Hiến-Pháp, Chủ-Tịch triệu-tập một phiên nhóm đặc-biệt toàn Viện. Trong phiên họp này, sau khi được Chủ-Tịch cáo-tri đề-nghị sửa đổi Hiến-Pháp, Viện bầu ra một Ủy-Ban gồm

ba (3) hội-thăm có nhiệm-vụ nghiên-cứu đề-nghị ấy. Viện cũng ấn-định một phiên họp đặc-biệt thứ hai trong thời-hạn hai mươi (20) ngày, để nghe thuyết-trình của Ủy-Ban nghiên-cứu và thảo-luận vấn-đề. Hai phiên họp này cần phải có sự hiện-diện của ít nhất sáu (6) hội-thăm và đặt dưới sự chủ-tọa của Chủ-Tịch.

Quyết-định của Viện phải được ít nhất sáu (6) thăm chấp-thuận và phải được soạn-thảo dưới hình-thức một bản ý-kiến. Thiếu định-túc-số này, Chủ-Tịch sẽ phải lập biên-bản ghi rõ ý-kiến của đa-số cùng của thiểu-số.

Trong thời-hạn ba (3) ngày, tùy trường-hợp, Chủ-Tịch chuyển sang Quốc-Hội bản ý-kiến hay biên-bản và gửi một bản sao văn-kiện này sang Phủ Tổng-Thống.

Điều 30.— Nếu xét cần, một sắc-lệnh sẽ ấn-định chi-tiết thi-hành luật này.

Luật này sẽ đăng vào Công-báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

Saigon, ngày 23 tháng 12 năm 1960

Ký tên : NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Sắc-lệnh số 227-TTP ngày 23-11-1961 thiết-lập tại Viện Bảo-Hiến một Phòng Tổng Thư-Ký.

TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Chiếu Sắc lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng 5 năm 1961 ấn-định thành phần Chánh-phủ Việt-nam Cộng-hòa :

Chiếu Luật số 7/60 ngày 23 tháng 12 năm 1960 quy-định tổ-chức và điều-hành Viện Bảo-Hiến cùng thủ-tục áp-dụng trước cơ-quan này :

Theo đề-nghị của Bộ-Trưởng Tư-Pháp.

SẮC - LỆNH :

I — Tổ - Chức

Điều thứ nhất.— Nay thiết-lập tại Viện Bảo-Hiến một Phòng Tổng Thư-Ký dự-liệu do điều 11 Luật số 7/60 ngày 23 tháng 12 năm 1960.

Phòng Tổng Thư-Ký Viện Bảo-Hiến do một Tổng Thư-ký điều-khiển gồm bốn (4) Ban :

- 1) Ban Pháp-Chánh,
- 2) Ban Hành-Chánh,
- 3) Ban Kế-Toán Ngân-Sách,
- 4) Ban Sưu-tầm Nghiên-cứu

Điều thứ 2.— Ban Pháp-Chánh phụ-trách các việc :

— Thực hiện các thủ-tục thụ nhận đơn xin phán quyết về tính cách hợp hiến của các đạo-luật, sắc-luật và quy-lắc hành-chánh, đăng ký đơn từ, chuyển hồ-sơ cho Chủ-tịch Viện Bảo-hiến, Ủy-ban Định-Thăm và các hội-thăm toàn Viện, tổng-đạt phán quyết, công-bố án-văn

— Tổ-chức các phiên họp của Ủy-ban Định-Thăm của Viện Bảo-Hiến và biên-tập các quyết-định, biên-bản của các cơ-quan trên.

— Thi hành mọi công-vụ chuyên-môn do các cơ-quan trên giao phó trong khuôn-khổ Luật số 7/60 ngày 23 tháng 12 năm 1960.

— Thực hiện thủ-tục phát-biểu ý-kiến về việc sửa đổi Hiến-Pháp và nghiên-cứu mọi vấn-đề pháp-lý tổng-quát thuộc thẩm-quyền Viện Bảo-Hiến.

Trong những cuộc bầu-cử Tổng-Thống, Ban Pháp-Chánh có nhiệm-vụ chuẩn-bị, phân loại các hồ-sơ đầu phiếu do Quốc-Hội chuyển sang, tổ-chức các phiên họp của Ủy-ban có nhiệm-vụ xét-định tính cách hợp thức và công-bố kết-quả của cuộc bầu-cử, dự-liệu ở điều 34 Luật số 1/61 ngày 5 tháng giêng năm 1961, biên-tập các quyết-định và biên-bản của Ủy-ban và thi-hành mọi việc liên-quan đến công-vụ nói trên, dưới sự điều-khiển của Ủy-ban.

Điều thứ 3. — Ban Hành-Chánh phụ-trách các việc về hành-chánh và quản-trị nhân viên.

— Ban Kế-Toán Ngân-Sách phụ-trách các việc về ngân-sách và kế-loán.

— Ban Suru-Tầm Nghiên-cứu phụ-trách các việc liên-quan đến thư-viện và văn-khố, việc xuất-bản, việc suru-tầm và nghiên-cứu.

II. — Điều - Hành

Điều thứ 4. — Dưới quyền điều-khiển và kiểm-soát của Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến, Tổng Thư-ký đảm-nhiệm công việc hành-chánh, tài-chánh, quản-trị nhân viên, vật-liệu, tổ-chức và trông coi thư-viện cùng văn-khố, đăng ký đơn từ và giữ mọi bút lục thuộc thẩm-quyền Viện Bảo-Hiến định trong Luật số 7/60 và Ủy-ban dự-liệu ở điều 34 Luật số 1/61 ngày 5 tháng giêng năm 1961.

Giúp việc Tổng Thư-Ký có :

1. — Các Trưởng-Ban phụ-trách mỗi Ban,
2. — Một số nhân viên cần-thiết cho nhu-cầu công-vụ.

Điều thứ 5.— Sau khi được Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến chấp-thuận, Tổng Thư-Ký thi-hành các biện-pháp cần-thiết để tổ-chức, sửa soạn và sắp đặt các công việc của Viện Bảo-Hiến.

Về thẻ thực thi-hành ngân-sách, Chủ-tịch Viện Bảo-Hiến sẽ ra quyết-định cử Tổng Thư-ký làm thanh-loán-viên.

Điều thứ 6.— Tổng Thư-ký chịu trách-nhiệm về mọi vấn-đề hành-chánh và tài-chánh của Viện Bảo-Hiến.

Tổng Thư-ký giữ bút lục tại các phiên nhóm của Ủy-Ban Định-Thăm và của Viện Bảo-Hiến.

Trong trường-hợp Tổng Thư-ký vắng mặt hay bị cản trở không thể tham-dự các phiên nhóm nói trên, Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến sẽ ra quyết-định cử một viên chức cao cấp thuộc Phòng Tổng Thư-ký thay thế. Trước khi hành sự, viên chức này phải tuyên-thệ như Tổng Thư-Ký, theo thẻ thực dự-liệu do điều 12 Luật số 7/60 ngày 23 tháng 12 năm 1960.

Điều thứ 7.— Tổng Thư-ký lập và giữ một sổ thụ-lý để đăng ký các đơn kê ở điều 20 Luật số 7/60 ngày 23 tháng 12 năm 1960. Các đơn và giấy tờ đính kèm phải ghi số thứ tự và đóng dấu ngày tháng tiếp nhận.

Các sổ sách, ấn chỉ khác cần-thiết cho nhu-cầu công-vụ sẽ được ấn-định bằng một quyết-định của Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến.

Điều thứ 8 — Chủ-Tịch phiên nhóm, hội thẩm thuyết-trình, các vị hội-thẩm tham-dự và Tổng Thư-ký sẽ ký vào các quyết-định của Ủy-Ban Định-Thăm hay của Viện Bảo-Hiến.

Điều thứ 9.— Quyết-định của Viện Bảo-Hiến hay của Ủy-Ban Định-Thăm về tính cách hợp hiến của một đạo-luật, sắc-luật hay qui-tắc hành-chánh sẽ được soạn-thảo dưới hình-thức một bản-án.

Quyết-định của Viện Bảo-Hiến phát-biểu ý-kiến về việc sửa đổi Hiến-Pháp sẽ được soạn-thảo dưới hình-thức một bản ý kiến, hoặc nếu không đủ định-túc-số luật định, dưới hình-thức một biên-bản ghi rõ ý kiến của đa số cùng của thiểu-số.

III. — Quy-chế Nhân-Viên

Điều thứ 10.— Tổng Thư-ký Viện Bảo-Hiến là một công-chức thuộc các ngạch (hạng A) hành-chánh hay tư-pháp biệt phái, được bổ-nhiệm bằng Sắc-lệnh của Tổng-Thống chiếu đề-nghị của Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến.

Tổng Thư-ký được hưởng chỉ số lương chức vụ, cùng phụ cấp bằng hiện kim và hiện vật, dành cho Tổng Thư-ký một Bộ, ấn-định do Sắc-lệnh số 175-NV ngày 23 tháng 5 năm 1955.

Điều thứ 11.— Các Trưởng Ban do Chủ-tịch Viện Bảo-Hiến bổ-nhiệm bằng Quyết-định chiếu đề-nghị của Tổng Thư-ký.

Các Trưởng Ban được hưởng phụ cấp chức vụ của một Chủ sự Phòng ấn-định do Sắc-lệnh số 175-NV ngày 23 tháng 5 năm 1955 nói trên.

Trong thời kỳ chuyển tiếp, các nhân viên Phòng Tổng Thư-ký sẽ gồm những công chức các ngạch hành-chánh hay tư-pháp biệt-phái và những nhân viên ngoại ngạch do quyết-định của Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến tuyển dụng trong giới-hạn kinh-phí dự-trù.

IV. — Tổng-Tác

Điều thứ 12.— Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến sẽ ra những quyết-định thi-hành sắc-lệnh này.

Điều thứ 13.— Các Bộ-Trưởng, chiếu nhiệm-vụ, lãnh thi-hành sắc lệnh này.

Sắc-lệnh này sẽ đăng trong Công Báo Việt-Nam Cộng-Hòa,

Saigon, ngày 23 tháng 11 năm 1961

ký tên : **NGÔ-ĐÌNH-DIỆM**

PHẦN THỨ HAI (tiếp theo)

CÁC TÒA - ÁN TƯ - PHÁP

1 — CÁC TÒA THƯỢNG-THẨM, SƠ-THẨM HÒA-GIẢI RỘNG-QUYỀN, HÒA-GIẢI

Dụ số 4 ngày 18-10-1949

ĐỨC BẢO-ĐẠI QUỐC-TRƯỞNG VIỆT-NAM.

Chiếu Dụ số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền Việt-Nam ;

Chiếu Dụ số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức các quy-chế công-sở ;

Chiếu theo Sắc-lệnh 1-CP ngày 1 tháng 7 năm 1949 ấn-định thành-phần Chính-phủ.

Chiếu Sắc-lệnh số 21-SG ngày 16 tháng 7 năm 1948 của Thủ-tướng Chính-phủ Trung-ương lâm-thời Việt-Nam ấn-định cách tổ-chức tạm-thời nền Tư-Pháp tại Bắc-phần Việt-Nam.

Chiếu theo Nghị-định số 9 ngày 23 tháng 4 năm 1947, 106 ngày 29 tháng 5 năm 1947, 877 và 878 ngày 20 tháng 11 năm 1947, của Hội-Đồng chấp-chánh lâm-thời Trung-kỳ ấn-định cách tổ-chức các tòa-án tại Trung-kỳ ;

Chiếu theo Sắc-lệnh số 129-SG ngày 22 tháng 11 năm 1948 của Thủ-tướng Chính-phủ Trung-ương lâm-thời Việt-Nam ấn-định cách tổ-chức tạm-thời của nền Tư-pháp Bắc-phần Việt-Nam.

Chiếu theo Sắc-lệnh số 10-SG ngày 8 tháng 2 năm 1949 của Thủ-tướng Chính-phủ Trung-ương lâm-thời Việt-Nam ấn-định pháp-quy tạm thời ngạch thẩm-phán Việt-Nam

Chiếu sắc-lệnh số 45-SG ngày 21 tháng 3 năm 1949 của Thủ-tướng Chính-phủ Trung-ương lâm-thời Việt-Nam cho phép các Luật-sư

biện-hộ trước các tòa-án Quốc-gia tại Bắc Trung phần Việt-Nam ;

Chiếu đạo Sắc-lệnh số 46-GS ngày 21 tháng 3 năm 1949 của Thủ-tướng chính-phủ Trung-ương lâm-thời Việt-Nam ấn-định thành-phần các tòa-án đệ-nhị cấp xử về việc hình tại Bắc phần Việt-Nam ;

Chiếu theo đạo Sắc-lệnh số 88-SG ngày 10 tháng 5 năm 1949 của Thủ-tướng Chính-phủ Trung-ương lâm-thời Việt-Nam ấn-định cách tổ-chức Tư-pháp tạm-thời tại Bắc-phần và Trung-phần Việt-Nam,

Theo đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Sau khi Hội-Đồng Tổng-Trưởng thảo-luận.

DỰ :

Điều thứ nhất — Quyền xử án tại Việt-Nam thuộc về Tối Cao Pháp-viện, các Tòa Thượng-thẩm, các Tòa Sơ-thẩm, các Tòa Hòa-giải có rộng quyền và các Tòa Hòa-giải.

Thẩm-quyền, thành phần và sự hoạt-dộng Tối-cao Pháp-viện sẽ ấn-định trong một đạo Dự sau.

THIÊN NHẤT

TÒA THƯỢNG-THẨM

Điều thứ 2. — Có ba Tòa Thượng-thẩm, một Tòa trụ-sở đặt ở Hà-nội, một Tòa trụ-sở đặt ở Huế, còn một Tòa trụ-sở đặt tại Saigon. Quân-hạt Tòa Thượng-thẩm Hà-nội gồm địa-hạt Bắc-phần Việt-Nam. Quân-hạt Tòa Thượng-thẩm ở Huế gồm địa-hạt Trung-phần Việt-Nam. Quân-hạt Tòa Thượng-thẩm Saigon gồm địa-hạt Nam-phần Việt-Nam.

Dự số 33 ngày 14 tháng 6 năm 1956 bổ-túc điều 2 Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ-chức Tư-Pháp Quốc-gia.

Điều thứ nhất. — Nay thêm vào điều thứ 2 Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 ấn-định tổ-chức Tư-pháp Quốc-gia, một đoạn chót như sau :

**Tòa Thượng-thẩm có thể được đặc-biệt lập những phiên-tòa ở một nơi ngoài trụ-sở luật-định, do nghị-định của Bộ-Trưởng Tư-Pháp. (Điều 1 Dự số 33 ngày 14 tháng 6 năm 1956).*

CHƯƠNG I

Thành - phần

Điều-thứ 3.— Mỗi Tòa Thượng-thẩm gồm có hai phòng thường : phòng nhất theo thường lệ do ông Chánh-nhất chủ-tọa, có 2 ông Hội-thẩm phụ lực, xét xử các việc kháng-cáo các bản-án về dân-sự và thương-sự do các Tòa Sơ-thẩm và Tòa Hòa-giải rộng quyền tuyên xử. Phòng nhì do một ông Chánh-án Phòng chủ tọa có hai Hội thẩm phụ lực xét xử các việc kháng cáo các bản-án về hình-sự do các Tòa án nói trên đây tuyên xử. Để thực hiện nhiệm-vụ đó, Phòng nhì sẽ gồm có hai ban :

— Ban tiểu-hình chuyên xét xử các việc kháng-cáo bản án xử về việc tiểu-hình ;

— Ban đại-hình mà thành-phần được ấn-định rõ trong tiết thứ 4 đạo Dự này, sẽ chuyên xét xử các việc kháng cáo các bản-án xử về việc đại-hình.

Tuy nhiên nếu công-vụ bắt buộc, Tòa Thượng-thẩm có thể họp một phiên đại-hội-đồng để thành-lập trong phòng nhất hay phòng nhì các ban lâm-thời để xét xử các việc thuộc thẩm-quyền của các Phòng ấy. Các ban đó sẽ do ông Chánh-án Phòng hay một vị Hội-thẩm chủ-tọa. Theo cách-thức đó cũng có thể thành-lập một Phòng Hưu-thẩm. Tuy nhiên nếu xét là cần, ông Chánh-Nhất có thể chủ-tọa Phòng nhất hay Phòng nhì hay một ban lâm thời.

Điều thứ 4.— Phòng Luận-tội do ông Chánh-Nhất hay Chánh-án Phòng hay một Hội-thẩm chủ-tọa với hai Hội-thẩm phụ-lực có những quyền-hành như sau :

1. — Thẩm-vấn các vụ đại-hình ;

2. — Xét xử về việc kháng-cáo án lệnh của các ông Dự-thẩm ;

3. — Chấp đơn xin khôi-phục công-quyền.

Điều thứ 5. — (Sửa đổi bởi Dự số 26 ngày 2 tháng 9 năm 1954). Mỗi Tòa Thượng-thẩm gồm có một ông Chánh-Nhất và tùy theo nhu-cầu công-vụ một hay hai ông Chánh-án Phòng và mười hai ông Hội-thẩm,

Chức-vụ công-tổ sẽ do ông Chủ-ông-lý đảm nhiệm và tùy theo nhu cầu công-vụ có một hay hai ông Phó Chủ-ông-lý, một hay nhiều ông Tham-lý và các Tùy-viên công-tổ viện phụ-lực.

Phòng Lục-sự sẽ do một Chánh Lục-sự điều khiển. Vị này có một số lục-sự và thư-ký trợ giúp để công việc được tiến hành nhanh chóng.

CHƯƠNG II

Sự hoạt-động

Điều thứ 6. — Bắt đầu mỗi lục-cá-nguyệt, sau khi hỏi ý-kiến ông Chánh-án Phòng, ông Hội-thẩm nhiều tuổi nhất và ông Chủ-ông-lý, ông Chánh-nhất lập bản luận-chuyên các vị Hội-thẩm trong các Phòng. Đồng thời ông Chánh-Nhất phân chia các phòng giữa ông và ông Chánh-án Phòng.

Cũng theo các điều-kiện trên, ông Chánh-Nhất lập bản luận chuyên các phiên tòa Hưu-thẩm ấn-định ngày và giờ các phiên tòa này. Sẽ được công-bố cho các người đương-sự được biết rõ các phiên tòa này bằng cách đăng trong Công-báo Việt-Nam và gián yết-thị ở cổng Tòa.

Điều thứ 7. — Trong kỳ lục-cá-nguyệt, nếu Phòng nào khuyết một nhân-viên nào vì cơ mệnh-một, cơ đau hay nghỉ phép thì ông Chánh-Nhất sau khi hỏi ý-kiến ông Chánh-án Phòng sẽ quyết-định đề cử vào chỗ khuyết đó.

Nếu vì có một hay nhiều nhân-viên vắng mặt hay mắc bệnh trong một thời gian hay vì một cơ nào khác, mà một phòng ở Tòa Thượng-thẩm hay Tòa Đại-hình không thể họp để xử các vụ đã ghi trong bản kê các việc đang đương thì ông Chánh-Nhất có thể cử một vị Thẩm-phán tại Tòa-án cấp Sơ-thẩm để

thay vị Thẩm-phán Tòa Thượng-thẩm vắng mặt. Nên chọn vị Thẩm-phán cao trật nhất hay thăm-niên nhất.

Điều thứ 8.— Nếu có lời yêu-cầu của Chánh-án Hòa-giải có rộng quyền hay của một vị Thẩm-phán độc nhất ở một Tòa án nào, vì cơ mắc bận hay vì những lý do chính đáng mà không ngồi xử được, thời ông Chánh-Nhất có thể cử một vị Thẩm-phán xử án ở trong quần-hạt của mình thay thế cho vị Thẩm-phán vắng mặt đó để ngồi xử một hay nhiều vụ kiện.

Điều thứ 9.— Trong toàn thể quần-hạt của mình, ông Chánh Nhất có thể cử một vị Thẩm-phán xử án để tạm thời giữ các chức vụ xử án hay quyền-nhiếp chức-vụ đó tại Tòa-án Tỉnh hay Tòa Thượng-thẩm, nếu ở đây có một vị Thẩm-phán xử án vắng mặt. Tuy nhiên, trong trường-hợp mà sự thuyên-chuyển không có tính tạm thời và vị Thẩm-phán bị thuyên-chuyển như thế có quyền lĩnh phụ-cấp thuyên-chuyển thời việc thuyên-chuyển đó phải được ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp chuẩn-y trước.

Điều thứ 10.— Chiếu theo lời yêu cầu của ông Chương-lý ông Chánh-Nhất có thể cử một vị Thẩm-phán xử án để quyền chức vụ công-lỗ cùng trong quần hạt mình. Tiếp theo định lệnh đề cử của ông Chánh-Nhất, ông Chương-lý sẽ ra quyết-nghị bổ nhiệm vị Thẩm-phán nói trên đây quyền nhiếp chức-vụ này, trừ ra gặp trường-hợp nói ở đoạn 2. điều thứ 9 trên đây thì không kể.

Điều thứ 11.— Ông Chánh-Nhất cũng có thể cử một vị Thẩm-phán phụ-khuyết hay một vị Thẩm-phán để tạm thời giữ chức vụ Chánh-án hay Thẩm-phán tại một Tòa-án khác cũng trong quần hạt, khi Tòa-án này không đủ số Thẩm-phán để xử một hay nhiều vụ được.

Điều thứ 12.— Chỉ khi nào ông Chánh-Nhất đề cử hay cho biết ý-kiến hay có lời đề-nghị thì mới có thể trao cho một vị Thẩm-phán xử án một chức vụ không phải là một chức vụ tư pháp, cử đi công-cán về một việc nào ngoài công việc tư-pháp. Sau đó phải báo-cáo ngay cho Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp biết việc này.

Ông Chánh-Nhất có quyền cảnh-cáo đối với các viên lục sự, thông-ngôn, thư-ký làm việc trong quản-hạt của ông, và các vị Thẩm-phán xử án.

Đối với các vị này ông Chánh-Nhất có thể đề-nghị trừng phạt theo kỷ-luật như luật-lệ ấn-định nếu có lỗi, và có quyền sát ngữ, quyền đề-nghị bổ-nhiệm, chuyển-chuyển hay thăng-thưởng.

Điều thứ 13.— Ở mỗi tòa Thượng-thẩm, tất cả quyền công tố đều trao cho một mình ông Chương-lý. Vị này bất-cứ lúc nào trong vụ-án cũng có thể tự mình gửi bản luận-trang viết hoặc kết-luận miệng ở phiên-tòa. Ông Phó Chương-lý và ông Tham-lý chỉ dự vào việc thi-hành các chức-vụ đó khi nào được ông Chương-lý ủy-quyền.

Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp có quyền đòi phải tường-trình ông rõ sự tiến-hành tất cả mọi công việc và có quyền ra huấn-lệnh cho các ông Chương-lý và tất cả nhân-viên ở công-tố-viện về cách-thức giải-quyết các công việc đó. Các ông Chương-lý phải lập tức báo-cáo cho ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp biết tất cả mọi việc quan-trọng nếu không sẽ chịu trách-nhiệm.

Điều thứ 14 (sửa đổi bởi Dự số 26 ngày 2 tháng 9 năm 1954). Công việc của công-tố-viện ở các phòng tại tòa Thượng-thẩm sẽ do ông Chương-lý phân chia giữa các ông Chương-lý và Tham-lý.

Điều thứ 15.— Ông Chương-lý có quyền nói ở các phiên long-trọng của Tòa Thượng-thẩm. Ông ấy cũng có thể nói ở các phiên tòa thường của các Phòng và các phiên tòa đại-hình nếu ông ấy xét là nên.

Điều thứ 16.— Phần nhiều chỉ riêng cho ông Phó Chương-lý là được ủy-nhiệm để thay mặt ông Chương-lý đứng nói ở các phiên tòa xử về dân sự hay các phiên tòa đại-hình ông Chương-lý sẽ cất cử ông Phó Chương-lý làm việc tại Phòng nào mà ông ấy xét là công việc của ông Phó Chương-lý sẽ có ích lợi.

Điều thứ 17.— Dưới quyền chỉ-huy của ông Chưởng-lý, ông Tham-lý phần nhiều sẽ được ủy-nhiệm để xem xét và thảo các biên bản về việc luận tội, ông ấy sẽ thảo các cáo-trạng và trợ-lực cho ông Chưởng-lý về tất cả công việc ở trong nội bộ. Ông Phó Chưởng-lý và ông Tham lý có thể được ủy nhiệm đứng nói ở các phiên tòa xử về các việc tiểu hình.

Điều thứ 18.— Đối với các vụ quan trọng và khó khăn ông Phó Chưởng-lý và ông Tham-lý sẽ cáo tri ông Chưởng-lý rõ những lời kết-luận của các ông ấy; đối với tất cả các vụ mà ông Chưởng-lý muốn được biết rõ thì các ông Phó Chưởng-lý và ông Tham-lý cũng phải báo-cáo ông Chưởng-lý rõ những lời kết-luận của mình.

Điều thứ 19.— Ông Chưởng-lý có nhiệm-vụ thi-hành công-lý đối với các vụ đại-hình trong toàn-thể quản-hạt của ông ấy.

Ông Chưởng-lý sẽ báo-cáo ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp rõ tất cả các việc quan trọng mà ông ấy thụ-lý và sẽ luôn luôn tường trình ông Tổng Trưởng biết sự tiến-hành của các thủ-tục tố-tụng.

Đối với các vụ có liên-quan đến Chính-phủ, khi nhận được lời yêu-cầu của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, ông Chưởng-lý sẽ tuân theo các huấn-lệnh của Tổng-Trưởng mà làm các giấy tờ cần thiết để chuyển giao việc đó sang các Tòa-án có thẩm-quyền thụ-lý.

Ông Chưởng-lý có quyền tổng kiểm-soát sự tiến-hành công việc thẩm-cứu các việc hình tại tất cả các tòa-án thuộc quản-hạt của ông ấy. Với quyền đó ông Chưởng-lý có thể kháng-cáo tất cả các án-lệnh của ông Dự-thẩm, trong một hạn là 15 ngày, kể từ ngày mà Công-tổ-viện nhận được các án-lệnh nói trên. Ông ấy còn có thể gửi cho các ông Thẩm-phán Hòa-giải (sơ-cấp) thuộc quản-hạt của mình những lời kết-luận viết về các vụ kiện mà ông chú ý tới.

Trong phạm-vi thẩm-quyền của mình, ông Chưởng-lý trông nom việc thi-hành các đạo-luật, chỉ-dụ, sắc-lệnh và quy-tắc hiện-hành, hạ-lệnh thôi-triệu, có quyền tự-y đòi thi-hành các

bản-án do các tòa-án cấp sơ-thẩm và Tòa Thượng-thẩm tuyên xử nếu có các điều-khoản liên-quan đến trật-tự chung.

Ông Chủơng-lý có quyền thôi-triệu binh-lực tùy theo các trường-hợp và chiếu theo các thẻ-thức do các đạo-luật và sắc-lệnh ấn-định.

Ông Chủơng-lý trông nom đến việc giữ trật-tự trong tất cả các tòa-án và giám-đốc tất cả các phụ-trách cảnh-sát tư-pháp. Ông Chủơng-lý cũng giám-đốc các viên công-lại và công-chứng trong quản-hạt của ông nhưng quyền tổng giám đốc và quyền trừng giới vẫn thuộc về ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Ông Chủơng-lý phải báo-cáo cho ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp biết tất cả các điều gì liên-quan đến kỷ-luật các lục-sự, thư-ký và thông-ngôn, các quản-lý văn-khế, luật-sư và tất cả các viên công-lại khác, ông ấy sẽ đề-nghị lên ông Tổng-Trưởng các việc truy-tố và trừng-phạt theo kỷ-luật chiếu theo pháp-quy riêng của mỗi ngành đó.

Ông Chủơng-lý có quyền cảnh cáo đối với các lục-sự, thông ngôn, thư-ký làm việc trong quản-hạt của ông cùng là các vị Thẩm-phán ở Công-tố-viện, đối với các vị này có lỗi, ông ấy có thể đề-nghị xin thi-hành các khoản trừng-phạt theo kỷ-luật do luật lệ ấn-định.

Ông Chủơng-lý có thể tự-ý hay theo lời yêu-cầu của ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp khám xét các sổ hộ-tịch, sổ sách của các người quản-tài di-sản, các giấy tờ do các vị Thẩm-phán chứng kiến khi lập ra và các sổ sách của các phòng lục-sự.

Ông Chủơng-lý lập các hồ-sơ về các đơn xin ân-xá và các đơn xin tạm tha có điều-kiện, phê ý-kiến vào các hồ-sơ đó và chuyển đệ lên ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Ngoài ra, ông Chủơng-lý còn có nhiệm-vụ:

1 — Trông coi và giữ gìn các nơi xử án cho được chỉnh-đốn

2 — Trông coi việc quản-tài di-sản;

3 — Kiểm-soát và kiểm-nhận tất cả các giấy tờ cần-thiết để chứng-minh và thanh-toán các án-phí.

Điều thứ 20.— (Sửa đổi bởi Dự số 66-TP ngày 24.8.1951). Về dân-sự, Công-tổ-viện hành-động hoặc bằng cách sử-dụng tổ-quyền hoặc bằng cách đệ luận-trạng dưới sự điều-khiển của ông Chủ-ông-lý.

Ông Chủ-ông-lý trông coi việc thi-hành các bản-án của các Tòa-án cấp sơ-thẩm và các bản-án của Tòa Thượng-thẩm. Ông ấy có quyền tự ý đòi thi-hành về các điều-khoản có liên quan đến trật-tự chung.

Điều thứ 21.— Trong quản-hạt mình, ông Chủ-ông-lý có quyền cử một vị Thẩm-phán ở Công-tổ-viện một Tòa-án tỉnh để thay thế cho một vị Thẩm-phán cũng ở Công-tổ-viện tại một tòa-án cấp sơ-thẩm khác hay tại Tòa Thượng-thẩm khi vị này mắc bận hay nghỉ phép. Ông Chủ-ông-lý cũng có thể cử một vị Thẩm-phán ở Công-tổ-viện tạm-quyền chức Thẩm-phán xử án và đặt dưới quyền điều-động của ông Chánh-Nhất chiếu theo lời yêu-cầu của vị này. Ông Chánh-Nhất Tòa Thượng-thẩm sẽ ra định-lệnh đề-cử vị Thẩm-phán nói trên đây vào chức vụ mới, trong định-lệnh phải ghi chú rõ quyết-nghị của ông Chủ-ông-lý về việc này. Ông Chánh-Nhất chỉ thi-hành quyền này khi nào không trái với các điều-khoản nói ở điều thứ 9 đoạn 2 trên đây.

Điều thứ 22.— Vì công vụ bắt buộc, ông Chủ-ông-lý có thể cử ông Phó Biện-lý hay yêu cầu ông Chánh-Nhất cất cử theo như điều thứ 10 trên này, một vị Thẩm-phán phụ-khuyết để tạm thời giữ chức-vụ công-tổ tại một Tòa-án Tỉnh, một Tòa án Hòa-giải có rộng quyền, trong trường hợp mà Công-tổ-viện phải đứng chánh-tổ hay trong trường-hợp mà ông Chủ-ông-lý xét rằng về một vụ án nào đó cần phải kết-luận miệng tại Tòa.

Điều thứ 23.— Trong tất cả trường-hợp có việc chuyển-chuyển các vị Thẩm-phán ở ngay trong quản-hạt, ông Chánh-Nhất và ông Chủ-ông-lý đều phải thông-tri lẫn cho nhau biết các định-lệnh hay quyết-nghị của mình và phải ghi các định-lệnh hoặc quyết-nghị vào một quyển sổ riêng ở Phòng Lục-sự Tòa Thượng-thẩm hay Phòng Lục-sự Tòa-án Tỉnh mà vị Thẩm-phán được lệnh đến đó giữ các chức-vụ tạm-thời hay quyền các chức-vụ đó.

Phải trình ngay ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp biết các định-lệnh hay quyết-nghị đó dù rằng đã phải xin phép trước ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp rồi về trường-hợp nói ở điều thứ 9, đoạn 2 trên đây.

Gặp trường-hợp có sự bất đồng ý-kiến giữa ông Chánh-nhất và ông Chủ-đạo-lý về việc xin đổi một vị Thẩm-phán xử án sang Công-lỗ-viện hay trái lại, ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ giải quyết việc phân tranh đó.

Điều thứ 24.— Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ ký nghị-định bổ nhiệm tất cả nhân viên của cơ quan tư-pháp: Thẩm-phán, Lục-sự, Thư-ký, Thông-ngôn, viên chức ngạch dưới vào quản-hạt này hay quản-hạt kia. Việc phân phối nhân viên giữa các Tòa-án và các Sở thuộc Bộ Tư-pháp đều do ông Tổng-Trưởng quyết-định. Tóm lại, bất cứ việc bổ-nhiệm hay chuyển-chuyển một nhân viên nào ở trong một quản-hạt nào cũng đều do ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp quyết định bằng cách ra nghị-định chiếu theo đề-nghị của ông Chánh-Nhất (đối với các vị thẩm phán xử án) và ông Chủ-đạo-lý (đối với các thẩm-phán ở công-lỗ-viện, các lục sự, thư-ký thông-ngôn viên-chức ngạch dưới)

Điều thứ 25.— Gặp trường-hợp ông Chánh-nhất mắc bận trong một thời gian ngắn, ông Chánh-án Phòng chiếu luật sẽ được quyền thay thế để làm tất cả nhiệm vụ của ông Chánh-Nhất và chủ-tọa phòng án thuộc quyền vị này, khi đó vị hội-thẩm cao tuổi nhất, nếu có, sẽ thay thế cho ông Chánh-án Phòng để chủ-tọa Phòng-án thuộc quyền ông ấy. Để thay thế cho vị Hội-thẩm trên đây, và nếu ở phòng án của vị này không có hội-thẩm dự-khuyết, ông Chánh Nhất và nếu không có, thì ông Chánh-án Phòng sẽ cử một vị Hội thẩm ở phòng án khác không có phiên tòa cùng một ngày đó.

Điều thứ 26.— Gặp trường-hợp ông Chánh-Nhất tạ thế hay nghỉ phép, đi công cán hay vì một duyên cớ gì khác, ông Chánh án Phòng chiếu luật sẽ được quyền thay thế ông Chánh-Nhất.

Trong trường-hợp này ông Hội-thẩm cao tuổi nhất chiếu luật sẽ thay thế cho ông Chánh-án Phòng.

Điều thứ 27.— Nếu ông Chủ-đạo-lý bị mắc bận trong một thời gian ngắn thì ông Phó Chủ-đạo-lý lên thay. Nếu ông Phó Chủ-đạo-lý cũng bận, thì ông Tham-lý sẽ lên thay.

Nếu ông Chủ-đạo-lý tạ thế, nghỉ phép, hay đi công cán hay vì duyên cớ gì khác, ông Phó Chủ-đạo-lý trong quản-hạt sẽ quyền chức đó.

Tuy nhiên ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp gặp trường-hợp nào cũng có thể ra nghị-định cử một vị Thẩm-phán khác ở một trong hai quản-hạt để quyền nhiếp chức vụ đó.

CHƯƠNG III

Các phiên tòa long-trọng và các phiên Đại-Hội-Đồng

Điều thứ 28.— Phiên tòa long-trọng của mỗi tòa Thượng-thẩm sẽ do ông Chánh-Nhất chủ tọa và có 8 vị Hội-thẩm tòa Thượng-thẩm ngồi cạnh, chỉ khi nào ông Chánh-Nhất vắng mặt thì ông Chánh-án Phòng mới được thay thế. Ông Chủ-đạo-lý sẽ ngồi ghế công-tố-viện trừ khi nào mắc bận thì không kể.

Ông Chánh Lục-sự giữ bút ký, trừ khi nào mắc bận thì không kể.

Tòa Thượng-thẩm sẽ họp phiên tòa long-trọng trong những trường-hợp do luật pháp ấn-định.

Điều thứ 29.— Các phiên tòa long-trọng sẽ họp ở phòng án mà theo thường lệ ông Chánh Nhất vẫn chủ tọa.

Điều thứ 30.— Đại Hội Đồng gồm có tất cả các vị Thẩm-phán ban xử án và ban công-tố-viện hiện có mặt thực thụ hay quyền. Đại Hội-Đồng họp ở trong Phòng nghị án;

Đại Hội-Đồng do ông Chánh Nhất chủ-tọa, ông Chủ-đạo-lý ngồi đối diện với ông Chánh-Nhất và sẽ tuyên bố về mục-dịch phiên họp. Ông Chánh-Nhất có quyền tự ý triệu-tập Đại Hội Đồng hay chiếu lời yêu-cầu của ông Chủ-đạo-lý.

Điều thứ 31.— Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp cũng có thể yêu-cầu triệu-tập phiên Đại Hội-Đồng để hỏi ý-kiến về việc thi-

hành các luật-lệ có liên-quan đến việc hành-chính tư-pháp về các phương-sách đề áp-dụng riêng trong nội bộ, về nội-dung các đạo luật, sắc-lệnh hay nghị-định thuộc về cơ-quan tư-pháp.

Điều thứ 32.— Mỗi năm trong phiên đại hội-đồng sẽ tường trình công việc tư-pháp hành-chính về năm trước. Sẽ chuyển đệ một bản sao bài diễn văn của ông Chương-lý và các lời phán-nghị trong phiên hội đồng lên ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Điều thứ 33.— Đại hội đồng sẽ phát biểu ý kiến về các đơn xin nhậm chức của các công-lại (luật-sư, quản-lý văn-khế, thừa-phát-lại, hồ-giá-viên) trong quần hạt

Điều thứ 34.— Đại hội-đồng có quyền xét xử các vụ phạm kỷ-luật các luật sư, quản-lý văn-khế hay thừa-phát-lại hay tất cả các công lại nào khác trong khi làm chức nghiệp mình chiếu theo trường-hợp hay điều-kiện đã được xác định trong các đạo sắc-lệnh và luật lệ. Khi Tòa Thượng-thẩm họp để quyết nghị về việc thi-hành kỷ luật đối với một vị Thăm-phán xử án thì tòa Thượng thẩm chỉ gồm có các Thăm-phán xử án thôi.

CHƯƠNG IV

Nhiệm-vụ của ông Chương-Lý Giám-Đốc Sở Tư-Pháp

Điều thứ 35.— Trong quần-hạt mỗi tòa Thượng-thẩm, ông Chương-lý sẽ giữ chức Giám-đốc Sở Tư-Pháp nữa. Ông Chương-lý được ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ủy-nhiệm việc tư-pháp hành-chính trong tất cả quần-hạt dưới quyền của ông. Ông Chương-lý sẽ phát biểu ý kiến về tất cả các việc bổ-nhiệm, chuyển-chuyển các vị Thăm-phán ở Công-tổ viện.

Ông sẽ đề nghị việc bổ nhiệm các lục-sự và tất cả nhân viên Sở Tư-Pháp.

Ông sẽ cho sát ngữ phiếu-diễm các vị Thăm-phán ở công-tổ-viện, các công-lại, các lục-sự và tất cả các viên chức khác Sở Tư-Pháp.

Ông có quyền đề-nghị ghi tên vào bảng thăng thưởng các vị Thẩm-phán ở Công-tổ viện các lục-sự và nhân viên của sở Tư-pháp.

Về phần công việc của Sở do ông đảm nhiệm, ông Chương-ly sẽ xin huấn-lệnh tổng-quát của ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp chỉ huy trông coi việc thi-hành các huấn-lệnh đó chiếu theo các chỉ-dụ, sắc-lệnh hay nghị-định, cứ đến kỳ hạn định hay khi nào ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp hỏi đến ông sẽ báo cáo cho ông Tổng-Trưởng rõ tất cả các hành động thuộc về công việc hành-chính tư-pháp của ông và kết quả của những hành động đó. Gặp trường-hợp bất-thường hay bất ngờ có liên-quan đến sở của ông, ông Chương-ly sẽ báo cáo ngay cho ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp biết về các việc thuộc nhiệm vụ của ông. Chỉ riêng ông là có quyền giao-thiệp và làm việc thẳng với ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp. Chỉ riêng ông Chương-ly là có quyền tiếp nhận và chuyển giao các mệnh-lệnh thuộc về sở của ông chỉ huy.

Chỉ riêng ông là có quyền giao-thiệp với các nhà chức trách địa-phương để thi-hành nhiệm vụ của ông. Mỗi khi ông Tổng-Trưởng Bộ-Tư-Pháp yêu cầu ông sẽ trình lên vị này các sổ sách ghi chú mệnh lệnh của ông cùng là các công-văn trao đổi với các cơ-quan khác của Chính-phủ.

Không cần phải đợi lệnh trên, ông Chương-ly sẽ đệ lên ông Tổng-Trưởng những tờ trình do các thuộc viên của ông đã lập ra nói về các khuyết điểm cần phải sửa chữa, cùng là các công việc cải-tổ cần-thiết phải thi-hành trong phạm-vi các chức-vụ mà họ đảm nhiệm.

CHƯƠNG V

Đi khám và đi thanh tra

Điều thứ 36.— Các ông Chánh-Nhất và Chương-ly phải chính mình hay phái các vị Thẩm-phán Tòa Thượng-thẩm đi khám các tòa-án trong quần hạt, hoặc khám có kỳ hạn nhất định, hoặc khám bất thần. Các ông ấy kiểm-soát xem các vị Thẩm-phán có cư-trú ngay tại tỉnh đã đặt trụ-sở tòa án không

công việc có được tiến hành như thường không và các ông ấy kiểm-soát tất cả các sổ thuộc về tư-pháp.

Sau mỗi lần đi khám xét, phải gửi tờ trình tổng-quát về Bộ Tư-Pháp. Ông Chương-ly kiểm-soát và coi sóc việc quản-trị các lao thất, các phổi sở và các nhà trừng giới trong quản-hạt.

Tờ trình về các cuộc kinh lý các lao thất, kinh lý dù có kỳ hạn hay bất thần, cũng đều phải chuyển đệ về Bộ Tư-Pháp.

Điều thứ 37.— Trong mỗi quản-hạt, mỗi năm một kỳ, ông Chương-ly phải hoặc tự mình, hoặc ủy cho ông Phó Chương-ly hay ông Tham-ly hay một ông Biện-ly đòi khám xét các sổ sách của các công lại, những sổ sách mà trong đó các công-lại đã ghi, theo thẻ-lệ hiện-hành, các món tiền nhận được về các giấy tờ phải chịu tiền thuế đăng bạ. Ông Chương-ly có thể bất cứ lúc nào trong năm, yêu-cầu các công-lại đem sổ ra trình để khám xét.

Ông Chương-ly sẽ đệ lên ông Tổng-Trưởng Bộ-Tư-Pháp một tờ trình về kết quả của sự khám-xét ấy, vạch rõ các điều lạm dụng hay các điều tệ đã xét thấy và nếu cần sẽ đề-nghị các khoản trừng-phạt và các phương-pháp để sửa đổi các sự lạm dụng đó.

Điều thứ 38.— Mỗi khi có một vị thẩm-phán xử án hoặc thẩm-phán bên Công-tổ-viện bị khiếu-nại về một việc gì. Ông Chánh-Nhất sẽ hoặc chính mình hoặc do lời yêu cầu của ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ủy-nhiệm ông Chánh-án Phòng hay một ông Hội-thẩm để mở cuộc điều tra về việc này. Nếu vị Thẩm-phán bị khiếu nại đó là một vị Thẩm-phán bên Công-tổ-viện thời cũng phải theo đúng thủ tục như trên, nhưng cuộc điều tra sẽ tiến hành dưới quyền chỉ-huy của ông Chương-ly hay người đại diện của vị này là ông Phó Chương-ly hay ông Tham-ly. Vị thẩm-phán được ủy-nhiệm mở cuộc điều tra sẽ làm báo-cáo về kết-quả công việc làm của mình, bản báo-cáo này sẽ do ông Chương-ly hay ông Chánh-Nhất chuyển trình lên ông Tổng-Trưởng Bộ-Tư-Pháp kèm theo ý kiến về việc có nên trừng phạt vị thẩm-phán can-cứu về phương diện kỷ luật hay không.

Điều thứ 39.— Hằng năm đối với các vị thẩm-phán xử án việc lập phiếu điểm của từng người sẽ do ông Chánh-Nhất đảm nhiệm, ông Chương-ly chỉ lập phiếu điểm cho các ông thẩm-phán bên công-lỗ-viện, các lục sự và các nhân viên tòa-án. Các phiếu điểm sẽ chuyển đệ lên ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

THIÊN THỨ HAI

CÁC TÒA-ÁN CẤP SƠ-THẨM — TÒA SƠ-THẨM TÒA HÒA-GIẢI CÓ RỘNG QUYỀN

CHƯƠNG I

Tòa Sơ-thẩm (1)

Điều thứ 40. Tòa Sơ-thẩm gồm có một vị thẩm-phán duy nhất và có một vị thẩm-phán bên Công-lỗ-viện thường trực.

Điều thứ 41.— Ở Bắc-phần Việt-Nam có 2 tòa Sơ-thẩm tại Hà-nội và Hải-phòng.

Ở Trung-phần Việt-Nam có một tòa Sơ-thẩm tại Huế.

Ở Nam-phần Việt-Nam có 3 tòa Sơ-thẩm tại Saigon, Mỹ-tho. và Cần-thơ.

Tùy theo sự nhu cầu công vụ, Quốc-trưởng sẽ chiếu lời đề nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, ra sắc-lệnh thiết lập thêm dần tòa sơ-thẩm khác. (2)

Điều thứ 42.— (sửa đổi bởi Dụ số 26 ngày 2 tháng 9 năm 1954). Các tòa sơ-thẩm gồm có một chánh-án, một biện-ly và một dự-thẩm.

Nếu nhu cầu công vụ bắt buộc sẽ có thể bổ thêm tại mỗi tòa sơ-thẩm :

(1) Về thẩm-quyền các tòa sơ-thẩm (độc-nhị cấp) tại Trung phần, các nghị định số 9 ngày 23-4-1947 và số 877 ngày 10-11-1947 của Hội đồng chấp chính lâm thời Trung kỳ còn áp dụng (xin coi phần phụ lục).

(2) Về các tòa sơ thẩm hiện hữu, xin xem danh sách các tòa án tư pháp trong phần phụ lục.

- Một hay nhiều chánh-án dự-khuyết ;
- Một hay nhiều phó biện-lý ;
- Một hay nhiều dự-thẩm ;
- Một hay nhiều thẩm-phán ;
- Một hay nhiều thẩm-phán phụ-khuyết ;
- và nhiều tùy-viên công-tổ-viên.

Công việc Phòng lục-sự sẽ do một Chánh lục-sự đảm nhiệm. Vị này có một hay nhiều lục-sự và thư-ký giúp việc.

Điều thứ 43.— Nếu không đủ nhân-viên để làm việc, ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp có thể ra nghị-định tạm thời đổi các Tòa Sơ-thẩm đó thành ra Tòa Hòa-giải có rộng quyền.

Quản-hạt Tòa Sơ-thẩm Hanoi gồm thành phố Hanoi, miền ngoại thành Hanoi, đại lý Gia-lâm, các miền Hà-đông và Sơn-tây.

Quản-hạt Tòa Sơ-thẩm Hải-phòng gồm thành phố Hải-phòng các tỉnh Kiến-an và Quảng-yên.

Quản-hạt Tòa Sơ-thẩm Huế, gồm có thị xã Huế, các huyện Hương-trà, Hương-thủy, Phong-diễn, Quảng-diễn, Phú-vang và Phú-lộc.

Quản-hạt Tòa Sơ-thẩm Saigon gồm thành phố Saigon, các tỉnh Chợ-lớn, Gia-định và Tây-ninh.

Quản hạt Tòa Sơ-thẩm Mỹ-tho gồm có các tỉnh Mỹ-tho, Gò-công, và Tân-an.

Quản-hạt Tòa Sơ-thẩm Cần-thơ gồm có tỉnh Cần-thơ. (1)

Điều thứ 44.— Theo nguyên-tắc thì ông Chánh-án sẽ chủ tọa tất cả các phiên tòa. Tuy vậy, nếu sự nhu-cầu của công vụ bắt buộc và nếu Tòa-án có một hay nhiều thẩm-phán, ông Chánh-án có thể ủy-nhiệm các vị này chủ tọa các phiên tòa xử việc tiểu hình.

Ông Chánh-án sẽ lưu ý để mọi công việc tiến hành một cách nhanh chóng, nhưng trong các vụ án mà mình được ủy-

(1) Về quản-hạt hiện-tại của các tòa sơ-thẩm và hòa-giải rộng-quyền, xin xem danh-sách các tòa-án trong phần phụ-lục.

nhiệm xét xử, các vị thẩm-phán được tự do quyết định theo ý riêng của mình.

Điều thứ 45.— Công việc xử án và công việc thẩm-cứu cần phải giao cho hai cơ-quan riêng biệt đảm-nhiệm : nguyên tắc này phải được tôn trọng.

Tuy nhiên, trong trường-hợp vì nhu-cầu của công vụ và nếu Tòa-án không có thêm một thẩm-phán nào cả, ông Tổng-Trưởng Tư-pháp có thể chiếu lời đề-nghị của ông Chánh-Nhất mà cho phép ông Chánh-án đặc biệt ủy-nhiệm ông Dự-thẩm chủ tọa các phiên tòa xử việc tiểu hình, dù rằng những việc đem ra xét xử này đã do ông Dự-thẩm thẩm-cứu rồi.

Điều thứ 46.— Ở mỗi Tòa Sơ-thẩm, chức-vụ công-tố sẽ giao cho một ông Biện-lý có một hay nhiều ông Phó Biện-lý và một hay nhiều Tùy-viên công-tố.viện trợ lực nếu xét ra cần.

Điều thứ 47.— Dưới quyền giám-đốc và kiểm-soát của ông Chương-lý, ông Biện-lý có trách-nhiệm tìm nã và truy-tố các tội phạm về đại-hình và tiểu-hình về luật thương hay về luật chính trị cũng thể đã xảy ra hay đã khám phá thấy trong quần-hạt tòa-án.

Điều thứ 48.— Để đạt được mục-dịch ấy, bất cứ nhà chức-trách nào, bất cứ công chức hay công chứng nào, trong lúc làm chức vụ, biết được một tội phạm đại hình hay tiểu-hình về luật thương hay về luật chính-trị, phải báo ngay hoặc cho ông Biện-lý tòa-án nơi đó đã xảy ra việc đại-hình hay tiểu-hình ấy, hoặc cho ông Biện-lý tòa-án mà ở trong quần-hạt có thể tìm thấy người can phạm được và phải chuyển đến vị thẩm-phán đó tất cả các tin tức, biên-bản và giấy tờ liên can đến việc ấy.

Điều thứ 49.— Bất cứ người nào đã có chứng kiến được một việc phạm đến sự trị-an công-cộng, hoặc phạm đến tính mệnh hay tài-sản của một tư nhân nào cũng phải báo ngay cho ông Biện-lý nơi đã xảy ra tội phạm tiểu-hình hay đại-hình ấy, hay cho ông Biện-lý nơi mà có thể tìm thấy được người can phạm.

Điều thứ 50.— Bất cứ người nào tự cho mình là đã thiệt hại về một tội phạm đại-hình hay tiểu-hình điều có thể đệ đơn

khieu tố cho ông Biện-lý nơi đã xảy ra tội phạm đại-hình hay tiểu-hình ấy, hoặc cho ông Biện-lý nơi người can-phạm cư trú hay nơi mà có thể tìm thấy người can-phạm.

Trong trường-hợp mà ông Biện-lý không vì lẽ gì chính đáng cả đã từ chối không chịu chấp đơn khieu tố thời người đứng khieu tố có thể khieu nại lên trên ông Chương-lý có quyền quản hạt đối với ông Biện-lý đó; nếu lời khieu nại xét ra chính đáng, ông Chương-lý sẽ có thể yêu cầu ông Biện-lý đốc biện công việc truy tố về vụ này.

Điều thứ 51.— Nếu xét ra vì bất cứ một lẽ gì vụ này không đáng bị cứu xét thời ông Biện-lý có thể đình cứu vụ đó lại, hoặc đình cứu ngay, hoặc đình cứu sau khi đã lấy thêm tài liệu để xét định.

Điều thứ 52.— Nếu xét cần phải truy tố và nếu xét việc đó là một tội phạm đại-dinh, thời ông Biện-lý chuyển giao hồ sơ việc ấy sang Dự-thẩm kèm với tờ lệnh trạng của mình để yêu cầu ông Dự-thẩm mở cuộc thẩm cứu hợp lệ, nếu việc là một sự phạm pháp thuộc thẩm-quyền tòa-án xử việc tiểu-hình thời ông Biện-lý có thể hoặc đưa thẳng việc đó ra Tòa xét xử theo thủ-tục truy-tố trực-tiếp hay thủ-tục phạm pháp quả tang, hoặc nếu xét ra việc rắc rối hay mờ ám thời yêu cầu mở cuộc thẩm-cứu hợp lệ.

Khi nào thẩm-cứu đã xong rồi và khi ông Dự-thẩm đã làm án lệnh chuyển giao đề hoàn hồ sơ việc ấy cho ông Biện-lý, thời vị này trong hạn 3 ngày phải xét lại hồ sơ và định lời kết-luận.

Điều thứ 53.— Bằng một bản quyết tờ lệnh trạng, ông Biện-lý có thể quyết định thôi không truy-tố nữa hay tiếp tục sự truy-tố. Ông Biện-lý sẽ chuyển giao lại hồ sơ kèm theo bản lệnh trạng của mình cho ông Dự-thẩm đó, vị này làm án lệnh định đoạt về vụ này theo như luật-pháp, ông Biện-lý có quyền kháng-cáo trước phòng luận tội tất cả các án lệnh của ông Dự-thẩm. Phải kháng-cáo trong hạn 24 giờ kể từ ngày ra án lệnh.

Điều thứ 54.— Nếu câu cứ vào đơn khieu-tố hay vào biên bản hay ở sự điều-tra mặt mà nhận thấy rằng việc đó không

có tính-cách một tội phạm đại-hình hay tiểu-hình và chỉ là một tội vi cảnh thôi, thời ông Biện-lý sẽ giao bút lục việc đó cho Tòa-án xử việc vi-cảnh có thẩm-quyền.

Điều thứ 55.— Trong tất cả các trường-hợp phạm-pháp quả tang khi người can-phạm có thể bị khép vào các hình phạt về thân-thể hay gia-nhục, ông Biện-lý sẽ thân hành đến ngay chỗ đã xảy ra việc ấy không được trì-hoãn để lập biên-bản chứng nhận các yếu-tố của tội-phạm hiện-trạng nơi phạm-pháp cùng là để thu-thập lời cung-khai của những người có mặt tại đó hay có những tài-liệu để củng-biến các nhà chức-trách về việc đó.

Ông Biện-lý sẽ báo cho ông Dự-thẩm biết việc thân hành đi điều-tra tuy nhiên không bắt buộc phải đợi ông Dự-Thẩm đến rồi mới làm việc.

Điều thứ 56.— (*Sửa đổi bởi Dự số 66-TP ngày 24-8-1951*). Trong vụ án công-tổ-viện hoặc đứng địa-vị chính-tổ hoặc đứng địa-vị phụ-tổ.

Về dân-sự, công-tổ-viện sử-dụng tổ-quyền trong những trường-hợp do luật minh-dịnh. Công-tổ-viện cũng có thể tự hành-động trong những trường-hợp liên-quan một cách trực-tiếp và cốt yếu đến trật-tự công-cộng. Công-tổ-viện giám-sát việc thi-hành luật-pháp, án-văn, và đốc-thúc sự thi-hành đó về những điều-khoản có quan-hệ đến trật-tự công-cộng. Về các việc tiểu-hình hay đại-hình, công-tổ-viện bao giờ cũng đứng làm chính-tổ khi hành-sử quyền công-tổ.

Điều thứ 57.— Về các việc dân-sự, công-tổ-viện bao giờ cũng có thể đòi xem bút lục việc kiện. Sẽ bắt buộc thông-tri bút lục cho công-tổ-viện, về các vụ kiện sau: việc can-hệ đến trật tự chung, đến quốc-gia, đến tài-sản của quốc-gia, đến nhân thể, đến việc giám-hộ, các việc do người đương-sự khiếu nại rằng tòa-án vô thẩm-quyền, các việc phân định thẩm-quyền, các việc cáo-tị hoặc hoãn xử vì duyên cớ thân thuộc hoặc thông gia với người đương-sự, các việc mà người đương-sự khiếu nại về hành vi của các vị thẩm-phán, các việc kiện của người vợ khi không có chồng cho phép hay khi có chồng cho

phép, các việc kiện của vị-thành-niên và nói chung, tất cả các việc kiện trong đó một bên đương-sự do một người quản-tài bênh vực, các việc kiện thuộc về hay liên quan đến những người bị coi là thất-tung.

Điều thứ 58.— Phải thông tri trước ngày phiên tòa đem xử ấy và phải dành đủ thời giờ để ông Biện-lý có thể định lời kết luận. Về trường-hợp mà ông Biện-lý chưa thể kết luận ở phiên tòa được thời vị ấy có thể xin tòa hoãn phiên khác sẽ tuyên án song chỉ được xin hoãn một lần thôi.

Điều thứ 59.— Ông Biện-lý hay ông Phó Biện-lý phải có mặt ở tất cả các phiên tòa dân sự hay hình sự, đứng lên kết-luận và chứng kiến khi tòa tuyên-án. Trong các bản-luận trạng viết các vị đó phải tuân theo huấn-lệnh của ông Chuởng-lý về việc ấy. Nhưng khi kết luận miệng ở phiên Tòa các vị ấy có thể tóm tắt vụ kiện và kết luận theo cách nào hợp với ý riêng của mình hơn cả dù rằng có trái với lời lẽ trong bản luận-trạng viết đã đệ ra cũng không sao.

Điều thứ 60.— Ông Biện-lý có trách-nhiệm kiểm-soát tất cả các công chứng và công-lại và coi sóc cho các viên ấy làm trọn chức-vụ chuyên nghiệp của mình một cách đứng đắn. Nếu các viên ấy phạm lỗi trong lúc làm phận sự của mình, ông Biện-lý sẽ truy tố họ về phương diện kỷ-luật.

Điều thứ 61.— Ông Biện-lý phải đặc biệt kiểm-soát công việc của phòng lục sự tòa án mình và các phòng lục sự các tòa án hòa giải (sơ cấp), ông Biện-lý phải hết sức lưu ý đến việc tồn trữ và cấp phát các phiếu tư-pháp lý-lịch.

Điều thứ 62.— Ông Biện-lý có trách-nhiệm thi-hành các hình phạt do Tòa án tuyên xử về các vụ tiểu hình.

Ông Biện-lý coi sóc và thăm nom luôn các nhà giữ người điên, các lao-thất và làm tờ trình lên ông Chuởng-lý biết.

Điều thứ 63.— Chỉ riêng ông Dự-thăm là có nhiệm vụ thăm-cứu.

Ông Dự-thăm có thể phụ trách các việc điều-tra, các việc

ấn định thứ tự các chủ nợ, và số tiền nợ mà mỗi người chủ nợ được hưởng.

Khi ông Biện-lý mắc bận và nếu không có ông Phó Biện-lý hay Tuy-viên công-tổ trừ trường hợp nói trong đoạn 2 điều thứ 9 trên đây thì ông Chưởng-lý có thể yêu cầu ông Chánh-nhất cất cử ông Thăm-phán tạm-thời kiêm-nhiếp chức vụ công-tổ.

Nếu nhu cầu của công vụ bắt buộc ông Thăm-phán của tòa-án có thể tạm thời phụ-trách công việc thăm cứu cùng với ông Dự-thăm, ông Chánh-nhất sẽ ra định-lệnh quyết định việc đó sau khi thỏa hiệp với ông Chưởng-lý.

Điều thứ 64.— Ông Dự-thăm thu lý các tội phạm đại hình hay tiểu hình về luật thường hay về chính trị xảy ra trong quản hạt tòa án ông:

— hoặc do ông Biện-lý yêu cầu;

— hoặc do đơn khiếu tố của người bị thiệt hại.

Ông Dự-thăm có thể tự hành thụ-lý trực tiếp một việc phạm pháp quả tang. Trong trường-hợp ấy nếu ông Dự-thăm đã báo cho ông Biện-lý rõ là mình thân hành đến chỗ xảy ra sự phạm pháp và nếu ông Dự-thăm đến trước tiên thì ông ấy có thể bắt đầu mở cuộc điều tra ngay không cần phải đợi ông Biện-lý yêu cầu.

Điều thứ 65.— Bất cứ người uáo tố cho là bị thiệt hại về một tội phạm đại hình hay tiểu hình có thể khiếu tố và đứng dân sự nguyên-cáo tại Phòng Dự-thăm nơi xảy ra tội đại hình hay tiểu hình ấy, hay nơi người phạm pháp ở, hay nơi có thể tìm thấy người phạm-pháp.

Điều thứ 66.— Người khiếu-tố sẽ được coi là đứng dân-sự nguyên-cáo nếu người ấy khai rõ như thế trong đơn khiếu hoặc trong các giấy tờ về sau hay trong các đơn hoặc giấy tờ ấy họ yêu cầu đòi bồi thường.

Điều thứ 67.— Người khiếu-tố có thể khai đứng dân-sự nguyên-cáo bất cứ lúc nào, kỳ cho đến kết liễu cuộc thăm-vấn tại phiên tòa, họ cũng có thể xin thôi đứng dân-sự nguyên-

cáo nữa, nhưng phải xin hưu-nại trước khi Tòa tuyên-án thì việc hưu-nại này mới có giá trị.

Điều thứ 68.— Đơn khiếu-tố đệ cho ông Dự-thăm sẽ do ông Dự-thăm chuyển gửi cho ông Biện-lý để cho ông Biện-lý tùy theo tình lý định liệu theo như các điều thứ 51 và 52 đã nói trên này. Gặp trường-hợp đình cừ, ông Biện-lý sẽ tin cho ông Dự-thăm biết.

Đơn khiếu tố đệ cho ông Biện-lý sẽ do vị ấy chuyển giao cho ông Dự-thăm kèm với bản lệnh-trạng của mình : đơn nào đệ cho các phụ trách cảnh-sát hay các nhà chức-trách bên hành chính sẽ do các viên chức ấy chuyển tư cho ông Biện-lý để vị này sẽ chuyển giao sang ông Dự-thăm kèm theo bản lệnh trạng của mình.

Điều thứ 69.— Về việc đại-hình hay tiểu hình, ông Dự-thăm có thể chỉ hạ trát đòi rồi sau khi lấy khẩu cung người can cừ sẽ đòi trát đòi ra trát tạm giam nếu cần. Ông Dự-thăm cũng có thể hạ trát dẫn giải để đòi người can cừ.

Điều thứ 70.— Ông Dự-thăm cũng có thể hạ trát dẫn giải để đòi các nhân chứng đã từ chối không chịu đến cung khai tuy đã có lệnh đòi. Ông Dự-thăm có thể tùy trường-hợp phạt tù hay phạt bạc những nhân chứng ương ngạnh đó chiếu theo các điều đã qui-định trong các luật hình-sự tổ-tụng áp dụng tại Bắc và Trung phần Việt-Nam.

Điều thứ 71.— Trong trường-hợp có trát đòi, người can cừ sẽ được ông Dự-thăm hỏi cung ngay. Khi có trát dẫn giải, người can cừ sẽ được ông Dự-thăm hỏi cung chậm nhất là 24 giờ kể từ lúc bị tạm ký giam tại câu lưu sở.

Điều thứ 72.— Sau khi hỏi cung xong, hay trong trường hợp người can cừ trốn, ông Dự-thăm có thể làm trát tổng giam hay trát nã, nếu xét ra y đáng bị phạt tù hay phải chịu một hình phạt nặng vì sự phạm pháp đó. Ông Dự-thăm hạ trát nã, sau khi đã hỏi ý kiến ông Biện-lý.

Điều thứ 73.— Trong khi công việc thẩm-cứu đang tiến hành nếu ông Biện-lý cũng đồng ý-kiến về việc đó thời bất

luận kẻ can cứu có thể truy tố về tội gì, ông Dự-thăm cũng có thể thu hồi các trát tổng giam hay trát nã miễn là người can cứu phải cam-doan xin đến hầu tòa bất cứ lúc nào trong khi tòa đương xét về việc này, và phải đến ngay khi được lệnh đòi để thi-hành bản án.

Điều thứ 74.— Ông Dự-thăm không bị bắt buộc phải truy cứu người đã bị chỉ-định trong bản luận-trạng của ông Biện-lý mà thôi, ông Dự-thăm còn có thể truy-cứ tất cả mọi người mà vị ấy tình nghi là đã liên can vào sự phạm pháp này. Ông Dự-thăm có thể mở cuộc điều-tra thăm-cứu, ngay các tội tiểu-bình mới phát giác ra trong lúc đang thăm-cứu, nhưng phải thông-tri ngay ông Biện-lý rõ hiện trạng của thủ-tục tố-tụng về vụ này để vị đó định lời yêu cầu theo luật-pháp.

Điều thứ 75.— Ông Dự-thăm có thể lấy khẩu-cung, cho đối-chất, cùng là nghe các nhân chứng Ông ấy có thể thân đến trường sở khám nhà, sưu-sách và áp thu, truyền cho giám-định về những khoản nào xét ra cần phải có sự hiểu biết chuyên môn mới xét định được.

Về những việc mà vị đường sá xa xuôi không thể thân hành làm được, ông Dự-thăm có thể ủy-thác, nhưng chỉ ủy-thác để làm công việc điều-tra hay sưu-sách thôi, về các việc điều-tra hay sưu-sách, ông Dự-thăm có thể ủy-thác hoặc một ông Dự-thăm thuộc quân-hạt khác, hoặc một ông Thăm-phán hòa-giải (sơ-cấp) trong quân-hạt mình, hoặc là một viên phụ-trách tư-pháp cảnh-sát, nếu xét ra thuận-tiện.

Về việc lấy khẩu-cung chỉ riêng trong trường-hợp cần thiết lắm ông Dự-thăm mới có quyền phái-ủy nhưng chỉ có thể phái-ủy các vị Thăm-phán, Dự-thăm thuộc quân-hạt khác, thăm-phán cùng làm việc tại Tòa-án sơ-thăm của mình, thăm-phán hòa-giải (sơ-cấp) tại nơi cần lấy khẩu-cung.

Điều thứ 76.— Ông Dự-thăm có thể làm án-lệnh trong viện dân lý do để giam cứu một người can cứu trong những trường hợp sau :

1.— Nếu người bị can-cứu không có trú-quán chắc chắn.

2.— Nếu trước kia y đã bị phạt giam quá 6 tháng về tội tiểu-hình mà không được hưởng án treo ;

3.— Nếu ngại rằng y sẽ tìm cách lẩn trốn để khỏi bị trừng-trị ;

4.— Nếu y nguy-hiểm cho sự trị an công-cộng ;

5.— Nếu xét rằng để y tại ngoại sẽ có hại cho công việc khám phá ra sự thực.

Điều thứ 77.— Ông Dự-thăm có thể tự ý mình bất cứ về việc gì và bất cứ trong trường-hợp nào tạm tha một người can cứ đang bị giam giữ ; ông ấy sẽ ra án-lệnh, chiếu theo lời kết luận của Công-tố-viện, để quyết-định về việc này.

Điều thứ 78.— Ngay sau khi đã thông-tri cho ông Biện-lý rõ tình-hình công-việc thăm-cứu và vị này đã chuyển lời yêu cầu của mình theo đúng như điều 52 nói trên, ông Dự-thăm sẽ kết thúc công việc thăm-cứu về vụ án bằng cách ra lệnh miễn-tố hoặc án lệnh chuyển-giao, hoặc án lệnh vô-thăm-quyền, hoặc án lệnh tạm đình cứu.

Điều thứ 79.— Nếu ông Dự-thăm xét việc đó không phải là một tội đại-hình hay tiểu-hình, và người can cứ cũng không bị truy-tố về một khoản gì khác nữa, ông Dự-thăm sẽ tuyên bố trong một án-lệnh miễn-tố rằng không phải truy-tố gì nữa và người can-cứu nếu đương bị tạm giam sẽ được tha ngay.

Điều thứ 80.— Nếu xét có đủ chứng cứ là kẻ can cứ đã phạm pháp thực, ông Dự-thăm sẽ giải bị can sang tòa-án có thẩm-quyền xét xử.

Điều thứ 81.— (*Sửa đổi bởi Dự số 8 ngày 20-6-1950*) Cũng như ông Biện-lý, kẻ can-cứu có thể kháng-cáo lên phòng luận-tội tất cả các án-lệnh của ông dự-thăm.

Bên nguyên-cáo về dân sự cũng có quyền ấy đối với những án-lệnh nào làm thiệt hại đến quyền-lợi dân-sự của họ.

Phải xin kháng-cáo trong hạn 2 ngày. Thời hạn đó sẽ tính như sau :

1) Nếu bị can không bị giam giữ thời hạn kháng cáo kể từ ngày tổng đạt bản án-lệnh đến trú-quán của họ chọn tại nơi đặt trụ-sở tòa-án.

2) Nếu bị can bị giam cầm thời hạn kháng cáo sẽ kể từ ngày mà viên lục-sự báo-thị cho y biết án-lệnh đó.

Việc tổng đạt hay báo-thị bản án-lệnh nói ở trong đoạn trên sẽ phải thi-hành ngay trong 24 giờ kể từ ngày làm án-lệnh. Muốn kháng cáo chỉ cần khai rõ như thế vào dưới bản án-lệnh hay vào một quyển sổ lưu ở phòng lục-sự.

Hạn trong năm ngày kể từ ngày tiếp nhận được các giấy tờ gửi đến cho mình ông Chủ-định phải sửa-soạn vụ án và chậm nhất là trong năm ngày kể sau phải làm tờ trình.

Trong thời gian đó, dân sự nguyên-cáo và bị can có thể đệ trình các bản biện minh mà họ cho là thích đáng.

Dân-sự nguyên-cáo, bị-can và nhân chứng không được có mặt trước phòng luận tội.

Người bị can bị giam cầm sẽ bị giữ ở lao-thất cho đến khi xử xong việc kháng cáo và trong tất cả mọi trường-hợp cho đến khi hết hạn kháng cáo.

CHƯƠNG HAI

Các tòa án Hòa-giải có rộng quyền (1)

Điều thứ 82. — Trong quần-hạt tòa Thượng-thẩm Hà-nội, tạm thời có các tòa Hòa-giải có rộng quyền Nam-dịnh và Hải-dương.

Quần-hạt Tòa Hòa-giải có rộng quyền Nam-dịnh gồm có các tỉnh Nam-dịnh, Thái-bình, Ninh-bình và Hà-nam.

Quần-hạt Tòa Hòa-giải có rộng quyền Hải-dương gồm có các tỉnh Hải-dương, Hưng-yên, Bắc-ninh và Bắc-giang.

Trong quần-hạt Tòa Thượng-thẩm Huế, tạm thời có các Tòa Hòa-giải có rộng quyền Quảng-nam, Quảng-trị và Quảng-bình.

(1) Về các tòa hòa-giải rộng quyền hiện-hữu và quần-hạt hiện tại của các tòa này, xin xem danh sách các tòa án trong phần phụ-lục.

Quản-hạt riêng biệt của mỗi Tòa Hòa-giải có rộng quyền nơi đây gồm có địa-hạt tỉnh mà tòa-án đó mang tên gọi.

Trong quản-hạt Tòa Thượng-thẩm Saigon, làm-thời có các Tòa Hòa-Giải có rộng quyền Biên-hòa, Vĩnh-long, Châu-đốc, Rạch-giá, Bạc-liêu, Trà-vinh và Bến-tre.

Quản-hạt tòa-án Biên-hòa gồm có các tỉnh Thủ-dầu-một, Biên-hòa, Bà-rija và Cap Saint-Jacques.

Quản-hạt Tòa-án Vĩnh-long gồm có các tỉnh Vĩnh-long và Sa-déc.

Quản-hạt Tòa-án Châu-đốc gồm có các tỉnh Châu-đốc và Long-xuyên.

Quản-hạt Tòa-án Rạch-giá gồm có các tỉnh Rạch-giá và Hà-tiên.

Quản-hạt Tòa-án Bạc-liêu gồm có các tỉnh Bạc-liêu và Sóc-trăng.

Quản-hạt Tòa-án Trà-vinh gồm có tỉnh Trà-vinh.

Quản-hạt Tòa-án Bến-tre gồm có tỉnh Bến-tre.

Điều thứ 83.— Tại mỗi tòa-án hòa-giải có rộng quyền sẽ bổ nhiệm một vị Chánh-án (Thẩm-phán hòa-giải có rộng quyền) Nếu cần ra sẽ bổ nhiệm một vị Thẩm-phán để giúp việc cho vị Chánh-án này.

Sự hiện diện của công-tổ-viện tại các Tòa-án hòa-giải có rộng quyền không phải bắt buộc trừ phi về việc đại-hình như điều thứ 88 dưới đây sẽ nói.

Quyền đứng chánh tổ về dân-sự trong các trường-hợp mà luật-pháp trao cho công-tổ-viện sẽ dành riêng cho ông Chương-lý Tòa Thượng-thẩm.

Ông Chương-lý sẽ xử-dụng quyền đó bằng cách gửi đơn hay gửi lời luận trạng viết đến Tòa. Nếu công việc cần-thiết bắt buộc, ông Chương-lý có thể phái-ủy một Thẩm-phán trong quản hạt mình dù là một vị Thẩm-phán xử-án như Thẩm-phán hay Thẩm-phán phụ-khuyết chẳng hạn để thi-hành nhiệm-vụ của công-tổ-viện.

Về các việc hộ mà luật-pháp chỉ bắt buộc phải thông-tri cho công-tổ-viện, thời Tòa sẽ xử ngay không cần phải có công-tổ-viện chứng kiến.

Ông Chủ-định-lý có quyền đòi xem hồ-sơ các vụ án đại-hình mà Tòa đương điều-tra và làm tất cả các công việc mà các công-tổ-viện tại các Tòa sơ-thẩm có thể làm được. Công việc phòng lục-sự sẽ do một lục-sự đảm-nhiệm, và nếu cần sẽ có một hay nhiều thư-ký lục-sự phụ lục.

Điều thứ 84.— Ông Chánh-án Tòa Hòa-giải có rộng quyền cũng có đủ các quyền-hành như các vị Chánh-án các Tòa Sơ-thẩm, các vị đó sẽ chính mình ấn-định thứ tự giữa các chủ nợ và số tiền nợ mà mỗi chủ nợ được quyền hưởng, các vị đó sẽ làm các công việc điều-tra về dân-sự, dự-thẩm, các việc tiểu-hình và đại hình mà các vị đó xét không thể đưa ngay ra Tòa để xét-xử được theo thủ-tục phạm pháp quả tang, hay truy-tố trực-tiếp được. Trong trường-hợp phạm-pháp quả tang, trước khi đăng-đường, các vị đó sẽ hỏi cung sơ lược bị cáo để bảo cho y biết rõ y phạm tội gì và nếu cần sẽ hạ trát tổng giam y.

THIÊN THỨ BA

Các tòa Hòa-giải (hay sơ-cấp) (1)

Điều thứ 85.— Trong phạm vi quản-hạt các Tòa Sơ-thẩm và Hòa-giải có rộng quyền, sẽ có các Tòa Hòa-giải (sơ-cấp); các Tòa này được thiết-lập dần dần theo sự nhu-cầu của công-vụ. (2)

(1) Về thẩm-quyền các tòa Sơ-cấp tại Trung-quần, các nghị-định số 9 ngày 23-4-1947 và số 877 ngày 20-11-1947 của Hội-đồng chấp-chính lâm-thời Trung-kỳ còn áp-dụng (Xin coi phần phụ-lục)

(2) Ở Bắc-Việt, đã thiết-lập tòa-án hòa-giải Hà-nội và Hải-phòng theo sắc-lệnh số 97-TP ngày 29-12-1949, tòa-án Mỹ-lộc theo sắc-lệnh số 65-TP ngày 19-1-1950.

Ở Trung-Việt, đã thiết-lập tòa-án hòa-giải Hội-an (Faifoo) theo sắc-lệnh số 75-TP ngày 4-10-50.

Ở Nam-Việt, đã thiết-lập tòa-án hòa-giải Saigon theo sắc-lệnh 49-TP ngày 7-6-1950; tòa hòa-giải Sa-đéc, Gò-công, theo sắc-lệnh số 71-TP, 72-TP ngày 15-7-1950.

Điều thứ 86.— Mỗi Tòa-án Hòa-giải gồm có một vị Thẩm-phán Hòa-giải và một Lục-sự. Sẽ không có công-tổ-viện tại các tòa-án hòa-giải nhưng ông Chủ-ông-lý hay ông Biện-lý tòa-án có quyền quản-hạt đối với Tòa-án hòa-giải này sẽ có thể hoặc chính mình hoặc do lời yêu-cầu của các Thẩm-phán hòa-giải gửi đến những bản luận-trạng viết về những vụ kiện đã được các vị đã hưu-ý đến. Quản-hạt của mỗi tòa-án hòa-giải sẽ do đạo sắc lệnh thiết-lập tòa-án đó ấn-định.

Ở Bắc và Trung, thẩm-quyền của các tòa-án hòa giải này là thẩm-quyền của các tòa sơ cấp cũ do luật-lệ hiện hành tại hai địa-phương đó ấn-định. Tại Nam-phần thẩm quyền của các tòa-án hòa-giải này tạm thời do nghị-định 7 tháng 3 năm 1924 và các bản văn tu-chính tiếp sau ấn định.

Về các việc tiểu-hình và đại-hình, các Thẩm-phán hòa-giải sẽ phải chuyển đệ lên ông Biện-lý Tòa-án có quyền quản-hạt đối với mình tất cả các biên-bản và tất cả các đơn từ cáo-giác hay khiếu-tổ mà mình đã trực-tiếp nhận được, cùng là tờ trình kết-quả cuộc điều-tra đầu tiên về vụ này, cần ra, ông Biện-lý sẽ chuyển-giao việc này sang vị Dự-thẩm có thẩm-quyền để mở cuộc thẩm-cứu. Nếu Tòa hòa-giải ở trong phạm-vi quản-hạt của một tòa-án hòa-giải có rộng quyền, thời tất cả các giấy má trong hồ-sơ vụ kiện sẽ phải chuyển đệ lên ông Chánh-án tòa-án này.

Về dân-sự, nếu việc thuộc quyền tòa sơ-thẩm hay hòa-giải có rộng quyền xét-xử thời ông Thẩm-phán hòa-giải sẽ phải chuyển đệ lên ông Chánh-án tòa-án này tất cả các đơn khởi tố đã nhận được của nguyên-cáo kèm theo một tờ biên-bản hòa-giải bất thành. Ông Thẩm-phán chỉ có thể mở cuộc điều-tra kỹ lưỡng về nội-dung vụ kiện nếu có lời yêu-cầu của ông Chánh-án tòa án có quyền xét-xử vụ kiện đó.

Điều thứ 87.— Các tòa án sơ cấp hiện thời ở Bắc và Trung phần Việt-Nam sẽ đổi tên gọi là tòa-án hòa-giải. Trong lúc giao thời đặc biệt này để chờ đợi việc bổ dụng các ông Thẩm phán hòa giải chính thức, các vị Quận-trưởng (Phủ-trưởng, Huyện-trưởng, v...v...) và các viên chức quyền nhiếp công việc của

các thẩm-phán sơ-cấp sẽ được phép tạm thời tiếp tục các chức vụ tư-pháp đó.

THIÊN THỨ TƯ

Tòa-án xử các việc đại-hình

Điều thứ 88. (Sửa đổi bởi Dự số 8 ngày 20-6-1950). - Ban đại-hình tòa Sơ - thẩm hay tòa Hòa-giải có rộng - quyền sẽ sơ-thẩm các việc đại-dình. Quyền xét xử việc kháng - cáo các bản án đại-hình do các tòa-án nói trên tuyên-xử sẽ thuộc về ban đại-hình của phòng nhì tòa Thượng-thẩm.

Ở Bắc-Việt thời hạn và thủ-tục kháng-cáo về đại-hình là thời hạn và thủ tục ấn-định trong tiết 2 chương III bộ luật hình vụ tố tụng Bắc-kỳ.

Ở Trung-Việt, thời hạn và thủ tục kháng-cáo về đại-hình là thời hạn và thủ tục ấn định trong tiết 2 Chương III bộ Trung-kỳ hình vụ tố tụng pháp.

Ở Nam-Việt thời hạn và thủ-tục kháng-cáo về đại-hình cũng vẫn là thời-hạn và thủ-tục ấn-định cho các việc tiểu-hình.

Ban đại-hình mỗi tòa-án cấp tỉnh gồm có :

— một Chánh-án.

— hai Thẩm-phán phụ-thẩm.

Ông Chánh án Tòa Sơ-thẩm hay ông Chánh-án tòa Hòa giải có rộng quyền chiếu luật sẽ chủ tọa Tòa án mình khi xử về việc đại hình.

Nếu đã dự vào cuộc thẩm cứu một vụ đem ra xử trong phiên đại hình, thì riêng về vụ này, ông Chánh-án nói trên sẽ không có quyền ngồi xử, ông Chánh nhất Tòa Thượng-thẩm địa phương sở quan, sau khi thỏa hiệp với ông Chương lý sẽ ra định-lệnh cử một vị Thẩm phán khác để thay thế cho ông Chánh-án đó. Hai ông Thẩm-phán phụ thẩm sẽ do ông Chánh-Nhất chọn cử trong số các Thẩm-phán hòa giải ở gần trụ sở Tòa án xử về việc đại hình nhất.

Nếu không có đủ Thẩm phán hòa giải, ông Chánh Nhất, sau khi thỏa hiệp với ông Chương lý có thể cử các vị Thẩm

phán các tòa sơ thẩm hay tòa hòa giải có rộng quyền ở gần trụ sở tòa án xử về việc đại hình nhất.

Tuy nhiên vị Thẩm phán nào đã thẩm cứu một việc đại hình rồi, sẽ không thể dự vào việc xét xử việc đó. (1)

Tạm thời, vì việc giao thông khó-khăn, ông Chương lý Giám đốc Sở Tư-pháp và ông Chánh Nhất, có thể, sau khi thỏa hiệp với ông Thủ-hiến, đề nghị lên ông Tổng Trưởng Tư-pháp cử ra đề nghị ghế phụ thẩm tại tòa án để xử về việc đại hình, các viên chức thuộc ngạch hành chính ở gần trụ sở tòa án nhất và trước hết nên lựa chọn trong số các viên chức có bằng luật khoa cử nhân thì hơn.

Điều thứ 89.— Các vị Thẩm phán tòa án xử về việc đại hình sẽ cương quyết theo lời đa số (hai) về tất cả các khoản liên can tới tội trạng của bị cáo, các trường hợp tăng tội hay giảm tội, về việc áp dụng hình phạt, cùng là về các khoản đòi bồi thường.

Điều thứ 90.— Về việc xét xử các vụ đại hình sự hiện diện của công-tổ-viện sẽ bắt buộc (1)

Tại các tòa sơ thẩm, ông Biện-lý hay một vị thẩm phán do ông Chương lý đặc cử sẽ ngồi ghế công tổ viện trong tất cả các kỳ họp đại hình.

Nếu tòa án xử về việc đại hình là một tòa án hòa giải có rộng quyền, thì ông Chương lý Giám đốc Sở Tư pháp sẽ cử một vị Thẩm phán ở công tổ viện để ngồi ghế công tổ viện.

Điều thứ 91.— Ngoài hai vị Hội thẩm ngồi ghế phụ thẩm ra, ban đại hình Phòng Nhì Tòa Thượng thẩm do ông Chánh án Phòng chủ tọa, còn gồm có cả hai phụ thẩm công dân Việt-nam nữa.

(1) Trích Lục Dự số 1 ngày 4 tháng 1 năm 1951 sửa đổi tạm thời thiên IV.

Điều thứ nhất.— Tạm thời thủ tục xét xử các việc đại hình ở cấp sơ-thẩm tại các tòa hòa-giải rộng quyền sẽ được thi-hành theo thiên IV Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949, với sự sửa đổi sau đây :

1a) Sự hiện diện của Công-tổ-viện không bắt buộc.

2a) Vị thẩm-phán nào đã thẩm cứu vụ án rồi cũng vẫn có thể tham dự vào các việc xét xử vụ án ấy.

Điều thứ 92 — Sẽ chọn các vị phụ thẩm nhân dân theo lối rút thăm trong một danh sách 12 vị thân hào do ông Thủ Hiến địa phương lập ra theo lời yêu cầu của ông Chương lý, Giám Đốc Sở Tư-pháp địa phương sở quan.

Danh sách các vị thân hào dùng để chọn các phụ thẩm sẽ có giá trị trong một năm; cứ hạ tuần tháng chạp dương lịch năm trước thì lập danh sách các vị thân hào có thể chọn làm phụ thẩm trong năm sắp tới.

Điều thứ 93.— Một danh sách phụ khuyết gồm có 12 vị thân hào cũng sẽ được lập ra theo những điều kiện như trên.

Khi nào một hay nhiều vị thân hào có tên trong danh sách chính, tạ thế hoặc đi vắng lâu, ông Chương lý, Giám đốc Sở Tư pháp có thể tùy nghi thay thế những vị ấy bằng những vị thân hào có tên trong danh sách phụ, nhưng cần phải theo thứ tự ghi tên trong danh sách này.

Trong trường-hợp này, ông Chương-lý sẽ thông tư ông Thủ-Hiến địa phương sở quan rõ, và sẽ yêu cầu cử thêm những vị thân hào mới để bổ khuyết danh sách phụ cho đủ số.

Điều thứ 94.— Một người công dân Việt-nam chỉ có thể được cử làm phụ thẩm nếu : 30 tuổi chẵn, chưa có tiền-án, có đủ công quyền và dân quyền và không thuộc vào một trong những hạng người này : nhân viên các cơ-quan tư-pháp, mục sư, binh-sĩ tại ngũ.

Điều thứ 95.— Năm ngày trước khi khai mạc kỳ họp của ban Đại hình Tòa thượng-thẩm, ông Chánh án ban Đại hình hay một vị Thẩm phán thuộc ban này do ông Chánh án cử ra sẽ rút thăm trong danh sách 12 vị thân hào nói trên để chọn lấy 2 vị phụ thẩm thực thụ và 2 vị phụ thẩm dự khuyết. Hai vị phụ thẩm dự khuyết sẽ phải có mặt tại phiên tòa dự các cuộc thẩm vấn đề có thể ngồi xữ thay cho các vị thực thụ khi các vị này vì một lẽ gì mắc bận không thể dự vào công việc xét xử vụ án được.

Điều thứ 96.— Theo lời yêu cầu của ông Chương-lý, ông

Chánh-án ban Đại hình sẽ ra định lệnh ấn-định ngày rút thăm các phụ thẩm.

Điều thứ 97.— Sẽ rút thăm tại phòng Hội-đồng trước mặt ông Chưởng-lý hay vị đại diện ông Chưởng-lý, Lục-sự, các bị cáo và các người biện hộ của bị cáo.

Điều thứ 98.— Những duyên cớ cản trở các vị Thẩm-phán không thể ngồi xử được vì lẽ có thân thuộc hay thích thuộc với nhau hoặc với các bị cáo và bên dân sự nguyên cáo, cũng được áp dụng cả đối với các phụ thẩm nhân dân hoặc giữa các vị đó với nhau, hoặc giữa các vị đó với các thẩm-phán hoặc giữa các vị đó với các bị cáo hay với bên dân sự nguyên cáo.

Những duyên cớ đó là : về thân thuộc thì tính đến hàng anh em con chú, con bác, về thích thuộc thì tính đến hàng cậu vợ (bác vợ, chú vợ) và cháu rể.

Ngoài ra, một người nào đã từng làm công việc cảnh sát tư pháp, nhân chứng, thông ngôn, hay giám định thì không được ngồi ghế phụ thẩm nhân dân để xét xử việc đó nữa.

Bất cứ người nào đã liên can trong một vụ án đem ra xử trong kỳ họp đại hình (hoặc là bị cáo, hoặc là dân sự nguyên cáo) thì không được cử làm phụ thẩm nhân dân trong một kỳ họp đại hình.

Điều thứ 99 — Các bị cáo ngay hôm rút thăm, hay chậm nhất là hôm phiên tòa, có thể khai miệng đề xin cáo tị các vị phụ thẩm nhân dân được. Đương đương phải lập ngay biên bản về việc bị cáo xin cáo tị này; trong biên bản phải ghi rõ tên vị phụ thẩm nhân dân bị cáo tị cùng những lý do việc cáo tị. Nếu những lý do việc cáo tị xét ra chính đáng, ông Chánh-án sẽ ra định lệnh riêng quyết định rằng vị phụ thẩm dự khuyết thứ nhất sẽ ngồi thay vị phụ thẩm bị cáo tị này.

Các nhân viên trong Công-tổ-viện cũng có quyền được cáo tị các vị phụ thẩm nhân dân.

Điều thứ 100.— Ngày phiên tòa đầu tiên kỳ họp đại hình, trước khi gọi các việc đề xử, ông Chánh-án ban đại hình tòa Thượng-thẩm sẽ đọc cho các phụ thẩm nhân dân bản tuyên thệ

như sau; những vị này phải đứng dậy và đầu gối trần: « Tôi xin lấy danh dự thề và hứa rằng tôi sẽ xét xử một cách cẩn trọng những vụ án đem ra đăng đường trong kỳ họp đại hình này; tôi sẽ không phản bội quyền lợi của bị cáo cũng như quyền lợi của xã-hội, không vì tư thù, vì ác tâm, vì sợ hãi ai, hay có cảm tình với ai mà bênh vực ai hay hãm hại ai, tôi sẽ xin hoàn toàn căn cứ vào tội trạng của bị cáo và lời bào chữa của chúng, theo đúng lương tâm và tri sáng suốt của tôi mà xét định một cách vô tư cương quyết và tự do; dù sau khi thôi không giữ chức vụ này nữa, tôi cũng xin giữ hoàn toàn bí mật những điều bàn cãi trong lúc nghị án ».

Ông Chánh-án sẽ gọi tên lần lượt từng phụ thẩm một và các vị này sẽ giơ tay phải lên nói « tôi xin thề » rồi vào ngồi hoặc bên phải hoặc bên trái các vị Thẩm-phán theo thứ tự đã rút thăm.

Điều thứ 101. — Vị phụ thẩm nhân dân nào đã nhận được giấy báo rồi mà không đến dự phiên tòa, sẽ bị ban đại hình tòa Thượng-thẩm phạt tiền như sau;

— lần thứ nhất ít nhất là 50\$ và nhiều nhất là 100\$;

— lần thứ nhì ít nhất là 100\$ và nhiều nhất là 200\$;

— lần thứ ba ít nhất là 200\$ và nhiều nhất là 300\$;

Lần thứ ba vị phụ thẩm khiếm diện còn có thể bị tuyên cáo là từ sau trở đi sẽ không bao giờ được cử sung chức phụ thẩm nữa.

Vị nào có thể chứng minh được rằng ngày phiên tòa họp bị cản trở không thể đến được, sẽ được miễn phạt.

Tòa án sẽ xét định xem duyên cớ vắng mặt có chính đáng không.

Những khoản trừng phạt nói trên sẽ áp dụng cả với vị phụ thẩm nào đã đến dự phiên tòa rồi lại tự ý bỏ ra về trước khi hết nhiệm kỳ của mình, mà duyên cớ bỏ việc không được Tòa chấp nhận.

Điều thứ 102 — Các Thẩm-phán ban Đại-hình tòa Thượng-thẩm và các phụ-thẩm nhân dân sẽ cùng nhau quyết định theo

đa số (ba) về tất cả các khoản liên can đến tội trạng, đến các trường hợp tăng tội hay giảm tội cùng là về việc áp dụng hình phạt.

Trước khi mở cuộc thẩm vấn công khai hay trong khi thẩm vấn, nếu xảy ra những điều phụ đới về luật pháp và về thủ tục cần phải giải quyết ngay, thì chỉ riêng các vị Thẩm-phán mới có quyền quyết định thôi; các phụ thẩm nhân dân không được quyền tham dự vào công việc này.

Về các khoản bồi bồi thường cũng sẽ làm như thế.

Điều thứ 103.— Các vị phụ-thẩm nhân dân sẽ được hưởng phụ cấp đi đường và phụ cấp cư trú mà giá ngạch sẽ ấn định sau trong một đạo Nghị định của Tổng Trưởng Bộ Tư-pháp.

Điều thứ 104.— Đối với các tòa án sơ-thẩm cứ hai tháng sẽ có một kỳ họp đại hình. Ban đại hình tòa Thượng-thẩm cứ 3 tháng sẽ họp một lần.

Nếu cần sẽ có thể mở kỳ họp bất thường về đại hình, ông Chủơng-lý Giám-đốc Sở Tư-pháp sẽ ra quyết nghị nói rõ lý do về việc này trong trường hợp đó phải cáo tri ông Tổng Trưởng Bộ Tư-pháp rõ.

Điều thứ 105 — Ông Chánh nhất Tòa Thượng-thẩm sẽ ấn định ngày khai mạc kỳ họp về đại hình của mỗi tòa án cấp sơ thẩm trong quản hạt mình, cùng là kỳ họp về đại hình của Tòa Thượng-thẩm.

Ông Chánh nhất sẽ ra định lệnh cử các vị Thẩm-phán phụ thẩm nói trong điều thứ 88 ở trên.

TỔNG TẮC

Điều thứ 106.— Tạm thời và kỳ cho đến khi nào thống nhất được luật pháp trong toàn cõi Việt-Nam, các Tòa án vẫn phải áp dụng tất cả các bộ luật hiện hành trong mỗi phần, trừ những điều khoản nào trái với cách tổ chức chính trị hành chính và tư pháp hiện thời của Việt-Nam. (1)

(1) Về các bản văn cũ còn được áp dụng, xin coi phần Phụ lục

Điều thứ 107.— Trước các Tòa án Việt-Nam, trong lúc thẩm vấn cũng như trong khi biên hộ đều phải dùng tiếng Việt-Nam cả.

Bản văn và các giấy tờ về thủ tục tố tụng, cũng phải thảo bằng tiếng Việt-Nam.

Điều thứ 108.— Nay bãi bỏ tất các điều khoản nào có từ trước trái với đạo Dụ này.

Điều thứ 109.— Tổng Trưởng Bộ Tư-Pháp chịu ủy nhiệm thi hành đạo Dụ này. Đạo Dụ này sẽ đăng trong Công Báo Việt-Nam.

Dalat, ngày 18 tháng 10 năm 1949

BẢO - ĐẠI

DỰ số 11 ngày mùng 8 tháng chạp năm 1955 sửa đổi vài thủ-tục tố-tụng.

TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Chiếu hiến ước tạm thời số 1 ngày 26-10-55.

Chiếu Dự số 1 ngày mùng 1 tháng 7 năm 1949 tổ chức và điều hành các cơ-quan-công-quyền,

Chiếu Dự số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949, tổ chức qui-chế các công-sở, sửa đổi bởi Dự số 21 ngày mùng 4 tháng 8 năm 1954,

Chiếu Sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng 10 năm 1955 ấn-định thành phần chính-phủ,

*Theo đề nghị của Bộ-Trưởng Tư-Pháp,
Sau khi hội-đồng nội các đã thảo luận,*

DỰ

Điều thứ nhất.— Cho tới ngày ban-hành các bộ luật dân-sự, thương-sự tố-tụng và hình-sự tố-tụng, những điều-khoản sau đây được áp-dụng.

Điều thứ 2.— Trong các vụ cấp-thẩm, thời-hạn kháng-cáo định là 10 ngày kể từ ngày tổng-đạt án-lệnh. Viên Luc-sự phải tổng-đạt án-lệnh trong hạn 48 giờ sau khi tuyên án-lệnh, mặc dầu khi tuyên-án các đương-sự hay các luật-sư của họ có mặt hay không.

Điều thứ 3.— Trong việc tổng-đạt án-văn và án-lệnh cùng là các báo-thị và tất cả các văn-thư, các viên thừa-phát-lại hoặc nhân-viên thay quyền thừa-phát-lại phải chép y nguyên vào giấy tổng-đạt phần chủ-văn của án-văn hay án-lệnh.

Điều thứ 4.— Những thừa-phát-lại và nhân-viên phụ-trách việc tổng-đạt phải tổng-đạt hoặc cho đích-thân đương-sự, hoặc tại cư-sở của đương-sự. Nếu vì trường-hợp đặc-biệt nào mà không tổng-đạt được như vậy, thì thừa-phát-lại phải ghi rõ trường-hợp ấy vào giấy tổng-đạt.

Mọi sự lạm-dụng tổng-đạt tại trụ-sở hành-chính sẽ bị phạt bạc từ 200\$00 đến 1.000\$00 do Ô. Chánh-án sở-quan, chiếu

thăm-quyền, tuyên phạt người phạm lỗi. Đó là chưa kể sự trừng-phạt theo kỷ-luật, nếu cần.

Điều thứ 5.— Những hồ-sơ kháng-cáo phải gửi tới tòa xử kháng-cáo trong những thời-hạn tối-đa sau đây kể từ ngày kháng-cáo :

- Hai tháng đối với những việc hộ và thương-mại hay việc đại-hình ;
- Một tháng đối với những việc tiểu-hình và vi-cảnh ;
- Nửa tháng đối với các vụ cấp-thăm ;
- Năm ngày đối với việc bác đơn xin tạm tha.

Nếu chuyển-giao hồ-sơ quá hạn mà không có lý-do chính đáng, lục-sự-trưởng có thể bị-phạt vạ 50\$ do án-lệnh Ô. Chánh-án tòa nào đã xử vụ đó và bị trừng-phạt về hành-chính.

Điều thứ 6.— Những điều-khoản trước trái với Dự này đều bãi bỏ.

Điều thứ 7.— Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp, chiếu nhiệm-vụ thi hành Dự này. Dự này sẽ đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

Làm tại Saigon ngày 8 tháng 12 năm 1155

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Thông-lưu số 779-BTP/VP/TT ngày 24 tháng chạp năm 1949 của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp về việc thi-hành dụ số 4 ngày 18 tháng mười năm 1949.

Đề tiện việc thi-hành dụ số 4 ngày 18 tháng mười năm 1949 tổ-chức tư-pháp quốc-gia, bản-bộ tướng cần vạch rõ mấy điểm sau :

- 1) Mấy điều cải-cách trong thủ-tục tố-tụng về hình-sự.
- 2) Cách tổ-chức nội-bộ của tòa hòa-giải rộng-quyền.
- 3) Quyền-hạn của Ông Chủ-ông-lý, Giám-Đốc Sở Tư-pháp đối với các ông thẩm-phán bên xử án.

A — Mấy điều cải cách trong thủ-tục tố-tụng về hình-sự.

a) Về thủ-tục thẩm-cứu các việc đại-hình.

Điều 80 Dụ nói rằng : «Nếu ông dự-thẩm xét có đủ bằng-chứng phỏng-đoán là kẻ can-cứu đã phạm-pháp thực, ông dự-thẩm sẽ giải bị-can sang tòa-án có thẩm-quyền xét-xử.

Đối với việc tiêu-hình thủ-tục nói trong điều 80 này lẽ dĩ-nhiên phải được áp-dụng. Nhưng đối với việc đại-hình điều thứ 4 khoản 1 đạo Dụ ấn-định rõ ràng rằng : «Phòng luận-tội thẩm-vấn các vụ đại-hình...». Như vậy, ông dự-thẩm không thể đưa thẳng bị-can ra tòa được. Một khi đã kết thúc công việc thẩm-cứu về một vụ đại-hình rồi, ông dự-thẩm sẽ phải làm án-lệnh chuyển-giao tất cả hồ-sơ vụ án lên viện chủ-ông-lý đưa ra phòng luận-tội. Phòng luận-tội sẽ thẩm-cứu vụ-án. Nếu xét là một vụ đại-hình, phòng luận-tội sẽ đưa bị-can ra tòa-án xử về đại-hình nếu xét chỉ là một tội tiêu-hình phòng luận-tội sẽ đưa bị-can ra tòa sơ-thẩm xử về việc tiêu-hình.

Trong trường-hợp phòng luận-tội ra án-lệnh giao vụ án sang tòa đại-hình, lục sự phải sao án lệnh đó ra nhiều bản, có bao nhiêu bị-can thì phải có từng ấy bản sao và thêm một bản nữa đính vào hồ-sơ.

Tất cả hồ-sơ vụ án sẽ hoàn lại cho viện chủ-ông-lý để viện chủ-ông-lý thi-hành các thủ-tục tổng-đặt bản sao án-lệnh đó cho bị-can và làm công việc sau, như là :

— lập danh sách các nhân-chứng.

— ấn-định ngày mà ban đại-hình sẽ đăng-đường xét xử vụ án đó, đề đòi các bị-can và nhân-chứng đến khai cho kịp thời-hạn.

— thảo tờ cáo-trạng.

Xong rồi hồ-sơ tất cả vụ án sẽ chuyển-giao cho phòng lục-sự tòa-án có thẩm-quyền giữ, đợi ngày phiên-tòa.—

b) Thủ-lục xét-xử các việc đại-hình tại phiên-tòa.—

I. — Việc đại-hình được xét xử tại hai thẩm cấp không kể trường-hợp vì có việc xin phá án mà phải đưa lên tối-cao pháp-viện do các ban đại hình gồm có ít nhất ba nhân-viên ngồi xử.

Bản bộ yêu cầu các ông đặc-biệt lưu-ý về hai điểm sau :

1) Các vị thẩm-phán hoặc các vị phụ-thẩm trong trường-hợp không đủ thẩm-phán (trường-hợp nói ở đoạn cuối điều thứ 80 đạo Dự ngời xử tại ban đại hình các tòa cấp tỉnh) rất có thể bị dư-luận của quần-chúng lời cuốn mà không thể bình-lĩnh tự-chủ được mình đề xét xử một cách hoàn-toàn vô-tư theo đúng luật pháp. Cũng vì thế, nên trong việc lựa chọn các vị thân-hào ngồi ghế phụ-thẩm, các ông cần phải hết sức thận trọng, vì các vị phụ-thẩm đều có quyền quyết nghị như ông Chánh-án cả. Các vị thân-hào này không những phải có khả-năng về công-việc tư-pháp mà lại cần phải có tin-nhiệm đối với dân-chúng nơi lập trụ-sở tòa-án.

2) Không những thế, các ông Chánh-Nhất nên gửi các huấn-thị cho các vị thẩm-phán và phụ-thẩm nhân-dân ngồi xử tại các ban đại-hình cấp sơ-thẩm cũng như cấp thượng-thẩm giải-thích rõ sự quan-trọng đặc-biệt của ban đại-hình cũng là thái-độ hoàn-toàn vô-tư cần phải có của nhân-viên các ban này, khi xử án.

II. — Công-tố-viện bắt buộc phải có mặt tại các phiên

xử về việc đại-hình — Điều thứ 90 đạo dụ ấn-định rằng : « Về việc xét xử các vụ đại-hình, sự hiện-diện của công-tổ-viện sẽ bắt buộc.

« Nếu tòa-án xử về việc đại-hình là một tòa-án hòa-giải có rộng-quyền, thời ông chủ-ông-lý giám-đốc sở tư-pháp sẽ cử một vị thẩm-phán ở công-tổ-viện để ngồi ghế công-tổ-viện ». Như vậy tại các phiên tòa xử việc đại-hình của các tòa-án sơ-thẩm, công-tổ-viện phải có người đại-diện để đứng buộc tội.

Hiện nay, tại Bắc và Trung-Việt, phần nhiều các tòa-án đều là những tòa hòa-giải có rộng quyền cả nghĩa là không có một vị thẩm-phán phụ-trách riêng về công việc của công-tổ-viện như biện-lý hay phó biện-lý.

Ông chủ-ông-lý, ngoài các vị biện-lý hoặc phó biện-lý ở các tòa sơ-thẩm, có thể cử một vị thẩm-phán xử án làm việc tại các tòa cấp sơ-thẩm để ngồi ghế công-tổ-viện tại ban đại-hình các tòa hòa-giải có rộng quyền. Trong trường-hợp này, thủ-tục nói ở điều thứ 10 đạo dụ phải được triệt-đề áp-dụng, nghĩa là ông chủ-ông-lý chỉ có thể ra quyết-nghị cử vị thẩm-phán xử án khi nào đã có lời yêu-cầu trước với ông chánh-nhất, và vị này đã ra lệnh đề cử một vị thẩm-phán xử án để làm công việc nói trên.

Gặp trường-hợp này các ông chánh-nhất nên đề ý về điều sau đây là chỉ nên đề-cử những vị thẩm-phán xử án làm việc tại các tòa cấp sơ-thẩm để ngồi ghế công-tổ-viện tại ban đại-hình các tòa-án hòa-giải rộng-quyền lân cận nơi làm việc của các vị đó.

III. — Các án-lệnh của ông dự-thẩm và quyền kháng-cáo của đương-sự.

Khác với luật hình-sự tổ-tụng Pháp-quốc mà quyền kháng-cáo của người can cứ đối với các án-lệnh của ông dự-thẩm bị thu hẹp vào trong những trường-hợp nhất-định, đạo dụ số 4 ngày 18 tháng mười năm 1949 tổ-chức tư-pháp quốc-gia, đã quy-định một cách rộng-rãi quyền kháng-cáo của kẻ can cứ đối với những án-lệnh nói trên,

Điều thứ 81 Dự nói rõ-ràng : « Cũng như ông biện-lý, kẻ can-cứu có thể kháng-cáo tất cả các án-lệnh của ông dự-thẩm ».

Phòng luận-tội của mỗi tòa Thượng-thẩm trong khi xét xử các việc kháng-cáo các án-lệnh của ông dự-thẩm lẽ tất nhiên sẽ được toàn-quyền định-đoạt về các việc kháng-cáo này. Nhưng muốn cho công việc xét định của phòng luận-tội có thể tiến hành một cách dễ-dàng được, án-lệnh của các ông dự-thẩm bất cứ về loại gì đều phải viện dẫn lý do một cách đầy đủ và minh-bạch.

B. — Về các tổ-chức nội-bộ tòa hòa-giải rộng-quyền.

a) Trường-hợp mà tòa hòa-giải rộng quyền chỉ có một vị thẩm-phán sung chức chánh tòa-án hòa-giải rộng quyền.

Ở các tòa hòa-giải rộng quyền chỉ có một vị thẩm-phán ; công việc truy-tố, thẩm-cứu và xử án đều giao cả cho một vị thẩm-phán ; vị này một mình kiêm-quản cả ba chức vụ : công tố, thẩm-cứu và xử án là ba việc đáng lẽ phải được giao riêng cho ba ông thẩm-phán phụ-trách.

Cũng vì trong trường-hợp này, nguyên-tắc biệt-lập giữa ba chức-vụ nói trên không thể áp-dụng được, nên một đôi khi nếu cách tổ-chức nội bộ của tòa-án không được chu đáo công việc có thể bị đình trệ và không những thế, những điều nhằm lẫn đáng tiếc khó lòng tránh được. Một thí dụ rất thông thường là việc giữ quyền sở phát công văn đi. Nếu viện lẽ rằng tại tòa hòa-giải rộng quyền không có phòng dự-thẩm riêng biệt như tại tòa sơ-thẩm mà chỉ giữ một quyền sở phát công-văn chung cho cả tòa thôi, thời lẽ dĩ nhiên, khi cần tìm đến một giấy tờ gì đã gửi đi rồi và thuộc riêng về thủ tục thẩm-cứu, công việc tra-cứu sẽ rất là phiền-phức và tốn thời-giờ. Ông chánh-án tòa hòa-giải, vì thế, sẽ không thể kiểm-soát được một cách tường-tận công việc làm của nhân-viên dưới quyền mình. Sự hoạt-động của tòa-án gián-tiếp cũng bị đình trệ lấy. Cố nhiên, ta không thể nào để tồn-tại tình-trạng hỗn-độn đó. Vì vậy, bản-bộ muốn rằng các ông sẽ ra chỉ-thị cho các vị chánh-án tòa hòa-giải rộng quyền đề tổ chức trong mỗi tòa-án

ít nhất ba phòng giấy, mỗi phòng phụ trách riêng một phần công việc của ông chánh tòa-án. Sẽ bắt buộc tổ-chức:

1) Một phòng công-tổ có nhân-viên và sổ sách riêng. Nhân-viên này sẽ chuyên thảo các bản-văn thuộc riêng về công tổ-viện tỷ như lập biên bản hỏi cung các phạm-nhân liên-can vào các vụ phạm-pháp quả-tang, vào sổ thụ-lý các đơn kháng v.v... Phải giữ ít nhất các cuốn sổ kê sau:

— Các sổ tiếp và phát công-văn thuộc về ông chánh-án tòa hòa-giải rộng quyền khi lấy tư-cách là đại-diện công-tổ-viện mà nhận, hoặc gửi các công-văn này;

— Sổ thụ-lý các đơn khiếu-nại (sổ thứ-tự ghi trong sổ này sẽ coi như là sổ thứ-tự tiếp-nhận công-văn thuộc bên công-tổ-viện);

— Sổ đăng-đường các việc tiểu-hình;

— Sổ đăng-đường các việc đại-hình,

— Sổ ghi các án xử phạt giam hay mỗi việc truy-tố thuộc về cấu-thức thân-thể v.v...

2) Một phòng dự-thẩm có nhân-viên và sổ sách riêng. Nhân-viên phòng dự-thẩm sẽ chuyên thảo các bản-văn thuộc về công việc thẩm-cứu tỷ như làm trát đòi các bị-can, trát nã, trát tống-giam, lập biên-bản hỏi cung các can-phạm. Sổ sách gồm có hai loại:

— các sổ tiếp và phát công-văn thuộc về phòng dự-thẩm;

— sổ ghi các thủ-tục thẩm-cứu (sổ thứ-tự ghi trong sổ này sẽ coi như là sổ thứ-tự các việc thụ-lý của phòng dự-thẩm.)

Trong loại sổ ghi các thủ-tục thẩm-cứu, bắt buộc phải giữ những sổ này: một cuốn sổ có cuống dùng để dán những bản sao án-lệnh của ông dự-thẩm, một cuốn sổ ghi tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp, địa-chỉ v.v... các phạm-nhân bị giam-cứu, (trong cuốn sổ này cần ghi rõ cả ngày tháng bị-can bị tạm giữ, ngày tháng được tạm tha, tội-phạm mà y bị truy-tố.)

3) Phòng lục-sự có nhân-viên riêng phụ-trách các công việc về phòng lục-sự do pháp-luật hiện-hành ấn-định. Phòng này cũng cần giữ cả: một cuốn sổ có cuống trong có gián thứ tự

ngày, tháng bản sao các mệnh-lệnh do ông chánh-tòa hòa-giải rộng quyền lấy tư-cách là chánh-án mà lập ra (đại-khai như mệnh-mệnh khẩn-cấp thẩm-sát) các sổ tiếp và phát công-văn do ông chánh-án tòa hòa-giải lấy tư-cách là chánh-án mà nhận, hoặc gửi những công-văn này:

Các ông cũng cần nhắc lại để các ông chánh-án tòa hòa-giải rộng quyền lưu-ý đến việc sau này: ông chánh-án tòa hòa-giải rộng quyền lấy tư-cách hoặc dự-thẩm hoặc biện-lý, hoặc chánh-án tòa-án mình mà hành-động tùy từng vụ. Vậy khi ký một bản-văn nào, các ông ấy phải biên rõ như sau :

— Thi-hành chức-vụ dự-thẩm
chánh-án
(ký tên)

— Thi-hành chức-vụ biện-lý
chánh-án
(ký tên)

— Chánh-án tòa hòa-giải rộng quyền
(ký tên)

Nói tóm lại, tuy chỉ có một vị thẩm-phán sung chức chánh-án tòa hòa-giải rộng quyền và kiêm-nhiệm cả ba chức-vụ công-lỗ, thẩm-cứu và xử án, nhưng với cách tổ-chức nội bộ tòa-án như bản-bộ vừa phác họa trên đây, công việc sẽ rành-mạch phân minh. Chính các ông chánh tòa hòa-giải rộng quyền cũng có thể tự mình kiểm-soát được công việc của mình và các thuộc viên làm. Hơn nữa, viện chưởng-lý cũng có thể kiểm-soát được dễ dàng như là có ba vị thẩm-phán riêng-biệt đảm-nhiệm ba chức-vụ đó vậy. Tuy nhiên muốn cho sự hoạt-động của tòa hòa-giải rộng quyền có kết-quả mỹ-mẫu, bản-bộ muốn rằng các ông chưởng-lý, vì là đại-diện công-lỗ-viện trong toàn phần, sẽ luôn luôn đề ý đến công việc của các ông chánh tòa hòa-giải và ra chỉ-thị cho các vị thẩm-phán này mỗi khi thi-hành những công việc quan-trọng như cho khai-quật các tử-thi, hoặc tạm tha những yếu-phạm trong những vụ án quan-trọng; phải hỏi ý - kiến trước của vị chưởng - lý và phải được sự thỏa-hiệp của vị này đã.

b) Trường - hợp mà tòa hòa - giải rộng quyền có hai

thẩm - phán : một ông chánh tòa và một ông thẩm - phán phụ-lực ông chánh tòa.

Tại các tòa án này, ông Chánh-án tòa hòa-giải rộng quyền nên ủy ông Thẩm-phán cộng-sự với mình chủ-toa các phiên tòa tiểu hình hoặc giữ các công việc thẩm cứu. Khi chủ tọa phiên tòa tiểu-hình, ông thẩm-phán được ủy-nhiệm này có toàn quyền xử đoán theo đúng luật pháp và lương-trí của mình.

Về việc thủ-tục thẩm-cứu các việc hình, ta cũng cần chú trọng vào mấy điểm sau :

Một khi ông chánh tòa hòa-giải rộng quyền đã nhân danh biện-lý mà phát-động quyền công-tố về một vụ phạm pháp nào rồi, nếu xét cần phải thẩm-cứu vụ này trước khi đem ra đấng-đường chứ không thể đưa thẳng ra tòa-án theo thủ-tục phạm-pháp quĩ-tang hoặc truy-tố trực tiếp được, thời công việc thẩm-cứu nơi đây có thể ủy cho vị thẩm-phán cộng-sự với mình đảm nhiệm. Trừ những vụ quan-trọng đặc-biệt mà ông chánh tòa hòa-giải xét cần phải chính mình thẩm-cứu thời không kể, đối với các việc khác ông ấy sẽ chuyển-giao hồ-sơ vụ án sang phòng ông thẩm-phán kèm với tờ lệnh-trạng của mình đề yêu-cầu vị này mở cuộc thẩm-cứu hợp lệ. Vị thẩm-phán giữ việc thẩm cứu khi đó sẽ có đủ quyền hành như một vị Dự - thẩm thực thụ tại tòa Sơ-thẩm. Vị ấy có thể làm tất cả các hành-vi cần thiết cho công việc thẩm cứu tỷ như hạ trát dẫn giải, hạ trát tổng-giam, tạm tha, miễn-tố đưa ra tòa v...v... một khi đã chuyển giao hồ sơ vụ án sang phòng ông thẩm-phán cộng sự với mình đề yêu-cầu vị này mở một cuộc thẩm cứu rồi, thời ông chánh tòa hòa-giải nên đề quyền đốc-biên việc thẩm cứu vụ án cho vị thẩm-phán đó đảm-nhiệm.

Tuy nhiên, ta cần nhớ điều này là trong một tòa-án hòa giải rộng quyền vị chánh tòa được trọn quyền kiêm nhiệm tất cả ba chức-vụ chánh-án biện-lý và dự-thẩm. Vị thẩm-phán phụ-lực ông chánh tòa chỉ hoạt-động với sự ủy-nhiệm của ông chánh tòa hòa-giải mà thôi. Vì phải chịu tất cả trách nhiệm về sự tiến-hành của tòa-án mình nên đối với những

vụ án đã chuyển-giao cho vị thẩm phán cộng lực với mình thẩm cứu rồi ông chánh tòa hòa-giải, còn quyền bất cứ lúc nào, giữa cuộc thẩm-cứu cũng có thể lấy lại hồ sơ để tự mình tiếp tục công việc thẩm vấn và làm tất cả các thủ-tục tố tụng nếu xét thực là cần thiết. Cũng vì lẽ đó, mà vị thẩm phán được ông chánh tòa ủy nhiệm thẩm cứu một vụ án nào bao giờ cũng nên thỏa-hiệp trước với ông chánh-án về tất cả các hành-vi quan-trọng trong thủ-tục tỷ như tổng giam, tạm tha phạm nhân v.v...

Để tránh tất cả những chuyện xích mích có thể xảy ra được và để củng cố tinh thần hữu giữa các nhân viên chỉ huy trong tòa-án, các vị chánh tòa hòa-giải rất nên thận trọng trong sự giao thiệp hàng ngày với các ông thẩm-phán phụ lực với mình. Các ông chánh tòa-án chỉ nên can-thiệp trực tiếp vào những việc mà mình đã ủy-nhiệm cho vị thẩm phán đó thẩm-cứu khi nào xét ra có lý-do xác-đáng.

Cách tổ-chức nội-bộ của tòa-án trong trường hợp có hai vị thẩm-phán cũng phải theo đúng như đã nói ở đoạn trên khi tòa-án chỉ có một vị thẩm-phán độc nhất.



C.— Về quyền-hạn của ông Chương-lý Giám-Đốc Sở Tư-Pháp đối với các ông Thẩm-phán bên xử án.

Theo văn thư số 88-SG ngày 18 tháng 5 năm 1949 của Chính-phủ trung ương lâm-thời thì ông chương-lý, giám-đốc sở tư-pháp có quyền phát-biểu ý-kiến, về tất cả các việc bổ-nhiệm, chuyển-chuyển các vị thẩm-phán bất luận về bên xử án hay về bên công-tố-viện ở trong quân-hạt mình. Theo đạo dụ số 4 ngày 18 tháng mười năm 1949, điều thứ 35 thì ông chương lý, giám-đốc sở tư-pháp từ nay chỉ có quyền phát-biểu ý-kiến về các việc bổ-nhiệm, chuyển - chuyển, thăng - thưởng các vị thẩm-phán bên công-tố-viện mà thôi.

Sở dĩ sửa đổi như vậy là cốt để tôn - trọng nguyên-tắc biệt-lập giữa hai cơ-quan xử-án và buộc tội, nhiên hậu giúp

cho các vị thẩm-phán bên xử-án khỏi phải lệ thuộc vào công-tổ-viện là một cơ-quan có liên-lạc mật-thiết với quyền chấp-pháp, để các vị đó có thể tự-do xử đoán theo đúng với luật-pháp và lương-trí của mình.



Trên đây, là những chỉ thị cần-thiết về việc áp-dụng đạo dụ số 4 ngày 18 tháng mười năm 1949 tổ-chức tư-pháp quốc-gia. Bản bộ muốn rằng các ông sẽ lưu-ý đặc-biệt về các điểm mà bản bộ đã nêu ra, và sẽ ra huấn-lệnh cho các tòa-án trong quân-hạt thi-hành triệt để những chỉ thị đó. Các ông sẽ phúc-trình bản bộ biết ngay sau khi tiếp-nhận được tờ thông tư này.

NGUYỄN-KHẮC-VỆ

2.— TÒA PHÁ-ÁN

DỰ số 27 ngày 2 tháng 9 năm 1954 tổ chức Tòa Phá-ÁN.

ĐỨC BẢO ĐẠI, QUỐC TRƯỞNG

*Chiếu Dự số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ chức và điều hành cơ-
quan công-quyền;*

Chiếu Dự số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ chức qui-chế các công-sở;

Chiếu Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ chức tư pháp quốc-gia;

*Chiếu Dự số 5 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ-chức Tối-cao Pháp
viện;*

Chiếu Dự số 5 ngày 29 tháng 3 năm 1954 sửa đổi Dự nói trên;

*Chiếu Dự số 15 ngày 19 tháng 6 năm 1954 bổ nhiệm Thủ-tướng
Chánh-phủ;*

*Chiếu sắc lệnh số 43/CP ngày 6 tháng 7 năm 1954 ấn-định thành
phần Chánh-phủ;*

*Chiếu Sắc-lệnh số 26/TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định
chức chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp;*

Sau khi Hội-đồng Tổng-Trưởng đã thảo luận;

DỰ :

Điều thứ nhất.— Nay thiết-lập một Tòa Phá-án để thay
thế vào Ban Tư-pháp Tối-cao Pháp-viện tổ chức do Dự số 5
ngày 18 tháng 10 năm 1949 sửa đổi bởi Dự số 5 ngày 29 tháng
3 năm 1954.

Quản-hạt của Tòa Phá-án gồm toàn cõi Việt-Nam và trụ
sở đặt tại Thủ-đô nước Việt-Nam.

CHƯƠNG NHẤT

Thành phần Tòa Phá Án

Điều thứ 2.— Tòa Phá-ÁN gồm có :

— một Chánh-nhất,

- một Chánh-án Phòng,
- sáu Hội-thẩm.

Điều thứ 3.— Chức-vụ Công-tổ-viện giao cho một Chủ-ông lý đảm-nhiệm, có một Phó Chủ-ông lý phụ-lực.

Điều thứ 4.— Phòng lục-sự do một lục-sự-trưởng điều-khiển, có một hay nhiều lục-sự và thư-ký giúp việc.

Điều thứ 5.— Tòa Phá-án chia làm hai Phòng .

- Phòng dân-sự,
- Phòng hình-sự.

Phòng dân-sự, theo thường lệ, do Chánh-nhất chủ-tọa, có hai Hội-thẩm phụ lực, xét xử các việc thượng-tố về dân-sự và thương-sự.

Phòng hình-sự, do Chánh-án Phòng chủ-tọa có hai Hội-thẩm phụ-lực, xét xử các việc thượng-tố về hình-sự. Tuy nhiên, nếu xét là cần, Chánh-nhất có thể chủ-tọa Phòng dân sự hay Phòng hình-sự.

Khi có sự ngăn trở, Chánh-nhất sẽ thay thế bởi vị Chánh-án Phòng, và vị này bởi vị Hội-thẩm thẩm-niên nhất.

Điều thứ 6.— Bắt đầu mỗi lục-cá-nguyệt, sau khi hỏi ý kiến Chủ-ông lý và Chánh-án Phòng, Chánh-nhất lập bản luân chuyển các vị Hội-thẩm trong các Phòng. Đồng thời, Chánh-nhất phân chia các phòng giữa ông và Chánh-án Phòng.

Trong kỳ lục-cá-nguyệt, nếu phòng nào khuyết một nhân-viên nào vì cơ mệnh-một, đau bệnh hay nghỉ phép thì Chánh-nhất, sau khi hỏi ý kiến Chánh-án Phòng và Chủ-ông lý, sẽ quyết-dịnh để điền vào chỗ khuyết ấy.

Nếu có một hay nhiều nhân-viên vắng mặt hay mắc bệnh trong một thời gian hay vì một cơ nào khác, mà một phòng ở Tòa Phá-án không thể hợp để xử các vụ đã ghi trong bản kê các việc đang đương thì Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, theo đề-nghị của Chánh-nhất tòa Phá-án, sẽ cử một Chánh-nhất hay một Chánh-án Phòng Tòa Thượng-thẩm để thay vị Thẩm-phán Tòa Phá-án vắng mặt hay bị cản trở.

Điều thứ 7.— Khi Phó Chủ-định-lý Tòa Phá-án bị cản trở hay vắng mặt lâu ngày hay chưa bổ-nhiệm, thì Chánh-nhất và Chủ-định lý có thể, do một quyết-nghị chung, ủy cho một Hội-thẩm đảm-nhiệm tạm thời chức vụ Phó Chủ-định-lý.

Điều thứ 8.— Lục-sự-trưởng, lục-sự và thư-ký Tòa-Phá-án đều do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp bổ-nhiệm.

Điều thứ 9.— Mỗi Phòng sẽ họp ít nhất mỗi tháng một kỳ.

Các phiên-xử án đều công khai, và trong lúc chờ đợi thống-nhất pháp-luật trong các phiên xử ấy sẽ áp dụng các điều khoản thi hành tại Nam-Việt về việc giữ trật-tự trong phiên tòa.

Điều thứ 10.— Các Phòng hoặc họp riêng, hoặc họp thành phiên tòa long-trọng, hay phiên tòa tất cả các phòng nhóm lại hay phiên đại-hội-đồng, tùy theo trường-hợp do pháp luật ấn-định.

Phiên tòa long-trọng, phiên họp các phòng nhóm lại, hay phiên đại-hội-đồng, đều do Chánh-nhất chủ-tọa; chỉ khi nào Chánh-nhất vắng mặt hay bị cản trở thì Chánh-án Phòng mới thay thế. Chủ-định-lý ngồi ghế Công-tố-viện, trừ khi nào bị cản trở thì Phó Chủ-định-lý thay thế.

CHƯƠNG HAI

Thẩm-quyền và thủ-tục tố-tụng

Điều thứ 11.— Thẩm-quyền Tòa Phá-án và thủ-tục tố-tụng về dân-sự và thương-sự và về hình-sự vẫn là thẩm quyền thủ-tục ấn-định trong Tiết II, Tiết III và Tiết IV của Chương I Dự số 5 ngày 18-10-1949, với sự thay đổi là các danh từ «Tối-cao pháp-viện» hay «Ban Tư-pháp Tối-cao pháp viện» dùng trong 3 Tiết ấy đều được thay thế bằng «Tòa Phá Á». Chữ «Viện trưởng» cũng được thay thế bằng «Chánh-Nhất».

Điều thứ 12.— Chỉ các luật-su thực-thụ các Tòa Thượng-thẩm ở Việt-nam mới được phép biện hộ cho các đương-sự trước Tòa Phá-Án.

CHƯƠNG BA

Tổng-tác

Điều thứ 13. — Nếu cần, Thủ-tướng Chánh-phủ do đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ ra nghị-định đề án-định rõ những phương-pháp cần-thiết cho việc thi hành Dự này.

Điều thứ 14. — Các luật-lệ trước trái với Dự này đều bãi bỏ nhất là các điều 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Dự số 5 ngày 18-10-1949 và các điều-khoản của Dự số 5 ngày 29-3-54 liên-quan đến Ban Tư-pháp Tối-cao Pháp-Viện.

Điều 15. — Thủ-Tướng Chánh - phủ, Tổng-Trưởng Bộ Nội-vụ, Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh và Bộ-Trưởng Bộ Tư-pháp lãnh trách-nhiệm thi-hành Dự này sẽ đăng vào Công-báo Việt-Nam.

Làm tại Saigon, ngày 2 tháng 9 năm 1954

Thừa ủy-nhiệm Đức Quốc-Trưởng

Thủ-tướng chánh-phủ

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

DỰ số 5 ngày 18-10-1949 tồ-chức Tối-Cao Pháp-Viện

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG

Chiếu Dự số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tồ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền ;

Chiếu Dự số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tồ-chức quy-chế các công-sở ;

Chiếu Sắc-lệnh số 1/CP tháng 7 năm 1949 tồ-chức Chính-phủ ;

Chiếu Văn-thư số 1/SG ngày 8 tháng 2 năm 1949 và các bản văn tu-chính tiếp sau ấn-định pháp-quy tạm thời của ngạch Quyền Thâm-phán Việt-Nam ;

Chiếu Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 ấn-định cách tồ-chức tư-pháp trong toàn cõi Việt-Nam ;

Theo lời đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Sau khi Hội-đồng Tổng-Trưởng thảo-luận.

DỰ :

(bãi bỏ bởi Dự số 27 ngày 2-9-1954)

CHƯƠNG I

Ban Tư-pháp

TIẾT I

(bãi bỏ bởi Dự số 27 ngày 2-9-1954)

TIẾT II

Thẩm-quyền của Ban Tư-Pháp

Điều thứ 7.— Tối-cao Pháp-viện, họp thành Ban Tư-Pháp xét xử về tất cả các đơn xin phá các bản án tổ-tụng chung-thẩm về dân-sự, thương-sự và hình-sự.

Chỉ có thể xin phá án vì các lý-do sau đây :

1) vô-thẩm-quyền hay lạm-quyền,

2) vi-luật,

3) trong các giấy tờ về thủ tục tổ-tụng, hay trong các án-vấn không tuân theo các thể-thức mà luật-pháp đã đặt ra và đã ấn-định rằng nếu không tuân theo thì sẽ bị vô hiệu,

4) có sự tương-phản giữa hai bản án cùng xử về một việc của hai tòa án khác nhau.

TIẾT III

Thủ-tục tổ-tụng về dân-sự và thương-sự.

Điều thứ 8.— Muốn xin phá một bản án, phải khai-trình tại phòng lục-sự tòa án nguyên-thẩm, trong hạn 15 ngày sau ngày tổng-đạt bản án ấy đến đích thân hay trừ sở người đương sự; có thể khai miệng hay làm đơn để xin phá án. Nếu là một bản án xử khuyết-tịch, thì thời hạn ấy chỉ bắt đầu khi đã hết thời hạn kháng án khuyết-tịch.

Lục-sự phải ghi vào biên bản lời khai của chính thân người đương sự, của luật sư hay của người thụ ủy, các người này phải có giấy ủy quyền riêng. Biên bản này phải đăng ký vào một quyển sổ lưu tại Phòng lục-sự và đóng riêng vào việc này.

Trong hạn một tháng sau khi nhận được lời khai xin phá án, Lục-sự phải báo cho bên bị cáo biết việc xin phá án đó bằng thư đảm bảo có giấy hồi báo khi đã nhận được thư.

Lục-sự có lỗi không báo cho bên bị cáo biết sẽ bị Tối-Cao pháp-viện xử phạt bạc 50\$. Ngày gửi giấy báo phải ghi chú vào bên cạnh tờ biên bản lập ra để chứng nhận việc khai xin phá án.

Điều thứ 9.— Trừ khi có lệ riêng miễn cho thì không kể, người xin phá án phải ký tiền món tiền dự phạt định là 200\$. Biên lai thu tiền sẽ dính vào giấy xin phá án, nếu không, sự xin phá án sẽ không được chuẩn-chấp.

Điều thứ 10.— Chậm nhất là ba tháng sau khi khai xin phá án, lục-sự phải chuyển đệ lên Tối-cao pháp-viện bút lục vụ án này ; trong bút lục phải có đủ các bản án sơ-thẩm, các bản kết luận khi sơ-thẩm và thượng-thẩm nếu có, và bản án bị xin phá ; phải dính cả vào bút lục này các giấy hồi báo, và bản biện minh của nguyên-cáo kể cả bản chính lẫn bản sao và số bản sao phải bằng số người bị cáo có trú sở riêng biệt. Lục sự lại phải chuyển cho Lục-sự Tối-cao Pháp-viện các giấy tờ hay biện minh nhận được sau. Phải trình sơ lược lý do xin phá án trong tờ khai xin phá án, hay trong bản biện minh ; nếu không thì việc xin phá án sẽ không được chuẩn-chấp.

Điều thứ 11.— Lục-sự ban Tư-pháp Tối-cao Pháp-viện phải ghi vào sổ ngày tiếp nhận được các hồ-sơ do các Tòa-án dưới chiếu luật lập ra và đã gửi đến.

Nếu nguyên cáo xuất trình bản biện minh trong hạn 15 ngày thời lục-sự phải thông báo bằng thư đảm bảo có giấy hồi báo khi đã nhận được, cho bên bị cáo hay cho luật-sư của bị cáo biết bản biện minh ấy, và phải báo trước rằng trong hạn hai tháng bên bị có thể xuất trình bản kháng biện luận ; có bao nhiêu người đứng nguyên-cáo và có trú sở riêng biệt thời phải có bằng ấy bản sao và bản sao phải đem nộp tại phòng lục-sự ban Tư-pháp Tối-cao Pháp-viện hay tại Phòng lục-sự tòa án đã xử bản án bị thượng-cáo.

Bản kháng biện-luận của bên bị cáo sẽ do lục-sự thông

báo cho bên nguyên cáo theo cách thức thông báo bản biện minh của nguyên cáo.

Nếu nguyên-cáo không có bản biện minh, thời ba tháng sau khi hồ sơ lên đến phòng lục-sự của mình, ban Tư-pháp Tối-Cao Pháp-viện có thể đem việc ra xét xử được.

Điều thứ 12 — Ông Viện-trưởng cử một trong hai vị Hội-thẩm làm thuyết-trình-viên. Vị này phải đệ bản thuyết-trình trong hạn hai tháng.

Ông Hội-thẩm thuyết-trình-viên giao bút lục cho phòng lục-sự ngày nào thời ngày hôm ấy, phải đệ bút lục đó lên ông Chương-lý.

Điều thứ 13.— Khi bản thuyết-trình của ông Hội-thẩm đã gửi đến phòng lục-sự rồi, thì không bên đương sự nào được phép xuất trình bản biện minh nào khác nữa.

Điều thứ 14.— Ông Chương-lý hay ông Phó Chương-lý sửa soạn bản kết luận trong một thời gian rất ngắn và đề nghị ghi việc vào sổ đăng đường.

Điều thứ 15.— Sau khi sửa soạn xong bản kết luận ông Chương-lý sẽ hoàn lại bút lục cho phòng Lục-sự.

Ông Chương-lý phải hoàn lại bút lục chậm nhất là ba ngày trước ngày xử việc đó tại phiên tòa. Nếu trong hạn hai tháng mà ông Chương-lý hay ông Phó Chương-lý không hoàn bút lục cho phòng lục-sự, và cũng không đề nghị ghi việc đó vào sổ đăng đường thời ông Viện-trưởng sẽ tự ý ghi việc này vào sổ đăng đường.

Điều thứ 16.— Sổ đăng đường do ông Viện-trưởng lập và ấn định.

Điều thứ 17.— Ban Tư-pháp Tối-cao Pháp-viện căn cứ vào hồ sơ để xét xử, sau khi nghe ông Hội thẩm thuyết trình viên đọc bản thuyết trình, nghe các luật sư biện hộ, và nghe Công tố viên kết luận.

Điều thứ 18 — Bất luận trong trường hợp nào và không vì một cơ gì, ban Tư-pháp lại có thể xét đến tình lý việc kiện,

Sau khi đã báo các thủ tục tố tụng hai bản án, ban Tư-pháp sẽ giao việc kiện ấy cho tòa án có trách nhiệm đề xử về tình lý.

Điều thứ 19.— Nguyên đơn xin phá án nếu thua kiện sẽ phải trả số tiền phạt đã dự ký, trả án phí và bồi thường cho bên bị cáo một số tiền bằng một phần ba số tiền phạt.

Điều thứ 20.— Tiền phạt do luật định và tiền bồi thường sẽ do nguyên đơn thua kiện phải trả, bất luận rằng bản án đã quên không nói đến, hay bản án xử bác đơn hoặc không chuẩn chấp sự xin phá án đã được thảo như thế nào. Điều khoản nào của bản án xử về việc trả tiền bồi thường và án phí, có thể cưỡng bách thi hành được.

Điều thứ 21.— Nếu theo lời thỉnh cầu của nguyên đơn, tòa xử bác bản án của Tòa án nguyên thẩm thời, sẽ phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền dự ký phạt bất luận lời lẽ án văn thế nào và dù rằng án văn bỏ quên không nói đến.

Điều thứ 22.— Người đương sự khuyết tịch không thể kháng lại các bản án khuyết tịch do Ban Tư-pháp Tối-cao Pháp-viện đã tuyên xử.

Điều thứ 23.— Về dân sự và thương sự, khi nào chỉ riêng thủ tục tố tụng bị bác mà thôi thì phải bắt đầu làm lại các thủ tục đã có từ trước kể từ bản văn bất hợp thức.

Nếu chỉ riêng bản án bị bác thôi thời vụ kiện ấy sẽ phải giao cho một tòa án cùng loại, cùng đẳng cấp, cùng tính cách với tòa án nguyên thẩm mà bản án đã bị xử bác.

Điều thứ 24.-- Tòa án nào được Tối-cao Pháp-viện giao cho xét xử lại vụ kiện có thể tuân theo quan điểm pháp lý mà Tối Cao Pháp-viện đã thừa nhận về vụ này. Nếu tòa án này cũng xử theo quan điểm của tòa án thụ lý đầu tiên, thời việc sẽ phải đưa ra xử lại trước Tối-cao Pháp-viện và lần này Tối-cao Pháp-viện sẽ chung thẩm.

Điều thứ 25.— Nếu ông Chủơng lý Ban Tư-pháp Tối-cao Pháp-viện được biết rằng có một tòa án đã tuyên xử một bản án chung thẩm trái với luật pháp, trái với thể thức tố tụng mà các người đương sự trong vụ kiện ấy cũng không kêu nại gì

trong thời hạn đã định, thì sau khi đã hết hạn ấy, ông Chương lý có thể yêu cầu Tối-cao Pháp-viện thụ lý việc này.

Điều thứ 26.— Nếu án đó bị bác, thời các người đương sự không thể vịn vào đấy mà từ chối không tuân các điều đã xử. Bản án ấy có hiệu lực như một sự điều đình giữa các người đương sự.

Điều thứ 27.— Tổng Trưởng Bộ Tư-pháp có thể ra lệnh cho ông Chương lý đưa ra đề ban Tư-pháp Tối-cao Pháp-Viện xét xử những bản án do các vị thẩm phán vi phạm quyền mà đã lập ra.

Ông Chương lý phải đòi ra dự sự các người đương sự và ấn định thời hạn để họ xuất trình các bản biện minh hay kháng biện luận.

Ban Tư-pháp có thể thủ tiêu các bản ấy, và sự thủ tiêu có hiệu lực đối với tất cả mọi người.

Điều thứ 28.— Thẻ thức tố tụng trước Tối-cao Pháp-viện bao giờ cũng như nhau, dù là xin phá án vì lợi ích của pháp luật vì lạm quyền hay xin phá án vì lợi ích của các người đương sự.

TIẾT IV

Phương pháp tố tụng về hình sự

Điều thứ 29.— Người bị tòa Thượng thẩm kết án sẽ được một hạn là ba ngày tròn kể từ ngày tuyên bản án chung thẩm để khai với phòng lục sự phá án.

Ông Chương lý trong thời gian ấy cũng có thể báo cho phòng lục sự biết là Công-tố viện xin phá bản án của tòa Thượng thẩm.

Người đứng dân sự nguyên cáo cũng có quyền ấy và cũng phải xin phá án trong hạn nói trên, song chỉ được xin phá án về những điều quan hệ đến quyền lợi dân sự của mình thôi.

Trong ba ngày ấy, và nếu có việc xin phá án thời cho đến khi có bản án của Tối Cao Pháp viện, sẽ hoãn thi hành

bản án của Tòa Thượng-thẩm, trừ những khoản xử phạt về dân sự.

Nếu án xử khuyết-tịch, thời hạn xin phá-án sẽ bắt đầu từ khi hết hạn kháng-án khuyết-tịch.

Điều thứ 30.— Việc xin phá những bản án tiên-thẩm của Tòa sơ-thẩm và Tòa Thượng-thẩm kể cả những bản án phán định về thẩm-quyền chỉ được chấp nhận sau khi đã có bản án nhất định xử về tình lý. Người đương sự không bao giờ vì có đã thi hành các bản án tiên-thẩm mà mất quyền xin phá các bản án ấy về sau này. Tuy nhiên, các bản án của Phòng Luận tội có thể xin phá được theo những thể lệ ấn định sau đây và các điều hạn chế sau đây.

Đối với những bản án của Phòng Luận tội xử giao người bị tố ra trước Tòa Sơ-thẩm xử về việc tiêu hình hay đại hình, chỉ có thể xin phá được trước Tối-cao Pháp-viện khi những bản án ấy phán định về một vấn đề thẩm quyền, hay có những điều khoản nhất định mà tòa án thụ lý vụ đó không sửa đổi được nữa.

Công-tổ-viện được quyền xin phá các bản án miễn tố do phòng ấy đã tuyên.

Trong trường hợp mà Công-tổ-viện không xin phá án, người đứng dân-sự nguyên-cáo có thể xin phá-án về khoản thẩm-quyền; khi bản án bỏ quên không xét xử về một khoản khiếu tố nào đó, thời người đứng dân-sự nguyên-cáo cũng được quyền xin phá-án mặc dầu là đã kháng-cáo rồi và đã bị Tòa Thượng-thẩm xử thua kiện phải bồi thường cho đối phương.

Người đứng dân-sự nguyên-cáo cũng có thể xin phá những bản án của tòa Thượng-thẩm xử không chấp nhận việc khiếu tố của y.

Điều thứ 31.— Người bị kết án phải khai xin phá-án ở phòng lục sự và phải ký giấy khai với lục sự; nếu y không thể ký hay không muốn ký, lục sự sẽ ghi chú điều ấy.

Cũng theo thể thức như trên, giấy khai xin phá án có thể do luật sư của người bị kết án làm hay do một người thụ-ủy

đặc-biệt, khi ấy giấy ủy quyền phải dính vào giấy khai. Sẽ ghi việc khai xin phá án vào một quyển sổ, sổ ấy sẽ được công-bố và bất cứ ai cũng được phép xin trích sao.

Điều thứ 32.— Khi có việc xin phá một bản án chung thẩm xử về việc đại-hình, tiểu-hình hay vi-cảnh, dù việc xin phá án này do người đứng dân-sự nguyên-cáo xin, nếu có người đứng dân-sự nguyên-cáo, hay do công-tổ-viện xin, thời không những phải ghi-chú việc xin phá-án đó theo đúng các thể thức như trong điều trên đã nói, mà lại còn phải báo thị việc xin phá án này cho bên đối-phương biết trong hạn là ba ngày.

Nếu người bị kết án đương bị giam thời lục sự sẽ đọc cho y nghe bản khai xin phá án, y sẽ ký vào đấy ; nếu y không thể ký được hoặc không ký thời lục sự sẽ ghi chú điều ấy.

Điều thứ 33.— Người đứng dân sự nguyên cáo xin phá án sẽ phải dính vào bút lục một bản toàn sao bản án đó theo đúng như nguyên văn.

Y lại phải ký tồn một số tiền dự phạt là 200\$, hay một nửa số tiền ấy, nếu là một bản án xử trong trường-hợp bị cáo tại đảo hay một bản án xử khuyết-tịch.

Nếu không làm đúng như thế, việc xin phá án sẽ vô hiệu quả.

Điều thứ 34.— Các người kể sau đây được miễn khỏi phải dự ký số tiền phạt ;

- 1º) người bị kết án về đại-hình ;
- 2º) người bị kết án về tội tiểu-hình hay vi-cảnh và bị khép vào một hình phạt bác đoạt tự do ;
- 3º) những người được hưởng tư-pháp bảo-trợ ;
- 4º) các viên chức, những vụ liên quan trực tiếp đến các công sở và công-sản của Quốc-gia.

Còn đối với mọi người khác, người nào xin phá án mà tòa xử thua kiện thời phải chịu tiền phạt.

Điều thứ 35.— Việc xin phá-án sẽ không được chuẩn chấp nếu người đứng xin là người đã bị tòa kết phạt khép vào một hình phạt bác đoạt tự-do trong một thời gian quá sáu tháng, mà lại không thụ hình hay không được tòa cho tạm tha dù có bảo đảm hay không.

Giấy tờ về sự lỏng giam hay tạm tha người tội sẽ phải xuất trình tại Tối-cao Pháp-viện, chậm nhất là lúc tòa đang đương xử việc ấy.

Muốn cho việc xin phá-án được chuẩn-chấp, người bị kết án chỉ cần đến xin các nhà chức-trách giam giữ y tại lao thất nơi thiết lập Tối-cao Pháp-viện, sau khi người đó đã xuất trình bản đơn xin phá án gửi cho ông Chủ-đầu-lý Tối-cao Pháp-viện và đã được vị thẩm phán này phê chuẩn vào đấy, viên giám thị nhà lao có thể nhận giữ y tại nhà giam được.

Điều thứ 36.— Người bị kết án hay người đứng dân-sự nguyên-cáo hoặc trong lúc đệ đơn xin phá-án, hoặc trong thời hạn 15 ngày sau, có thể đệ nộp tại phòng lục-sự Tối-cao Pháp-viện hay phòng lục sự tòa án đã tuyên xử bản án bị xin phá, một bản đơn trình rõ những lý do xin phá án. Lục sự sẽ cấp giấy biên lai và sẽ chuyển ngay đơn ấy lên ông thẩm phán giữ việc Công tố.

Điều thứ 37.— 15 ngày sau khi khai trình đơn xin phá án, ông thẩm phán ấy sẽ chuyển đệ cho ông Chủ-đầu lý Tối-cao Pháp-viện các bút lục về việc kiện và các đơn kêu của các người đương sự nếu có.

Lục sự Tòa Thượng-thẩm hay tòa án đã tuyên xử bản án bị xin phá, phải làm ra một bản liệt kê giấy tờ, đính vào bút lục, mà không được tính lệ phí.

Điều thứ 38.— Người bị kết án cũng có thể đệ thẳng lên phòng lục sự Tối-cao Pháp-viện, hoặc các đơn kêu của mình, hoặc các bản toàn sao các bản án bị xin phá, hoặc các bản sao các bản án bị xin phá do tòa nguyên thẩm tổng đặt cho, hoặc các đơn xin phá án.

Điều thứ 39.— Sẽ áp dụng những khoản 12, 13, 14, 15,

16 và 17 trên đây nói về thủ-tục tố-tụng dân-sự trước ban Tư-pháp Tối-cao Pháp-viện.

Điều thứ 40. — Bất cứ về việc đại-hình, tiểu-hình hay vi-cảnh, Tối-cao Pháp-viện có thể xử về việc xin phá-án ngay khi hết các thời hạn định trong chương này và phải xử chậm lắm là trong một tháng, kể từ ngày hết các thời hạn ấy.

Điều thứ 41. — Tối-cao Pháp-viện sẽ bác đơn xin, hoặc sẽ thủ tiêu bản án của Tòa Thượng-thẩm hay tòa Sơ-thẩm.

Điều thứ 42. — Nếu bản án bị thủ tiêu là một bản án của Tòa Thượng-thẩm xử về việc tiểu-hình, Tối-cao Pháp-viện sẽ giao việc kiện ấy, hồ-sơ cùng đôi bên đương sự cho tòa nguyên-thẩm xét-xử lại, nhưng lần này thành phần của tòa-án đó sẽ phải khác trước.

Nếu bản án bị thủ tiêu là một bản án của một tòa cấp sơ-thẩm xử hoặc về việc tiểu-hình hoặc về việc vi-cảnh, Tối-cao Pháp-viện sẽ giao vụ kiện, hồ-sơ cùng đôi bên đương-sự cho một tòa-án lân cận và cùng đẳng cấp với tòa-án đã xử bản án bị thủ tiêu.

Điều thứ 43. — Nếu thủ tiêu một bản án xử về đại-hình, Tối-cao Pháp-viện sẽ làm theo các thể thức ấn-định ở các điều dưới đây.

Điều thứ 44 — Nếu bản án và việc thẩm-cứ bị thủ tiêu vì các lý do vô hiệu, Tối-cao Pháp-viện sẽ giao vụ kiện cho Tòa Thượng-thẩm đã xử bản án nói đây, nhưng lần này Tòa Thượng-thẩm sẽ gồm có những vị thẩm-phán khác lần trước.

Nếu bản án của Tòa Thượng-thẩm và thủ-tục tố tụng bị thủ tiêu vì lý do vô thẩm-quyền, Tối-cao Pháp-viện sẽ giao việc xét xử vụ kiện cho các vị thẩm-phán có quyền thụ lý vụ ấy, và sẽ chỉ định các vị thẩm-phán này; tuy nhiên nếu vị thẩm-phán ngồi xử tại Tòa-án có thẩm-quyền lại là vị thẩm-phán đã từng làm công việc thẩm-cứ lần trước rồi, thì Tối-cao Pháp-viện sẽ giao việc xét xử vụ kiện này cho tòa sơ-thẩm khác.

Nếu bản án Tòa Thượng-thẩm đã bị thủ tiêu vì lẽ rằng việc đã gây nên vụ kết án ấy không phải là một tội do luật định thời sẽ phải chuyển-giao việc kiện cho một tòa-án sơ-thẩm để xét xử lại, trong trường-hợp có người đứng dân-sự nguyên-cáo; nếu không có ai đứng dân-sự nguyên-cáo cả, thời sẽ không phải làm công việc chuyển-giao hồ-sơ nói trên đây.

Điều thứ 45.— Nếu vụ kiện được giao lại cho một tòa Thượng-thẩm thời tòa này sau khi đã tu-chính lại thủ-tục thẩm-cứu về phần mình rồi sẽ giao vụ kiện cho phòng Đại-hình nghị xử.

Điều thứ 46.— Khi vụ kiện đã giao cho phòng Đại-hình một tòa Thượng-thẩm để xét xử lại rồi, nếu xét còn có những đồng phạm với bị can chưa bị truy-tố thời tòa Thượng-thẩm này sẽ cử một vị dự-thẩm và ông Chủ-ông-lý sẽ cử một vị tham lý để tùy theo chức phận của mình mà làm công việc thẩm-cứu, rồi cả bút lục về việc thẩm-cứu đó sẽ phải đệ lên tòa Thượng-thẩm, tòa này sẽ tùy nghi định liệu xem có nên đưa ra truy tố không.

Điều thứ 47.— Nếu bản án của tòa Thượng-thẩm bị thủ tiêu vì lẽ đã tuyên một hình phạt khác hẳn với hình phạt mà luật đã ấn-định phải áp-dụng với tội đại-hình đã xảy ra, thời tòa Thượng-thẩm được Tối cao Pháp-viện giao cho công việc xét xử lại vụ án này sẽ họp phiên đại-hình và sẽ tuyên án, nhưng trong việc xét xử sẽ phải giữ nguyên tính-chất của tội phạm do bản án trước đã công nhận.

Nếu bản án của tòa Thượng-thẩm bị thủ tiêu vì một lẽ khác thời tòa Thượng-thẩm được Tối-cao Pháp-viện giao cho công-việc xét lại vụ kiện, sẽ phải mở các cuộc tranh-luận mới.

Tối-cao Pháp-viện sẽ chỉ thủ tiêu một phần bản án của Tòa Thượng-thẩm nếu trong bản án đó chỉ có một hay vài điều khoản bị coi là vô hiệu mà thôi.

Điều thứ 48.— Người bị cáo mà bản án kết tội đã bị thủ tiêu rồi và nay lại phải ra trước tòa để nghe xét xử lại về tội trạng của mình, sẽ bị đòi ra cung khai trước Tòa Thượng-thẩm

được lệnh xét xử lại vụ kiện này, bằng 2 cách : — hoặc nếu y còn tại đảo, thời sẽ hạ trát nã bắt y, — hoặc nếu y không tạ đảo, thời sẽ ra định lệnh câu thúc thân thể y.

Điều thứ 49. — Người đứng dân-sự nguyên-cáo thua kiện trong khi xin phá án, hoặc về việc đại-hình hoặc về việc tiểu-hình hay vi-cảnh, sẽ phải trả một số tiền bồi thường gấp đôi số tiền phạt dự ký, và phải chịu tiền phí tổn cho bên đối-phương là bên đã được tha, hay được giao về một tòa-án khác xét xử. Y lại phải nộp phạt cho Nhà nước một số tiền bằng số tiền bồi thường nói trên, hay chỉ bằng một nửa số ấy thôi, nếu bản án Tòa Thượng-thẩm hay bản án Tòa Sơ-thẩm là bản án xử trong trường-hợp bị cáo tại đảo, hay bản án khuyết-tịch.

Các công-sở thua kiện chỉ phải trả án phí và bồi thường mà thôi.

Điều thứ 50. — Khi bản án của Tòa Thượng - thẩm hay bản án của Tòa sơ-thẩm bị thủ tiêu, số tiền dự phạt phá án sẽ phải hoàn lại ngay cho người đương-sự, bất luận lời lẽ bản án tuyên xử về việc xin phá án như thế nào dù cho bản án đã quên không ra lệnh phải hoàn lại số tiền dự phạt phá án mặc lòng.

Điều thứ 51. — Khi đơn xin phá án đã bị bác bỏ, người đương-sự nào đã xin phá án rồi không thể lại xin phá bản án ấy lần nữa, bất cứ vì duyên cớ gì hay vì lý do gì.

Điều thứ 52. — Sẽ phải trích lục bản án xử bác đơn xin phá án ; bản trích lục phải do Lục-sự ký đề chuyển đệ lên ông Chủ-ông-lý Tối-cao Pháp-viện ; bản trích lục đó sẽ phải gửi cho ông Thẩm-phán giữ việc Công-tố tại Tòa Thượng-thẩm hay Sơ-thẩm đã tuyên xử bản án bị xin phá.

Điều thứ 53. — Tòa Thượng-thẩm hay tòa án nào được Tối-cao Pháp-viện giao cho xét lại vụ kiện có thể tuân theo quan điểm pháp-lý mà Tối-cao Pháp-viện đã thừa nhận về vụ này. Nếu tòa-án này cũng xử theo quan điểm của tòa-án thụ-lý đầu tiên, thời việc sẽ phải đưa ra xử lại trước Tối-cao Pháp-viện và lần này Tối-cao Pháp-viện sẽ chung-thẩm.

Điều thứ 54.— Khi có lệnh dịch-xác của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp, ông Chủ-đạo - lý Tối - cao Pháp - viện sẽ đem ra để Pháp-viện ấy thụ-lý những bản văn tư-pháp, những bản án của Tòa Thượng-thẩm hay của các tòa-án cấp dưới trái với pháp luật ; các bản văn cùng các bản án này có thể bị thủ tiêu.

Điều thứ 55.— Trong trường-hợp mà một phòng luận tội, một phòng đại-hình, một tòa tiểu-hình hay một tòa xử việc vi-cảnh nào đã tuyên xử một bản án chung-thẩm có thể bị xin phá được mà các người đương-sự lại không kêu nại gì trong thời hạn đã định, ông Chủ-đạo-ly Tối-cao Pháp-viện có thể tự mình đem việc ấy ra trước Tối-cao Pháp-viện dù rằng thời hạn xin phá án đã hết rồi ; bản án ấy sẽ bị phá nhưng đôi bên đương-sự không được dựa vào đấy mà từ chối không chịu thi hành bản án ấy.

.....

Dalat ngày 18 tháng 10 năm 1949

BẢO-ĐẠI

PHẦN THỨ BA

III.— CÁC TÒA - ÁN HÀNH - CHÍNH

I.— TÒA-ÁN CẤP-DƯỠNG

(Dụ số 22 ngày 15-11-1952)

THIÊN V

XÉT LẠI CẤP - DƯỠNG PHƯƠNG - PHÁP KHÁNG - TỔ

CHƯƠNG I

Xét lại cấp - dưỡng

Điều thứ 73.— Cấp dưỡng vĩnh viễn hay tạm thời cấp theo đạo dụ này có thể đem xét lại trong những trường hợp sau đây :

1) Khi thanh-toán có sai lầm về bút lục ;

2) Khi những điều trần thuật trong các chứng-thư hay bút lục đã xét đến đề ra nghị-định chuẩn định cấp dưỡng bị công nhận là sai lầm, hoặc về cấp bậc, về sự mệnh một hay tính cách mệnh một, hoặc về bảng kê quân vụ, hoặc về hộ tịch hay tình trạng gia đình.

Nếu trước kia quyết-định chuẩn-định cấp dưỡng vĩnh viễn hay tạm thời không bị kháng tố, thì bất cứ ở trường hợp nào sự xét lại cấp dưỡng cũng không có điều-kiện thời hạn và làm theo cùng thể thức như việc quyết-định cấp dưỡng vậy. Tổng-Trưởng bộ cựu chiến sĩ và phế binh đề xướng, hoặc đương sự thỉnh cầu, rồi sự giải quyết do cơ-quan hành chính phụ trách.

Trong trường hợp trái lại, đơn xin xét lại phải đưa ra tòa-án nào đã vưng bản án bị kháng tố. Tòa án thụ lý theo thể thức định ở chương thứ II, thiên này ;

3) Cấp dưỡng cũng có thể được đặc biệt xét lại nếu sau khi Tổng-Trưởng Bộ Cựu chiến sĩ và Phế binh mở cuộc điều-tra, có đủ bằng cứ chứng minh rằng :

a) Cấp dưỡng, tăng khoản hay ngoại phụ cấp dưỡng trước kia đã cấp vì bút lục sai lầm hay khám bệnh trạng không đúng, hay vì gian lậu, vì tráo người cùng là đương sự giả mạo một chứng bệnh mà thực ra đương sự không mắc ;

b) Người cựu chiến sĩ, trước kia tưởng là mệnh một nên mở quyền cấp dưỡng cho vợ góa, con côai hay tồ-phụ, nay được công nhận là còn sống,

Đề áp dụng đoạn thứ 3. điều này, Tổng-Trưởng Bộ Cựu Chiến sĩ và Phế binh đưa việc xin xét lại cấp dưỡng ra trước tòa-án cấp-dưỡng phần. Tòa sẽ xét xử theo thể thức dự định ở chương thứ II thiên này.

Ngân-khố chỉ có thể bắt hoàn lại số tiền đáng lý không được lĩnh khi nào đương sự có ý gian.

CHƯƠNG II

Phương-pháp kháng-tổ

Điều thứ 74.— Tất cả những việc tranh-chấp xảy ra về việc thi-hành đạo-dụ này đều xét xử về sơ-thẩm, trước Tòa Sơ-thẩm cấp-dưỡng phần, nơi trú sở của đương-sự và về kháng - cáo bởi tòa thượng-thẩm cấp-duỡng phần.

Ban hành-chính tối-cao pháp-viện chỉ thụ-lý những việc kháng - tố vi phạm quyền hay trá quyền, sai hình - thức hay vi-luật.

Tuy-nhiên, những sự tranh-chấp xảy ra khi áp-dụng điều thứ 92, sẽ trực-tiếp do ban hành-chính của Tối-cao Pháp-viện xử.

TIẾT I

Tòa sơ-thẩm cấp-dưỡng phần.

Điều thứ 75.— Tại quản-hạt mỗi tòa thượng-thẩm Saigon, Huế và Hà-nội, nay thiết-lập một tòa sơ-thẩm cấp - dưỡng phần, thành phần gồm có :

— Một thẩm-phán của tòa-án hộ do Ông chánh-nhất tòa thượng - thẩm cử - nhiệm trong các Thẩm - phán tại các tòa-án phần,

— Một thầy thuốc chọn trong danh-sách các thầy thuốc giám-định tại các tòa-án hay trong danh-sách 10 hội-viên do hội thầy thuốc trong phần đệ trình ;

— Một cựu binh-sĩ đang hưởng cấp - dưỡng. Người này được chọn đồng thời với một binh-sĩ được cấp - dưỡng phụ khuyết khác bằng cách rút thăm trong danh-sách 20 hội-viên do các hội binh-sĩ được cấp-dưỡng và cựu chiến - sĩ phần đệ-trình và được tòa-án sơ-thẩm hộ Saigon, Huế hoặc Hà-nội chấp nhận.

Thầy thuốc và thầy thuốc dự-khuyết do Tổng-Trưởng Bộ Tư pháp cử nhiệm.

Một công chức sở binh lương do Tổng-Trưởng Bộ Quốc-phòng cử-nhiệm, sẽ đảm nhận nhiệm-vụ ủy-viên Chính-phủ.

Lục-sự tòa-án sơ-thẩm cấp-dưỡng phần, và nếu cần, các thám-tá lục-sự đều là những nhân-viên giữ chức vụ ấy tại các tòa sơ-thẩm hộ Saigon, Huế, Hà-nội.

Thẻ-thức phụ-cấp và giá ngạch phụ-cấp của các thầy thuốc và các binh-sĩ được cấp-dưỡng được cử làm hội-thẩm tòa sơ-thẩm cấp - dưỡng phần đều do Nghị - định của Thủ - tướng ấn - định.

Điều thứ 76. — Trong hạn 6 tháng, các đương sự có thể kháng-tổ trước tòa-án cấp-dưỡng những quyết - nghị đã làm theo điều thứ 21 đoạn thứ nhất.

Trong những trường-hợp này, ngoài công việc giám-định ra, thủ-tục tố-tụng phải đình chỉ cho đến hết hạn 6 tháng trừ khi quyết-định tu-chỉnh hay xác-nhận nói ở điều 21 đoạn thứ 2 đã được đương-sự hoặc ủy-viên Chính-phủ tổng-dạt cho tòa-án trước rồi.

Trước tất cả mọi trường-hợp có quyết-nghị như vừa nói, nếu cần tiếp-tục việc kiện chưa được tòa-án phân xử thì sẽ xem như đương-sự kháng-tổ quyết-nghị này.

Trong kỳ hạn nói trên, đương-sự cũng có thể kháng-tố trước tòa sơ-thẩm cấp-dưỡng chống lại quyết-nghị làm theo điều thứ 21, đoạn thứ 2, trừ khi quyết-nghị này chỉ xác-nhận quyết-nghị đầu tiên.

Điều thứ 77.— Muốn tòa-án thụ lý phải gửi thư bảo-đảm đến lục-sự.

Trong 8 ngày sau, đơn của nguyên-tố chuyển sang ủy-viên Chính-phủ tại tòa-án cấp-dưỡng, để cơ-quan hành-chính có thẩm-quyền lập hồ-sơ gửi đến tòa-án cùng với lời chú-thích, trong hạn 1 tháng.

Nhận được chú-thích Ô. chánh-án được miễn đòi nguyên-đơn và đại-diện của Tổng-Trưởng Bộ sở quan đến phòng giấy của mình để hòa-giải.

Sẽ gửi thư bảo đảm kèm biên-lai nhận thư đề báo nguyên-đơn biết đề-nghị của bộ. Nếu thỏa-mãn về đề-nghị này, thì nguyên-đơn phải trình Ông chánh-án biết đề ra mệnh-lệnh chứng nhận sự thỏa-hiệp. Bản định-lệnh này phải ghi rõ số tiền cấp dưỡng là bao nhiêu, tàn-tật như thế nào cùng là cấp độ tàn-phế đã được căn-cứ đề ấn-định cấp-dưỡng, bằng không sẽ vô hiệu-lực.

Nếu không ưng-thuận lời đề-nghị của bộ, nguyên-tố có thể xin gọi đến phòng giấy Ông chánh-án để hòa-giải với đại-diện Tổng-Trưởng bộ sở-quan

Trong trường-hợp này nguyên-đơn có thể đem theo thầy thuốc riêng và luật-sư được cử-nhiệm để bênh vực mình.

Nếu sau khi đệ đơn mà nguyên-tố không đến hòa-giải hay nếu đổi chất mà hòa-giải bất thành ông chánh-án sẽ lập biên-bản và nếu xét cần khám-nghiệm bệnh-lý, trong biên-bản ấy sẽ cử-nhiệm ngay giám-định-viên.

Còn nếu sau khi có kết-quả, giám-định đã hòa-giải theo thủ-tục nói trên nhưng vẫn không thành, nguyên-tố sẽ được gọi ra trước tòa sơ-thẩm cấp-dưỡng bằng thư bảo-đảm có kèm biên-lai nhận thư : Ông chánh-án định phiên-tòa ít nhất là 8 ngày sau.

Điều thứ 78.— Phiên-tòa xử công-khai. Tuy nhiên, tòa có thể chiếu theo lời thỉnh cầu của đương-sự mà định rằng cuộc tranh luận sẽ mở trong phòng hội-đồng.

Nguyên-tố có thể đích thân hầu tòa : y có thể trình bày miệng, quan điểm của mình hoặc nhờ một thân nhân, đủ độ kế thừa, lấy trong họ mình hay trong họ thân gia, hoặc một luật sư có ghi tên hợp-lệ trình bày hộ.

Nếu người đại-diện là một thân nhân thì y phải mang giấy ủy-quyền làm trên giấy thường, miễn dán con niêm và miễn trước bạ nhưng chữ ký phải được thị-thực.

Tư-pháp bảo-trợ có thể cấp cho đương sự nào đệ đơn xin Ông chánh-án tòa sơ-thẩm cấp dưỡng phần.

Nếu đương sự thỉnh cầu và nếu vì duyên cớ quan trọng mà y không đích thân hầu tòa được, ông chánh-án có thể ủy một hội-thẩm đến nghe y trình bày quan-diểm tại trụ-sở y hay tại một nơi khác.

Điều thứ 79.— Tòa-án có thể truyền lệnh thẩm tra bệnh-lý lại, và nếu cần, đặt đương sự vào tình-trạng nhận xét tại một bệnh viện.

Việc thẩm-tra bệnh-lý giao cho một hay 3 giám-định-viên của tòa-án chọn trên một danh sách do tòa-án lập sẵn vào đầu mỗi năm tư-pháp. Sẽ khám nghiệm tại nơi nào được tòa xét là thuận tiện, và nếu cần, tại trụ sở của nguyên-tố.

Nguyên-tố có quyền được luật-sư của mình và một thầy thuốc tư trợ-tá. Y có thể xuất trình các chứng-chỉ của bác-sĩ. Các chứng chỉ này cùng ý kiến của viên thầy thuốc tư đều phụ đính vào biên bản và sẽ được phê bình sơ-lược.

Nếu có mâu thuẫn rõ rệt giữa ý kiến các thầy thuốc được cử ra giám-định và ý kiến thầy thuốc riêng của đương sự, thì tòa án có thể truyền mở một cuộc giám-định khác nữa giao cho 3 viên thầy thuốc, một do tổng-trưởng bộ sở quan cử, một do nguyên-tố cử, và người thứ ba do tòa-án cử.

Các thẻ-lệ trên đây được áp dụng nhất là khi thương tích hay bệnh-hoạn trở nên trầm trọng thêm sau khi đã thanh-toán cấp dưỡng.

Ngoài ra tòa-án có thể truyền thi-hành mọi biện-pháp thẩm vấn và điều-tra xét là thích đáng.

Trong tất cả những trường-hợp mà đương sự phải đặt trong tình-trạng nhận xét hay được nằm điều dưỡng tại bệnh-viện, nếu đương sự không nghỉ việc quá một tháng, thì người chủ không được viện lẽ ấy để hủy bỏ khế-ước làm việc.

Điều thứ 80.— Án của tòa phải ghi rõ lý do.

Nếu ngày ấn-định đề đăng đương mà nguyên-dơn không đến hoặc không nhờ người thay mặt, án sẽ xử khuyết-tịch.

Án ấy tổng đạt cho đích thân y bằng truyền phiếu của thừa-phát-lại, theo lời yêu cầu của ủy-viên Chính-phủ.

Sự kháng án chỉ có thể chấp nhận trong hạn 15 ngày kể từ ngày thừa-phát-lại tổng đạt. Có thể kháng án bằng lời khai miệng tại phòng lục-sự hoặc bằng thư bảo-đảm gửi đến đấy, và được cấp giấy chứng-nhận việc kháng án. Trong giấy tổng đạt phải ghi rõ những thẻ-lệ nói trong đoạn này.

Khi có kháng án, các đương sự được gọi bằng truyền phiếu của thừa-phát-lại ra một phiên tòa sau, nhưng phải tôn-trọng thời-hạn ấn-định ở điều thứ 77.

Lần này, án xử coi là đương-tịch. Án đương-tịch nào cũng tổng-dạt bằng truyền phiếu của thừa-phát-lại.

Ủy-viên Chính-phủ tuyền định trú sở tại phòng lục-sự để nhận những giấy tổng đạt cho mình.

Những kỳ hạn dự-định ở thiên V đạo dụ này được tính và tăng thêm y như các điều-khoản trong luật tổ tụng dân-sự hiện-hành.

TIẾT II

Tòa thượng-thẩm cấp-dưỡng phần.

Điều thứ 81.— Án của tòa sơ-thẩm cấp-dưỡng phần xử có thể bị kháng cáo lên tòa thượng-thẩm cấp-dưỡng phần hoặc bởi đương sự, hoặc bởi công-tổ-viện.

Kháng cáo bằng thư bảo-đảm gửi đến phòng lục-sự tòa thượng-thẩm trong hạn 2 tháng kể từ ngày tổng đạt bản án sơ-thẩm.

Nếu bên kháng cáo là công-tổ-viện, thì cũng phải tổng đạt giấy kháng cáo theo thể-thức trên cho người bị kháng cáo.

Những thể-lệ đặt ở các điều trên đây về thủ-tục tố-tụng trước tòa-án phần cũng áp-dụng cho tòa thượng-thẩm.

Khi gặp một vấn-đề tiên-quyết về thân phận phải giải-quyết mới vưng được bản-án thì tòa sơ-thẩm cấp-dưỡng phần hay tòa thượng-thẩm cấp-dưỡng phần phải đình lại cho đến khi vấn-đề ấy được tòa-án có thẩm-quyền giải-quyết xong. Trước tòa thượng-thẩm phần có thể cấp tư-pháp bảo-trợ cho đương sự nào thỉnh cầu.

Điều thứ 82.— Trong quân - hạt mỗi tòa thượng - thẩm Saigon, Huế và Hà-nội, nay thiết lập một tòa thượng - thẩm cấp-dưỡng phần thành-phần như sau :

1') Một chánh-án phòng tòa thượng-thẩm, nếu không có thì hội-thẩm thẩm-niên do Tổng-Trưởng Tư-pháp hằng năm cử ra giữ chức-vụ chánh-án.

2') Hai hội - thẩm tòa thượng - thẩm cũng do Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp hằng năm cử ra.

Về phần tòa thượng-thẩm sẽ cử 3 thẩm-phán dự-khuyết; chức-vụ ủy-viên Chính-phủ giao cho một công-chức sở binh lương do Tổng-Trưởng Bộ Quốc-phòng cử nhiệm.

TIẾT III

Điều thứ 83.— Kháng-tổ trước Ban Hành-chính Tối-cao Pháp-viện vì lạm quyền, trá quyền, sai hình-thức hay vi-luật phải làm chậm lắm là trong 2 tháng sau khi tổng-đặt quyết-nghị theo điều-kiện dự-định ở điều thứ 80 hoặc là đương-sự hoặc là Tổng-Trưởng Bộ cựu chiến-sĩ và phế-binh kháng-tổ.

Nếu kháng-tổ theo điều thứ 92 thì có thể không cần tôn-trọng thời-hạn định ở đoạn thứ nhất điều này (1)

TIẾT IV

Tổng - tắc

Điều thứ 84.— Các bản-án cùng trích-lục bản sao, hay toàn sao, và đại đề tất cả các chứng thư tố-tụng thuộc về sự thi-hành đạo dụ này, đều được miễn con niêm và trước-bạ. Trong các bút lục nói trên phải ghi rõ rằng đã lập để thi hành đạo dụ này.

(1) Điều 92 không nói gì về trường-hợp kháng-tổ trước Tối-cao Pháp-viện, nhưng điều 91 có nói đến các bản-án về tăng khoản cấp-dưỡng cho con cái trước TÒA-ÁN HỢP. Chắc-chắn có sự lầm lẫn của biên-tập-viên dự-án Luật. Lại xem điều 74 cũng dẫn chiếu điều 92 (Lời Tòa-soạn).

II.— TÒA-ÁN HÀNH-CHÍNH

*Dụ số 2 ngày mồng 5 tháng giêng năm 1950
thiết lập tòa-án hành-chính*

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG ,

Chiếu Dụ số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức và điều-hành các-cơ quan công-quyền ;

Chiếu dụ số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức quí-chề các công-sở

Chiếu Dụ số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ-chức tư-pháp quốc-gia ;

Chiếu Dụ số 5 ngày 18 tháng 10 năm 1949 thiết lập tối cao pháp-viện ;

Chiếu Sắc-lệnh số 1-CP ngày 1-7-1949 ấn-định thành phần Chính-phủ.

Chiếu Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ;

Chiếu văn-thư số 10-SG ngày 8 tháng 2 năm 1949 của Chính-phủ Trung-uơng Lâm-thời và các bản-văn tư-chính tiếp sau ấn-định pháp-quí tạm thời của ngạch quyền thẩm-phán,

Theo lời đề-nghị của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp, sau khi ý-hiệp với Bộ trưởng Nội-vụ ;

Sau khi Hội-đồng Tổng-trưởng thảo-luận,

DỤ :

THIÊN I

**Thăm quyền và cách tổ-chức
tòa-án hành-chính**

Điều thứ nhất.— Nay thiết lập cho toàn cõi Việt-Nam một tòa-án hành-chính mà trụ sở đặt tại Saigon.

Điều thứ 2 .— (Sửa đổi bởi dự số 36 ngày 8-10-1954).—.
Tòa án hành-chính:

1) Sơ-thẩm : a) Các vụ kiện đòi bồi-thường liên-quan đến các pháp-nhân hành-chính ;

b) Các vụ kiện xin thủ tiêu các quyết-nghị hành-chính có tính-cách cá-nhân liên-quan đến tình-trạng hành-chính của các viên-chức do nghị-định của các tổng-trưởng, bộ-trưởng, đại-diện Chính-phủ tại các phần, tỉnh-trưởng bổ-nhiệm ;

c) Các vụ tranh-tụng liên-quan đến mọi cuộc tuyển-cử hàng tỉnh, hàng quận, làng xã, hộ.

2) Sơ và chung-thẩm các vụ kiện liên-quan đến mọi vấn-đề thuế khóa trực-thu và các thứ thuế đồng-hóa với thuế trực-thu.

Điều thứ 3.— (sửa đổi bởi dự số 36 ngày 8-10-1954).—
Tòa-án hành-chính gồm có :

- 4) Một chánh-án,
- 2) Một chánh-án dự khuyết,
- 3) Một ủy-viên Chánh-phủ, chọn trong hàng hội-thẩm,
- 4) Một-số hội-thẩm, tùy theo nhu-cầu công-vụ.

Trong khi chờ đợi sự thiết-lập một ngạch thẩm-phán hành-chính chánh-án và chánh-án dự-khuyết tại tòa-án hành-chính sẽ tuyển trong các công-chức các ngạch hành-chính hay tư-pháp hội đủ những điều kiện sau đây :

a) Có bằng luật-khoa cử-nhân,

b) Đã làm việc ít nhất là mười (10) năm, hay đã từng giữ chức chánh-án tòa-án hành-chính.

Hạn thâm-niên sẽ rút xuống bảy (7) năm đối với những công-chức có bằng luật-khoa tiến-sĩ.

Các hội-thẩm tại tòa-án hành-chính sẽ tuyển trong hàng công-chức các ngạch hành-chính hay tư-pháp, hội đủ những điều-kiện sau :

a) Có bằng luật-khoa cử-nhân,

b) Đã từng làm việc ít nhất là (5) năm,

Ngoài ra, trong thời-kỳ chuyển-tiếp có thể được bổ nhiệm làm hội-thẩm tòa-án hành-chánh những công-chức tuy không có bằng cử-nhân luật khoa, nhưng đã từng giữ chức-vụ chánh-án, ủy-viên Chánh-phủ hay hội-thẩm tại tòa-án hành-chính hỗn-hợp cũ hay tại tòa-án hành-chính quốc-gia.

Tổng thư-ký tòa-án hành-chính là một viên-chức ngạch hành-chính hay tư-pháp do tổng-trưởng tư-pháp bổ-nhiệm.

Chánh-án tòa-án hành-chính được hưởng một khoản phụ-cấp chức-vụ ngang với phụ-cấp chức-vụ của chánh-án một tòa sơ-thẩm ngoại-hạng. Nếu phụ-cấp chức-vụ này nhỏ hơn phụ - cấp chức-vụ ấn-định trong sắc-lệnh số 40-CV/G ngày mồng 1 tháng năm năm 1951, thì chánh-án tòa-án hành-chính vẫn tiếp-tục được hưởng phụ-cấp chức vụ dự liệu trong sắc-lệnh số 40-CV/G nói trên.

Chánh-án dự-khuyết và ủy-viên chính-phủ tòa-án hành-chính đều được hưởng một khoản phụ-cấp chức-vụ ngang với phụ cấp-chức-vụ của một hội thẩm tại tòa thượng-thẩm.

Điều thứ 4.— (Sửa đổi bởi dụ số 36 ngày 8-10-1954).— Chánh-án, chánh-án dự-khuyết, ủy-viên Chánh-phủ cùng hội-thẩm tại tòa-án hành-chính đều do tổng-trưởng tư-pháp bổ-nhiệm sau khi ý-hiệp với tổng-trưởng nội-vụ.

Những viên-chức thuộc ngạch hành-chính hay tư-pháp được cử ra chuyên làm việc tại tòa-án hành-chính, đều được đặt ra ngoài ngạch suốt trong thời kỳ nói trên.

Điều thứ 5.— (Sửa đổi bởi dụ số 36 ngày 8-10-1954).— Tòa-án hành-chính ngoài ra còn gồm một số nhân-viên dự-khuyết ngang với số nhân-viên thực-thụ.

Nhân-viên dự-khuyết cũng phải có đủ những điều kiện như nhân-viên thực-thụ.

Cách tuyển-bồ họ cũng theo y như cách tuyển-bồ các nhân viên thực thụ.

Nhân-viên dự-khuyết có thể làm-thời tham-dự công-việc tòa-án, mà vẫn tiếp-tục làm công việc thường-nhật của họ.

Điều thứ 6 — (Sửa đổi bởi dự số 36 ngày 8-10-1954).— Trong trường-hợp một vị thực-thụ của tòa án hành-chính nghĩ phép hoặc vắng mặt dài hạn, vị dự-khuyết sẽ được cử ra để quyền-nhiếp chức-vụ của vị thức-thụ, theo thứ-tự danh biểu.

Tuy nhiên, nếu xét cần, tổng trưởng tư-pháp có thể cử một vị thực-thụ khác để thay thế người vắng mặt, sau khi ý-hiệp với tổng-trưởng nội-vụ.

Điều thứ 7.— Trong trường-hợp mà đồng-thời có nhiều nhân viên vắng mặt, xét ra có thể vắng mặt trong một thời hạn dài nếu xem ra cần, chiếu tờ trình có viện-dẫn lý do của ông chánh thẩm tòa-án hành-chính, các nhà chức trách có thẩm-quyền nói ở điều 4 sẽ tạm thời bổ-nhiệm các nhân-viên khác ra làm việc để công việc của tòa-án có thể tiến-hành được điều-hòa.

THIÊN II

Thủ-tục tố-tụng trước tòa-án hành-chính

CHƯƠNG I

Cách thức khởi tố và phiên tòa

Điều thứ 8.— Đơn khởi tố gửi cho tòa-án hành-chính và nói chung tất cả các giấy tờ liên-can đến các việc mà tòa-án phải xét xử đều phải đệ nộp tại phòng thư-ký tòa-án.

Các đơn này khi tiếp nhận được đều phải ghi vào quyển sổ thứ-tự, do tổng thư-ký giữ. Ngoài ra đơn và các giấy tờ kèm theo đơn phải đóng dấu ghi rõ ngày tiếp nhận được.

Nếu người đương sự yêu-cầu, tổng thư-ký phải phát cho họ một tờ chứng-chỉ nhận thực rằng đơn khiếu-nại và các bản biện-minh của họ đã đến tại phòng thư-ký rồi.

Điều thứ 9.— Đơn khởi tố phải ghi rõ, tên, nghề-nghiệp và trú-quán của nguyên-cáo và bị-cáo, phải trình bày những việc đã làm phát sinh ra việc tranh-tụng, các lý lẽ đã viện-

dẫn được, các lời kết-luận của mình cũng phải liệt-kê cả các giấy tờ đính theo đơn. Trong đơn cũng phải khai rõ trụ-sở tuyên-trạch tại nơi thiết-lập tòa án.

Khi khiếu-nại trước tòa-án hành-chính về một quyết-nghị của nhà chức-trách thuộc quyền quản-hạt của tòa-án này, phải đính kèm với đơn khởi-tổ một bản sao quyết-nghị đã tổng-đạt cho đương-sự ; nếu không thì đơn này không được chấp-nhận.

Điều thứ 10.— Khi một công-sở đứng nguyên-đơn, viên chức phụ-trách việc tổ-tụng, sẽ khởi-tổ bằng cách đệ lên tòa-án một tờ trình nộp tại phòng thư - ký cùng với các giấy tờ đính kèm.

Điều thứ 11.— Việc khiếu nại trước tòa - án hành-chính về một quyết-nghị của một nhà chức-trách thuộc quyền quản-hạt tòa-án đó sẽ không được chấp-nhận nếu đề quá hạn sau đây :

— Nếu nguyên-cáo có trú-quán ở trong nước ; thời-hạn định đề khởi-tổ là ba tháng.

— Nếu nguyên-cáo không có trú-quán ở trong nước, thời hạn trên sẽ gấp đôi.

Thời-hạn đó tính từ ngày tổng-đạt đến đích-thân hay trú quán người đương-sự bản quyết-nghị.

Thời-hạn ba tháng tính cả đối với viên chức được ủy-nhiệm phụ-trách việc tổ-tụng kể từ ngày vị ấy nhận được bản tổng-đạt quyết-nghị của đối-phương.

Việc tổng-đạt này có thể do thừa-phát-lại hoặc do các nhà chức trách hành-chính làm.

Điều thứ 12.— Ngay sau khi đơn khởi-tổ đã được đăng ký tại phòng thư-ký rồi, ông Chánh-thẩm sẽ chỉ định trong số phụ-thẩm một ủy-viên thuyết trình rồi hồ-sơ sẽ giao cho vị này trong thời hạn 24 giờ.

Ủy-viên thuyết trình có trách nhiệm đốc-biên việc thẩm cừu vu kiện dưới quyền ông chánh-thẩm. Vì vậy sẽ đề-nghị

các phương-sách và các công việc thăm-cứu cần phải làm nhưng bắt buộc phải tuân theo các điều-khoản của bộ Hộ-sự tổ-tụng hiện-hành tại địa-phương đặt trụ-sở tòa-án hành-chính. Trước hết vị ấy phải soát lại xem các giấy tờ cần phải xuất trình để có thể xét xử được đã dính vào hồ-sơ chưa.

Điều thứ 13.— Sau khi chiếu tờ trình sơ-lược của ủy-viên thuyết-trình ông chánh thẩm sẽ ra lệnh thông-báo cho các người đương-sự những bản đơn khởi-tổ.

Tùy theo trường-hợp của vụ án, ông ấy sẽ ấn định thời hạn cho đương-sự đó đề xuất-trình các bản kháng biện-luận ; bất luận trường-hợp nào thời-hạn đó không được dưới hai tháng. Thời-hạn đó tính từ ngày thông-báo đến đích thân hay đến trú-quán của họ.

Lệnh truyền thông-báo sẽ ghi chú vào bên cạnh đơn-khởi-tổ do ông chánh-thẩm ký tên và đóng ấn tòa-án.

Điều thứ 14.— Nếu người thụ-ủy của bên đương-sự không phải là một luật-sư thì họ phải xuất trình một tư-thự chứng thư có lý-trưởng nhận thực hay là một công-chính chứng-thư để chứng tỏ việc thụ-ủy trên.

Điều thứ 15.— Đương-sự hoặc thụ-ủy của mình có thể xem hồ-sơ tại phòng thư-ký nhưng không được đem đi nơi khác

Điều thứ 16.— Trong các vụ tổ-tụng trước tòa-án hành-chính việc lục-tổng các giấy tờ đều phải làm theo thể-thức hành-chính.

Điều thứ 17.— Các bản toàn sao đơn khởi-tổ, các bản biện-minh dính theo đơn và án-lệnh thông-báo đều do tổng thư-ký tổng đặt cho người đương-sự hay cho người thụ-ủy của họ trong hạn một tháng kể từ ngày có án-lệnh truyền thông-báo.

Việc tổng-dặt sẽ làm như sau :

1) Đối với viên-chức được ủy-nhiệm đứng kiện, sẽ tổng-dặt tại phòng giấy của họ.

2) Đối với tư-nhân thì tổng-đạt cho đích thân họ, tại trú-quán của họ hay tại trú-quán mà họ đã tuyển-trạch trong đơn đầu tiên.

Điều thứ 18.— Việc tổng-đạt sẽ được coi như hợp-lệ trong những trường-hợp sau đây :

1) Nếu đã tổng-đạt cho đích thân đương-sự hay tại trú-quán của họ có lấy biên-nhận đề ngày và do họ ký tên.

2) Nếu đã tổng-đạt tại trú quán tuyển trạch của đương-sự có lấy giấy biên-nhận có đề ngày và do người chủ nhà nơi trú quán tuyển trạch ký tên.

Nếu không có tờ biên-nhận, viên-chức làm công việc tổng-đạt phải lập biên-bản về việc tổng-đạt này.

Tờ biên-nhận hoặc biên-bản phải được chuyển ngay đến phòng thư-ký. Các bản kháng-biện-luận sẽ tổng-đạt cho nguyên-cáo tại trú-sở thường của họ hoặc đến trụ-sở tuyển-trạch của họ. Trong đơn kháng-nại phải ghi rõ việc tuyển-trạch trú-sở tại thành-phố tòa-án thiết-lập.

Điều thứ 19.— Mười lăm hôm sau khi đã tổng-đạt các bản kháng-biện-luận, nguyên-cáo có thể đệ nạp một bản biện-minh khác và bị cáo hạn trong 15 hôm, sau khi đã được tổng-đạt hợp-lệ có thể đệ nạp một bản kháng-biện-luận về việc này.

Điều thứ 20.— Những việc đòi ra dự sự hoặc yêu-cầu bảo-đảm phải khai trình hoặc tổng-đạt theo đúng thể-thức đã làm về việc đệ-nộp đơn khởi-tố chính hay tổng-đạt các đơn này.

Điều thứ 21.— Khi việc có thể đem ra xử được rồi, hay khi cần phải cho giám-định điều-tra hay làm những phương-pháp tương-tự để kiểm-soát xem có đúng sự thực hay không ủy-viên thuyết-trình sẽ lập một tờ trình và dự thảo tờ quyết nghị.

Hồ-sơ cùng tờ trình và dự-thảo quyết-nghị sẽ giao cho phòng thư-ký để chuyển đệ lên vị ủy-viên Chính-phủ.

Điều thứ 22.— Tòa-án hành chính, hai tháng sẽ họp một lần. Các phiên tòa đều công-khai.

Bản kê các việc đăng-đường trong mỗi phiên họp sẽ do ông chánh-thẩm ấn-định chiếu lời đề-ngị của vị ủy-viên Chính-phủ.

Bản kê đó chia làm hai phần :

1) những việc sơ-lược và khẩn-cấp.

2) những việc đã đối-tịch thẩm - cứu rồi hay những việc sẵn sàng đem ra xử được.

Các việc sẽ đem xét lần lượt theo thứ-tự ghi trong bản kê các việc đăng-đường.

Điều thứ 22-kép.— (*Thêm vào theo dự số 36 ngày 8-10-1954*). Trong các trường-hợp khẩn - cấp theo đơn thỉnh - cầu của đương-sự, chánh án tòa-án hành-chính có thể ra án-lệnh cho thi-hành ngay mọi biện-pháp thích-ứng để giải-quyết mọi vụ tranh-chấp, miễn là án-lệnh này không được ảnh-hưởng đến tình lý vụ án.

Án-lệnh khẩn-cấp sẽ lập tức tổng-đạt cho bên đối lập

Có thể xin kháng nại án-lệnh này trước tham-chính-viện, trong hạn mười lăm (15) ngày sau khi tổng-đạt.

Điều thứ 23.— Phải báo-thị cho đương-sự biết ngày mà việc của họ được đem ra đăng-đường. Sẽ báo bằng thư gửi đến trú sở của họ hay đến trú sở người thụ-ủy hay người biện-hộ của họ, nếu có, phải gửi giấy báo ít nhất là 8 ngày trước phiên tòa.

Điều thứ 24.— Sau khi vị phụ-thẩm thuyết-trình về vụ án rồi, các đương-sự có thể chính mình hoặc do người thụ-ủy trình miệng để giải thích rõ những điều kết-luận viết của mình.

Nếu hai bên đương-sự đệ-trình những tờ kết-luận mới, tòa-án chỉ có thể chuẩn-chấp những lời ấy sau khi đã ra lệnh thẩm cứu thêm. Về tất cả các việc đem ra xét-xử, vị ủy-viên Chính-phủ đều phải có lời kết-luận của mình.

Điều thứ 25.— Về cách họp phiên tòa và cách giữ gìn trật-tự trong các phiên tòa về những tội đại-hình hay tiểu-hình

phạm ngay khi phiên tòa họp, sẽ áp dụng những điều-khoản trong bộ hình-sự tổ-tụng-pháp hiện-hành tại địa-phương thiết-lập tòa-án.

CHƯƠNG II

NHỮNG VIỆC PHỤ-ĐỐI

TIẾT I

Đơn kêu về các khoản phụ-đối

Điều thứ 26.— Những khoản phụ-đối phải làm thành đơn, trong đơn ghi rõ các lý-lẽ đã căn-cứ vào đó, và các lời kết luận ; trong đơn đó cũng phải khai và xin tình-nguyện xuất trình tòa xét các giấy tờ chứng-minh về những khoản kêu nài, xuất-trình bằng cách đệ-nạp tại phòng thư-ký các giấy tờ đó mà không lấy biên-lai gì cả, hoặc có lấy giấy biên-lai.

Đối-phương về khoản phụ-đối trong hạn 15 hôm sau khi tiếp nhận được lá đơn phụ-đối đã tổng-đặt cho mình phải trả lời.

Về những đơn phụ-đối đáng lẽ phải được đệ-trình ngay cùng với những đơn phụ-đối đầu tiên vì nguyên-nhân làm phát sinh ra đơn phụ-đối này lúc bấy giờ đã xảy ra rồi, mà mãi về sau mới được đệ trình, lệ-phí sẽ không được đòi thường hoàn lại.

Đơn phụ-đối sẽ được đem ra xử trước bằng một bản án tiên-quyết tuy-nhiên tòa-án hành-chính có thể, nếu cần, ra lệnh đem xét chung cùng với việc chính trong một bản án.

TIẾT II

Đơn xin hoãn thi-hành

Điều thứ 27.— Việc kháng-nại tại tòa-án hành-chính về một quyết-nghị của nhà chức-trách hành-chính không thể làm đình-chỉ sự thi hành quyết-nghị này.

Tuy nhiên trong trường-hợp mà việc thi-hành quyết-nghị này có thể gây ra một sự thiệt-hại không đền bù được, tòa

án có thể chiếu lời yêu cầu của đương-sự, sau khi đã thông-báo cho đối-phương biết, ra lệnh cho hoãn sự thi-hành hay truyền cho tạm-thời thi-hành nhưng bắt buộc phải có người bảo lãnh.

Việt xin hoãn thi-hành phải đồng thời thỉnh-cầu cùng trong một lá đơn với việc chính-Bện bị-cáo có thể phản kháng lệnh hoãn thi-hành.

TIẾT III

Việc người đệ tam tự ra can thiệp

Điều thứ 28.— Người đệ tam muốn tự ra can-thiệp phải khai vào đơn trong nói rõ các lý-lẽ cùng các điều kiện.

Đơn ấy phải sao lục ra và phải đính kèm các giấy tờ chứng-minh. Phải tổng-đạt cho đương-sự rõ việc người đệ tam tự ra can-thiệp này.

Việc xét xử vụ kiện chính, nếu vụ kiện có thể đem ra xử được rồi, sẽ không thể vì thế mà đình-hoãn lại được.

TIẾT IV

Việc tiếp tục tố-tụng

Điều thứ 29.— Việc xin tiếp-tục tố-tụng phải làm thành đơn đệ lên tòa án hành-chính và đơn này cũng được tổng-đạt theo thể-thức một đơn khởi-tổ.

Điều thứ 30.— Nếu đối-phương không xin tiếp-tục vụ kiện theo thể-thức và thời-hạn đã ấn-định cho họ đề kháng-biện thì tòa-án sẽ cứ đem việc ra xử như thường.

Nếu người đương-sự, có người đại-diện bị gọi ra tiếp tục vụ kiện, không xuất trình được bản biện-minh hay bản kháng-biện-luận nào trước khi y chết thì tòa-án sẽ xử khuyết-tịch.

Bản án sẽ coi như một bản xuất-tịch trong trường-hợp mà bị-cáo đã có xuất-trình được một bản biện-minh hoặc kháng-biện-luận. Án đó có thể thượng-cáo lên ban hành-chính tối-cao pháp-viện,

Điều thứ 31.— Nếu không có lời khai trình rõ ràng, vụ kiện sẽ coi như được tiếp-tục đối với người đương-sự bị gọi ra để tiếp tục kiện chiếu theo đơn thứ nhất y đã tổng đạt trong vụ kiện ấy, Người đương-sự nào muốn tiếp tục vụ kiện ngay không đợi đến lúc bị gọi ra hầu tòa về việc ấy, chỉ cần khai rõ trong một lá đơn đệ nạp tại phòng thư-ký. Tổng thư-ký sẽ chuyển giao lá đơn cho vị ủy-viên thuyết trình.

Điều thứ 32.— Nếu nguyên-cáo từ-trần trước khi bị-cáo xuất trình bản kháng biện-luận của y, các người thừa-kế hay các người thụ-quyền của nguyên-cáo muốn tiếp tục vụ-kiện phải đệ nạp tại phòng thư-ký tòa-án một bản biện-minh do các đương-sự cùng ký.

Điều thứ 33.— Việc xét xử một vụ án mà hồ-sơ đã đầy đủ có thể đem ra đăng-đường được sẽ không bị đình hoãn vì có các người đương-sự thay đổi tư-cách, hoặc thôi không giữ chức-vụ trước lúc họ đi kiện, vì có họ từ trần hay vì có luật-sư của họ mệnh một, từ chức, bị cấm quyền hay bị bãi truất.

Điều thứ 34.— Vụ kiện sẽ coi như có thể đem xét xử được khi công việc thẩm cứu đã đầy đủ hay khi những thời-hạn để xuất trình các giấy tờ để kháng-biện lại đã hết.

Điều thứ 35.— Vẫn có thể tiếp tục thi-hành các thủ-tục tố-tụng như thường mặc dầu có sự thay đổi tư-cách của các đương sự hoặc các đương-sự thôi không giữ những chức-vụ như ngày khởi-tổ.

TIẾT V

Việc cáo-ty

Điều thứ 36.— Muốn xin cáo-ty phải làm đơn đệ cho ông chánh-thẩm. Vị này phải thông-tri cho người bị cáo-ty biết để vị ấy khai rõ về những lý-do đã viện-dẫn trong đơn cáo-ty. Trước khi tòa ra quyết-nghị về việc cáo-ty, tòa sẽ nghe người bị cáo-ty khai-trình trong phòng nghị án, không cần phải theo thể-thức gì khác cùng là thủ-tục gì về việc đó cả.

Không thể thượng-cáo một bản án xử về việc cáo-ty được. Người đương-sự nào mà đơn xin cáo-ty bị tuyên cáo là không

thẻ chuẩn-chấp được hay bị bác vì không đủ chứng-cớ, sẽ bị phạt bạc 50 đồng (50\$00).

TIẾT VI

Việc hưu-nại

Điều thứ 37.— Muốn hưu-nại chỉ làm một tờ khai thường có đương-sự hay thụ-ủy của họ đứng ký rồi đệ nạp tại phòng thư-ký là được chấp-nhận.

Nếu sự hưu-nại là vô điều-kiện, trong trường-hợp nào tòa-án cũng có thể chứng thực cho được.

Nhưng dù các đương sự có mặt tại tòa-án cả hay chỉ được đòi gọi hợp phép thôi người xin hưu-nại cũng phải trả tiền lệ phí nếu có án-lệnh của ông chánh-thẩm hay của vị phụ-thẩm được phái-ủy ấn định ; án lệnh ấy phải ghi chú vào dưới bản kê khai lệ-phí.

Án-lệnh này sẽ đem thi-hành, dù có kháng-án khuyết-tịch hay kháng-cáo lên tòa trên mặc lòng.

CHƯƠNG III

Việc xử án

Điều thứ 38.— Các người đương-sự không có mặt khi tòa-án hành-chính nghị-án. Sẽ quyết-định theo đa-số và bản án sẽ tuyên bố trong phiên tòa công-khai.

Điều thứ 39.— Trong bản án của tòa-án phải viện-dẫn lý do và phải ghi rõ ràng đã được tuyên tại phiên-tòa công-khai.

Trong bản án phải ghi rõ : tên và lời kết-luận của đương sự ; những giấy tờ chính và những điều luật đã áp-dụng ; việc các đương-sự hay người thụ-ủy của y và vị ủy-viên Chính-phủ đã biện-thuyết những lý do của bản án cùng là tên các nhân viên đã tham dự vào việc xét xử.

Khi tòa tuyên-án trừng-phạt, những điều-luật áp-dụng phải ghi rõ nguyên-văn,

Những bản-án của tòa-án hành-chính sẽ ghi vào một cuốn sổ dùng riêng về việc đó, có đánh dấu và có ông chánh-thẩm hoặc vị phụ-thẩm được ủy-nhiệm phê-chú vào. Bản chính án vẫn phải có chữ ký của ông chánh-thẩm, hai ông phụ-thẩm và tổng thư-ký,

Điều thứ 40.— Ở thượng từ bản án của tòa-án hành-chính phải ghi như sau :

« Nhân danh nhân dân Việt-Nam tòa-án hành-chánh... »

Các bản toàn sao án-văn do tổng thư-ký cấp-phát phải có văn-thức chấp-hành như sau :

Quốc-trưởng ủy và ra lệnh cho tổng-trưởng bộ (nói rõ bộ sở quan) chiếu y kỳ phạt và truyền cho các thừa-phát-lại được thôi-triệu về các phương-pháp chấp-hành theo luật thường đối với tư-nhân đem bản án này thi-hành.

Tổng thư-ký không được cấp phát bản toàn sao án-văn khi án này chưa có chữ ký.

Điều thứ 41.— Bản chính các án-văn của tòa-án về mỗi vụ phải lưu-trữ tại phòng thư-ký cùng với thư tín, và những giấy tờ liên-quan đến việc thẩm-cứu.

Phải hoàn lại cho đương-sự những giấy tờ nào thuộc riêng của họ, trừ phi tòa-án có truyền rằng một vài bản giấy này phải giữ lại để đính kèm vào bản-án thì không kể.

Mnối chứng thực việc đã giao hoàn lại cho đương sự các giấy tờ của họ, tổng thư-ký sẽ ghi chú và đề rõ ngày làm việc này vào sổ ở ngoài lề bản đơn khởi tố. Tổng thư-ký cùng với người đương sự hay người thụ-ủy của y phải ký ở dưới lời ghi chú này.

Điều thứ 42.— Những bản án của tòa-án hành-chính tự nó đã có hiệu-lực chấp-hành và có quyền đề đương. Việc thượng-cáo lên tối-cao pháp-viện không đình-hoãn được sự thi-hành bản án đó ; tuy nhiên tòa-án hành-chính có thể chiếu lời yêu-cầu của đương-sự sở-quan và trước mặt đối phương (hay đối phương này đã được gọi ra hợp lệ) tùy theo trường-hợp

mà truyền rằng bản án của mình chỉ đem ra thi hành khi đã có người bảo-lãnh hay sau khi đã ký quỹ một số tiền để bảo-đảm.

Số tiền ký quỹ sẽ do tòa-án hành-chính định trước mặt người bảo-lãnh.

Đương-sự nào nộp tiền ký quỹ hay chứng-minh được rằng các bất-động-sản của mình đủ trị giá để bảo-lãnh thì được miễn không phải tìm người bảo-lãnh cho mình nữa và trong trường-hợp đó các bất-động-sản ấy phải chịu để đương đến một số tiền ngang với số tiền ký quỹ.

Điều thứ 43.— Nếu vụ kiện do quốc-gia đứng nguyên-đơn hay quốc-gia đứng địa-vị bị-khống và nếu tòa-án hành-chính tuyên phạt, thời trong hạn 8 hôm sau khi tòa tuyên xử, tổng thư-ký phải chiếu lệnh của Quốc-trưởng theo đúng thể-thức ấn-định trong các điều từ 16 đến 18 tổng-đạt cho đương-sự bản toàn sao các án-văn đó. Việc tổng-đạt các án-văn thuộc về các món thuế trực-thu hay các món thuế liệt vào hạng đó cũng làm y như vậy.

CHƯƠNG IV

**Việc kháng án khuyết tịch và các phương-pháp
để kháng tố các quyết-nghị của tòa-án hành-chánh**

TIẾT I

Án xử khuyết tịch và việc kháng án khuyết tịch

Điều thứ 44.— Nếu bị-cáo không tự mình hoặc không do người thụ-ủy của mình xuất trình được bản kháng-biện-luận trong thời-hạn ông chánh-thẩm ấn-định, vụ án sẽ giao lại cho ủy-viên thuyết-trình để đem ra xét xử.

Điều thứ 45.— Khi có nhiều đương-sự bị-cáo được gọi ra tòa cùng một thời-hạn hay trong những thời-hạn khác nhau mà không ai đệ-trình bản kháng-biện-luận cả, tòa-án chỉ có thể xử khuyết-tịch sau khi đã mãn thời-hạn dài nhất.

Điều thứ 46.— Đương sự khuyết tịch có thể xin kháng án khuyết-tịch trong hai tháng. Thời hạn đó sẽ tính từ ngày bản-án đó được lục-tổng cho y bằng truyền phiếu thừa-phát-lại. Tại những nơi chưa có thừa-phát-lại, việc lục-tổng các bản-án của Tòa-án hành-chính sẽ do các nhà chức-trách hành-chính kiêm quản chức-vụ thừa-phát-lại đảm-nhiệm.

Điều thứ 47.— Sự kháng-án khuyết-tịch không làm đình-hoãn việc thi-hành bản án, trừ phi trong bản-án khuyết-tịch có định khác thì không kể.

Trong đơn xin kháng-án khuyết-tịch có thể kêu xin đình-hoãn việc thi-hành bản-án. Tòa-án sẽ xét-định về việc này sau khi vị ủy-viên thuyết-trình đã phát-biểu ý-kiến và tự rõ lý-do một cách đầy đủ.

Điều thứ 48.— Việc kháng-án khuyết-tịch lại đặt các người đương-sự vào tình trạng trước ngày có bản án.

Điều thứ 49.— Việc kháng-án của một người đương-sự khuyết-tịch chống lại một bản án xử đối-tịch với một người đương-sự khác đồng quyền-lợi với y sẽ không được chuẩn-chấp.

TIẾT II

Việc người đệ tam kháng án

Điều thứ 50.— Bất cứ người đương-sự nào cũng có thể đứng đệ-tam kháng-án để chống lại một bản-án xử thiệt-hại đến quyền-lợi của y khi vụ án ấy chính y hay người y đại-diện không được tòa gọi đến để khai trình.

Trong trường-hợp này sẽ phải làm các thủ-tục dự-thăm định từ điều thứ 12 đến điều thứ 21 đạo dụ này.

Tòa-án tiếp nhận được đơn của người đệ-tam kháng-án có thể tùy theo trường-hợp hoặc bất chấp việc này, hoặc hoãn xử hoặc cho hoãn việc thi-hành bản án ấy.

Người đương-sự nào mà đơn xin đệ-tam kháng-án đã bị bác sẽ bị phạt bạc là 300\$.

TIẾT III

Việc kháng-cáo lên tối-cáo pháp-viện

Điều thứ 51.— Có thể xin kháng-cáo các bản-án của tòa-án hành-chánh lên ban hành-chính tối-cao pháp-viện.

Người đương-sự muốn kháng-cáo phải khai-trình tại phòng thư-ký tòa-án hành-chính hoặc chính mình khai hoặc nhờ người thụ-ủy khai bộ trong hạn một tháng kể từ ngày bản án đã được tổng đạt cho y nếu bản án này là một bản án đương-tịch ; thời hạn một tháng sẽ tính từ ngày mãn hạn kháng-án khuyết-tịch khi bản án do tòa xử là khuyết-tịch. Có thể kháng-cáo bằng đơn hay khai miệng nhưng phải nói sơ-lược những lý-do xin kháng-cáo.

Vì việc giao-thông hiện-thời khó khăn người đương-sự nào muốn kháng cáo một bản án của tòa-án hành-chính có thể gửi đơn lên tối-cao pháp-viện (ban hành-chính) bằng thư bảo đảm hay bằng điện-tín.

Ngày, tháng, ghi trong con dấu của nha Bưu-điện nơi gửi giấy đi sẽ được Tối Cao Pháp-viện ghi lấy để xét xem người đương sự có kháng cáo trong thời-hạn hợp lệ hay không.

Nếu đệ đơn kháng-cáo ngay tại phòng thư-ký ban hành-chính tối-cao pháp-viện, cũng phải theo đúng kỳ-hạn một tháng nói ở đoạn 2 điều này.

Điều thứ 52.— Trong việc tổng-đạt giấy báo-thị kháng cáo cho bị-cáo, cũng phải theo các thủ-tục nói ở điều thứ 17 và 18 trên đây.

Điều thứ 53.— Bất cứ về việc gì, thời hạn để quốc-gia kháng cáo tính từ ngày tuyên-án.

CHƯƠNG V

Án-phí

Điều thứ 54.— Người đương sự thua kiện phải nộp án-phí. Giá ngạch lệ-phí và án-phí về dân sự hiện áp-dụng tại tòa

sơ-thẩm nơi thiết lập tòa-án hành-chính cũng được đem thi-hành đối với các giấy tờ nói trong đạo dụ này.

Điều thứ 55.— Chính-phủ có thể phải chịu án - phí trong những vụ kiện liên-quan hoặc đến công - sản của quốc-gia hoặc đến việc thi-hành một bản khế-ước gọi thầu do một công sở đã ký-kết, hoặc đến sự bồi-thường tổn hại mà tòa-án hành-chính đã phải xét xử.

Về các khoản thuế trực-thu, lệ-phí giám - định sẽ do các xã, thôn hay quốc-gia đài-thọ tùy theo trường-hợp nếu số thuế được miễn, hoặc được giảm đi toàn phần hay một đôi phần.

Ủy viên thuyết trình phụ-trách việc thanh toán các lệ-phí giám định đó.

Điều thứ 56.— Chỉ được gồm vào trong các án-phí các món tiền sau đây : tiền tem, tiền trước-bạ ; lệ-phí sao các đơn và các bản biện minh, lệ phí giám-định, điều tra, hoặc làm các phương-pháp thẩm-cứu khác cùng là lệ phí tổng đạt bản quyết nghị.

Điều thứ 57.— Nếu cần, bản án tuyên xử về vụ kiện có thể ghi cả việc thanh-toán các án-phí.

Điều thứ 58.— Nếu bản liệt-kê án-phí không trình tòa kịp, việc thanh-toán các khoản đó sẽ do ủy-viên thuyết-trình làm sau. Đương-sự có thể phản-kháng việc thanh-toán lệ-phí trên tại tòa-án, hạn trong 15 ngày kể từ ngày được tổng-đạt.

TỔNG TẮC

Điều thứ 59.— Tất cả các điều qui-định từ trước trái với dụ này đều bãi bỏ.

Điều thứ 60.— Phó Thủ-tướng, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, bộ Trưởng phủ Thủ-tướng kiêm nội-vụ và tổng thư-ký Chính-phủ, chiếu theo nhiệm-vụ lãnh thi-hành đạo dụ này. Đạo dụ này sẽ đăng vào Công-báo Việt-Nam.

Làm tại Saigon ngày 5 tháng giêng năm 1950

BẢO-ĐẠI

III.— THAM-CHÍNH-VIỆN

Dự số 38 ngày 9 tháng 11 năm 1954 tồ-chức Tham-Chính-Viện

ĐỨC BẢO ĐẠI, QUỐC TRƯỞNG

Chiếu Dự số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tồ-chức và điều hành các cơ quan công quyền ;

Chiếu Dự số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tồ-chức quy-chế các công-sở ;

Chiếu-Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tồ-chức tư-pháp quốc-gia ;

Chiếu Dự số 5 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tồ-chức tối-cao pháp-viện ;

Chiếu Dự số 5 ngày 29 tháng 3 năm 1954 sửa đổi Dự nói trên ;

Chiếu Dự số 15 ngày 19 tháng 6 năm 1954 bổ nhiệm Thủ-tướng Chính-phủ ;

Chiếu Sắc-lệnh số 43-CP ngày 6 tháng 7 năm 1954 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiếu Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định chức chương của tổng-trưởng bộ tư-pháp ;

Theo đề-nghị của tổng-trưởng bộ tư-pháp ;

Sau khi hội-đồng tổng-trưởng đã thảo-luận.

DỰ :

Điều thứ nhất.— Ban hành-chính tối-cao pháp-viện do Dự số 5 ngày 18 tháng 10 năm 1949 thiết-lập và Dự số 5 ngày 29 tháng 3 năm 1954 sửa đổi, nay bãi bỏ, và được thay thế bằng một cơ-quan mệnh danh là tham-chính-viện.

Quản hạt của tham-chính-viện gồm toàn cõi Việt-Nam.
Trụ-sở tham-chính-viện đặt tại Saigon-

CHƯƠNG I

Thành phần tham-chính-viện

Điều thứ 2.— Tham-chính viện gồm có những cơ quan sau:

- 1^o) Một ban tài-phán,
- 2^o) Một ban hành-chính,
- 3^o) Một đại hội-đồng tham-chính-viện,
- 1^o) Một phòng tổng thư-ký.

Điều thứ 3. — Nhân viên tham-chính-viện gồm có :

- 1^o) Một chủ-tịch,
- 2^o) Một hay hai phó chủ tịch,
- 3^o) Một số cố-vấn và tham-ng nghị đủ để làm tròn mọi nhiệm vụ của viện.
- 4^o) Một tổng thư-ký, có một hay nhiều thư-ký trợ-lực.

Điều thứ 4.— Chủ tịch tham-chính-viện :

a) Chủ tọa ban tài-Phán và ban hành chính.

Ban tài-phán, theo thường lệ, do chủ-tịch tham-chính-viện chủ-tọa.

Ban hành-chánh sẽ do một phó chủ-tịch chủ-tọa.

Tuy nhiên, nếu xét cần, chủ-tịch tham-chính-viện sẽ chủ-tọa tọa ban tài-phán hay ban hành-chính.

b) Đốc-biên hoạt-động tổng-quát của tham-chính-viện.

c) Phân chia công việc cho các ban.

d) Thay mặt viện trong mọi sự giao-thiệp với mọi cơ-quan chính-quyền và tư-nhân.

Trong khi vắng mặt, chủ-tịch sẽ do vị phó chủ-tịch cao-niên nhất thay thế.

Điều thứ 5.— Thành phần ban tài-phán tham-chính-viện gồm có :

- Một chánh thẩm,
- Hai hội thẩm,

— Một ủy-viên Chính-phủ.

Chánh-thẩm sẽ chọn trong hàng chủ-tịch, phó chủ-tịch hay cố vấn tham-chính-viện.

Hội thẩm sẽ chọn trong hàng cố-vấn tham-chính-viện.

Ủy-viên Chính-phủ sẽ chọn trong hàng cố-vấn.

Nếu cần, sẽ cử thêm phó ủy-viên Chính-phủ, chọn trong hàng tham-ng nghị, để giúp việc ủy-viên Chính-phủ.

Thành-phần ban hành-chính tham-chính-viện gồm có :

— Một chủ-tịch,

— Hai cố vấn,

— Một số tham-ng nghị, nhiều hay ít, tùy theo nhu cầu công-vụ.

Chủ-tịch ban hành-chính sẽ chọn trong hàng phó chủ tịch hay cố vấn tham-chính-viện.

Các cố-vấn ban hành-chính sẽ chọn trong hàng cố-vấn tham-chính-viện.

Trong mỗi vụ, chủ-tịch ban hành-chính sẽ cử một cố-vấn hay một tham-ng nghị để giữ chức thuyết-trình viên.

Bắt đầu mỗi lục-cá-nguyệt, sau khi hỏi ý - kiến các phó chủ-tịch, chủ-tịch tham-chính-viện sẽ lập bản luân-chuyển các thẩm-phán trong các ban.

Điều thứ 6.— Đại hội-đồng tham-chính-viện gồm có toàn-thể nhân-viên tham-chính-viện (cố-vấn, tham-ng nghị, ủy-viên và phó ủy-viên Chính-phủ).

Đại hội-đồng phát biểu ý-kiến về việc áp - dụng những khoản trừng-phạt đối với các thẩm-phán hành - chính phạm kỷ-luật.

Ngoài ra, chủ-tịch tham-chính-viện có thể ủy-nhiệm cho đại-hội-đồng tham-chính viện :

1) Thẩm-định những vụ án hành-chính quan-trọng ;

2) Phát-biểu ý-kiến về những dự-thảo luật, dụ, sắc-lệnh và nghị-định quan-trọng.

Đại-hội-đồng do chủ - tịch tham-chính-viện chủ - tọa và nhóm họp, hoặc do tổng-trưởng tư-pháp, hay chủ-tịch tham-chính-viện triệu-tập, hoặc theo lời yêu-cầu của đại đa-số cố-vấn và tham-nghị. Các quyết-nghị của đại - hội - đồng tham-chính-viện chỉ có hiệu-lực về phương-diện pháp-lý khi nào số nhân-viên dự phiên họp gồm có $\frac{2}{3}$ tổng - số nhân - viên của toàn viện.

CHƯƠNG II

Quy-chế nhân-viên tham-chính-viện.

Điều thứ 7.— Nhân-viên tham-chính-viện cũng là nhân-viên tòa-án hành-chính, trừ tổng thư-ký và các thư-ký trợ lực, đều thuộc về một ngạch thẩm-phán, mệnh danh là Thẩm-phán hành-chính.

Điều thứ 8.— Một đạo dụ sau sẽ ấn-định quy-chế riêng cho ngạch thẩm-phán nói ở điều trên.

CHƯƠNG III

Thẩm-quyền tham-chính-viện

Điều thứ 9.— Ban tài - phán tham-chính-viện có thẩm-quyền :

1) Phúc-thẩm các bản-án do tòa-án hành-chính xử sơ-thẩm :

2) Xét xử các việc xin phá các bản-án do tòa-án hành-chính hay những pháp-định có tính-cách hành-chính xử chung-thẩm.

3) Sơ-thẩm và chung-thẩm những việc xin thủ tiêu các quyết-định hành-chính, cá-nhân hay lập-quy, có những tí-tích kể sau.

a) Lạm-quyền,

b) Vô thẩm-quyền,

c) Vi-luật.

d) Không có lý-do, hay căn cứ vào lý-do không xác-thực

4.) Xử và chung thẩm mọi vụ tranh-tụng liên-quan đến tình-trạng hành-chính của các công-chức do sắc-lệnh Quốc-trưởng hay nghị-định Thủ-tướng bổ-nhiệm.

Điều thứ 10 — Trong bất cứ trường-hợp nào, tham-chính-viện chỉ có thể xét xử khi nào có một quyết-nghị của nhà chức-trách hành-chính, hay một bản-án của tòa-án hành-chính hay một pháp-đình hành-chính nào khác.

Nhà chức-trách hành-chính nào tiếp đơn thỉnh-cầu của ai về một việc gì mà lặng thinh trong một thời-gian là hai tháng sẽ coi như là đã ra quyết-nghị bác lời thỉnh-cầu đó.

Điều thứ 11.— Thẩm-quyền của ban hành-chính tham-chính-viện được ấn-định như sau :

1.) Thẩm-quyền cố-vấn,

2.) Thẩm-quyền dự-pháp.

Điều thứ 12.— Về địa-hạt thẩm-quyền cố-vấn, ban hành-chính phát-biểu ý-kiến về những văn-kiện sau đây :

1.) Nhượng quyền khai-thác một nguyên-liệu thiên-nhiên của quốc-gia, một công-vụ hay một độc-quyền thương-mại ;

2.) Khế-ước hành-chính giữa một cơ-quan hành-chính và tư-nhân, khi nào giá-trị ngang hay trên 500.000\$.

3.) Cho phép các pháp-nhân hành-chính nhận những tặng dũ bằng tiền hay hiện vật, có điều-kiện kèm theo ;

4.) Thiết lập hay bãi bỏ các công-cuộc hành-chính quốc-gia địa-phương ;

Đối với những văn-kiện kể trên, ý-kiến của ban hành-chính là một hình-thức quan hệ, nếu thiếu, văn-kiện sẽ coi như là vô hiệu lực,

Tuy nhiên, nhà chức-trách không bó buộc phải tuân theo những ý-kiến do tham-chính viện phát-biểu.

Điều thứ 13.— Ngoài những văn-kiện kể trên cơ-quan lập pháp, Thủ-tướng hay nhân-viên Chính-phủ có thể yêu-cầu tham-chính-viện phát-biểu ý-kiến về bất cứ một vấn-đề gì.

Những ý-kiến của tham-chính-viện bao giờ cũng phải căn-cứ vào những lý-do chính-đáng, nhưng không bao giờ ràng buộc cơ-quan đứng hỏi.

Điều thứ 14.— Về địa đặt thẩm-quyền dự-pháp, ban hành-chính :

a) Phát-biểu ý-kiến về những dự-thảo luật, dụ, sắc-lệnh nghị-định do cơ-quan lập-pháp hay Chính-phủ tự ý chuyển sang tham chính-viện để lấy ý kiến.

b) Dự thảo các dự-án luật, dụ, sắc-lệnh nghị-định nếu cơ-quan lập pháp hay Chính-phủ yêu cầu. Lẽ cố nhiên, cơ-quan lập pháp hay Chính-phủ giữ quyền tuyệt đối sửa đổi mọi dự-thảo của tham-chính-viện,

Ngoài ra, khi nào một đạo luật hay dự-định rằng trước khi thảo nghị định thi-hành đạo-luật hay dụ ấy, cần phải hỏi ý kiến tham-chính-viện, cơ-quan thảo nghị-định nói trên bỏ buộc phải hỏi ý-kiến tham-chính-viện.

Trong trường-hợp này, ý kiến của tham-chính-viện không bó buộc cơ quan đứng hỏi.

Điều thứ 15.— Chính-phủ bỏ buộc phải chuyển sang để lấy ý kiến của tham-chính-viện về những dự thảo dụ, sắc-lệnh hay nghị-định :

a) Liên-quan đến mọi quyền tự-do của công-dân ;

b) Quy-định quy-chế của mọi ngạch công-chức ;

c) Quy-định quy-chế của mọi nghề-nghiệp tự-do ;

d) Liên-quan đến việc cải-tổ nền hành-chính quốc-gia hay địa-phương ;

e) Liên-quan đến các công-thải, bất-luận số tiền vay là bao nhiêu, hay cơ-quan hành-chính nào đứng vay ;

f) Liên-quan đến sự tổ-chức các tòa án hành-chính và tham-chính-viện.

Ý-kiến của tham-chính-viện không bao giờ bó buộc cơ-quan đứng hỏi.

Điều thứ 16.— Nếu xét ra cần, đại hội-dồng tham-chính-viện có quyền đề-nghị lên cơ-quan lập pháp hay Chính-phủ sửa đổi những điểm hoặc tối-nghĩa, hoặc mâu - thuẫn, hoặc khiếm-khuyết trong nền pháp-luật hiện-lại.

Điều thứ 17.— Ngoài những thẩm-quyền kể ở các điều thứ 6 và 16 dụ này, đại-hội-dồng tham-chính-viện còn có thể phát-biểu ý-kiến về những vấn-đề biến-pháp quốc-tế, hay lập-pháp do cơ-quan lập-pháp, Thủ - tướng hay một tổng - trưởng nào chuyển sang đề lấy ý-kiến.

CHƯƠNG IV

Phương-pháp tố-tụng

Điều thứ 18.— Đơn khiếu-nại của các đương - sự sẽ do người đương sự hay người thụ-ủy của y ký tên.

Điều thứ 19.— Đơn kháng-nại của các công-sở sẽ do tổng-trưởng hay bộ-trưởng sở-quan ký, hay vị công-chức được ủy-nhiệm đứng kháng-nại ký.

Điều thứ 20.— Đơn kháng-nại và đơn khiếu-nại cùng tất cả các giấy tờ khác do đương-sự xuất-trình phải gửi tới phòng tổng thư-ký tham-chính-viện. Các giấy tờ nói trên có thể gửi thẳng tới chủ-tịch tham-chính-viện và được miễn tem.

Tổng thư-ký tham-chính-viện phải giữ một quyển sổ thứ tự, trong đó ghi các đơn khiếu-nại và kháng-nại đã tiếp nhận được. Trên các đơn và giấy tờ nói trên, phải đóng dấu ghi rõ ngày tháng tiếp nhận. Nếu đương sự thỉnh cầu, tổng thư-ký phải cấp cho y một tấm giấy chứng-thực nhận rằng đơn khiếu-nại, cùng các bản biện - minh của y đã gửi tới phòng tổng thư-ký rồi.

Điều thứ 21.— a) Trừ khi có điều lệ định khác thì không kể, các đơn kháng-nại hay khiếu-nại gửi đến tham-chính-viện chỉ được chấp-nhận trong một hạn là hai tháng.

Hạn ấy bắt đầu từ ngày công-bố quyết-nghị hành-chính bị khiếu-nại.

Trong trường-hợp quyết - định trên phải tổng - đạt cho đương-sự, thời-hạn đó bắt đầu từ ngày tổng-dạt.

b) Thời-hạn này sẽ được đính kèm trong trường hợp đương sự làm đơn xin thủ-tiêu quyết-nghị hành-chính hoặc trước nhà chức-trách tác-giả, hoặc trước thượng-cấp của họ.

Nếu nhà chức-trách không trả lời, sự im lặng kéo dài hai tháng được coi như là một quyết-nghị từ chối. Như vậy thời hạn hai tháng ghi ở đoạn a sẽ tính từ ngày hạn hai tháng đã mãn.

Điều thứ 22.— Việc xin thủ-tiêu một quyết-nghị hành-chính trước tham-chính-viện không có hiệu-lực làm đình-chỉ sự thi-hành văn-kiện đó. Tuy nhiên, nếu xét sự thi-hành một quyết-nghị có thể gây ra những kết-quả không đền bù được, chủ-tịch tham-chính-viện có thể, theo lời thỉnh-cầu của đương sự, sau khi báo cho đối-phương biết, ra án-lệnh tạm hoãn việc thi-hành.

Việc xin hoãn thi-hành phải thỉnh-cầu trong cùng một lá đơn với việc chính.

Điều thứ 23.— Ba ngày sau khi đơn kháng nại hay khiếu-nại đã đăng-ký tại phòng tổng thư-ký rồi, chủ-tịch tham-chính-viện sẽ cử một ủy-viên thuyết-trình trong các cố-vấn hay tham-nghị và trong hạn 24 giờ phải giao hồ sơ cho vị đó.

Ủy-viên thuyết-trình đốc-biên công việc thẩm cứu và phải hoàn-thành trong một hạn là 5 tháng, trừ khi có án-lệnh ghi rõ lý-do của chủ-tịch tham-chính-viện.

Điều thứ 24.— Chủ-tịch tham chính-viện sẽ ra lệnh thông báo các đơn kháng-nại hay khiếu-nại cùng mọi giấy tờ đính theo cho cả hai bên đương-sự.

Tùy theo mỗi trường-hợp của vụ án, chủ-tịch tham-chính viện ấn-dịnh thời hạn cho hai bên xuất trình biện-minh và kháng-biện-luận.

Thời hạn này ít nhất là một tháng và nhiều nhất là ba tháng, trừ trường-hợp bất-khả-kháng.

Điều thứ 25.— Trong một hạn là một tuần sau ngày chủ tịch tham-chính-viện ra án-lệnh cho phép thông-báo, tổng thư-ký tham-chính-viện phải tổng-đạt cho hai bên đương-sự bản sao đơn khởi tố, cùng là bản sao các biện-minh và kháng-biện-luận đính theo. Sự tổng-đạt các giấy tờ đó làm theo phương-thức sau :

1.) Nếu là viên-chức phụ-trách việc tổ-tụng, phải tổng-đạt đến tận nơi làm việc của họ.

2.) Nếu là tư-nhân, phải tổng-đạt cho đích thân họ, hay trụ-sở của họ.

Điều thứ 26.— Sẽ chứng-nhận sự tổng-đạt các giấy theo cách thức sau :

1.) Nếu tổng-đạt cho đích thân hay đến trụ-sở đương-sự, người này phải ký biên-lai có ghi ngày tháng.

2.) Nếu tổng-đạt đến trụ-sở tuyển-định, người chủ nhà chọn làm trụ-sở tuyển-định phải ký vào biên-lai, có ghi ngày tháng.

Nếu không có biên lai, viên chức phụ-trách việc tổng-đạt phải lập biên-bản.

Biên-lai hay biên-bản phải gửi ngay đến phòng tổng thư-ký.

Điều thứ 27.— Tổng thư-ký phải gửi thư lặc-hạn báo cho viên-chức phụ-trách việc tổ tụng, hay cho đương-sự đã chậm trễ không tuân theo hạn-định, phải xuất trình các bản biện minh hay kháng-biện-luận trong thời hạn đã định.

Trong trường-hợp bất khả-kháng chủ tịch tham-chính-viện có thể gia thêm hạn.

Nếu việc tổng-đạt lặc-hạn vô hiệu-quả, hay thời-hạn cuối cùng gia thêm cũng đã hết, tham-chính-viện sẽ đem việc ra xử.

Trong trường hợp này, nếu nguyên-đơn đề quá-hạn, y sẽ được coi như tự ý hưu-nại ; nếu bên bị (tư-nhân hay cơ-quan

hành-chính) đề quá thời-hạn, y sẽ được coi như đã nhận rằng các thực-trạng trình bày trong đơn khiếu-nại là đúng.

Điều thứ 28.— Khi việc đã có thể đem ra xử được, ủy-viên thuyết-trình sẽ lập tờ trình, cùng thảo một dự-án quyết-nghị.

Đơn xin hoãn xử phải căn-cứ vào một sự kiện mới. Nếu vi-lệnh này, sẽ phải phạt bạc tới 5000\$.

Án phạt bạc sẽ do ban tài-phán tham-chính-viện quyết định chung-thầm.

Bút-lục cùng tờ trình và dự-án quyết-nghị sẽ chuyển ngay cho ủy-viên Chính-phủ.

Điều thứ 29.— Khi án đã xử đối với nhiều đương-sự, mà trong số đó có người đã đệ bản kháng-biện-luận rồi, có người không đệ, thời bản án đó được coi như là tuyên-xử chung đối với tất cả những người đó.

CHƯƠNG V

Cách thức phiên họp

Điều thứ 30.— Sau khi thỏa-hiệp với chủ-tịch tham-chính-viện, ủy-viên Chính - phủ sẽ định ngày đem vụ án ra đăng-đường.

Các phiên xử án đều công-khai.

Các điều-khoản về việc cảnh-sát phiên tòa trong bộ dân-sự tổ-tụng hiện hành tại nơi tham-chính-viện có trụ-sở, sẽ áp dụng trong các phiên-xử án nói trên.

Điều thứ 31.— Sau khi ủy-viên thuyết-trình đọc bản thuyết-trình hai bên đương sự hay luật-sư của họ (nếu họ mướn luật-sư) sẽ biện-hộ và ủy-viên Chính-phủ sẽ kết luận.

Ngoài ra, chỉ có luật-sư thực-thụ mới có thể biện-hộ trước ban tài-phán tham-chính-viện.

CHƯƠNG VI

Việc xử án

Điều thứ 32.— Các khoản nghị xử phải đem đọc công-khai.

Trong án-văn phải ghi tên họ, trú sở của các đương-sự cùng là lời kết-luận của họ, các giấy tờ chính, các đạo luật áp dụng.

Chủ tịch tham-chính-viện, ủy-viên thuyết-trình, các cố-vấn, tổng thư-ký sẽ ký vào án-văn. Trong biên-bản các cuộc thảo-luận, sẽ ghi các lời lẽ án-văn.

Điều thứ 33.— Thượng-từ các án-văn của tham-chính-viện sẽ ghi chú như sau : *Nhân danh nhân-dân Việt-Nam, tham-chính-viện.*

Bản sao án-văn do tổng thư-ký tham-chính-viện cấp phát sẽ có văn-thức chấp-hành như sau :

« Quốc-trưởng phải ủy và hạ lệnh cho tổng-trưởng (nói rõ bộ hay những bộ đã chỉ định trong án-văn) về phần các vị đó và cho các thừa-phát-lại đã được thời triệu, về phần các phương-pháp chấp-hành của thường luật đối với các tư-nhân đương-sự, đem bản án này ra thi-hành. »

CHƯƠNG VII

Phương pháp kháng-tổ các bản án khuyết-tịch Việc xin kháng-án của đệ tam nhân

Điều thứ 34.— Tổng thư-ký tham-chính-viện sẽ gửi bản sao án-văn của tham-chính-viện cho tổng-trưởng sở quan và, nếu cần, cho chánh tòa đã xử bản án bị kháng.

Điều thứ 35.— Nếu bên bị, hay người thụ-ủy của họ, không xuất trình bản kháng-biện-luận trong thời hạn chủ-tịch tham-chính-viện đã ấn-định, thời hồ-sơ vụ án sẽ chuyển cho ủy-viên thuyết-trình để đem ra xử tại tham-chính-viện.

Điều thứ 36.— Nếu bên bị gồm có nhiều đương-sự không bị đưa ra truy-tổ cùng một lượt, mà không người nào xuất trình kháng-biện-luận cả, thì bản-án chỉ có thể xử khuyết-tịch, khi những thời-hạn dài nhất đã hết.

Điều thứ 37.— Có thể kháng những bản án do tham-chính-viện xử khuyết-tịch. Việc kháng-án khuyết-tịch không làm hoãn sự thi-hành án, trừ khi có án-lệnh của chủ-tịch tham-chính-viện định khác. Đơn xin kháng-án phải nộp trong hạn 2 tháng kể từ ngày tổng-đặt bản án khuyết-tịch.

Quá hạn đó đơn sẽ không được chấp.

Muốn kháng án, đương-sự phải đệ trình tham-chính-viện một lá đơn ghi rõ mọi lý do kháng-án.

Điều thứ 38.— Quyết nghị chấp đơn kháng-án của tham-chính-viện có hiệu lực đặt hai bên đương-sự vào tình-trạng trước khi có án quyết-tịch.

Phải tổng-đạt quyết-nghị nói trên cho đối phương trong hạn 8 ngày kể từ ngày ra quyết-nghị.

Điều thứ 39.— Đơn kháng-án của một bên đương-sự vắng mặt hôm đăng-đường sẽ không được chấp-nhận, nếu bản án đó xử đương-tịch đối với một bên có quyền lợi y hệt như đương sự vắng mặt nói trên.

CHƯƠNG VIII

Án-phí

Điều thứ 40.— Tham-chính-viện ấn định rõ trong án-văn đương sự nào phải chịu án-phí.

Quốc-gia có thể xử phải chịu án-phí.

Điều thứ 41.— Án-phí gồm có tiền tem, trước bạ, lệ-phí lục-sự, các lệ-phí khác và lệ-phí thừa-phát-lại.

CHƯƠNG IX

Tổng-tắc

Điều thứ 42.— Nếu cần, Thủ-tướng Chính-phủ sẽ ra nghị-định ấn-định rõ ràng những phương-pháp cần-thiết cho việc thi hành dụ này, chiếu đề-nghị của tổng-trưởng bộ tư-pháp.

Điều thứ 43.— Tất cả các điều-khoản trước trái với dụ này nhất là các điều-khoản từ 56 đến 82 (chương II) dụ số 5 ngày 18 tháng 10 năm 1919, và các đoạn b trong các điều khoản 2, 3, 4, 6 (mới) của dụ số 5 ngày 29 tháng 3 năm 1954 đều bãi bỏ.

Điều thứ 44.— Thủ-tướng Chính-phủ, tổng-trưởng bộ tư-pháp, tổng-trưởng bộ tài-chánh, chiếu nhiệm vụ, lĩnh thi hành dụ này.

Dụ này sẽ đăng vào Công báo Việt-Nam,

Làm tại Saigon, ngày 9 tháng 11 năm 1954

Thừa ủy-nhiệm Đức Quốc-trưởng,

Thủ-tướng Chính-phủ,

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

PHẦN THỨ TƯ

TỔ-CHỨC CÁC TÒA-ÁN ĐẶC-BIỆT

1.— TÒA-ÁN THIẾU-NHI

Luật số 11/58 ngày 3 tháng 7 năm 1958
« Thiết-lập và tổ-chức Tòa-án Thiếu-nhi »

Quốc-Hội đã thảo-luận và biểu-quyết,

Tổng-Thống ban-hành Luật số 11/58 ngày 3 tháng 7 năm 1958 nguyên-văn như sau :

CHƯƠNG I

Điều-khoản tổng-quát

Điều thứ nhất.— Tổ-chức và hoạt-động của Tòa-án Thiếu-nhi được ấn-dịnh theo thể-thức dự-liệu trong luật này.

Các Tòa-án Thiếu-nhi sẽ được thành-lập bằng Sắc-lệnh tại các nơi xét ra cần-thiết.

Nơi nào không có Tòa-án thiếu-nhi, Tòa thường xét xử Thiếu-nhi chiếu theo các điều-khoản của Luật này.

Điều thứ 2.— Tòa-án Thiếu-nhi xét xử các Thiếu-nhi dưới 18 tuổi, can tội đại-hình hay tiểu-hình. Tuy nhiên, trong trường hợp có đồng-phạm hay đồng-lõa 18 tuổi hay trên 18 tuổi, Tòa-án thường có thẩm-quyền xét xử, nhưng phải áp-dụng luật này đối với các can-phạm thiếu-nhi dưới 18 tuổi.

Điều thứ 3.— Nếu hoàn-cảnh và cá-nhân của can-phạm bắt buộc, Tòa-án Thiếu-nhi có thể chiếu hình luật xét xử phạt tù vị-thành-niên trên 13 tuổi. Vị-thành-niên 13 tuổi và dưới 13 tuổi không thể bị phạt tù.

Điều thứ 4.— Bên cạnh Tòa-án Thiếu-nhi sẽ có những phụ tá xã-hội, có nhiệm-vụ trợ giúp Biện-lý thi-hánh bản án về những biện-pháp cứu-tế, kiểm-soát hay giáo-hóa thiếu-nhi phạm pháp nói ở điều 15.

Điều thứ 5.— Thường luật được áp-dụng trước Tòa-án thiếu-nhi, ngoài những điều-khoản đặc-biệt ghi ở luật này.

Điều thứ 6.— Trước khi xét xử thiếu-nhi dưới 18 tuổi, phải có cuộc thẩm-vấn sơ-khởi. Những thủ-tục trực-tổ hay quả-tang có thể được áp-dụng một cách biệt-lệ, nếu xét xử có cho bị can.

CHƯƠNG II

Việc thăm-vấn

Điều thứ 7.— Chánh-án Tòa-án Thiếu-nhi có thể kiêm-nhiệm chức-vụ Dự-thăm.

Điều thứ 8.— Dự-thăm phải thông-báo cho cha mẹ, người giám-hộ hay người có phận-sự gìn-giữ thiếu-nhi biết việc truy tố đứa trẻ.

Nếu đứa trẻ hoặc những người nói trên chưa chọn được Luật-sư, Dự-thăm phải yêu-cầu Thủ-lãnh Luật-sư-đoàn chỉ-định Luật-sư để biện-hộ.

Nếu vi-phạm điều này, thủ-tục sẽ vô-hiệu.

Điều thứ 9.— Dự-thăm thăm-vấn vị-thành-niên, cha mẹ y, hoặc người có phận-sự gìn-giữ hay mọi người xét ra cần ích cho cuộc thăm-vấn.

Dự-thăm cho điều-tra bằng mọi phương-diện thông-thường về tình-trạng vật-chất lẫn tinh-thần của gia-đình nghi-phạm, về lai-lịch, tính-hạnh, học-hành về điều-kiện sinh sống, nuôi-dưỡng của đứa trẻ, và cũng có thể cho khám sức khỏe của đứa trẻ.

Tuy nhiên, Dự-thăm có thể, vì quyền-lợi của đứa trẻ, không thi-hành hay chỉ cho thi-hành một vài biện-pháp kể trên mà thôi. Trong trường-hợp ấy, Dự-thăm phải viện dẫn mọi lý-do trong án-lệnh.

Điều thứ 10.— Dự-thăm có thể tạm-thời gửi đứa trẻ :

— cho cha mẹ, người giám-hộ, người có phận-sự gìn-giữ, hay một người nào khác đáng tin cậy ;

— vào một hội phước-thiện ;

— vào một cơ-quan cứu-tế, giáo-hóa, đào-luyện nghề-nghiệp hay bảo-dưỡng sức khỏe ;

Nếu xét tình-trạng vật-chất hay trí-não của đứa trẻ cần

phải được quan-sát, Dự-thẩm có thể ra án-lệnh tạm gửi đứa trẻ vào một bệnh-viện.

Sự tạm gửi ở các nơi nói trên có thể bãi bỏ bất cứ lúc nào.

Công-tổ-viện, đứa trẻ, cha mẹ, người giám-hộ, người có phận-sự gìn-giữ, có quyền kháng-cáo án-lệnh Dự-thẩm về các biện-pháp tạm gửi nói trên. Sự kháng-cáo này không có hiệu-lực đình-chỉ sự thi-hành các án-lệnh ấy.

Phòng Luận-tội Tòa Thượng-thẩm Tiều-binh, ghi ở điều 13 xét xử các việc kháng-cáo các án-lệnh của Dự-thẩm.

Điều 11.— Thiếu-nhi trên 13 tuổi không thể bị giữ tạm trong lao tạm giam, ngoại trừ trường-hợp đặc-biệt mà không thể thi-hành biện-pháp nào khác. Trong trường-hợp này, các trẻ em ở một khu-vực riêng.

Bất cứ trường-hợp nào các trẻ 13 tuổi hay dưới 13 tuổi không thể bị tạm giữ trong lao tạm giam.

Trong trường-hợp cần-thiết cho cuộc thẩm-cứu, thiếu-nhi 13 tuổi hay dưới 13 tuổi phải được giữ riêng cách biệt với các trẻ lớn tuổi hơn.

CHƯƠNG III

Việc xử án

Điều thứ 12.— Các Thẩm-phán Tòa-án Thiếu-Nhi sẽ do Nghị-định Bộ-Trưởng Tư-Pháp chỉ-định.

Điều thứ 13.— Thành-phần xử án các Tòa-án Thiếu-Nhi như sau :

a) Cấp Sơ-thẩm tiều-hình :

1 Thẩm-phán Chánh-án,

b) Cấp Thượng-thẩm tiều-hình :

1 Hội-thẩm Tòa Thượng-thẩm Chánh-án,

2 Thẩm-phán Phụ-thẩm.

c) Cấp Sơ-thẩm đại-hình :

Chánh-án Tòa-án Thiếu-nhi Chánh-án.

2 Phụ-thẩm nhân-dân Phụ-thẩm.

d) *Cấp Thượng-thẩm đại-hình :*

1 Hội-thẩm Tòa Thượng-thẩm, Chánh-thẩm, 2 Phụ-thẩm nhân-dân Phụ-thẩm.

Phụ-thẩm nhân-dân các Tòa-án Thiếu-Nhi sẽ được chọn theo thể-thức ấn-dịnh nơi điều 91 và kế-tiếp của Dự số 4 ngày 18-10-49, tổ-chức Tư-pháp Việt-Nam.

Các vị ấy phải là những người am-hiếu vấn-đề thiếu-nhi, hoặc hoạt-động trong các cơ-quan cứu-trợ thiếu-nhi.

Điều thứ 14 — Mỗi vụ thiếu-nhi được xử riêng, can-phạm các vụ khác không được có mặt trong phiên xử.

Chỉ được dự phiên Tòa, các nhân-chứng, các thân-thuộc của trẻ, luật-sư, đại-diện các cơ-quan lo về thiếu-nhi, và những người Tòa xét cần phải có mặt.

Cấm tường-thuật cuộc tranh-luận trước Tòa-án Thiếu-nhi bằng sách-vở, báo-chí, tranh ảnh, truyền thanh, chiếu bóng hay bằng cách nào khác. Cũng cấm đăng hình ảnh của can phạm thiếu-nhi. Vi-phạm, sẽ bị phạt từ 50\$ đến 500\$. Nếu tái-phạm, có thể bị phạt từ 7 ngày đến 2 năm, ngoài số tiền phạt vạ.

Tòa-án Thiếu-Nhi tuyên án trong phiên nhóm công-khai. Có thể đăng bản án trên báo, nhưng không được đề tên của bị-can thiếu-nhi, dù là đề chữ tắt. Vi-phạm, sẽ bị phạt vạ từ 300\$ đến 2.000\$.

Điều thứ 15. — Nếu xét thiếu-nhi có tội, Tòa-án sẽ ra phán-quyết có viện dẫn lý-do, áp-dụng một trong những biện-pháp sau đây :

1) Giao cho cha mẹ, người giám-hộ, người có phận-sự gìn giữ thiếu-nhi, hay một người nào khác đáng tin cậy ;

2) Giao cho một hội phước-thiện hay một cơ-quan cứu-tế xã-hội hay cho lưu-trú trong một trường-học ;

3) Giao cho một cơ-quan giáo-hóa, đào-luyện nghề-nghiệp hay bảo-đưỡng nhi-đồng, hoặc bệnh-viện ;

4) Đưa vào một trại hướng-nghiệp, giáo-huấn kiểm-chế, hoặc giáo-huấn trừng-trị.

Tòa-án ấn-định thời-gian áp-dụng những biện-pháp nói trên, nhưng không quá ngày mà vị-thành-niên đặng 21 tuổi tròn.

Ngoài những biện-pháp nói trên, đối với thiếu-nhi trên 13 tuổi, Tòa-án có thể tuyên phạt, chiếu hình luật.

Điều thứ 16.— Công-tổ-viện, thiếu-nhi, cha mẹ, người giám-hộ, hay người đại-diện các cơ-quan có phận-sự gìn-giữ thiếu-nhi, có quyền kháng-tổ các phán-quyết của Tòa-án Thiếu-nhi theo thể-thức thường lệ.

Điều thứ 17.— Tòa-án Thiếu-nhi có thể, trong mọi trường-hợp, trừ khi có phạt tiền hay phạt giam, cho thi-hành tạm-thời các phán-quyết, mặc dầu có kháng-tổ.

Điều thứ 18.— Phán-quyết Tòa-án Thiếu-nhi chỉ được ghi trong tư-pháp lý-lịch nơi phiếu số 1 và số 2 mà thôi.

Điều thứ 19.— Bộ-Trưởng Tư-Pháp sẽ ra nghị-định để áp-dụng luật này.

Saigon, ngày 3 tháng 7 năm 1958

Ký tên : NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Sắc-lệnh số 549 - TP ngày 24 tháng 11 năm 1958 thiết-lập các Tòa-án Thiểu-Nhi xử về việc Tiểu-hình và Đại-hình cấp Sơ-thẩm tại Saigon, Định-Tường, Huế và Nha-Trang và cấp Thượng-thẩm tại Saigon và Huế,

TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Chiếu Sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng 10 hăm 1955 sửa đổi và bổ-túc bớt các văn-kịện kế-tiếp, ấn-định thành phần Chánh-phủ.

Chiếu Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định chức-chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Chiếu Dụ số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tồ-chức Tư-Pháp Quốc-Gia.

Chiếu Luật số 11/58 ngày 7 năm 1958 « thiết-lập và tồ-chức Tòa-án Thiểu-nhi » ;

Theo đề-nghị của Bộ-Trưởng Tư-Pháp.

SẮC - LỆNH :

CHƯƠNG I

Điều thứ nhất.— Nay thiết-lập Tòa-án Thiểu-nhi cấp Sơ-Thẩm xử về việc Tiểu-hình và Đại-hình tại những nơi sau đây :

- Saigon
- Định-Tường
- Huế
- và Nha-Trang

Điều thứ 2.— Tòa-án Thiểu-nhi Saigon và Định-Tường được đặt trong quân-hạt Tòa Thượng-Thẩm Saigon.

Tòa-án Thiểu-Nhi Huế và Nha-Trang được đặt trong quân-hạt Tòa Thượng-Thẩm Huế.

Điều thứ 3.— Quân-hạt và trụ-sở của mỗi Tòa-án Thiểu-nhi cấp Sơ-thẩm Saigon, Định-Tường, Huế và Nha-Trang là quân-hạt và trụ-sở của Tòa-án Sơ-thẩm hiện hữu mang cùng danh-hiệu.

CHƯƠNG II

Điều thứ 4.— Nay thiết-lập Tòa-án Thiếu-nhi cấp Thượng-Thẩm xử về việc Tiểu-hình và Đại-hình tại những nơi sau đây :

- Saigon
- Huế.

Điều thứ 5.— Quản-hạt và trụ-sở của mỗi Tòa-án Thiếu-nhi cấp Thượng-thẩm Saigon và Huế là quản-hạt và trụ-sở của Tòa Thượng-thẩm hiện-hữu mang cùng danh-hiệu.

Điều thứ 6.— Tòa-án Thiếu-nhi cấp Thượng-thẩm Saigon phúc-thẩm các vụ kháng-cáo án của Tòa-án Thiếu-nhi cấp Sơ-thẩm và của Tòa án thường xử về Thiếu-nhi trong quản-hạt Tòa Thượng-thẩm Saigon.

Điều thứ 7.— Tòa-án Thiếu-nhi cấp Thượng-thẩm Huế phúc-thẩm các vụ kháng-cáo án của Tòa-án Thiếu-nhi cấp Sơ-thẩm và của Tòa-án thường xử về Thiếu-nhi trong quản-hạt Tòa Thượng-thẩm Huế.

Điều thứ 8.— Bộ-Trưởng Tư-Pháp sẽ ra Nghị-định chỉ-định các thẩm-phán của mỗi Tòa-án Thiếu-nhi cấp Thượng-Thẩm Saigon và Huế và của mỗi Tòa-án Thiếu-nhi cấp Sơ-thẩm Saigon, Định-Tường, Huế và Nha-Trang.

Điều thứ 9.— Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp, chiếu nhiệm-vụ, thi hành Sắc-lệnh này.

Sắc-lệnh này sẽ đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

Saigon, ngày 24 tháng 11 năm 1958

Ký tên : NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

2.— TÒA-ÁN LAO-ĐỘNG

(Trích Bộ Luật Lao-Động từ điều 249 đến 279)

ĐOẠN THỨ NHẤT

Tòa-án Lao-Động — Sự lập Tòa — Chức-chương và tổ-chức.

Điều thứ 249.— Nay lập tòa-án lao-động để phân-xử các vụ cá-nhân phân-tranh xảy ra giữa chủ-nhân và công-nhân trong dịp thi-hành khế-ước lao-động.

Được kể là cá-nhân phân-tranh các vụ tranh-chấp lao-động mà theo qui-định nơi đoạn II trong chương này, không thể gọi là cộng-đồng phân-tranh.

Tòa có thẩm-quyền là tòa sở-lại nơi nào khế-ước lao-động được thi-hành.

Trong địa phận nào chưa có lập tòa-án lao-động thì các vụ phân tranh sẽ đưa ra tòa-án dân-sự phổ thông xét xử.

Điều thứ 250.— Tòa Lao-động do sắc lệnh của Quốc Trưởng thiết lập, chiếu theo hiệp nghị của tổng-trưởng bộ tư pháp và tổng-trưởng bộ lao-động, trong địa-phận hành-chính hay hay trong đô-thị nào mà sự quan-trọng của kỹ-ngệ và thương-mãi biểu thị sự cần thiết phải lập tòa ấy.

Sắc-lệnh thiết-lập tòa-án định luôn quân-hạt thẩm-quyền của mỗi tòa.

Điều thứ 251.— Các tòa-án lao-động hoạt-động dưới quyền kiểm tra của tổng-trưởng bộ tư-pháp.

Sau mỗi phiên xử, quan chánh-án hay, nếu vắng mặt, viên thư-ký tòa gửi tờ lược-thuật các vụ đã xử, một đảng cho tổng-trưởng bộ tư-pháp để phúc-trình, một đảng cho thanh-tra lao-động địa-phương để tường-tri.

Các tòa-án dân-sự phổ-thông xử các vụ phân-tranh lao-động phải thi-hành trái vụ ấy.

Điều thứ 252.— Tòa-án lao-động gồm có :

— Một quan tòa tạp-tụng hay quan tòa

kiêm chức ấy chánh-án

— Hai chủ-nhân bồi-thăm

— Hai thuộc viên hay thợ thuyền bồi thăm

Mỗi năm quan chánh-tòa tạp-tụng hay quan tòa chỉ nơi đoạn trên sẽ do nghị-định của tổng-trưởng bộ tư-pháp cử đặt.

Điều thứ 253.— Mỗi năm, trong vòng 15 ngày đầu tháng mười dương lịch, thanh-tra lao-động sau khi hỏi ý-kiến các tổ-chức nghề-nghiệp quan-hệ lập về mỗi hạng sau đây một bản danh sách gồm có :

— 25 tên chủ nhân bất luận quốc-tịch nào;

— 25 tên thuộc-viên và thợ thuyền bất luận quốc-tịch nào có thể làm bồi-thăm tòa-án lao-động.

Người nào dùng 25 tuổi và hưởng-dụng dân-quyền và chánh-trị quyền mới được ghi tên vào bản ấy.

Trong vòng 15 ngày đầu tháng chạp sau, thủ-hiến địa phương có một quan tòa do tổng-trưởng bộ tư-pháp đề-cử và thư-ký của tòa-án lao động phụ-tá rút thăm dựng lập một bản danh sách những vị bồi-thăm đề tồ-hợp tòa ấy.

Sẽ bắt thăm :

a) Về hạng chủ nhân :

— Hai bồi-thăm thiết thọ;

— Hai bồi-thăm dự-khuyết,

b) Về hạng thuộc viên và thợ thuyền :

— Hai bồi-thăm thiết thọ;

— Hai bồi-thăm dự-khuyết.

Điều thứ 254.— Bồi-thăm thiết thọ và dự khuyết đều được nghị-định thủ hiến địa-phương bổ nhiệm với thời hạn một năm và bắt đầu nhiệm chức kể từ ngày mồng 1 tháng giêng dương lịch sau ngày rút thăm.

Khi bận việc thi bồi-thăm thiết-thọ sẽ được dự-khuyết thay thế theo thứ tự rút thăm.

Nếu trong năm có ai từ-chức hay chết, thì sẽ do theo thể-thức trên đây mà chọn bồi-thăm khác.

Nếu một bồi-thăm khiếm-diện, thì bồi-thăm nhỏ tuổi hơn hết bên hạng dự-số không dự xử.

Điều thứ 255.— Hai nhân-viên hành-chính, do nghị-định tổng-trưởng bộ tư-pháp chọn định, đảm nhiệm chức vụ thư ký và thông ngôn tòa-án lao-động.

Điều thứ 256.— Bồi-thăm thiết-thọ và dự-khuyết cùng thư-ký và thông-ngôn tòa-án lao-động tuyên thệ trước mặt chánh-án tòa sơ-thẩm, sẽ thi hành đúng-dẫn và thành-thật chức vụ của mình và chẳng hề khi nào tiết-lậu những điều mình được biết trong dịp thi hành chức vụ ấy.

Điều tuyên thệ ấy có thể lập bằng bút ký.

Điều thứ 257.— Nhân-viên tòa-án lao-động không hưởng lương bổng chi cả, trừ ra khi nào nhân-viên ấy là công-nhân lãnh lương công-nhật. Họ sẽ được hưởng một số tiền cấp khoản hằng ngày để bù lại ngày công đã mất ; số tiền ấy sẽ do nghị-định thủ-hiến địa-phương ấn-định sau khi hỏi ý-kiến ủy-ban tư-vấn lao-động địa-phương.

Nếu nhân-viên ở ngoại thành phố là nơi nhóm của tòa-án lao-động, họ sẽ được hưởng một số chuyển-phí và cư-trú phí như bồi-thăm tòa đại-hình.

Nhân-viên tòa-án lao-động không được đòi hỏi các đương sự một món tiền phí tổn nào về các thủ-tục mình đã làm cho họ.

Điều thứ 258.— Các tổn-phí về sự hoạt-động của tòa-án lao-động về phần ngân-sách quốc-gia đài-thọ.

Điều thứ 259.— Tòa-án lao-động nhóm tại chỗ do tổng-trưởng bộ tư-pháp chọn định.

Tòa ấy sẽ nhóm xử do sự triệu tập của quan chánh-án mỗi khi cần.

ĐOẠN THỨ HAI

Về thủ tục trước tòa-án lao-động

Điều thứ 260.— Nguyên cáo phải làm một lá đơn khởi-tổ khởi gấn con niêm, nộp tại phòng thư-ký tòa. Các đương-sự luôn-luôn có thể tự-ý dịch thân đến hầu tòa và trong trường hợp này, tòa sẽ hành-sự đối với họ như đã có nộp đơn vậy.

Đương sự cũng còn có thể trình đơn cho thanh-tra lao-động ; viên chức này sẽ gắng sức hòa-giải cuộc phân tranh và nếu thất bại, sẽ đệ lá đơn ấy qua tòa-án lao-động hay, bằng không có, qua tòa-án dân-sự có thẩm quyền. Thư-ký phải đăng ký đơn ấy vào một cuốn sổ có đánh số và chữ ký tắt của quan chánh-án, và giao cho nguyên cáo một biên lai nhận đơn.

Điều thứ 261.— Đương-sự sẽ được đòi đến hầu bằng thư bảo-đảm của thư-ký ; thư ấy khởi gấn tem và khi tiếp được có giấy biên nhận. Quan chánh-án thẩm-định thời hạn từ ngày gửi thư đòi hầu tại nha bưu điện chỉ ngày đi hầu là bao nhiêu; thời gian ấy phải trọn và không quá 10 ngày.

Thư đòi hầu phải biên ngày, tháng, năm, tên họ, nghề-nghiệp và trú quán của nguyên-cáo, thưa kiện việc chi, ngày và giờ đến hầu tòa. Thư ký phải đem giao thư ấy cho nha bưu-diện.

Nếu không tuân hành các thể thức định trên đây thì sự đòi hầu vô hiệu lực.

Điều thứ 262.— Các đương-sự sẽ dịch thân đến hầu tòa-án lao-động theo ngày giờ định. Họ có thể nhờ một chủ-nhân hay một công-nhân cùng làm một nghề, hay nhờ một đại-diện của tổ-chức nghề-nghiệp mà họ là hội-viên thay mặt hay phụ trợ. Người thay mặt phải có giấy ủy-quyền.

Điều thứ 263.— Nếu đến ngày định trong thư đòi của thư ký mà nguyên cáo không đi hầu, thì vụ tố-tụng sẽ bị bãi bỏ trong bộ sự kiện và chỉ có thể đem ra tòa một lần mà thôi,

sau một thời hạn 8 ngày và phải do theo thể-thức đã định về việc vô đơn đầu tiên, bằng chẳng thì vô hiệu.

Khi nào một bên đương-sự không tiếp được thư đòi hầu thì phải đòi họ lại một lần nữa.

Điều thứ 264.— Nếu bị cáo, mặc dầu có được thư đòi hầu lại vắng mặt, thì tòa sẽ kê là khiếm-diện và thăm-xét ngay vụ kiện.

Điều thứ 265.— Phiên xử của tòa-án lao-dộng được công khai, trừ khi nội vụ còn trong giai đoạn hòa-giải.

Quan chánh-án chỉ-huy cuộc tranh luận, chất vấn và đối chất đương-sự, tùy ý đòi đến hầu các chứng-cớ theo lời yêu cầu của đương-sự hay tự mình đòi đến, chiếu theo thể-thức định nơi điều thứ 261, lấy khẩu-cung của tất cả người nào mà mình ước-lượng rằng lời khai của họ có thể giúp ích cho sự giải-quyết vụ phân tranh, và cũng có thể tự mình hay giao phó cho ai khám-nghiệm cùng giám-định.

Điều thứ 266.— Khi người chồng vắng mặt, bên việc hay không cho phép, thì tòa có thể cho phép vợ hòa-giải, ra mặt nguyên cáo hay bị cáo trước tòa.

Trẻ vị thành niên không được cha hay người giám-hộ phụ trợ cũng được tòa cho phép hòa giải, ra mặt nguyên-cáo hay bị-cáo trước tòa.

Điều thứ 267.— Nhân viên tòa-án lao-dộng có thể bị hồi-ty :

- 1) Khi họ có một tư-lợi trong vụ phân-tranh;
- 2) Khi họ là thân thuộc hoặc thích thuộc của một bên đương-sự tới bậc anh em chú bác, cô cậu hay bạn dì;
- 3) Nếu trong năm trước ngày hồi-ty, có việc tranh-tụng về hình-sự hay dân-sự giữa họ và một bên đương-sự hay chồng, vợ hoặc người thích-thuộc trực-hệ;
- 4) Nếu họ có tỏ ý-kiến bằng văn-tự trong vụ tranh-tụng;

5) Nếu họ là chủ-nhân, thuộc-viên hay thợ thuyền của một bên đương-sự.

Đương-sự nào muốn hồi ty một bồi-thăm tòa-án lao-động phải xin trước khi bắt đầu tranh-luận và phải bày tỏ duyên cớ hoặc bằng lời nói, hoặc bằng giấy tờ.

Nhân viên nào mà sự hồi-ty được tòa ưng-chuẩn thì không được xét-đoán trong vụ phân-tranh trong đó bị hồi-ty.

Chỉ định của tòa về sự hồi-ty không bị thượng cáo được.

Điều thứ 268.— Khi đương-sự đến hầu tòa-án lao-động hoà-giải thứ hai bên.

Nếu có thỏa thuận, tòa lập biên bản liền, ghi sự hòa-giải đó. Tờ biên bản ấy lập bằng giấy khổ gần con niêm, đăng ký khỏi đóng tiền và có chữ ký tên của nhân-viên tòa, thư ký và thông ngôn, nếu có cần dùng đến vị này và chứng đó cũng phải ghi vào biên bản.

Tờ biên bản ghi sự hoà-giải cũng có hai bên đương-sự ký tên sau khi đọc và nếu cần, sau khi dịch ra cho họ nghe. Nếu sau khi kêu hỏi, họ không chịu hay không thể ký tên, thì cũng phải ghi vào tờ biên bản.

Các biên-bản hoà-giải làm bằng-tín cho đến khi có người kiện giả mạo. Những hiệp ước của đương-sự ghi vào biên bản, có đủ lực chấp hành và sẽ được thi-hành như một bản án.

Biên bản hoà-giải không được thượng-cáo nơi đâu cả.

Điều thứ 269. Khi nào hoà-giải được có một phần, về các việc ghi trong đơn mà được bị-cáo nhận thực, bản sao tờ biên bản sự hoà-giải thứ có chữ ký tên của chánh-án và thư ký đủ lực chấp hành như đã nói nơi điều trên.

Điều thứ 270.— Khi nào hoà giải không được hay về phần ghi trong đơn của nguyên-cáo mà không được bị-cáo thừa nhận, tòa-án lao-động phải giữ lại để xét đoán ngay và không được đình đãi. Nhưng tòa luôn luôn có thể lên án, có ghi duyên cớ, ra lệnh điều-tra, đến khám xét nơi xảy ra việc phân-tranh cùng các phương pháp thăm vấn khác.

Điều thứ 271.— Khi cuộc tranh luận chung-kết toà lao-động liền bàn nghị kín. Ngoài sự đình lại đề nghị án mà thời hạn không được quá 4 ngày, án phải được thảo luận rồi toà nhóm lại đề tuyên án ; án ấy phải có trưng đủ lý-do.

Nguyên bản án toà sẽ được thư ký chép vào sổ nghị-luận và được chánh-án và thư ký ký tên.

Điều thứ 272.— Trừ ra khi nào có thượng-cáo, án được thi-hành tám ngày trọn sau khi tuyên án giữa phiên xử công khai.

Án có thể truyền lệnh thi-hành lập-tức đề dự-bị, mặc dầu có kháng cáo hay thượng-cáo, và được miễn trừ đóng tiền bảo chứng đến một số do nghị định tổng-trưởng bộ tư-pháp ấn-định.

Trên sổ ấy, toà có thể ra lệnh thi-hành tạm nhưng buộc phải nạp bảo chứng.

Phải giao bản sao án có chánh-án và thư-ký ký tên cho đương-sự, nếu họ xin. Thư ký phải ghi sự giao ấy, ngày và giờ giao, bên lề nguyên bản.

Điều thứ 273.— Nếu bị cáo không đến hầu thì toà cử việc xử như đã định nơi điều thứ 264.

Thư-ký toà án lao-động phải tổng đạt án xử khuyết tịch theo thủ tục dự định nơi điều thứ 261, khỏi tốn phí cho đương sự khiếm-diện.

Nếu trong thời hạn bốn ngày, sau ngày tổng-đạt, thêm ngày đường xa, đương-sự khiếm-diện không kháng-cáo án khuyết-tịch theo thể thức định nơi điều thứ 260, thì án sẽ được thi hành ngay.

Khi có kháng cáo, chánh-án đòi lại lần nữa các đương sự theo thể-thức định nơi điều thứ 261, án sau này mặc dầu có khiếm diện lần nữa hay có thượng-cáo sẽ được thi-hành ngay.

Điều thứ 274.— Việc thi-hành án toà do chánh-án truy hành trong thời hạn 8 ngày, kể từ ngày tổng đạt bản án.

Điều thứ 275.— Án của tòa lao-động đều xác-định và không thể bị thượng-cáo, trừ về mặt thẩm-quyền khi số tiền đòi hỏi

trong đơn không quá giá-ngạch quyền chung thẩm của toà tập-tụng.

Đơn thượng cáo sẽ được đệ lên toà hoà-giải rộng-quyền hay toà sơ-thẩm.

Số giá-ngạch của đơn phản tố không có ảnh-hưởng gì về thẩm-quyền.

Điều thứ 276.— Đơn thượng-cáo phải làm theo thể thức định nơi điều thứ 260 và trong thời hạn tám ngày, sau ngày tuyên án. Đơn ấy phải nộp cho thư-ký toà-án lao-động.

Nội trong tám ngày sau đó, thư ký gửi đơn thượng-cáo qua toà thẩm quyền với một bản toàn sao bản án cùng các văn kiện mà đương-sự nộp tại toà hay trong lúc xin thượng cáo.

Thư-ký phải ghi sự thượng-cáo bên lề bản-án.

Tòa thượng-cáo xử theo thường-lệ và chiếu theo giấy tờ trong hồ-sơ, nhưng cũng có thể định khác, và phải tuyên án trong vòng một tháng sau khi tiếp được hồ-sơ.

Điều thứ 277 — Những án chung-thẩm của tòa lao-động có thể bị kháng-cáo xin thủ tiêu nơi tòa pháp-viện tối cao về sự lạm-quyền hay phạm luật.

Mỗi bên đương g-sự hay quan chuồng.lý đều có thể xin kháng cáo trong thời-hạn tám ngày trọn sau ngày tổng-đạt bản án.

Sau khi phá-án, tòa được giao xử lại phải do theo chỉ-định về mặt pháp-luật của các tòa pháp-viện tối-cao.

Điều thứ 278.— Thuộc-viên hay thợ-thuyền đương-nhiên được hưởng tư-pháp bảo-trợ bất cứ về tình-trạng nào trước tòa sơ-thẩm và khi đứng về mặt bị-cáo trước tòa thượng-cáo.

Các đơn từ, văn-kiện gì phải nộp đều được miễn dán con niêm và đăng ký khỏi tốn-phi.

Điều thứ 279.— Những đơn thuộc thẩm-quyền của tòa lao-động mà đương-sự nộp tại tòa tập tụng hay tòa thay thế trong các địa-phận nào chẳng có lập tòa lao-động được thẩm xét và phân xử trước tòa sơ-thẩm cũng như trước tòa thượng-cáo hay tòa pháp-viện tối-cao, chiếu theo những qui-tắc định nơi đoạn này.

3.— TÒA-ÁN ĐIỀN-ĐỊA

*SẮC LỆNH số 498 ĐT/CCĐĐ ngày 27 tháng 11 năm 1957
thiết-lập Tòa-Án Điền-Địa.*

TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Chiếu Sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng 10 năm 1955 được sửa đổi và bổ-túc bởi các văn-kiện kế-tiếp ấn-định thành-phần Chánh-Phủ;

Chiếu Dụ số 57 ngày 22 tháng 10 năm 1956 qui-định việc Cải-Cách Điền-Địa;

Chiếu sự khẩn-thiết giải-quyết mọi vụ tranh-tụng xảy ra nhân khi thi-hành chánh-sách Cải-Cách Điền-Địa.

Chiếu đề-nghị của Bộ-Trưởng Điền-Thổ và Cải-Cách Điền Địa và Bộ-Trưởng Tư-Pháp.

SẮC LỆNH :

Điều thứ nhất.— Đề xét xử những vụ vi-phạm và tranh-tụng đã ấn-định ở Điều 26 Dụ số 57 ngày 22 tháng 10 năm 1956 chiếu thượng và mọi vụ tranh-tụng xảy ra nhân khi thi-hành chánh-sách Cải-cách Điền-địa, nay thiết-lập tại mỗi nơi có Tòa án cấp Sơ-thẩm và đề thuộc quyền Bộ Tư-pháp, một Tòa-án đặc-biệt Điền-Địa đồng quản-hat với Tòa-án Sơ-thẩm ấy, nếu không có một bản-văn định khác hơn.

Điều thứ 2.— Trụ-sở Tòa-án Điền-Địa là trụ-sở của Tòa-án cấp Sơ-thẩm. Các phiên Tòa sẽ họp tại đây. Tuy nhiên, nếu xét cần, Ông Chánh-án có thể quyết-định họp xử ngoài trụ-sở.

Điều thứ 3.— Thành-phần Tòa-án Điền-Địa gồm có một Chánh-án và 2 Phụ-thẩm thiệ-t-tho với 2 Phụ-thẩm dự-khuyết

Ông Chánh-án Tòa-án cấp Sơ-thẩm sở tại sẽ là Chánh-án Tòa-án Điền-địa.

Nếu cần Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp có thể cử một thẩm-phán khác làm chánh-án và cũng có thể đặt dự-thẩm cho Tòa án Điền-địa.

Điều thứ 4.— Các Phụ-thẩm sẽ là những công-chức hành-chánh do Bộ-Trưởng Bộ Điện-thở và Cải-cách Điện-địa bổ-nhiệm bằng Nghị-định.

Điều thứ 5.— Các Phụ-thẩm thiết-thọ tham-dự các phiên tòa. Nếu Phụ-thẩm thiết-thọ mắc bận thì Phụ-thẩm dự-khuyết thay thế theo thứ tự trong Nghị-định bổ-nhiệm.

Nếu trong năm, có ai từ-chức hay quá vắng thì cũng theo thể-thức nói trên mà chọn người thay-thế.

Điều thứ 6.— Một Ủy-viên Chánh-phủ do Nghị-định của Bộ-Trưởng Bộ Điện-thở và Cải-cách Điện-địa bổ-nhiệm sẽ làm Công-tố-viên cho Tòa-án Điện-địa.

Điều thứ 7.— Bộ-trưởng Bộ Điện-thở và Cải-cách Điện-địa sẽ bổ-nhiệm tại Trung-ương một Tổng Thư-ký các Tòa-án Điện-địa và một Tổng Ủy-viên Điện-địa Tổng Thư-ký và Tổng Ủy-viên Điện-địa có một ban 4 Thư-ký Tòa-án Điện-địa giúp việc.

Tại mỗi Tòa-án Điện-địa tỉnh, tùy theo nhu-cầu sẽ có một ban gồm 2 hoặc nhiều thư-ký Tòa-án Điện-địa giúp việc.

Các Thư-ký Tòa-án Điện-địa đều do Bộ-trưởng Bộ Điện-địa bổ-nhiệm.

Tổng Thư ký các Tòa-án Điện-địa phụ-trách việc liên-lạc thường-xuyên với các Tòa-án Điện-địa tỉnh và đệ trình mọi hồ sơ lên Hội-đồng Cải-cách Điện-địa với một bản trình-văn về mỗi vụ kèm với án văn của Tòa-án Điện-địa địa-phương.

Tổng Ủy-viên Điện-địa có nhiệm-vụ Công-tố-viên Tòa-án thường Tổng Ủy-viên Điện-địa được chọn trong các nhân-viên am-hiểu tường-tận luật-lệ Cải-cách Điện-địa, và có nhiệm-vụ cứu xét lại mọi hồ-sơ ở các tỉnh gửi về, kết luận về mỗi vụ theo đường lối của Chánh-phủ về Cải-cách Điện-địa và đệ trình kết-luận lên Hội-đồng Cải-cách Điện-địa.

Các Thẩm-phán Tòa-án Điện-địa, Tổng Thư-ký các Tòa-án Điện-địa, Tổng Ủy-viên Điện-địa và Thư-ký Tòa-án Điện-địa, được lãnh một số phụ-cấp hàng tháng ấn-định như sau :

— Thẩm-phán Tòa-án Điện-địa 2.000đ00

- Ủy-viên Chánh-phủ tại Tòa-án Điện-địa . . . 2.000đ00
- Tổng Thư-ký các Tòa-án Điện-địa 2.000đ00
- Tổng Ủy-viên Điện-địa. 2.000đ00
- Thư-ký Tòa-án Điện-địa. 800đ00

Phụ-cấp này là một phụ-cấp đặc-biệt không liên-quan gì tới lương bổng hoặc phụ-cấp chức-vụ của đương-sự và sẽ do Bộ Điện-thở và Cải-cách Điện-địa đài-thọ.

Điều thứ 8.— Các vị Phụ-thẩm, Ủy-viên Chánh-phủ, Tổng Thư-ký, Tổng Ủy-viên Điện-địa và Thư-ký Tòa-án Điện-địa trước khi nhận nhiệm-vụ, phải tuyên-thệ trước Tòa-án cấp Sơ-thẩm sở-tại, sẽ thi-hành đứng-dẫn và theo lương-tâm, chức-vụ của mình và chẳng bao giờ tiết-lậu những điều được biết trong khi hay nhân khi thi-hành chức-vụ.

Điều thứ 9.— Các duyên-cớ cản-trở các Thăm-phán không thể ngồi xử được vì lẽ thân-thuộc hay thích-thuộc với nhau, hoặc với các bị can, trước tòa-án thường, sẽ được áp-dụng đối với các Thăm-phán và Phụ-thẩm Tòa-án Điện-địa theo một thủ-tục tương-tự.

Điều thứ 10.— Tất cả các phiên tòa sẽ họp xử công khai trừ khi có quyết-định khác của Ông Chánh-án, và với sự có mặt của Ủy-viên Chánh-phủ.

Một Thư-ký Tòa-án Điện-địa sẽ giữ bút-lục.

Điều thứ 11.— Ngoại trừ những điều-khoản trái lại trong Sắc-lệnh này, và ngoại trừ các điều-khoản trong các Nghị-định hoặc Thông-tư của Bộ-trưởng Điện-thở và Cải-cách Điện-địa sau khi hỏi ý-kiến Bộ-trưởng Tư-pháp Tòa-án Điện-địa và sẽ áp-dụng một thủ-tục tương-tự như thủ-tục của các Tòa-án cấp Sơ-thẩm.

Mỗi vụ tranh-tụng tại Tòa-án Điện-địa được miễn tụng-lệ và án-phí.

Nếu không có lý-do gì đích-dáng thì trong một thời-hạn là 40 ngày kể từ ngày đương-sự đệ đơn hợp-lệ tại Tòa-án Điện-địa sở-quan, vụ án phải được xét-xử.

Điều thứ 12.— Các án-văn của Tòa-án Điện-địa đều coi là chung quyết. Tuy nhiên, muốn có hiệu-lực chấp-hành các án-văn đó phải được Hội-dồng Cải-cách Điện-địa thành-lập do Sắc-lệnh số 74-ĐT/CCĐĐ ngày 4 tháng 4 năm 1957 chấp-thuận.

Các án-văn này do Tổng Thư ký các Tòa-án Điện-địa trình với Hội-dồng Cải-cách Điện-địa, Tổng Ủy-viên Điện-địa kết-luận một lần chót trước khi Hội-dồng biểu-quyết.

Điều thứ 13.— Mỗi tháng, Tổng Thư-ký các Tòa-án Điện-địa phải phúc-trình lên Bộ Tư-pháp và Bộ Điện-thở và Cải-cách Điện-địa sự tiến-triển của công việc Tòa-án, số việc thụ-lý, số việc đã xử, kết-quả, v.v...

Điều thứ 14.— Nơi nào chưa tổ-chức Tòa-án Điện-địa thì Tòa-án cấp Sơ-thẩm sở-tại, với thành phần y nguyên của Tòa này, sẽ thay thế Tòa-án Điện-địa xét xử theo thể-thức ấn-định trong Sắc-lệnh này.

Điều thứ 15.— Bộ trưởng Tư-pháp và Bộ-trưởng Điện-thở và Cải-cách Điện-địa, chiếu nhiệm-vụ. thi-hành Sắc-lệnh này.

Saigon, ngày 27 tháng 11 năm 1957

ký tên : NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Phó Thư :

Bộ-trưởng Điện-Thở
và Cải-Cách Điện-Địa,
ký tên NGUYỄN NGỌC THƠ

Bộ-Trưởng Tư-Pháp
ký tên NGUYỄN-VĂN-SĨ

Sắc-lệnh số 558-ĐT/CCĐĐ ngày 5-12-1958 sửa đổi Sắc-lệnh số 498-ĐT/CCĐĐ ngày 27-11-1957 thành-lập Tòa-án Điền-Địa.

TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

.

SẮC-LỆNH :

Điều thứ nhất.— Nay thay thế điều thứ nhất, và bổ-túc điều thứ 11 và điều thứ 12 Sắc-lệnh số 498-ĐT/CCĐĐ ngày 27 tháng 11 năm 1957 thành-lập Tòa-án Điền-Địa như sau :

« *Điều thứ nhất (mới).*— Nay thiết-lập tại mỗi nơi có
« Tòa-án cấp Sơ-thẩm, một Tòa-án Đặc-Biệt Điền-Địa đồng
« quân-hạt với Tòa-án cấp Sơ-thẩm ấy, để xét xử những vụ vi-
« phạm và tranh-tụng ấn-định nơi điều 26 Dự số 57 ngày 22
« tháng 10 năm 1956 thượng chiếu và mọi vụ tranh-tụng liên-
« quan đến việc thi-hành quy-chế tá-diễn cùng công cuộc cải-
« cách điền-địa nói chung, nếu không có một bản văn nào
« định khác hơn ».

« Tòa-án Đặc-Biệt Điền-Địa được đặt thuộc quyền Bộ Tư-
« Pháp và Bộ Điền-thổ và Cải.Cách Điền-Địa ».

« *Điều thứ 11.*—

«
« Trong mọi tranh-chấp về điền-địa, nếu tại nơi nào không
« có Ủy-Ban Nông-Vụ Xã hay Ủy-Ban Nông-Vụ Tổng, hoặc vì
« một lý do gì mà các Ủy-Ban Nông-Vụ này không xét đơn của
« đương nhân để cho ý-kiến hay không hòa-giải, thì sau thời
« hạn 10 ngày, kể từ ngày nộp đơn tại Ủy-Ban Nông-Vụ sở-
« quan, đương đơn có quyền khởi tố thẳng trước Tòa-án Điền-
« Địa. Trong các vụ tranh-tụng này, tá-diễn được đương-nhiên
« hưởng tư-pháp bảo-trợ ».

« Điều thứ 12.—

«
« Trong việc duyệt xét án-văn của các Tòa-án Điền-Địa, nếu
« bác bỏ một án văn nào, Hội-đồng sẽ chỉ dẫn một biện-pháp
« hoặc một đường lối và giao cho một Tòa-án Điền-Địa lân cận
« xét xử lại vụ kiện ».

Điều thứ 2. - Bộ-Trưởng Điền-Thổ và Cải-Cách Điền-Địa và Bộ-Trưởng Tư-Pháp chiếu nhiệm-vụ, lãnh thi-hành Sắc-lệnh này.

Sắc-lệnh này sẽ đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

Saigon, ngày 5 tháng 12 năm 1958

ký tên : NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

4.— CÁC TÒA-ÁN QUÂN-SỰ

Tổ-chức các Tòa-án

SẮC-LỆNH số 79-QP ngày 22 tháng mười một năm 1951
thiết-lập một tòa-án quân-sự tại Saigon. (1)

ĐỨC BẢO-ĐẠI QUỐC-TRƯỞNG

Chiều dụ số 1 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức và điều hành các cơ-quan công-quyền,

Chiều dụ số 2 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức qui-chế các công-sở ;

Chiều sắc-lệnh số 11-CP ngày 21 tháng hai năm 1951 ấn-định thành phần chánh-phủ;

Chiều Dụ số 8 ngày 14 tháng năm năm 1951 ban bố thi hành bộ quân-luật;

Chiều điều thứ 8 đoạn thứ 2 của bộ quân-luật.

Theo đề-nghị của Thủ-tướng Chánh-phủ kiêm tổng-trưởng bộ quốc-phòng.

Sau khi hội-đồng tổng-trưởng đã thảo-luận.

SẮC LỆNH :

Điều thứ 1.— Nay thiết-lập tại Saigon một tòa-án quân-sự.

Tạm thời quân-hạt của tòa-án quân-sự gồm các lãnh-thò quốc-gia Việt-nam.

Thẩm-quyền của tòa-án quân-sự này do chương nhất bộ quân-luật ấn-định.

Điều thứ 2.— Thủ-tướng Chính-phủ kiêm Tổng-Trưởng Bộ quốc-phòng, phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng bộ tư-pháp và Tổng-Trưởng bộ Tài-Chính, chiều nhiệm vụ lãnh thi-hành sắc-lệnh này.

Làm tại Dalat ngày 22 tháng mười một năm 1951.

BẢO ĐẠI.

(1) Về tổ chức, thẩm quyền, thủ tục, xin coi C.B.V.N. 1951 trang 454.

SẮC-LỆNH số 35-QP ngày 23 tháng ba năm 1953 thiết-lập một tòa-án quân-sự tại Hà-nội. (1)

ĐỨC BẢO-ĐẠI QUỐC-TRƯỞNG

Chiều dụ số 1 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức và điều-hành các cơ quan công-quyền;

Chiều dụ số 2 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức quy-chế các công-sở;

Chiều sắc-lệnh số 49-CP ngày mồng 6 tháng sáu năm 1952 và các sắc-lệnh bổ-túc tiếp-theo ấn-định thành-phần Chánh-phủ;

Chiều dụ số 8 ngày 14 tháng năm năm 1951 ban hành bộ quân-luật, nhất là điều thứ 8 khoản thứ nhất bộ này;

Chiều sắc-lệnh số 79-QP ngày 22 tháng mười một năm 1951 thành lập tòa-án quân-sự tại Saigon.

Chiều đề-nghị của tổng-trưởng bộ tư pháp;

Sau khi hội-đồng tổng-trưởng đã thảo-luận;

SẮC-LỆNH :

Điều thứ 1.— Nay thiết-lập, kể từ ngày mồng 1 tháng chạp năm 1952, một tòa-án quân-sự tại Hà-nội.

Quản-hạt tòa-án quân-sự Hà-nội gồm có địa-hạt hành-chánh Bắc-việt. Thẩm-quyền của tòa-án quân-sự này do chương thứ nhất bộ quân-luật ấn-định.

Điều thứ 2.— Kể từ ngày mồng 1 tháng chạp năm 1952 quản hạt của tòa-án quân-sự Saigon thiết-lập do sắc-lệnh số 79-QP ngày 22 tháng mười một năm 1951 nói trên, tạm-thời chỉ gồm có địa-hạt hành-chính Nam và Trung-việt.

Điều thứ 3.— Thủ-tướng Chánh-phủ, phó Thủ-tướng, tổng-trưởng bộ Tài-chánh, kế-hoạch và kiến-thiết, tổng-trưởng bộ quốc-phòng và tổng-trưởng bộ tư-pháp, chiều nhiệm-vụ thi-hành sắc-lệnh này.

Làm tại Dalat, ngày 23 tháng ba năm 1953.

Phó thự :

BẢO-ĐẠI

Thủ-tướng Chính-phủ

NGUYỄN-VĂN-TÂM

Tổng-trưởng Bộ Quốc-Phòng

LÊ-QUANG-HUY.

(1) Bị bãi-bỏ bởi sắc-lệnh số 151-QP ngày 13-5-1955.

SẮC-LỆNH số 78-QP ngày 29 tháng mười năm 1953 thiết-lập tại Huế một tòa-án quân-sự.

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG

Chiều dụ số 1 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tồ-chức và điều hành các cơ-quan công-quyền ;

Chiều dụ số 2 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tồ-chức qui-chế các công-sở ;

Chiều sắc-lệnh số 49-CP ngày mồng 6 tháng sáu năm 1952 và các sắc-lệnh bổ-túc tiếp theo ấn-định thành-phần Chính-phủ.

Chiều sắc-lệnh số 69-QP ngày 29 tháng 6 năm 1953 ấn-định chức-chương của tổng-trưởng bộ quốc-phòng.

Chiều dụ số 8 ngày 14 tháng 5 năm 1951 ban-hành bộ quân-luật nhất là điều thứ 8, khoản nhất bộ-luật ấy.

Chiều sắc-lệnh số 79-QP ngày 22 tháng mười một năm 1951 thiết lập một tòa-án quân-sự tại Saigon.

Chiều sắc-lệnh số 35-QP ngày 23 tháng 3 năm 1953 thiết-lập một tòa-án quân-sự tại Hà-nội và ấn-định quân-hạt tòa-án quân-sự Saigon.

Do đề-nghị của Thủ-tướng Chính-phủ và của tổng-trưởng bộ quốc-phòng.

SẮC LỆNH :

Điều thứ 1.— Nay thiết-lập kể từ ngày mồng 1 tháng chín năm 1953 một tòa-án quân-sự tại Huế.

Quân-hạt tòa án quân-sự này gồm có địa-hạt hành-chính Trung-phần trừ ba tỉnh ghi trong điều thứ 2 dưới đây.

Thẩm-quyền của tòa-án quân-sự này do chương thứ nhất bộ quân-luật ấn-định.

Điều thứ 2.— Kể từ ngày mồng 1 tháng chín năm 1953, và tạm thời cho đến khi đường giao-thông tại Trung-việt được điều-hòa, quân-hạt tòa-án quân-sự Saigon thiết-lập do sắc-lệnh số 79-QP ngày 22 tháng mười một năm 1951 chiếu

thượng, gồm có địa-hạt hành-chính Nam-phần và thêm các tỉnh thuộc Trung-phần kể sau đây :

- Khánh-hòa ;
- Bình-thuận ;
- Ninh-thuận.

Điều thứ 3.— Thủ-tướng Chính-phủ, Phó Thủ-tướng, tổng-trưởng bộ tài-chánh, kế-hoạch và kiến-thiết, tổng-trưởng bộ quốc-phòng và tổng-trưởng bộ Tư-pháp, chiếu nhiệm-vụ thi-hành sắc-lệnh này.

Làm tại Dalat ngày 29 tháng 10 năm 1953

BẢO ĐẠI

Luật-lệ áp-dụng trước Tòa-án quân-sự

SẮC-LỆNH số 24-Cab-Prés ngày 20 tháng sáu năm 1950 về những phương-pháp để ngăn ngừa và trừng-trị những hành-động có hại đến nền an-ninh công-cộng và sự trị-an trong nước.

THỦ-TƯỚNG CHÍNH-PHỦ

Chiều dụ số 1 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tồ-chức và điều hành các cơ-quan công-quyền ;

Chiều dụ số 2 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tồ-chức qui-chế các công-sở ;

Chiều dụ số 4 ngày 18 tháng mười năm 1949 tồ-chức tư-pháp Việt-Nam ;

Chiều dụ số 7 ngày mồng 9 tháng sáu năm 1950 trao cho Thủ-tướng Chính-phủ quyền thi-hành những phương-pháp ngăn-ngừa và trừng-trị những hành-động có hại đến nền an-ninh công-cộng và sự trị-an trong nước ;

Chiều sắc-lệnh số 37-CP ngày mồng 6 tháng 5 năm 1950 ấn-định thành-phần Chính-phủ ;

Sau khi hội-đồng nội-các thảo luận.

SẮC LỆNH :

Điều thứ 1.— Tôi khi tái-lập được trật-tự và hòa-bình, những điều-khoản sau này được thi-hành ngay sau khi ban-hành sắc-lệnh này :

THIÊN I

Phạm tới người và tài-sản

Điều thứ 2.— Kẻ nào, trong một mục-dịch gây rối loạn chính-trị hay xã-hội, đã bằng bất cứ cách nào phá hủy hay định phá-hủy một phần hay toàn-thể, phóng-hỏa hay định phóng-hỏa, làm hay định làm cho vô-dụng hoàn-toàn hay một phần những đường giao-thông, đường sắt, đường cái, đường nhỏ, sông cái, sông con mà thuyền bè đi lại được hay sông đào, các kiến-trúc về mỹ-thuật hay có ích chung như cầu, đập, đê, đường, những cách vận-tải có ích chung như đầu máy xe lửa, toa, xe điện, ô-tô ca, ô-tô hàng, tàu chạy biển hay tàu chạy sông, giếng và suối để công chúng dùng, các phương-tiện sản-xuất hay phân-phối nước, điện, các nhà dùng để che hay để khai-thác các phương-tiện đó, các cách thiết-lập điện tín hay điện-thoại hay các nhà dùng làm trú-sở cho sự thiết-lập đó, sẽ bị xử tử hình, nếu việc phá-hủy, phóng-hỏa, tổn-hủy, đã làm cho một hay nhiều người chết, hay đã gây ra những thương-tích; bị phạt khổ-sai chung-thân trong tất cả trường hợp khác.

Điều thứ 3.— Cũng sẽ chịu những hình-phạt nói ở điều trên này và cũng cùng theo những sự phân biệt ấy, kẻ nào trong một mục-dịch gây rối loạn chính-trị hay xã-hội đã phá-hủy hay định phá-hủy, phóng-hỏa hay định phóng-hỏa bằng bất cứ cách nào, những kiến-trúc hay những nhà công nhượng cho một công-vụ, hay để cho công-chúng dùng.

Điều thứ 4.— Kẻ nào, trong một mục-dịch gây rối loạn chính-trị hay xã-hội, đã bằng bất cứ cách nào, xui giục những người chủ, giám đốc, quản lý, tá-diễn, đốc công, giám thủ, thợ-thuyền hay những người làm công, phá-hủy một phần hay toàn

thề, phóng-hoả làm cho vô-dụng hoàn-toàn hay một phần, những kiến-trúc, nhà ở, nhà kho, các nhà phụ thuộc, xưởng, hầm mỏ, máy móc, dụng cụ, những tạo-phẩm và mọi phương-tiện sản-xuất, những hàng hoá, vật-phẩm, mùa-màng, sản-phẩm và hoa-màu thuộc các loại, sẽ bị phạt khổ sai có kỳ, nếu đã đe dọa bằng khi giới hay đã có những bạo hành, bị tội đồ nếu đe dọa bằng cử-chỉ, lời nói hay giấy tờ hay đã can tội cộng đồng với nhiều người khác, bị phạt tù từ hai đến năm năm trong tất cả các trường-hợp khác.

Trong những trường-hợp trên này, những người chủ, giám-đốc, quản-lý, tá-điền, đốc-công, giám-thủ, thợ-thuyền hay những người làm công đã theo lời xui-giục, có thể bị những hình-phạt ghi trong các luật hiện-hành trừng-trị việc phóng-hoả và phá-hủy, hay nếu không thì chịu cùng hình-phạt như những kẻ đứng xui-giục.

Điều thứ 5.— Kẻ nào đã định đặt, ném, hay đã đặt, ném những chất nổ; chất cháy hay chất độc trên một đường công hay tư, trong một công-sở, một nơi công-cộng hay nơi mở cho công-chúng, trong một công-xa hay một đoàn xe gồm có công-xa, trong vi-khoảng hay nơi phụ-cận của một nhà ở hay dùng để ở hay của những nhà phụ-thuộc, sẽ bị tử-hình nếu các chất dùng đã làm cho một hay nhiều người chết hay đã gây nên những thương-tích, bị phạt khổ-sai chung-thân trong tất cả các trường-hợp khác.

Kẻ nào xui-giục đặt hay ném các chất nói trên, hay cung cấp những phương-tiện để đặt hay ném những chất đó sẽ chịu hình-phạt như chánh-phạm.

Điều thứ 6.— Kẻ nào, trong một mục-dịch gây rối loạn chính-trị hay xã-hội, bằng những cách gian-trá hay bằng những bạo-hành, đã bắt hay giam-giữ, hay đã bảo người bắt hay giam-giữ, đã định bắt hay định giam-giữ, hay đã định bảo người bắt hay giam-giữ, một công chức hay một viên-chức hành-chính hay quân-sự, một thân hào, và nói chung tất cả những người lãnh công-vụ bất cứ dưới danh nghĩa nào, sẽ bị phạt khổ-sai chung-thân. Nếu đã bắt và giam-giữ mà lại còn có những bạo-

hành hay tra-tấn, hay nếu không có bạo-hành hay tra-tấn, mà đã khiến cho người bị bắt hay bị giam chết hay có thương tích, thì sẽ bị tử-hình.

THIÊN II

Phạm tởi trật tự công

Điều thứ 7.— Kẻ nào, để giúp cho dễ gây rối loạn chính-trị hay xã-hội, không được phép mà đã mua hay tàng-trữ, đã định mua hay định tàng-trữ, dưới bất cứ danh-nghĩa nào, đã nhập-cảng, chuyển-vận, phân-phát, hay đã định nhập-cảng chuyển-vận, phân-phát những khí giới, đạn-dược, những khí cụ các loại có thể dùng làm khí-giới, đạn-dược hay những dụng-cụ, vật liệu dùng để làm lại, sửa sang, chế tạo những khí-giới, đạn-dược hay khí-cụ nói trên, hay những vật-phẩm, sản-phẩm mà, việc tiêu-thụ, lưu-trữ, chuyển-vận đã được qui-định hay mà việc dùng đã được hạn-chế, sẽ bị phạt tù từ hai đến 5 năm.

Khi đã do một trọng-tội hay khinh-tội khác mà mua hay tàng-trữ được, thì bao giờ cũng bị nghị-phạt theo tối đa của hình-phạt nặng nhất, hay theo hình-phạt định trong trường hợp liên-phạm.

Sẽ coi như tòng-phạm và chịu hình-phạt như chánh-phạm những người bán, cho, cho mượn, để lại, dưới bất cứ danh-nghĩa nào, những người vận-tải hay chuyên-chở công-cộng, khi đã tri-tình và thuận-nguyện làm việc đó.

Điều thứ 8.— Kẻ nào trong mục đích gây rối loạn chính-trị hay xã-hội, đã bất luận bằng cách nào, định làm hay đã làm cản-trở việc họp chợ, việc mở các hàng, tiệm, chỗ bày hàng, việc trồng-trọt ngoài đồng, việc thầu-hoạch mùa-màng và nói chung tất cả những công-việc canh-nông, kỹ-nghệ tiểu công-nghệ hay thương-mãi, hay sự tự-do đi lại của dân-chúng, xe-cộ vật-phẩm, mùa-màng, hàng-hóa, trên những đường công hay đường mở cho công-chúng, sẽ bị phạt khổ sai có kỳ nếu đe-dọa bằng khí-giới hay có những bạo-hành, phạt tội-đồ nếu đã

đe-dọa bằng cử chỉ, lời nói hay giấy tờ đã can tội công-dồng với nhiều người khác, bị phạt tù từ hai đến 5 năm trong tất cả các trường hợp khác.

Điều thứ 9.— Kẻ nào trong một mục-dịch gây rối loạn chính-trị hay xã-hội, đã khiêu-khích, giúp cho dễ dàng hay dẫn đầu những cuộc tụ-tập trên đường công nơi công-cộng hay những nơi mở cho công-chúng sẽ, bị tội-đồng nếu có những người vũ trang dự cuộc tụ-tập, bị phạt tù từ hai đến 5 năm trong trường-hợp khác. Ngoài ra, kẻ đó lại còn bị coi và bị nghĩ phạt như là đồng-phạm tất cả những trọng-tội, khinh-tội do những người tới dự cuộc tụ-tập can-phạm trong thời-gian và nhân cơ-hội tụ-tập. Như vậy là chưa kể đến những hình-phạt nặng hơn khi mà cuộc tụ-tập biến thành phong-trào phản nghịch.

Những người dự cuộc tụ-tập sẽ bị phạt giam từ ba tháng đến một năm chưa kể những hình-phạt nặng hơn, nếu phạm những khinh-tội hay trọng-tội khác hay nếu cuộc tụ họp ấy biến thành phong-trào phản-nghịch.

Điều thứ 10.— Kẻ nào đã dùng báo chí, giấy tờ, cáo-thị, truyền-đơn, các bản ghi chép, dấu-hiệu, cờ biểu-ngữ, diễn-văn, lời nói trước công chúng hay ở nơi công-cộng để xui giục gây rối loạn chính-trị hay xã-hội, đưa ra và truyền đi những lời đe-dọa, những loạn-thuyết, khẩu-hiệu hay những tin sai lạc có thể trợ giúp hay làm cho dễ dàng việc gây rối-loạn, sẽ bị phạt tù từ hai đến 5 năm.

Khi can tội do những báo-chí giấy tờ, cáo-thị hay truyền-đơn, thì những người giúp ý-kiến, những tác-giả, người đứng xuất-bản, giám-đốc hay quản-lý người đứng in, người mang đi hay phân-phát, sẽ bị truy-tổ và trừng-trị như chánh-phạm.

Nếu những sự xui-giục, đe-dọa, những khẩu-hiệu, những tin sai-lạc đã gây nên những vụ âm-mưu phản-nghịch hay những trọng-tội, khinh-tội các loại, thì những kẻ xui-giục hay tuyên-truyền, nhất là như đã được định rõ trong đoạn trên, sẽ chịu cùng những hình-phạt như các chánh-phạm những vụ âm mưu những trọng-tội và khinh-tội ấy.

Điều thứ 11.— Kẻ nào, đề trợ giúp hay đề làm cho dễ dàng việc gây rối-loạn chính-trị hay xã-hội, đã tự mình đứng lên hay định tự mình đứng lên, đã bảo hay định bảo người đứng lên đề quyền dưới bất cứ hình-thức nào tiền hay hiện-vật, sẽ bị phạt khổ-sai có kỳ nếu đã đe dọa bằng khí-giới hay đã có những bạo hành, bị tội-đồ nếu đã đe dọa bằng lời nói, cử-chỉ hay giấy tờ, hay đã can tội công-đồng với nhiều người khác, bị phạt tù từ hai năm đến 5 năm trong tất cả các trường-hợp khác.

THIÊN III

Điều khoản chung

Điều thứ 12.— Những tòng-phạm vì đã xúi giục, giúp đỡ hay phụ-trợ trong các tội phạm trên đây, sẽ chịu cùng những hình-phạt như chánh-phạm.

Điều thứ 13.— Những hình-phạt đó do các chánh-phạm hay tòng-phạm chịu vì đã vi bội luật hình bất luận cách nào trong một mục-dịch gây rối-loạn chính-trị và xã-hội, không thể nào nhẹ hơn những hình phạt đã ghi trong điều-luật định danh tội bị truy-tố.

Những điều-khoản nói về sự được hưởng các tình trạng giảm-khinh không thi-hành với những hình phạt định trong sắc lệnh này.

Không thể nào có huyền án trong việc thụ-hình.

Điều thứ 14.— Nay hủy bỏ các điều khoản trước trái với sắc lệnh này.

Điều thứ 15.— Tổng-trưởng bộ tư-pháp, tổng thư-ký phủ Thủ-tướng chiếu theo nhiệm-vụ, lãnh thi-hành sắc-lệnh này.

Saigon ngày 20 tháng sáu năm 1950.

TRẦN-VĂN-HỮU

Tổng-trưởng Bộ Tư-Pháp
NGUYỄN-KHẮC-VỆ

Nghị-định số 359 Cab-SG ngày 24-7-1951 giao công việc xét xử các tội phạm nói trong sắc-lệnh số 24/Cab/Prés, ngày 20 tháng 6 năm 1950 cho tòa-án quân-sự

THỦ-TƯỚNG CHÁNH-PHỦ :

Chiều dụ số 1 ngày 1-7-1949 tổ chức và điều hành các cơ quan công quyền ;

Chiều dụ số 2 ngày 1-7-1949 tổ-chức qui chế các công-sở ;

Chiều dụ số 4 ngày 18-10-1949 tổ-chức nền tư-pháp quốc-gia Việt-Nam ;

Chiều dụ số 5 ngày 18-10-1949 thiết lập tối-cao pháp-viện ;

Chiều sắc lệnh số 11-CP ngày 21-2-1951 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều dụ số 7 ngày 9-6-1950 trao cho Thủ-tướng Chánh-phủ quyền thi-hành những phương-pháp ngăn ngừa và trừng-trị những hành động có hại đến nền an-ninh công-cộng và sự trự-an trong nước.

Chiều sắc-lệnh số 24-Cab/Prés, ngày 20-6-1950 của Thủ-tướng Chánh-phủ, ấn-định những phương-pháp để ngăn ngừa và trừng-trị những hành-động có hại đến nền an-ninh công-cộng và sự trự-an trong nước ;

Chiều dụ số 3 ngày 31-3-1951 nói dài kỳ-hạn thi-hành dụ số 7 ngày 9-6-1950 cho tới ngày 17 tháng 12 năm 1951 ;

Chiều dụ số 8 ngày 14-5-1951 thiết lập bộ quân-luật cho quân-đội quốc-gia Việt-Nam ;

Sau khi hội-đồng nội-các thảo luận.

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Nay giao công việc xét xử các tội-phạm dự liệu trong sắc-lệnh số 24/Cab/Prés, ngày 20-6-1950 cho các tòa-án quân-sự đảm nhiệm, các tòa-án này được thành-lập và tổ-chức do đạo dụ số 8 ngày 14-5-1951 thiết lập bộ quân-luật cho quân-đội quốc-gia Việt-Nam.

Điều thứ 2.— Khi xét xử các tội-phạm nói trên trong điều thứ nhất, cách thức chủ-tọa và thành-phần tòa-án quân-sự sẽ tùy theo tư-cách của các can-phạm, được thi-hành như đã nói ở điều thứ 9 và 10 dụ số 8 ngày 14 tháng 5 năm 1951.

Điều thứ 3.— Khi một tội-phạm thuộc loại nói trên đã bị cáo-giác do bởi một ông dự-thẩm hay một ông biện-lý tòa-án thường, một ông chủ-ng-lý, một tòa thượng-thẩm hay bởi ông tổng-trưởng bộ tư-pháp, thời chỉ một mình ông tổng-trưởng bộ quốc-phòng là có thể, nếu xét vụ án không đáng nên truy tố và bắt câu nguyên tắc đặt ở đoạn cuối cùng điều thứ 20 dụ số 8 ngày 14-5-1951, ra lệnh đình-cứu trong hiện tình sự-lý, hoặc ngay tức thời, hoặc sau khi đã lấy thêm tài-liệu cùng tin-tức.

Tuy nhiên, sự đình-cứu đó phải được ông tổng-trưởng bộ nội-vụ và ông tổng-trưởng bộ an-ninh thỏa-hiệp trước.

Điều thứ 4.— Ngoài trừ những khoản qui-định ở điều trên, việc truy-tố, thẩm cứu và xử án sẽ thi-hành theo thủ-tục áp dụng trước tòa-án đã thụ-lý.

Tuy nhiên, bắt câu các điều khoản trái ngược nói trong điều 43 đoạn thứ nhất dụ số 8 ngày 14 tháng 5 năm 1951, ông dự-thẩm quân-sự thụ lý một sự vi-phạm vào sắc-lệnh số 24-Cad/Prés. ngày 20 tháng 6 năm 1950, có thể, sau khi lấy ý-kiến của ông ủy-viên Chánh-phủ, buộc tội mọi đồng-phạm hoặc tông-phạm mới khám phá sau, mà không cần phải trình báo lên nhà chức-trách đã ra lệnh khởi tố.

Điều thứ 5.— Các bản án của tòa-án quân-sự đều xử chung-thâm.

Các thể-lệ về việc thượng-cáo lên tối-cao pháp-viện, về việc chấp hành án-văn, về viện xin tái-thẩm và việc xác nhận căn-cước của tội nhân, là những thể-lệ ấn-định trong dụ số 8 ngày 14 tháng 5 năm 1951.

Điều thứ 6.— Nay hủy bỏ các điều khoản trước trái với nghị-định này.

Điều thứ 7.— Tổng-trưởng bộ quốc-phòng, tổng-trưởng bộ nội-vụ, tổng-trưởng bộ tư-pháp, tổng-trưởng bộ an-ninh, bộ-trưởng tại phủ Thủ-tướng và các thủ-hiến các phần, chiếu theo nhiệm-vụ, lãnh thi-hành nghị-định này. Nghị-định này sẽ đăng trong Công-báo Việt-nam.

Làm tại Saigon, ngày 24 tháng 7 năm 1951

TRẦN-VĂN-HỮU

*DỰ số 8 ngày 14 tháng 5 năm 1951
ban bố thi-hành bộ quân-luật (1)*

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG

Chiều dụ số 1 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tồ-chức và điều hành các cơ quan công quyền ;

Chiều dụ số 2 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tồ-chức quy-chế các công-sở ;

Chiều sắc-lệnh số 11-CP ngày 21 tháng hai năm 1951 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều dụ số 4 ngày 18 tháng mười năm 1949 tồ-chức nền tư-pháp quốc-gia Việt-Nam ;

Chiều dụ số 5 ngày 18 tháng mười năm 1949 thiết-lập tối-cao pháp-viện ;

Chiều dụ số 100-VOP/DQT/S ngày 30 tháng giêng năm 1951 về quy-chế sĩ-quan ;

Chiều dụ số 4 ngày 31 tháng ba năm 1951 ấn-định tạm-thời quy-tắc đầu-quân và tái đăng vào quân-đội quốc-gia Việt-Nam ;

Chiều đề-nghị của Thủ-tướng Chính-phủ, tồng-trưởng bộ quốc-phòng ;

Sau khi hội-đồng tồng-trưởng thảo-luận.

DỰ :

Điều thứ nhất.— Nay ban-bố thi-hành bộ quân-luật định theo dụ này.

Điều thứ 2.— Thủ-tướng Chính-phủ, phó Thủ-tướng, các tồng-trưởng, bộ-trưởng và thứ-trưởng, chiều theo nhiệm-vụ, lãnh thi hành dụ này.

Da lat, ngày 14 tháng năm năm 1951.
BẢO-ĐẠI.

Phó thự :

Thủ-tướng Chánh-phủ.
TRẦN-VĂN-HỮU

Dụ số 16 ngày 27 tháng bảy năm 1952 đặt những người được trang bị về mục-dịch quân-sự thuộc thẩm-quyền tòa-án quân-sự.

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG

Chiều dụ số 1 ngày 1-7-1949 tổ-chức và điều hành các cơ-quan công-quyền ;

Chiều dụ số 2 ngày 2-7-1949 tổ chức quĩ-chê các công-sở ;

Chiều dụ số 8 ngày 14-5-1951 ban hành bộ quân luật ;

Chiều các điều thứ 2 và tiếp theo của bộ quân-luật ;

Chiều sắc-lệnh số 49-CP ngày 6-6-1952 được bổ túc do sắc-lệnh số 51, 52 và 55-PC ngày 23 và 25 tháng 6 năm 1952 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Theo đề-nghị lên-bộ của tổng-trưởng quốc-phòng và tổng-trưởng Tư-pháp ;

Sau khi hội-đồng tổng-trưởng thảo-luận.

DỤ :

Điều thứ nhất.— Về phương-diện tư-pháp, được coi là tương-đương với quân-nhân và do đó thuộc thẩm-quyền tòa-án quân-sự theo những điều-kiện định ở các điều 2 và tiếp theo của bộ quân-luật, tất cả những người được các nhà chức-trách hàng phần, tỉnh hay địa-phương tuyển-mộ và trang bị vì mục-dịch quân-sự.

Điều thứ 2.— Các điều-khoản trên đây không áp-dụng đối với những lực-lượng cảnh-sát và công-an quốc-gia, các lực lượng này vẫn thuộc thẩm-quyền tòa-án thường.

Điều thứ 3.— Thủ-tướng Chính-phủ kiêm tổng-trưởng bộ nội-vụ, tổng-trưởng bộ tư-pháp, tổng-trưởng bộ quốc-phòng các thủ-hiến các phần chiếu nhiệm-vụ thi-hành dụ này.

Làm tại Dalat, ngày 27 tháng 7 năm 1952.

BẢO-ĐẠI

Phó thư :

Thủ-tướng Chính-phủ
kiêm tổng-trưởng bộ nội-vụ

NGUYỄN-VĂN-TẨM

Tổng-trưởng bộ quốc-phòng,
NGHIÊM-VĂN-TRÍ

Tổng-trưởng bộ tư-pháp,
LÊ-TẤN-NĂM

Dụ số 12 ngày mồng 5 tháng 5 năm 1953 tạm thời áp-dụng thủ-tục tố-tụng và hình-phạt thi-hành trong thời kỳ chiến-tranh trước các tòa-án quân-sự

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG

Chiều dụ số 1 ngày 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền :

Chiều dụ số 2 ngày 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức qui-chế các công-sở.

Chiều sắc-lệnh số 49-CP ngày 6 tháng 6 năm 1952 và các sắc-lệnh bổ-túc tiếp theo ấn-định thành-phần Chánh-phủ :

Chiều dụ số 8 ngày 14 tháng 5 năm 1951 ban bố thi-hành bộ quân-luật, và nhất là điều thứ 8, chương thứ nhất của bộ quân-luật này.

Chiều đề nghị của Thủ-tướng Chánh-phủ vớt sự tán-đồng của hai ông tổng-trưởng bộ tư-pháp và quốc-phòng.

Sau khi hội-đồng tổng-trưởng thảo-luận.

DỤ :

Điều thứ nhất.— Với tính-cách tạm thời và cho tới khi trật-tự được phục-hồi, thủ-tục, tố-tụng và hình-phạt thi-hành trước những tòa-án quân-sự Việt-nam sẽ là thủ-tục tố-tụng và hình-phạt thi-hành trong thời-kỳ chiến-tranh do bộ quân-luật được ban bố bởi đạo dụ số 8 ngày 14 tháng năm năm 1951 qui-định.

Điều thứ hai.— Thủ-tướng, phó Thủ-tướng, tổng-trưởng và bộ-trưởng, chiếu nhiệm-vụ thi-hành đạo dụ này.

Làm tại Da-lat, ngày mồng 5 tháng 5 năm 1953

BẢO-ĐẠI

Phó thư

Thủ-tướng Chính-phủ

NGUYỄN-VĂN-TÂM

DỰ số 8 ngày 16 tháng 5 năm 1954 ấn-định thề-thức đưa thẳng ra tòa-án quân-sự, không cần thẩm-vấn sơ khởi các người bị bắt quả tang về một trọng-tội hay khinh-tội đã dự-liệu trong bộ quân-luật.

ĐỨC QUỐC-TRƯỞNG BẢO-ĐẠI

Chiều dụ số 1 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 ấn-định tổ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền ;

Chiều dụ số 2 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức qui-chế các công sở ;

Chiều sắc-lệnh số 4-CP 11 tháng giêng năm 1954 ấn-định thành phần Chánh-phủ.

Chiều dụ số 8 ngày 14 tháng năm năm 1951 ban-hành bộ luật quân

Chiều dụ số 12 ngày mồng 5 tháng năm năm 1953 ấn-định tạm thời thề-thức và hình-lệ trong thời-kỳ chiến-tranh trước tòa-án quân-sự

Theo đề-nghị của Thủ-tướng Chánh-phủ.

Sau khi hội-đồng tổng-trưởng đã thảo-luận.

DỰ :

Điều thứ nhất.— Kể từ ngày công-bố dụ này cho đến một ngày khác sẽ do một dụ ấn-định, nhà chức-trách có quyền truy-tố theo điều thứ 20 của bộ quân-luật, có thể, mỗi lần xét cần đến, đưa thẳng ra tòa-án quân-sự không cần thẩm-vấn sơ-khởi, tất cả các người bị bắt quả-tang về một trọng-tội hay khinh-tội dự-liệu trong bộ quân-luật, mặc dầu việc phạm-pháp có thể đưa đến tội tử hình.

Những tòa-án quân-sự nhóm xử trong những trường-hợp này lập thành tòa-án binh đặc-biệt.

Điều thứ 2.— Những tòa-án binh đặc-biệt xử ngay những việc phạm-pháp nói trong điều trước.

Không cần có một thời-hạn nào từ ngày gửi trát đòi bị-can ra trước tòa-án binh đặc-biệt và ngày họp xử của tòa-án này.

Điều thứ 3.— Ủy-viên Chánh-phủ tại tòa-án binh đặc-biệt phải buộc tội bị-can theo huấn-lệnh của nhà cầm-quyền đã ra lệnh cho đòi hầu tòa.

Điều thứ 4.— Trái với các điều thứ 26 và 30 của bộ quân-luật, nếu không có trạng-sur do tội-nhân lựa-chọn và có mặt tại phiên-tòa, thì chánh-thẩm tòa-án binh đặc-biệt tùy ý chọn một trạng-sur có thể được chỉ-định ngoài số các trạng-sur ghi tên vào danh-sách hoặc đã được nhận vào tập-sur.

Điều thứ 5.— Đối với những quyết-định của các tòa-án binh đặc-biệt, không thể chống án hay thượng tố, những quyết-định ấy sẽ đem thi-hành ngay.

Điều thứ 6.— Thủ-tướng Chính-phủ, phó Thủ-tướng và các tổng-trưởng, chiếu nhiệm-vụ thi-hành dụ này. Dụ này sẽ đăng vào Công-báo Việt-nam.

Làm tại Evian-les-Bains, ngày 16 tháng năm năm 1954.

ĐỨC QUỐC TRƯỞNG

đã phê chuẩn

Phó thự :

Thủ-tướng Chính-phủ

BỬU-LỘC

Sắc-lệnh số 276-QP ngày 30 tháng 11 năm 1960 ấn-định lại quản-hạt các Tòa-án Quân-sự.

TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Chiếu **Sắc-lệnh số 4-TTP** ngày 26 tháng 10 năm 1955 và các văn-kện kế tiếp ấn-định thành-phần Chính-phủ ;

Chiếu **Sắc-lệnh số 378-QP** ngày 3 tháng 10 năm 1957 cắt-tò Bộ Quốc-Phòng.

Chiếu dụ số 8 ngày 3 tháng 5 năm 1959 ấn-định việc ban-hành Bộ Quân-Luật nhất là điều-khoản 8 Chương đầu của Bộ Luật này ;

Chiếu **Sắc-lệnh số 79-QP** ngày 22 tháng 11 năm 1951 thiết-lập Tòa-án Quân-sự Saigon sửa đổi bởi **Sắc-lệnh số 152-QP** ngày 13 tháng 5 năm 1955 ;

Chiếu **Sắc-lệnh số 78-QP** ngày 29 tháng 10 năm 1953 sửa đổi bởi **Sắc-lệnh số 82-QP** ngày 4 tháng 4 năm 1960 thiết-lập Tòa-án Quân-sự Huế ;

Chiếu **Sắc-lệnh số 152-QP** ngày 13 tháng 5 năm 1955 sửa đổi bởi **Sắc-lệnh số 232-QP** ngày 4 tháng 7 năm 1955 và **Sắc-lệnh số 83-QP** ngày 4 tháng 4 năm 1960 thiết-lập Tòa-án Quân-sự Nha-trang.

SẮC LỆNH :

Điều thứ nhất.— Nay ấn-định lại quản-hạt các Tòa-án Quân-sự như sau :

— quản-hạt Tòa-án Quân-sự Saigon gồm các Tỉnh thuộc Quân-khu Thủ-Đô, I và V ;

— quản-hạt Tòa-án Quân-sự Huế gồm các Tỉnh thuộc Quân-khu II ;

— quản-hạt Tòa-án Quân-sự Nha-trang gồm các Tỉnh thuộc Quân-khu IV ;

Điều thứ hai.— Các điều-khoản trái với **Sắc-lệnh** này đều bị hủy bỏ.

Điều thứ ba.— Bộ-Trưởng Phụ-Tá Quốc-Phòng, Bộ-Trưởng Tư-Pháp, Bộ-Trưởng Tài-Chánh, chiếu nhiệm-vụ, lãnh thi-hành **Sắc-lệnh** này.

Saigon, ngày 30 tháng 11 năm 1960

Ký tên : NGÒ-ĐÌNH-DIỆM

5.— TÒA-ÁN QUÂN-SỰ ĐẶC-BIỆT

(Trích Luật số 10/59 ngày 6 tháng 5 năm 1959 trừng phạt sự phá hoại, sự xâm-phạm an-ninh quốc-gia, sự xâm-phạm sanh mạng hay tài-sản của nhân-dân và thiết-lập Toà-án Quân-Sự Đặc-Biệt)

.
.

PHẦN THỨ NHẤT

**NHỮNG TỘI PHẠM PHÁ HOẠI, XÂM-PHẠM AN-NINH QUỐC-GIA,
XÂM-PHẠM SANH MẠNG HAY TÀI-SẢN NHÂN-DÂN.**

.
.

PHẦN THỨ HAI

TÒ-CHỨC CÁC TÒA-ÁN QUÂN-SỰ ĐẶC-BIỆT

Điều 6.— Nay thiết-lập 3 Toà-án Quân-sự đặc-biệt đặt trụ-sở ở Saigon, Banmêthuat và Huế.

Quản-hạt Toà-án Quân-sự Đặc-biệt Saigon là các tỉnh Nam-Phần. Quản-hạt Toà-án Đặc-biệt Banmêthuat là các tỉnh Cao-nguyên Trung-Phần. Quản-hạt Toà-án Quân-sự Đặc-biệt Huế là các tỉnh Trung-nguyên Trung-phần.

Tùy theo nhu-cầu có thể thiết-lập thêm những Toà-án Quân-sự Đặc-biệt khác do Sắc-lệnh và sự phân chia quản-hạt giữa những Toà-án mới và Toà-án cũ cũng sẽ do Sắc-lệnh ấn-định.

Sự sửa đổi quản-hạt sau này sẽ do Sắc-lệnh ấn-định.

Các Toà-án Quân-sự Đặc-biệt sẽ đặt trụ-sở tại trụ-sở Tòa

Thượng-Thẩm, Sơ-Thẩm hay Hoà-Giải Rộng-Quyền nếu không có trụ-sở riêng biệt, và nếu xét xử tại đó hay xét xử lưu-động ngoài trụ-sở nếu cần.

Điều 7.— Thành-phần của mỗi Toà-án Quân-sự Đặc-biệt gồm có :

.. Một sĩ-quan từ cấp Tá trở lên nếu có bằng luật-khoa cử-nhân Chánh-Thẩm

— Đô-Trưởng, Thị-Trưởng hay Tỉnh-Trưởng nơi Toà nhóm họp hoặc đại-diện. Phụ-Thẩm

— Một sĩ-quan từ cấp Tá trở lên Phụ-Thẩm

Chánh-Thẩm hay Phụ-Thẩm sẽ do Nghị-định của Bộ-Trưởng Quốc-Phòng hay Bộ-Trưởng Phụ-Tá Quốc - Phòng bổ nhiệm.

Điều 8.— Một sĩ-quan từ cấp Tá trở lên giữ chức-vụ Ủy-viên Chánh-Phủ và một hay nhiều Phó Ủy-viên Chánh-Phủ là Sĩ-quan cấp Tá.

Các nhân-viên sĩ-quan trên đây đều do Nghị-định của Bộ-Trưởng Quốc-Phòng hay Bộ-Trưởng Phụ-Tá Quốc-Phòng cử ra mỗi sáu tháng. Khi thiếu cấp Tá, thì sẽ lấy xuống cấp Ủy nếu không có điều chi ngăn trở.

Mỗi khi cần thì cũng có thể cử ngay những sĩ-quan thay thế theo thể thức trên.

Điều 9.— Phòng Lục-sự sẽ do một Lục-sự-trưởng điều khiển với sự giúp việc của một số Lục-sự, Thư-ký lục-sự và Thư-ký đánh máy.

Các nhân-viên này sẽ được bổ nhiệm do Nghị-định của Bộ-Trưởng Quốc-Phòng hay Bộ-Trưởng Phụ-Tá Quốc-Phòng.

Điều 10.— Tất cả các nhân-viên đều phải tuyên-thệ trước Toà Phá-Án trước khi nhận việc. Sự tuyên-thệ này là tuyên-thệ viết.

Điều 11.— Thuộc thẩm-quyền Toà-án Quân-sự Đặc-biệt :

1.— Các vi-phạm dự-liệu trong các điều 1, 2 và 3 (1) luật này bất luận bị-can là thường-nhân hay quân-nhân.

2.— Các tội gián-diệp và phản nghịch ấn-định bởi Dự số 47 ngày 21-8-1956.

Điều thứ 1.— Sẽ bị phạt tử hình và tịch thu toàn thể hay một phần tài-sản, và nếu là quân-nhân thì còn bị tước binh-quyền, kẻ nào đã hoặc toan phạm các tội sau đây với mục-dịch phá hoại, hoặc xâm-phạm an-ninh quốc-gia, hoặc xâm-phạm sanh-mạng hay tài-sản nhân-dân :

1. Cố-sát, đầu-độc hay bắt cóc,

2. Phá hủy hay làm cho vô dụng toàn thể hay một phần bằng chất nổ bằng cách đốt cháy hay bằng mọi cách nào khác :

a) những nhà ở hay dùng để ở, dù có người ở hay là không, nhà thờ, đền chùa, miếu vũ, những kho, xưởng, trại và mọi kiến-trúc phụ thuộc của tư-nhân ;

b) những công-ốc, công-thự, công-sở, công-xưởng, kho chứa và nói chung tất cả các kiến-trúc các loại thuộc về của công nhà nước và những tài-sản, động-sản hay bất-dộng-sản nào khác thuộc về của công nhà nước hay do nhà nước kiểm-soát, hay đặt dưới chế-độ đặc-nhượng hay công-quân.

c) những thứ tàu đi trên không, trên bộ, dưới nước, các thứ xe ;

d) các hầm mỏ, máy móc, dụng-cụ đặt nơi hầm mỏ ;

e) các khí-giới, dụng-cụ, vật-liệu quân-sự, các đồn, bót, nhà, sở, kho, xưởng và kiến-trúc đủ các loại thuộc về quốc-phòng hay cảnh-bị ;

g) những mùa màng, hoa màu những nông-sức và nông-cơ, những rừng rú đủ các loại ;

h) những hệ-thống viễn-thông, bưu-diện, đài phát-thanh, những hệ-thống sản-xuất và phân-phối điện nước và những nhà hoặc kiến-trúc hay dụng-cụ thuộc về việc khai thác các hệ-thống kể trên ;

i) những đê-diều, đập nước, đường giao-thông, đường sắt, phi-trường, hải-cảng, cầu-cống hay kiến-trúc kỹ-thuật về cầu-cống hay các đường nói trên ;

k) các sông lớn, sông con mà thuyền bè đi lại được, sông đào.

Điều 2.— Sẽ bị phạt khổ sai chung thân và tịch thu toàn thể hay một phần tài-sản và nếu là quân-nhân còn bị tước binh-quyền, kẻ nào với mục-dịch phá hoại, hoặc xâm-phạm an-ninh quốc-gia, hoặc xâm-phạm sanh mạng hay tài-sản nhân-dân, đã hay toan phạm những tội sau đây :

1. cướp, hoặc có khí-giới hoặc từ 2 người trở lên ;

2. làm gián-doạn sự lưu-thông trên đường bộ, hay đường thủy bằng cách không-bố, hãm-dọa bằng vũ-khí, hay bằng mọi cách khác ;

3. hãm-dọa trực-tiếp hay gián-tiếp về các việc sau đây : ám-sát, đốt nhà cửa, mùa màng, bắt cóc.

4. phá phiến chợ hay ngăn cản không cho nhóm chợ ;

5. phá hủy hay có hình vi phá hoại không được ghi ở những điều-khoản trên.

Điều thứ 3.— Sẽ bị những hình phạt dự liệu trong điều 1 hay điều 2 kể trên, những kẻ nào gia nhập một tổ chức hoặc giao kết với nhau, để giúp đỡ sự chuẩn bị hoặc sự thực hành những tội phạm được quy định ở 2 điều này.

3.— Các tội lũng-đoạn và phá-hoại nền kinh-tế và tài-chánh quốc-gia dự-liệu bởi Dự số 61 ngày 3-10-1955.

4.— Những tội có điều luật minh-định thuộc thẩm-quyền Tòa-án Quân-sự đặc-biệt.

Điều thứ 12.— Khi một việc thuộc thẩm-quyền Tòa-án Quân-sự Đặc-biệt thì Bộ-Trưởng Quốc-Phòng hay Bộ-Trưởng Phụ-Tá Quốc-Phòng ra lệnh có viện dẫn lý do để truyền đưa thẳng bị-can ra xét xử, không cần mở cuộc thăm-cứu.

Điều thứ 13.— Ủy-viên Chánh-phủ đọc bản cáo-trạng về thẩm-quyền của Tòa-án và về mọi chi-tiết của tội-trạng.

Điều thứ 14.— Ủy-viên Chánh-Phủ Tòa-án Quân-sự Đặc-biệt trong công việc truy-tầm các vụ phạm-pháp thuộc thẩm-quyền Tòa-án này, được quyền xử-dụng tất cả các nhân-viên công-lực.

Điều thứ 15.— Tòa-án Quân-sự Đặc-biệt sẽ nhóm họp để xét xử trong thời hạn là 3 ngày sau khi nhận được lệnh của Bộ-Trưởng Quốc-phòng hay Bộ-Trưởng Phụ-Tá Quốc-Phòng nói ở điều 12. Trát trực-tổ ra hầu phiên Tòa của Ủy-viên Chánh-phủ sẽ tổng-đặt cho bị-can 24 giờ trước phiên xử.

Điều thứ 16.— Bị-can có quyền nhờ Luật-sư biện-hộ. Nếu bị-can không có Luật-sư, Ủy-viên Chánh-Phủ hay Chánh-Thẩm phải triệu-dụng một Luật-sư biện-hộ cho bị-can.

Điều thứ 17.— Tòa-án Quân-sự Đặc-biệt xử chung-thảm và án-văn không được thượng-tổ lên Tòa Phá-Án.

Điều thứ 18.— Án-văn do Tòa-án Quân-sự Đặc-biệt tuyên xử sẽ đem thi-hành theo thẻ-thức được ấn-định trong các điều 93 đến 98 Bộ Quân-Luật.

Điều thứ 19.— Trong trường-hợp xử tử hình, án-văn chỉ được thi-hành sau khi đơn xin ân-xá bị bác bỏ.

Điều thứ 20.— Nếu cần, một Sắc-lệnh sẽ ấn-định thẻ-thức thi-hành Luật này.

Điều thứ 21.— Các điều-khoản trái với Luật này đều bị bãi bỏ. Luật này sẽ đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

SAIGON, ngày 6 tháng 5 năm 1959

Ký tên : NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Dự số 23 ngày 31 tháng ba năm 1956 ấn-định các hình-phạt áp-dụng cho những tội cướp bóc, đạo-thiết và hiếp-dâm, do các quân-nhân hay quân-nhân đồng-hóa phạm trong lúc chiến tranh hay trong các cuộc hành-quân tảo-thanh,

TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Chiếu hiến-ước tạm thời số 1 ngày 26 tháng mười năm 1955,

Chiếu Dự số 4 ngày 48 tháng mười năm 1941, tổ-chức nền tư-pháp Quốc-gia Việt-nam.

Chiếu Dự số 27 ngày mồng 2 tháng chín năm 1954, thiết-lập Tòa Phá-án.

Chiếu Dự số 8 ngày 14 tháng năm năm 1951, ban-hành bộ Quân luật,

Chiếu Sắc-lệnh số 4 TTP ngày 29 tháng mười năm 1955, ấn-định thành-phần Chánh-phủ,

Chiếu Sắc-lệnh số 26 - TP ngày 19 tháng chín năm 1941 ấn-định chức chương của Tổng-trưởng Bộ Tư-Pháp,

Chiếu đề-nghị của Bộ Trưởng Tư-pháp,

Sau khi Hội-đồng Nội-các đã thảo-luận.

DỰ

Điều thứ nhất.— Trong thời chiến-tranh hay trong các cuộc hành-quân tảo-thanh để duy-trì trật-tự, quân-nhân hoặc quân-nhân đồng-hóa nào phạm tội cướp bóc trong những trường hợp dự-liệu ở ba đoạn đầu của điều 133 bộ quân-luật, sẽ bị xử tử-hình và tước-đoạt binh-quyền.

Điều thứ 2.— Trong thời chiến-tranh hay trong các cuộc hành quân tảo-thanh để duy-trì trật-tự, quân nhân hoặc quân-nhân đồng hóa nào, tại khu-vực hành-quân, phạm tội đạo-thiết đối với nhân-dân, hoặc oa-trữ những đồ vật đạo-thiết đó, sẽ bị phạt đồ-hình.

Nếu trong sự đạo thiết có sự leo trèo hay cây phá ở bên ngoài hoặc ở bên trong, sẽ bị phạt khổ-sai hữu-hạn.

Nếu trong sự đạo-thiết có dùng khi-giới biểu-lộ hay dấu điểm, hoặc có hành-hung mà sự hành hung ấy gây bệnh tật, làm đổ máu, gây thương-tích, thì sẽ bị tội tử-hình. Nếu sự hành hung không gây ra những hậu-quả nói trên, thì hình-phạt sẽ là khổ-sai chung-thân.

Điều thứ 3.— Trong thời chiến-tranh hay trong các cuộc hành-quân tảo-thanh để duy-trì trật-tự, quân-nhân hoặc quân-nhân đồng-hóa nào, tại khu-vực hành-quân phạm tội hiếp-dâm, sẽ bị tử-hình.

Điều thứ 4.— Trong khu-vực hành-quân, những vụ phạm-pháp nói trên thuộc quyền thẩm-lý của tòa-án quân-sự tại mặt trận.

Điều thứ 5.— Bộ-trưởng Quốc-phòng và Bộ-trưởng Tư-pháp, chiếu nhiệm-vụ lĩnh thi-hành dụ này.

Dụ này sẽ đăng vào Công-báo Việt-Nam Công-Hòa.

Làm tại Saigon, ngày 31 tháng ba năm 1956

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

6.— TÒA-ÁN QUÂN-SỰ TẠI MẶT TRẬN

Sắc-luật số 11/62 ngày 21-5-1962 thiết-lập tòa-án quân-sự tại mặt trận.

Tổng-thống đã ban-hành Sắc-luật số 11/62 ngày 21-5-1962, nguyên văn như sau :

Điều thứ 1.— Nay thiết-lập tại mỗi Vùng Chiến-thuật một Tòa-án Quân-sự tại Mặt-trận.

Tùy theo nhu-cầu, các Tòa-án Quân-sự tại mặt-trận khác sẽ được thiết-lập bằng Sắc-lệnh.

Điều thứ 2.— Thành-phần Tòa-án Quân-sự tại Mặt-trận gồm có :

- 1 Chánh-thẩm thực-thụ và 1 Chánh-thẩm dự-khuyết.
- 4 Phụ-thẩm.

Điều thứ 3.— Chức vụ Chánh-thẩm thực-thụ và Chánh-thẩm dự-khuyết được bổ-nhiệm do nghị-dịnh của Tổng-Thống, theo đề-nghị của Bộ-trưởng Phụ-tá Quốc-phòng lựa chọn trong số các sĩ-quan có cấp-bực Đại-tá trở lên, phục-vụ tại Vùng Chiến-thuật liên-hệ.

Chánh-thẩm phải có cấp-bậc trên bị can ít nhất là hai cấp.

Gặp trường-hợp mà vị Chánh-thẩm thường-xuyên đã được cử-cử như trên không-đủ điều-kiện về cấp-bậc, Bộ trưởng Phụ-tá Quốc-phòng sẽ đề-nghị lên Tổng-thống ra nghị-dịnh đặc-cử một sĩ-quan thuộc Vùng Chiến-thuật sở-quan hoặc ngoài Vùng này và có đủ điều-kiện để làm Chánh-thẩm xử riêng về vụ đó.

Điều thứ 4.— Bốn vị Phụ-thẩm sẽ được tuyển-lựa trong số các sĩ-quan, hạ sĩ-quan tại Vùng Chiến-thuật liên-hệ.

a) Nếu bị-can là hạ-sĩ nhất, hạ-sĩ, binh-lính hay thường-dân, các Phụ-thẩm gồm có :

— Một Đại-úy, một Trung-úy, một Thiếu-úy một Hạ sĩ-quan.

b) Nếu bị-can là hạ sĩ-quan, các Phụ-thầm cũng chọn như trên, nhưng viên phụ-thầm Hạ sĩ-quan ít ra cũng phải đồng cấp-bậc và đồng-niên cách với bị-can,

c) Nếu bị-can là sĩ-quan, các Phụ-thầm gồm có :

— Hai sĩ-quan, vị thứ nhất hơn bị-can một cấp, vị thứ nhì hơn vị thứ nhất một cấp.

— Hai sĩ-quan đồng cấp-bậc và đồng niên cách với bị-can.

Trong trường-hợp các vị Phụ-thầm không có đủ điều-kiện về niên cách thì những Phụ-thầm có một cấp ngay ở trên thay thế.

Trong trường-hợp các vị Phụ-thầm tại vùng Chiến thuật sở quan không đủ điều-kiện về cấp-bậc, Bộ-trưởng Phụ tá Quốc Phòng có thể lựa chọn Phụ-thầm trong số các sĩ quan không thuộc Vùng Chiến-thuật đo.

Điều thứ 5.— Tại mỗi Vùng Chiến thuật, Bộ trưởng Phụ tá Quốc-phòng sẽ lập một danh biểu các sĩ quan và hạ sĩ quan theo cấp bậc và niên cách để ngồi ghế phụ thầm Tòa án Quân sự tại Mặt trận. Các sĩ quan và hạ sĩ quan này có thể do các vị chỉ huy quân sự tiến cử.

Danh biểu các vị Phụ thầm có thể được sửa đổi tùy theo nhu cầu.

Các sĩ quan và hạ sĩ quan có tên ghi trong danh biểu ấy sẽ được Ủy viên Chánh phủ tại Tòa án Quân sự tại mặt trận lần lượt cử ra theo thứ tự ghi tên, nếu không có gì trở ngại, để ngồi ghế Phụ thầm trong một thời kỳ ấn định theo nguyên tắc là 6 tháng.

Điều thứ 6.— Tại mỗi Tòa án Quân sự tại Mặt trận có :

— Một ủy viên Chánh Phủ.

— Và một sĩ quan lục sự.

Ngoài ra, còn có thể bổ thêm một hay nhiều Phó Ủy viên Chánh phủ, một hay nhiều Lục sự, Thư ký Lục sự và Thư ký, tùy theo nhu cầu công vụ.

Điều thứ 7.— Ủy viên Chánh phủ, Phó Ủy viên Chánh phủ, Lục sự và Thư ký Lục sự tổng sự ở Tòa án Quân sự tại Mặt trận được bổ nhiệm do Nghị định của Bộ trưởng Phụ tá Quốc phòng, theo đề nghị của Giám đốc Nha Quân pháp và Hiến binh.

Điều thứ 8.— Các vị Chánh thẩm, Phụ thẩm, Ủy viên, Phó Ủy viên Chánh phủ các Lục sự, Thư ký Lục sự và Thừa Phát lại, đương dịch sẽ tuyên thệ theo thủ tục trong phiên Tòa đầu tiên của tòa án Quân sự tại mặt trận, nơi họ phục vụ.

Điều thứ 9.— Thủ tục áp dụng trước Tòa án Quân sự tại Mặt trận sẽ là thủ tục áp dụng trước Tòa án Bình Đặc biệt ấn định bởi Dụ số 8 ngày 16 tháng 5 năm 1954.

Điều thứ 10.— Ngoài việc lựa chọn người biện hộ cho bị can được ấn định nơi điều thứ 26 và 30 của Bộ Quân luật, nếu khẩn thiết, Ủy viên Chánh phủ được quyền chỉ định một công dân có bằng Luật khoa Cử nhân hay có khả năng về luật học đề bào chữa cho bị can.

Điều thứ 11.— Tòa án Quân sự tại Mặt trận có thẩm quyền xét xử các tội phạm sau đây, do bị can phạm quả tang trong suốt thời gian có tình trạng khẩn cấp, tại lãnh thổ Vùng Chiến thuật.

— đối với quân nhân và nhân viên Bảo an : mọi khinh tội, trọng tội dự liệu trong Bộ Quân luật, Bộ Hình luật, và các luật lệ hiện hành khác ;

— đối với thường dân : các tội xâm phạm an ninh quốc gia dự liệu trong Hình-luật. Dụ số 47 ngày 21 tháng 8 năm 1956 và Luật-số 10/59 ngày 6 tháng 5 năm 1959 và các tội mà Bộ Quân luật đã minh định rằng can phạm thường dân cũng thuộc thẩm-quyền Tòa-án Quân-sự.

Riêng đối với các tội :

— Cướp bóc phạm trong những trường-hợp dự liệu ở 3 đoạn đầu điều 133 Bộ Quân luật,

— Đạo thiết và oa trữ những đồ vật do sự đạo thiết đó mà có.

— hiếp dâm
các hình phạt dự liệu nơi Dự số 23 ngày 31 tháng 3 năm 1956 sẽ được áp-dụng.

Điều thứ 12.— Tòa-án Quân-sự tại Mặt trận xử chung-thầm. Mọi phương-chức kháng án hay phá án không áp-dụng.

Điều thứ 13.— Bản án sẽ được thi-hành sau khi tuyên án, nếu không phải là án tử hình.

Nếu là án tử hình, mặc dầu có hay không có đơn xin ân xá của phạm nhơn, Ủy-viên Chánh-phủ phải lập hồ sơ xin ân xá trong thời hạn tối đa mười (10) ngày sau khi Tòa tuyên án.

Hồ-sơ xin ân xá được đệ lên Tổng thống thẩm-dịnh theo các thể thức ấu-định do luật-lệ hiện hành.

Sau khi có quyết-định về đơn xin ân xá án tử hình mới được thi-hành.

Điều thứ 14.— Những điều-khoản của các luật-lệ hiện hữu, trái với sắc luật này, đều bãi bỏ.

Điều thứ 15.— Các Bộ-Trưởng, chiếu nhiệm-vụ lãnh thi-hành Sắc-luật này.

Sắc-luật này sẽ công bố theo thủ-tục khẩn-cấp.

Saigon, ngày 21 tháng 5 năm 1962

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

QUYỂN NHÌ

PHẦN THỨ NHẤT

**I.— QUY-CHẾ CÁC NGẠCH THUỘC
BỘ TƯ-PHÁP**

QUY-CHẾ CÁC NGẠCH THẨM-PHÁN HÒA GIẢI VÀ THẨM-PHÁN CÁC TÒA SƠ-THẨM VÀ THƯỢNG-THẨM

Dự số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ấn-định quy-chế riêng cho ngạch Thẩm-phán hòa-giải và Thẩm-phán các Tòa-án Sơ-thẩm và Thượng-thẩm.

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG

Chiếu Dự số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức và điều hành các cơ quan công-quyền ;

Chiếu Dự số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức quy-chế các công-sở ;

Chiếu Dự số 4 ngày 8 tháng 10 năm 1949 tổ-chức tư-pháp quốc-gia ;

Chiếu Dự số 5 ngày 18 tháng 10 năm 1949 thiết-lập Tối-cao Pháp-Viện ;

Chiếu Sắc-lệnh số 4-CP ngày 11 tháng 1 năm 1954 ấn-định thành phần Chính-phủ ;

Chiếu Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định chức-chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Chiếu bản-văn số 10-SG ngày 8 tháng 2 năm 1949 của Chính-phủ Trung-trong lâm thời Việt-Nam và các bản-văn tu-chỉnh tiếp sau ấn định pháp-quī tạm thời của ngạch quyền Thẩm-phán Việt-Nam ;

Chiếu Sắc-lệnh 10-TP ngày 1 tháng 2 năm 1950 thiết-lập một ngạch Thẩm-phán hòa giải và một ngạch Thẩm-phán các Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm ;

Chiếu Sắc-lệnh số 67-TP ngày 19 tháng 6 năm 1950 ấn-định phụ-cấp chức-vụ của các vị Thẩm-phán Việt-Nam ;

Chiếu Dự số 9 ngày 14 tháng 7 năm 1950 ấn-định quy-chế chung cho các công-chức Việt-Nam ;

Chiếu lời đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Sau khi Hội-đồng Tổng-Trưởng thảo luận,

DỰ :

CHƯƠNG 1

Điều thứ nhất — Nay thiết-lập cho toàn thể Quốc-gia Việt-Nam một ngạch Thẩm-phán Hòa-giải và một ngạch Thẩm-phán các Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm.

Một Dự khác sẽ ấn-định quy-chế ngạch Thẩm-phán Tối-cao Pháp-viện.

Điều thứ 2.— Các Thẩm-phán xử án có nhiệm vụ xét xử nhưn danh Quốc-dân Việt-Nam và trong khi thi hành nhiệm vụ tài phán của mình chỉ tùy thuộc lương tâm và không thể bị tuyên chuyển hay bãi chức ngoài những trường hợp do pháp qui ấn-dịnh.

Các Thẩm-phán công-tố-viện được đặt dưới sự điều khiển và kiểm soát của các cấp chỉ huy và dưới quyền của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp. Trước Tòa, các Thẩm-pháp công-tố-viện được tự do kết luận miệng theo ý riêng của mình.

Điều thứ 3.— Tất cả những điều-khoản của quy-chế chung công-chức do Dự số 9 ngày 14 tháng 7 năm 1950 ấn-dịnh sẽ áp-dụng cho các Thẩm-phán nếu không trái với thể-lệ riêng của ngạch Thẩm-phán do Dự này qui-dịnh.

Điều thứ 4.— Đoàn thể Thẩm-phán không được hội bàn về những vấn-dề chính-trị.

Sự biểu-tình chống lại chính-thể quốc-gia hoặc bất câu sự biểu-lộ nào khác có tính-cách chánh-trị không thích-hợp với sự dè-dặt mà chức-vụ Thẩm-phán bắt buộc phải có, điều bị cấm.

Điều thứ 5.— Các Thẩm-phán, chiếu theo hình-luật và đạo-luật riêng biệt, được che-chở nếu bị hăm dọa, sỉ-nhục, mạ ly hoặc phỉ-báng.

Chính phủ phải bình-vực các Thẩm-phán nếu trong khi thừa hành chức-vụ hoặc vì thừa hành chức-vụ, mà bị hăm dọa hay bị công-kích, dầu là cách nào.

Chính-phủ phải bồi thường những sự thiệt-hại trực-tiếp do đó mà xảy ra, trong tất cả những trường-hợp mà pháp-chế về hưu-bồng không qui-dịnh.

Điều thứ 6.— Chức-vụ tư-pháp phân biệt hẳn ra với các chức-vụ hành-chánh. Ngoài chức-vụ tư-pháp, các Thẩm-phán không thể bị trưng tập để làm những công-vụ nào khác ngoại trừ quân-dịch.

Nhưng các Thẩm-phán có thể được đặc-biệt cử để chủ-tọa hay tham-dự một vài ủy-ban hoặc cơ-quan ngoại tư-pháp sau khi lấy ý-kiến của Ủy-ban Tối-cao các Thẩm-phán. Các Thẩm-phán sẽ được quyền hưởng phụ-cấp khi đảm-nhiệm các chức vụ này.

CHƯƠNG II

PHẨM-TRẬT, LƯƠNG-BỒNG CĂN-BẢN VÀ CHỨC-VỤ

Điều thứ 7.— Đăng - cấp và chỉ-số lương căn-bản ngạch Thâm-phán hòa-giải được ấn-dịnh như sau :

— Thâm-phán hòa-giải thượng-hạng	{ sau 3 năm	1.000
	ngoại-hạng { trước 3 năm	940
— Thâm-phán hòa-giải thượng-hạng hạng nhất.		890
— Thâm-phán hòa-giải thượng-hạng hạng nhì.		840
— Thâm-phán hòa-giải thượng-hạng hạng ba.		790
— Thâm-phán hòa-giải thượng-hạng hạng tư.		740
— Thâm-phán hòa-giải hạng nhứt	{ sau 3 năm	690
	{ trước 3 năm.	640
— Thâm-phán hòa-giải hạng nhì.		590
— Thâm-phán hòa-giải hạng ba.		550
— Thâm-phán hòa-giải hạng tư.		510
— Thâm-phán hòa-giải hạng năm.		470
— Thâm-phán hòa-giải hạng sáu hay tập sự.		430

Điều thứ 8.— Đăng cấp và chỉ số lương căn bản ngạch Thâm phán Tòa Thượng-thẩm và Tòa Sơ-thẩm được ấn-dịnh như sau :

— Chánh - nhất và Chủ-định-lý Tòa Thượng-thẩm	{	1.120
hạng nhất		
— Chánh - nhất và Chủ-định-lý Tòa Thượng-thẩm	{	1.060
hạng nhì.		
— Chánh-án Phòng và Phó Chủ-định-lý Tòa Thượng-thẩm	{	1.000
hạng nhứt		
— Chánh-án Phòng và Phó Chủ-định-lý Tòa Thượng-thẩm	{	940
hạng nhì.		
— Chánh-án và Biện-lý Tòa Sơ-thẩm ngoại hạng	{	890
— Chánh-án và Biện-lý Tòa Sơ-thẩm hạng nhứt.		
— Hội - thẩm và Tham-lý Tòa Thượng-thẩm	{	840
nhứt		
— Hội - thẩm và Tham-lý Tòa Thượng-thẩm	{	790
hạng nhì		
— Chánh-án và Biện-lý Tòa Sơ-thẩm hạng nhì.	{	740
— Chánh-án dự khuyết Tòa Sơ-thẩm ngoại hạng		

— Chánh-án và Biện-lý Tòa Sơ-thẩm hạng ba . . .	840
— Chánh-án dự khuyết Tòa Sơ-thẩm hạng nhất . . .	
— Phó Biện-lý và Dự thẩm Tòa Sơ-thẩm ngoại hạng	
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng nhất sau 3 năm	790
— Chánh-án dự khuyết Tòa Sơ-thẩm hạng nhì . . .	
— Phó Biện-lý và Dự-thẩm Tòa Sơ-thẩm hạng nhất	
— Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm ngoại hạng	
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng nhất trước 3 năm	740
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng nhì sau 3 năm	690
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng nhì trước 3 năm	640
— Chánh-án dự thuyết Tòa Sơ-Thẩm hạng ba . . .	
— Phó Biện-lý và Dự-thẩm Tòa Sơ-thẩm hạng nhì	
— Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm hạng nhất	
— Phó Biện-lý và Dự-thẩm Tòa Sơ-thẩm hạng ba	590
— Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm hạng nhì	
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng ba sau 3 năm	550
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng ba trước 3 năm	510
— Thẩm-phán phụ-khuyết	470
— Tùy-viên công-lỗ-viên	430

Điều thứ 9.— Nếu trong ngạch Thẩm-phán thiếu nhân-viên đủ điều-kiện về đẳng-trật để cử giữ chức-vụ theo đúng đẳng-trật các Tòa án, Tổng-Trưởng Bộ Tư Pháp có thể ra nghị-định cử một Thẩm-phán ở một trật dưới quyền nhiếp một chức vụ kể trên.

CHƯƠNG III

TUYÊN - BỐ

Điều thứ 10.— Ngoài những điều kiện tổng quát nói ở điều 22 trong quy-chế chung, thể-lệ tuyên-bổ vào ngạch Thẩm-phán được ấn-định như sau :

A) Thăm-phán Hòa-giải

Điều thứ 11.— Có thể tuyển-bỏ vào ngạch Thăm-phán hòa giải sau khi đã trúng tuyển một kỳ thi nhập ngạch :

1^o) — Những người có quốc tịch Việt-Nam, ít nhất 22 tuổi trừ phi được Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp đặc-biệt cho miễn tuổi và nhiều nhất 35 tuổi, có bằng luật-khoa cử-nhân, bằng luật-học Đông-dương, hoặc bằng tốt nghiệp trường Pháp-chính Hà nội hay trường Cao-học Đông-Dương.

2^o) — Những lục-sự Tòa-án từ hạng nhì trở lên, và nếu ở ngạch Thơ - ký Tòa-án lên phải đủ 6 năm thâm niên trong ngạch lục sự.

Thẻ-thức và chương-trình kỳ thi nhập ngạch sẽ ấn-định sau do một nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp sau khi thỏa hiệp với Nha Công-vụ.

Điều thứ 12. — Những thí sinh trúng tuyển kỳ thi nhập ngạch nói ở điều 11 được bỏ :

a) — Thăm-phán Hòa-giải tập sự nếu có bằng cử nhân luật khoa, luật học Đông-Dương, tốt nghiệp trường Pháp chính Hà-nội hay trường Cao-học Đông-Dương.

b) — Thăm-phán Hòa-giải tập sự và sắp ngang hàng với Thăm-phán Hòa giải hạng tư nếu có bằng Tấn-sĩ luật-khoa.

c) — Thăm-phán Hòa-giải với một chỉ số lương kể trên chỉ số lương của mình ở ngạch cũ nếu ứng tuyển thuộc ngạch lục-sự và có một chỉ số lương bằng hay trên 430.

d) — Thăm-phán Hòa-giải hạng 6 nếu ứng tuyển thuộc ngạch lục-sự và có một chỉ số lương dưới 430.

Điều thứ 13.— Những lục-sự được bỏ vào ngạch Thăm-phán hòa-giải theo những điều-kiện nói trên mất hết thâm-niên ở trật cũ trong ngạch lục-sự.

B. — Thăm-phán các Tòa-án Sơ-thẩm và Thượng-thẩm.

Điều thứ 14.— Có thể tuyển vào ngạch Thăm-phán các Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm sau khi đã trúng tuyển một kỳ thi nhập ngạch những người có quốc tịch Việt-Nam, có ít lắm 22 tuổi, trừ phi được Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp đặc-biệt cho miễn tuổi, và nhiều nhất 35 tuổi, có bằng Tấn-sĩ hay Cử-nhơn luật-khoa. Chương trình và thẻ thức kỳ thi nhập ngạch sẽ do Nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp ấn-định, sau khi hỏi ý-kiến của Ủy-ban Tối-cao các Thăm-phán, khi Ủy-ban này đã được thành-lập và sau khi thỏa-hiệp với Nha Công-vụ.

Điều thứ 15.— Những thí sinh trúng-tuyển kỳ thi nói ở điều 14 được bổ :

a) — Tùy-viên công-tố-viện nếu có bằng cử-nhơn luật-khoa ;

b) — Tùy-viên công-tố-viện nhưng hưởng chỉ-số lương Chánh án hòa-giải rộng-quyền hạng 3 trước 3 năm nếu có bằng Tấn sĩ luật khoa.

Điều thứ 16 — Các Thẩm-phán hòa-giải và Thẩm-phán các Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm được bổ-nhiệm do-Sắc-lệnh của Đức Quốc-Trưởng và cử giúp việc tại các Tòa-án do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp.

CHƯƠNG IV

TÍNH CÁCH BẤT KHẢ KIÊM NHIỆM

Điều thứ 17.— Vợ chồng, thân thuộc hay thích-thuộc cho đến bậc bác cháu, chú cháu, hay cậu cháu không thể cùng là nhơn viên trong một Tòa Sơ-thẩm hay Thượng-thẩm với tư-cách Thẩm-phán xử án hoặc với tư cách Thẩm-phán Công-tố, hoặc với tư cách lục-sự, nếu không được Đức Quốc-Trưởng cho phép miễn trừ riêng.

Vị Thẩm-phán nào vì kết hôn mà có tình thích-thuộc sẽ không thể tiếp-tục công việc cũ được, nếu không được Đức Quốc-Trưởng cho phép miễn trừ.

Dù có được miễn-trừ vợ chồng hay các người có tình thân thuộc hay thích thuộc với nhau đều không thể cùng ngồi xử tại Phòng án Tòa Thượng-thẩm được.

Điều-kiện miễn trừ không thể áp-dụng đối với Tòa-án cấp Sơ-thẩm nào không có đủ bốn vị Thẩm-phán.

Điều thứ 18.— Không một vị Thẩm phán nào có thể xét một vụ án mà kẻ biện hộ, thụ-ủy hoặc luật-sư của một bên đương-sự là thân thuộc thích thuộc của mình cho đến bậc thứ ba, nếu bất tuân thủ-tục tố-tụng sẽ vô hiệu.

Điều thứ 19.— Không vị Thẩm-phán nào có thể làm hội-viên một Hội-đồng dân cử. Nếu trước khi được bổ vào ngạch Thẩm-phán đã có giữ một chức-vụ dân cử trong quân-hạt một tòa-án nào thì chỉ có thể được cử giúp việc tại quân-hạt Tòa-án đó sau ba năm đã thôi hẳn đảm nhiệm chức vụ dân cử.

Điều thứ 20.— Các chức vụ phụ-thuộc Tòa-án tỷ như quân-

lý văn-khế, thừa phát lại, hồ giá viên, luật sư đều bất năng kiêm nhiệm với một chức vụ tư pháp và các người này không thể được bỏ vào chức vụ Thẩm-phán trong quân hạt một Tòa Thượng thẩm mà họ đã nghỉ hành-sự không quá ba năm.

Cũng không kiêm nhiệm chức vụ Thẩm-phán với một nghề buôn hay một kỹ-nghệ gì khác, với một công việc gì trong hãng buôn hay hãng kỹ nghệ.

CHƯƠNG V

TẬP SỰ — THĂNG CHỨC

Điều thứ 21.— Sau khi đã tập sự đúng hai năm, các Thẩm-phán hòa-giải tập sự và các tùy-viên công-tổ-viện xét ra có đủ năng lực sẽ được thực thụ vào ngạch do Sắc-lệnh của Đức Quốc-Trưởng chiếu đề nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp sau khi đã hỏi ý kiến của Ủy-ban Tối cao các Thẩm-phán dự-liệu ở điều 22 sau đây.

Các điều-khoản tổng-quát định ở quy chế chung của Dự số 9 ngày 14-7-50 về tập sự và thực thụ sẽ được áp-dụng đối với ngạch Thẩm-phán.

Điều thứ 22.— Không một vị Thẩm-phán nào có thể được thăng lên một trật hạng mới có tăng lương, nếu họ không ở trật-hạng hiện thời ít nhất được hai năm rồi và nếu không được ghi tên vào bảng thăng-thưởng do Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp lập ra vào khoản cuối năm, chiếu theo đề nghị của Ủy-ban Tối-cao các Thẩm-phán gồm có :

- Vị Chánh-Nhất Tối-cao Pháp-viện
- Vị Chủơng-lý Tối-cao Pháp-viện
- 3 Vị Chủơng-lý Tòa Thượng-thẩm Saigon, Hà-nội, Huế
- 3 Vị Chánh-nhất Tòa Thượng-thẩm Saigon, Hà-nội, Huế
- 3 Vị Đại-diện do các Thẩm-phán mỗi phần: Nam, Trung, Bắc tuyền cử mỗi năm.

Ngoài các vị kể trên. Ủy-ban này còn có vị giám-đốc Nha Tổng-Hành-Chánh tại Bộ Tư-Pháp. Ủy-ban Tối cao các Thẩm-phán sẽ quyết định theo đa số ; khi nào ngang số, ý-kiến của Ông Chủ-tịch có quyền tài-quyết.

Điều thứ 23.— Trước tháng 9 mỗi năm, các ông Chánh-nhất và Chủơng-lý ba Tòa Thượng-thẩm phải gửi lời đề nghị

của mình lên ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp đề lập bảng thăng thưởng.

Trong lời đề nghị phải nói rõ thứ tự hơn kém tên các vị Thăm-phán xét ra đáng thăng thưởng và cũng phải chỉ định trật hạng mới mà các vị đó đáng được thăng cử.

Điều thứ 24.— Bảng thăng-thưởng do Nghị-dịnh Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp lập đúng theo điều 22 nói trên sẽ được đăng vào Công-báo Việt-Nam và sao-lục gửi cho các Tòa-án.

Điều thứ 25.— Những vị Thăm-phán nào được ghi tên vào bảng thăng-thưởng mà ngay năm ấy không được thăng-thưởng sẽ được ghi tên vào bảng thăng-thưởng năm sau. Trừ khi Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp chiếu lời đề-nghị có viện dẫn lý do của các nhà chức-trách Tư-Pháp nói trên ở đoạn 1 điều thứ 23 mà định-đoạt khác thì không kể.

Nếu trong vòng 4 năm kể từ ngày được thăng lần trước vị Thăm-phán nào không bị trừng phạt về kỷ-luật mà chưa được thăng sẽ đương nhiên được ghi tên vào đầu bảng thăng thưởng năm sau.

Các Thăm-phán đủ thâm niên và được đề nghị có thể được thăng chức tại chỗ nếu tạm thời các chức vụ cấp trên không có khiếm khuyết.

Điều thứ 26.— Vị Thăm-phán nào tự-ý từ-chối không muốn ghi tên vào bảng thăng-thưởng, nếu muốn lại được ghi tên vào bảng thăng-thưởng năm sau, cần phải được đề-nghị lại. Vị Thăm-phán được thăng chức không có quyền từ-chối đi đảm nhiệm chức-vụ mới.

Vì nhu-cầu công-vụ, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp có thể, sau khi đã hỏi ý kiến đương-sự, cử một vị Thăm-phán tạm-thời đảm nhiệm một chức vụ dưới đẳng-trật của vị ấy. Trong trường hợp này, vị Thăm-phán được cử vẫn giữ y lương bổng chiếu theo đẳng trật của mình.

Vì nhu-cầu công-vụ, các Thăm-phán cũng có thể được biệt phái giữ các chức-vụ tại Bộ Tư-Pháp. Thời gian từng sự tại Bộ cũng được tính như làm việc ở Tòa-án.

Sau khi đã giúp việc tại Bộ Tư-Pháp trong một thời gian 2 năm, các Thăm-phán có quyền xin trở về từng sự ở các Tòa án.

Điều thứ 27.— Việc thăng chức các Thẩm-phán (Tòa Thượng-thẩm, Tòa Sơ-thẩm, Tòa Hòa-giải) sẽ do Sắc-lệnh của Đức Quốc Trưởng chiếu đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp, theo những thể-thức ấn-định ở điều 22 và kế tiếp.

CHƯƠNG VI

TUYÊN-THỆ, CƯ-SỞ, NGHỈ PHÉP, BIỆT PHÁI, NGHỈ GIẢ HẠN

Điều thứ 28.— Các Thẩm-phán Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm chỉ có thể nhậm chức sau khi đã tuyên-thệ như sau :

« Tôi xin thề và xin hứa sẽ tận tâm làm tròn nhiệm-vụ của tôi, sẽ giữ hoàn toàn bí-mật những điều bàn cãi trong lúc thẩm-nghi và bất cứ về việc gì cũng sẽ cư-xử như một vị Thẩm-phán xứng đáng và trung-thành ».

Tòa Thượng-thẩm trong một phiên họp công khai do tất cả các Phòng hội lại sẽ nhận lời thề này. Những vị Thẩm-phán ở xa trụ-sở Tòa Thượng-thẩm có thể được phép viết lời thề ra giấy để gởi đến Tòa.

Các Thẩm-phán chỉ tuyên-thệ khi nhậm chức lần đầu tiên và khôi phái tuyên-thệ lại mỗi khi được thăng chức hay hoán đổi trong quân hạt một Tòa Thượng-thẩm.

Tuy nhiên các Thẩm-phán sơ-cấp được cử quyền-nhiếp hay được bổ thực thụ vào một chức-vụ ở cấp thượng thẩm phải tuyên thệ lại.

Các Thẩm-phán cấp thượng-thẩm được cử quyền nhiếp hay được bổ thực-thụ vào các chức-vụ Chánh Nhất, Chánh-án Phòng hay Chương-lý cũng phải tuyên thệ lại.

Điều thứ 29.— Các Thẩm-phán Hòa-giải trước khi nhận việc cũng phải tuyên thệ như trên.

Tòa-án tỉnh có quyền quân-hạt đối với Tòa Hòa-giải này sẽ nhận lời thề ấy trong một phiên họp công khai.

Điều thứ 30.— Các thẩm-phán (Tòa Thượng-thẩm, Tòa Sơ-thẩm và Tòa Hòa giải) phải cư trú ngay tại nơi lập trụ-sở Tòa Thượng-thẩm hay Tòa án của mình.

Điều thứ 31.— Mỗi Thẩm-phán tại chức có quyền nghỉ ba mươi ngày có lương sau khi đã làm việc được một năm, theo những thể thức dưới đây :

Đối với các Thẩm-phán các Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm.

Về những đơn xin nghỉ dưới bảy ngày, nếu người xin nghỉ là Thẩm-phán xử án thì Ông Chánh-Nhất Tòa Thượng-thẩm sẽ cho phép nghỉ; nếu là Thẩm-phán ở công-tổ-viện thì Ông Chủơng-lý cho phép; nếu là Chánh-án Tòa Hòa-giải Rộng-quyền thì Ông Chủơng-lý cho phép sau khi thỏa-hiệp cùng Ông Chánh Nhất.

Giấy phép nghỉ từ bảy ngày trở lên sẽ do Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp cấp, sau khi đã hỏi ý-kiến Ông Chánh-nhất hay Ông Chủơng-lý, tùy theo đương-sự là Thẩm-phán xử án hay là Thẩm phán ở công-tổ-viện.

Đối với các Thẩm-phán Tòa Hòa-giải.

Về những đơn xin nghỉ dưới bảy ngày thì Ông Chánh-án Tòa-án Sơ-thẩm sẽ cho phép nghỉ sau khi hỏi ý-kiến Ông Biện-lý Tòa-án ấy. Nếu người xin nghỉ thuộc về quản-hạt một Tòa-án Hòa-giải có rộng-quyền, thì quyền cho phép nghỉ thuộc về Ông Chánh-án Tòa Hòa-giải Rộng-quyền này.

Nếu đơn xin nghỉ trên bảy ngày, nhưng dưới một tháng thì quyền cho phép thuộc về Ông Chủơng-lý Giám-đốc Sở Tư-Pháp sau khi đã hỏi ý-kiến Ông Chánh-án và Ông Biện-lý Tòa án tỉnh (hay Ông Thẩm-phán Hòa-giải có rộng-quyền).

Những giấy phép nghỉ trên một tháng sẽ do Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp cấp, sau khi đã hỏi ý kiến Ông Chủơng-lý, Giám-đốc Sở Tư-Pháp và Ông Chánh Nhất Tòa Thượng-thẩm.

Điều thứ 32.— Sau khi đã làm việc được năm năm không gián đoạn, và không nghỉ quá ba tháng theo lệ nghỉ hàng năm, hoặc lệ nghỉ dưỡng bệnh, các Thẩm-phán, do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, được quyền nghỉ sáu tháng theo lệ hành-chánh.

Các Thẩm-phán được đặt vào các tình trạng nghỉ dưỡng bệnh, biệt phái, nghỉ giả hạn v.v... nói ở quy-chế chung công chức do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

CHƯƠNG VII

Y-PHỤC VÀ HUY-HIỆU

Điều thứ 33.— a) Y-phục Thẩm-phán Hòa-giải,

Thẩm-phán Hòa-giải sẽ mặc y-phục giống y-phục các Thẩm-phán cấp Sơ-thẩm trong các phiên tòa thường.

b) Y-phục Thẩm-phán cấp Sơ-thẩm.

Trong những phiên tòa thường cũng như trong những phiên tòa long trọng và các buổi lễ công cộng, Thẩm-phán cấp Sơ-thẩm mặc áo dài bằng len đen, tay rộng, giải lụa đen có lông trắng quàng trên vai bên trái, giải trắng bằng vải mỏng có nếp rủ xuống trước ngực, mũ bằng len đen có viền một lon bạc.

Riêng mũ các Ông Biện-lý và Chánh-án các Tòa Sơ-thẩm thì viền hai lon bạc.

c) — Y-phục Thẩm-phán cấp Thượng-thẩm

Trong những phiên Tòa thường các Ông Hội-thẩm, Tham-lý và Phó Chủ-rõng - lý mặc áo dài bằng len đen, tay rộng, giải lụa đen có lông trắng quàng trên vai bên trái, giải trắng bằng vải mỏng có nếp rủ xuống trước ngực, mũ bằng nhung đen có viền hai lon vàng mịn.

Các Ông Chánh - án Phòng, Chánh - nhất và Chủ-rõng - lý cũng mặc y-phục giống như trên nhưng mũ các Ông Chánh - án Phòng thì viền ba lon vàng mịn và mũ các Ông Chánh - nhất và Chủ-rõng-lý thì viền bốn lon vàng mịn.

Trong những phiên tòa long trọng và các buổi lễ công cộng, các Ông Hội - thẩm, Tham-lý và Phó Chủ-rõng - lý mặc áo dài bằng len đỏ, tay rộng, giải lụa đen có lông trắng quàng trên vai bên trái, giải trắng bằng vải mỏng có nếp rủ xuống trước ngực, mũ bằng nhung đen có viền hai lon vàng mịn.

Các Ông Chánh - án Phòng, Chánh - nhất và Chủ-rõng - lý cũng mặc y-phục giống như trên, nhưng mũ các Chánh - án Phòng thì viền ba lon vàng mịn và mũ các Chánh - nhất và Chủ-rõng-lý thì viền bốn lon vàng mịn.

Mép lật áo dài của các Ông Chánh - án Phòng, Chánh - nhất và Chủ-rõng-lý lót da chồn trắng. Các Ông Chánh - nhất và Chủ-rõng-lý khoác thêm trên áo một khăn choàng lớn bằng da chồn trắng, và các Ông Phó Chủ-rõng - lý mang một khăn choàng cổ bằng da chồn trắng.

Trong những phiên tòa long - trọng và các buổi lễ công cộng, các vị Thẩm - phán phải mặc bên trong y-phục áo cổ thường và cà-vạt đen.

Điều thứ 34. — Các Thẩm-phán khi được cử lần đầu tiên vào những chức-vụ bắt buộc phải mặc y phục ở các phiên tòa sẽ được hưởng một số tiền phụ cấp là 2.000\$00 để may y phục.

CHƯƠNG VIII

KỶ-LUẬT

Điều thứ 35. — Bất cứ vị Thẩm-phán Tòa Thượng-thẩm Tòa Sơ-thẩm hay Thẩm-phán Hòa giải nào cư xử không xứng đáng với chức vụ mình sẽ bị Ông Chủơng-lý, Giám đốc Sở Tư-Pháp hay Ông Chánh-nhất cảnh cáo.

Nếu cảnh cáo vẫn vô hiệu, hoặc nếu việc phạm lỗi có tính cách làm tổn hại đến danh-dự của người ấy, Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư Pháp theo lời báo cáo của Ông Chủơng-lý Giám-đốc Sở Tư Pháp hay ông Chánh-nhất và sau khi nghe lời phản trần của đương-sự hay đã đòi người ấy đến hỏi rõ về việc này một cách hợp lệ rồi, sẽ tuyên cáo phạt người ấy khiển trách có ghi vào lý-lịch.

Điều thứ 36. — Đối với những trừng phạt nặng hơn kể sau đây :

- truyền-chuyển vì kỷ luật,
- chậm thăng thưởng một hay hai năm và có thể bị xóa tên trong bảng thăng thưởng đã lập.
- giáng một hay hai trật.
- tạm huyền chức từ 3 đến 6 tháng không hưởng lương bổng,
- cách chức không mất quyền hưu bổng,
- cách chức mất quyền hưu bổng.

Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ triệu tập Ủy-ban Tối-cao các Thẩm-phán nói trên ở điều 22 để Ủy-ban này phát biểu ý-kiến về việc áp-dụng những khoản trừng phạt đó.

Vị thẩm-phán phạm lỗi phải được xem hồ sơ của mình cùng tất cả các văn-kiện phụ-thuộc và được phép phản-trần trước mặt Ủy-ban về những điều khiển-trách hay viết ra giấy lời giải thích và gởi đến. Đương-sự có thể viện nhân chứng hay nhờ luật-sư hoặc một bạn đồng-nghiep bênh-vực cho mình.

Điều thứ 37. — Ủy-ban Tối-cao các Thẩm-phán có thể, nếu xét tội lỗi, hoặc trường-hợp phạm lỗi chưa được rõ rệt, ủy-nhiệm

vị chủ-tịch hay một hội-viên mở cuộc điều-tra và nghe các nhân chứng cần thiết.

Ủy-ban chỉ có thể cho ý kiến về các khoản trừng phạt sau khi đã nghe đương sự biện-bạch, nhưng nếu đương-sự từ chối không lý-do chính đáng, không đến hầu khi được ủy-ban đòi đến, thì Ủy-ban có thể bỏ qua và cho biết ngay ý-kiến.

Điều thứ 38.— Ủy-ban Tối-cao các Thăm-phán phải có bày tỏ ý-kiến trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được hồ-sơ.

Khi nào có cuộc điều-tra, thời-hạn ấy được tăng lên là ba tháng.

Trong trường-hợp vị Thăm-phán phạm lỗi bị truy-tố trước pháp luật, Ủy-ban có thể đình việc cho ý-kiến đến khi Tòa-án quyết-dịnh xong.

Điều thứ 39.— Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, sau khi nhận được ý-kiến của Ủy-ban Tối cao các Thăm-phán có thể hoàn hồ-sơ cho Ủy-ban để thảo luận và đề-nghị lại. Nhưng nếu Ủy-ban vẫn giữ ý-kiến, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp phải chấp thuận đề-nghị về trừng-phạt của Ủy-ban đưa ra và đệ-trình lên Đức Quốc-Trưởng duyệt-chiếu bản Sắc-lệnh về sự trừng-phạt.

CHƯƠNG IX

ĐẶC QUYỀN TÀI PHÁN

Điều thứ 40.— Nếu tiếp được một lá đơn khiếu tố hay một lá đơn cáo giác nào, buộc một vị Thăm-phán (thăm-phán cấp thượng-thẩm, cấp sơ-thẩm hay hòa-giải) về việc phạm vào một khinh tội, hay một trọng tội trong khi thừa hành chức-vụ, hay ngoài chức-vụ Ông Chương-lý, Giám-Đốc Sở Tư-Pháp phải báo cáo hay Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp rõ và phải chính mình, mở cuộc điều-tra mặt về việc này, hay ủy một vị Thăm-phán cấp trên bị can để làm công việc điều-tra đó. Sau đó ông Chương-lý phải chuyển đệ lên Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp hồ-sơ điều-tra tiên-thẩm về việc ấy, Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp chiếu tờ báo cáo của Ông Chương-lý, Giám-Đốc Sở Tư-Pháp, sẽ quyết-dịnh xem có nên truy-tố trước pháp-luật viên chức bị cáo ấy không.

Điều thứ 41.— Nếu việc đang bị truy-tố trước Tòa và nếu bị can không phải là nhân-viên của Tòa Thượng-thẩm thì phải áp-dụng thủ-tục như sau ;

Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp giao việc này cho Ông Chương-ly Tòa Thượng-thẩm có quyền quản-hạt đối với bị can, Ông Chương-ly sẽ làm mệnh-lệnh chuyển giao việc đó sang Ông Chánh-nhất để vị này mở cuộc thẩm-cứu. Vị Thẩm-phán cao cấp này phải chính mình thẩm cứu việc ấy và chỉ có thể ủy người khác thay mình làm công việc này khi nào mắc bận. Vị Thẩm-phán được cử ra để thẩm cứu việc này nên chọn trong hàng Thẩm-phán Tòa Thượng-thẩm cấp trên bị can.

Ông Chánh-nhất hay Vị Thẩm-phán được ủy quyền thẩm cứu sẽ được quyền hạ trát đòi hay ra lệnh dẫn-giải. Nhưng chỉ riêng Ông Chánh-nhất mới có quyền hạ trát tổng giam hoặc cho tại ngoại có hay không có người bảo lãnh sau khi có sự thoả-thuận của ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Điều thứ 42.— Nếu tội phạm của bị can là một khinh tội, sau khi tiếp nhận được hồ-sơ thẩm-cứu do Ông Chánh-nhất chuyển giao cho Ông Chương-ly sẽ chiếu theo các giấy tờ thẩm cứu và hạn trong 15 ngày phải đưa việc đó ra trước Tòa Thượng-thẩm, do tất cả các phòng hội lại và có toàn quyền xét xử.

Ông Chánh-Nhất hay Ông Chánh-án Phòng thẩm niên nhất, trong trường-hợp Ông Chánh-nhất mắc bận, sẽ chủ-tọa phiên tòa. Ông Chương-ly sẽ ngồi ghế công-tố-viện, nếu vị này mắc bận thì Ông Phó Chương-ly hay một trong những vị Tham-ly thẩm-niên nhất sẽ ngồi thay.

Điều thứ 43.— Nếu tội phạm của bị can là một trọng tội, Ông Chương-ly thoát tiên sẽ đưa hồ-sơ việc ấy ra trước phòng luận tội của Tòa Thượng-thẩm, phòng này lúc đó sẽ do Ông Chánh-nhất chủ-tọa.

Nếu được hưởng án đình-cứu, bị can sẽ lập tức được tha ngay; nếu y bị án khép tội, các giấy tờ trong hồ-sơ sẽ phải hoàn lại Ông Chương-ly. Vị Thẩm-phán cao-cấp này sẽ đưa việc ấy ra trước tòa-án có thẩm-quyền, tức là tòa Thượng-thẩm do tất cả phòng hội lại.

Điều thứ 44.— Nếu bị can là một Thẩm-phán Tòa Thượng thẩm thì cũng áp dụng thủ tục trên đây, duy có những điểm khác như sau :

Ông Tổng Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ giao việc truy-tố cho Ông Chương-ly Tòa Thượng-thẩm nơi bị can làm việc. Công việc thẩm-cứu sẽ do Ông Chánh-nhất cùng Tòa Thượng-thẩm ấy đảm-nhiệm. Phòng luận tội mà hồ-sơ thẩm-cứu có thể được gửi đến, cũng là phòng luận tội của tòa Thượng-thẩm nói trên, Phòng này sẽ do Ông Chánh-nhất chủ tọa.

Nếu là khinh-tội, Tòa-án có thẩm quyền xét xử sẽ là một Tòa Thượng-thẩm khác với Tòa Thượng-thẩm nơi bị can làm việc. Tòa Thượng-thẩm ấy sẽ do Ông Tổng Trưởng Bộ Tư-Pháp chỉ-định và sẽ họp tất cả các phòng lại để xét xử. Ông Chánh nhất và Ông Chương-ly Tòa Thượng-thẩm ấy sẽ một người ngồi ghế Chánh-thẩm và một người ngồi ghế Công-tố-viện.

Nếu là trọng-tội, Tòa Thượng-thẩm ấy cũng xét xử theo cách thức đã ấn-định ở đoạn trên.

Điều thứ 45.— Nếu bị can là một Ông Chánh-nhất hay một Ông Chương-ly Tòa Thượng-thẩm, thì cũng áp dụng thủ-tục nói trong các điều trên đây, duy có những điểm khác như sau :

Ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp sẽ giao việc truy-tố cho Ông Chương-ly một Tòa Thượng-thẩm nào khác với Tòa Thượng-thẩm có bị-can làm việc. Công-việc thẩm-cứu sẽ do Ông Chánh nhất Tòa Thượng-thẩm ấy đảm-nhiệm. Phòng luận-tội mà hồ-sơ thẩm-cứu có thể được gửi đến cũng là Phòng luận tội của Tòa Thượng-thẩm nói trên, Phòng này sẽ do Ông Chánh-nhất chủ-tọa và Ông Chương-ly ngồi ghế Công-tố-viện.

Tòa-án có thẩm quyền xét xử sẽ là một Tòa Thượng-thẩm thứ ba đồng trật hay cao hơn Tòa Thượng-thẩm nơi bị can làm việc, và khác với Tòa Thượng-thẩm đã thẩm-cứu vụ án.

Tòa Thượng-thẩm nói trên, do Ông Chánh-nhất chủ-tọa và Ông Chương-ly ngồi ghế Công-tố-viện, sẽ họp tất cả các phòng lại để xét xử.

Điều thứ 46.— Ông Tổng-trưởng Bộ Tư-Pháp, Công-tố-viện và bị can có thể thượng tố lên Tối-cao Pháp-viện theo các hình-thức và thủ-tục hiện-hành.

CHƯƠNG X

THÔI VIỆC — HƯU-TRÍ

Điều thứ 47.— Các Thẩm-phán được phép thôi việc theo đơn xin hay được cho về hưu, do Sắc-lệnh của Đức Quốc-Trưởng.

- Hạn tuổi về hưu của các Thẩm-phán được ấn định là
- 67 tuổi cho Chánh-nhất và Chủ-rõng-lý
 - 66 tuổi cho Chánh-án Phòng và Phó Chủ-rõng-lý
 - 65 tuổi cho Thẩm-phán cấp Sơ-thẩm và Thượng-thẩm
 - 60 tuổi cho Thẩm-phán Hòa-giải.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU-KHOẢN CHUYÊN-TIẾP

Điều thứ 48.— Đề hợp thành các ngạch Thẩm-phán có thể theo đơn xin, được bổ vào :

A/ Ngạch Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm

— Các Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm được tuyển dụng chiếu theo các bản văn số 10-SG ngày 8 tháng 2 năm 1949 và 18-TP ngày 1 tháng 2 năm 1950 và đang tại chức lúc ban hành Dự này.

B/ Ngạch Thẩm-phán Hòa-giải

1.— các Thẩm-phán Hòa - giải được tuyển - dụng, chiếu theo bản văn số 10/Sg ngày 8 tháng 2 năm 1949 và đang tại chức lúc ban hành Dự này.

2.— những công chức thuộc các ngạch kể sau :

— các tham - tá lục-sự thực thụ ngạch Âu và các tham-tá thông ngôn ngạch Tư-pháp, hiện từng sự trong các Tòa-án Việt Nam, đã làm việc thật sự ít nhất 8 năm ;

— các lục-sự các Tòa-án đệ-nhi cấp Bắc kỳ cũ và các Tòa-án Trung kỳ cũ, đã làm việc thật sự ít nhất 12 năm, nếu có đủ hai điều kiện sau đây :

a) — đã giữ, ít nhất là 2 năm kể đến ngày công bố Sắc lệnh này, chức vụ Thẩm-phán hòa-giải ;

b) — được Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp đề nghị.

Các đơn xin phải gửi đến Bộ Tư-Pháp trong một thời hạn một tháng kể từ ngày ban hành Dự này.

Điều thứ 49. — Nay hủy bỏ các Sắc lệnh số 10/Sg ngày 8 tháng 2 năm 1949 và số 10/TP ngày 1 tháng 2 năm 1950 như là về những khoản thuộc về việc xếp ngạch lại các thẩm-phán tuyển theo các Sắc lệnh ấy.

Một Ủy-ban đặc-biệt sẽ được thành lập do Nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp để phụ trách về việc xét đơn xin nhập ngạch kể trên và đề nghị việc tuyển bổ và xếp đặt những đương sự vào ngạch thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm và

Thượng-thẩm và ngạch thẩm-phán Hòa-giải do Dự này quy định, Ủy ban này gồm có đại diện Nha Công-Vụ.

Điều thứ 50. — Trong thời kỳ chuyển tiếp, cũng có thể theo đơn xin, được bổ vào các ngạch Thẩm-phán các Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm do Dự này quy định.

1. — Các thẩm-phán các Tòa-án Pháp cũ (Tòa Thượng-thẩm, Sơ-thẩm hay Hòa-giải).

2. — Những luật-sư thực thụ trong các đoàn thể luật-sư Hà-nội Saigon. Vì nhu cầu công-vụ và trong thời kỳ chuyển-tiếp, điều 20 đoạn 1 nói trên có thể đặc-biệt được miễn áp dụng cho các luật-sư này.

3. — Những người thuộc ngạch quan-lại tư-pháp có bằng cử-nhân luật-khoa, luật học Đông-Dương hay tốt nghiệp trường Pháp chính Hà-nội hoặc trường Cao-dẳng Đông-Dương.

4. — Các giáo-sư hay giảng-viên các trường Đại-học luật-khoa có ít nhất là bằng luật-khoa tấn-sĩ.

Các đơn xin tuyển bổ nói ở điều này phải gửi đến Bộ Tư-Pháp trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày Công báo đăng Dự này tới các Tòa Thị Chính và Tỉnh Trưởng và sẽ do Ủy-ban nói ở đoạn 2 điều 49 nói trên xét định.

Điều thứ 51. — Trong khi chờ đợi ấn-định chỉ số lương tối thiểu các công chức dự liệu ở điều 29 Dự số 9 ngày 11 tháng 7 năm 1950, các thẩm-phán đang tại chức được bổ và xếp vào ngạch thẩm-phán các Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm và vào ngạch thẩm-phán Hòa-giải do Dự này quy định, được tạm thời hưởng lương bổng chiếu Sắc lệnh số 10-TP ngày 1 tháng 2 năm 1950 theo bản sắp đối hợp dưới đây:

A/ — Ngạch Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm

Dãy-cấp

Lương căn-bản
hàng năm tạm-
thời chiếu Sắc-
lệnh số 10-TP
ngày 1-2-50

—Chánh-nhất và Chủ-động-lý Tòa Thượng-thẩm hạng nhứt và hạng nhì	} 31.500\$
—Chánh-án Phòng và Phó Chủ-động-lý Tòa Thượng-thẩm hạng nhứt và hạng nhì . . .	
—Chánh-án và Biện-lý Tòa Sơ-thẩm ngoại hạng	} 29.000\$

— Chánh-án và Biện-lý Tòa Sơ-thẩm hạng nhất	27. 000\$
— Hội-Thẩm và Tham-lý Tòa Thượng-thẩm hạng nhất	25. 000\$
— Hội-Thẩm và Tham-lý Tòa Thượng-thẩm hạng nhì	
— Chánh án và Biện-lý Tòa Sơ-thẩm hạng nhì	22.000\$
— Chánh án dự khuyết Tòa Sơ-thẩm ngoại hạng	
— Chánh án và Biện-lý Tòa Sơ-thẩm hạng ba	
— Chánh án dự khuyết Tòa Sơ-thẩm hạng nhất	
— Phó Biện-lý và Dự-thẩm Tòa Sơ-thẩm ngoại hạng	
— Phó Biện-lý và Dự-thẩm Tòa Sơ-thẩm hạng nhất	19.000\$
— Chánh án Hòa-giải Rộng-quyền hạng nhất sau ba năm	
— Chánh án Dự khuyết Tòa Sơ-thẩm hạng nhì	
— Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm ngoại hạng.	
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng nhất trước ba năm	19.000\$
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng nhì sau ba năm	
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng nhì trước ba năm	
— Chánh-án Dự-khuyết Tòa Sơ-thẩm hạng ba	15.000\$
— Phó Biện-lý và Dự-thẩm Tòa Sơ-thẩm hạng nhì	
— Thẩm-phán Tòa Sơ thẩm hạng nhất	
— Phó Biện-lý và Dự-thẩm Tòa Sơ-thẩm hạng ba	
— Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm hạng nhì	
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng ba sau ba năm	
— Chánh-án Hòa-giải Rộng-quyền hạng ba trước ba năm	

— Thăm-phán phụ-khuyết	12.000\$
— Tùy-viên Công-tổ-viên	8.400\$

B/ - Ngạch Thăm-phán Hòa-giải

Đẳng cấp	Lương căn-bản hàng năm tạm thời chiếu Sắc-lệnh số 10/TP ngày 1-2-50
— Thăm-phán Hòa-giải thượng hạng.	{ 19.500\$
ngoại hạng : sau ba năm.	
trước ba năm.	
— Thăm-phán Hòa-giải thượng hạng hạng nhất.	{ 16.800\$
— Thăm-phán Hòa-giải thượng hạng hạng nhì	{ 15.600\$
— Thăm-phán Hòa-Giải thượng hạng hạng ba.	
— Thăm-phán Hòa-Giải thượng hạng hạng tư.	
— Thăm-phán Hòa-Giải hạng nhất : sau 3 năm trước 3 năm.	{ 13.800\$
— Thăm-phán Hòa-Giải hạng nhì.	{ 12.600\$
— Thăm-phán Hòa-Giải hạng ba.	
— Thăm-phán Hòa-giải hạng tư	{ 10.500\$
— Thăm-phán Hòa-giải hạng năm.	
— Thăm-phán Hòa-giải hạng 6 hay tập-sự.	8.400\$

Điều thứ 52.— Trong trường-hợp khiếm-khuyết nhân-viên trong ngạch Thăm-phán và trong lúc kỳ thi nhập ngạch dự định ở điều thứ 11 và thứ 14 của Dự này chưa được tổ-chức, Tổng Trưởng Bộ Tư-Pháp có thể :

1.)— ra nghị-dịnh tạm thời cử những nhân-viên tư-pháp quyền-nhiếp những chức-vụ thăm-phán còn khuyết người đảm nhiệm.

Những người được cử quyền-nhiếp những chức-vụ thăm-phán vẫn tiếp-tục lãnh lương-bổng căn-bản theo trật ngạch cũ của họ nhưng được hưởng phụ-cấp về chức-vụ thăm-phán mà họ đảm nhiệm.

2.)— hoặc đề nghị lên Đức Quốc-Trưởng, sự bổ nhiệm vào chức vụ thăm-phán các người có đủ các điều kiện ghi ở điều thứ 14 hoặc điều 50 đoạn 2, sau khi đã lấy ý kiến của Ủy-ban Tối-Cao các thăm-phán.

Điều thứ 53.— Qui chế ngạch thẩm-phán chỉ có thể sửa đổi sau khi Ủy-ban Tối-cao các thẩm-phán, do sự triệu tập của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp, phát biểu ý kiến.

Ủy-ban tối cao các thẩm-phán cũng có thể tự mình đề-nghị lên Chánh-phủ xét định các sự sửa đổi về qui chế ngạch thẩm-phán, và nếu được thăm hỏi sẽ phát biểu ý kiến về tất cả các vấn-đề liên-quan đến sự tổ chức tư-pháp Việt-Nam.

Điều thứ 54.— Nếu cần, Thủ-Tướng Chánh-phủ sẽ ra nghị-định đề ấn-định rõ những phương-pháp cần thiết cho việc thi hành Dự này.

Điều thứ 55.— Tất cả các thể lệ về trước trái với Dự này đều bãi bỏ.

Điều thứ 56. — Thủ-Tướng Chính-phủ, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, Tổng Trưởng Bộ Tài-Chánh, chiếu nhiệm vụ thi hành Dự này.

Dự này sẽ đăng vào công báo Việt-Nam.

Làm tại Dalat, ngày 29 tháng 3 năm 1954.

ĐỨC QUỐC TRƯỞNG đã phê chuẩn.

Phó-Thư

Thủ-Tướng Chính-Phủ

BÙU-LỘC.

QUY CHẾ RIÊNG CHO NGẠCH THẨM PHÁN TÒA PHÁ ÁN

DỰ số 28 ngày 2 tháng 9 năm 1954 ấn định quy chế riêng cho ngạch Thẩm phán Tòa Phá Án.

BỨC BẢO ĐẠI, QUỐC TRƯỞNG

Chiếu Dự số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức và điều hành các cơ-quan công quyền ;

Chiếu Dự số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức quy-chế các công-sở ,

Chiếu Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ-chức Tư-pháp Quốc-gia ;

Chiếu Dự số 5 ngày 18 tháng 10 năm 1949 thiết-lập Tối-cao Pháp viện sửa đổi bởi Dự số 5 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ;

Chiếu Dự số 15 ngày 19 tháng 6 năm 1954 bổ nhiệm Thủ-Tướng Chánh-phủ.

Chiếu Sắc-lệnh số 43-CP ngày 6-7-54 ấn-dịnh thành phần Chính-phủ.

Chiếu Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-dịnh chức chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Chiếu Sắc-lệnh số 67-TP ngày 19 tháng 6 năm 1950 ấn-dịnh phụ-cấp chức-vụ của các vị Thẩm-phán Việt-Nam.

Chiếu Dự số 9 ngày 14 tháng 7 năm 1950 ấn-dịnh quy-chế chung cho các công-chức Việt-Nam.

Chiếu Dự số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ấn-dịnh quy-chế riêng cho ngạch Thẩm-phán hóa-giải và Thẩm-phán các Tòa án Sơ-thẩm và Thượng-thẩm.

Chiếu Dự số 4 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ấn-dịnh quy-chế riêng cho ngạch Thẩm-phán Tối-cao Pháp-viện.

Chiếu lời đề-nghị của Bộ-Trưởng Bộ Tư-pháp.

Sau khi Hội-dồng Tổng-Trưởng thảo luận.

DỰ :

CHƯƠNG I

Điều thứ nhất. — Nay thiết lập cho toàn thể Quốc-gia Việt Nam một ngạch Thẩm-phán Tòa Phá Án.

Điều thứ 2. — Tất cả điều-khoản của quy-chế chung cho công chức do Dự số 9 ngày 14 tháng 7 năm 1950 ấn định sẽ được áp dụng cho các Thẩm-phán Tòa Phá Án nếu không trái với thể lệ riêng do Dự này quy-định.

Điều thứ 3. — Các Thẩm phán xử án có nhiệm vụ xét xử

nhơn danh quốc dân Việt Nam và trong khi thi-hành nhiệm-vụ tài phán của mình chỉ tùy thuộc lương tâm và không thể bị thuyết chuyển hay bãi chức ngoài những trường hợp do pháp qui ấn định.

Các Thẩm-phán Công-tố-viện được đặt dưới sự điều khiển và kiểm soát của các cấp chỉ huy và dưới quyền của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp. Trước Tòa, các Thẩm-phán Công-tố-viện được tự do kết luận miệng theo ý riêng của mình.

Điều thứ 4.— Sẽ áp dụng cho ngạch Thẩm-phán Tòa Phá-Án các điều 4, 5 và 6 của Dự số 3 ngày 29-3-1954, ấn-định qui-chế riêng cho ngạch Thẩm-phán hòa giải và thẩm phán các tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm.

CHƯƠNG II

PHẠM-TRẬT, LƯƠNG BỔNG CĂN BẢN VÀ CHỨC VỤ

Điều thứ 5.— Thẩm-phán Tòa Phá-Án gồm có 3 hạng.

	<i>Chỉ số lương</i>
1.— Chánh-nhất	{ 1.200
Chưởng-lý	
2.— Chánh-án Phòng	{ 1.160
Phó Chưởng-lý	
3.— Hội-thẩm	1.120

Điều thứ 6.— Thẩm-phán Tòa Phá-Án được hưởng phụ-cấp chức-vụ và cung cấp hiện vật các hạng mà Chánh-nhất và Chưởng-lý Tòa Thượng-thẩm đang hưởng hoặc sẽ được hưởng theo quy-chế hiện hữu và tương lai.

Riêng Chánh-nhất và Chưởng-lý Tòa Phá-Án ngoài những phụ cấp chức-vụ và cung cấp hiện vật nói trên còn được hưởng phụ cấp giao-tế-phí mà Chánh-nhất hoặc Chưởng-lý Tòa Thượng-thẩm đang hưởng hoặc sẽ hưởng theo quy-chế hiện hữu hoặc tương lai.

CHƯƠNG III

TUYÊN BỐ

Điều thứ 7.— Có thể tuyên bố vào ngạch Thẩm-phán Tòa Phá-Án những người có quốc-tịch Việt-Nam có bằng Tấn-sĩ hay

Cử-nhân luật-khoa (các bằng tương đương bất khả chấp) và đã giữ hay đang giữ chức vụ.

- Hội-thẩm Tòa Phá Án Hồn-hợp Ba Lê
- Chánh-nhất hay Chủ-đạo-lý Tòa Thượng-thẩm
- Chánh-án Phòng hay Phó Chủ-đạo-lý Tòa Thượng-thẩm hạng nhất.
- Chánh-án hay Biện-lý tòa Sơ-thẩm ngoại hạng.
- Giám-đốc Nha ở Bộ Tư-Pháp ít nhất được ba năm và đã từng giữ chức vụ Thẩm-phán ở tòa Thượng-thẩm.
- Giáo-sư thạc-sĩ Trường Đại Học Luật khoa.
- Luật-sư các tòa Thượng-thẩm ở Việt-Nam có ít nhất 10 năm thâm niên trong nghề kể từ ngày được ghi tên vào danh biểu luật-sư và đã từng làm thủ lãnh hay Hội-viên trong Hội đồng luật-sư.

Điều thứ 8. — Việc bổ nhậm các Thẩm-phán do Sắc-lệnh Đức Quốc-Trưởng.

Sắc-lệnh này sẽ do Thủ-Tướng Chánh-Phủ và Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp phó thụ.

CHƯƠNG IV

TUYÊN THỆ, Y PHỤC VÀ HUY HIỆU

Điều thứ 9. — Các Thẩm-phán Tòa Phá Án chỉ có thể nhậm chức sau khi đã tuyên-thệ như sau :

« Tôi xin thề và xin hứa sẽ tận tâm làm tròn nhiệm-vụ của tôi, sẽ giữ hoàn toàn bí-mật những điều bàn cãi trong lúc thẩm-nghe, và bất cứ về việc gì cũng sẽ cư xử như một vị thẩm-phán xứng đáng và trung thành »

Tòa Phá-Án trong một phiên họp long trọng tất cả các phòng nhóm lại công khai sẽ nhận lời thề này.

Đối với những Thẩm-phán được cử lên Tòa Phá-Án lần đầu tiên theo Dự này thì thủ tục tuyên-thệ như sau : các vị ấy, sau khi được chọn cử sẽ viết lời tuyên-thệ ra giấy rồi gửi đến vị Thẩm-phán được cử làm Chánh-nhất Tòa Phá-án vị này sẽ gửi những lời tuyên thệ ấy và bản sao tuyên-thệ của mình đến Chánh-nhất đang giữ chức Viện Trưởng Tối-cao Pháp-viện hiện thời. Kể từ ngày vị Chánh-nhất này nhận được lời tuyên-

thệ của Chánh nhất Tòa Phá-Án thì Bản Tư-pháp Tối-cao Pháp-viện với thành phần cũ được coi là hết phận sự và các hồ sơ của ban ấy sẽ được chuyển giao cho Tòa Phá án với thành phần mới.

Điều thứ 10. — Trong những phiên tòa Thẩm-phán Tòa Phá-Án mặc y phục sắc đỏ có lông trắng và đôi mũ giống như y-phục và mũ của Chánh-nhất và Chương lý tòa Thượng-thẩm trong những phiên long trọng.

CHƯƠNG V

TÍNH CÁCH BẤT KHẢ KIỂM NHIỆM

Điều thứ 11. — Sẽ áp dụng cho ngạch Thẩm-phán Tòa Phá Án các điều 17, 18 và 19 của Chương IV (Tính cách bất khả kiểm nhiệm) Dự số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ấn định qui-chế riêng cho ngạch Thẩm-phán Hòa-giải và Thẩm-phán các tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm.

Điều thứ 12. — Các chức-vụ phụ thuộc tòa án tỷ như : quản lý văn khế, thừa-phát-lại, hồ giá-viên, luật sư, đều bất năng kiểm nhiệm với một chức vụ tư-pháp.

Cũng không thể kiểm nhiệm chức vụ Thẩm-phán với một nghề buôn hay một kỹ nghệ gì khác, với một công việc gì trong hãng buôn hay hãng kỹ nghệ.

CHƯƠNG VI

THĂNG CHỨC

Điều thứ 13. — Việc thăng chức các thẩm phán Tòa Phá Án sẽ do Sắc lệnh của Đức Quốc-Trưởng, chiếu đề nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Muốn được thăng lên bậc trên có tăng lương các Thẩm-phán Tòa Phá Án phải có đủ thâm niên ít nhất là ba năm trong bậc hiện tại và phải được ghi tên vào bảng thăng thưởng do một Ủy ban lập ra vào khoảng cuối năm. Ủy ban này gồm có :

- Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp. Chủ-tịch
- Chánh nhất Tòa Phá Án. Hội-viên
- Chương lý Tòa Phá án. — nt —

Bảng thăng thưởng sẽ được công bố do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp và đăng vào Công báo Việt-Nam.

Các điều khoản của điều 25 Dự số 3 ngày 29-3-1954 ấn-định quy chế riêng cho ngạch thẩm phán các tòa Sơ-thẩm và Thượng thẩm sẽ được áp dụng cho ngạch Thẩm-phán Tòa Phá-Án.

CHƯƠNG VII

CƯ SỞ — NGHỈ PHÉP — BIỆT PHÁI — NGHỈ GIẢ HẠN

Điều thứ 14. — Các Thẩm-phán phải cư trú ngay tại nơi lập trú sở Tòa Phá-Án.

Điều thứ 15. — Các Thẩm-phán Tòa Phá-Án tại chức có quyền nghỉ ba mươi ngày có lương sau khi đã làm việc được một năm.

Những đơn xin nghỉ phép dưới bảy ngày, nếu người xin nghỉ là Thẩm-phán xử án thì Chánh-nhất Tòa Phá-Án cho phép nghỉ nếu là Thẩm-phán ở Công-tổ-viện thì Chương-lý cho phép.

Giấy phép nghỉ từ bảy ngày trở lên sẽ do Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp cấp sau khi đã hỏi ý kiến Chánh-nhất hay Chương-lý, tùy theo đương sự là Thẩm-phán xử án hay là Thẩm-phán ở công-tổ-viện.

Các đơn xin nghỉ phép của Chánh-nhất và Chương-lý Tòa Phá-Án sẽ do Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp cho phép thẳng.

Điều thứ 16. — Sau khi đã làm việc được năm năm không gián đoạn và không nghỉ quá ba tháng theo lệ nghỉ hằng năm, hoặc lệ nghỉ dưỡng bệnh, các Thẩm-phán Tòa Phá-Án, do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, được quyền nghỉ sáu tháng theo lệ hành chánh.

Các Thẩm-phán Tòa Phá-Án được đặt vào tình trạng nghỉ dưỡng bệnh, biệt phái, nghỉ giả hạn v.v.. nói ở quy chế chung công chức do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

CHƯƠNG VIII

KỶ-LUẬT

Điều thứ 17. — Các Thẩm-phán Tòa Phá-án, nếu cư xử không xứng đáng với chức vụ mình sẽ bị Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp cảnh cáo.

Nếu cảnh cáo vẫn vô-hiệu, hoặc nếu việc phạm lỗi có

tính cách làm tổn hại đến danh dự của vị Thẩm-phán ấy, một trong các trừng phạt sau đây sẽ được áp dụng :

- chậm thăng trật trong 1 hay 2 năm,
- tạm huyền chức từ 3 đến 6 tháng không hưởng lương bổng,
- cách chức không mất quyền hưu bổng,
- cách chức mất quyền hưu bổng.

Đối với bốn trừng phạt này, Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp sẽ triệu tập một phiên Đại Hội-đồng Tòa Phá-Án tất cả các phòng họp lại, để phát biểu ý kiến về việc áp dụng những khoản trừng phạt đó.

Các thể thức về việc áp dụng những trừng phạt dự liệu ở chương VIII Dự số 3 ngày 29-3-1954 ấn định quy chế riêng các Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm sẽ được áp dụng cho Thẩm-phán Tòa Phá-Án chỉ có khác là đối với Thẩm-phán Tòa Phá-án, Đại Hội-đồng Tòa Phá-Án sẽ thay thế Ủy-ban Tối-cao các Thẩm-phán.

CHƯƠNG IX

ĐẶC QUYỀN TÀI PHÁN

Điều thứ 18.— Các điều-khoản ấn-dịnh đặc quyền tài phán cho các Thẩm-phán Tòa Thượng-thẩm dự-liệu ở chương IX Dự số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ấn-dịnh quy chế riêng các Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm và Thượng-thẩm sẽ áp dụng cho Thẩm-phán Tòa Phá-Án.

CHƯƠNG X

THÔI VIỆC — HƯU TRÍ

Điều thứ 19.— Các Thẩm-phán được phép thôi việc theo đơn xin hay được cho về hưu do Sắc-lệnh của Đức Quốc-Trưởng.

Hạn tuổi về hưu của Thẩm-phán Tòa Phá-Án được ấn-dịnh là 70 tuổi.

CHƯƠNG XI

TỔNG TẮC

Điều thứ 20.— Nếu cần, Thủ-Tướng Chánh-phủ sẽ ra nghị định ấn-định rõ những phương-pháp cần thiết cho việc thi-hành Dự này, chiếu đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư Pháp.

Điều thứ 21.— Nay hủy bỏ các điều khoản của Dự số 4 ngày 29 tháng 3 năm 1954 về quy chế riêng của ngạch Thẩm-phán Tối-cao Pháp-viện.

Điều thứ 22.— Thủ-Tướng Chánh-phủ, Tổng-Trưởng Bộ Nội-Vụ, Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh và Bộ Trưởng Bộ Tư-Pháp, chiếu nhiệm-vụ, thi hành-Dự này.

Làm tại Saigon, ngày 2 tháng 9 năm 1954

Thừa ủy-nhiệm Đức Quốc-Trưởng

Thủ-Tướng Chánh-Phủ,

NGÔ ĐÌNH DIỆM

THƯỢNG HỘI-ĐỒNG THẨM-PHÁN

Luật 66/1 ngày 15 tháng 3 năm 1961

« *Ấn-định tổ-chức, điều-hành và quyền-hạn của thượng
hội-đồng thẩm-phán* ».

Quốc-Hội đã thảo-luận và biểu-quyết,

Tổng-Thống ban hành luật số 6/61 ngày 15 tháng 3 năm
1961, nguyên văn như sau :

Điều thứ 1.— Nay thiết-lập Thượng Hội-Đồng Thẩm-phán
chiếu điều 73 Hiến-Pháp.

CHƯƠNG I

TỔ CHỨC

Điều thứ 2.— Thượng Hội-Đồng Thẩm-phán gồm có :

— Tổng-Thống hoặc Đại-Diện. . . Chủ-Tịch
Hội-viên đương nhiên :

— Chánh Nhất Tòa Phá-Án . . . Hội-Viên
Các Hội-viên tuyển-cử :

— Ba (3) Thẩm-phán xử án thiết-thọ do các
Thẩm-phán xử án Tòa Phá-Án và các Tòa
Thượng-Thẩm bầu Hội-Viên

— Hai (2) Thẩm-phán xử án thiết-thọ do các
Thẩm-phán xử án các Tòa Sơ-Thẩm,
Hòa - Giải Rộng - Quyền và Hòa Giải
bầu Hội-Viên

Chánh Nhất Tòa Phá-Án chủ tọa Thượng Hội-Đồng Thẩm-
Phán khi Chủ-Tịch vắng mặt.

Một nhân-viên cao cấp Bộ Tư-Pháp giữ chức-vụ Thư-ký và
không quyền biểu quyết.

Điều thứ 3.— Kể như Thẩm-phán xử án nói ở điều 2

Chánh-Án các Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền, các Tòa Hòa-
Giải và Dự-Thẩm.

Điều thứ 4.— Nhiệm-kỳ của các hội-viên đắc cử vào
Thượng Hội-Đồng Thẩm-phán là ba (3) năm.

Nhiệm kỳ được tính từ ngày mừng một (1) tháng giêng
dương-lịch năm kế tiếp năm bầu cử các hội viên, ngoại trừ
trường-hợp nói ở điều 6 đoạn 2.

Riêng đối với các hội-viên đắc-cử lần đầu tiên do sự thi-
hành luật này nhiệm-kỳ bắt đầu từ ngày kết-quả cuộc bầu cử
được đăng trong Công-báo chiếu theo điều 8 đoạn chót luật này,

và chấm dứt ngày ba mươi mốt (31) tháng 12 dương-lịch năm thứ ba của nhiệm-kỳ.

Các hội-viên đặc-cử mãn nhiệm-kỳ có thể được tái cử.

Điều thứ 5.— Chỉ những Thẩm-phán xử án đương hành nhiệm tại các Tòa-án mới được bầu làm hội-viên Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán và mới có tư-cách cử-tri.

Các Thẩm-Phán biệt-phái, tại-ngủ, nghỉ giả-hạn, nghỉ dài hạn, hay bị tạm huyền-chức, không có những quyền nói trên.

Điều thứ 6.— Việc bầu cử được thực hiện trong hạn ba (3) tháng trước khi Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán mãn nhiệm-kỳ.

Trong trường-hợp đặc biệt việc bầu cử chưa thực hiện kịp, Thượng Hội-Đồng đã mãn nhiệm kỳ vẫn tiếp tục hành nhiệm cho tới khi có Thượng Hội-Đồng mới và Thượng Hội-Đồng này sẽ thay thế ngay Thượng Hội-Đồng cũ.

Riêng cuộc bầu-cử đầu tiên vào Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán phải được thực hiện trong hạn ba (3) tháng sau ngày ban hành luật này.

Điều thứ 7.— Các cử-tri được chia ra làm hai tuyền-cử-đoàn :

— Tuyền-cử-Đoàn thứ nhất các Thẩm-phán xử án Tòa
Phá-án và các Tòa Thượng-Thẩm ;

— Tuyền-cử-Đoàn thứ hai : các Thẩm-phán xử án các Tòa
Sơ - Thẩm, Hòa - Giải Rộng-
Quyền và Hòa Giải.

Tuyền-cử-Đoàn thứ nhất bầu ba (3) hội viên thực thụ và hai (2) hội-viên dự-khuyết ;

Tuyền-cử-Đoàn thứ hai bầu hai (2) hội-viên thực thụ và một (1) hội-viên dự-khuyết.

Điều 8. — Việc bầu cử được thi-hành bằng phiếu kín.

Mỗi cử-tri đoàn thứ nhất ghi trong lá phiếu của mình tên năm (5) Thẩm-phán xử án thuộc Tòa Phá-Án và các Tòa Thượng Thẩm mà mình muốn bầu vào Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán.

Mỗi cử-tri-đoàn thứ hai ghi trong lá phiếu của mình tên ba (3) Thẩm-phán xử án thuộc các Tòa Sơ-Thẩm, Hòa-Giải Rộng-Quyền và Hòa-Giải.

Các phiếu bầu-cử được bỏ trong một phong bì niêm kín, trên phong bì này không được ghi chú hoặc mang dấu hiệu gì.

Phong bì đựng phiếu kín được bỏ trong một phong bì thứ hai cũng niêm kín, bên ngoài có ghi :

a) — « Bầu cử hội viên vào Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán

b) — Tên, chức-vụ và nhiệm-sở của cử-tri.

Một đại diện Bộ Tư-Pháp thi hành chức vụ Thư-ký Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán, thấu nhận các phong bì đựng các phiếu bầu cử do các cử-tri gửi tới, và đệ nạp các phong bì này trước một Ủy-Ban Kiểm Phiếu gồm có :

— Bộ-Trưởng Tư-Pháp hay đại diện . . . Chủ-Tịch

— Chánh-Nhất Tòa Phá-Án Hội-Viên

— Thư-ký Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán. . . Thư-ký.

Ủy-Ban xét tư-cách cử-tri của Thẩm-phán đã gửi phong bì. Phong bì của Thẩm-phán không có quyền bầu cử được đính theo biên-bản.

Trước khi mở, các phong bì được xếp theo từng loại tuyển-cử-đoàn.

Sau khi kiểm-điểm, các phong bì ngoài có đề tên, chức-vụ và nhiệm sở của cử-tri sẽ được hủy bỏ. Phiếu ghi tên các Thẩm-phán quá số định ở các đoạn 2 và 3 điều luật này sẽ vô hiệu, Ủy-Ban sẽ lập biên-bản và tuyên-bố kết quả cuộc bầu cử.

Về tuyển-cử-đoàn thứ nhất, năm (5) Thẩm-phán nào được nhiều phiếu nhất sẽ được tuyên bố trúng cử : ba (3) người đầu tiên là hội viên thực thụ, hai (2) người sau là hội viên dự khuyết.

Về tuyển-cử-đoàn thứ hai, ba (3) Thẩm-phán nào được nhiều phiếu nhất sẽ được tuyên bố trúng-cử : hai (2) người đầu tiên là hội-viên thực-thụ, người sau là hội viên dự khuyết.

Nếu hai (2) hoặc nhiều Thẩm-phán được một số phiếu ngang nhau, Thẩm-phán nào có thâm-niên nhiều hơn trong ngạch Thẩm-phán sẽ đắc-cử ; nếu thâm-niên ngang nhau, Thẩm-phán cao niên hơn sẽ đắc cử.

Kết quả cuộc bầu cử sẽ được xác nhận trong một nghị định của Bộ-Trưởng Tư-Pháp, có đăng trong Công-báo.

Điều thứ 9.— Trong nhiệm kỳ, các hội viên vẫn tiếp-tục đảm-nhiệm chức-vụ của mình tại nhiệm sở.

Trong suốt nhiệm kỳ, Thẩm-phán đắc-cử vào Thượng Hội-Đồng không thể bị chuyển chuyển từ ngành thẩm-phán xử án sang ngành Thẩm-phán công-tố.

Điều thứ 10.— Ngoài trường hợp mãn nhiệm kỳ thường

lệ, nhiệm kỳ của hội viên tuyền-cử có thể bất thường chấm dứt khi hội viên quá vãng, được từ-dịch, về hưu-tri, hoặc vì có một nguyên nhân nào khiến mất tư-cách cử-tri.

Trong các trường hợp này, hội viên dự khuyết thuộc cùng một tuyền cử đoàn sẽ thay thế hội viên thực thụ cho tới khi mãn nhiệm kỳ của hội viên thực thụ ; việc thay thế được thực hiện bằng quyết định của Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp sau khi hội ý với Chánh-Nhất Tòa Phá án.

Trong trường hợp không có sẵn hội viên dự khuyết, và khi thời gian nhiệm kỳ thường lệ còn trên một năm, Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ tổ chức một cuộc bầu cử bổ túc trong tuyền cử đoàn liên hệ trong hạn một tháng kể từ ngày chấm dứt nhiệm vụ của hội viên.

CHƯƠNG II

ĐIỀU HÀNH

Điều thứ 11. — Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán họp khóa thường lệ mỗi năm một lần trong đệ nhất tam-cá-nguyệt, do Chủ-Tịch triệu tập.

Ngoài ra, Chủ-Tịch có thể triệu tập những khóa họp bất thường. Chánh-Nhất và Tòa Phá-án hoặc ba hội viên cũng có thể đề nghị với Chủ-Tịch họp khóa bất thường.

Thư ký Thượng Hội-Đồng :

- tổ chức phiên họp của Thượng Hội-Đồng,
- lập nghị trình khóa họp,
- trông coi các hồ sơ, bút lục về hành chánh và kế toán của Thượng Hội-Đồng,
- thuyết trình các vấn đề đem ra thảo luận trước Thượng Hội-Đồng.

Điều thứ 12. — Thượng Hội-Đồng Thẩm-phán họp và biểu quyết hợp lệ khi có sự hiện diện của Chủ-tịch, hoặc của Chánh-Nhất Tòa Phá-án và ít nhất ba hội viên.

Không được ủy quyền biểu quyết.

Điều thứ 13. — Trong các phiên nhóm, Thượng Hội Đồng Thẩm-phán biểu quyết bằng lối bỏ thăm kín theo đa số tương đối các hội viên hiện diện.

Trong trường hợp có nhiều ý kiến đồng phiếu, ý kiến Chủ-tịch quyết định.

Điều thứ 14.— Hội viên Thượng Hội-Đồng Thẩm-phán và bất cứ người nào được tham dự các phiên nhóm hoặc các cuộc thảo luận của Thượng Hội-Đồng, đều phải giữ hoàn toàn bí mật.

Điều thứ 15.— Các khoản chi phí điều hành Thượng Hội-Đồng Thẩm-phán do Ngân Sách Quốc-Gia đài thọ.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN

Điều thứ 16.— Thượng Hội-Đồng Thẩm-phán quyết định, về việc thăng thưởng các Thẩm-phán xử án theo quy chế.

Điều thứ 17.— Thượng Hội-Đồng Thẩm-phán quyết định, theo quy chế, về việc trừng phạt các Thẩm-phán xử án về phương diện kỷ luật, ngoại trừ quyền cảnh cáo và quyền khiển trách quy định theo luật lệ hiện hành.

Điều thứ 18.— Quyết định Bộ-Trưởng bổ nhiệm và thuyên chuyển nhiệm sở các Thẩm-phán xử án, cũng như quyết định thuyên chuyển các Thẩm-phán từ ngành công tố sang ngành xử án hoặc từ ngành xử án sang ngành công tố, đều phải có sự đồng ý của Thượng Hội-Đồng Thẩm-phán.

Trong trường hợp khẩn cấp vì nhu cầu công vụ, Bộ-Trưởng Tư-pháp có thể tạm thời bổ nhiệm hay thuyên chuyển các Thẩm-phán xử án với điều kiện phải được sự chuẩn y về sau của Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán.

Thẩm-phán bị đưa ra trước Thượng Hội-Đồng vì kỷ luật được quyền xem hồ sơ và giải thích trước Thượng Hội-Đồng hay gọi biện minh. Đương sự có thể viện nhân chứng và nhờ Luật-sư hoặc đồng nghiệp bênh vực cho mình.

Điều thứ 19.— Những điều khoản trước trái với luật này đều bãi bỏ.

Luật này sẽ đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

Ký tên : NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

QUY-CHẾ-NGẠCH THẨM-PHÁN HÀNH-CHÍNH

Dụ số 40 ngày 15 tháng 11 năm 1954, ấn định quy chế riêng cho ngạch thẩm-phán hành-chính

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG

Chiếu Dụ số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ chức và điều hành các cơ-quan công-quyền.

Chiếu Dụ số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ chức quy chế các công sở;

Chiếu Dụ số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ chức tư-pháp quốc-gia;

Chiếu Dụ số 15 ngày 19 tháng 6 năm 1954 bổ nhiệm Thủ-tướng Chánh phủ.

Chiếu Sắc-lệnh số 94-CP ngày 24-9-1954 ấn-dịnh thành-phần Chánh-phủ.

Chiếu Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-dịnh chức-chưởng của tổng-trưởng-tư-pháp ;

Chiếu Dụ số 9 ngày 14 tháng 7 năm 1950 sửa đổi bởi dụ số 16 ngày 1-6-1953 ấn định quy chế chung cho công chức Việt-Nam ;

Chiếu Dụ số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ấn định quy chế riêng cho ngạch thẩm phán hòa giải và thẩm phán các tòa án sơ thẩm và thượng thẩm;

Chiếu Dụ số 2 ngày 5 tháng giêng năm 1950 thiết lập tòa án hành chính ;

Chiếu Dụ số 38 ngày 9 tháng 11 năm 1954 thiết lập tham chính viện;

Chiếu lời đề nghị của Tổng Trưởng Tư Pháp ;

Sau khi hội đồng Tổng Trưởng thảo luận ;

DỤ :

CHƯƠNG I

Điều thứ nhất.— Nay thiết lập cho toàn thể Quốc-gia Việt-nam một ngạch thẩm-phán hành-chính.

Điều thứ 2.— Tất cả các điều-khoản của quy-chế chung công-chức do Dụ số 9 ngày 14 tháng 7 năm 1950, sửa đổi bởi Dụ số 16 ngày 1-6-1953, ấn-dịnh sẽ được áp-dụng cho các thẩm-phán hành-chính, nếu không trái với thể-lệ riêng do Dụ này quy-định.

Điều thứ 3.— Các thẩm-phán hành-chính được cử giữ các

chức vụ tài-phán tại tòa-án hành-chính hay tại tham-chính-viện, trong khi thi hành nhiệm vụ xét xử, chỉ tùy-thuộc lương-tâm và không thể bị chuyển-chuyển hay bãi-chức ngoài những trường-hợp do pháp-quy ấn-định.

Các thẩm-phán hành-chính được cử giữ chức ủy-viên Chính-phủ hay phó ủy-viên Chính-phủ tại tòa-án hành-chính hay tại tham-chính-viện được tự do kết-luận và chỉ căn cứ vào pháp luật hiện hành.

Điều thứ 4.— Những điều thứ 4 và thứ 5 của dự số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ấn-định quy-chế ngạch thẩm-phán hòa-giải và thẩm-phán các tòa sơ và thượng-thẩm điều được thi hành đối với các thẩm-phán hành-chính.

CHƯƠNG THỨ II

PHẠM-TRẬT, LƯƠNG BỔNG CĂN-BẢN VÀ CHỨC-VỤ

Điều thứ 5.— Đẳng cấp và chỉ số lương căn bản ngạch thẩm-phán hành-chính ấn-định như sau :

— Chủ-tịch tham-chính-viện	1200
— Phó chủ-tịch tham-chính-viện	1160
— Cố vấn ngoại hạng (sau 3 năm)	1120
— Cố vấn ngoại hạng (trước 3 năm)	1060
— Cố vấn hạng nhất (sau 3 năm)	1000
— Cố vấn hạng nhất (trước 3 năm)	940
— Cố vấn hạng nhì	890
— Cố vấn hạng ba	840
— Tham-nghị ngoại hạng (sau 3 năm)	790
— Tham-nghị ngoại hạng (trước 3 năm)	740
— Tham-nghị hạng nhất	690
— Tham-nghị hạng nhì	640
— Tham-nghị hạng ba	590
— Tham-nghị hạng tư (sau 3 năm)	550
— Tham-nghị hạng tư (trước 3 năm)	510
— Tham-nghị hạng năm	470
— Tham-nghị tập sự	430

CHƯƠNG THỨ III

Tuyển-bổ

Điều thứ 6.— Có thể tuyển-bổ vào ngạch thẩm-phán hành-chính sau khi đã trúng tuyển một kỳ thi nhập ngạch, những người hội đủ những điều kiện sau đây :

1^o) Có quốc-tịch Việt-nam, ít nhất 22 tuổi và nhiều nhất 35 tuổi :

2^o) Có tư-pháp lý-lich trong sạch ;

3^o) Đã làm trọn nhiệm-vụ đối với luật-lệ về binh dịch ;

4^o) Có bằng cử-nhân hay tiến-sĩ luật.

Thẻ thức và chương-trình kỳ thi nhập ngạch sẽ ấn-định sau, do một nghị-định của tổng-trưởng bộ tư-pháp sau khi thỏa-hiệp với bộ phụ-trách công-vụ.

Điều thứ 7.— Các thẩm-phán hành-chính được bổ-nhiệm vào các trật ấn-định ở điều thứ 5 nói trên do sắc-lệnh của Đức Quốc-trưởng, theo đề-nghị của tổng-trưởng tư-pháp sau khi thỏa-hiệp với tổng-trưởng nội-vụ, và sẽ được cử giúp việc tại các tòa-án hành-chính và tham-chính-viện do nghị-định của tổng-trưởng tư-pháp.

Những thí sinh trúng tuyển được bổ :

— Tham-nghị tập - sự (chỉ số : 430) nếu có bằng cử-nhân luật-khoa.

— Tham-nghị tập-sự và sắp ngang hàng với tham-nghị hạng tư (chỉ số : 510) nếu có bằng tiến-sĩ luật-khoa.

Điều thứ 8.— Về phươg-diện phụ-cấp chức-vụ bằng tiền và hiện vật, các thẩm-phán hành-chính được đồng-hóa với thẩm-phán tòa phá-án và thẩm-phán các tòa thượng-thẩm và sơ-thẩm cùng một chỉ số lương.

Điều thứ 9.— Trong thời-kỳ chuyển-tiếp, theo đơn xin, có thể được bổ vào ngạch thẩm-phán hành-chính :

a) Những công-chức hay cựu công-chức các ngạch :
— đã làm việc từ 5 năm trở lên, nếu có bằng luật-khoa cử-nhân

— đã làm việc từ 4 năm trở lên, nếu ngoài bằng luật-khoa cử-nhân còn có thêm bằng luật-học Đông-dương ;

— đã làm việc từ 3 năm trở lên, nếu có bằng luật-khoa tấn-sĩ ;

b) Những công-chức hay cựu công-chức các ngạch có bằng luật-khoa cử-nhân đã từng giữ chức chủ-sự, chánh sự-vụ hoặc giám-đốc tại các công sở từ 3 năm trở lên ;

c) Những công-chức đã từng giữ chức tổng thanh-tra các sở hành-chính và tài-chính từ 2 năm trở lên ;

d) Những thẩm-phán các tòa sơ-thẩm và thượng thẩm có bằng luật-khoa cử-nhân đang tại chức tại bộ tư-pháp hay tại các tòa-án ;

e) Những giáo-sư và giảng-viên tại trường luật-khoa đại-học.

Các giáo-sư (thực-thụ, thạc-sĩ, ủy-thác) có thể kiêm nhiệm chức vụ tại tham-chính-viện với chức vụ hiện tại của họ ;

f) Những luật-sư đã ở trong nghề được 3 năm ,

g) Những thẩm-phán có bằng luật-khoa cử-nhân, đã giữ hay đang giữ chức vụ chánh-án, chánh-án dự-khuyết hay ủy-viên Chánh-phủ tại tòa-án hành-chính ;

h) Những công-chức đã từng giữ những chức-vụ chánh-án, ủy-viên Chánh-phủ hay phụ-thẩm tại các tòa-án hành-chánh quốc gia hay hỗn-hợp cũ.

Các đơn xin tuyển bổ, theo điều-khoản chuyển tiếp phải gửi đến bộ tư-pháp, trong thời hạn một tháng, kể từ ngày Công báo đăng dụ này gửi tới các tòa thị chính và Tỉnh-Trưởng.

Điều thứ 10.— Các công-chức hay cựu công-chức, thẩm phán, giáo sư hay luật-sư đủ các điều kiện ghi ở điều thứ 9 nói trên sẽ được bổ vào ngạch thẩm phán hành-chính, trong thời-kỳ chuyển tiếp, theo thể-thức dưới đây :

a) Các công-chức sẽ được thực thụ bổ vào ngạch thẩm-phán hành-chánh, do sắc-lệnh của Đức Quốc-trưởng, chiếu đề nghị của Tổng-Trưởng Tư-Pháp, và xếp vào đẳng cấp ấn-định ở điều thứ 5 nói trên với chỉ số lượng ngang hay liền trên chỉ số

lượng hiện tại của họ. Họ sẽ được giữ trọn thâm-niên của ngạch cũ trong trường-hợp chỉ số ngang nhau hay nhiều hơn nhưng không quá 20 điểm. Các đương-sự sẽ được cử giữ các chức-vụ tại tham-chính-viện hay tòa-án hành-chính do nghị-định của Tổng-Trưởng Tư-Pháp.

b) Các giáo-sư hay giảng-viên đại-học, các luật-sư, cựu công-chức và nhân vật cao cấp sẽ được tạm thời bỏ vào ngạch thẩm-phán hành-chính và cử giữ các chức-vụ dự định ở tham-chính-viện, hay tòa-án hành-chính do nghị-định Tổng-Trưởng Tư-Pháp. Các đương-sự sẽ được tạm thời hưởng chỉ số lương theo chức-vụ được ủy-nhiệm.

Điều thứ 11.— Sau khi đã thực sự giữ chức-vụ thẩm-phán hành-chánh tại tham-chính-viện hay tại tòa-án hành-chánh được một năm các thẩm-phán hành-chính được tạm thời bổ nhậm do nghị-định của Tổng-Trưởng Tư-Pháp, chiếu điều thứ 10, đoạn b, nói trên sẽ được xếp hạng lại và thực thụ vào một trong các đẳng-trật ấn-định ở điều thứ 5 của dự này, do sắc-lệnh của Đức-Quốc-trưởng, chiếu đề-nghị của một ủy-ban đặc biệt xếp hạng ấn định do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Ủy-ban đặc-biệt xếp hạng này sẽ gồm có :

- Tổng-trưởng bộ tư-pháp Chủ-tịch.
- Chủ-tịch tham-chính-viện. Hội-viên,
- Phó chủ-tịch tham-chính-viện. - nt -
- Đại-diện bộ công-vụ - nt -
- Đại-diện bộ tài-chánh. - nt -

Chức-vụ thư-ký ủy-ban sẽ giao-phó cho một nhân-viên bộ tư-pháp. Thẻ thực việc xếp hạng thực thụ sẽ được ấn-định sau do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

CHƯƠNG THỨ IV

Tuyên thệ

Điều thứ 12.— Các thẩm-phán hành-chính chỉ có thể nhận chức sau khi đã tuyên-thệ như sau :

« Tôi xin thề và xin hứa sẽ tận-tâm làm tròn nhiệm-vụ, và giữ hoàn toàn bí-mật những điều bàn cãi trong lúc thẩm-nghi. Trong bất-cứ công-vụ gì, tôi nguyện sẽ cư-xử như một vị thẩm-phán xứng đáng và trung thành với Chánh-phủ ».

Tham-chính-viện, trong một phiên hội-hợp công-khai toàn-viện, sẽ nhận lời thề này.

CHƯƠNG THỨ V

Thăng chức

Điều thứ 13.— Việc thăng-chức các thẩm-phán hành-chính sẽ do sắc-lệnh của Đức Quốc-trưởng, chiếu đề nghị của tổng-trưởng tư-pháp.

Muốn được thăng lên bậc trên có tăng lương, các thẩm-phán hành-chánh phải có đủ thâm-niên ít nhất là 2 năm trong bậc hiện tại, và phải được ghi tên vào bảng thăng-thưởng do một ủy-ban lập ra vào khoảng cuối năm. Ủy ban này gồm có :

- Tổng-trưởng bộ tư-pháp. Chủ-tịch,
- Chủ-tịch tham-chính-viện Hội-viên
- Một thẩm-phán hành-chính đại-diện
thẩm phán trong ngạch Hội-viên

Bảng thăng thưởng sẽ được công bố do nghị-định của tổng-trưởng tư-pháp và đăng vào Công-báo Việt-Nam.

Các khoản của điều 25 dụ 3 ngày 29-3-1954 ấn-định quy-chế riêng cho ngạch thẩm phán các tòa sơ-thẩm và thượng-thẩm sẽ được áp dụng cho ngạch thẩm phán hành-chánh.

CHƯƠNG THỨ VI

Cư-sở — Nghỉ phép — Biệt phái — Nghỉ giả-hạn

Điều thứ 14.— Các thẩm-phán hành-chính cư-trú ngay nơi làm việc, nghĩa là trụ-sở của tham-chính-viện hay tòa-án hành-chính.

Điều thứ 15.— Các thẩm-phán hành-chính được cung cấp nhà ở, điện nước trong giới hạn kinh-phí dự trù.

Điều thứ 16.— Các thẩm-phán hành-chính tại chức có quyền nghỉ 30 ngày có lương, sau khi đã làm việc được một năm.

Nghỉ phép dưới 7 ngày, sẽ do chủ-tịch tham-chính-viện hoặc chánh-án tòa-án hành-chánh cho phép.

Giấy phép nghỉ bảy ngày trở lên sẽ do tổng-trưởng tư-pháp cấp, sau khi đã hỏi ý kiến chủ-tịch tham-chính-viện hay chánh-án tòa-án hành-chánh,

Các đơn xin nghỉ phép của chủ-tịch tham-chính-viện sẽ do tổng-trưởng tư-pháp cho phép thẳng.

Điều thứ 17.— Sau khi đã làm việc được 5 năm không gián-đoạn, và không nghỉ quá 3 tháng theo lệ nghỉ hàng năm, hoặc lệ nghỉ dưỡng bệnh, các thẩm-phán hành-chánh, do nghị-định của tổng-trưởng tư-pháp, được quyền nghỉ 6 tháng theo lệ hành-chính.

Các thẩm-phán hành-chánh được đặt vào các tình-trạng nghỉ dưỡng-bệnh, biệt phái, nghỉ giả-hạn, v. v.,... nói ở quy-chế chung công-chức, do nghị-định của tổng-trưởng tư-pháp.

CHƯƠNG THỨ VII

Tính cách bất khả kiêm nhiệm

Điều thứ 18.— Sẽ áp-dụng cho ngạch thẩm-phán hành-chánh các điều 17, 18 và 19 của chương thứ IV (tính cách bất khả kiêm-nhiệm) dụ số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954, ấn-định quy-chế riêng cho ngạch thẩm-phán hòa-giải và thẩm-phán các tòa sơ-thẩm và thượng-thẩm.

Điều thứ 19.— Các chức vụ phụ thuộc tòa-án tỷ như : quản-lý văn-khố, thừa-phát-lại, hồ-giá-viên, luật-sư, đều bất khả-năng kiêm-nhiệm với một chức-vụ tại tham-chính-viện hay tòa-án hành-chánh.

Cũng không thể kiêm-nhiệm chức-vụ thẩm-phán hành-chính với một nghề buôn hay kỹ-nghệ gì khác, với một công việc gì trong hãng buôn hay hãng kỹ-nghệ.

CHƯƠNG THỨ VIII

Kỷ-luật

Điều thứ 20.— Các thẩm-phán hành-chính, nếu cư-xử không xứng-dáng với chức-vụ mình, sẽ bị tổng-trưởng bộ tư-pháp cảnh-cáo, sau khi ý-hiệp với đại hội-đồng tham-chính-viện.

Nếu cảnh-cáo vẫn vô-hiệu, hoặc nếu việc phạm lỗi có tính-cách làm tổn-hại đến danh-dự của vị thẩm-phán ấy, một trong các trừng-phạt sau đây sẽ được áp-dụng.

— Chậm thăng-trật trong một hay hai năm và có thể bị xóa tên trong bảng thăng-thưởng đã lập ;

— Giáng một hay hai trật,

— Tạm huyền-chức từ 3 đến 6 tháng không hưởng lương bổng ;

— Cách chức không mất quyền hưu-bổng ;

— Cách chức mất quyền hưu-bổng.

Đối với năm trừng phạt này, tổng-trưởng tư-pháp sẽ triệu tập đại hội-đồng tham-chính-viện để phát biểu ý-kiến về việc áp-dụng những khoản trừng-phạt đó. Trong mỗi quyết nghị kỷ-luật, tổng-trưởng tư-pháp bao giờ cũng phải hỏi ý-kiến đại hội-đồng tham-chính-viện.

Các thể thức về việc áp-dụng những trừng phạt dự-liệu ở chương thứ VI. Dự số 3 ngày 29-3-1954 ấn-dịnh quy-chế riêng các thẩm-phán tòa-sơ-thẩm và thượng-thẩm sẽ được áp-dụng cho thẩm-phán hành-chính chỉ khác là đối với thẩm-phán hành-chính đại-hội-đồng tham-chính-viện sẽ thay thế ủy-ban tối-cao các thẩm-phán.

CHƯƠNG THỨ IX

Đặc-quyền tài-phán.

Điều thứ 21.— Các điều-khoản ấn-dịnh đặc-quyền tài-phán

cho các thẩm-phán tòa thượng-thẩm dự liệu ở chương thứ IX dụ số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ấn-định quy-chế riêng các thẩm-phán tòa sơ-thẩm và thượng-thẩm, sẽ áp-dụng cho thẩm-phán hành-chính.

CHƯƠNG THỨ X

Thôi-việc — Hưu-trí

Điều thứ 22.— Các thẩm-phán hành-chính được phép thôi việc theo đơn xin hay được cho về hưu do sắc-lệnh của Đức Quốc-trưởng.

Hạn tuổi về hưu của thẩm-phán hành-chính được ấn-định là 60 tuổi. Riêng hạn tuổi về hưu của các vị chủ-tịch, phó chủ-tịch tham-chính-viện được ấn-định là 65 tuổi.

Điều thứ 23.— Những thẩm-phán hành-chính, có bằng luật-khoa cử-nhân, sau khi hành-nhiệm 3 năm, có quyền gia-nhập luật-sư-đoàn Việt-Nam, với tư cách luật-sư thực-thụ, và mở văn-phòng ở bất-cứ quán hạt tòa thượng-thẩm nào trên lãnh thổ Việt Nam.

CHƯƠNG THỨ XI

Tổng tắc

Điều thứ 24.— Nếu cần, Thủ-tướng Chánh-phủ sẽ ra nghị-định ấn-định rõ những phương-pháp cần thiết cho việc thi-hành dụ này, chiếu đề-ngị của tổng-trưởng tư-pháp.

Điều thứ 25.— Tất cả các điều-khoản trái với dụ này đều bãi bỏ:

Điều thứ 26.— Thủ-tướng Chánh-phủ, tổng trưởng bộ nội-vụ, tổng trưởng bộ tài-chánh và tổng trưởng bộ tư-pháp, chiếu nhiệm-vụ thi-hành dụ này.

Dụ này sẽ đăng vào Công-báo Việt Nam.

Làm tại Saigon, ngày 15 tháng 11 năm 1954.

Thừa ủy-nhiệm Đức Quốc-Trưởng

Thủ-tướng Chánh-phủ

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

**Nghị-định số 14-BTP/NĐ ngày 9-1-52 thiết lập
ngạch Lục-sự các tòa-án.**

**PHÓ THỦ-TƯỚNG CHÍNH-PHỦ
TỔNG TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP**

*Chiếu Dụ số 1 ngày 1-7-49 tổ-chức và điều-hành các cơ-quan
công quyền ;*

Chiếu Dụ số 2 ngày 1-7-49 tổ-chức qui-chế các công-sở ;

Chiếu Dụ số 4 ngày 18-10-49 tổ-chức Tư-pháp quốc-gia ;

Chiếu Dụ số 5 ngày 18-10-49 tổ-chức Tối-cao pháp-viện ;

Chiếu Dụ số 9 ngày 14-7-50 ấn-định qui-chế công-chức ;

*Chiếu Sắc-lệnh số 11-CP ngày 21-2-51 ấn định thành-phần
Chính-phủ ;*

*Chiếu sắc-lệnh số 26-TP ngày 19-9-49 ấn-định chức-chương
Tổng-Trưởng-Bộ Tư-Pháp.*

NGHỊ ĐỊNH :

Điều thứ 1.— Nay thiết-lập cho toàn quốc một ngạch
Lục-sự các tòa án.

Điều thứ 2.— Sẽ áp-dụng cho nhân-viên ngạch Lục-sự,
tất cả những điều khoản nói trong qui-chế chung về công-
chức do đạo Dụ số 9 ngày 14 tháng 7 năm 1950 đã ấn-
định, nhất là về thẻ thức tuyển-bổ, lương-bổng, phụ-cấp,
tập-sự, thăng thưởng, kỷ-luật, v. v. . .

Ngoài ra, ngạch Lục-sự được tổ-chức theo những điều
lệ riêng qui-định sau đây :

CHƯƠNG I

Phẩm trật và lương bổng

Điều thứ 3.— Ngạch Lục-sự các tòa-án thuộc về hạng B nói
trong qui-chế chung của toàn thể công-chức Việt Nam và đặt
dưới quyền quản-trị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Nhân-viên ngạch Lục-sự sẽ được tuyển-bỏ, thực-thụ, thăng thưởng, đặt vào các tình-trạng nói trong điều 62 qui-chế chung do nghị-định của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp, sau khi thỏa-hiệp với Bộ Công-vụ.

Điều thứ 4. — (sửa đổi bởi nghị-định số 342-BTP/NĐ ngày 12-7-1954) Đẳng-cấp và chỉ-số lương căn-bản ngạch Lục-sự các tòa-án được ấn-định như sau :

ĐẲNG - CẤP	Chỉ số lương căn bản
Lục sự thượng hạng ngoại hạng	640
Lục sự thượng hạng hạng nhất	600
Lục sự thượng hạng hạng nhì	560
Lục sự thượng hạng hạng ba	520
Lục sự thượng hạng hạng tư	480
Lục sự hạng nhất	440
Lục sự hạng nhì	410
Lục sự hạng ba	380
Lục sự hạng tư	350
Lục sự hạng năm hay tập sự	320

CHƯƠNG II

Tuyển bỏ — Điều kiện

Điều thứ 5. — (sửa đổi bởi nghị-định số 342-BTP/NĐ ngày 12-7-1954) Ngoài những điều-kiện nói ở điều 22 của quy-chế chung, thể-lệ tuyển-bỏ vào ngạch Lục-sự các tòa-án được ấn-định như sau :

Có thể tuyển vào ngạch này :

1o) Những người có bằng tú-tài Việt-Nam, hoặc Pháp, bằng khả-năng luật-khoa, hay một bằng cấp tương-đương, sau khi đã trúng tuyển một kỳ thi nhập ngạch.

2o) Những thợ-ký tòa-án có ít nhất chỉ số lương 300 và đã trúng tuyển một kỳ thi chuyên-nghiệp.

Thẻ thức và chương-trình kỳ thi nhập ngạch cùng kỳ thi

chuyên-nghiệp nói trên sẽ do một nghị-định của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ấn-định, sau khi thỏa-hiệp cùng Bộ Nội-vụ.

Điều thứ 6.— Những nhơn-viên tư-pháp công-nhật hay kế ước đương tại chức có đủ điều-kiện và cấp-bằng, nếu dự kỳ thi nhập ngạch nói ở điều 5 đoạn 1 sẽ được hưởng một số điểm tăng phụ là $1/20$ tổng số điểm tối đa cho mỗi năm đã làm việc trong ngạch tư-pháp, song không được quá $1/8$ số ấy.

Điều thứ 7.— (Sửa đổi bởi nghị-định số 342-BTP/NĐ ngày 12-7-1954) Các thí-sinh nói ở điều 5 đoạn 1 trúng tuyển kỳ thi nhập ngạch sẽ được bổ Lục-sự tập-sự với chỉ số lương :

- 320 nếu chỉ có bằng tú-tài hay một văn-bằng tương-đương.
- 350 nếu có bằng tú-tài và hai phần cử-nhân luật.

Các thơ-ký tòa-án trúng tuyển kỳ thi chuyên-nghiệp nói ở điều 5 đoạn 2 được bổ sang ngạch lục-sự vào một trật có một chỉ số lương liền trên chỉ số lương của họ ở ngạch cũ và sẽ mất hết thâm-niên ở ngạch cũ.

Điều thứ 8.— Số nhơn-viên tuyển vào ngạch Lục-sự theo kỳ thi chuyên nghiệp nói ở khoản 2 điều 5 không được quá $1/4$ số nhơn-viên tuyển theo kỳ thi nhập ngạch nói ở đoạn 1 điều ấy, trừ trong những trường hợp không đủ số trúng tuyển kỳ thi này.

CHƯƠNG III

Việc tuyển-bổ và quyền-nhiếp

Điều thứ 9 — Phòng Lục-sự của mỗi tòa-án sẽ đặt dưới quyền chỉ-huy của một Lục-sự-trưởng. Chỉ những Lục-sự thượng-hạng mới có thể được cử giữ chức vụ Lục-sự-trưởng tại các Tòa Sơ-thẩm, các Tòa Thượng-thẩm và Tối-cao pháp-viện.

Nếu không có đủ Lục-sự thượng-hạng thì có thể cử Lục-sự đã được vào chánh ngạch để quyền nhiếp chức vụ Lục sự trưởng.

Nghị-định cử các Lục-sự-trưởng sẽ ấn-định rõ nhiệm-sở của họ.

Điều thứ 10.— Kể từ ngày ban-hành đạo nghị-định này các Lục-sự-trưởng không được hưởng những khoản lệ-phí của Phòng Lục-sự do nghị-định ngày 2-8-1933 và các bản văn tu-chỉnh qui-định. Các Lục-sự-trưởng phải thanh-toán và thâu nhận các khoản lệ-phí nói trên, nhưng phải ký nạp tất cả vào ngân-sách quốc-gia.

Với nhiệm-vụ này, các Lục-sự-trưởng được hưởng phụ-cấp chức-vụ theo thể-lệ do những văn-kiện sau ấn-định.

Ngoài ra, các Lục-sự-trưởng còn được hưởng thêm hoặc phụ-cấp kiểm-bạc ấn-định cho các viên-chức giữ công quỹ, hoặc phụ-cấp trách-nhiệm ngân-quỹ và tang-vật theo luật-lệ hiện hành, hai khoản phụ-cấp này không đóng kiêm nhiệm.

Điều thứ 11.— Trong trường-hợp khuyết Lục-sự-trưởng, hoặc khi người thực-thụ chức-vụ đó vắng mặt hoặc mắc bệnh, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ ra nghị-định cử một viên Lục-sự khác quyền nhiếp chức-vụ đó.

Điều thứ 12.— Lục-sự nào quyền nhiếp chức-vụ Lục-sự-trưởng được lãnh, ngoài số lương thuộc riêng về trật hạng của mình, khoản phụ-cấp chức vụ ấn-định cho Lục-sự-trưởng.

CHƯƠNG IV

Y-phục

Điều thứ 13.— Những ngày phiên tòa, y-phục của Lục-sự Tối-cao pháp-viện, các Tòa Thượng-thẩm, các Tòa Sơ-thẩm và các Tòa Hòa-giải rộng quyền là áo dài bằng vải đen tay rộng có giải trắng rủ trước ngực.

Điều thứ 14.— Lục-sự Tòa Hòa-giải không có y-phục riêng.

CHƯƠNG V

Bất-năng kiêm-nhiệm

Điều thứ 15.— Lục-sự nào có bà con thân thuộc hay thích thuộc đến bậc chú cháu, cậu cháu làm Thẩm-phán tại Tòa Sơ-thẩm, Tòa Thượng-thẩm hay Tối-cao pháp-viện sẽ không được giữ bút ký tại phiên tòa của các tòa-án đó.

Điều thứ 16.— Không một viên Lục-sự nào có thể ngồi ghế Lục-sự phiên tòa xử một vụ kiện mà đương-sự hoặc người đại diện là thân-thuộc hay thích thuộc của viên Lục-sự ấy đến bậc chú cháu, bác cháu hay cậu cháu.

Điều thứ 17.— Những chức-nghiep sau đây không thể kiêm-nhiệm với chức-vụ Lục-sự :

a) Phụ-thẩm nhân-dân Tòa Đại-hình (assesseur citoyen des sessions criminelles) ;

b) Nhân-viên các Hội-đồng dân cử Việt-nam ;

c) Luật-sư biện-bộ hay chức-vụ công có trả lương ;

d) Thương-gia hoặc nhân-viên trong một hãng buôn hay một nhà kỹ-nghệ

Điều thứ 18.— Ngoài ra cũng cấm Lục-sự giữ một chức-vụ tư được trả lương hoặc làm một công việc gì có tánh-cách tư mà được quyền lãnh tiền công.

Việc cấm chấp trên đây không thi-hành với việc xuất-bản những tác-phẩm khoa-học, văn-chương hoặc mỹ-thuật.

Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp có thể ra quyết-nghị cho miễn trừ các khoản bất-năng kiêm-nhiệm nói ở đoạn nứt, nhưng bất cứ lúc nào quyết-nghị đó cũng có thể bị thu-hồi.

CHƯƠNG VI

Cư - sở

Điều thứ 19.— Các Lục-sự phải cư-trú ngay tại nơi thiết-lập trụ-sở Tòa Thượng-thẩm, Tòa-án cấp Sơ-thẩm hay Tòa Hòa-giải mà họ được bổ vào làm việc. Họ không được vắng mặt tại những nơi đó nếu họ không được phép nghỉ, trừ ra khi nào vì công-vụ mà phải vắng mặt thì không kể.

CHƯƠNG VII

Tuyên - thệ

Điều thứ 20.— Mỗi Lục-sự lúc mới vào nhận việc phải tuyên-thệ, nhưng được miễn khỏi phải tuyên-thệ lại khi được

thăng chức liên-tiếp hay được thuyên-bổ đi giúp việc cũng trong một phạm-vi quân-hạt, trừ phi khi họ được bổ giữ chức Lục-sự-trưởng Tòa Thượng-thẩm hay Lục-sự-trưởng Tối - cao Pháp-viện thì không kể.

Điều thứ 21.— Ban Tư-pháp Tối-cao pháp-viện trong một phiên tòa công-khai sẽ nhận lời thề của Lục-sự-trưởng Tối-cao pháp-viện.

Phòng nhất Tòa Thượng - thẩm trong một phiên tòa công-khai sẽ nhận lời thề của các Lục-sự-trưởng Tòa Thượng-thẩm. Tòa án cấp Sơ-thẩm, Tòa Hòa-giải Rộng-quyền, Tòa Hòa-giải sẽ nhận lời thề của các Lục-sự-Trưởng tại các tòa-án đó và lời thề đó như sau :

« Tôi xin thề và xin hứa sẽ thi-hành chức-vụ của tôi một cách đầy đủ và ngay thẳng và xin theo đúng những bổn-phận của tôi ».

Điều thứ 22.— Các Lục-sự khác cũng phải tuyên-thệ như thế trước tòa-án mà họ được bổ vào làm việc.

CHƯƠNG VIII

Điều khoản chuyển tiếp

Điều thứ 23.— Trong thời kỳ chuyển tiếp, những công chức thuộc các ngạch sau đây tại chức ngày 9 tháng 3 năm 1945, hoặc tuyền bổ sau ngày đó do những nghị-định của nhà chức trách hợp pháp nhưng phải phù hợp với những nguyên-tắc căn-bản và thể-lệ áp dụng tới ngày 9 tháng 3 năm 1945, có thể theo đơn xin tuyền bổ vào ngạch Lục-sự các tòa án :

- 1) — Chánh lục-sự ngạch Pháp :
- 2) — Tham-tá lục-sự thực-thụ hoặc tập sự ngạch Pháp :
- 3) — Lục-sự các cự tòa-án đệ nhị-cấp tại Bắc và Trung-Việt :
- 4) — Tham-tá thông-ngôn ngạch Tư-pháp ;
- 5) — Thư-ký thông-ngôn ngạch Tư-pháp, Thư-ký lục-sự với những điều-kiện dưới đây :

a) — Đã đứng ở trật Thứ-ký hạng nhứt hay trên,

b) — Nếu vì công việc đã làm và năng-lực được Ủy-ban đặc-biệt định ở điều 24 dưới đây xét đáng được cải ngạch và ghi vào một danh-sách thăng ngạch theo đề-nghị có lý-do của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp.

Những đơn xin nhập ngạch phải nộp trong hạn một tháng kể từ ngày Công báo đăng nghị-định tới các Tòa Thị-chính và Tỉnh-trưởng.

Điều thứ 24.— (sửa đổi bởi nghị định số 342 BTP/ND ngày 12-7-1954) Một ủy-ban đặc-biệt thành lập do nghị-định của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp sẽ phụ trách việc xét các đơn xin nhập ngạch nói ở điều 23 và đề-nghị việc tuyển bổ và xếp đặt các đương sự vào ngạch lục-sự các tòa-án theo những điều khoản 103 quy chế chung.

Ủy ban này gồm có Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp, chủ-tịch và các hội viên kể sau đây : giám-đốc nha tổng-hành-chánh tại Bộ Tư-pháp, đại-diện Bộ Nội-vụ và đại-diện Bộ Tài-chánh. Ủy ban sẽ nhóm họp tại Bộ Tư-pháp theo lời triệu tập của ông Chủ-tịch.

Điều thứ 25.— Tất cả thể-lệ hiện hành trái với đạo nghị-định này đều bãi-bỏ.

Điều thứ 26.— Giám đốc Nha Tư-pháp hành-chánh tại Bộ Tư-pháp và Chương-lý, Giám-đốc Sở Tư-pháp Bắc, Trung và Nam-Việt, lãnh nhiệm-vụ thi-hành nghị-định này.

Saigon, ngày 9 tháng 1 năm 1952

Phó Thủ-tướng Chánh-phủ, Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp

NGUYỄN-KHẮC-VỀ

*Dụ số 43 ngày 29 tháng 11 năm 1954 ấn-định qui chế chung
ngạch Chương-khế.*

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG

*Chiếu Dụ số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ chức và điều hành các
cơ-quan công-quyền ;*

*Chiếu Dụ số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 sửa đổi bởi Dụ số 21
ngày 4 tháng 8 năm 1954 tổ chức qui-chế các công-sở ;*

Chiếu Dụ số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ chức tư pháp quốc-gia ;

*Chiếu Dụ số 9 ngày 14 tháng 7 năm 1950 ấn-định qui-chế chung
công-chức ;*

*Chiếu Dụ số 15 ngày 19 tháng 6 năm 1954 bổ nhiệm Thủ-
Tướng Chánh Phủ ;*

*Chiếu sắc-lệnh số 94-CP ngày 24 tháng 9 năm 1954 ấn định
thành phần Chánh Phủ ;*

*Chiếu sắc lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định
chức chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ;*

*Chiếu nghị định ngày 31 tháng 3 năm 1946 và các bản văn sửa đổi
áp dụng giá biểu mới cho Chương-khế ;*

Theo đề nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Hội-đồng Tổng-Trưởng đã thảo luận ;

DỤ :

THIÊN THỪ NHẤT

Phòng Chương-khế và cách tổ-chức

CHƯƠNG THỪ NHẤT

Thiết lập các phòng Chương-khế

Điều thứ nhất.— Nay thiết lập trong quân hạt mỗi Tòa-án
Sơ-thẩm hoặc Hòa-giải Rộng-quyền một phòng Chương-khế tùy
thuộc Bộ Tư-Pháp.

Ngày mở phòng Chưởng khế sẽ do nghị-định Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ấn định. (1)

Điều thứ 2.— Quản hạt mỗi phòng Chưởng khế là quản hạt của Tòa Sơ-thẩm hoặc Hòa giải Rộng quyền.

Tuy nhiên, cho đến khi trong quản hạt mỗi Tòa-án Sơ-thẩm hoặc Hòa-giải Rộng quyền có một phòng Chưởng-khế, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp có thể tạm thời ra nghị-định ấn-định rằng quản hạt của một phòng Chưởng-khế có thể bao gồm quản hạt của nhiều Tòa-án Sơ-thẩm hoặc Hòa-giải Rộng quyền. (2)

Điều thứ 3.— Tùy theo nhu cầu công vụ, một phòng Chưởng-khế có thể gồm có nhiều vị Chưởng-khế, mỗi vị có thẩm-quyền trong toàn quản hạt của phòng Chưởng-khế ấy.

Trong trường hợp này vị nào có chỉ số lương cao nhất sẽ lãnh phần điều khiển phòng Chưởng-khế, về phương diện hành chánh. Nếu có nhiều vị cùng chỉ số lương thì vị nào có bằng cử-nhơn hay tấn-sĩ luật khoa sẽ lãnh phần điều khiển. Nếu không có vị nào có một cấp bằng ấy hay có nhiều vị cũng có bằng cử-nhơn hay tấn-sĩ thì vị nào có nhiều thâm niên hơn hết sẽ lãnh phần điều khiển phòng Chưởng-khế.

Điều thứ 4.— Các phòng chưởng-khế tiếp công chúng mỗi ngày 6 giờ, trừ ngày chủ nhật và ngày lễ. Giờ mở cửa phải được niêm yết ở ngay cửa ngõ vào phòng văn.

CHƯƠNG THỨ II

Nhân viên phòng Chưởng-khế và nhiệm vụ Chưởng khế

Điều thứ 5.— Các phòng Chưởng-khế do Chưởng-khế thực thu điều khiển và hoạt động dưới sự trách nhiệm của các vị này.

Điều thứ 6.— Chưởng-khế có nhiệm vụ :

(1) Theo nghị định số 19-BTP/ND ngày 8-1-1955 thì ngày mở phòng Chưởng khế Saigon là ngày 10-1-1955.

(2) Theo nghị-định số 17-TP/ND ngày 7-1-1955 thì quản hạt của Phòng Chưởng khế Saigon tạm thời gồm toàn lãnh thổ Việt-nam.

— Lập tất cả những văn kiện và khế ước mà những đương sự trước các tòa án bó buộc phải làm ;

— lập những văn kiện và khế ước mà các đương sự này muốn cho có tính cách công chính y như các văn kiện do công quyền lập ra ;

— xác định niên hiệu những văn kiện và khế ước ấy ;

— quản thủ những văn kiện này ;

— cấp phát các bản sao đại tự và toàn sao.

Điều thứ 7.— Nhân viên phòng Chưởng-khế, ngoài Chưởng-khế ra còn có các Chưởng-khế tập sự, lục-sự, thư ký và tùy-phái của Sở Tư-pháp, nhiều ít tùy theo sự trọng yếu của phòng Chưởng-khế.

Các nhân viên nói trên do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp bổ dụng.

Ngoài ra, tùy theo nhu cầu công vụ, có thể được tuyển dụng với tư cách nhân viên khế ước hay công nhật để giúp việc tại các phòng Chưởng-khế những nhân-viên trước kia đã làm việc tại các phòng Chưởng-khế Pháp cũ.

Chưởng-khế thực-thụ cũng có thể tổng sự tại Bộ Tư-pháp

Điều thứ 8.— Trước khi nhận chức, các Chưởng-khế tập sự và lục-sự phải tuyên-thệ tại Tòa-án Sơ-thẩm hoặc Hòa-giải Rộng-quyền nơi họ làm việc.

Các nhân-viên này phải tôn-trọng nguyên-tắc bí mật về nghề-nghiệp. Lời thề của những nhân-viên ấy sẽ là lời thề đã ấn-định trong quy-chế ngạch của họ, trừ trường-hợp Chưởng-khế tập sự mà lời thề sẽ như sau : « Tôi xin thề và xin lấy danh-dự hứa thi-hành một cách liêm-chính những việc sẽ giao cho tôi làm và xin giữ kín những việc ấy ».

THIÊN THỨ II

Ngạch Chưởng khế

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Tổng tắc

Điều thứ 9.— Các Chưởng - khế hợp thành một ngạch xếp vào hạng A như quy-chế công-chức ngày 14 tháng 7 năm 1950

đã ấn-định, và trực - thuộc Tổng - Trưởng Bộ Tư - pháp về phương-diện hành-chánh và chuyên-môn.

Điều thứ 10.— Chương-khế thực-thụ sẽ do sắc-lệnh của Quốc-Trưởng bổ-nhiệm hay cho thôi việc, theo đề - nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp.

Việc bổ-dụng và chuyển-chuyển sẽ do nghị-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp ấn-định.

Điều thứ 11.— Đẳng-cấp và chỉ số lương căn-bản ngạch chương-khế được ấn-định như sau :

	chỉ số
Chương-khế thượng hạng (sau 3 năm.	1,000
Chương-khế ngoại hạng (trước 3 năm.	940
Chương-khế thượng hạng hạng nhất.	890
Chương-khế thượng hạng hạng nhì.	840
Chương-khế thượng hạng hạng ba.	790
Chương-khế thượng hạng hạng tư.	740
Chương-khế hạng nhất (sau 3 năm.	690
(trước 3 năm.	640
Chương-khế hạng nhì	590
Chương-khế hạng ba (sau 3 năm.	550
(trước 3 năm.	510
Chương khế hạng tư	470
Chương khế hạng năm hay tập sự	430

CHƯƠNG II

Điều kiện cần thiết để được bổ nhiệm làm Chương-khế.

Điều thứ 12.— Muốn được bổ nhiệm làm Chương-khế tập sự, đương sự phải :

- 1^o) Có quốc tịch Việt-Nam ;
- 2^o) Có ít nhất là 25 tuổi và nhiều nhất là 35 tuổi ;

Giới hạn về tuổi để nhập ngạch được tăng thêm đến 10 năm là cùng cho những thí sinh nào là công chức có thâm niên mà có thể xin công nhận để hưởng lệ về hưu trí ;

3^o) có bằng cấp cử nhân hay tiến sĩ luật khoa hoặc tốt nghiệp một học đường chương - khế đã được Chánh-phủ công nhận ;

4^o) chưa bị can án lần nào và được hưởng các công quyền, dân quyền và gia quyền ;

5^o) Trúng tuyển một kỳ thi nhập ngạch mà điều kiện tổ chức và chương trình thi sẽ do nghị định của Tổng Trưởng Bộ Tư-pháp ấn định sau khi thỏa hiệp với Bộ phụ trách Công vụ

6^o) đã làm tròn nhiệm vụ đối với luật lệ về quân dịch.

Điều thứ 13.— Trong thời kỳ chuyển tiếp định là 5 năm, có thể được bổ nhiệm thẳng làm chương-khế thực thụ không phải thi nhập ngạch và chuyên nghiệp :

— Những sinh viên tốt nghiệp một trường chương-khế tại Pháp ;

— Những thẩm phán hiện đang làm việc tại các tòa án hay Bộ Tư-pháp và luật sư, nếu họ chứng minh đã làm việc thật sự ít nhất 4 năm ;

— Những tham tá lục-sự ngạch Ấu và nhân viên cao cấp sở trước bạ và quản thủ điền thổ, nếu họ có ít nhất 10 năm thâm niên ở trong ngạch của họ.

Các công chức được bổ nhiệm làm chương khế như nói trên sẽ được xếp trong ngạch mới với chỉ số lương tương đương với chỉ số lương căn bản của họ ở ngạch cũ ; thâm niên của họ vẫn được giữ nguyên. Nếu chỉ số lương hay ngạch mới và cũ không được tương đương thì đương sự sẽ được xếp theo chỉ số ở liền trên trong ngạch chương-khế nhưng bị mất thâm-niên đã có trong ngạch cũ.

Các luật-sư được tuyển theo điều kiện như trên sẽ được bổ nhiệm vào một trật xứng đáng với thâm-niên trong nghề của họ, nhưng không được lên quá trật chương-khế hạng nhất

Trong thời kỳ chuyển tiếp nói ở điều này một Ủy-ban thành-lập do nghị-dịnh Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp và gồm có

đại diện Bộ phụ trách công-vụ và đại-diện Bộ Tài-chánh sẽ xét đơn xin nhập ngạch của những ứng tuyển viên nào không phải là công-chức.

CHƯƠNG THỨ III

Tập sự và thực thụ vào ngạch.

Điều thứ 14.— Chương-khế tập sự phải tập sự một thời hạn ít nhất là 2 năm. Sau đó muốn được thực thụ vào hạng 5, Chương-khế tập sự phải dự thi một kỳ thi chuyên nghiệp mà điều kiện và chương trình sẽ do Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ấn định sau khi thỏa hiệp với Bộ phụ trách Công-vụ.

Điều thứ 15.— Chương-khế tập sự không được dự kỳ thi chuyên nghiệp quá hai lần. Nếu không trúng tuyển lần thi thứ hai, thì sẽ bị thải hồi.

Kỳ thi chuyên nghiệp sẽ được tổ chức vào cuối năm tập sự thứ hai và vào cuối năm tập sự thứ ba.

Điều thứ 16.— Việc bổ-nhiệm và việc thực thụ vào ngạch của chương-khế tập sự sẽ do sắc-lệnh của Quốc-Trưởng ấn định chiếu đề-nghị của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp. Trong khi tập sự mọi việc bổ-dụng các chương-khế tập sự sẽ do nghị định Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ấn định.

CHƯƠNG THỨ IV

Tuyên thệ và lưu trữ các chữ ký tên và chữ ký tên tắt

Điều thứ 17.— Trong hạn một tháng, kể từ ngày tổng đạt sắc-lệnh bổ-nhiệm, chương-khế thực thụ buộc phải tuyên thệ tại phiên tòa của tòa-thượng thẩm nơi mà phụ bổn sắc lệnh bổ-nhiệm được gửi đến, nếu không thì sẽ bị coi như đương nhiên từ-chức.

Chương-khế chỉ được phép tuyên-thệ là khi nào đã xuất trình biên lai nộp tiền ký quỹ dự liệu ở điều 22 Dự này, kèm theo phụ bổn sắc lệnh bổ nhiệm.

Kể từ ngày đã tuyên thệ, chương-khế mới có quyền hành sự.

Chánh lục-sự tòa Thượng-thẩm phải gửi một bản sao biên bản tuyên thệ cho phòng biện lý tòa hay các tòa cấp sơ thẩm ở trong quần hạt nơi Chương-khế hành sự.

Trong quần hạt mình Chương-lý có trách nhiệm phải trông nom sự thi hành việc tổng đạt hay việc tuyên thệ và phải kiểm soát trước xem tiền ký quỹ ấn định ở điều 22 Dự này đã được nộp thực sự chưa.

Chương-lý phải trình ngay lên Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp việc tuyên thệ và gởi cho vị này một bản sao biên bản về việc ấy do Chánh lục-sự tòa Thượng-thẩm sao ra.

Điều thứ 18.— Lời tuyên thệ của Chương-khế thực thụ định như sau :

« Tôi xin thề và xin hứa tuân theo tất cả các đạo luật, sắc, « lệnh, nghị-dịnh hay quy tắc, và thi hành nhiệm vụ một « cách đúng mực và liêm chính và giữ kín các công việc tôi « làm trong phạm vi chức vụ của tôi. »

Điều thứ 19.— Trong quần hạt một tòa Thượng-thẩm các Chương-khế chỉ cần tuyên thệ một lần.

Điều thứ 20.— Trước khi hành sự, chương-khế phải lưu trữ chữ ký tên và chữ ký tên tất tại phòng lục-sự Tòa Thượng thẩm và các tòa án cấp sơ-thẩm trong quần hạt của họ.

Việc lưu trữ này sẽ do một biên bản ghi vào một quyển sổ riêng gọi là « sổ lưu trữ chữ ký tên và ký tên tất của Chương-khế. »

Ông Biện-lý hay Chánh-án tòa Hòa-giải Rộng-quyền phải trông coi việc thi hành những điều khoản này.

CHƯƠNG V

Tiền ký quỹ

Điều thứ 21.— Các Chương-khế thực thụ bắt buộc phải nộp một món tiền ký quỹ, cốt để làm thời bảo đảm các sự lỗi lầm vi phạm trong khi hay nhân khi hành sự.

Trước khi tuyên thệ Chương-khế phải đóng số tiền ký quỹ nếu không thì sẽ bị coi như từ chức.

Điều thứ 22.— Tiền ký quỹ dự liệu ở điều trên đây được ấn-định từ 10.000đ. đến 30.000đ. tùy theo sự trọng yếu của phòng Chương-khế.

Số tiền ký quỹ của Chương-khế thực-thu do sắc-lệnh bổ nhiệm ấn-định.

Tiền ký quỹ này phải đóng bằng tiền mặt và ký thác tại Tài-khoản lưu trữ tiền thuộc cơ quan hành-chánh mở trong sổ sách ngân khố.

Điều thứ 23.— Hết món tiền ký quỹ dùng hết cả hay hết một phần thì Chương-khế phải nộp lại hay nộp thêm cho đủ số trong hạn một tháng nếu không sẽ bị huyền chức.

Điều thứ 24.— Khi được bổ-nhiệm vào một phòng chương khế trọng yếu hơn, Chương - khế chỉ cần phải đóng khoản phụ-trội tiền ký quỹ bắt buộc phải đóng sau khi chứng-minh số tiền ký quỹ trước còn y nguyên.

Khoản phụ trội tiền ký quỹ này phải nạp ngay trong hạn 1 tháng kể từ ngày tổng đạt sắc-lệnh bổ-nhiệm mới.

Điều thứ 25.— Khi nào Chương-khế thôi việc thì số tiền ký quỹ sẽ hoàn lại cho họ do sắc-lệnh của Quốc-trưởng. Sắc-lệnh này sẽ ghi ngày thôi việc của Chương-khế, số tiền ký quỹ và sau hết, sự hoàn tiền lại cho người hữu quyền có các giấy tờ chứng thực thông thường.

Việc trả lại tiền ký quỹ cho Chương-khế chỉ được thực hiện mười năm sau khi vị này nghỉ việc.

CHƯƠNG THỨ VI

Tính cách bất năng kiêm nhiệm và vô năng lực.

Điều thứ 26.— Chức vụ Chương-khế không được kiêm-nhiệm với chức-vụ đại-biểu dân-cử hay đại biểu chỉ định trong một nghị-viện hay một hội đồng chánh-trị, với chức-vụ thẩm-phán, thừa-phát-lại, hồ giá viên và luật-sư.

Nói chung, ngoài chức-vụ của mình Chưởng-khế không được kiêm-nhiệm một công-vụ nào khác nữa.

Điều thứ 27.— Chưởng-khế không được đứng lập các văn kiện mà trong đó có đương sự là vợ hay chồng Chưởng-khế, thân thuộc, thích thuộc trực hệ không cử đến bậc nào và bàng hệ kể đến và kể cả bậc chú, bác, cô, dì, cậu, cháu đối với Chưởng khế, hoặc trong văn kiện đó có điều khoản thuận lợi cho các người ấy. Trong trường hợp này Chưởng-khế phải hồi tỵ để một Chưởng-khế trong một quân hạt kế cận gần nhất hành sự thay.

Điều thứ 28.— Hai Chưởng-khế thân thuộc hay thích thuộc đến bậc bị cấm nói ở điều trên đây không được tham dự vào cùng một văn kiện.

Những người thân thuộc, thích thuộc hoặc với Chưởng-khế hoặc với đương sự kết ước tới bậc bị cấm ở điều trên và những gia nhân của Chưởng-khế hoặc những nhân viên giúp việc chưởng khế đều không được cùng làm chứng trong một văn kiện.

Điều thứ 29.— Cũng cấm Chưởng-khế hoặc chính mình hoặc do người trung gian hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp :

1.— không được đầu cơ giao dịch giá khoán, hoặc hoạt động về thương mại ngân hàng, chiết lãi, môi giới thương mại, và không được bất cứ với tư cách gì hay vịn lấy cơ gì ứng nhận các phiếu hối đoái hay các hối phiếu có thể mậu dịch được :

2.— không được tham dự vào việc quản trị một hội xí nghiệp hoặc công ty về tài chánh, thương mại hay kỹ nghệ nào ;

3.— không được đầu cơ về sự mua hay bán lại các bất động sản, di nhượng trái quyền, quyền di sản, cổ phiếu về kỹ nghệ và các quyền vô thể khác ;

4.— không được thu lợi trong một việc nào mà mình đã làm ;

5.— không được lấy tư cách riêng mà đem những số tiền đã nhận giữ đặt lấy lời, mặc dầu có tính tiền lời cũng vậy ;

6.— bất cứ với tư cách nào không được đứng bảo lãnh hay bảo đảm các việc cho vay do mình làm trung gian hay được phó thác lập chứng thư công hay tư để xác nhận các việc ấy ;

7.— không được đứng tên mượn bất cứ trong trường hợp nào ;

8. — không được thu nhận hay cầm giữ những số tiền dù có trả lãi chỉ nữa và không được đem những số tiền và trái khoán giao cho mình giữ dùng vào một việc ngoài sự thích dụng đã định của các số tiền và trái khoán ấy, mặc dầu chỉ là tạm thời ;

9.— Không được lưu lại các số tiền đáng lẽ phải nạp vào công quỹ trong những trường hợp do luật-lệ ấn-định dầu có sự kháng tổ về số tiền đó cũng vậy ;

10.— Không được bắt người khác ký cho mình những giấy tờ hay giấy nhận nợ mà trong đó có bỏ trống tên trái chủ ;

11.— Không được để các người dưới quyền mình dự vào các văn-kiến do mình lập ra.

12.— Không được mua đấu giá cho mình hay cho một người đệ tam trong các vụ bán đấu giá động sản hay bất động-sản tại phòng văn mình.

CHƯƠNG THỨ VII

Thăng thưởng

Điều thứ 30.— Các Chưởng-khế được thăng thưởng $\frac{3}{4}$ theo cách lựa chọn và $\frac{1}{4}$ theo thâm-niên.

Muốn được thăng lên trật trên, Chưởng-khế phải có ít nhất là hai năm thâm niên trong trật cũ.

Điều thứ 31.— Chưởng-khế nào trong vòng 4 năm kể từ ngày được thăng lần trước và không hề bị trừng phạt gì về kỷ luật trong thời-gian đó mà chưa được thăng, sẽ đương nhiên được ghi tên ở đầu bảng thăng-thưởng năm sau.

Những kỳ nghỉ phép ngắn hạn mà Chưởng-kế được hưởng trong năm sẽ khấu-trừ vào lệ nghỉ thường niên.

Điều thứ 38. — Những phép nghỉ dưới 7 ngày, sẽ do ông Biện-lý tòa sơ-thẩm cho phép, sau khi hỏi ý kiến ông Chánh-án, hoặc do ông Chánh-án tòa hòa-giải rộng quyền cho phép.

Những phép nghỉ từ 7 ngày tới một tháng sẽ do ông Chưởng-lý, giám-đốc sở Tư-pháp cho phép sau khi hỏi ý kiến ông chánh-án và ông biện lý tòa sơ-thẩm hoặc ông chánh-án Tòa Hòa-giải Rộng-quyền và hỏi ý kiến ông Chánh-nhất.

Những phép nghỉ trên một tháng sẽ do ông Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp cho phép, sau khi hỏi ý kiến ông Chưởng-lý, Giám-đốc sở Tư-pháp và ông Chánh-nhất.

Hơn nữa, ông Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp sẽ định-doạt bằng nghị-định về những đơn xin nghỉ dưỡng bệnh, xin biệt phái, xin nghỉ gia hạn vân vân... như quy chế chung công-chức đã định.

CHƯƠNG IX

Quyền nhậm chức vụ Chưởng-kế - Thay thế Chưởng-kế.

Điều thứ 39. — Khi một Chưởng-kế thực thụ mệnh một, vắng mặt hay mắc bận, việc quản lý phòng Chưởng-kế sẽ giao ngay cho một Chưởng-kế tạm quyền, do Tổng-trưởng Bộ Tư-Pháp chỉ định.

Chưởng-kế tạm quyền sẽ được lựa chọn trong các Chưởng-kế thực thụ.

Điều thứ 40. — Trong trường hợp tự ý từ chức, Chưởng-kế không có quyền rời khỏi chức-vụ trước khi có người thay thế nhận việc nếu không thì số tiền ký quỹ sẽ bị tịch thu.

CHƯƠNG X

Kỷ luật

Điều thứ 41. — Quyền thi-hành kỷ-luật đối với Chưởng-kế thực thụ hay Chưởng-kế tập sự do Tổng-Trưởng Bộ Tư-

Pháp và các chương-lý giám-đốc sở Tư-pháp sử dụng

Điều thứ 42.— Chương-khế nào không theo đúng bốn phạm của chức vụ mình sẽ bị Chương-lý giám đốc sở Tư-pháp cảnh cáo.

Nếu cảnh cáo vô hiệu hoặc điều trách cứ Chương-khế có tính cách hại tới nhân phẩm Chương-khế, Chương-lý sẽ làm bản văn kết luận về đề nghị một trừng phạt về kỷ-luật.

Điều thứ 43.— Những trừng phạt có thể đem áp dụng đối với chương-khế là :

- khiển trách có ghi vào hồ sơ ;
- thuyên chuyển bắt buộc ;
- chậm thăng thưởng một hay hai năm ;
- giáng chức một hay hai trật ;
- huyền chức tạm thời có hay không giảm một nửa lương bổng ;
- cách chức có hoặc không hưu bổng.

Điều thứ 44.— Những trừng phạt định ở trên đây sẽ do Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp quyết định sau khi hỏi ý kiến Đại-Hội đồng Tòa Tạng-thẩm họp thành hội đồng kỷ-luật.

Điều thứ 45.— Chương-khế có quyền tự bào chữa bằng lời nói hay bằng văn thư.

Hồ sơ phải thông tri cho Chương khế xem.

Chương-khế có thể nộp mọi giấy tờ hay viện mọi nhân chứng.

Chương-khế có thể nhờ một luật sư có tên trong danh biểu luật sư hay nhờ một Chương-khế khác thay mặt hay bào chữa cho mình.

Điều thứ 46.— Khi nào có trát nã, trát tổng giam hay án lệnh bắt giam, chương khế sẽ bị huyền chức.

CHƯƠNG THỨ XI

Hưu trí và chức hàm danh dự

Điều thứ 47.— Chương-khế cũng theo chế độ chung về

hưu bổng do luật lệ hiện hành ấn-định. Tuy nhiên tuổi về hưu trí của các Chưởng-kế định là 60 tuổi.

Điều thứ 48.— Những Chưởng-kế nào đã làm việc tới ngày về hưu một cách vinh dự thì có thể được hưởng chức hiệu chưởng-kế hàm. Chức này sẽ do nghị định Tổng Trưởng Bộ Tư-Pháp cấp cho.

THIÊN THỨ III

Quyền lợi — Trách nhiệm và bổn phận của Chưởng-kế CHƯƠNG THỨ NHẤT

Lệ phí và tiền công do Chưởng-kế thu tiền Hoa hồng cho Chưởng-kế — Phụ cấp chức vụ

Điều thứ 49.— Khi làm xong những văn kiện, chưởng-kế thu nhận riêng cho quỹ quốc gia tất cả các khoản tiền lệ phí và tiền công mà trước đây các Chưởng-kế vẫn được hưởng chiếu theo luật lệ hiện hành nhất là nghị định ngày 31 tháng 3 năm 1946 sửa đổi bởi nghị định ngày 18 tháng 7 năm 1949

Các khoản tiền lệ phí và tiền công đó sẽ sung vào quỹ quốc-gia.

Điều thứ 50.— Ngoài lương bổng và phụ cấp thuộc về lương bổng mà Chưởng-kế được hưởng với tư cách công chức, Chưởng-kế còn được hưởng một số tiền hoa hồng hàng tháng là bảy phần trăm (7%) tính theo tổng số lệ phí và tiền công do Chưởng-kế thu cho quốc-gia.

Trong trường hợp một phòng Chưởng-kế gồm có nhiều vị Chưởng-kế, số tiền hoa hồng 7% nói trên sẽ được chia đều giữa các vị ấy sau khi trừ một số tiền hàng tháng 1.000\$ dành riêng cho vị Chưởng-kế lãnh phần điều khiển phòng Chưởng-kế.

Phân suất về tiền hoa-hồng này có thể tăng lên hay giảm xuống do nghị định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ấn định sau khi hỏi ý kiến Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh.

Một nghị-định do Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ban hành sau khi hỏi ý kiến Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh sẽ ấn-định mọi thể thức áp dụng những khoản trong điều này liên quan đến sự nộp vào công quỹ những tiền lệ phí và tiền công thầu cho quốc-gia và sự trả tiền hoa-hồng cho Chưởng-khế.

Trong trường hợp quyền nhiếp, Chưởng-khế tạm quyền chỉ được hưởng phần nửa tiền hoa-hồng ấn-định ở đoạn 1 điều này, còn phần nửa kia về phần Chưởng-khế chánh thức đảm nhận phòng Chưởng-khế được hưởng.

Tiền ký quỹ của vị Chưởng-khế sau này vẫn bảo đảm cho những văn kiện do Chưởng-khế tạm quyền lập ra.

Chưởng-khế tạm quyền khỏi phải nộp tiền ký quỹ. (1)

Điều thứ 51.— Chưởng-khế thực thụ tòng sự tại Bộ Tư-pháp được hưởng 1.000\$00 phụ cấp chức vụ hàng tháng.

CHƯƠNG THỨ II

Trách nhiệm — Quỹ bảo đảm

Điều thứ 52.— Quốc gia chịu trách nhiệm dân sự về những lỗi Chưởng-khế phạm khi hành sự hay về những công việc họ được phó thác vì chức vụ Chưởng-khế của họ.

Điều thứ 53.— Lâm thời, quốc gia chỉ có quyền kiện lại Chưởng-khế đã phạm lỗi chiếu theo thể lệ hành chánh pháp.

Trong trường hợp một phòng Chưởng-khế gồm có nhiều vị Chưởng-khế thì về phương diện nghề nghiệp mỗi Chưởng-khế sẽ chịu trách nhiệm riêng về các văn kiện mà vị này lập ra.

Điều thứ 54.— Được coi như là lỗi về công vụ tất cả những lỗi Chưởng-khế đã phạm nhưng không cố ý hoặc đã phạm do sự cầu thả hay sơ ý trong khi thi hành chức vụ Chưởng-khế.

(1) Nghị định số 32-BTP/ND ngày 12-1-1955 ấn định thể thức nộp vào ngân khố các thứ tiền lệ phí thuộc về văn kiện chưởng khế thu cho quốc gia và thể thức trả tiền hoa hồng cho chưởng khế.

Cũng được coi như là lỗi về công-vụ sự gian dối mà Chưởng-kế phạm trong khi hay nhân khi thi hành chức vụ.

Điều thứ 55.— Sự trách nhiệm của quốc gia đối với người đệ tam hay đương sự bị tổn hại sẽ được bảo đảm bằng một quỹ riêng gọi là « Quỹ bảo đảm » mở tại Ngân khố Sài-gòn ngay khi viên Chưởng-kế đầu tiên được bổ nhiệm theo Dự này bắt đầu nhận chức. (1)

Điều thứ 56.— Quỹ bảo đảm được bổ sung bằng số tiền khấu trừ 30% trích ở những khoản tiền lệ phí và tiền công do Chưởng-kế thu cho quốc gia theo như điều 49 đã định. Phần suất của số tiền khấu trừ này có thể tăng lên hay giảm xuống do nghị-định của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp tùy theo nhu cầu công vụ và sau khi hỏi ý kiến Tổng-trưởng Bộ Tài-chánh.

Cứ năm ngày đầu mỗi tháng, chưởng-kế phải lập và gửi sang ngân khố bản thống kê tất cả các văn kiện đã làm trong tháng trước cùng với bản chiết toán những khoản tiền lệ phí và tiền công đã thu trong tháng ấy. Bản thống kê ấy phải có viên giám thu trước bạ chứng thực về phần các văn kiện và phải có Biện-lý hay Chánh-án Tòa Hòa-giải Rộng-quyền kiểm nhận về phần lệ phí và tiền công.

Điều thứ 57.— Quỹ bảo đảm được quản trị do một Ban quản trị gồm có :

- Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp hay Đại-diện Chủ-Tịch
- Một Đại-diện Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh . . . Hội-Viên
- Một Thẩm-phán viện chưởng-lý Sài-gòn -nt-

Điều thứ 58.— Tất cả những vụ tranh tụng liên can đến quỹ Bảo-đảm đều phải đối kháng với chủ-tịch ban quản-trị quỹ ấy và phải đưa ra trước các tòa-án hành-chánh.

Trong trường hợp này, ông chủ tịch triệu tập ban quản trị để biết ý kiến.

(1) Nghị Jính số 182-BTP/ND ngày 19-2-1955 ấn định thể thức thiết lập một quỹ bảo đảm đối thọ trách nhiệm của quốc gia về lỗi lầm của chưởng kế.

1.— về phương pháp bảo chữa nhân danh quốc-gia ;

2.— về sự có nên hay không thượng-tố đối với những quyết định có phương hại đến quỹ bảo đảm.

Điều thứ 59.— Khi quỹ bảo đảm không đủ sức bồi thường hoàn toàn cho đương sự thì quỹ quốc gia thay thế trả chỗ thiếu hay trả tổng số bồi thường mà quỹ bảo đảm phải gánh chịu.

Điều thứ 60.— Tiêu-diệt thời-hiệu của các vụ tố-tụng đối với quỹ bảo-đảm định là hai năm. Thời hạn về sự tiêu-diệt thời-hiệu này tính từ ngày văn-kiện do chương-khế làm được coi là nhất định.

CHƯƠNG III

Bổn-phận của Chương-khế

Mục 1.— Điều khoản chung

Điều thứ 61.— Chương-khế buộc phải hành sự khi được yêu cầu.

Điều thứ 62.— Cấm các Chương-khế không được hành sự ngoài quản-hạt của mình, nếu vi-phạm sẽ bị cách chức.

Điều thứ 63.— Chương-khế phải chịu trách-nhiệm về việc gìn giữ nguyên bản sổ sách, hồ-sơ chứng-khoán, giá khoán văn-khố và nói chung tất cả các tài-liệu và vật-liệu bất-luận là thứ gì mà chương-khế phải giữ. Như vậy Chương - khế phải dùng mọi phương - pháp cần-thiết để giữ gìn các thứ đó khỏi bị phá-hủy, hư-hỏng, và cũng còn phải yêu cầu cơ-quan hữu-quyền thi-hành mọi phương-sách tẩy-uế và sát - trùng tại những phòng chương-khế dùng làm phòng văn, khi chính họ không thể làm lấy được những việc ấy.

Điều thứ 64.— Khi nào những số tiền giao cho chương-khế giữ lên quá 50.000\$ nếu là ở Sài-gòn và 20.000\$ nếu là ở các nơi khác thì Chương-khế bắt buộc phải gửi vào một tài-khoản do họ yêu cầu mở tại ngân-khố, nếu không sẽ bị cách chức.

Còn những số tiền mà chương-kế được phép giữ thì chương-kế phải luôn luôn giữ tại phòng Chương-kế, nếu không sẽ bị cách chức. (1)

Mục II. — Văn-kiện — Hình-thức văn-kiện —

Nguyên-bản — Bản sao đại tự — Bản toàn sao và các sổ mục-lạc,

Điều thứ 65. — Các chương - kế chứng thư chỉ do một Chương-kế lập ra, trừ các trường-hợp sau này :

1) Các chứng thư vẫn phải tuân theo thể-lệ đặc-biệt trong dân luật ;

2) Các văn-kiện về sinh trung tặng dữ hay phụ-phụ tặng dữ, thừa nhận của tặng dữ, bãi hồi di-chức hay tặng dữ, nhin nhận con hoang và các giấy ủy-quyền hay giấy cho phép để lập các văn-kiện ấy thì phải do hai Chương-kế lập ra, hay một chương-kế có hai người chứng dự lá, nếu không thì vô hiệu.

Vị chương-kế thứ hai hay hai người chứng chỉ cần phải có mặt khi vị chương-kế đứng lập văn-kiện đọc văn-kiện này và khi các đương sự ký tên hay khi họ khai là không biết ký tên hoặc không thể ký tên mà thôi. Phải ghi chú sự hiện-diện này vào văn-kiện, nếu không thì vô hiệu.

3) Các văn-kiện mà trong đó một bên hay cả hai bên đương-sự không biết ký tên hay không thể ký tên thì phải có vị chương-kế thứ hai hay hai người chứng thực.

Người chứng nói trong các trường-hợp trên đây phải là trưởng thành, biết ký-tên và hưởng đủ các quyền của mình. Đàn ông hay đàn bà cũng được, nhưng cả hai vợ chồng không thể cùng đứng làm chứng trong một văn-kiện được.

Điều thứ 66. — Chương - kế cần phải biết tên họ, thân phận và chỗ ở của các đương sự, nếu không thì các điều ấy phải được hai người đã trưởng thành mà người Chương-kế biết rõ danh tánh chứng thật trong văn-kiện. Hai người

(1) Nghị định số 95 BTPND ngày 2-2-1955 ấn định mô tại tại ngân khố những ngân mục vắng lá ký thác tiền của phòng Chương kế Saigon.

này phải biết ký tên và có đủ tư-cách mà những người chứng hành sự phải có.

Điều thứ 67.— Trong các văn-kiện đều phải ghi tên và cư sở của Chứng-khế đã lập ra văn-kiện ấy, nếu không Chứng-khế vi-phạm sẽ bị phạt bạc 200\$00,

Trong các văn - kiện cũng phải ghi luôn cả tên của các nhân chứng hành sự, chỗ ở của họ, chỗ cùng ngày tháng năm đã lập nên các văn-kiện, nếu không Chứng-khế sẽ bị truy-tố về tội giả mạo.

Điều thứ 68.— Các văn-kiện (nguyên bản hay bản chấp-chiều) đều phải viết tay hoặc đánh máy, in thường hay in thạch-bản bằng một thứ mực đen không phai lạt, pha bằng mờ-hóng hay thán-tố với tỷ-lượng trên 20%, và luôn luôn phải viết liền làm một bản văn chữ rõ ràng, không được viết tắt, dễ trắng, dễ thiếu, hay viết xen giữa hai hàng. Trong văn-kiện phải ghi tên, họ, tư-cách và chỗ ở của các đương sự và của các nhân chứng kể trong điều 66 được mới dự chứng.

Các số tiền và ngày tháng thì phải viết toàn bằng chữ, còn các số lượng thì viết theo mét hệ (hệ thống đo lường của thước métre). Tuy nhiên, các số tiền hay số lượng cũng có thể viết theo các tiếng dùng tại chỗ ở của người kết ước, nhưng phải viết tiếp đúng theo hệ thống tiền tệ hoặc mét hệ.

Các giấy ủy quyền của người kết ước phải đính theo nguyên bản và trong nguyên bản phải ghi chú rằng đã đọc văn kiện cho các đương sự nghe, nếu không chứng-khế vi phạm sẽ bị phạt bạc 200\$00.

Các bản đánh máy thì phải là bản đánh máy đầu tiên nghĩa là không được dùng những bản do giấy mực hay giấy các-bon đánh ra.

Điều thứ 69.— Chứng-khế bắt buộc phải đính theo văn kiện do họ lập, bản chánh hay bản dịch các văn kiện của mọi nhà chức quyền khác đã làm mà chứng khế bằng vào đó để lập sự giao ước mới. Bản dịch thì phải có thông ngôn đã tuyên-thệ thì thực và có các đương sự ký tên vào mới được. Trong

văn kiện còn phải tóm tắt sơ lược nội dung các bản văn đính theo văn kiện ấy.

Điều thứ 70.— Trong văn kiện, đương sự, nhân chứng và Chứng-khế phải cùng ký tên vào và việc ký tên đó Chứng-khế phải ghi chú dưới văn kiện.

Đối với đương sự không biết ký tên hay không thể ký tên được thì chứng-khế phải ghi chú việc ấy vào cuối văn kiện ; trong trường hợp này bắt buộc phải có chữ ký tên của một Chứng-khế thứ nhì hay hai nhân chứng như đã định ở điều 65 nói trên.

Điều thứ 71.— Những lời dẫn chú hay phụ chú chỉ được ghi vào bên lề, trừ trường hợp nói sau. Chứng-khế và mọi người khác phải ký tên hoặc ký tên tắt dưới các điều dẫn chú hay phụ chú, nếu không các điều này sẽ vô hiệu. Nếu lời dẫn chú dài quá mà cần phải ghi vào cuối văn kiện thì Chứng-khế và mọi người khác không những ký tên hoặc ký tên tắt dưới lời dẫn chú mà lại còn phải xác nhận vào đó nữa, nếu không thì lời dẫn chú sẽ vô hiệu. Bất cứ trường hợp nào những văn kiện do Chứng-khế lập ra một phần hay toàn phần đều không phải là viết tay thì buộc phải có đương sự, Chứng-khế và nhân chứng (nếu bắt buộc phải có) ký tên vào dưới mỗi trang mặt, nếu không thì những trang không có chữ ký tên sẽ vô hiệu.

Điều thứ 72.— Trong thân văn kiện chữ không được viết chồng nhau, viết xen giữa hai hàng hay viết thêm vào. Những chữ viết chồng, viết xen giữa hai hàng hay viết thêm đều coi như không có ; Chứng-khế phạm lỗi sẽ bị phạt bạc 200\$00.

Về những chữ phải gạch bỏ, thì phải gạch bỏ thế nào cho có thể tính được số chữ đã gạch bỏ để ghi chú ra ngoài lề hay ở dưới cùng văn kiện, và phải xác nhận y như trong trường hợp xác nhận các lời dẫn chú ghi ngoài lề, bất tuân Chứng-khế sẽ bị phạt 200\$00 và nếu có sự gian dối sẽ bị cách chức.

Điều thứ 73.— Khi có đương sự hay nhân chứng không

biết nói tiếng Việt-Nam thì, trước khi lập văn kiện, phải có một viên thông ngôn đã tuyên thệ phụ lục cho chương khế. Viên thông ngôn ấy sẽ giải thích mọi điều cần ích về sự giao ước, phiên dịch bản văn kiện đã làm ra và ký tên vào văn kiện với tư cách nhân chứng phụ tá.

Thân thuộc, thích thuộc, trực hệ ở các bậc và thân thuộc thích thuộc bàng hệ đến bậc chú bác, cô, dì, cậu và cháu của các người kết ước không thể đứng ra làm thông ngôn trong những trường hợp nói ở điều này. Còn về các chức thư hay chứng thư công nào khác các người thọ tặng, bất kỳ với tính cách nào, và thân thuộc thích thuộc của các người ấy đến và kể cả bậc anh chị em thúc bá thì cũng không được làm thông ngôn.

Điều thứ 74.— Trong các văn-kiện di-chuyển quyền sở-hữu bất động-sản, Chương-khế phải ghi rõ tính-chất, vị-trí, diện-tích, dung lượng, đông tây tứ chí của bất động-sản, tên họ các nguyên sở hữu chủ và, nếu có thể, những tính cách và ngày tháng của các sự di-chuyển liên tiếp.

Chương-khế phải đọc cho đương sự nghe các điều-khoản ở điều 44 và tiếp theo của nghị-định ngày 6 tháng 11 năm 1929 về sự trước bạ các văn-kiện. Điều-khoản này có ấn-định tiền phạt về việc khai sứt bớt hay giấu-giếm những số tiền hay những giá cả mà sở trước bạ căn-cứ vào đó để thu thuế tỷ lệ.

Việc đọc ấy Chương-khế phải ghi chú vào văn-kiện, nếu không sẽ bị phạt bạc 100\$00.

Điều thứ 75 — Chương-khế phải trưng bày ở nơi phòng-văn một bảng danh-sách những người thuộc quân-hạt mình bị cấm-quyền hay có người bảo tá và cớ-chú luôn cả án-văn về các việc ấy ngay sau khi nhận được lục-tổng những bản trích lục án-văn do viên chánh lục sự của tòa án nào đã xử có bản-phận phải gửi cho chương-khế.

Điều thứ 76.— Trước công-lý tất cả các văn-kiện do Chương-khế lập ra đều hoàn toàn được tin dụng giữa đương-sự kết-ước và người thừa kế hay người được quyền của họ.

Văn-kiện ấy có hiệu lực chấp-hành trên toàn cõi lãnh thổ Việt-Nam.

Tuy nhiên, trong trường hợp có đơn khởi tố chính vụ thừa rằng văn-kiện là giả-mạo, sự thi-hành văn-kiện cho là giả-mạo được đình lại vì có sự cáo tội ; trong trường-hợp thừa kiện phụ-đối về giả-mạo thì các tòa-án có thể tạm thời hoãn thi-hành văn-kiện đó, tùy theo tình trạng trọng khinh.

Điều thứ 77.— Chương-khế bắt buộc phải giữ lại nguyên bản các văn-kiện do họ lập ra.

Tuy nhiên, các văn-kiện như chứng thư sinh tồn, giấy ủy-quyền, giấy chứng-chỉ, biên-lai địa-tổ, tiền thuê nhà phố, lương hương, tiền tuất hay niên kim cùng các văn-kiện thường khác mà theo luật-lệ hiện hành có thể làm thành bản chấp chiếu thì khỏi phải giữ lại nguyên bản như vừa nói trên đây.

Còn các văn-kiện giao-ước về động-sản mà giá không quá 1.000\$00 và khi văn-kiện ấy không quy-định điều-khoản gì có thể có lợi cho người đệ tam khiến người này có thể nại điều-khoản ấy ra thì, tùy ý các đương sự, các văn-kiện đó có thể làm thành bản chấp chiếu hay nguyên bản cũng được.

Điều thứ 78.— Chỉ có vị Chương-khế chấp hữu nguyên bản mới có quyền cấp phát bản sao đại tự hay bản toàn sao. Tuy nhiên, chương-khế nào cũng có thể cấp phát bản sao các văn-kiện mà người ta đưa nạp cho mình để làm nguyên bản.

Điều thứ 79.— Chương-khế không có thể giao một nguyên bản cho ai cả, trừ những trường hợp có định trong luật lệ hiện hành và căn-cứ vào một bản án cho phép giao.

Trước khi giao nguyên bản, chương-khế phải lập một bản sao y hệt như nguyên bản cho cả đến hình thức cũng vậy và ký tên vào bản sao ấy. Bản sao này, sau khi được ông Chánh-án và Biện-lý Tòa Sơ-thẩm hay ông Chánh-án tòa Hòa - giải Rộng-quyền sở tại thị thực, sẽ dùng để thay thế nguyên bản cho đến khi nguyên bản được giao trả lại.

Điều thứ 80.— Chương-khế cũng không thể cấp phát bản

toàn sao hay tiết-lộ các văn kiện của mình giữ cho người khác biết nếu không có án-lệnh của ông Chánh-án tòa án dân sự cho phép, trừ ra những người có trực-tiếp liên quan đến những văn-kiện ấy, những người thừa kế hay những người được quyền. Chương-khế nào bất tuân sẽ bị phạt bạc 500\$00.

Tái phạm, chương-khế sẽ bị huyền chức trong hạn 3 tháng.

Tuy nhiên, trong trường hợp mà luật lệ bắt buộc phải gửi các văn-kiện và sổ sách cho các viên phụ-trách sở trước-bạ hay bắt buộc phải cấp phát bản trích sao để công yết ở phòng xử án các tòa án thì các điều khoản trên đây sẽ không áp dụng.

Điều thứ 81.— Nếu có quyết - định khảo tra văn-thư thì chương-khế chấp giữ văn-kiện phải lập bản, trừ ra khi nào tòa án ra lệnh khảo tra ấy có ủy phái một thẩm - phán trong tòa hay một thẩm-phán nào khác hay một chương khế khác để làm việc khảo tra thì người được ủy phái sẽ lập biên bản.

Điều thứ 82.— Bản sao đại tự phải cấp phát theo thẻ thức chấp hành ; phải mở đầu và kết thúc bằng những danh từ đang áp dụng trong các bản án văn của các tòa án.

Điều thứ 83.— Phải ghi chú vào nguyên bản sự cấp phát bản sao đại tự đầu tiên cho mỗi đương sự có quyền-lợi.

Ngoài ra, chương-khế không có quyền cấp phát bản sao đại tự khác cho đương sự có quyền lợi nếu không có án-lệnh của chánh-án tòa án dân sự (án lệnh này phải đính theo nguyên bản); chương-khế nào bất tuân sẽ bị cách chức.

Điều thứ 84.— Mỗi chương-khế phải có một con dấu có khắc tên họ, chức vị và cư-sở của mình. Các bản sao đại tự và toàn sao văn-kiện phải có đóng dấu ấy vào.

Điều thứ 85.— Mỗi khi cần phải xuất trình một văn-kiện ở Việt-Nam, nhưng ngoài quản-hạt của chương-khế đã lập ra văn-kiện đó, thì chữ ký của chương-khế cấp phát bản sao phải được ông Chánh-án tòa án dân sự nơi cư sở chương-khế nhận thực.

Nếu phải xuất trình văn kiện ở ngoài lãnh thổ Việt-Nam thì chữ ký ấy còn phải có ông Tổng-trưởng Bộ Ngoại-giao nhận thực.

Điều thứ 86.— *Chưởng-khế phải giữ sổ mục lục về tất cả các văn kiện do họ lập ra.*

Sổ mục lục này gồm có :

- 1.) — Số thứ tự mỗi mục ;
- 2.) — Ngày tháng lập văn kiện ;
- 3.) — Tính cách của văn kiện ;
- 4.) — Loại văn kiện gì, nghĩa là nguyên bản hay bản chấp chiếu ;
- 5.) — Tên, họ, chức vị và chỗ ở của các đương sự ;
- 6.) — Tài sản, vị trí và giá tiền nếu là văn kiện liên can đến quyền sở hữu, sự hưởng dụng hoa lợi hay sự hưởng thụ bất động sản ;
- 7.) — Số tiền vay mượn, di nhượng hay chuyển nhượng nếu là văn kiện về trách vụ, di nhượng hay chuyển nhượng ;
- 8.) — Sự ghi chú có đóng trước bạ.

Các sổ mục lục phải được ông Chánh án hay, nếu ông Chánh án vắng mặt, một thẩm phán tòa án dân sự nơi cư sở của chưởng-khế kiểm phê, đánh số và ký tên tất vào.

Điều thứ 87.— Văn kiện nào lập ra trái với các điều 28, 62, 65, 66, 69, 78 và 85 của Dự này thì vô hiệu nếu không có chữ ký tên của các người tham dự vào văn kiện ấy. Nếu có chữ ký tên của những người ký-ước, văn kiện chỉ có giá trị như một tư thư chứng thư.

Điều thứ 88.— Trong trường hợp một chưởng-khế vắng mặt bị huyền chức, bị cách chức hay mệnh một và trong khi chờ đợi sự bổ nhiệm chưởng-khế thực thụ khác hoặc là sự bãi bỏ phòng chưởng-khế, vị thẩm-phán tòa hòa giải hay vị thẩm-phán thay quyền nơi cư sở của chưởng-khế đó phải niêm phong tất cả các nguyên bản hay sổ mục lục lại cho đến khi

có án lệnh của Chánh-án tòa án dân sự sở tại ủy thác một chương-khế khác hoặc một viên chức tổng sự tại phòng chương-khế phụ trách gìn giữ các giấy tờ ấy.

Mục III. — Việc kế toán và sổ sách phòng chương-khế.

Điều thứ 89.— Chương-khế phải ký nạp vào quỹ cung thác tất cả các số tiền mình giữ cho đệ tam nhơn, bất cứ với tính cách nào, trong thời hạn hai tháng tính từ ngày nhận số tiền ấy. Bất tuân sẽ bị cách chức.

Tuy nhiên, chương-khế có thể giữ số tiền ấy thêm một thời hạn hai tháng nữa, nếu có đơn viết của những người có quyền lợi yêu cầu. Những chương-khế cũng phải tuân theo điều lệ ấn định ở điều 64 trên đây.

Đơn này phải gửi đến chương-khế trong khoảng tháng trước khi mãn thời hạn định ở đoạn thứ nhất điều này.

Chương-khế phải lập tức trình báo cho chương-lý và cho biện-lý hoặc chánh-án tòa hòa giải rộng quyền nơi quản hạt của mình biết đã có đơn yêu cầu như thế.

Điều thứ 90.— Mỗi chương-khế phải giữ sổ sách kế toán để ghi các loại thu chi cho thân chủ mình. Về việc này chương-khế giữ ít nhất một quyển sổ nhật ký về tiền bạc, một quyển sổ về sở phí các văn kiện, một quyển sổ cái về tiền bạc, một quyển sổ ký thác chứng khoán và giá khoán hay một quyển sổ nhật ký giá khoán, một quyển sổ cái về giá khoán và một quyển sổ riêng kết toán chi thu từng tam cá nguyệt, tất cả theo kiểu mẫu do nghị-định của Tổng trưởng Bộ Tư-pháp ấn định (1)

Điều thứ 91.— Từ ngày một, theo thứ tự ngày tháng, không chứa chỗ trống và không được ghi tràn ra ngoài lề trong sổ nhật ký chương-khế phải ghi, nhưt là :

- 1) — Tên họ các đương sự ;
- 2) — Số tiền của chương-khế được giao giữ, sự thích dụng của số tiền ấy, cùng các loại thu và các lần chi tiền ra.

(1) Nghị định số 781-BTP/ND ngày 9-19-1954 ấn định cách thức lập sổ sách kế toán chương-khế.

Mỗi mục có một số thứ tự và có dẫn chú vào trang nào trong sổ cái có ghi hoặc việc thu nhập hoặc việc chi tiêu. Chương-khế chỉ được phép mở một loạt sổ thứ tự bắt đầu từ ngày bành sự.

Chương-khế được phép lập thêm một sổ nhật ký thứ nhì để thanh toán chi thu cho thân chủ, nhưng với điều kiện là sổ nhật ký của phòng văn phải cho đầy đủ và được ghi những công việc biên chép trong sổ thứ nhì và theo đúng ngày tháng của những việc ấy.

Điều thứ 92.— Trong sổ sở phí các văn kiện chương-khế phải biên các văn kiện lập ra theo thứ tự thời gian dưới tên người thân chủ chịu tiền sở phí cùng biên sự chiết tính các sở phí và tiền công mỗi văn kiện.

Điều thứ 93.— Trong sổ cái về tiền bạc, chương-khế phải ghi tài khoản của mỗi thân chủ gồm có bảng lược kê các khoản thu chi về phần thân chủ ấy.

Trong sổ cái bản kết toán phải làm ít nhất mỗi năm một lần vào ngày 31 tháng chạp dương lịch. Hàng năm, sau khi tính xong bảng kết toán các tài khoản trong sổ cái, thì phải mở lại tài khoản trong quỹ cung thác bằng sự liệt kê các tài khoản về các khoản ký thác và bằng sự ghi vào những số tiền ký thác từng tài khoản một. Ngoài ra phải lập các bảng kết toán tam cá nguyệt vào những ngày 30 tháng 3, 30 tháng 6, 31 tháng 10 và 31 tháng 12 dương lịch trong một sổ riêng. Trong sổ đó tất cả bốn bảng kết toán tam cá nguyệt sẽ biên chép vào cùng một trang giấy hai tờ.

Điều thứ 94.— Trong sổ ký thác chứng khoán và giá khoán hay sổ nhật ký về giá khoán, chương-khế phải biên từng ngày một theo thứ tự ngày tháng các việc xuất nhập chứng khoán hay giá khoán không được chừa chỗ trống thiếu sót hay viết tràn ra ngoài lề và phải chỉ rõ số mục và đăng bạ chứng khoán hay giá khoán ấy, tên họ và chỗ ở của thân chủ và lý do của mỗi việc ký thác chứng khoán hay giá khoán.

Trong sổ cái về giá khoán chưởng-khế phải biên chép các tài khoản của mỗi thân chủ bằng cách lược kê các sự xuất nhập giá khoán của thân chủ ấy.

Về bất kỳ giá khoán tiền bạc gì đem nạp tại văn phòng mình, chưởng-khế phải cấp biên nhận xé trong sổ tồn căn, dự định ở điều 96 sau đây.

Điều thứ 95.— Sổ nhật ký về tiền bạc và sổ ký thác chứng khoán và giá khoán đều do ông Chánh-án dân-sự đánh số và ký tên tắt vào.

Điều thứ 96.— Mỗi khi thu nhận tiền bạc chưởng-khế phải phát một biên lai xé trong một quyển sổ tồn căn theo kiểu mẫu do Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ấn định.

Trong tất cả các sổ tồn căn đều có in số thứ tự trên mảnh lưu chiếu và trên biên lai.

Các sổ này do ông Chánh-án tòa-án dân-sự đánh dấu và ký tên tắt vào.

Trên mảnh lưu chiếu cũng như trên biên lai tách khỏi sổ tồn căn, chưởng-khế phải ghi ngày thu nhận tiền bạc, tên họ và chỗ ở của người nạp tiền, lý do sự thu nhận và sự thích-dụng của số tiền ấy.

Trên biên lai Chưởng-khế phải ghi các qui tắc ấn định ở đoạn 5, 6 và 8 điều 29 Dự này. Hơn nữa trên biên lai này có sự ghi chép bằng chữ đỏ : « Rất quan trọng — Bảo đảm sự ký thác — Xem mặt trái ».

Các số tiền hay con số được ghi trong mảnh lưu chiếu của biên lai sổ tồn căn, cũng như trong giấy biên lai, phải viết toàn bằng chữ.

Tại mỗi phòng Chưởng-khế chỉ có một quyển sổ tồn căn mà thôi.

Một quyển sổ tồn căn mới chỉ được đem ra dùng là khi nào quyển sổ cũ đã dùng hết và sau khi được chưởng-ly kiểm phê.

Điều thứ 97.— **Chưởng-lý** phải kiểm-soát sổ sách kế toán của **Chưởng-khế** xem có được hợp lệ không và xem tình trạng tài khoản quỹ cung thác ở ngân-khố có hợp với các điều biên chép trong sổ sách của **Chưởng-khế** không. Về việc kiểm soát này, **chưởng-lý** có thể ủy quyền các **tham-lý**, **biện-lý** hay chánh án tòa hòa-giải rộng quyền thi hành chức vụ **biện-lý**.

Chưởng-lý hay vị **thẩm-phán** thụ ủy phải kiểm soát các phòng **Chưởng-khế** trong quân hạt của mình ít nhất mỗi lục cá nguyệt một lần.

Ngoài ra, với tính cách đặc biệt viên chức sở trước bạ do Ông Giám-đốc sở này chỉ định có thể theo huấn lệnh của Ông **Chưởng-lý** phụ trách việc đi kiểm soát từng kỳ và bất thỉnh linh các sổ sách kế toán của các phòng **chưởng-khế** hay về việc **Chưởng-khế** có tuân theo triệt để luật-lệ hiện hành hay không, trong khi thừa hành chức vụ.

Trong khi thi hành nhiệm vụ, các kiểm-soát viên có đủ quyền hành y như ủy ban kiểm soát mà thành phần và chức **chưởng** sẽ do nghị định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ấn-định.

Trong hạn 15 ngày sau khi đi kiểm-soát, các kiểm-soát viên phải gửi bản tường trình cho ông **chưởng-lý**.

Khi có trường hợp bất đồng quan điểm quan trọng giữa **chưởng-khế** và kiểm-soát viên về các điều được biên trong bản tường trình này, **chưởng-lý** có thể giao việc ấy cho ủy ban kiểm-soát nói trên kiểm-soát lại. Khi đó ủy ban này sẽ đệ trình lên **chưởng-lý** một bản tường trình khác, lược biên các điểm không hợp lệ có thể làm suy suyền đến tiền bạc ký nạp tại phòng **chưởng-khế** mà ủy ban đã kiểm-soát việc kế toán.

Điều thứ 98.— **Khởi** phải đi đến tận nơi, **Chưởng-lý** hay các **thẩm-phán** thụ ủy có quyền bắt đem trình nạp, các sổ sách kế toán và các văn kiện đã lập ra nhân một việc ký thác.

Các vị ấy phê vào sổ sách và ghi ngày tháng kiểm-soát, cùng xét xem **chưởng-khế** có tuân theo những điều kiện cho gia hạn ấn định ở điều 89 hay không.

Điều thứ 99.— Những số tiền mà chương-khế phải nạp vào quỹ cung thóc như điều 89 đã định do viên phụ trách quỹ ấy tại địa hạt cư sở của chương-khế thu nhận.

Tuy nhiên nếu cần chương-lý có thể cho phép một chương khế nạp tiền vào chi nhánh quỹ cung thóc địa hạt kế cận.

Chương-khế cũng có thể nạp tiền thẳng vào quỹ cung thóc hay bằng cách nhờ các viên giám-đốc ngân-khố địa phương, các viên chi phó hoặc các viên giám thu tài chánh thuộc quản hạt quỹ ấy chuyển nạp.

Tiền lời tiền ký nạp được tính từ ngày tập trung các việc ký nạp tại phòng văn viên phụ trách quỹ cung thóc.

Điều thứ 100.— Mỗi lần nạp tiền cho viên phụ-trách quỹ cung thóc hay cho nhân viên ngân khố thay thế, thì người nạp phải giao cho viên ấy một tấm phiếu, để gửi cho Ông Chương-lý, có ghi chú vụ hay các vụ đã đưa đến việc nạp tiền đó.

Điều ghi chú ấy phải viết cho nhất luật như sau :
« Vụ E »

Quỹ cung thóc không phải quan tâm gì đến các điều chỉ dẫn hay ghi chú trong phiếu nạp tiền. Viên phụ trách không biên chép lại các điều đó vào giấy tờ sổ sách hay biên lai phát cho người nạp tiền làm gì. Viên phụ trách ấy chỉ có phận sự gởi các phiếu ấy cho Ông Chương-lý mà thôi.

Điều thứ 101.— Mỗi lần đem nạp tiền Chương-khế sẽ nhận một cái biên lai. Biên lai này, muốn có hiệu lực miễn trái và thành một chứng khoán để đổi lại với ngân khố, thì buộc phải xé ở một tờ giấy có mảnh lưu chiếu.

Điều thứ 102.— Các số tiền do Chương-khế ký nạp sẽ được viên phụ trách quỹ cung thóc nào đã thu nhận hoàn lại khi có người xuất trình giấy cho phép trả tiền của Chương-khế cấp phát sau khi đã báo trước cho viên phụ trách ấy biết trong một thời hạn, không quá năm ngày, do Ông Giám-đốc quỹ cung thóc ấn-định như điều 111 sau đây sẽ dự liệu.

Điều thứ 103.— Giấy cho phép trả tiền phải xé ở trong

một quyển sổ có tồn căn và có mảnh lưu chiếu. Giấy này ở giữa tồn căn và mảnh lưu chiếu.

Trên hai phần mảnh lưu chiếu đều phải có in một loạt số liên tiếp.

Điều thứ 104.— Các giấy cho phép trả tiền ấy do Chưởng-khế có tài khoản lưu dịch cấp phát.

Chưởng-khế hay người được ủy quyền hay người nào mà Chưởng-khế thừa nhận chữ ký để lãnh một món tiền nhất định phải ký giấy thụ chứng giấy cho phép trả tiền trước mặt viên kế toán phát tiền.

Điều thứ 105.— Chưởng-khế cấp phát giấy cho phép trả tiền phải chép lại các chi tiết trong giấy cho phép vào tồn căn và ghi chú thêm vụ hay các vụ đã đưa đến việc rút lãnh số tiền ấy ra.

Điều thứ 106.— Mảnh lưu chiếu của giấy cho phép trả tiền chia ngang ra làm hai phần. Một phần là văn thư tiền báo gửi đến cho viên phụ trách quỹ cung thác. Trong văn thư này có biên rõ chính chưởng-khế hay người được ủy quyền của y hay một người đệ tam nào mà y thừa nhận chữ ký đòi lãnh tiền. Phần kia có biên ngày tháng của giấy tiền báo và số tiền được ghi vào giấy này. Vì Chưởng-khế muốn lãnh tiền ra phải giao mảnh lưu chiếu gồm có hai phần nói trên cho viên phụ trách quỹ cung thác trong thời hạn định ở điều 102.

Viên phụ trách quỹ cung thác sẽ gửi các phiếu lãnh tiền sau khi đã bỏ bớt phần tiền báo, cho ông Chưởng-lý như đã định ở điều 100 Dự này về các phiếu nạp tiền.

Điều thứ 107.— Giấy cho phép trả tiền không có ghi tên người ký giấy thụ chứng, các giấy ấy chỉ ghi rõ rằng phải trả tiền tận tay người được chỉ định trong văn thư tiền báo.

Điều thứ 108.— Giấy cho phép trả tiền chỉ có giá trị trong hạn 30 ngày kể từ ngày giấy tiền báo đến quỹ cung thác. Điều khoản này phải ghi vào giấy cho phép trả tiền.

Trong thời hạn 30 ngày đó nếu không xuất trình giấy cho

phép trả tiền thì giấy tiên báo và giấy cho phép trả tiền sẽ coi như vô hiệu. Phần tiên-báo của mảnh lưu-chiếu sẽ gởi trả lại cho chương-khế.

Điều thứ 109.— Sở tồn căn, giấy cho phép trả tiền lập theo kiểu mẫu do giám-đốc quỹ cung-thác ấn-định,

Sở này do viên phụ-trách quỹ cung-thác gởi đến viên Chương-lý. Vị chương-lý sẽ giao lại cho chương-khế, Chương-khế phải trả giá tiền quyền sở ấy và chỉ có thể giữ một quyền sở tồn căn thôi.

Tên chương-khế và số quyền sở phải viết bằng mực dầu vào tồn căn, vào giấy cho phép trả tiền và luôn cả vào hai phần mảnh lưu-chiếu.

Tồn căn của mỗi trang của quyền sở sẽ đóng dấu chương-lý.

Chương-lý tin cho quỹ cung-thác biết ngày tháng giao sở cho chương-khế, sở có bao nhiêu giấy cho phép trả tiền và bộ số của những giấy cho phép ấy.

Điều thứ 110.— Quỹ cung-thác lập ra cho mọi chương-khế đến gởi tiền một tài khoản riêng. Tài khoản này đến ngày 31 tháng chạp mỗi năm được thanh-toán cả vốn lẫn lời.

Đến ngày ấy tiền lời hàng năm sẽ đổi thành vốn. Còn trong năm, tiền lời chỉ được tính hay trả nếu có đơn xin riêng và nếu tài khoản được kết-toán toàn thể.

Điều thứ 111.— Các điều-kiện về tài-khoản lưu-dịch mở cho một chương-khế mà không được dự-liệu trong Dự này, và nhất là về thời-hạn tiên-báo cùng phân suất tiền lời trả cho chương-khế thì sẽ do nghị-định của giám-đốc quỹ cung-thác ấn-định, sau khi hỏi ý-kiến ủy-ban giám-thị và được Tổng-Trưởng Bộ Tài-chánh chấp-nhận.

Đối với các món tiền ký nạp từ trước thì những sự sửa đổi sau này về các điều-kiện nói trên chỉ có thể áp-dụng 15 ngày sau khi những sự sửa-đổi đó được đăng vào Công-báo.

Ngoài ra, các sự sửa đổi ấy còn phải được công-bố bằng cách niêm-yết ở phòng-văn các viên phụ-trách quỹ cung-thác.

Điều thứ 112. — Một bản trích sao tài-khoản lưu-dịch kết tính đến ngày 31 tháng chạp dương-lịch mỗi năm sẽ được gửi đến cho chương-khế, do chương-lý chuyển tới trong hạn 3 tháng kể theo.

Bất cứ lúc nào, quỹ cung-thác cũng phải cho chương-lý biết về tài-khoản lưu-dịch của chương-khế.

Điều tổng-kết

Điều thứ 113. — Ngoài địa-phận các thành-thị hay tỉnh-lý nơi một chương-khế có cư-sở, đồng-thời với vị này các viên chức ở thị-xã hay hương-thôn vẫn còn quyền chánh-thức hóa những chứng-thư và khế-ước bằng cách thị thực theo thẻ-lệ hiện hành.

Điều thứ 114. — Tất cả các điều-khoản trước về qui-chế chương-khế trái với Dự này đều bãi bỏ. Ngoài ra những điều-khoản trong qui-chế chung của công-chức không trái với Dự này đều được áp-dụng đối với chương-khế.

Điều thứ 115. — Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp có thể ra nghị-định ban hành các biện-pháp cần-thiết để thi-hành Dự này.

Điều thứ 116. — Tổng-Trưởng Bộ Nội-Vụ, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh và Bộ-Trưởng Phủ Thủ-Tướng phụ-trách Công-vụ chiếu nhiệm-vụ thi-hành Dự này. Dự này sẽ đăng vào Công-báo.

Làm tại Sài-gòn, ngày 29 tháng 11 năm 1954

Thừa ủy-nhiệm Đức-Quốc-Trưởng

Thủ-tướng Chánh-phủ

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Nghị-định số 404-BTP/ND ngày 11-8-1954 ấn-định quy-chế riêng cho ngạch thư-ký tòa-án để giúp việc tại Bộ Tư-pháp và các Tòa án.

BỘ-TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP

Chiếu Dụ số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền ;

Chiếu Dụ số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức quy-chế các công-sở ;

Chiếu Dụ số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ-chức tư-pháp quốc-gia ;

Chiếu Dụ số 9 ngày 14 tháng 7 năm 1950 sửa đổi bởi Dụ số 16 ngày 1-6-1953 ấn-định quy-chế chung cho công-chức Việt-Nam ;

Chiếu sắc-lệnh số 43-CP ngày 6 tháng 7 năm 1954 ấn-định thành phần Chánh-phủ ;

Chiếu sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định chức chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Chiếu tất cả các bản-văn hiện hành tại 3 phần ấn-định pháp-quy của ngạch thư-ký thông-ngôn, thư-ký lục-sự, thư-ký, thừa-phát kèm-sự ;

NCHI ĐỊNH

Điều thứ nhất.— Nay thiết-lập một ngạch thư-ký tòa-án để giúp việc tại Bộ Tư-Pháp và tại các tòa-án trong toàn cõi Việt-Nam.

Điều thứ 2.— Sẽ áp-dụng cho nhân-viên ngạch thư-ký tòa-án tất cả những điều khoản nói trong qui-chế chung cho Dụ số 9 ngày 14-7-1950 sửa đổi bởi Dụ số 16 ngày 1-6-1953 ấn-định, nhất là về thê-thức tuyển-bồ, lương-bổng, phụ-cấp, tập-sự, thăng-thưởng, kỷ-luật, v.v...

Ngoài ra, ngạch ấy sẽ tổ-chức theo những điều-lệ riêng qui-định sau đây :

Điều thứ 3.— Nhân-viên ngạch thư-ký tòa-án được tuyển-bồ thực-thụ, thăng-thưởng, đặt dưới quyền sử-dụng các cơ-quan trung-ương Bộ Tư-Pháp hay các tòa-án hoặc đặt vào những tình trạng nói ở điều 62 quy-chế chung, do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Điều thứ 4.— Đẳng-cấp và chỉ-số lương căn-bản ngạch thư-ký ký tòa-án được ấn-định như sau ;

ĐẲNG CẤP	HẠNG	CHỈ SỐ LƯƠNG
Thư-ký thượng-hạng ngoại-hạng . .	B	450
— nt — hạng nhất . . .	»	420
— nt — hạng nhì . . .	»	390
— nt — hạng ba . . .	»	360
— nt — hạng tư . . .	»	330
Thư-ký hạng nhất	»	300
— nt — nhì	»	280
— nt — ba	»	260
— nt — tư	»	240
— nt — năm hay tập sự . .	»	220

Điều thứ 5.— Ngoài những điều-kiện nói ở điều 22 qui-chế chung, thê-lệ tuyển-bổ vào ngạch thư-ký tòa-án được ấn-định như sau :

Muốn được bổ vào ngạch thư-ký tòa-án, các ứng-tuyển phải có :

1^o)— một trong những văn-bằng kể sau đây : bằng trung-học đệ-nhất cấp, bằng tú-tài phần nhứt, bằng cao-đẳng tiểu-học Đông-dương, hoặc một cấp-bằng tương-đương ;

2^o)— và phải trúng-tuyển một kỳ thi nhập-ngạch mà thê-thức và chương trình sẽ do Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ấn-định sau khi thỏa-hiệp với Bộ Nội-Vụ.

Điều thứ 6.— Những thí-sinh trúng tuyển kỳ thi nói ở điều 5 được bổ :

1^o) thư-ký tòa-án tập-sự với chỉ số lương 220, nếu có bằng tú-tài phần nhứt, bằng trung-học đệ-nhất-cấp, hay cao-đẳng tiểu-học Đông-dương, hoặc một cấp-bằng tương-đương.

2^o) thư-ký tập-sự với chỉ số lương 240 nếu có bằng tú-tài toàn-phần, bằng trung-học đệ-nhi-cấp hay một cấp-bằng tương-đương.

Điều thứ 7.— Điều-khoản chuyển-tiếp.

A—) Đề hợp-thành ngạch thư-ký Tòa-án, sẽ được đương-nhiên cải-bổ sang ngạch này, theo bảng sắp đối-hợp dưới đây, các :

1^o)—thư-ký thông-ngôn các Sở Tư-Pháp ngạch Đông-Dương.

2^o)—thư-ký lục-sự các Tòa-án đệ-nhi-cấp Bắc-Việt và các Tòa Nam-án Trung-Việt.

NGẠCH CŨ			NGẠCH MỚI
THƯ-KÝ THÔNG-NGÔN	THƯ-KÝ LỤC-SỰ BẮC-VIỆT	THƯ-KÝ LỤC-SỰ TRUNG-VIỆT	THƯ-KÝ TÒA-ÁN
Thượng-hạng ngoại-hạng	Thượng-hạng ngoại-hạng	Lục-sự trưởng	Thượng-hạng ngoại-hạng
Thượng-hạng hạng 1	Thượng-hạng hạng 1	Lục-sự thượng hạng 1	
		Lục-sự thượng hạng 2	
Thượng-hạng hạng 2	Thượng-hạng hạng 2	Lục-sự hạng 1	Thượng-hạng hạng 1
Thượng-hạng hạng 3	Thượng-hạng hạng 3	Lục-sự hạng 2	Thượng-hạng hạng 2
Hạng nhất	Hạng nhất	Lục-sự hạng 3	Thượng-hạng hạng 3
Hạng nhì	Hạng nhì	Thư-ký lục-sự hạng nhất	Thượng-hạng hạng 4
Hạng 3	Hạng 3	Thư-ký lục-sự hạng nhì	Hạng nhất
Hạng 4	Hạng 4	Thư-ký lục-sự hạng 3	Hạng nhì
Hạng 5	Hạng 5	Thư-ký lục-sự hạng 4	Hạng 3
Hạng 6	Hạng 6	Thư-ký lục-sự hạng 5	Hạng 4
Tập sự	Tập sự	Tập sự	Hạng 5 hay tập-sự

Các công-chức cải bổ sang ngạch mới được giữ trọn thâm niên ở ngạch cũ.

B)- 1.— Các thư-ký thuộc các ngạch chung và Địa-phương kể sau đây : Cao-Ủy Pháp, Tòa sứ Bắc-Việt và Trung-Việt, Tòa tư Cao-Miên, Tòa sứ Lào, Thương-chánh, Ngân-khố, Thư-ký Nam-Việt, Thư-ký các Sở Địa-phương Saigon-Chợlớn, Thừa phái Trung-Việt, hiện tòng-sự tại Bộ Tư-pháp hay ở các Tòa án, có thể theo đơn xin, được cải bổ sang ngạch thư-ký tòa-án đúng theo bảng sắp đối hợp nói trên.

2.— Cũng có thể, theo đơn xin, được bổ vào ngạch thư-ký tòa-án, các thư-ký công nhứt hay khế-ước, có bằng Cao-đẳng tiểu học, tốt nghiệp lớp Pháp-lý hay lớp Huấn-luyện công-chức mở tại Huế năm 1947 và 1948, hiện tòng sự tại Bộ Tư-pháp hay ở các tòa án và lãnh lương đồng hóa với một thư-ký tập-sự.

Các đương-sự sẽ được bổ vào trật thư-ký tòa-án tập-sự (chỉ số lương 220).

Những người đã có ít nhất 4 năm công vụ tương đương có thể được thực thụ ngay vào trật thư-ký tòa-án hạng 4 (chỉ số lương 240).

C) — Những công-chức thuộc các ngạch kể dưới đây, hiện tòng sự tại Bộ Tư-pháp hay ở các Tòa-án :

- Thông-sự Bắc-Việt,
- Thư-ký đánh máy thực thụ,
- Họa-viên và trắc-lượng-viên,

có thể, theo đơn xin, được cải bổ sang ngạch thư-ký tòa-án, nếu có đủ các điều kiện sau đây :

1. — Có bằng Cao-đẳng Tiểu-học hay một cấp bằng tương đương,

2. — Có đảm-nhiệm trong một thời-gian, ít lắm là 2 năm, chức vụ thư-ký tòa-án,

3. — Được các cấp chỉ-huy đề-nghị có lý do.

Đơn xin nhập ngạch thư-ký tòa-án phải gửi đến Bộ Tư-pháp trong thời hạn một tháng kể từ ngày Công-báo Việt-Nam đăng nghị-định này đến các Tòa Thị-chính và Tỉnh-Trưởng.

Điều thứ 8. — Một Ủy-ban đặc-biệt, gồm có :

- Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp hay Đại-diện. Chủ-tịch
- Giám-đốc Nha Tổng hành chánh tại

Bộ Tư-pháp. Hội viên

— Đại-Diện Bộ Nội-vụ — nt —

— Đại-Diện Bộ Tài-chánh. — nt —

sẽ phụ trách việc xét đơn xin cải ngạch nói ở đoạn trên và đề nghị việc xếp các đương-sự vào ngạch thư-ký tòa-án theo điều 103 của quy-chế chung.

Điều thứ 9. — Những thư-ký tuyền theo khế-ước hay công-nhật đang tại chức có đủ điều kiện về cấp bằng nếu dự kỳ thi nhập ngạch nói ở điều thứ 6 sẽ được hưởng một số điểm tăng phụ là 1/20 tổng số tối-đa cho mỗi năm đã làm việc trong chánh-phủ Việt-Nam song không được quá 1/8 tổng-số điểm ấy.

Nếu đã làm việc được ba năm, họ sẽ được miễn điều-kiện về văn-bằng và được hưởng tăng điểm như trên.

Điều thứ 10. — Chương-ly, Giám-Đốc các Sở Tư-pháp Nam-Việt, Trung-Việt, Bắc-Việt và Đồng-ly Văn-phòng Bộ Tư-Pháp chiếu nhiệm vụ thi hành nghị-định này.

Saigon, ngày 11 tháng 8 năm 1954

BỘ-TRƯỞNG TƯ-PHÁP

BÙI-VĂN-THINH

PHẦN THỨ HAI

**QUY CHẾ CÁC NGHỀ LIÊN
QUAN ĐẾN TƯ PHÁP**

Dụ số 25 ngày 5-12-52 thiết lập các luật-sư đoàn quốc-gia

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG,

Chiều Dụ số 1 ngày 1-7-49 tổ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền;

Chiều Dụ số 2 ngày 1-7-49 tổ-chức quy-chế các công-sở;

Chiều sắc-lệnh số 49-CP ngày 6-6-52 được bổ-lúc do sắc-lệnh số 51, 52 và 55-CP ngày 23 và 25 tháng 6 năm 1952, ấn-định thành-phần Chính-phủ;

Chiều Dụ số 4 ngày 18-10-49 tổ-chức Tư-pháp quốc-gia;

Chiều Dụ số 5 ngày 18-10-49 thiết lập Tối-cao pháp-viện;

Chiều sắc-lệnh số 26-TP ngày 19-9-49 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp;

Chiều toàn-thê các luật-lệ hiện hành trước các tòa-án quốc-gia ở Bắc, Trung và Nam-Việt;

Chiều Phụ-ước III của Hiệp-định ngày 30-12-49;

Theo đề ughị của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp;

Sau khi hội-đồng Tổng-trưởng thảo-luận,

ĐỰ:

THIÊN THỨ NHẤT

Điều thứ nhất.— Nay thiết lập hai luật sư đoàn, một thuộc Tòa Thượng-thẩm quốc-gia Sài-gòn, một thuộc Tòa Thượng-thẩm quốc-gia Hà-nội. Quân-hạt riêng của mỗi luật-sư đoàn quốc-gia Hà-nội và Sài-gòn gồm thêm các tỉnh ở Trung-Việt phân chia như sau:

Quân-hạt luật-sư đoàn thuộc Tòa Thượng-thẩm quốc-gia Hà-nội gồm cả những tỉnh ở Trung-Việt từ Thanh-hóa trở vào Quảng-nam và kể cả tỉnh này;

Quân-hạt luật-sư đoàn thuộc Tòa Thượng-thẩm quốc-gia Sài-gòn gồm cả những tỉnh từ phía nam Quảng-nam trở vào.

Các luật-sư đã ghi tên vào luật-sư đoàn được thi-hành chức-vụ của mình theo đúng như luật-lệ, ở trước Tối-cao pháp-viện và Tòa-án hành-chính cũng như ở trước các Tòa-án quốc-gia trong quản-hạt với luận-sư đoàn. Trong trường hợp đặc-biệt luật-sư có thể được thi hành chức vụ trước một tòa-án thuộc quản-hạt luật-sư đoàn khác, trong một vụ án nhất định, nếu được phép của Chánh-nhất Tòa Thượng-thẩm quốc-gia nơi mà Tòa án ấy tùy thuộc.

Chỉ riêng có luật-sư mới có tư-cách đề biện-hộ và thay mặt đương-sự trong tất cả những việc dân-sự, thương-sự và hành-chính cùng biện-hộ và phụ-trợ đương-sự trong tất cả những việc hình sự. Luật-sư lại có quyền làm và ký, nếu có mọi giấy tờ cần thiết cho việc thi hành án-văn và phán quyết của Tòa-án.

Luật-sư lại có thể dự-kiến cùng với thân chủ, hay thay mặt họ nếu cần, trong những phương-pháp thẩm-cứu mà luật đã dự-liệu hay án-văn hoặc án-lệnh đã tuyên-định.

Tuy nhiên, các đương-sự đều có thể biện-hộ và xuất-diện hoặc cho mình hoặc thay cho các đồng thừa-kế, đồng hội-viên hay đồng bọn. Đương-sự lại có thể nhờ thân thuộc hay thích thuộc trong hàng tôn-thuộc, ti-thuộc, trực-hệ hay bàng-hệ tới trọn bậc thứ ba, đứng biện-hộ và thay mặt cho mình. Chồng có thể biện-hộ và thay mặt cho vợ, người giám-hộ và quản-tài có thể biện-hộ và thay mặt người mình cai-quản.

Các luật-sư đã ghi tên hợp lệ vào luật-sư đoàn thiết-lập tại các Tòa Thượng-thẩm quốc-gia có thể biện-hộ hay thay mặt đương-sự, về mọi việc, và trong một vụ-án nhất-định, trước các Tòa-án quốc-gia, nếu được phép của Chánh-nhất Tòa Thượng-thẩm quốc-gia trong quản-hạt mà luật-sư được ủy-nhiệm để thi-hành chức-vụ của mình.

Các luật-sư đã ghi tên hợp lệ vào luật-sư đoàn thuộc các Tòa Thượng-thẩm hỗn-hợp có thể biện hộ hay thay mặt đương sự về mọi việc và trong một vụ-án nhất định trước các Tòa-án quốc-gia, nếu được phép của Chánh-nhất Tòa Thượng-thẩm quốc-gia trong quản-hạt mà luật-sư được ủy-nhiệm để thi-

hành chức-vụ của mình. Luật-sư có thể biện-hộ bằng tiếng Pháp; nhưng phải phiên-dịch tức thời ra tiếng Việt.

Điều thứ 2.— Ở Việt-Nam chỉ có quyền mang danh-vị luật-sư, luật-sư nào ghi tên hợp lệ vào danh biểu luật-sư hay danh sách tập sự trong luật-sư đoàn tại các Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn và Hà-nội. Sau danh-vị luật-sư, luật-sư ấy phải ghi tên luật-sư đoàn mà họ thống-thuộc.

Điều thứ 3.— Có thể được ghi vào danh biểu luật-sư đoàn thuộc các Tòa Thượng-thẩm quốc-gia Sài-gòn và Hà-nội với tư cách luật-sư, những người có các điều-kiện sau đây, không phân biệt nam-nữ:

1) Có quốc tịch Việt-Nam.

2) Có bằng luật-khoa cử-nhân hay bằng tốt nghiệp do các trường Pháp-chính hay Cao-học Đông-dương ở Hà-nội cấp ;

3) Đã thực-sự làm luật-sư tập-sự ở Việt-Nam ít nhất trong 3 năm tập-sự có thể hoặc ở các chưởng-lý-cuộc hay biện-lý-cuộc hoặc ở văn-phòng một luật-sư thực-thụ.

4) Chứng-minh hạnh-kiêm tốt.

5) Đã trúng tuyển-kỳ thi mãn hạn tập-sự.

Được miễn trừ các điều-kiện thứ 3 và thứ 5 :

a)- Các thẩm-phán có bằng luật-khoa cử-nhân hay tốt-nghiệp các trường Pháp-chính hay Cao-học Đông-dương ở Hà-nội, đã hành sử trong 3 năm những chức-vụ tư-pháp dự-liệu ở các sắc lệnh số 10-SG ngày 8 tháng 2 năm 1949 và số 10-TP ngày 1 tháng 2 năm 1950 và các bản văn tiếp theo ;

b)- các quan-lại có bằng luật-khoa cử-nhân hay tốt-nghiệp các trường kể ở trên, đã hành-sử, cũng trong thời-gian 3 năm những chức-vụ chánh-án tòa-án đệ-nhi cấp cũ ở Bắc-Việt và Trung-Việt.

Thời gian làm việc trong các chức-vụ kể ở trên, được tính trừ vào thời-hạn buộc tập-sự.

Những luật-sư trước đã ghi tên vào luật-sư đoàn tại Pháp, tại các Tòa Thượng-thẩm Pháp cũ ở Sài-Gòn và Hà-nội, và

những luật-sư đã ghi tên vào luật-sư đoàn tại các Tòa Thượng thẩm hỗn-hợp Sai-Gòn và Hà-nội có thể được ghi tên, theo lời thỉnh cầu, vào luật-sư đoàn quốc-gia ở Sai-Gòn và Hà-nội, miễn là phải đủ điều kiện về quốc-tịch dự-liệu ở đoạn thứ nhất điều này và xin rút tên ở danh-biểu luật-sư đoàn hỗn-hợp. Các luật-sư này vẫn giữ nguyên hàng thẩm-niên trong luật-sư đoàn quốc-gia.

Tuy nhiên, những luật-sư đã ghi trong các luật-sư đoàn tại Pháp cũng phải có đủ các điều-kiện ghi ở đoạn thứ 5. Đối với các luật-sư ấy, kỳ thi định ở điều thứ 21 sau đây gồm có các môn dân-luật, dân-sự tố-tụng, hình-luật, và hình-sự tố-tụng áp-dụng trước các tòa-án quốc-gia.

Những thẩm-phán từ chức thi trong hạn 3 năm sau khi việc từ-chức được chấp-nhận sẽ không được hành-sử nghề-nghiệp luật-sư thực thụ ở trong quán-hạt Tòa Thượng-thẩm mà các thẩm-phán ấy đã làm việc sau cùng.

Điều thứ 4.— Danh-biểu luật-sư đoàn được in lại vào mỗi đầu năm tư-pháp và để tại phòng lục-sự tòa Thượng-thẩm và các tòa-án trong quán-hạt.

Phải gạt tên ra ngoài danh-biểu luật-sư đoàn, luật-sư nào vì những duyên-cớ có sau này ghi tên, mà ở trong trường-hợp khai-trừ hay bất-lực đã dự-liệu trong luật.

Có thể gạt tên ra ngoài danh-biểu luật-sư đoàn :

1.—Luật-sư nào hoặc vì cớ ở xa cách tòa-án mà họ đã ghi tên, hoặc vì bệnh-hoạn hay phế-tật nặng, hoặc vì thuận-hành những hoạt-động ngoài luật-sư đoàn, mà phải bị ngăn trở không làm đầy đủ nghề-nghiệp của mình;

2.—Luật-sư nào vì đảm-nhiệm chức vụ hay phụ-trách một công việc khiến bị lệ thuộc, thành ra không thể tự-do hành-sử nghề-nghiệp của mình ;

3.—Luật-sư nào vì thiếu danh-dự nên đã làm tổn thương rõ rệt đến phẩm-giá của đoàn-thể luật-sư, ngoại trừ trường-hợp phạm lỗi hay phạm-pháp mà cách trừng trị nói trong điều 23 và 24 ;

4.— Luật-sư nào không có duyên cớ chính-dáng, mà không đóng góp phần mình vào các khoản chi-dụng của đoàn trong thời hạn đã định.

THIÊN THỨ II

Tổ-chức và quản-trị đoàn thể luật-sư

Điều thứ 5.— Đại hội-đồng luật-sư-đoàn tại mỗi luật-sư-đoàn gồm tất cả các luật-sư đã ghi tên vào danh-biểu đoàn đó.

Điều thứ 6.— Mỗi luật-sư-đoàn được quản-trị bởi một hội-đồng luật-sư mà thành phần và chức-chương được ấn-định như sau và do một đoàn-trưởng chủ tọa.

Điều thứ 7.— Hội-đồng luật-sư gồm có 3 nhân-viên thực-thụ và 2 nhân-viên dự-khuyết trong những luật-sư-đoàn mà số luật-sư ghi nhập có từ 6 đến 30 người ; gồm có 5 nhân viên thực-thụ và 5 nhân-viên dự-khuyết nếu số luật-sư có trên 30 người.

Luật-sư có thể bỏ phiếu theo lối hàm-thụ. Trong trường-hợp này, lá phiếu phải để trong bì dán kín gửi đến vị đoàn-trưởng đương-chức trước ngày ấn-định cuộc bầu phiếu.

Điều thứ 8.— Chỉ những luật-sư đã ghi tên và hành nghề ít nhất 5 năm có thể bầu làm nhân-viên hội-đồng luật-sư,

Vị đoàn-trưởng do đại-hội-đồng luật-sư bầu lên theo cách bầu-cử kín, với đa-số tuyệt-đối số phiếu của các hội-viên hiện diện hay bỏ phiếu theo hàm-thụ như thể-thức đã nói trên, chỉ chọn trong các hàng luật-sư đã ghi tên vào danh-biểu luật-sư ít nhất được 6 năm.

Trong lúc giao-thời, khi không có luật-sư có đủ các điều-kiện dự-liệu ở đoạn thứ nhất và thứ 2 trên đây, thì những luật-sư đã ghi tên vào danh-biểu luật-sư đoàn ít nhất được một năm mới có thể được bầu làm nhân-viên hội-đồng luật-sư, và ít nhất được 2 năm mới có thể được bầu làm đoàn-trưởng.

Việc bầu-cử đoàn-trưởng làm trước khi bầu-cử các nhân-viên hội-đồng.

Điều thứ 9.— Cuộc tổng bầu-cử mỗi năm ở vào thời-kỳ và ngày giờ do nội-quy của luật-sư đoàn ấn-định. Cuộc bầu-cử từng phần được tổ-chức trong 2 tháng kể từ ngày có duyên-cớ xét cần phải bầu-cử. Tuy nhiên, duyên cớ ấy xảy ra giữa kỳ hưu-thăm, hay là 2 tháng trước kỳ hưu-thăm, thì cuộc bầu-cử sẽ tổ-chức vào sau ngày khai-thăm.

Điều thứ 10.— Các luật-sư ghi tên vào danh-biểu có thể đưa việc bầu-cử ra trước Tòa Thượng-thẩm trong hạn 5 ngày kể từ ngày bầu-cử. Chủơng-lý Tòa Thượng-thẩm quốc-gia cũng có quyền ấy trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp được lục - tổng biên-bản bầu-cử do đoàn-trưởng luật-sư đoàn tổng-đạt.

Điều thứ 11.— Trong những luật-sư đoàn mà số luật-sư ghi tên ở danh-biểu có dưới 6 người, chức-vụ hội-đồng luật-sư sẽ do Chánh-án Tòa Sơ-thẩm quốc-gia Hà-nội hay Sài-gòn đảm-nhiệm, phụ-trợ có hai thẩm-phán xử án trong tòa ấy, do Chánh nhất cử.

Điều thứ 12.— Chức chủơng của hội-đồng luật-sư là :

1- Định đoạt về sự ghi-nhận vào danh-biểu luật-sư đoàn và sự gạt tên ra ngoài danh-biểu hoặc chiếu luật hoặc do lời yêu-cầu của Chủơng-lý Tòa thượng-thẩm quốc-gia, về sự cho gia-nhập vào tập-sự những người có bằng luật-khoa cử-nhân hay tốt-nghiệp các trường pháp-chính và cao-học Đông-Dương đã tuyên-thệ trước Tòa Thượng-thẩm, về sự ghi tên vào danh-biểu luật-sư những luật-sư tập-sự đã mãn hạn tập-sự và trúng tuyển kỳ thi mãn hạn tập-sự, cùng là định-đoạt về việc ghi-nhận và về ngôi thứ những luật-sư trước đã ghi tên vào danh-biểu luật-sư rồi bỏ không hành-nghề, nay lại xin vào nhận chức cũ.

2.) Duy-tri những nguyên-tắc chính-trực, vô-tư, ôn-hòa, và tinh đồng-nghiệp đã làm nền-tảng cho đoàn-thể luật-sư, cùng thi-hành việc giám-sát mỗi khi mà danh-dự và quyền-lợi của đoàn-thể luật-sư xét thấy cần-thiết ;

3.) Lưu ý đến việc các luật-sư phải dự đều các phiên tòa xử-sự như những người phụ-tá chân-thành của công-lý;

4.) Giải-quyết mọi vấn-đề liên-can đến việc hành nghề, việc bảo-vệ quyền-lợi luật-sư, và việc tuân theo triệ-đề nghĩa-vụ luật-sư;

5.) Quản-lý các tài-sản của đoàn-thề luật-sư, quản-trị và sử-dụng những tài-nguyên của đoàn-thề, trợ giúp các đoàn-viên, quả-phụ hay cô-nhi của họ, hoặc bằng cách trợ-cấp trực-tiếp, hoặc bằng cách thiết-lập một quỹ hưu-bổng ;

6.) Cho phép đoàn-trưởng luật-sư đoàn đứng kiện hay theo kiện, thu nhận các tặng-vật và di-sản tặng cho đoàn-thề luật-sư, điều đình hay hòa-giải, thừa-nhận các việc chuyển-dịch hay đề-đương và giao-ước mọi việc vay mượn.

Bất cứ bàn-định nào ra ngoài chức-chưởng của hội-đồng luật-sư hay trái với pháp-luật đều bị Tòa Thượng-thẩm hủy bỏ, theo sự truy-tổ của Chương-lý quốc-gia.

Điều thứ 13.— Hội-đồng luật-sư định-đoạt về đơn xin ghi tên vào danh-biểu luật-sư đoàn trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày nhận được đơn đó.

Quyết-định của hội-đồng luật-sư về việc ghi-nhận vào danh-biểu luật-sư đoàn sẽ được lục-tổng trong hạn 5 ngày cho đương-sự và Chương-lý Tòa Thượng-thẩm quốc-gia. Trong hạn 3 tháng kể từ ngày lục-tổng, Chương-lý Tòa Thượng-thẩm quốc-gia có thể đưa quyết định ấy ra trước Tòa Thượng-thẩm, nếu xét người thỉnh-nguyện không có đủ các điều kiện hợp pháp về quốc-tịch, về năng-lực và về cơ-sở, hay ở một trong những trường-hợp bất khả kiêm-nhiệm dự liệu ở điều thứ 36.

Nếu quyết-định không được lục-tổng trong tháng tiếp theo thời-hạn đã mãn mà hội-đồng luật-sư phải diên-ký định-đoạt đương-sự có thể coi đơn xin như bị bác và có thể xin Tòa Thượng-thẩm xét lại trong thời-hạn định ở đoạn trên.

Quyết-định từ-khước việc ghi tên cũng là quyết-định gạt tên ra ngoài danh-biểu hay từ-khước việc xin gạt tên ra ngoài danh-biểu, được lục-tổng trong hạn 5 ngày cho đương-sự và Chương-lý Tòa Thượng-thẩm quốc-gia, hai người này đều có

thẻ xin giao quyết-nghị ấy ra Tòa Thượng-thẩm trong thời-hạn định ở đoạn thứ 2.

Ngoài việc xét xem người thỉnh-nguyên có đủ các điều-kiện hợp-pháp hay không, Tòa Thượng-thẩm còn xem tình-cảnh người ấy có làm trở-ngại đến việc hành-sử đầy đủ và tự do nghề-nghiệp không, và lại xem về phương-diện phẩm-hạnh và danh-dự người ấy có những bảo-đảm đầy đủ đối với phẩm giá của đoàn-thẻ luật-sư không, hay họ có thuộc vào trường-hợp gạt tên ra ngoài danh-biểu do điều thứ 4 Dự này dự-liệu không.

Tòa Thượng-thẩm định-doạt về các trường-hợp kể trên theo cách thức định ở điều thứ 31.

Khi từ khước việc ghi tên, nếu quyết-định của hội-đồng luật-sư của Tòa Thượng-thẩm hoàn toàn căn-cứ vào sự nhận-định về hạnh-kiểm và danh-dự của người thỉnh-nguyên thì quyết-định này không phải viện-dẫn lý-do.

Không khi nào được quyết-định gạt tên một luật-sư ra ngoài danh-biểu, nếu vị luật-sư đó không được đến trình bày về việc này hay được mời đến trong hạn 1 tháng. Nếu quyết-định đó là khuyết-tịch, luật-sư có thể chỉ làm một tờ khai nộp ở văn-phòng đoàn-thẻ luật-sư rồi lấy biên-lai, để xin kháng lại quyết-định ấy trong hạn 15 ngày kể từ ngày được đích thấy lục-tổng. Nếu không được đích thấy lục-tổng thì sự kháng lại quyết-nghị được chấp nhận trong hạn 3 tháng kể từ ngày lục tổng tại nhà.

Điều thứ 14.— Đoàn trưởng thay mặt đoàn-thẻ luật-sư trong mọi hành-vi về dân-sự.

Đoàn trưởng có thể ủy tất cả hay một phần chức-chương của mình cho một hay nhiều nhân-viên hội-đồng luật-sư.

Điều thứ 15.— Đại hội-đồng ít nhất mỗi năm họp một lần dưới quyền chủ tọa của đoàn trưởng hay một nhân - viên hội-đồng luật-sư, hoặc nếu vắng, thì dưới quyền một luật-sư thăm-niên nhất trong danh-biểu hiện có mặt.

Đại-hội-dồng chỉ có quyền xét những vấn-đề hoặc do hội-dồng luật-sư đưa ra, hoặc do một nhân-viên trong luật-sư đoàn đưa ra ; miễn là người này đã báo 15 ngày trước cho hội-dồng luật-sư biết.

Những nguyện vọng đã phát-biểu sẽ được chuyển tới hội-dồng luật-sư có ghi luôn cả số phiếu đã tán-thành những nguyện vọng ấy.

Hội-dồng luật-sư sẽ thảo-luận về các nguyện-vọng ấy trong hạn 3 tháng không kể kỳ hưu-thăm. Nếu có bác bỏ, hội-dồng luật-sư phải viện-dẫn lý-do.

Quyết-định của hội-dồng luật-sư được công bố trong phiên đại hội đồng kỳ tới. Quyết định ấy được ghi vào một quyển sổ riêng để cho các luật-sư có tên trong danh-biểu tùy nghi xem xét.

THIÊN THỨ III

Tập sự

Điều thứ 16.— Người nào xin ghi tên vào bản tập-sự trong một luật-sư đoàn, phải nộp cho hội-dồng luật-sư bằng luật-khoa cử-nhân hay bằng tốt-nghiệp do trường Pháp-chính hay cao-học Đông-Dương cấp và những giấy tờ chứng minh tư cách công-dân Việt-Nam, giấy hộ-tịch cùng là bản tư-pháp lý-lịch.

« Hội-dồng luật-sư sẽ điều tra về hạnh-kiểm người thỉnh nguyện.

Điều thứ 17.— Trước khi được nhận vào tập sự, do đoàn trưởng luật-sư đoàn giới thiệu, các người thỉnh-nguyện phải tuyên-thệ trước Tòa Thượng-thẩm như sau :

« Tôi thề, với tư-cách biện hộ hay cố vấn, không nói hay công bố điều gì trái với pháp-luật, trái với thề-lệ, trái với thuần phong mỹ-tục, trái với sự an toàn quốc-gia và an ninh công-cộng và không bao giờ xử sự thiếu tôn kính đối với tòa án và các nhà cầm quyền ».

Điều thứ 18.— Hội-dồng luật-sư sẽ quyết định trong hạn 2 tháng về sự gia nhập tập-sự, kể từ ngày nhận được đơn xin.

Các điều-khoản ở đoạn thứ hai điều thứ 13 đều đem áp-dụng trong việc quyết định cho gia-nhập tập-sự các điều-khoản ở đoạn thứ 3, 4 và 5 cùng điều đó đều đem áp dụng trong việc từ khước không cho gia nhập tập sự.

Điều thứ 19.— Các luật-sư tập sự đều phải ghi tên vào một danh sách tập sự, theo ngày tháng gia-nhập luật-sư đoàn.

Điều thứ 20.— Trong thời kỳ tập-sự cần phải :

1.— Chuyên cần trong các công việc tập sự do nội-qui của mỗi luật-sư đoàn ấn định ;

2.— Học tập các thể lệ, tập-truyền và quán-lệ của nghề biện hộ và nhất là sự tôn trọng đối với tòa-án và sự kính-nể thích-dáng đối với các thẩm-phán ;

3.— Tham-dự vào các buổi diễn-thuyết về tập-sự, nếu có, tại các luật-sư đoàn ;

4.— Thường đến dự các phiên tòa ;

5.— Làm việc chuyên cần trong hạn 3 năm tại Việt-Nam trong một văn phòng luật-sư, hoặc tại chưởng-lý cuộc hay biện lý cuộc : hội-đồng luật-sư phải thi-hành những phương-tiện cần thiết để cho sự thừa-hành các điều-khoản này được dễ dàng.

Mỗi luật-sư có thể nhận vào văn phòng mình một số luật-sư tập sự để họ theo đuổi việc tập-sự của họ. Số luật-sư tập-sự này sẽ do hội đồng luật-sư ấn định.

Người có bằng cử-nhân luật-khoa hay người tốt nghiệp trường pháp-chính hay trường cao-học Đông-dương được nhận vào tập-sự chỉ được dùng danh vị «luật-sư» theo sau phải có các chữ «tập sự». Người ấy được mặc y-phục luật-sư, và phải tuân theo các kỷ-luật như 1 luật-sư đã ghi tên vào danh-biểu.

Người ấy chỉ có thể biện hộ thay thế cho vị luật sư mà người ấy hiện làm thư ký mà thôi, trừ khi người ấy được đoàn-trưởng luật-sư đoàn hay chánh-án một tòa-án quốc-gia ủy-nhiệm biện-hộ.

Điều thứ 21.— Khi mãn hạn tập-sự, luật-sư tập-sự sẽ phải trải qua một kỳ thi, trước một hội-đồng do Tổng-trưởng

Bộ Tư-pháp chỉ định vào đầu mỗi năm. Chỉ những thí sinh nào trúng tuyển kỳ thi ấy mới có thể ghi tên vào danh-biểu luật-sư.

Hội-đồng khảo-thí sẽ gồm có :

1.— Chánh-nhất Tòa Thượng-thẩm quốc-gia quản-hạt, chủ-tịch.

2.— Một thẩm-phán thuộc quản-hạt Tòa Thượng-thẩm ;

3.— Một luật-sư do đoàn-trưởng cử ra ;

4. — Một đại-diện sở trước-bạ ít nhất là ngang hàng thanh-tra.

Trong trường hợp hai bên đồng số phiếu thì phiếu của vị chủ-tịch có quyền tài quyết.

Kỳ thi gồm có một bài thi viết và một bài vấn đáp.

Bài thi viết nói về việc biên thảo các kết luận và biện minh thư, sau khi nghiên-cứu một hồ-sơ.

Bài vấn đáp gồm có một câu hỏi về các thể lệ về chức nghiệp, quản-lệ và tập truyền của luật-sư đoàn, một bài trần thuyết đưa ra giải về một vụ án mà các thí sinh sẽ được nghiên cứu hồ sơ trong một thời hạn do hội đồng ấn định, và một câu hỏi chung về các kiến-thức pháp-lý cần thiết cho nghề luật-sư. Bài vấn đáp sẽ thi công khai.

Hội-đồng khảo thí sẽ nhóm họp theo triệu tập của vị Chủ-tịch ở Hà-nội cũng như ở Sài-gòn, ít nhất mỗi năm một lần vào tháng tiếp theo kỳ khai thẩm hàng năm các tòa-án.

Thí sinh tập sự nào kém điểm về bất kỳ bài thi nào thì sẽ bị hoãn lại và một năm sau mới có thể ứng thi lại. Không một thí sinh nào có thể ứng thi quá ba lần.

Thí sinh trúng tuyển kỳ thi mãn hạn tập sự sẽ được Chánh-nhất Tòa Thượng-thẩm quốc-gia cấp cho một giấy chứng nhận.

Giấy chứng nhận mãn hạn tập sự do đoàn trưởng luật-sư đoàn cấp cho sẽ xác nhận năng lực và tánh hạnh của luật-sư tập-sự.

Nếu vị đoàn-trưởng nhận thấy rằng luật-sư tập-sự trúng tuyển không làm đầy đủ các trách vụ ấn định ở điều thứ 20, thì vị ấy có thể gia thêm thời kỳ tập sự đến hai lần, mỗi lần 1 năm, sau khi đã nghe luật-sư tập sự nầy phản trần.

Sau khi mãn hạn các kỳ triển hoãn nầy, dù gặp trường hợp nào cũng vậy phải định đoạt hẳn về 2 điều : hoặc nên cấp phát cho luật sư tập sự giấy chứng nhận nói trên, hoặc từ chối không cấp phát.

Sự từ chối không cấp giấy chứng nhận chỉ do hội-đồng luật-sư mới có quyền phán-định trong 1 quyết-định có nói rõ lý-do.

Việc phán-định này cũng có thể xin giao sang cho tòa Thượng-Thẩm đảm-nhận, theo các điều kiện ở điều thứ 18.

Điều thứ 22 — Việc tập-sự có thể thực hành hoặc tại trường-lý-cuộc, hay biện-lý-cuộc hoặc tại một phòng văn luật sư, song le không được gián đoạn quá 3 tháng trừ trường-hợp bị gọi tòng quân hay bị binh-gia trưng tập.

THIÊN THỨ IV

Kỷ-luật

Điều thứ 23. — Hội-đồng luật-sư họp thành hội-đồng kỷ-luật để truy tố và trừng phạt các khoản vi-phạm và các lỗi lầm của các luật-sư đã ghi tên vào danh biểu hay đã ghi tên vào danh sách tập-sự.

Hội đồng ấy hoặc tự mình, hoặc theo lời yêu cầu của Chương-lý quốc-gia, hoặc theo các sự kêu nại đã gửi đến cho mình mà hành động.

Nếu cần, hội đồng sẽ áp dụng các khoản trừng phạt về kỷ-luật sau đây :

Điều thứ 24. — Các khoản trừng-phạt về kỷ-luật là :

- Cảnh-cáo ;
- Quở phạt ;

— Cấm chỉ tạm thời hành-sử chức-vụ, thời-hạn cấm này không quá 1 năm ;

— Gạch tên trong danh biểu luật-sư thực-thụ hay trong danh sách luật-sư tập-sự.

Các khoản trừng phạt như cảnh-cáo, quở-phạt và cấm-chỉ hành-sử tạm thời chức vụ còn có thể làm cho đương-sự bị bác đoạt quyền tham-dự vào hội đồng luật-sư trong một thời hạn không quá 10 năm, và việc bác đoạt này phải ghi luôn vào quyết định trừng phạt kỷ-luật nói trên.

Luật-sư nào bị gạch tên thì không có thể xin ghi tên vào bất cứ danh biểu hay một danh sách tập-sự của một tòa án nào khác nữa cả.

Cấm hẳn các luật-sư không được :

1. — Trực-tiếp hay gián-tiếp đứng ra đấu giá các động-sản hay bất động-sản mà họ phụ trách thi hành việc phát mãi, và đứng ra chiếm-hữu các quyền về thừa kế hay đang tranh tụng ;

2. — Ký kết với các đương-sự những hợp đồng không chắc chắn hay hợp đồng khác phụ thuộc vào một vụ kiện ;

3. — Kết hợp với nhau mà khai thác hai hay nhiều văn-phòng riêng biệt hoặc cho mượn tên của họ để làm những hành-vi thay mặt đương-sự một cách bất chính ;

4. — Yêu sách tiền công đương-sự trong những vụ mà họ được ủy-nhiệm biện-hộ không công ;

5. — Dùng người trung gian có ăn lương hay người có liên-can để giao dịch giữa họ với các người thuộc quyền xét xử của tòa, và để lôi kéo khách hàng bằng cách nhờ người trung-gian, người dẫn mối, hay bằng đường báo-chí.

Vi-phạm vào các điều-khoản trên đây có thể bị phạt gạch tên trong danh-biểu.

Điều thứ 25. — Không thể phán-định một khoản trừng phạt kỷ-luật nào, nếu luật-sư bị-can chưa được phân trần hay chưa được gọi đến trong hạn 1 tháng.

Điều thứ 26. — Bất cứ quyết-định gì của hội-đồng kỷ-luật đều do vị đoàn-trưởng tổng-đạt cho luật-sư có liên-can, trong hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết-định.

Các quyết-định của hội đồng kỷ-luật nói về cấm chỉ tạm-thời hay nói về việc gạch tên trong danh biểu đều gửi đến Chương-lý quốc-gia trong hạn 3 ngày để vị này đốc-suất và trông nom sự thi hành các quyết định ấy.

Những điều khiếu nại về các việc thuộc về kỷ-luật, do Chương-lý quốc-gia chuyển giao sang hội-đồng luật-sư, phải được hội-đồng này hồi âm cho Chương-lý trong hạn 8 ngày. Nếu trong hạn 3 tháng về trường-hợp luật-sư có liên can có mặt tại Việt-nam, hay trong hạn 6 tháng về trường hợp luật-sư ấy vắng mặt, mà không thấy hội đồng kỷ-luật phán định thế nào cả, thì Chương-lý, nếu xét là cần, có thể đưa thẳng ra trước Tòa Thượng-thẩm quốc-gia có quyền quản-hạt; tòa này sẽ dùng quyền di-thẩm và sẽ xét xử về nội-tình, theo như cách thức ấn-định ở điều thứ 31.

Cũng sẽ theo thể thức như trên đây mà áp dụng; mỗi khi Chương-lý quốc-gia, vì hay tin có sự kêu nại trước hội đồng luật-sư về các việc thuộc về kỷ-luật, nên đã báo thị cho hội đồng luật-sư biết về việc kêu nại đó, mà không thấy hội-đồng phán định thế nào cả trong thời hạn như trên kể từ ngày báo-thị, mà hội-đồng phải hồi âm cho Chương-lý trong hạn 8 ngày.

Điều thứ 27. — Chương-lý quốc-gia nếu xét ra cần, có thể yêu cầu gửi đến cho mình bản toàn sao các quyết-định cảnh cáo hay quở-phạt.

Chương-lý cũng có thể yêu cầu gửi đến cho mình bản toàn sao các quyết-định của hội-đồng kỷ-luật đã tha bổng luật-sư bị-can.

Điều thứ 28. — Nếu quyết-định trừng phạt kỷ-luật là khuyết tịch, luật-sư bị phạt có thể kháng quyết-định khuyết-tịch trong hạn 15 ngày kể từ ngày quyết-định tổng-đạt đến đích thân luật-sư, và nếu quyết-định không tổng-đạt đến đích thân luật-sư được thì thời hạn kháng quyết-định sẽ là 3 tháng kể từ ngày tổng-đạt đến nhà ở.

Có thể xin kháng bằng cách khai ra giấy tờ hay khai miệng tại văn-phòng đoàn-thể luật-sư rồi lấy biên nhận làm bằng.

Điều thứ 29.— Trong trường hợp mà quyết định, ngoài sự cảnh-cáo hay sự quở phạt, còn tước mất quyền của luật-sư bị can được tham-dự vào hội-đồng luật-sư, và trong các trường-hợp cấm chỉ tạm thời hay gạch tên, luật-sư bị phạt có thể kháng cáo trước Tòa Thượng-thẩm quốc-gia quản-bạt.

Bất câu trường hợp nào, Chương-ly quốc-gia vẫn có quyền kháng-cáo các quyết-định của hội-đồng kỷ-luật.

Điều thứ 30.— Việc kháng-cáo, dù của Chương-ly quốc-gia hay của luật-sư bị phạt, chỉ có thể được chuẩn-chấp nếu đã kháng-cáo trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày tiếp được quyết định do đoàn trưởng tổng-đặt đến cho mình. Tuy nhiên, trong trường hợp quyết-định khuyết-tịch, thời hạn kháng-cáo nói trên chỉ tính kể từ ngày mãn hạn xin kháng khuyết-tịch.

Điều thứ 31.— Các Tòa Thượng-thẩm quốc-gia nhóm họp đại-hội-đồng tại phòng nghị-án để xét xử về việc kháng-cáo.

Điều thứ 32. Trong khi biện-hộ hay trong các giấy tờ, luật-sư nào không làm tròn nhiệm-vụ về nghề-nghiệp qui-định ở điều thứ 17 thì tòa-án nào thụ-lý việc ấy sẽ chiêu lời kết-luận của công-tố-viện mà xử phạt ngay luật-sư đó.

Các vi-phạm vi luật-sư đã tiết-lộ sự bí-mật của công-việc thẩm cứu, như là việc tương-thông cho người khác biết những tin-tức trích ở trong hồ-sơ ra, hay là công-bố các tài-liệu, văn-kiện hay thư từ liên-can đến công-việc điều-tra đang tiến-hành, thì sẽ bị trừng-phạt theo các điều-kiện dự-liệu ở các điều thứ 23 đến 31 Dự này.

Những khoản tuyền phạt sẽ là những khoản trừng-phạt kể ở điều thứ 24.

Điều thứ 33.— Các điều-khoản trên này không thay đổi quyền của các tòa-án trừng-phạt những lỗi-lầm của luật-sư tại phiên-tòa.

Điều thứ 34.— Việc xử-dụng quyền trừng-phạt về kỷ-luật vẫn không làm trở ngại đến quyền của công-tổ-viện hay của dân-sự nguyên-cáo khi cho rằng có lý-do chính-dáng để truy-tố một luật-sư trước tòa-án để xin trừng-phạt các hành-vi phạm pháp về tiểu-hình hay đại-hình của luật-sư đó.

THIÊN THỨ V

Điều-khoản tổng-quát

Điều thứ 35.— Luật-sư nào đã được đoàn-trưởng hay chánh-án một tòa-án đề-cử hợp-lệ để biện-hộ thì không thể từ-chối trách vụ của mình, nếu không được đoàn-trưởng hay chánh-án chấp-nhận các lý-do từ-chối hay các duyên-cớ ngăn trở việc thi-hành trách-vụ ấy. Nếu không được chấp-nhận mà luật-sư vẫn khăng-khăng từ chối thì hội-đồng kỷ-luật sẽ phân định một trong các khoản phạt định ở điều thứ 24 trên đây.

Điều thứ 36.— Chức-nghiep luật-sư không thể kiêm nhiệm với tất cả các chức-vụ về tư-pháp hành-chính, trừ trường-hợp quyền nhiếp chức-vụ thẩm-phán ra.

Chức-nghiep đó cũng không thể kiêm-nhiệm với các chức-vụ công-chứng công lại, với các chức-vụ giám-đốc, quản-đốc hay hội-viên hội-đồng quản-trị các công-ty nông-nghiep kỹ-nghệ, thương-mãi, giám-đốc một tờ báo có tính-cách kinh-doanh thương-mãi, quản-lý việc xuất-bản tập-san báo-chí, với các công-việc có lấy tiền công thuê; các chức-vụ kế-toán-viên và với các chức-vụ về thương-mãi.

Luật-sư nào hoặc trực-tiếp hoặc mượn danh-nghĩa người khác để hành-sử nghề chuyên-môn chạy việc, hoặc có vợ hay chồng làm nghề ấy thì không được làm luật-sư nữa.

Luật-sư nào đã ghi tên vào một luật-sư đoàn và được trao cho một ủy-nhiệm do dân-cử thì trong suốt thời-gian được trao ủy-nhiệm đó không thể làm một hành-vi gì thuộc về chức-nghiep luật-sư trong những vụ bị đem ra truy-tố về mặt hình vi có xâm-tồn đến trữ-kim hay ngân-hàng, dầu luật-sư ấy tự

minh làm hành-vi đó hay nhờ người thư-ký hay người cộng-sự đứng trung-gian làm các hành-vi đó.

Luật-sư nào đã ghi tên vào một luật-sư đoàn và được trao cho một ủy-nhiệm do dân-cử thì trong suốt thời-gian đó không thể làm một hành-vi gì tự mình hay nhờ người thư-ký hay người cộng-sự đứng trung-gian làm, thuộc về chức-nghiep luật-sư để chống lại quốc-gia và các công-sở của quốc-gia, chống lại các tỉnh và thị-xã đã bầu luật-sư ấy lên, chống lại các công-sở của tỉnh và thị-xã ấy ấy, chống lại các làng xã thuộc các tỉnh ấy.

Các luật-sư đã ghi-tên vào một luật-sư đoàn và được trao cho một ủy-nhiệm do dân-cử có thể được đặc-cách miễn trừ các khoản cấm-chỉ trên về một vụ nhất định khi mà các luật-sư ấy được ủy-nhiệm về tư-pháp bảo-trợ.

Cấm các luật-sư đã ghi tên vào một luật-sư đoàn và nguyên là cựu công-chức của Quốc-gia, làm bất cứ một hành-vi gì thuộc về chức nghiệp luật-sư để chống lại các sở ty thống-thuộc bộ viện hay công-sở mà các công-chức ấy từng-sự trước kia.

Vi-phạm về các điều-khoản kể trong điều này thì phải chịu những khoản trừng-phạt dự-liệu ở điều thứ 24 : các trừng phạt ấy được phân-định theo các điều-kiện định ở điều thứ 23 đến 31 Dự này.

Điều thứ 37.— Hạn trong 6 tháng kể từ ngày công-bố Dự này, không kể kỳ hưu-thăm, mỗi một luật-sư đoàn phải ấn-định rõ nội-qui của mình, và gửi bản sao đến Chánh-nhất Tòa Thượng-thẩm, Chương-lý, các chánh-án và biện-lý các tòa-án, các Thẩm-phán hòa-giải rộng-quyền và đến cho mỗi luật-sư đã ghi tên vào danh-biểu hay tập sự.

Nếu xét ra cần, Chương-lý có quyền chuyển-giao các nội qui ấy sang Tòa Thượng-thẩm. Tòa này, sau khi nghe đoàn-trưởng trình bày, có thể hủy bỏ các điều khoản trong nội qui trái với pháp-luật.

Một bản sao nội-qui để tại phòng lục-sự mỗi Tòa Thượng-thẩm và để thuộc quyền những người cần xem.

Điều thứ 38.— Chức vị « luật-sư danh-dự » có thể do hội đồng luật-sư ban cấp cho những luật-sư nào đã ghi tên vào danh biểu trong thời gian 15 năm và đã xin từ chức.

Các luật-sư danh dự vẫn phải thuộc quyền kỷ-luật của hội đồng luật-sư.

Quyền lợi và bổn phận của họ được ấn định trong nội qui luật-sư đoàn.

Điều thứ 39.— Gặp trường hợp một luật-sư mệnh-một hay bị ngăn trở không hành-sử chức-nghiep được mà không có người cộng-sự thì đoàn-trưởng sẽ cử ngay một đồng nghiệp để quản trị và thanh toán các việc đang tiến hành cho các người hữu quyền.

Gặp trường hợp có sự tranh chấp hội đồng luật-sư sẽ tài định các khoản tiền công mắc thiếu của luật-sư được cử ra đó.

Điều thứ 40.— Các điều khoản từ trước trái với Dự này nay đều bãi bỏ.

Điều thứ 41.— Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp được ủy-nhiệm thi hành dự này. Dự này sẽ công bố vào công báo Việt-Nam.

Làm tại Đà-lạt ngày mồng 5 tháng chạp năm 1952
BẢO-ĐẠI

Phó thư
Thủ-tướng Chính-phủ
NGUYỄN-VĂN-TẨM

Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp
LÊ-TẤN-NĂM

**DỰ SỐ 41 NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 1954
SỬA ĐỔI DỰ SỐ 25 NGÀY 5 THÁNG 12 NĂM 1952 THIẾT
LẬP CÁC LUẬT-SƯ ĐOÀN QUỐC-GIA**

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG

Chiếu Dự số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức và đễu-hành các cơ quan công quyền ;

Chiếu Dự số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức qui-chế các công-sở

Chiếu Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ-chức tư-pháp quốc-gia.

Chiếu Dự số 5 ngày 18 tháng 10 năm 1949 thiết-lập lối-cao pháp-viện sửa đổi Dự số 5 ngày 29 tháng 3 năm 1954

Chiếu Dự số 25 ngày 5 tháng 12 năm 1952 thiết-lập các luật-sư đoàn quốc-gia ;

Chiếu Dự số 15 ngày 19 tháng 6 năm 1954 bổ nhiệm thủ-tướng Chánh-phủ ;

Chiếu Sắc lệnh số 94-CP ngày 24 tháng 9 năm 1954 ấn-định thành phần chánh phủ ;

Chiếu Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định chức chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp ;

Chiếu toàn thể các luật lệ hiện hành trước các tòa-án quốc gia ở Việt-Nam ;

Theo đề nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp ;

Sau khi Hội-đồng Tổng-Trưởng thảo-luận ;

DỰ :

Điều thứ nhất. — Thiên thứ nhất Dự số 25 ngày 5 tháng 12 năm 1952 thiết lập các luật-sư đoàn quốc-gia nay sửa đổi như sau :

« Thiên thứ nhất (mới)

« Các luật-sư đoàn — Các điều kiện tổng quát và các điều kiện đề được ghi tên vào danh-biểu luật-sư đoàn.

Điều thứ nhất (mới). — Nay thiết lập thuộc mỗi Tòa Thượng-thẩm một Luật-sư đoàn ; quân hạt Luật-sư đoàn là quân hạt tòa Thượng-thẩm.

« Các Luật-sư đã ghi tên vào luật-sư đoàn được thi-hành
« chức vụ của mình, theo đúng như luật-lệ, tại trước các tòa-án
« ở mọi ngạch trong quân hạt luật-sư đoàn.

« Trong trường hợp đặc-biệt, luật-sư có thể được thi-hành
« chức-vụ trước một tòa-án thuộc quân-hạt luật-sư đoàn khác,
« trong một vụ án nhất định, nếu được phép của Chánh-nhất Tòa
« Thượng-thẩm nơi mà tòa-án ấy tùy thuộc, khi mà vụ án đó là
« một vụ dân sự, thương sự, hay hình sự, hay được phép của
« Chánh-án Tòa-án Hành-chánh tại quân hạt, khi mà vụ án đó
« là một vụ hành-chánh, hoặc được phép của Chánh-án Tòa-án
« quân sự tại quân hạt, khi mà vụ án là một vụ quân-sự.

« Chỉ riêng có luật sư mới có tư cách để biện hộ và thay
« mặt đương-sự trong tất cả những việc dân-sự, thương-sự
« và hành-chánh cùng biện hộ và phụ trợ đương-sự trong tất cả
« những việc hình sự. Luật-sư lại có quyền làm và ký, nếu có
« mọi giấy tờ cần thiết cho việc thi hành án-văn và phán-quyết
« của tòa-án.

« Luật-sư lại có thể dự kiến cùng với thân chủ, hay thay
« mặt họ nếu cần, trong những phương-pháp thẩm-cứu mà luật
« đã dự liệu hay án-văn hoặc án-lệnh đã tuyên định.

« Tuy nhiên, các đương-sự đều có thể biện hộ và xuất diện
« hoặc cho mình hoặc cho các đồng thừa kế, đồng hội viên hay
« đồng bọn. Đương sự lại có thể nhờ thân-thuộc hay thích
« thuộc trong hàng tôn-thuộc, li-thuộc, trực-hệ hay bàng-hệ tới
« bậc thứ ba, đứng biện hộ thay mặt cho mình. Chồng có thể
« biện hộ và thay mặt cho vợ, vợ có thể biện hộ và thay mặt
« cho chồng, người giám-hộ và quản-trị có thể biện hộ và thay
« mặt người mình cai quản.

« *Điều thứ 2 (mới).* — « Chỉ có các luật-sư đã ghi tên hợp lệ
« vào danh-biểu luật-sư hay danh-sách tập-sự trong luật-sư
« đoàn tại các tòa Thượng-thẩm có quyền mang danh-vị luật-

« *sư, ở nước Việt-Nam. Sau danh vị luật-sư, các luật-sư ấy*
« *phải ghi tên luật-sư đoàn mà họ thống thuộc.*

« *Điều thứ 3 (mới).— « Có thể được ghi vào danh-biểu luật-sư*
« *đoàn thuộc các Tòa Thượng-thẩm, với tư-cách luật-sư, những*
« *người có các điều-kiện sau đây, không phân biệt nam nữ :*

« 1) Là người Việt-Nam;

« 2) Có bằng luật-khoa cử-nhân hay luật khoa tiến-sĩ
« các bằng cấp tương đương bất khả chấp;

« 3) Đã thực sự làm luật-sư tập sự ở Việt-Nam ít nhất
« trong 3 năm, tập sự có thể hoặc ở các Chưởng-lý cuộc hay
« Biện-lý cuộc hoặc ở Văn-Phòng một Luật-sư thực-thụ;

« 4) Chứng minh hạnh-kiểm tốt;

« 5) Đã trúng tuyển kỳ thi mãn hạn tập.sư;

« Được miễn trừ các điều-kiện thứ 3 và thứ 5 :

« a) Các Thẩm-phán ngạch tư-pháp, có bằng cử-nhân
« luật-khoa hay tiến-sĩ luật-khoa, đã giữ những chức-vụ này
« tại các Tòa-án hay tại Bộ Tư-pháp ít nhất là ba năm,

« b) Các công chức ngạch hành-chánh cao-đẳng có bằng
« cử-nhân luật-khoa hay tiến-sĩ luật-khoa, cũng trong thời
« gian 3 năm, đã hành sử những chức vụ Chánh-án tòa-án đệ
« nhị cấp cũ ở Bắc-Việt và Trung-Việt hay những chức vụ
« Chánh-án tòa-án địa-hạt cũ ở Trung-Việt trước ngày 9 tháng
« 3 dương lịch năm 1945.

« Thời gian làm việc trong các chức-vụ kể ở trên được
« tính trừ vào thời hạn buộc tập sự.

« Những luật-sư trước đã ghi tên vào luật-sư đoàn tại Pháp
« tại các tòa Thượng-thẩm Pháp cũ ở Đông-dương, tại các tòa
« Thượng-thẩm hỗn-hợp cũ có thể được ghi tên, theo lời thỉnh
« cầu, vào luật-sư đoàn Việt-Nam; các luật-sư này vẫn giữ
« nguyên hàng thâm-niên trong luật-sư đoàn Việt-Nam.

« Tuy nhiên, những luật sư trước đã ghi tên vào luật-sư-
« đoàn tại Pháp cũng phải có đủ điều-kiện ghi ở đoạn thứ 5;
« đối với các luật-sư ấy, kỳ thi định ở điều thứ 21 sau đây gồm

« có các môn dân-luật, dân sự tố-tụng, hình-luật và hình-sự tố
« tụng áp-dụng trước các tòa-án Việt-Nam, và tổ-chức tư-pháp
« ở Việt-Nam.

« Các luật-sư Pháp có thể kết-luận và biện hộ bằng tiếng
« Pháp, nhưng phải phiên dịch tức thời ra tiếng Việt, trừ-phí
« vị Thẩm-phán ngồi xử miễn cho họ thì thôi.

« Trong tất cả mọi vụ, trong khi thủ tục đương tiến hành,
« các luật-sư Pháp sẽ đệ-trình kết-luận trạng làm bằng tiếng
« Việt, nhưng có thể đính kèm theo bằng dịch bằng tiếng Pháp.

« Các Thẩm-phán từ-chức thì trong hạn 3 năm sau khi
« việc từ-chức được chấp nhận, sẽ không được hành-sử nghề-
« nghiệp luật-sư thực thụ ở trong quần hạt tòa Thượng-thẩm
« mà các Thẩm-phán ấy đã làm việc sau cùng.

« *Điều thứ 4.* — (mới) (Y nguyên như điều cũ).

Điều thứ 2. — Các điều thứ 11, 12, 16, 20, 21, 36 và 37 Dự
số 25 ngày 5 tháng 12 năm 1952 kể trên nay sửa đổi như sau :

« *Điều thứ 11.* — (mới) Trong những luật-sư đoàn mà số luật
« sư ghi tên ở danh-biểu có dưới 6 người, chức-vụ hội-đồng luật-sư
« sẽ do Chánh-án Tòa Sơ-thẩm nơi trụ sở Tòa Thượng-thẩm
« đảm nhiệm, phụ trợ có hai thẩm-phán xử án trong tòa ấy, do
« Chánh-nhất cử.

« *Điều thứ 12.* — (mới) Chức chương của Hội-đồng luật-sư là :

« 1) định đoạt về sự ghi nhận vào danh-biểu luật-sư-đoàn và
« sự gạt tên ra ngoài danh-biểu hoặc chiếu luật hoặc do lời yêu
« cầu của Chương-ly Tòa Thượng-thẩm, về sự cho gia-nhập vào
« tập-sự những người có bằng luật-khoa cử-nhân hay luật-
« khoa tiến-sĩ đã tuyên thệ trước Thượng-thẩm, về sự ghi tên
« vào danh-biểu luật-sư những luật-sư tập sự đã mãn hạn tập sự
« và trúng tuyển kỳ thi mãn hạn tập sự, cũng là định đoạt về
« việc ghi nhận và về ngôi thứ những luật sư trước đã ghi tên
« vào danh biểu luật sư rồi bỏ không hành nghề, nay lại xin
« vào nhận chức cũ ;

« (Các đoạn nói trong điều này y nguyên như cũ)

« *Điều thứ 16.* — (mới) Người nào xin ghi tên vào bảng tập
« sự trong một luật-sư-đoàn phải nộp cho Hội-đồng luật-sư tất
« cả các giấy tờ chứng minh đã đỗ bằng luật-khoa cử nhân hay
« luật-khoa tiến-sĩ, giấy hộ tịch, một bản chứng-minh hạnh
« kèm cùng là bản tư-pháp lý-lịch.

« Hội-đồng luật sư sẽ điều tra về hạnh kiểm người thỉnh
« nguyện.

« *Điều thứ 20.* — (mới) Y nguyên như cũ, trừ đoạn trên đoạn
« cuối, sửa đổi như sau :

« Người có bằng luật.khoa cử-nhân hay luật-khoa tiến-sĩ
« được nhận vào tập sự chỉ được dùng danh vị «luật sư, theo
« sau phải có chữ «tập sự». Người ấy được mặc y phục luật-sư
« và phải tuân theo các kỷ luật như một luật-sư đã ghi tên vào
« danh biểu.

« *Điều thứ 21.* — (mới) Y nguyên như cũ trừ đoạn thứ 7 sửa
« đổi như sau :

« Hội-đồng khảo thí sẽ nhóm họp theo sự triệu tập của vị
« Chủ tịch ở trụ-sở mỗi Tòa Thượng-thẩm, ít nhất mỗi năm một
« lần vào tháng tiếp theo kỳ khai thẩm hàng năm các tòa án.

« *Điều thứ 36.* — (mới) Chức nghiệp luật sư không thể kiêm
« nhiệm với tất cả chức vụ về tư-pháp hay hành chính, trừ
« trường hợp quyền nhiếp chức vụ thẩm phán ra.

«Chức-nghiệp đó cũng không thể kiêm-nhiệm với các chức-
« vụ công-chứng công-lại, với các chức-vụ Giám-đốc, quản-đốc
« hay hội-viên hội-đồng quản-trị các công-ty nông-nghiệp, kỹ-
« nghệ, thương-mại. Giám-đốc một tờ báo có tính-cách kinh doanh
« thương-mãi, quản-lý việc xuất-bản tập-san báo chí, với các
« công việc có lấy tiền công thuê, các chức-vụ kế-toán-viên và
« với các chức-vụ về thương-mãi.

«Tuy nhiên, chức nghiệp đó có thể kiêm-nhiệm với chức-vụ
« Giáo-sư hay Giảng-viên các lớp luật học tại các đại-học đường.

«Luật-sư nào hoặc trực-tiếp hoặc mượn danh-nghĩa người

«khác để hành sử nghề chuyên môn chạy việc, hoặc có vợ hay chồng làm nghề ấy thì không được làm luật-sư nữa.

«(Các đoạn nói trong điều này y nguyên như cũ)

Điều thứ 37 (mới).— Hạn trong ba tháng từ ngày thành lập, «không kể kỳ hưu thẩm, mỗi luật-sư đoàn phải ấn định rõ nội «qui của mình và gửi bản sao đến Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, «các vị Chánh các tòa-án các cấp về tư-pháp, hành chánh hay «quản sự và cho mỗi luật sư đã ghi tên vào danh-biểu hay tập-sự.

«(Các đoạn nói trong điều này y nguyên như cũ)

Điều thứ 3.— Các điều-khoản trong Dự này không áp-dụng cho những luật-sư có bằng tốt nghiệp trường Pháp chính cũ hay Cao học cũ ở Hà-nội, mà đã ghi tên, theo đúng luật lệ, vào các danh biểu luật-sư-đoàn hay vào các bảng tập-sự, theo như chế độ do Dự số 25 ngày 5 tháng 12 năm 1952 chưa sửa đổi đã thiết lập nên.

Điều thứ 4.— Thủ-Tướng Chánh-phủ và Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp chiếu nhiệm-vụ thi-hành Dự này. Dự này sẽ được đăng vào Công-báo Việt-Nam

Làm tại SAIGON, ngày 15 tháng 11 năm 1954

Thừa-ủy-nhiệm Đốc QUỐC-TRƯỞNG

THỦ-TƯỚNG CHÁNH-PHỦ

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Luật số 1/62 ngày 8 tháng 1 năm 1962
ấn-định « Quy-chế Luật-sư và tổ-chức Luật-sư-đoàn »

Quốc-hội đã thảo-luận và biểu-quyết,
Tổng-Thống ban hành Luật số 1/62 ngày 8 tháng 1 năm 1962 ấn-định quy-chế Luật-sư và tổ-chức Luật-sư-đoàn nguyên văn như sau :

THIÊN I

Danh-biểu Luật-sư-đoàn

Điều thứ 1.— Bên cạnh mỗi Tòa Thượng-Thẩm, được thiết-lập một Luật-sư-đoàn hoạt-động cùng một quản-hạt với Tòa Thượng-Thẩm này.

Điều thứ 2.— Danh-vị Luật-sư dành riêng cho các Luật-sư danh-dự, luật-sư thực-thụ hay tập-sự có tên trong danh-biểu Luật-sư-đoàn. Sau danh-vị luật-sư, luật-sư thực-thụ phải ghi quản-hạt luật-sư-đoàn mà họ thống-thuộc, luật-sư tập-sự phải ghi danh-từ « tập-sự ».

Điều thứ 3.— Các luật-sư đã ghi tên vào danh-biểu luật-sư-đoàn được thi-hành chức-vụ đúng theo luật-lệ, trước các tòa-án tối-cao và tất cả các cơ-quan tài-phán trong quản-hạt luật-sư-đoàn. Luật-sư có thể thi-hành chức-vụ trước tòa-án thuộc quản-hạt một luật-sư-đoàn khác, trong một vụ án nhất định nếu được phép của Chánh Nhất Tòa Thượng-Thẩm sở tại hoặc được phép của Chánh-thẩm các tòa-án đặc-biệt không tùy thuộc Tòa Thượng-Thẩm này.

Chỉ có luật-sư mới có tư-cách đề thay mặt phụ-trợ và biện hộ cho đương-sự trước tòa-án, làm mọi giấy tờ tố-tụng cần-thiết dự-kiến cùng với thân-chủ hay thay mặt cho họ trong các công việc thẩm-cứu mà luật đã dự-liệu hay án-văn hoặc án-lệnh đã tuyên-định. Luật-sư có thể làm và ký mọi giấy tờ

cần thiết cho việc thi-hành án-văn và phán-quyết của toà-án.

Tuy nhiên đương-sự có thể biện-hộ và xuất-diện hoặc cho mình, hoặc thay cho các đồng thừa-kế, đồng hội-viên, hay đồng-tụng. Thân - thuộc hay thích-thuộc trong hàng tôn-thuộc hay ti-thuộc trực-hệ hay bàng-hệ đến trọn bậc thứ ba có thể biện-hộ hay thay mặt cho đương-sự. Chồng, vợ có thể biện-hộ hay thay mặt cho nhau, người giám-hộ hay quản-tài có thể biện-hộ hay thay mặt cho người vô-năng.

Điều thứ 4.— Bảng danh-biểu được in lại vào đầu tháng tư dương-lịch mỗi năm, và niêm-yết tại các Toà-án và các Phòng Chứng-khế trong quần-hạt Toà Thượng-thẩm, phòng hội-hợp của luật-sư-đoàn, phòng lục-sự Toà Thượng-Thẩm.

Bảng danh-biểu ghi rõ :

1) tên và địa-chỉ của ông thủ-lãnh luật-sư, Chủ-tịch Hội-đồng Luật-sư ;

2) tên và địa-chỉ các hội-viên chính-thức và dự-khuyết của Hội-đồng Luật-sư theo thứ tự thâm-niên ;

3) dưới đề-mục « Luật-sư danh-dự » tên và địa-chỉ các luật-sư được Hội-đồng tặng danh-vị này theo thứ tự thâm-niên ;

4) dưới đề-mục « Luật-sư thực-thụ » tên và địa-chỉ các luật-sư thực-thụ theo thứ tự thâm-niên ;

5) dưới đề-mục « Luật-sư tập-sự » tên và địa-chỉ các luật-sư tập-sự theo thứ tự thâm-niên; địa-chỉ này là văn-phòng của luật-sư thực-thụ đã nhận luật-sư tập-sự hay là phòng tập-sự nói ở điều sau đây.

Thứ-tự thâm-niên căn-cứ vào ngày Hội-đồng Luật-sư quyết-định tặng chức-vị Luật-sư danh-dự, hoặc ngày tuyên-thệ Tập-sự hay ngày được ghi tên vào danh-biểu dưới đề-mục « Luật-sư thực-thụ »,

Điều thứ 5.— Ngoài những điều-kiện về nội-dung riêng biệt cho mỗi hạng luật-sư, việc xin ghi tên hay tái ghi tên vào danh-biểu dưới đề-mục « Luật-sư thực-thụ » và « Luật-sư tập-sự » phải theo thể-thức sau.

- a) — đối với luật-sư thực-thụ, phải có :
 - đơn xin ghi tên hay tái ghi vào danh-biểu luật-sư thực-thụ gởi cho Ông Thủ-lãnh kèm theo các văn-kiện chứng-minh có đủ điều-kiện ;
 - tờ cam-kế không có đảm nhận một văn-phòng nào nữa, dù ở tại Việt-Nam hay ở ngoại-quốc.
- b) — đối với các luật-sư xin tập-sự, phải có :
 - đơn xin ghi tên hay tái ghi vào danh-biểu luật-sư tập-sự gởi cho Ông Thủ-lãnh kèm theo các văn-kiện chứng minh có đủ điều-kiện ;
 - tờ cam-kết sẽ không hành xử một nghề nào khác kể từ khi được ghi vào danh-biểu ;
 - tờ cam-kết của một luật-sư thực-thụ nhận người luật-sư xin tập-sự để diu-dắt tại văn-phòng mình, kiểm-soát sự chuyên-cần trong việc học-tập nghề-nghiệp. Trong trường-hợp tập-sự tại Luật-sư-đoàn nói ở điều mười (10) sau đây, đương-sự chỉ phải nộp giấy chứng nhận do Ông Thủ-lãnh cấp phát.

Điều thứ 6.— Các đơn xin ghi tên hay tái ghi vào danh-biểu dưới đề-mục «Luật-sư thực-thụ» và «Luật-sư tập-sự» sẽ được niêm-yết trong thời-gian một (1) tháng tại Tòa Thượng-Thẩm sở tại và phóng hội-hợp của Luật-sư-đoàn.

Hội-đồng Luật-sư nếu thấy cần, có thể mở cuộc điều-tra về hạnh-kiểm của người đứng xin.

Hội-đồng Luật-sư phải quyết-định trong thời-hạn tối-đa là hai (2) tháng kể từ ngày nhận đơn xin.

Quyết-định của Hội-đồng Luật-sư về việc xin ghi tên hay tái ghi vào danh-biểu Luật-sư-đoàn phải được tổng đạt trong hạn năm (5) ngày cho đương-sự và cho Chủ-đầu-lý Tòa Thượng-Thẩm. Quyết-định có thể bị kháng-cáo trước Tòa Thượng-Thẩm trong thời-hạn hai (2) tháng kể từ ngày tổng-đạt.

Trong trường-hợp quyết-định của Hội-đồng Luật-sư không được tổng-đạt trong tháng tiếp theo thời-hạn ấn-định cho Hội-đồng đề-định đoạt về các đơn xin, đương-sự có thể coi đơn

xin như đã bị bác bỏ và xin Tòa Thượng Thẩm xét lại trong thời-hạn (2) tháng.

Trong trường-hợp đơn xin được chấp nhận, sự ghi tên hay tái ghi có hiệu lực kể từ ngày tuyên-thệ đối với các Luật-sư Tập-sự hay từ ngày có quyết-định chấp nhận của Hội-đồng Luật-sư đối với các Luật-sư thực-thụ.

THIÊN II

Luật - sư Tập - sự

Điều thứ 7.— Muốn được ghi tên vào bảng danh-biểu dưới đề-mục « Luật-sư Tập-sự » phải có đủ các điều-kiện sau, không phân-biệt nam nữ :

- 1.— có quốc-tịch Việt-Nam ;
- 2.— trên 21 tuổi vào ngày đệ đơn. Hạn tuổi này là tối thiểu, không thể nại một duyên-cớ nào để xin được miễn ;
- 3.— có bằng Cử-Nhân Luật-Khoa do một Đại Học Đường Việt-Nam cấp, bằng Cao-Học Đông-Dương hay bằng luật-học do một Đại-Học-Đường ngoại-quốc cấp mà giá-trị được Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xem như tương-đương với bằng Cử-Nhân Luật-Khoa Việt-Nam ;
- 4.— không bị án-tiết thường-phạm về các tội Đại-hình hay các tội Tiểu-hình phạm tới danh-dự và phẩm-giá ;
- 5.— đã trúng-tuyển kỳ thi khả-năng hành nghề Luật-sư.

Để chứng-minh các điều-kiện kể nơi khoản 1, 2, 3, 4, 5 kể trên, người thỉnh-nguyện phải nộp kèm với đơn xin tập-sự các văn-kiện sau :

Chứng-thư hộ-tịch ;

— Bản chánh cấp bằng Cử-nhân Luật-khoa, cấp bằng Cao-Học Đông-Dương hay cấp bằng ngoại-quốc có giá-trị tương-đương nói ở khoản 3 ;

— Bản Tư-pháp lý-lịch số 3 ;

— Bản chứng-chỉ hạnh-kiểm ;

— Bản chứng-chỉ khả-năng hành-nghề Luật-sư.

Một lớp huấn-luyện về khả-năng hành-nghề Luật-sư sẽ được tổ-chức tại các Luật-Khoa Đại-Học-Đường cho những sinh-viên năm thứ 3 Cử-nhân Luật-khoa và những người có bằng Luật-học nói ở đoạn I khoản 3 trên đây, muốn dự thi kỳ thi khả-năng hành-nghề Luật-sư, ghi tên theo học. Sự giảng dạy đặt dưới quyền điều-khiển của Khoa-Trưởng Luật-Khoa Đại-Học-Đường với sự hợp-tác của giáo-sư Luật-học, các Thẩm-phán do Toà thượng-thẩm đề-cử và các Luật-sư do Luật-sư-đoàn đề-cử.

Hạn học là một (1) niên-khoá của Luật . Khoa Đại-Học-Đường.

Chương-trình huấn-luyện gồm có :

a) Một lớp học về chức-vụ người Luật-sư trong tổ-chức Tư-pháp, về các luật-lệ quy-tắc, liên-quan đến việc hành-nghề Luật-sư.

b) Những buổi diễn-giảng về quy-tắc thực-hành và đạo-đức nghề-nghiệp và những buổi thực-tập về cách-thức thiết-lập nghiên-cứu hồ-sơ, cách-thức biện-hộ,

c) Những buổi diễn-giảng và thực-tập về các thủ-tục tố-tụng hình-sự, dân-sự, hành-chánh thông-dụng tại các Toà-án Luật-sư được phép hành-nghề.

Hội-Đồng Giám-Khảo kỳ-thi khả-năng hành-nghề Luật-sư gồm có :

1) Một Giáo-sư Luật-Khoa Đại-Học do ông Khoa-Trưởng Luật-Khoa Đại-Học-Đường chỉ-định : Chủ-Tịch.

2) Hai (2) giáo-sư hay giảng-sư Luật-Khoa Đại-Học-Đường về môn Tư-Pháp cũng do Ông Khoa-Trưởng Luật-Khoa Đại-Học-Đường chỉ-định : nhân-viên.

3— Hai (2) vị Hội-thẩm do Ông Chánh Nhất Tòa Thượng-Thẩm chỉ-định : nhân-viên.

4— Hai (2) luật-sư do Ông Thủ-Lãnh Luật-sư-đoàn chỉ-
định : nhân-viên.

Kỳ thi gồm có các môn thi dưới đây :

- 1— Một bài thi viết về dân-luật, hay thương-luật, hay quốc-
tế tư-pháp.
- 2— Một bài thi viết về thủ-tục tố-tụng.
- 3— Một bài thuyết-trình trong 15 phút về hình-luật sau một
giờ chuẩn-bị.
- 4— Vấn-đáp về chức-nghiệp Luật-sư, những kiến-thức
pháp-lý cần thiết cho nghề Luật-sư, và các luật-lệ quy-
định tổ-chức Luật-sư-Đoàn.

Muốn trúng tuyển, thí-sinh ít nhất phải có điểm trung-bình
tổng-quát bằng 12.

Thí-sinh trúng tuyển được cấp phát chứng-chỉ khả-năng
hành-nghề luật-sư có chữ ký của các Khoa-Trưởng Luật-Khoa
Đại-Học-Đường và Chủ-Tịch Hội-Đồng Giám-Khảo, cùng chiếu
khán của Bộ - Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục và Bộ-Trưởng
Tư-Pháp.

Điều thứ 8.— Trước khi hành-nghề, luật-sư tập-sự được
Ông Thủ-Lãnh Luật-sư Đoàn giới-thiệu để tuyên-thệ trước Tòa
Thượng-Thẩm như sau :

« Tôi thề với tư-cách Luật-sư không nói hay công-bố điều
gì trái với Luật-Pháp, thề-lệ, thuần-phong mỹ-tục, an-toàn
quốc-gia và an-ninh công-cộng — Không bao giờ xử sự thiếu
tôn kính đối với Tòa-Án và các nhà cầm quyền ».

Điều thứ 9.— Thời-hạn Tập-sự ấn-định là ba (3) năm kể
từ ngày tuyên-thệ, trừ các trường-hợp sẽ dự-liệu ở điều mười
chín (19) dưới đây.

Thời-hạn này là tối-thiểu không ai có thể nại ra một lý-
do nào để xin thu ngắn lại.

Trong thời-kỳ tập-sự Luật-sư Tập-sự có nhiệm-vụ phải :

1) — Chuyên-cần tham-dự các hoạt-động tập-sự theo đúng nội-quy Luật-sư-đoàn dưới quyền điều-khiển của Ông Thủ-Lãnh,

2) — Chuyên-cần thực-tập các quy-tắc truyền-thống tập-quán nghề-nghiệp, nhất là sự tôn-trọng Tòa-Án và sự kính-nể các Thẩm-phán.

3) — Chuyên-cần tham-dự các công-tác trong Tồ-chức Diễn-giảng chuyên-nghiệp, nếu có.

4) — Chuyên-cần đến dự các phiên Tòa.

5) — Chuyên-cần làm việc tại văn-phòng Luật-sư Thực-thụ hay tại phòng Tập-sự tại Luật-sư-Đoàn sẽ nói ở điều mười (10) dưới đây.

Khi mãn hạn tập-sự, người Luật-sư thỉnh-nguyện sẽ được Ông Thủ-Lãnh Luật-sư-Đoàn cấp phát một chứng-chỉ để xin ghi tên vào danh-biểu dưới đề-mục «Luật-sư thực-thụ».

Nếu trong thời-kỳ Tập-sự, Luật-sư xin ghi tên tỏ ra thiếu chuyên-cần, Hội-đồng Luật-Sư, sau khi nghe đương-sự có thể quyết-định kéo dài thời-kỳ Tập-sự thêm một thời-hạn sáu (6) tháng. Hội-Đồng không thể quyết-định kéo dài quá hai (2) lần thời-kỳ Tập-sự.

Cuối năm thứ tư tức là thời-hạn Tập-sự tối-đa, Hội-Đồng phải quyết-định cấp phát chứng-chỉ hay khước-từ cấp phát chứng-chỉ.

Sự khước-từ cấp-phát chứng-chỉ có thể căn-cứ vào lý-do khiếm-khuyết chuyên-cần, khiếm-khuyết nhiệm-vụ chuyên-nghiệp, hoặc hành-vi làm mất phẩm-giá của đoàn-thể.

Quyết-định khước-từ việc cấp chứng-chỉ có viện-dẫn lý-do sẽ được tổng đạt cho đương-sự theo lối bảo-dảm. Luật-sư bị khước-từ có một thời-hạn là một (1) tháng để từ khi nhận được quyết-ngị đề kháng-cáo, và đưa nội-vụ ra trước Tòa Thượng-Thẩm.

Nếu không có sự khước từ của Hội-đồng Luật-sư hay nền sự khước-từ bị Tòa Thượng-Thẩm bác bỏ, người Luật-sư sẽ được ghi tên vào danh biểu dưới đề-mục Luật-sư thực-thụ.

Điều thứ 10.— Việc tập-sự có thể thực-hành tại một văn-phòng Luật-sư thực-thụ hay tại Phòng Tập-sự tại Luật-sư-Đoàn, dưới sự điều-khiển của Hội-đồng Luật-sư.

Sự tổ-chức và điều-hành Phòng Tập-sự thiết-lập tại Luật-sư-Đoàn sẽ do nội-quy của Luật-sư-Đoàn ấn-định, làm sao cho người Tập-sự có thể thâu thập mọi hiểu biết chuyên-môn cần-thiết cho việc hành-nghề Luật-sư.

Điều thứ 11.— Hội-đồng Luật-sư phụ-trách tổ-chức các hoạt-động tập-sự nghề-nghiệp cho các Luật-sư Tập-sự và có thể thiết-lập một Tổ-chức Diễn-giảng chuyên-nghiệp.

Điều thứ 12.— Trong thời kỳ tập-sự, Luật-sư Tập-sự được dùng danh-vị « Luật-sư » nhưng phải ghi thêm hai chữ « Tập-sự » được mặc sắc phục và phải tuân theo kỷ-luật như một người Luật-sư Thực-thụ. Luật-sư Tập-sự có thể biện-hộ thay thế Luật-sư chủ văn-phòng nhưng phải nói rõ mình là Luật-sư Tập-sự tại văn-phòng ấy.

Trong trường-hợp được chỉ-định, người Luật-sư Tập-sự được nhân danh cá-nhân mình để biện-hộ.

Điều thứ 13.— Khi Luật-sư Tập-sự không còn tùy-thuộc văn-phòng nào hay không tập-sự tại Phòng Tập-sự Luật-sư-Đoàn nữa, thời-gian tập-sự sẽ bị ngưng. Và nếu trong sáu (6) tháng kể đó đương-sự không được một văn-phòng nào khác chấp-nhận hay không tập-sự tại Phòng Tập-sự Luật-sư-Đoàn nữa, thì tên của Luật-sư ấy sẽ bị xóa bỏ trong bảng danh sách.

Điều thứ 14.— Bất cứ trong trường-hợp nào, Luật-sư tập-sự cũng không được phép biên tên mình vào bảng treo trước văn-phòng, hoặc trên đầu phong bì, giấy viết thư hay hồ-sơ. Luật-sư Tập-sự không được phép dùng con dấu riêng trong sự giao-thiệp với thân chủ,

Luật-sư Tập-sư không có tư-cách để làm các việc tổ-tụng dưới danh-nghĩa của họ. Tất cả những giấy tờ tổ-tụng và lý, đoán đều phải do Luật-sư Thực-thụ ký tên.

Điều thứ 15.— Tuy nhiên, trong trường - hợp đặc-biệt, Luật-sư Tập-sư có thể được Hội-Đồng Luật-Sư cho phép trong thời-hạn một (1) năm có thể triển-hạn, quản-lý văn-phòng của một Luật-sư Thực-thụ nghỉ dài hạn hay có việc ngăn-trở, nếu Luật-sư ấy có đủ những điều-kiện sau đây :

1) Đủ 24 tuổi tròn.

2) Đã được hai (2) năm Tập-sư.

Dẫu sao, không một luật-sư Tập-sư nào được phép quản-lý một văn-phòng nếu văn - phòng ấy chưa được luật - sư thực-thụ đích thân và thật sự điều-khiển trong mười hai (12) tháng trước.

Điều thứ 16.— Nếu Luật-sư chủ văn-phòng mệnh-một mà Luật-sư Tập-sư không tìm được một văn-phòng khác để tập-sư, người này sẽ đến tập-sư tại Phòng Tập-sư tại Luật-sư-Đoàn.

Trong trường-hợp trên và, nói chung, trong các trường-hợp Luật-sư Tập-sư lần lượt hành nghề tại nhiều văn-phòng khác nhau, thời-hạn tập-sư ba (3) năm sẽ tính gồm các thời-gian làm việc với Luật-sư Thực-thụ và tại văn-phòng tập-sư nếu có.

Điều thứ 17.— Trong khoản ba (3) năm tập - sư, Luật-sư có thể nghỉ phép sáu (6) tháng, với sự ưng - thuận của Luật-sư Thực-thụ và sau khi ông Thủ-Lãnh cho biết ý-kiến. Quá hạn sáu (6) tháng này, thời - hạn tập - sư sẽ kể như bị ngừng.

Nếu Luật - sư Tập - sư vắng mặt hơn một (1) năm không duyên-cớ quan-trọng và chứng thật, Luật-sư ấy sẽ bị gạch tên trên danh-sách Luật-sư Tập-sư. Duyên-cớ và lý - do nêu ra còn phải đệ-trình trước cho Hội - Đồng Luật - Sư xét coi có chánh đáng hay không.

Điều thứ 18.— Luật-sư Tập-sự được Ông Thủ-Lãnh hay Ông Chánh-Án Tòa Đại-Hình đề cử biện-hộ nếu không có lý-do chánh-dáng không được quyền từ chối nhiệm-vụ.

Nếu lý-do từ chối được xem như không chánh-dáng mà Luật-sư Tập-sự vẫn không chịu đảm nhận nhiệm-vụ, đương-sự có thể bị đưa ra trước Hội-đồng kỷ-luật.

THIÊN III

Luật-sư Thực-thụ

Điều thứ 19.— Muốn được ghi tên vào danh-biểu luật-sư dưới đề-mục Luật-sư Thực-thụ phải đủ các điều-kiện sau :

1)— Có quốc-tịch Việt-Nam. Việc luật-sư ngoại-quốc ghi tên vào danh-biểu và hành-nghề tại Việt-Nam sẽ do hiệp-ước quốc-tế quy-định. Trong trường-hợp không có Hiệp-ước, Luật-sư ngoại-quốc muốn biện-hộ riêng về một vụ án tại Việt-Nam phải được Bộ Tư-pháp cho phép.

2)— Đủ 24 tuổi trọn.

3)— Có bằng Cử-Nhân Luật-Khoa do một Đại-học-đường Việt-Nam cấp, bằng Cao-học Đông-Dương hay bằng Luật-học do một Đại-học-đường ngoại-quốc cấp mà giá-trị được Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xem như tương-đương với bằng Cử-Nhân Luật-Khoa Việt-Nam.

4)— Có hạnh-kiểm tốt và không hề bị án-tiết về các tội đại-hình hay về các tội tiểu-hình phạm tới danh-dự và phẩm-giá.

5)— Đã trúng-tuyển kỳ thi khả-năng hành-nghề luật-sư.

6)— Đã mãn hạn ba (3) năm tập-sự tại Việt-Nam.

Được miễn trừ điều-kiện ấn-định ở các khoản năm (5) và sáu (6) các Thâm-phán ngạch Tư-Pháp và Hành-Chánh đã giữ chức-vụ tại các Tòa-án Tư-Pháp và Hành-Chánh hay tại Bộ Tư-Pháp trong thời-hạn ba (3) năm.

Cũng được miễn trừ điều-kiện năm (5) và sáu (6) các Giáo-sư Luật-Khoa Đại-Học-Đường mọi cấp bậc đã giảng dạy tại các trường Đại-Học Luật-Khoa trong thời-gian liên-tục là ba (3) năm.

Những Thẩm-phán Sơ-thẩm từ-chức thì trong hạn ba (3) năm sau khi việc từ-chức được chấp nhận, sẽ không được hành nghề luật-sư thực-thụ trong địa-hạt của Tòa-án Sơ-thẩm mà các Thẩm-phán ấy đã làm việc sau cùng.

Những Thẩm-phán Thượng-thẩm từ-chức thì trong hạn ba (3) năm sau khi việc từ-chức được chấp-nhận, sẽ không được hành-nghề luật-sư thực-thụ trong địa-hạt của Tòa Sơ-thẩm nơi đặt trụ-sở của Tòa Thượng-Thẩm mà các Thẩm-phán ấy đã làm việc sau cùng.

Sự ngăn cản này không áp-dụng đối với các Thẩm-phán khác.

Được miễn trừ điều-kiện năm (5) nhưng phải tập-sư một thời-gian rút ngắn là một (1) năm :

- các Thẩm-phán quân - sự đã hành nghề đủ ba (3) năm.
- các Giảng-sư và Giảng-viên Luật-Khoa Đại-Học có bằng Tiến-sĩ đã hành nghề đủ ba (3) năm.
- Các công-chức ngạch cao-đẳng Hành-chánh hay Tư pháp trong thời-hạn ba (3) năm đã hành-sử những chức-vụ Chánh-án Tòa-án đệ-nhị-cấp cũ hay Tòa-án Tỉnh cũ ở Bắc-Việt và Trung-Việt trước ngày 9-3-1945.

Nếu các Thẩm-phán, Giáo-sư, Giảng-sư, Giảng-viên hay công-chức kể trên không có đủ ba (3) năm thâm-niên thì phải tập-sư thêm một thời-hạn để cho có đủ ba (3) năm thâm-niên.

Điều thứ 20.— Luật-sư thực-thụ phải cư-ngụ trong quận-hạt Tòa Thượng-Thẩm. Chỉ Luật-sư thực-thụ mới được quyền mở một văn-phòng và làm các việc tổ-tụng dưới danh nghĩa Luật-sư. Chỉ Luật-sư thực-thụ mới có quyền treo ở trước văn-phòng một bảng đề tên họ và chức nghiệp cùng in trên dấu phong bì hồ-sơ hay giấy viết thư, tên, họ, địa-chỉ, cấp bằng và chức-nghiep Luật-sư Tòa Thượng-Thẩm.

Ngoài ra Luật-sư thực-thụ không được ghi thêm những điều gì nữa trên bảng hoặc trên đầu phong bì, giấy viết thư hay hồ-sơ.

Mỗi Luật-sư thực-thụ chỉ có quyền mở một văn-phòng và phải gửi thư báo tin cho Thủ-Lãnh biết nơi và ngày giờ định mở văn-phòng. Trong trường-hợp dời văn-phòng về một nơi khác Luật-sư thực-thụ phải lập tức thông-tri cho Ông Thủ-Lãnh.

Điều thứ 21.— Luật-sư thực-thụ vắng mặt nơi văn-phòng quá ba (3) tháng phải báo tin cho Ông Thủ-Lãnh và cho biết những biện-pháp đã dự định để bảo-vệ quyền-lợi thân chủ trong thời-gian vắng mặt.

Sự vắng mặt quá ba (3) tháng của Luật-sư thực-thụ phải được Hội-đồng Luật-sư chấp-thuận, căn cứ vào lý-do chính đáng. Việc nghỉ phép hợp lệ không làm ngưng sự hành-nghề.

Trong trường-hợp Luật-sư thực-thụ vắng mặt quá ba (3) tháng không được Hội-Đồng Luật-sư chấp-thuận, do lời yêu cầu của một Luật-sư thực-thụ hoặc Ông Chương-ly, đương sự sẽ bị đưa ra Hội-đồng kỷ-luật.

Sau ba (3) năm vắng mặt không phép mà vẫn chưa được Hội-đồng quyết-định, Luật-sư thực-thụ sẽ bị đương nhiên coi như không còn hành-nghề nữa và gạch tên trên danh-biểu.

Điều thứ 22.— Luật-sư mặc sắc-phục khi biện-hộ trước các cấp tài-phán. Không ai có quyền dẫn giải hay bắt giam Luật-sư đang biện-hộ. Luật-sư được pháp-luật bảo-vệ như một nhiệm-lai nếu bị xúc-phạm trong khi thừa-hành nhiệm-vụ.

Luật-sư được quyền bắt khả xâm phạm khi khẩu biện cho thân chủ trước Tòa hay khi trình biện minh trạng, ngoại trừ trường-hợp lị mạ Thẩm-phán, xúc-phạm công-quyền, hay xui dục việc phi-pháp. Văn-phòng Luật-sư chỉ có thể bị Dự-thẩm sở tại khám xét trước sự hiện diện của Thủ-Lãnh Hội-đồng Luật-sư hay một nhân-viên của Hội-đồng Luật-sư được Ông Thủ-Lãnh ủy-nhiệm sau khi được phép của Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm.

Điều thứ 23.— Luật-sư thực-thụ được chỉ định bởi Thủ-Lãnh hay Chánh-án Tòa Đại-Hình để biện-hộ không có quyền từ-chối nhiệm-vụ nếu không có lý-do chánh đáng. Khi sự khước từ không chánh đáng đã bị bác bỏ mà Luật-sư thực-thụ vẫn từ-chối không chịu biện-hộ thì có thể bị đưa ra trước Hội-đồng kỷ-luật.

Điều thứ 24.— Tiền công luật-sư sẽ được tự-do quy-định giữa luật-sư và thân chủ nhưng phải tính trước khi lãnh biện hộ để trang-trải tất cả mọi hành-vi tổ-tụng cho tới khi Tòa tuyên-án, và không được tùy thuộc kết-quả vụ kiện.

Thân chủ phải trả trước một phần tiền công và sở phí mà Luật-sư sẽ phải xuất để làm công việc. Khi nhận tiền, Luật-sư phải cấp biên-lai, trong ghi rõ danh tánh thân chủ, giới hạn vụ kiện, số tiền công đối với toàn vụ kiện và cấp bậc tài-phán.

Luật-sư vi-phạm điều này có thể bị đưa ra trước Hội-đồng kỷ-luật.

Điều thứ 25.— Trong mọi trường-hợp, Luật-sư nhiệm cách khiếm khuyết nghĩa-vụ đối với thân chủ, người này có quyền khiếu-cáo luật-sư trước Thủ-Lãnh Hội-đồng. Chương-lý nhận được đơn khiếu xét ra chánh đáng, cũng có thể xử-dụng quyền này.

Hội-Đồng Luật-sư sẽ phán-quyết về đơn khiếu-nại và có thể truyền cho Luật-sư bồi-hoàn số tiền công đã nhận lãnh của thân chủ, ngoài những khoản trừng phạt về kỷ-luật.

Điều thứ 26.— Thủ-Lãnh Hội-Đồng Luật-sư phải đề-cử một Luật-sư trong quần-hạt để biện-hộ cho bất cứ tòng nhân nào không thể nhờ được luật-sư bất luận vì duyên-cớ nào, sau khi tiếp nhận đơn của đương-sự. Trong trường-hợp này, tiền thù-lao sẽ do Thủ-Lãnh Hội-Đồng Luật-sư ấn-định, nếu không có sự thỏa thuận giữa đôi bên..

Điều thứ 27.— Luật-sư thực-thụ không được :

— Hoặc trực-tiếp, hoặc mượn danh-nghĩa người khác để làm nghề chuyên-môn chạy việc, hoặc có vợ hay chồng làm nghề ấy.

— Yêu-sách tiền công các người được hưởng Tư-pháp bảo-trợ hay được biện-hộ không thù-lao.

— Giành thân chủ bằng cách dùng người trung-gian có ăn lương hay vụ-lợi dẫn mối hay quảng-cáo trên báo-chí.

— Trực-tiếp hay gián-tiếp mua đấu giá các động-sản hay bất động-sản mà họ phụ-trách thi-hành việc phát-mại và chiếm-hữu các quyền-lợi còn thuộc về một di-sản hay đang tranh-tụng.

— Ký kết với thân chủ những hợp-đồng có tính-cách may rủi hay tùy thuộc sự thắng bại trong một vụ-kiện.

— Hùn biệp với nhau để thu lợi trong hai (2) hay nhiều văn-phòng riêng biệt, hoặc cho mượn tên để thay mặt thân chủ một cách bất-chánh.

— Làm bất cứ một nghề nào khác hoặc những việc thương-mại.

— Giữ các chức-vụ công-chức, công-lại, giám-đốc, quản-đốc hay hội-viên Hội-đồng Quản-trị các Công-ty Nông-nghiệp, Kỹ-nghệ, Thương-mại, giám-đốc một tờ báo có tính-cách kinh doanh thương-mại, quản-lý tập-san báo-chí, làm những công việc có nhận tiền thuê mượn, hoặc làm kế-toán-viên.

Vi-phạm các điều-khoản trên đây có thể bị phạt gạch tên trong danh-biểu Luật-sư-Đoàn.

Điều thứ 28.— Trong trường-hợp đặc-biệt, Luật-sư thực-thụ có thể được Chánh-án phiên xử đề-cử quyền-nhiếp chức-vụ thẩm-phán để bổ-túc thành-phần của tòa-án trong một phiên xử.

Luật-sư được lựa chọn sẽ là Luật-sư thực-thụ thẩm-niên nhất hiện-diện tại phòng xử và không lãnh biện-hộ trong vụ đang xét xử.

THIÊN IV

Luật-Sư danh-dự

Điều thứ 29.— Luật-sư danh-dự là những Luật-sư đã từ-chức sau mười lăm (15) năm hành-nghề và được Hội-Đồng Luật-sư tặng chức-vị ấy do một quyết-định.

Luật-sư danh-dự không bắt buộc phải cư-ngụ trong quân-bạt Tòa Thượng-Thẩm nhưng họ phải tuân theo thể-lệ của Luật-sư-Đoàn.

Họ có quyền đến dự các phiên Đại-Hội nhưng chỉ có thể phát biểu ý kiến chứ không được biểu quyết.

Họ thuộc quyền kỷ luật của Hội-đồng Luật-sư và có thể bị Hội-Đồng tước chức-vị ấy nếu họ không giữ phẩm-cách.

THIÊN V

Cách tổ-chức và quản-trị Luật-sư-Đoàn

Điều thứ 30. — Đại-hội Luật-sư của Luật-sư-Đoàn một Tòa Thượng-Thẩm gồm tất cả Luật-sư thực-thụ có ghi tên trong danh-biểu Luật-sư-Đoàn.

Hội-đồng Luật-sư là một cơ-quan do Đại-Hội bầu ra để quản-trị Luật-sư-Đoàn.

Mỗi năm trong khoảng mười lăm (15) ngày đầu tháng ba dương-lịch vào một ngày do Hội-Đồng Luật-sư măn nhiệm-kỳ ấn-định, đại-hội luật-sư sẽ nhóm họp để bầu Hội-đồng Luật-sư mới.

Trong năm nếu có một nhân-viên của Hội-đồng không còn giữ chức nữa bất cứ vì lý-do nào thì mười lăm (15) ngày sau khi vị ấy không còn giữ chức-vụ nữa Đại-hội sẽ nhóm họp để bầu một nhân-viên khác.

Đại-hội cũng sẽ nhóm họp khi Hội-đồng Luật-sư nhận thấy là cần hoặc khi có lời yêu cầu của mười (10) Luật-sư thực-thụ.

Lời yêu-cầu kèm theo một chương-trình nghị-sự nhất định và hạn chế phải gửi đến Ông Thủ-Lãnh Luật-sư. Sau khi cùng các hội-viên Hội-đồng Luật-sư xem qua lời yêu cầu và nhận thấy điều-kiện đầy đủ, Ông Thủ-Lãnh sẽ gửi giấy triệu-tập các luật-sư ít nhất mười (10) ngày trước khi họp.

Điều thứ 31.—Các luật-sư vắng mặt có quyền ủy-nhiệm cho một đồng-nghiep để thay thế mình bằng một tờ ủy-quyền đặc-biệt. Mỗi luật-sư chỉ có thể đại-diện cho một bạn đồng-nghiep.

Đại-hội sẽ nhóm khi số luật-sư hiện-diện và được thay thế quá bán tổng-số luật-sư được quyền tham-dự đại hội. Nếu điều-kiện này không đầy đủ, Ông Thủ-Lãnh sẽ hoãn đại-hội và triệu-tập đại-hội lần thứ nhì. Ở kỳ này nếu số luật-sư có mặt và được thay thế quá một phần tư ($\frac{1}{4}$) phiên đại-hội vẫn nhóm họp và các quyết-định vẫn có hiệu-lực. Đại-hội quyết-định bằng cách bỏ thăm kín.

Điều thứ.—Thành-phần Hội-đồng Luật-sư ấn-định nhưt sau :

Hội-đồng Luật-sư gồm có Ông Thủ-Lãnh là chủ-tịch Hội-đồng và : ba (3) nhân-viên thực-thụ, hai (2) nhân-viên dự-khuyết nếu số Luật-sư thực-thụ gồm từ sáu (6) đến ba mươi (30) người ; bảy (7) nhân-viên thực-thụ và ba (3) nhân-viên dự-khuyết nếu số Luật-sư thực-thụ gồm từ ba mươi một (31) đến năm mươi (50) người ; mười một (11) nhân-viên thực-thụ và bảy (7) nhân-viên dự-khuyết nếu số Luật-sư thực-thụ từ năm mươi một (51) đến một trăm (100) người. Nếu số Luật-sư thực-thụ vượt quá một trăm (100) người thì cứ mỗi hai mươi (20) người lại bầu thêm hai (2) nhân-viên thực-thụ và một (1) nhân-viên dự-khuyết. Tuy nhiên thành phần Hội-đồng Luật-sư không thể vượt qua số hai mươi một (21) nhân-viên thực-thụ và mười ba (13) nhân-viên dự-khuyết.

Chỉ những Luật-sư thực-thụ có Việt-tịch, đã có mười (10) năm tham-niên kể từ ngày tuyên-thệ, mới có thể được bầu làm Thủ-Lãnh Hội-đồng Luật-sư. Nếu không có luật-sư nào trong Luật-sư-Đoàn hội đủ điều-kiện này, thời-hạn tham niên sẽ là năm (5) năm.

Chỉ những Luật-sư thực-thụ có Việt-tịch đã ghi tên trong danh-biểu ít nhất là ba (3) năm mới có thể được bầu làm nhân-viên thực-thụ hay dự-khuyết.

Ông Thủ-Lãnh và tất cả nhân-viên Hội-đồng Luật-sư đều có thể được tái-cử.

Điều thứ 33.— Thẻ-thức bầu-cử Hội-đồng Luật-sư như sau :

Ông Thủ-Lãnh sẽ do Đại-hội bầu theo lối kín và phải được đa số tuyệt-đối tính theo số phiếu của các Luật-sư hiện-diện các Luật-sư được thay thế và các Luật-sư bỏ phiếu theo lối hàm-thụ. Nếu vòng đầu không ai đủ số phiếu thì phải bầu cho đến khi có một người đạt được đa-số tuyệt-đối nói trên.

Sau khi bầu xong Ông Thủ-Lãnh, Đại-hội sẽ bầu các nhân-viên thực-thụ rồi đến các nhân-viên dự-khuyết trong Hội-đồng Luật-sư.

Cuộc bầu cử này sẽ làm theo lối liên-danh đầu phiếu. Được kể là đặc-cử ngay vòng đầu những Luật-sư được đa-số tuyệt-đối các phiếu hợp-lệ. Được kể là đặc-cử trong vòng thứ hai Luật-sư được nhiều số phiếu nhất.

Các Luật-sư thực-thụ có tên trên danh-biểu có thể đưa việc bầu-cử ra trước Tòa Thượng-Thẩm trong thời-hạn năm (5) ngày kể từ ngày bầu-cử. Ông Chủ-ông-lý Tòa Thượng - Thẩm cũng có quyền ấy trong hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được biên-bản bầu-cử do Ông Thủ-Lãnh Hội-đồng Luật-sư chuyển đệ.

Điều thứ 34.— Ông Thủ-Lãnh thay mặt cho Luật-sư-Đoàn trong tất cả mọi hành-vi về dân-sự, Ông làm Chủ-tịch Hội-đồng Luật-sư, đảm-nhiệm chức-vụ thẩm-vấn trong các vụ án kỷ-luật, phụ-trách việc quản-trị nội-bộ, đại-diện Luật-sư-Đoàn về mặt lễ-nghi, hòa-giải các vụ tranh-chấp trong nội-bộ và bảo-vệ những quyền-lợi chung của nghề-nghiệp.

Ông có thể ủy một phần hay tất cả quyền-hành của Ông cho một hay nhiều nhân-viên trong Hội-đồng Luật-sư. Ông Thủ-Lãnh chủ-tọa các đại-hội. Trong trường-hợp Ông vắng mặt một nhân-viên thực-thụ hay một nhân - viên dự khuyết trong Hội-đồng Luật-sư sẽ chủ-tọa theo sự ủy-quyền của Ông.

Điều thứ 35. — Hội-đồng Luật-sư có nhiệm-vụ chính-yếu :

— Kức-liến sự thi-hành quyết-định của Đại-hội.

— Định-đoạt về sự ghi tên, tái ghi trong danh-biểu hay gạt tên ra ngoài danh-biểu Luật-sư-Đoàn.

— Duy-trì các nguyên-tắc chính-trực, vô-tư, ôn-hòa và tinh đồng-nghiep, và bảo-vệ danh-dự và quyền-lợi của đoàn-thể Luật-sư mỗi khi xét thấy cần-thiết.

— Lưu-ý đến việc các Luật-sư phải dự đều các phiên Tòa và xử-sự như những phụ-tá chân-thành của công-lý.

— Giải-quyết mọi vấn-đề liên-quan đến việc hành-nghề, việc bảo-vệ quyền-lợi Luật-sư và triệt-đề tuân theo nghĩa-vụ luật-sư.

— Quản-lý các tài-sản của đoàn-thể luật-sư, quản-trị và xử-dụng những tài-nguyên của đoàn-thể, trợ giúp các đoàn-viên, quả-phụ hay cô-nhi của họ.

— Ủy-nhiệm cho Ông Thủ-Lãnh, mỗi khi cần, đề tranh, tụng, thu nhận các tặng vật và di-sản, điều-đinh hay hòa-giải, thừa-nhận các việc chuyển-dịch hay để đương và giao-ước mọi việc vay mượn.

— Chỉ-định luật-sư để thanh-toán các hồ-sơ của một đồng-nghiep mệnh-một hay vì một lý-do gì khác không thể hành-xử chức-nghiep khi vị này không có tiên-liệu việc thay thế.

— Quyết-định về hồ-sơ của một Luật-sư bị cấm chỉ hành-nghề tạm-thời hay bị gạch tên trong danh-biểu Luật-sư nếu vị này không tự ý giao hồ-sơ cho một đồng-nghiep khác.

— Cấp-phát và thu-hồi các thẻ hành-nghề luật-sư.

— Cộng-tác với Đại-học-Đường Luật-khoa về việc huấn-luyện và tổ-chức kỳ thi khả-năng hành-nghề Luật-sư.

— Tổ-chức và điều-khiển phòng tập-sự tại Luật-sư-Đoàn.

— Tổ-chức và đôn-đốc các hoạt-động tập-sự, và tổ-chức diễn-giảng nếu có.

Điều thứ 36.— Hội-đồng Luật-sư họp thành Hội-đồng Kỹ-luật có quyền hành đối với tất cả các đoàn-viên.

Hội-đồng Luật-sư thụ-lý hoặc tự mình, hoặc theo lời yêu cầu của ông Chủ-đống-lý, hoặc hoặc theo sự kêu nài đã gửi đến Hội đồng.

Sau khi thụ-lý, Hội-đồng Luật-sư sẽ ủy-nhiệm một nhân-viên mở cuộc điều-tra, nghe nhân-chứng nếu cần, và làm phúc trình cho Hội-đồng. Sau đó Hội-đồng sẽ quyết-định đình cử hoặc truy-tố.

Nếu Hội-đồng Luật-sư quyết-định truy-tố, Hội-đồng sẽ nói rõ những hành-vi khiển-trách và định ngày cho Luật-sư bị trách cứ ra trước Hội-đồng Kỹ-luật.

Nếu Luật-sư bị đưa ra trước Hội-đồng Kỹ-luật là một Luật-sư tập-sự thì Hội-đồng Kỹ-luật sẽ được tăng-cường thêm hai (2) Luật-sư tập-sự chọn theo thứ-tự thăm-niên ghi trên danh sách trừ vị Luật-sư bị trách-cứ.

Khi Hội-đồng Luật-sư thụ-lý một việc do sự can-thiệp của Ông Chủ-đống-lý mà không quyết-định trong thời-hạn hai (2) tháng đối với Luật-sư bị trách-cứ có mặt hay sáu (6) tháng đối với Luật-sư bị trách-cứ vắng mặt, kể từ khi nhận được lời yêu cầu, thì Ông Chủ-đống-lý có thể đưa nội-vụ ra trước Tòa Thượng Thẩm. Tòa này sẽ dùng quyền di-thăm mà xét-xử.

Điều thứ 37.— Các khoản trừng phạt về kỹ-luật là :

— cảnh-cáo.

— khiển-trách,

— đình chỉ hành-nghề hay tập-sự không quá một (1) năm gạch tên trong danh-biểu Luật-sư-Đoàn.

Luật-sư bị khiển-trách hay đình-chỉ hành-nghề hay tập-sự có thể bị tước-quyền tham-dự Hội-đồng Luật-sư trong thời hạn không quá mười (10) năm. Sự tước quyền phải ghi rõ trong quyết-định trừng-phạt kỹ-luật của Hội-đồng.

Luật-sư bị gạch tên vì lý-do kỷ-luật không thể xin ghi tên vào bất cứ một danh biểu nào khác trong thời hạn năm (5) năm. Sau khi ấy đương sự chỉ có quyền xin ghi tên vào danh biểu luật-sư-đoàn ở một Tòa Thượng-Thẩm khác hơn nơi đã bị gạch tên.

Điều thứ 38.— Luật-sư bị đưa ra trước Hội-đồng Kỷ-luật phải có một thời hạn là một (1) tháng để chuẩn bị việc bào-chữa. Đương-sự có thể viện dẫn nhân chứng và mời những người này ra trước Hội-đồng để khai về các điều mà họ biết với điều-kiện là danh-sách các nhân-chứng phải được nộp ba (3) ngày trước khi Hội-đồng nhóm.

Sau khi nghe xong đương-sự biện hộ và các nhân-chứng khai-trình, Hội-đồng sẽ quyết-định nơi không kín và theo đa số

Quyết-định của Hội-đồng sẽ do Ông Thủ-lãnh tổng đạt cho đương-sự mười (10) ngày kể từ khi có quyết-định.

Các quyết-định đình chỉ hành nghề hay tập-sự và gạch tên trong danh-biểu sẽ được gửi đến Ông Chương-lý cũng trong thời hạn mười (10) ngày. Trong trường-hợp có sự yêu-cầu truy tố của Ông Chương-lý, quyết-định của Hội-đồng cũng sẽ được Ông Thủ-lãnh thông-tri đến Ông Chương-lý trong thời-hạn nói trên.

Điều thứ 39.— Nếu quyết-định trừng phạt là khuyết-tích, luật-sư có một thời hạn là mười lăm (15) ngày để kháng tố nếu đích thân nhận được quyết định và một (1) tháng nếu quyết-định được tổng-đạt đến trú quán của luật-sư. Sự kháng tố phải được ghi tại Văn-phòng Hội-đồng Luật-sư và lấy biên nhận làm bằng.

Quyết-định bị kháng tố phải được đem ra xét lại trong thời hạn một (1) tháng kể từ ngày kháng tố.

Điều thứ 40.— Các quyết-định khiển-trách có tước quyền tham dự vào Hội-đồng Luật-sư, đình chỉ hành nghề hay tập sự và gạch tên trong danh-biểu Luật-sư-đoàn đều có thể bị Luật sư bị phạt kháng-cáo. Sự kháng-cáo phải được ghi tại Văn-phòng Hội-đồng Luật-sư. Hồ sơ sẽ do Ông Thủ-lãnh chuyển đệ lên

Viện Chương-lý. Thời hạn kháng-cáo là một (1) tháng kể từ ngày Luật-sư bị phạt nhận được quyết-nghị của Hội-đồng Kỷ-luật. Nếu quyết-nghị là khuyết-tịch, thời hạn kháng-cáo bắt đầu từ ngày mãn hạn kháng-tố.

Viện Chương-lý cũng có quyền kháng-cáo các quyết-nghị của Hội-đồng- Kỷ-luật. Sự kháng-cáo này cũng được thi hành theo thủ tục và trong thời hạn nói trên. Tòa Thượng-Thẩm sẽ nhóm Đại-hội tại Phòng nghị án để xét xử việc kháng cáo.

Thời hạn kháng-cáo và sự kháng-cáo có hiệu lực đình chỉ việc thi hành các biện-pháp hình phạt.

Mọi phúc quyết của Tòa Thượng-Thẩm đều có thể được thượng-tố lên Tòa Phá án.

Điều thứ 41.— Trong khi biện-hộ hay trong các giấy tờ luật-sư nào không làm tròn nhiệm-vụ trái với lời thề quy định ở điều tám (8) thì Tòa án nào thụ lý việc ấy sẽ chiếu lời kết luận của Công-tố-viện mà xử phạt ngay luật-sư đó.

Các vi phạm vi luật-sư đã tiết-lộ bí mật của công việc thẩm cứu, nhất là việc tương thông cho người khác biết những tin tức trích ở trong hồ sơ ra hay là công-bố các tài liệu, văn kiện hay thư từ liên can đến công việc điều tra đang tiến hành, thì sẽ bị trừng phạt theo các điều-kiện dự liệu từ điều ba mươi sáu (36) đến điều bốn mươi (40) luật này.

Những khoản tuyên phạt sẽ là những khoản kể ở điều ba mươi bảy (37).

Điều thứ 42 — Các điều khoản trên này không thay đổi quyền của các Tòa án trừng phạt những lỗi lầm của luật-sư tại phiên Tòa.

Điều thứ 43.— Việc xử dụng quyền trừng phạt về kỷ-luật vẫn không làm trở ngại đến quyền của công-tố-viện, hay của dân sự nguyên cáo, khi cho rằng có lý do chính-đáng để truy tố một luật-sư trước Tòa án để xin trừng phạt các hành vi phạm pháp về tiêu hình hay đại hình của luật-sư đó.

THIÊN VI

Điều-khoản tổng-quát

Điều thứ 44.— Chức-nghiep luật-sư không thể kiêm-nhiệm với mọi chức-vụ về tư-pháp, hành-chánh, trừ trường-hợp quyền-nhiếp chức-vụ thẩm-phận nói ở điều (28) và chức-vụ Chủ-tịch Viện Bảo-Hiến hoặc Hội-Thẩm tại Viện Bảo-Hiến,

Tuy nhiên Luật-sư có thể kiêm-nhiệm chức-vụ giáo-sư, giảng-sư hay giảng-viên luật-học tại các Đại-học-Đường.

Luật-sư nào đã ghi tên vào Luật-sư-Đoàn và được trao một ủy-nhiệm dân-cử thì trong thời-gian được trao cho ủy-nhiệm đó không được tự mình hay nhờ một đồng-nghiep khác làm một hành-vi gì thuộc chức-nghiep luật-sư trong những vụ bị đem ra truy-tố về hình-sự vì có tổn-hại đến tín-dụng hay tiết-kiệm của công-chúng và đến sự an-ninh quốc-gia.

Trong suốt thời-gian lãnh ủy-nhiệm dân-cử, Luật-sư cũng không thể tự mình hay nhờ người trung-gian làm một hành-vi gì thuộc chức-nghiep Luật-sư để chống lại Quốc-gia và các công-sở của Quốc-gia ; chống lại tỉnh và thị-xã đã bầu Luật-sư ấy lên, chống lại các công sở và thị-xã ấy, chống lại các làng xã thuộc các tỉnh ấy.

Vi phạm các điều-khoản trên luật-sư sẽ bị đưa ra trước Hội-đồng Kỷ-luật.

Điều thứ 45.— Những chi-tiết có liên-quan đến bổn-phận tổng-quát của Luật-sư trong khi thi-hành chức-vụ, nhất là trong việc giao-thiệp với Toà-án, giữa đồng-nghiep, với thân-chủ cũng như các biện-pháp chế-tài, sẽ do nội-quy của mỗi luật-sư-đoàn quy-định.

Trong thời-hạn sáu (6) tháng kể từ ngày ban-hành luật này, các nội-quy hiện-hữu của các luật-sư-đoàn sẽ được điều-chỉnh cho phù-hợp với các điều-khoản của Luật này.

Điều thứ 46.— Chậm nhất là trong niên-khoá tiếp cận sau ngày ban-hành luật này, kỳ thi lấy chứng-chỉ khả-năng hành-nghề luật-sư đầu tiên sẽ được tổ-chức.

Phòng tập-sự nói ở điều mười (10) cũng sẽ được thiết-lập và bắt đầu hoạt động chậm nhất là một (1) năm sau ngày ban-hành luật này.

Điều thứ 47.— Trong thời-gian chuyển-tiếp hai (2) năm kể từ ngày ban-hành luật này, các ứng-viên hội đủ những điều-kiện nói trong điều bảy (7), ngoại trừ điều-kiện đã trúng-tuyển kỳ thi khả-năng hành-nghề Luật-sư, vẫn có thể xin ghi tên vào danh-biểu luật-sư tập-sự nhưng hết hạn tập sự, muốn được ghi tên vào danh biểu Luật thực-thụ, thì phải xuất-trình chứng-chỉ khả-năng hành-nghề luật-sư.

Điều thứ 48.— Các Luật-sư tập-sự đã tuyên-thệ hành-nghề trước ngày ban hành luật này, vẫn phải hội đủ các điều-kiện (kể luôn điều-kiện trúng-tuyển kỳ thi mãn hạn tập-sự ba (3) năm) ghi nơi điều ba (3) Dự số 25 ngày 5-12-1952, sửa đổi bởi Dự số 41 ngày 15-11-1954, mới được ghi tên vào danh-biểu Luật-sư thực-thụ.

Điều thứ 49.— Những điều khoản có trước trái với luật này đều bãi bỏ.

Luật này sẽ đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hoà.

Saigon ngày 8 tháng 1 năm 1962

Ký tên : NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

*Nghị định số 111-BTP-NĐ ngày 4 tháng 2 năm 1950
ấn-định pháp-quy của Thừa-phát-lại Việt-nam.*

TỔNG-TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP

Chiếu dụ số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức và điều hành các cơ quan công quyền :

Chiếu dụ số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức quy chế các công sở

Chiếu dụ số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 ấn-định cách tổ-chức Tư pháp quốc-gia.

Chiếu dụ số 5 ngày 18 tháng 10 năm 1949 ấn định cách tổ-chức Tối-cao Pháp viện ;

Chiếu sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định chức chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp;

Chiếu văn thư số 10-SG ngày 8 tháng 2 năm 1949 của Chánh-phủ Trung-ương Lâm thời Việt-Nam và các bản văn tu-chính tiếp sau ấn-định pháp-quy tạm thời của ngạch quyền thẩm-phán Việt-nam;

NGHỊ ĐỊNH :

Điều thứ 1.— Pháp-quy của thừa-phát-lại Việt-Nam được ấn-định như sau :

CHƯƠNG I

Việc bổ-nhiệm và trú sở của Thừa-phát-lại

Điều thứ 2.— Trong toàn cõi Việt-Nam, các chức vụ thừa-phát-lại đều do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp Việt-Nam thiết-lập.

Điều thứ 3.— Trú sở của thừa-phát-lại do đạo nghị-định thiết-lập chức-vụ này ấn-định. Tại một địa điểm, có thể đồng thời thiết lập nhiều chức vụ thừa-phát-lại.

Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp, nếu xét ra cần, có thể định rõ trú sở của thừa-phát-lại ở một nơi không phải là trụ sở của chính tòa án mà họ được bổ vào làm việc.

Thừa-phát-lại thi-hành chức-vụ mình trong phạm-vi quản-hạt tòa Sơ-thẩm hộ mà trú sở của họ bị phụ thuộc.

Điều thứ 4.— Bất luận trường hợp nào, họ cũng không thể đòi một món tiền phụ cấp gì vì có thiết lập thêm một chức-vụ mới.

Điều thứ 5.— Những người được thực-thụ chức-vụ thừa-phát-lại đều do Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ra nghị-định bổ nhiệm theo những thể thức sau đây :

Mỗi khi khuyết một chức-vụ thừa-phát-lại cần phải cử người thực thụ điền thế, thì một hội-đồng gồm có.

1o) Chương-lý Giám-đốc Sở tư-pháp sở quan ;

2o) Chánh nhất Tòa Thượng-thẩm.

3o) Phó Chương-lý thẩm niên nhất.

sẽ họp đề xét tư cách của những người ứng-tuyển ; những người này phải có đủ điều-kiện định trong Chương thứ II đạo nghị định này. Xong, hội-đồng sẽ chọn lấy nhiều nhất là 3 người xem ra có đủ các điều-kiện về kiến thức và đức hạnh hơn hết.

Hồ sơ của những người này kèm theo biên bản cuộc thảo luận của hội-đồng sẽ do ông Chương-lý, Giám-đốc sở Tư-pháp địa-phương sở quan đệ lên Tổng Trưởng Bộ Tư-pháp. Tổng Trưởng Bộ Tư-pháp sẽ chọn người để bổ nhiệm vào chức-vụ thừa-phát lại bị khuyết này và sẽ không bắt buộc phải theo thứ tự trên dưới do hội-đồng nói trên đã thừa-nhận.

Mỗi thừa-phát-lại chỉ có thể thực-thụ vào một chức-vụ thôi.

Điều thứ 6.— Thừa-phát-lại bắt buộc phải cư trú trong những thành phố mà họ đã được bổ-nhiệm theo các điều 2, 3 và 4 nói trên.

CHƯƠNG II

Điều-kiện cần thiết để được bổ nhiệm làm Thừa-phát-lại

Điều thứ 7.— Không ai có thể được bổ vào chức-vụ Thừa-phát-lại nếu không đúng 25 tuổi chẵn và không có những điều-kiện sau đây ;

- 1) Công-dân Việt-Nam
- 2) Lương thiện
- 3) Có sức khoẻ để đảm đương công việc thừa-phát-lại.
- 4) Chứng tỏ đã làm các công việc do các điều sau ấn-định.
- 5) Dự một kỳ thi chuyên-nghiep, trong trường hợp bắt buộc phải thi.

Thí sinh phải kèm vào đơn ứng thi bản trích sao tư-pháp lý-lịch của mình.

Điều thứ 8.— Những người sau đây có thể được bỏ vào chức vụ thừa-phát-lại sau khi đã trúng tuyển kỳ thi chuyên nghiệp mà chương trình và điều-kiện ứng thi do nghị-định của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ấn-định :

1) Thông ngôn các sở Tư-pháp của Pháp và Thư-ký lục-sự các Tòa-án Việt-Nam đã thực sự làm việc ít nhất là 5 năm.

2) Thư-ký của thừa-phát-lại, của Công chứng (Quản-lý văn khố) hay của luật-sư đã làm việc đủ 3 năm.

Điều thứ 9.— Những người sau đây nếu có đủ những điều kiện nói trong điều thứ 7 (các mục 1, 2, 3, 4) có thể được bỏ thẳng vào chức vụ thừa-phát-lại :

— Các vị Thẩm-phán các Tòa-án Pháp và Việt-Nam.

— Những viên giám-thu hay viên chức cao cấp Sở Trước bạ.

— Những luật-sư, công chứng, cử-nhân luật, những người đậu bằng luật-học Đông-Dương hay có một cấp bằng của trường Pháp-Chính cũ ở Hà-nội.

— Chánh lục-sự ngạch Pháp, Tham-tá Lục-sự ngạch Pháp đã làm việc ít nhất là 3 năm, Tham-tá thông ngôn các sở Tư-pháp đã làm việc ít nhất được 5 năm, Lục-sự các Cựu Tòa-án đệ-nhi cấp Việt-Nam, đã thực sự làm việc ít nhất được 5 năm, và những thư ký trưởng của thừa-phát-lại đã làm việc ít nhất là 1 năm.

Điều thứ 10.— Có thể được bỏ thẳng làm thừa-phát-lại Việt-Nam theo đạo nghị-định này, những thừa-phát-lại đương

tại chức ở các cơ quan Tư-pháp của Pháp và những thừa-phát-lại cũ của các cơ quan này không phải vì bị trừng phạt về kỷ luật mà thôi việc.

Điều thứ 11.— Những thừa-phát-lại Việt-Nam tại chức cùng những cựu thừa-phát-lại Việt-Nam chưa bị trừng phạt về phương diện kỷ-luật có thể được bổ thăng ngay làm thừa-phát-lại theo đạo nghị-dịnh này mà không cần phải chứng minh khoản gì mới cả.

CHƯƠNG III

Quyền-hạn và nhiệm-vụ của Thừa-phát-lại

Điều thứ 12.— Thừa-phát-lại là những công lại do luật-pháp giao cho việc làm các truyền phiếu, các việc lục-tổng thuộc về Tư-pháp hay không thuộc về Tư pháp, việc thi hành các bản án, các công văn, cùng là công việc nội bộ trong các tòa án Việt-Nam.

Điều thứ 13.— Bất cứ thừa-phát-lại nào, trong phạm vi quản hạt tòa án Hộ mà họ cư trú đều có thể làm được tất cả các hành vi nào thuộc thẩm-quyền các thừa-phát-lại.

Về các việc lục-tổng hay tổng-đặt các bản án (các bản án của tòa thượng-thẩm hay các tòa án cấp sơ-thẩm) các chuẩn-bị phán quyết và trung gian phán quyết, cùng thi hành tất cả các thủ tục tố tụng tại phiên tòa, thì chỉ người Thừa-phát-lại được ủy-nhiệm mới có quyền làm mà thôi.

Điều thứ 14.— Thừa-phát-lại không thể vượt quá quyền hạn của mình, nếu bất tuân sẽ bị huyền chức và có thể bị bãi chức nếu cần. Tất cả các hành vi nào thuộc thẩm-quyền luật-sư hay mọi việc đại diện người đương sự mà kiện tụng, đều nhất thiết cấm hẳn đối với thừa-phát-lại.

Ngoài ra, cấm họ làm người biện hộ hay đại diện với tư cách thụ-ủy của đương-sự trước các Tòa-án, nếu bất tuân sẽ bị phạt bạc từ 500\$ đến 2.000\$, chưa kể các khoản trừng phạt về kỷ luật, do đoạn thứ nhứt điều này chỉ định. Sự cấm chỉ đó cũng được thi hành đối với các thủ tục thử hòa giải.

Khi nào các thừa-phát-lại thay mặt hay phụ tá vợ họ, thân thuộc hoặc thích thuộc của họ về trực hệ, hay khi nào họ là người giám hộ những người này, thì điều cấm chấp nói trên sẽ không áp dụng nữa.

Điều thứ 15.— Các truyền phiếu đều phải lục tổng đúng theo thể lệ tổ tụng hiện hành tại Việt-Nam.

Điều thứ 16.— Nếu được triệu dụng, thừa-phát-lại bắt buộc phải thi hành nhiệm vụ mình, bất luận người triệu dụng mình là ai trừ phi những người đó là : thân thuộc, hay thích thuộc về trực hệ, hoặc thân thuộc hay thích thuộc về bàng hệ kỳ cho đến hạng : cháu chú, cháu bác, cháu cô, cháu cậu, cháu dì.

Thừa-phát-lại nào, phạm vào các điều ấn-định trong đoạn này, hoặc từ chối không làm phận sự trong một thủ tục do Công-tổ-viện yêu cầu, hay không làm phần việc mà họ phải làm ở Tòa án họ tùy thuộc hoặc đã có lệnh của ông Chánh-án hay Biện-lý Tòa-án đó truyền làm mà vẫn thoái thác không chịu làm, sẽ bị triệt hồi, chưa kể đến những sự bồi thường thiệt hại hay những trừng phạt khác do đó có thể sinh ra.

Điều thứ 17.— Trừ trường hợp có sự cho phép thì không kể còn thì cấm ngặt các thừa-phát-lại không được hành động ngoài phạm vi quản hạt của mình, nếu bất tuân sẽ bị huyền chức, tái phạm sẽ bị triệt hồi và bồi thường thiệt hại.

Điều thứ 18.— Các thừa-phát-lại Việt-Nam không thể làm công việc lục tổng hay thi hành việc gì trước 5 giờ sáng và sau 7 giờ chiều ; họ cũng không thể làm công việc trên trong những ngày lễ hợp pháp, trừ các việc thuộc về hình sự.

Bất luận về việc nào và bất cứ đối với đương sự nào, nếu ông Thẩm-phán cho phép thì có thể được miễn không phải tuân theo các điều lệ nói trên và có thể lục tổng hay thi hành ngay trong những ngày lễ.

Điều thứ 19.— Thừa-phát-lại bắt buộc phải có mặt trong các phiên tòa để làm các nghi thức cần thiết. Trong trường hợp này họ sẽ được hưởng một khoản phụ cấp mà cách thức ban

cấp sẽ do nghị định của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ấn định. Các thừa-phát-lại sẽ thay phiên nhau để làm các nghị thức trong các phiên tòa. Việc cất cử này, nếu là thừa-phát-lại Tòa Thượng-thẩm thì thuộc quyền ông Chánh-nhất, nếu là thừa-phát-lại các tòa cấp Sơ-thẩm sẽ thuộc quyền ông Chánh-án.

Điều thứ 20.— Dù trực-liếp hay gián-liếp, thừa-phát-lại cũng không thể đứng mua các tài sản mà họ đã được lệnh tịch thu hay được ủy nhiệm phát mãi; nếu không tuân, sẽ bị huyền chức hay triệt hồi. Nếu tái phạm, bất luận trường hợp nào, sẽ bị triệt hồi.

Cấm hẳn những thừa-phát-lại không được trở nên những người thụ nhượng các món nợ mà họ có trách nhiệm đòi rồi tự mình hay nhờ trung gian đứng kiện về các khoản nợ đó, nếu không, sẽ bị trừng phạt y như trên.

Điều thứ 21.— Giá biểu các hành-vi của thừa-phát-lại cùng vận-phí ở trước tòa-án đều do nghị-định của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ấn định.

Điều thứ 22.— Trong những trường hợp mà chiếu lệ, thừa-phát-lại được hưởng phụ cấp đi đường, đối với toàn thể những hành-vi mà họ phải làm trong một xã thôn hay trong 1 nơi nào đó, họ chỉ được hưởng một khoản tiền vận phí độc nhất thôi. Những giấy tờ mà chiếu theo nhiệm vụ, họ phải làm thành bao nhiêu bản chính, thì số tiền vận phí nói trên sẽ được chia ra làm bằng ấy phần đều nhau, rồi lấy thương-số này mà tính lệ phí của mỗi hành-vi.

Các điều trên cần phải làm đúng, nếu không, khoản lệ phí sẽ bị bác và phải hoàn lại số tiền cho đương-sự.

Điều thứ 23. - Các thừa-phát-lại bất luận vì nguyên-nhân hay duyên cớ gì, đều không được đòi hỏi một số tiền nhiều hơn số tiền đã định trong giá biểu hiện hành, hoặc đòi tiền phí tổn nào khác số tiền công về hành vi của họ.

Nếu không tuân theo các điều trên, họ sẽ bị triệt hồi, ngoài ra, lại còn có thể khếp vào khoản trừng-phạt khác nữa.

Điều thứ 24.— Thừa-phát-lại nào không tự tay mình hoặc do viên thư-ký đã tuyên-thệ của mình giao cho đích thân đương sự hay tại trú sở người đương-sự, những truyền phiếu hay bản sao các giấy tờ mà họ đã được ủy thác lục tổng, sẽ bị huỷ chức ba tháng, chưa kể đến những sự bồi thường thiệt hại cho đương-sự hoặc là bị truy tố về mặt hình, nếu cần.

Điều thứ 25.— Những bản sao các công-văn, các án-văn, các bản án của Tòa Thượng-thẩm hay các Tòa cấp sơ-thẩm hoặc các giấy tờ khác do thừa-phát-lại làm điều phải biên cho đúng và cho rõ-ràng nếu không sẽ không được tính lệ-phí.

Điều thứ 26.— Để cho việc tính lệ-phí được dễ dàng, các Thừa-phát-lại không những phải ghi chép vào dưới bản chính, hoặc bản sao các bản văn, số tiền họ được phép thu, mà lại phải ghi chú ngoài lề bản chính bản văn đó, số bản sao lập ra, và ghi rõ chi-tiết các khoản lệ-phí, giá tiền của một việc và nhất là các quãng đường đã phải đi.

Điều thứ 27.— Thừa-phát-lại phải giữ một quyển sổ mục-lục các bản văn mà họ được ủy nhiệm tổng-đặt. Sổ đó phải đánh số và do Ông Chánh-án hoặc Ông Thẩm-phán đứng ủy-thác kiểm nhận vào.

Tất cả các truyền phiếu đều phải ghi chép vào từng ngày một.

Mỗi một khoản trong sổ mục-lục phải có đủ ;

- 1) Số hiệu ;
- 2) Ngày tháng lập bản văn ;
- 3) Tính chất của bản văn ;
- 4) Tên họ người đương-sự cùng trú quán và trú sở của họ ;
- 5) Chú-thích về tài-sản, vị-trí cùng giá tiền của các tài-sản đó, trong trường-hợp mà các bản văn có dính liú đến quyền sở hữu, quyền hưởng-dụng hoa-lợi các bất-động-sản ;
- 6) Số đăng ký ở sở Trước-bạ, cùng là số tờ và số tiền tem dán trên giấy tờ đó về mỗi truyền phiếu.

Những sổ tiền lệ phí, sổ tiền phí tổn đi đường hay chuyển vận có chú rõ các quãng đường đều phải ghi vào sổ mục-lục theo những cột riêng biệt ; các món tiền thuê mướn mà thừa-phát-lại chiếu theo bảng lệ phí giá mục hiện-hành trước tòa-án, đã phải ứng ra, cũng phải ghi vào trong một cột riêng ở sổ mục-lục này.

Sổ mục-lục, cứ ba tháng một lần, sẽ phải đưa trình Ông Giám-thu sổ Trước-bạ kiểm nhận, nếu bất tuân sẽ bị phạt một số tiền là 500\$00.

Nếu khám xét thấy sự khiếm khuyết hoặc bỏ sót các chỉ-thị trên đây sẽ bị phạt bạc 500\$00.

Điều thứ 28.— Các chức vụ thừa-phát-lại không thể kiêm-nhiệm với bất cứ một chức vụ công nào mà được trả lương cả. Nhưng tạm thời các nhân viên ngạch Hành-chánh có thể kiêm quản công việc thừa-phát-lại.

Cấm hẳn không cho thừa-phát-lại được lấy tên mình hay lấy tên vợ, để đứng hoạt động trong một vài ngành thương-mãi hay trong một vài nghề-nghiệp mà danh sách sẽ do Nghị-định của Tổng-trưởng Bộ Tư-Pháp ấn định, tỷ như Quản-lý một khách-sạn, một hàng cà-phê, một tiệm rượu hay một tiệm ăn, chủ một nhà chứa bạc . . . ; nếu bất tuân sẽ bị coi như đã tự ý từ chức và sẽ bị thay thế.

Điều thứ 29.— Trong trường-hợp do luật-pháp ấn định mà thừa-phát-lại chỉ có thể thi-hành nhiệm-vụ mình nhờ sự giúp sức của nhân chứng, thì những nhân chứng này phải là những Công-dân Việt-Nam, thành niên, biết ký, có đủ công-quyền thi hơn. Những nhân chứng này có thể hoặc nam hay nữ, duy hai vợ chồng không thể cùng đứng làm chứng trong một bản văn được.

CHƯƠNG IV

Tiền ký quỹ

Điều thứ 30.— Thừa-phát-lại bắt buộc phải ký quỹ một số tiền dùng để trả những khoản tiền phạt mà họ có thể bị Tòa bắt buộc phải nộp vì phạm lỗi trong khi thừa hành nhiệm vụ.

Khi tất cả hay một phần số tiền ký quỹ này đã được dùng để trả các khoản tiền phạt nói trên, Thừa-phát-lại sẽ bị huyền chức ký cho đến ngày lại nộp được đủ số tiền ký quỹ theo nguyên số. Nếu trong hạn 6 tháng, thừa-phát-lại không nộp đủ số tiền ký quỹ, họ sẽ bị coi như đã tự ý từ chức và Chương-lý Giám-đốc Sở Tư-pháp địa-phương sở-quan có thể đề cử người khác để thay thế.

Điều thứ 31.— (sửa đổi bởi nghị định số 399 BTP/NB ngày 18-10-1950).

Giá ngạch tiền ký quỹ, nói trong điều trên được ấn-định như sau :

1) Đối với những thừa-phát-lại các thành phố Saigon, Hà-nội, Hải-phòng và Huế là 10.000\$.

2) Đối với những thừa-phát-lại lập tại các quận-hạt tư-pháp khác là 5.000\$.

Tiền ký quỹ sẽ biên nạp vào mục ký thác hành-chánh lập trong các sổ sách của Tổng-giám-đốc Ngân-kho tại Saigon và Giám-đốc Ngân-kho địa-phương tại Hà-nội và Huế. Tiền ký quỹ đó bắt buộc phải đóng toàn bằng tiền mặt.

Ngoài những điều khoản đặc-biệt ấn-định trong nghị-định này tiền ký-quỹ của các thừa-phát-lại về cách thức đóng góp bảo tồn và hoàn trả vẫn do những luật lệ hiện-hành chi phối.

Chương-lý trong mỗi quận-hạt phải kiểm soát các sổ tiền ký-quỹ cùng là đốc suất sự thi hành các thể lệ qui-định về việc đó.

CHƯƠNG V

Thư-ký và Thừa-phát-lại

Điều thứ 32.— Mỗi thừa-phát-lại có thể nhận một thư-ký trưởng và một hay nhiều thư-ký đề trợ lực mình.

Điều thứ 33.— Các thư-ký thừa-phát-lại đều được ghi tên vào một bản danh biểu do phòng Lục-sự tòa Thượng thẩm, căn

cứ vào giấy chứng nhận của viên thừa-phát-lại đã thu dụng họ mà lập ra và theo rồi hằng ngày.

Điều thứ 34.— Muốn được ghi tên vào danh biểu, thư-ký thừa phát lại phải đủ 17 tuổi và có hạnh kiểm tốt.

Điều thứ 35.— Bất cứ thư-ký nào rời bỏ văn-phòng thừa-phát-lại, sẽ bị gạch tên ở danh biểu thư-ký tập-sự và chỉ được ghi tên lại khi nào được một văn-phòng thừa-phát-lại khác thu nhận cho làm việc. Trong trường hợp này thứ tự của họ trong bản danh biểu các thư-ký thừa-phát-lại sẽ được ấn-định tùy theo thời gian thực sự tập việc của họ.

Điều thứ 36.— Chiếu lời đề-nghị của ông Chương-lý, Giám đốc Sở Tư-pháp sở quan, Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp sẽ ra nghị-định đề ban cấp trật thư-ký trưởng. Mỗi văn-phòng thừa-phát-lại chỉ có 1 thư-ký trưởng là cùng.

Điều thứ 37.— Muốn được bổ nhiệm vào trật thư-ký trưởng phải có đủ những điều kiện sau đây:

- 1) Công dân Việt-Nam;
- 2) đủ 24 tuổi;
- 3) Chứng minh rằng có một thừa-phát-lại chuẩn hứa nhận vào tập việc ;
- 4) Đã tập sự hai năm tại một phòng giấy của công-chứng của thừa-phát-lại hay của luật-sư.

Kèm theo đơn xin bổ-nhiệm, người đứng xin phải xuất trình một bản trích sao tư-pháp lý-lịch.

Điều thứ 38.— Được miễn trừ điều kiện cuối cùng do điều thứ 37 đoạn thứ 4 ấn định, những người đứng xin kê rõ trong điều thứ 8 nói trên.

Điều thứ 39.— (Bổ túc bởi nghị định số 359-BTP/NĐ ngày 2-8-1952). Ngoài những điều kiện nói trên, những người xin bổ-nhiệm làm Thư-ký trưởng phải trúng tuyển một kỳ thi chuyên-nghiep mà chương trình và điều kiện ứng thi sẽ do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp ấn định.

Tuy nhiên, các thư-ký trưởng thừa-phát-lại thuộc cựu cơ-quan tư-pháp của Pháp mà có đủ 3 điều kiện (1, 2, và 3) dự liệu ở điều thứ 37 trên đây thì được miễn thi chuyên-nghiệp và được bổ thẳng vào chức vụ thư-ký trưởng.

Điều thứ 40.— Các thư-ký-trưởng đều được ghi tên trong danh biểu để ở phòng lục-sự Tòa Thượng-thẩm theo thứ tự ngày bổ nhiệm. Trong trường hợp thay đổi văn phòng thừa-phát-lại, thứ tự của họ trong danh biểu thư-ký trưởng thừa-phát-lại sẽ được ấn định tùy theo thời gian thực sự làm việc của họ.

Điều thứ 41.— Trong trường hợp vắng mặt hay mất bận, Thừa-phát-lại có thể cử viên thư-ký-trưởng làm việc trong văn phòng mình, đã được bổ nhiệm theo thể lệ nói trên, để thay thế cho mình. Viên thư-ký-trưởng lúc đó phải tuyên thệ.

Về mỗi chức-vụ thừa-phát-lại, số người có mặt để thi hành nhiệm-vụ, không bao giờ quá số 2.

Trong trường hợp không có thư-ký trưởng hay trong khi thư-ký trưởng vắng mặt hoặc mất bận, thừa-phát-lại lại vắng mặt hoặc mất bận sẽ do một trong các bạn đồng nghiệp thay thế cho, nếu ở nơi đó có nhiều thừa-phát-lại, bằng không sẽ do một thừa-phát-lại lâm thời được cử ra thay thế tạm. Cả hai đều phải do định-lệnh của ông Chánh-án chỉ định. Định-lệnh đó có thể nói rằng thừa-phát-lại lâm thời được cử ra để thay thế người kia, có đủ tư-cách để lục tổng bất cứ bản văn nào thuộc về thủ-tục tố-tụng trong thời gian mà người thực-thụ bị mất bận.

Điều thứ 42.— Bất cứ hành vi nào của thư-ký-trưởng, được ủy-nhiệm thay thế cho thừa-phát-lại vắng mặt hay mất bận đều được đảm bảo bằng số tiền ký quỹ của người này và người này phải chịu trách-nhiệm về các hành-vi đó. Riêng về phần mình, thư-ký-trưởng được miễn, không phải nộp một khoản tiền ký quỹ nào cả.

Điều thứ 43.— Trong trường-hợp không có thư-ký-trưởng, thừa-phát-lại nghỉ việc, sẽ được nghị-định của Tổng-Trưởng

Bộ Tư-pháp chiếu lời đề-nghị của ông Chương-ly Giám-đốc Sở Tư-pháp địa-phương sở quan, cử người tạm thời thay thế.

Sẽ chọn lựa nếu có thể được, trong số các thư-ký thừa-phát-lại đã ghi tên trên danh-biểu tập-sự một người quyền nhiếp chức-vụ thừa-phát-lại và người này sẽ phải tuyên-thệ.

Nghị-định cử họ sẽ định đoạt số tiền công của họ.

Điều thứ 44.— Trái với điều thứ 18 ở trên, các Tòa Thượng-thẩm hay các Tòa Sơ-thẩm có thể cho phép thư-ký-trưởng thay thế thừa-phát-lại tại phiên tòa, ngoài cái trường-hợp nói ở điều thứ 58 dưới đây.

CHƯƠNG VI

A — Tuyên-thệ

Điều thứ 45.— (Sửa đổi bởi nghị-định số 399 - BTP/NB ngày 18-10-1950).

Trước khi nhận việc và hạn trong một tháng kể từ ngày tiếp nhận được bản nghị-định bổ nhiệm các thừa-phát-lại bắt buộc phải tuyên-thệ; nếu thừa-phát-lại ở Hà-nội, Saigon và Huế thì tuyên-thệ trước các Tòa Thượng-thẩm; nếu là thừa-phát-lại ở chỗ khác thì tuyên-thệ trước các tòa-án mà họ làm việc, họ phải tuyên-thệ như sau : « Tôi xin theo đúng các đạo luật, sắc-lệnh, nghị-định và thể-lệ liên-quan đến chức-vụ tôi và thi-hành nhiệm vụ tôi một cách ngay thẳng và chính-trực. »

Thừa-phát-lại không thể làm một hành-vi gì thuộc về chức-vụ của họ nếu họ chưa tuyên-thệ và họ chỉ được phép tuyên-thệ nếu họ đã xuất-trình biên lai chứng nhận đã có nộp ít nhất là một phần năm (1/5) số tiền ký-quỹ định ở điều 31. Ngoài ra, họ còn được một thời hạn là một năm kể từ khi tuyên-thệ để trả dần theo cách đóng góp từng tháng cứ mỗi tháng là một phần mười hai (1/12) số tiền ký-quỹ còn lại tuy nhiên họ vẫn có thể trả tất cả số tiền đó trước hạn buộc. Nếu trong thời-hạn đã ấn-định các Thừa-phát-lại không nạp thanh đủ số tiền ký-quỹ, thì họ sẽ bị coi như đã từ-chức và Chương-

lý, Giám-đốc Sở-Tư-Pháp tại mỗi phần sở-quan có thể đề-nghị người thay thế.

Kẻ nào không tuyên-thệ đúng trong thời-hạn định trên thì sẽ coi như bị phế-bãi trong việc bổ-nhiệm của họ, trừ phi họ có thể chứng minh được rằng sự chậm trễ không do lỗi ở họ, trong trường-hợp này Tòa Thượng-thẩm hay tòa-án cấp Sơ-thẩm có thể tuyên-cáo giải trừ sự phế-bãi nói trên và thừa-nhận cho họ được tuyên-thệ.

B—Y-Phục

Điều thứ 46.— Các Thừa-phát-lại trong ngày có phiên tòa cũng như trong các công-lệ sẽ đội mũ vải, mặc áo dài đen tay rộng (bằng len hay lụa) không dải vắt vai, không có dải ở trước ngực, có một giải trắng bằng vải gấp nếp rủ xuống.

C—Vinh-Hàm

Điều thứ 47.— Hàm thừa-phát-lại danh-dự có thể do Tổng-trưởng Bộ Tư-Pháp chiếu lời đề-nghị của ông Chương-lý Giám-đốc Sở Tư-pháp địa-phương sở quan ra nghị-định đề ban cấp cho những thừa-phát-lại nào đã làm việc thực sự trong 10 năm.

CHƯƠNG VII

Kỷ-luật thuộc về thừa-phát-lại

Điều thứ 48.— Thừa-phát-lại nào phạm vào những điều cấm chấp-định trong nghị-định này hoặc phạm vào kỷ-luật, sẽ bị ông Chương-lý tòa Thượng-thẩm có quyền quản-hạt đối với họ, truy-tố, dù rằng không có ai khiếu-nại cả.

Những việc truy-tố trước pháp-luật có thể làm cho thừa-phát-lại phải bị phạt tiền hay phạt bồi thường, đều phải đưa đến trước tòa-án sơ-thẩm hoặc tòa hòa-giải có rộng quyền, nơi mà thừa-phát-lại làm việc.

Điều thứ 49.— Những khoản trừng phạt có thể đem thi-hành đối với các thừa-phát-lại là :

1')— cảnh-cáo

2')— khiển-trách nhẹ

3')— khiển-trách nặng

4')— huyền chức

5')— thay thế, vì Thừa-phát-lại không ở ngay tại trụ sở của mình hoặc bất tuân các điều cấm chấp-định trong điều thứ 27 nghị-định này;

6')— triệt hồi.

Điều thứ 50.— Tùy theo trường-hợp ông Chủ-đạo-tòa Thượng-thẩm sau khi nghe các thừa-phát-lại liên-can trình-bày sẽ hoặc cảnh-cáo họ, hoặc khiển-trách nhẹ hay khiển-trách nặng họ.

Đối với các khoản trừng phạt khác, ông Chủ-đạo-tòa sẽ tự mình hoặc chiếu lời yêu-cầu của đương-sự, đề-nghị lên Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp những phương-pháp cần phải thi-hành.

Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ định-đoạt sự trừng-phạt sau khi đã hỏi ý-kiến tòa Thượng-thẩm sở quan. Tòa này trước khi phát-biểu ý-kiến sẽ đòi thừa-phát-lại vào phòng nghị-án để nghe lời khai-trình, viên này có thể nhờ người biện hộ cho mình.

Điều thứ 51.— Thừa-phát-lại nào bị huyền chức triệt hồi hay bị người khác thay thế khi tiếp được giấy báo thị về các khoản trừng-phạt trên, phải tức khắc ngưng làm việc ngay, nếu không, sẽ bị xử bồi-thường thiệt-hại hoặc khép vào các hình phạt mà pháp-luật ấn-định để thi-hành đối với những công-chức nào bị huyền-chức hay triệt hồi mà vẫn còn hành sử chức vụ của mình.

Thừa-phát-lại bị huyền-chức chỉ có thể tiếp tục thi hành nhiệm-vụ mình, khi nào đã mãn hạn huyền-chức thôi; nếu không sẽ bị trừng-phạt y như trên.

Điều thứ 52.— Trong suốt thời-kỳ bị huyền-chức và trong trường-hợp bị triệt-hồi thì kể từ ngày bị triệt-hồi cho đến khi

cử người thay-thế cho viên thừa-phát-lại bị triệt-hồi; tòa Thượng-thẩm phải cử một người thừa-phát-lại khác để quản-lý công việc trong văn phòng của người bị trừng-phạt hoặc chỉ định một người thừa-phát-lại lâm thời, thay thế, chiếu theo đoạn thứ 3 điều thứ 41 nghị-định này.

Trong suốt thời-kỳ quyền nhiếp số lợi thu được về chức-vụ này đều thuộc về phần thừa-phát-lại đã được ủy-nhiệm hay đã được chỉ định. Cấm hẳn những người này không được phép nhượng lại một phần số lợi đó cho thừa-phát-lại bị huỷ-chức hay triệt hồi dù theo một thể-thức nào mặc lòng nếu bất tuân sẽ bị trừng-phạt theo điều thứ 49.

CHƯƠNG THỨ VIII

Linh - tinh

Điều thứ 53.— Thừa-phát-lại không có quyền tiền cử người thừa kế mình. Những bản giao-ước, những điều ấn-định hay những lời hứa-hẹn dưới bất cứ hình thức nào có mục đích làm cho một thừa-phát-lại thực thụ xin thôi việc để cho khuyết chức vụ thừa-phát-lại đó đều bất hợp pháp và vô hiệu.

Những số tiền đã nhận được theo những lời cam kết trên sẽ phải hoàn lại. Vị thực thụ thừa-phát-lại nào đã đánh giá sự từ chức của mình sẽ bị triệt hồi. Người mà thương-lượng điều đình với bên kia và nhờ đó đã được bổ nhiệm, cũng bị trừng phạt như thế. Ngoài ra, cả hai người này đều bị phạt một số tiền gấp đôi số tiền đã trả hoặc giao ước với nhau.

Trong trường hợp này, tòa Thượng-thẩm theo lời truy-tố của công-tổ-viện sẽ tuyên án để xử phạt.

Điều thứ 54.— Trong trường-hợp thừa-phát-lại không đủ sức khoẻ để đảm đương nhiệm vụ mình ; sẽ cử người khác để thay thế, sau khi hỏi ý kiến một Hội-đồng mà thành-phần sẽ ấn-định trong một đạo nghị-định của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp.

Điều thứ 55.— Những giấy tờ về thủ tục tố-tụng thuộc về Đại-hình, Tiều-hình và Vi-cảnh có thể trao cho các nhân-viên thuộc Binh-lực quốc-gia tổng-đặt.

Điều thứ 56.— Việc tổng đạt các giấy tờ về thủ-tục tố-tụng bất cứ loại nào mà chỉ liên can đến người Việt-Nam thôi có thể giao cho các Hương-chức đảm nhiệm được, tuy nhiên, đương-sự có quyền mượn thừa-phát-lại để làm các công việc tổng-dạt này.

Điều thứ 57.— Thừa-phát-lại có thể làm cả công việc hồ-giá-viên tại nơi chưa thiết-lập chức vụ này.

Điều thứ 58. Trong trường-hợp mà tất cả các thừa-phát lại và những thư-ký trưởng của họ vắng mặt hoặc mắc bận, ông Chánh-án có thể ra định-lệnh cử một viên chức phòng lục-sự đảm-nhiệm công việc coi sóc nghi-thức trước phiên tòa

CHƯƠNG IX

Ngoài lệ

Điều thứ 59.— Trong những khu-vực Tư-pháp chưa có thừa-phát-lại, Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp có thể không cần phải theo đúng thể-lệ nói trên, sau khi hỏi ý-kiến ông Thủ - hiến địa-phương sở quan, cử một cảnh-sát-trưởng một cảnh-sát phó, một quận-trưởng, một bang-tá hay bất cứ một viên chức Việt-Nam nào khác để tạm thời làm công việc của thừa-phát-lại.

Bất luận lúc nào quyết-định trên cũng có thể thu hồi được. Hiệu lực của sự quyết-định này sẽ tức nhiên đình chỉ khi một thừa-phát-lại thực thụ được bổ nhiệm tại nơi đó. Trong hai trường hợp này, người thôi chức-vụ thừa-phát-lại, không vì thế mà được hưởng một món phụ-cấp gì cả.

Điều thứ 60.— Thừa-phát-lại tạm thời cũng hưởng những quyền-lợi và cũng phải chịu những nghĩa-vụ như Thừa-phát-lại thực thụ nhưng được miễn phải nộp tiền ký-quỹ.

Điều thứ 61.— Giám-đốc Nha Tư-pháp hành-chánh tại Bộ Tư-pháp, các ông Chủ-ông-lý Giám-đốc các sở Tư-pháp, Bắc, Trung, Nam Việt lãnh nhiệm vụ thi hành đạo nghị-định này.

Làm tại Saigon, ngày mồng 4 tháng 2 năm 1950

TỔNG-TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP

NGUYỄN-KHẮC-VỆ

NGHỊ-ĐỊNH số 959-BTP/ND ngày 20 tháng 12 năm 1956
sửa đổi nghị-định số 111-BTP/ND ngày 4 tháng 2 năm 1950
ấn-định quy-chế của Thừa-phát-lại.

BỘ-TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP

Chiếu Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 26 tháng 10 năm 1955 ;

Chiếu Sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng 10 năm 1955 được
sửa-đổi và bổ túc do các văn-kện kế tiếp ấn-định thành-phần Chánh-
Phủ ;

Chiếu Dụ số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 ấn-định cách tổ-chức
tư-pháp quốc-gia ;

Chiếu Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn-định
chức-chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Chiếu nghị-định số 111-BPT/ND ngày 4 tháng 2 năm 1950
ấn-định quy-chế của Thừa-phát-lại ;

NGHỊ - ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Điều 50 và điều 52 trong nghị-định số 111-BTP/ND ngày 4 tháng 2 năm 1950 ấn-định quy-chế của Thừa-phát-lại, nay được bãi bỏ và thay thế như sau :

Điều 50 mới : « Tùy theo trường hợp, Chương-Lý Tòa
« Thượng-Thẩm, có quyền cảnh cáo, khiển trách nhẹ hay khiển
« trách nặng các Thừa-phát-lại trong quản hạt, hoặc gởi cho họ
« những lời khuyên cáo thích đáng.

« Đối với các khoản trừng phạt khác, Chương-Lý Tòa
« Thượng-Thẩm sẽ tự mình hoặc chiếu lời khiếu-nại của các
« đương-sự, đề nghị lên Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp những phương
« pháp cần phải thi-hành. Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ định đoạt
« sự trừng phạt.

Điều 52 mới.— : « Trong suốt thời kỳ bị huyền chức và trong « trường hợp bị triệt hồi thì kể từ ngày bị mất chức cho đến « khi cử người thay thế, Chánh-Nhất Tòa Thượng-Thẩm sẽ ra « án-lệnh chỉ định một Thừa-phát-lại làm thời đề quyền nhiếp, « chiếu theo đoạn thứ 3 điều 41 nghị-định này.

Điều 2.— Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Tư-Pháp, Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm, Giám-Đốc Sở Tư-Pháp, Chánh-Nhất Tòa Thượng-Thẩm, chiếu nhiệm vụ thi-hành nghị-định này. Nghị-định này sẽ đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

Làm tại Saigon, ngày 20 tháng 12 năm 1956

Ký tên : NGUYỄN-VĂN-SĨ

Nghị-định số 259/BTP-NĐ ngày 26-5-1954 ấn định quy-chế hồ-giá-viên.

TỔNG TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP

Chiếu Dụ số 1 ngày 1-7-1949 tổ chức và điều-hành các cơ quan công quyền ;

Chiếu Dụ số 2 ngày 1-7-1949 tổ-chức quy-chế các công-sở ;

Chiếu Dụ số 4 ngày 18-10-1949 tổ-chức Tư-pháp quốc-gia ;

Chiếu Sắc-lệnh số 4-CP ngày 11-1-1954 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiếu Sắc-lệnh số 26-TP ngày 19-9-1949 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ;

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Qui chế hồ-giá-viên nay ấn định như sau :

CHƯƠNG I

Bổ nhiệm và cư sở của hồ-giá-viên

Điều thứ 2.— Các phòng văn của hồ-giá-viên đều do nghị-

định của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp thiết lập, di chuyển hay bãi bỏ. (1)

Điều thứ 3.— Cư sở của mỗi hồ-giá-viên sẽ do nghị-định thiết lập phòng văn ấn-định. Tại một nơi, có thể thiết lập nhiều phòng văn.

Nếu xét ra cần, Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp có thể ấn-định cư-sở hồ-giá-viên ở một nơi ngoài sở-ly quản-hạt tòa-án mà phòng văn thống thuộc.

Hồ-giá-viên hành sử chức-vụ trong toàn quản-hạt tòa-án dân-sự sơ-thẩm hay tòa hòa-giải rộng-quyền nơi cư sở của mình.

Điều thứ 4.— Những người thiết thọ chức-vụ hồ-giá-viên sẽ do nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp bổ nhiệm theo các thể thức sau đây.

Mỗi khi mới thiết lập một phòng văn cần phải bổ người đảm nhiệm hay có một phòng văn nào huyền-khuyết cần phải điền thế, thì phải lập một hội-đồng gồm có :

1.— Ông Chủơng-ly, Giám đốc Sở Tư-pháp Phần ;

2.— Ông Chánh-nhất Tòa Thượng-thẩm ;

3.— và Ông Phó Chủơng-ly thăm niên nhất ;

để xem xét các giấy tờ văn-bằng của thí-sinh có đủ các điều-kiện dự-liệu ở Chương II nghị-định này.

Hội-Đồng lựa chọn nhiều lắm là 3 thí-sinh khá nhất về kiến-thức cũng như về đức-hạnh.

Ông Chủơng-ly, Giám-đốc Sở Tư-pháp Phần gửi hồ-sơ của 3 thí-sinh ấy kèm theo biên-bản bàn-nghị đến Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp. Vị này sẽ chỉ-định người thiết-thọ phòng văn mà không buộc phải theo thứ tự ưu-tiên của Hội-đồng đề-nghị.

Mỗi hồ-giá-viên chỉ được thiết-thọ một phòng văn mà thôi.

Điều thứ 5.— Khi thiết-lập một phòng văn mới hay khi có 1 phòng văn huyền-khuyết, các thí-sinh về chức-vụ hồ-giá-

viên có 1 thời-hạn 2 tháng để gửi đơn và hồ-sơ đến Chương-lý nơi có phòng văn kể từ ngày Công-báo Việt-nam công-bố nghị-định thiết-lập hay cáo-thị huyền-khuyết phong văn của Tổng - Trưởng Bộ Tư-Pháp, trong tháng có nghị-định thiết-lập hay cáo-thị huyền-khuyết.

Điều thứ 6.— Hồ-giá-viên buộc phải cư-trú tại Châu-thành mà họ được bổ nhiệm. Họ không có quyền vắng mặt ở Việt-nam nếu không có giấy của ông Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp cho phép theo đề-nghị của Chương-lý.

Hồ-giá-viên nào phạm vào khoản cư-trú này thì xem như nghỉ việc. Hồ-giá-viên nào mà họ không trở lại nhận việc rong thời-hạn cho diên-ký cũng thế, trừ trường-hợp chứng-minh của hồ-giá-viên được thừa nhận thì không kể.

Trong 2 trường - hợp trên đây, Chương-lý có thể đề-nghị người thay thế sau khi hỏi ý-kiến Toà Thượng-thẩm.

CHƯƠNG II

Điều-kiện tất-yếu để được bổ-nhiệm hồ-giá-viên.

Điều thứ 7.— Không ai có thể được bổ-nhiệm vào chức vụ hồ-giá-viên, nếu không có đủ các điều-kiện sau đây :

- 1.— Có quốc-tịch Việt-nam ;
- 2.— Đủ 25 tuổi chẵn ;
- 3.— Tính - hạnh tốt ;
- 4.— Có đủ năng lực về thể chất để đảm đương công-việc hồ-giá-viên ;
- 5.— Chứng-minh công-việc, như đã dự-liệu ở các điều sau ;
- 6.— Có dự kỳ thi chuyên nghiệp, nếu bắt buộc ;

Thí sinh phải nộp một bản trích sao tư-pháp lý-lịch kèm theo đơn xin bổ nhiệm.

Điều thứ 8.— Có thể được bổ nhiệm vào chức vụ hồ-giá-viên, những người sau này sau khi trúng tuyển kỳ thi chuyên

ngiệp mà chương trình và điều kiện sẽ do nghị-định của Tổng Trưởng Bộ Tư-pháp ấn định :

1.— Các thơ-ký thông ngôn sở Tư-pháp và thơ-ký lục-sự tòa-án Việt-Nam đã thực sự làm công việc mình 5 năm.

2.— Các thông sự thừa-phát lại, hồ-giá-viên, chưởng-khế, luật-sư đã làm việc đủ 5 năm trong nghề.

Điều thứ 9.— Có thể được bổ nhiệm thẳng vào chức vụ hồ-giá-viên, những người sau này, nếu có đủ các điều kiện 1, 2 và 3 ở điều thứ 7 nói trên :

1.— viên chức tòa-án quốc-gia đã làm chức vụ mình ít nhất 3 năm.

2.— Các viên giám thu và nhân viên cao cấp sở Trước-bạ.

3.— Các luật-sư, chưởng-khế và thừa-phát-lại có bằng cấp luật khoa cử nhân, văn bằng luật học Đông-dương hay 1 cấp bằng của trường Pháp chính Hà nội cũ và đã làm chức vụ mình trong 3 năm.

4.— Các lục sự trưởng đã làm công việc mình ít nhất 3 năm;

5.— Các tham-tá lục-sự, tham-tá thông-ngôn và lục-sự đã thực sự làm chức vụ mình ít nhất 5 năm ;

6.— Các thông sự trưởng hồ-giá-viên đã thực sự làm chức vụ mình ít nhất 2 năm.

CHƯƠNG III

Thông sự hồ-giá-viên

Điều thứ 10.— Mỗi hồ-giá-viên có thể nhận 1 thông sự làm trưởng hay nhiều thông sự thứ phụ tá.

Điều thứ 11.— Các thông sự hồ-giá-viên phải ghi tên vào một danh sách lập ra và giữ tại phòng Lục sự tòa Thượng-Thẩm bằng theo giấy chứng nhận của hồ-giá-viên thiết thọ phòng văn nơi thông sự giúp việc.

Điều thứ 12.— Muốn được ghi tên vào danh sách thông-sự hồ-giá-viên, các thông sự phải đủ 18 tuổi chẵn và chứng-minh tính hạnh tốt.

Điều thứ 13.— Thông-sự nào rời khỏi phòng văn thì bị bôi tên ở danh sách tập sự, và chỉ được ghi tên lại khi nào thông-sự đó được 1 phòng văn hồ-giá-viên khác thu dụng. Trong trường hợp này, thứ hạng ghi tên của thông-sự ấy sẽ tính theo tổng số thời gian tập sự thực sự.

Điều thứ 14.— Chức thông-sự trưởng do Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ra nghị định cấp cho, theo đề-nghị của Chương lý, Giám đốc Sở Tư-pháp Phần.

Điều thứ 15.— Muốn được bổ nhiệm thông-sự trưởng thì thí sinh phải có các điều kiện sau đây :

1.— Có quốc tịch Việt-Nam.

2.— đủ 24 tuổi chẵn

3.— phải chứng minh rằng có 1 hồ-giá-viên bằng lòng thu dụng.

4.— đã làm thông-sự 2 năm tại phòng văn chương-khế, luật sư, thừa-phát-lại hay hồ-giá-viên.

Thí sinh phải trình nộp một bản sao tư-pháp lý lịch kèm theo đơn xin bổ nhiệm.

Điều thứ 16.— Những thí sinh kể ở điều 9 (2 và 3) được miễn điều kiện cuối cùng dự liệu ở điều thứ 15 (4).

Điều thứ 17.— Ngoài các điều kiện trên đây, thí sinh xin bổ nhiệm thông-sự trưởng phải trúng tuyển một kỳ thi chuyên-nghiep mà chương-trình và điều-kiện sẽ do nghị định Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp ấn định.

Tuy nhiên các thông-sự trưởng hồ-giá-viên của Sở Tư-pháp cũ mà có đủ 3 điều kiện đầu tiên dự liệu ở điều thứ 15 thì được miễn thi chuyên nghiệp và được bổ thẳng thông-sự trưởng.

Những thí sinh kể ở điều thứ 16 trên đây cũng có thể miễn kỳ thi chuyên nghiệp và bổ thẳng thông-sự trưởng.

Điều thứ 18.— Các thông-sự trưởng đều phải ghi tên vào một danh sách để tại phòng Lục-sự tòa Thượng-thẩm theo thứ tự bổ nhiệm. Trong trường hợp thay đổi phòng văn, thứ bậc

các thông sự trưởng trong danh sách ấy sẽ phải ghi theo thời gian thực sự làm việc của họ.

Điều thứ 19.— Ở những châu thành mà chỉ có một phòng văn thôi, thì hồ-giá-viên khi mắc bận nhứt thời hay khi vắng mặt lâu ngày có thể do viên thông sự trưởng phòng văn đó mà đã thâu dụng cùng bổ nhiệm như đã nói trên thay thế cho ; trong trường hợp này thông sự-trưởng phải tuyên-thệ.

Điều thứ 20.— Khi thay thế hồ-giá-viên thiết thọ vắng mặt hay mắc bận, thông sự trưởng hành sử chức vụ dưới sự trách nhiệm và sự bảo đảm tiền ký quỹ của người thiết thọ khỏi phải đóng một số tiền riêng khác.

Điều thứ 21.— Ở những châu thành mà có 2 hay nhiều phòng văn, hồ-giá-viên nghỉ việc sẽ do 1 đồng nghiệp thay thế. Khi mắc bận nhứt thời, hồ-giá-viên ấy có thể do 1 đồng nghiệp hoặc viên thông-sự trưởng phòng văn mình thay thế. Trong trường hợp thay thế thì thông sự trưởng phải tuyên thệ.

Điều thứ 22.— Khi không có thông sự trưởng tuyên thệ và trong trường hợp các hồ-giá-viên thiết thọ đều đồng thời vắng mặt, Chương-lý sẽ cử người quyền nhiếp chức vụ hồ-giá-viên.

Bổng cấp của quyền hồ-giá-viên và phần tiền trích ra bỏ vào quỹ chung sẽ do nghị định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ấn định theo đề nghị của Chương-lý.

Viên quyền hồ-giá-viên sẽ được chọn trước nhứt trong các thông sự trưởng ghi tên hợp pháp ở danh sách giữ tại phòng Lục sự Tòa Thượng-Thẩm.

CHƯƠNG VI

Chức vụ và bổn phận hồ-giá-viên

Điều thứ 23.— Hồ-giá-viên là những công lại phụ trách việc định giá và bán công khai đấu giá các động sản và đồ đạc trong phạm vi thẩm quyền định ở điều thứ 3 nghị định này.

Điều thứ 24.— Hồ-giá-viên chỉ chuyên làm công việc định giá và bán đấu giá công khai các động sản và thường là các hàng hóa cũ, trong quần hạt Tòa Sơ-thẩm hay Tòa Hòa-giải Rộng-quyền mà họ thống thuộc.

Các công lại khác chỉ có thể làm công việc định giá và bán đấu giá nói trên khi nào không có hồ-giá-viên.

Còn về các hàng - hóa và động-sản mới thì phải xem là hàng-hoá ấy bán sỉ hay bán lẻ.

Nếu là bán sỉ, thì có thể :

1.— bán tự ý mình và thuộc quyền các trọng-mãi hàng-hoá.

2.— bán sau khi khánh-tận, trong trường-hợp này viên công-lại phụ-trách phát-mại đó sẽ do vị thẩm-phán thừa-ủy chỉ-định ;

3.— bán sau khi mệnh-một ; sau khi thôi làm thương-mãi hay tất cả các trường-hợp cần-khẩn khác về dân-sự và được toà-án thương-mãi cho phép cùng chỉ định hạng công lại được ủy-nhiệm phát-mại ;

4.— nếu là sự thực-hiện những khế-ước cầm thế về dân-sự thì việc phát-mãi sẽ do hồ-giá-viên làm mà thôi ;

5.— nếu là sự thực-hiện những khế-ước cầm-thế về thương mại, thì việc phát-mại sẽ do các trọng mãi thương sự làm trừ phi có lệnh của chánh-án Tòa-án thương-sự đề-cử các công lại khác ;

6.— Nếu sự thực-hiện các ký-chứng, việc phát-mại sẽ do các trọng-mãi thương-sự làm, hay nếu không có thì do các hồ-giá-viên làm.

7.— Việc phát-mại các hàng hoá ngoại-quốc đề xuất-cảng lại thì thuộc quyền hạn các trọng-mãi.

Việc bán lẻ các hàng hoá mới, theo nguyên-tắc thì bị cấm đoán. Tuy nhiên trong các trường-hợp đặc-biệt sau đây có thể cho bán được :

a) Sau khi mệnh một, thôi làm thương-mãi hay bất cứ trường-hợp cần-khẩn khác về dân-sự và được tòa-án thương-sự cho phép tòa này sẽ lựa chọn viên công lại phụ-trách việc phát-mại và chỉ khi nào các lô đem bán trị-giá dưới 500\$00 thì mới có thể chỉ-định một trọng-mãi phụ-trách việc đó.

b) Sau khi khánh tận, trong trường-hợp này viên công-lại sẽ do thẩm-phán thừa-ủy chỉ-định ;

c) Sự thực-hiện các khế ước cầm-thế về thương-mại cùng các ký chứng lễ và việc cưỡng-mại các hàng hóa mới và lễ vì bị sai - áp thì sẽ do hồ-giá-viên làm.

Điều thứ 25.— Việc phát-mại các động-sản vô thể sẽ dành lại cho chủng-khế mà thôi.

Còn về tàu bè ghe thuyền ở biển thì việc phát-mại có thể hoặc tự ý mình hoặc do tòa-án thương sự cho phép hay ra lệnh bán ; cả ba trường hợp này đều chỉ do các trọng-mãi hải sự đảm nhiệm mà thôi. Nếu không có trọng-mãi hải-sự, thì trọng-mãi thương-sự đứng bán, trừ phi tòa-án thấy không có trọng mãi nên chỉ định công-lại khác hay vì trường-hợp đặc biệt tòa thấy việc không chỉ định trọng-mãi là có lợi thì thôi.

Việc phát-mại đó có thể do sự sai-áp mà ra và trong trường-hợp này thì phải phát-mại trước tòa.

Việc phát-mại này cũng có thể xảy ra sau khi khánh tận và thuộc quyền của các trọng-mãi hay bất câu công-lại nào khác làm, do thẩm-phán thừa-ủy chỉ-định.

Còn về các ghe thuyền ở sông, tất cả các việc bán chác đều là tự ý mình hay có định giá, đều do hồ-giá-viên đảm nhận mà thôi.

Điều thứ 26.— (bãi bỏ theo nghị-định số 406-BTPIND ngày 12-8-54).

Điều thứ 27.— Việc bán đấu-giá công-khai các động-sản và đồ đạc của Chính-phủ thì sẽ thi hành theo các điều-kiện dự liệu trong thể lệ hiện hành.

Điều thứ 28.— Mỗi món đồ do hồ-giá-viên bán ra đều phải trả tiền mặt. Hồ-giá-viên có trách nhiệm thu tiền liền, trừ phi người chủ có đồ đem bán bằng lòng hay cho kỳ hạn trả tiền thì không kể.

Điều thứ 29.— Giá-biểu hồ-giá-viên sẽ do nghị-định của tổng-trưởng bộ tư-pháp ấn-định.

Điều thứ 30.— Cấm tư-nhân và các công-lại khác không được xen vào việc định-giá và việc phát-mại đã giao cho hồ-

giá-viên, bất tuân sẽ bị phạt vạ, số tiền phạt này không quá nửa giá tiền các món đồ định giá hay bán ra, và cũng không dưới 300\$00 không kể các sự bồi tổn khác nếu có.

Điều thứ 31.— Hồ-giá-viên có thể thu nhận lời khai về các việc bán chác, thu nhận và kiểm nhận các việc kháng-đối đưa ra trước nhà chức trách có thẩm quyền các việc thẩm-cấp do việc bán chác có thể làm phát sinh ra cùng lập biên bản đưa các đương-sự ra trước nhà chức-trách ấy.

Điều thứ 32.— Mỗi vụ kháng-đối, sai áp chế-chỉ đã khai lập với hồ-giá-viên, cùng các việc truyền-đạt bản án, xác nhận sự hữu hiệu của các vụ ấy đều vô hiệu lực trừ phi hồ-giá-viên có phê nhận vào bản chính các vụ kháng-đối sai-áp chế-chỉ hay truyền đạt bản án ấy thì không kể. Trong trường hợp mà hồ-giá-viên vắng mặt hay từ chối thì thừa-phát-lại phải lập biên bản về việc này và phải chọn một trong các vị sau đây để trình họ ký nhận vào biên bản đó :

Thị-trưởng, đốc-lý, chủ-tịch hội-đồng hương chính, tỉnh-trưởng hay quận-trưởng hành-chánh.

Điều thứ 33.— Hồ-giá-viên trông nom việc cảnh-an trong các cuộc phát-mại của họ. Họ có thể nhờ công-lực giữ-gìn trật tự cho.

Điều thứ 34.— Cấm hồ-giá-viên :

1) trực tiếp hay gián tiếp đứng ra đấu giá các món đồ mà họ phụ-trách định giá hay phát-mại :

2) tự mình, hay nhờ người trung gian hay mượn tên người khác để hành sử thương nghiệp và dấu cho hợp tác với bất câu việc thương mại gì mà có trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến việc mua bán động-sản hoặc đồ đạc ;

3) phát-mại theo lối thỏa thuận, khác hơn cách đấu giá công khai ;

4) đem bán những động-sản, đồ đạc hay hàng-hóa mà không phải của những người nói trong tờ khai như sẽ định ở điều sau.

Nếu bất tuân các điều khoản này thì bị bãi miễn.

Điều thứ 35.— Hồ-giá-viên không được đứng ra phát mại một việc mà chưa khai trước với phòng trước bạ. Tờ khai sẽ làm hai bản do hồ-giá-viên đề ngày tháng và ký tên. Trong tờ khai có tự rõ tên, chức vị cùng chỗ ở của viên công-lại của nguyên đơn, người mà hiện có động-sản để phát-mại, chỉ rõ nơi bán và ngày giờ bán. Tờ khai nộp tại phòng trước bạ và được miễn phí trước-bạ. Một bản trên giấy có gián tem và có ghi chú của phòng trước-bạ sẽ giao cho viên công-lại để dính vào biên-bản phát-mại. Bản kia không có gián tem để lưu-trữ tại phòng trước-bạ.

Điều thứ 36.— Hồ-giá-viên có một quyển sổ mục-lục để ghi chép các công việc từng ngày một, sổ này phải do ông chánh án tòa sơ-thẩm nơi cư-sở hồ-giá-viên kiểm-nhận ở trang trước đánh số và ký tắt ở mỗi trang.

Trong sổ mục-lục có đề rõ tên người chủ món đồ, tính cách món đồ đem bán, ngày tháng bán, số tiền bán, phần thuế trước-bạ thấu nhận các số tiền khác đã xuất ra và số bằng cấp. Sổ này sẽ do viên giám-thu sở trước-bạ kế-toán mỗi tháng. một bản toàn sao sổ ấy sẽ lưu-trữ tại phòng lục-sự tòa - án dân-sự mỗi năm trước ngày 1 tháng 3.

Điều thứ 37.— Đấu-giá xong món đồ gì thì ghi ngay vào biên-bản. Giá tiền phải viết toàn cả chữ và kéo một đường ra ngoài hàng rồi viết giá tiền bằng số. Mỗi buổi bán xong thì hồ-giá-viên khóa sổ và ký-tên khi nào việc phát-mại bằng vào một bản khai khí-mãnh thì phải ghi chú việc này vào biên-bản và chỉ rõ ngày tháng bán khí-mãnh cùng tên của chương-khế đã lập ra bản khí-mãnh ấy.

Điều thứ 38.— Vi-phạm vào các điều khoản nói ở điều thứ 36, 37 thì bị phạt vạ 500\$00, không kể bồi thường thiệt-hại đối với các đương-sự, nếu có. Bạc phạt này sẽ thấu như thuế trước bạ vậy.

Điều thứ 39.— Hồ-giá-viên phải tuân theo các luật, dụ, nghị-định và thể-lệ, về việc bán các thứ hàng-hóa như khi-

giới, những chất được xem là nguy-hiểm, chất vàng, bạc, xe hơi, tàu bè mà đã có qui-định về cách dự-phòng và thể-thức rồi.

Điều thứ 40.— Các viên chức sở trước-bạ được phép đến những nơi phát-mại công-cộng và đấu-giá, để bảo đưa cho xem tại chỗ các biên-bản bán đấu-giá và bản sao các tờ khai buộc phải khai-trước. Các viên chức ấy nhận-xét theo như thường-lệ các vi-phạm có thể xảy ra.

Điều thứ 41.— Biên-bản phát-mại của hồ-giá-viên có hiệu-lực thi-hành tạm chiều theo một án-lệnh truyền chấp hành thường do hồ-giá-viên lập ra.

Điều thứ 42.— (mới) (*sửa đổi bởi nghị định số 406-BTB/ND ngày 12-8-1954*)— Những biên bản của hồ-giá-viên phải trước bạ trong hạn mười (10) ngày kể đó.

Điều thứ 43.— Hồ-giá-viên phải khai vào phía dưới nguyên bản biên bản để đưa trình sở trước bạ rằng họ có biết hoặc không biết gì về việc kháng đối các vật niêm phong hay về các không biết gì về việc kháng-đối các vật niêm phong hay về các công-chuyện khác xảy ra trước khi phát mại.

Điều thứ 44.— (mới) (*sửa đổi bởi nghị định số 406-TBP/ND ngày 12-8-1954*).

Bốn mươi tám giờ sau việc phát mại hoàn thành, hồ-giá-viên phải giao số tiền cho các người được quyền, nhận biên lai và giấy giải trừ có dán tem.

Nếu có xảy ra sự kháng-đối hay tranh-chấp giữa những-người có liên-hệ hay khi nào việc ký nộp do tòa truyền thi-hồ-giá-viên phải nộp số tiền bán còn lại vào quỹ trữ-kim,

Điều thứ 45 — Hồ-giá-viên phải nạp vào quỹ trữ-kim tất cả các số tiền mà họ giữ cho những người được quyền đã trên một năm rồi.

Tuy nhiên hồ-giá-viên có thể giữ các số tiền ấy trong một thời gian như thế nữa, theo đơn của các đương-sự.

Đơn này phải gửi đến cho hồ-giá-viên trong hạn 3 tháng trước khi mãn hạn một năm nói trên.

Hồ-giá-viên phải trình chương-lý biết lập tức ý kiến của họ về đơn ấy.

Điều thứ 46.— Chương-lý phải kiểm-soát việc kế-toán của hồ-giá-viên cùng tình trạng ngân quỹ của họ.

Chương-lý cũng có thể ủy quyền kiểm soát lại cho tham lý hay một nhân viên sở trước-bạ do chánh sở này chỉ định, để hành sử quyền kiểm-soát đó.

Chương-lý hay người thụ ủy có quyền bảo hồ-giá-viên trình nạp các sổ sách kế toán khỏi phải đi đến tận nơi, mỗi khi cần đến.

Điều thứ 47.— Qui-lệ phòng phát mại về các điều khoản chi tiết, định ngày bán, ngày giờ đem đồ đến gửi bán, và ngày giờ người mua lấy đồ về, v.v... thì sẽ do nghị-định của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ấn-định.

Điều thứ 48.— Hồ-giá-viên phải đóng thuế môn-bài theo thề-lệ hiện-hành ấn-định.

CHƯƠNG V

Tiền ký-quỹ của hồ-giá-viên

Điều thứ 49.— Các hồ-giá-viên bắt buộc phải nộp một món tiền ký-quỹ, cốt để bảo-đảm các việc xử phạt lâm-thời có thể tuyên-xử đối với họ về các lỗi lầm vi-phạm trong khi hành-sử chức-nghiep.

Khi nào món tiền ký quỹ dùng hết cả hay hết một phần thì hồ-giá-viên sẽ bị đình chức cho đến khi nào đóng lại đầy đủ món tiền đó.

Trong hạn 6 tháng mà hồ-giá-viên không đóng lại trọn vẹn số tiền ký quỹ, hồ-giá-viên đó sẽ xem như đã thôi việc và sẽ được đương nhiên thay thế.

Điều thứ 50.— Món tiền ký quỹ dự liệu ở điều trên đây được ấn-định như sau :

- 1.— Về các hồ-giá-viên ở Saigon. 100.000\$00
- 2.— Về các hồ-giá-viên ở Hà-nội
và Hải-phòng. 70.000\$00
- 3.— Về các hồ-giá-viên ở những nơi khác. 40.000\$00

Món tiền ký quỹ này sẽ gửi tại quỹ lưu-trữ hành-chánh thiết mở trong sổ sách Tổng Giám-Đốc Ngân-kho ở Saigon và Giám-Đốc Ngân-kho ở Hà-nội và Huế. Tiền ký quỹ bắt buộc phải đóng bằng tiền bạc. Ngoài các đặc khoản định ở nghị-định này ra, món tiền ký quỹ của hồ-giá-viên về việc nạp cũng như việc giữ hay hoàn lại, đều phải tuân theo luật-lệ hiện-hành.

Trong mỗi quản-hạt, Chương-lý trông nom kiểm-soát các số tiền ký quỹ và sự áp-dụng các điều khoản quy-định việc ấy

CHƯƠNG THỨ IV

Quỹ chung

Điều thứ 51.— Giữa các hồ-giá-viên cùng một phần sẽ thành-lập một quỹ chung để nhận phân nửa số tiền tỷ-lệ về phụ-cấp mà hồ-giá-viên được hưởng mỗi khi bán. Tiền của quỹ chung này sẽ ký nạp vào một ngân quỹ do Tổng-Trưởng Bộ Tư-pháp định.

Điều thứ 52.— Bất kỳ điều giao-ước nào của các hồ-giá-viên mà mục đích là để trực-tiếp hay gián-tiếp hạ bớt hay sửa đổi giá ngạch đã ấn định ở điều trên đều vô giá trị, chiếu theo luật, hồ-giá-viên đã dự hành vào việc đó sẽ bị đình chức từ 3 tháng đến 6 tháng. Tái phạm, sẽ bị bãi-miễn.

Điều thứ 53.— Tiền của quỹ chung dùng để bảo đảm việc trang-trải các khoản tiền do sự bán chác lăm phát sinh ra. Tiền của quỹ chung có thể sai-áp được.

Điều thứ 54.— mới (*sửa đổi bởi nghị-định số 406-NTP/ND ngày 12-8-1954*). Mỗi hai (2) tháng thì sẽ chia đều nhau số tiền của quỹ chung cho các hồ-giá-viên theo lệnh trả tiền của giám đốc sở trước-bạ.

Điều thứ 55.— Hồ-giá-viên nghỉ phép cũng được dự phần chia quỹ chung, trừ ra số tiền lương dự liệu cho người quyền-nhiếp, theo như điều 22 nghị-định này.

CHƯƠNG VII

A.— Nghỉ phép

Điều thứ 56.— Hồ-giá-viên không được vắng mặt nơi cư sở của mình quá một tháng mà không có giấy nghỉ phép do tổng-trưởng bộ tư-pháp cấp cho theo đề-nghị của chủơng-lý, giám-đốc sở tư-pháp phần.

Nghị-định sẽ định thời gian nghỉ phép.

B.— Chức hàm danh dự

Điều thứ 57.— Hồ-giá-viên đã hành-sử chức-vụ trong thời gian mười năm liên-tiếp có thể theo đơn xin được chức hàm danh dự, do tổng-trưởng bộ tư-pháp ra nghị-định cấp cho, sau khi hỏi ý-kiến chủơng-lý, giám-đốc sở tư-pháp phần.

CHƯƠNG VIII

Tuyên-thệ

Điều thứ 58.— Trước khi nhận việc và trong hạn một tháng kể từ ngày tiếp nhận nghị-định bổ nhiệm, hồ-giá-viên phải tuyên-thệ trước tòa-án dân-sự sơ-thẩm hay trước tòa hòa-giải rộng-quyền nơi cư sở của họ rằng «xin theo đúng các đạo luật, sắc-lệnh, nghị-định và thể-lệ liên quan đến chức-vụ và thi-hành nhiệm-vụ một cách ngay thẳng và chính-trực».

Hồ-giá-viên không thể làm một hành-vi gì thuộc về-chức-vụ của họ trước khi chưa tuyên-thệ, và họ chỉ được phép tuyên-thệ sau khi xuất-trình biên-lai nộp tiền ký quỹ.

Hồ-giá-viên không tuyên-thệ đúng trong thời hạn định trên thì việc bổ-nhiệm của họ sẽ xem như hủy bỏ, trừ phi họ có thể chứng-minh được rằng sự chậm trễ không phải lỗi tại họ. Trong trường-hợp này tòa-án có thể nhận cho phép họ tuyên-thệ.

CHƯƠNG IX

Kỷ-luật hồ-giá-viên

Điều thứ 59.— Hồ-giá-viên vi-phạm vào các điều khoản trong nghị-dịnh này hoặc phạm vào kỷ-luật, dù không ai khiếu nại cũng vậy, sẽ bị chương-ly tòa thượng-thẩm có quyền quân-hạt đối với họ truy-tố.

Các việc truy-tố trước pháp-luật làm cho hồ-giá-viên bị xử phạt vạ hay phạt bồi-thường tổn-hại đều phải đưa ra trước tòa sơ-thẩm hay tòa hòa-giải rộng-quyền nơi mà hồ-giá-viên làm việc.

Điều thứ 60.— Những khoản trừng phạt về kỷ-luật có thể đem thi-hành đối với hồ-giá-viên là :

- 1.— cảnh cáo,
- 2.— khiển trách thường,
- 3.— khiển trách có quở phạt,
- 4.— huyền chức,
- 5.— thay thế vì hồ-giá-viên không ở ngay tại cư-sở của mình,
- 6.— bãi miễn.

Điều thứ 61.— Sau khi nghe hồ-giá-viên liên can trần tình, ông chương-ly tùy theo trường-hợp sẽ hoặc cảnh-cáo họ, hoặc khiển-trách thường hay khiển-trách có quở phạt.

Có khi ông chương-ly gửi lời khuyên cáo cho các hồ-giá-viên trong quân-hạt nữa.

Đối với các khoản trừng phạt khác, ông chương-ly sẽ tự mình hay theo lời khiếu-nại của đương-sự mà đề-nghị lên tổng-trưởng Bộ Tư-pháp những biện pháp thích-ứng. Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp sẽ định-đoạt sự trừng-phạt sau khi hỏi ý-kiến tòa thượng-thẩm sở-quan, và tòa này cũng đã nghe hồ-giá-viên liên-can trần-tình tại phòng nghị-án rồi. Hồ-giá-viên liên-can có thể nhờ người biện hộ cho mình.

Mỗi khoản trừng phạt kỷ-luật chỉ được tuyên phạt sau khi hồ-giá-viên đã được xem hồ-sơ của mình.

Điều thứ 62. — Hồ-giá-viên bị huyền-chức, bãi-miễn hay được thay thế thì ngay sau khi tiếp nhận giấy báo-thị huyền chức, bãi miễn hay thay thế phải tức khắc ngưng hành sử chức-vụ, bất tuân sẽ bị bồi thường thiệt-hại và các khoản xử phạt khác mà luật pháp ấn-định để thi-hành đối với các công-lai bị huyền chức, hay bãi-miễn và vẫn tiếp-tục hành-sử chức-vụ mình.

Hồ-giá-viên bị huyền-chức mà trở lại nhận việc trước khi mãn hạn huyền-chức cũng sẽ bị phạt như vậy.

Điều thứ 63. — Trong suốt thời kỳ huyền-chức, và trong trường-hợp bãi miễn thì kể từ ngày bãi miễn cho đến khi cử người thay thế hồ-giá-viên bãi-miễn tòa thượng-thẩm sẽ ủy thác một hồ-giá-viên khác để doanh lợi phòng-vấn hồ-giá-viên bị trừng phạt, hay chỉ-định một người quyền nhiếp chiếu theo các điều thứ 19 và 22 trên đây.

Trong suốt thời kỳ quyền nhiếp, số lợi thu được đều thuộc về phần hồ-giá-viên được chỉ-định hay ủy-nhiệm. Cấm hẳn người này không được nhường lại một phần số lợi đó cho hồ-giá-viên bị huyền chức hay bị bãi-miễn, bất câu dưới hình thức nào, bất tuân sẽ bị trừng phạt theo điều thứ 60.

CHƯƠNG X

Điều khoản linh tinh

Điều thứ 64. — Hồ-giá-viên hay người được quyền của họ không có quyền tiến cử người kế chức mình. Các sự giao ước, qui-định hay là hứa-hẹn bất cứ dưới hình-thức nào có mục-dịch làm cho một hồ-giá-viên thực-thụ xin thôi việc để quyền khuyết chức-vụ hồ-giá-viên đó đều bất hợp pháp và vô hiệu ;

Các khoản tiền đã thu nhận dự vào những lời cam kết trên đều phải hoàn lại. Hồ-giá-viên thực-thụ nào mà treo giá sự từ chức của mình sẽ bị bãi-miễn. Người nào mà thương-lượng điều-định với hồ-giá-viên ấy và nhờ đó mà được bổ-nhiệm cũng

bị trừng phạt như vậy. Ngoài ra, mỗi người cũng bị phạt bạc bằng hai số tiền đã trả hay đã giao ước với nhau.

Trong các trường-hợp này, tòa thượng-thẩm sẽ xét xử khi có sự truy tố của công-tổ-viện.

Điều thứ 65.— Khi cần thiết lập phòng-văn mới, nghị-định thiết-lập sẽ chiếu theo đề-nghị của chủơng-lý, sau khi hỏi ý-kiến tòa thượng-thẩm trong một phiên đại-hội-đồng.

Nếu trong quân-hạt đã có một vài phòng-văn rồi, hồ-giá-viên các phòng-văn đó sẽ được mời đề hỏi ý-kiến. Nhưng họ không bao giờ được nêu việc thiết-lập phòng-văn mới mà đòi bồi thường gì cả.

Điều thứ 66.— Các chủơng-lý, giám-đốc sở tư-pháp Nam, Trung và Bắc-Việt và giám-đốc nha tổng hành-chánh tại Bộ Tư-pháp, chiếu nhiệm-vụ thi-hành nghị-định này. Nghị-định này sẽ đăng vào Công-báo Việt-Nam.

Làm tại Saigon ngày 6 tháng 5 năm 1954

NGUYỄN-VĂN-ĐẠM

NGHỊ ĐỊNH số 307-BTP/ND ngày 13-4-1957 sửa đổi Nghị định số 259-BTP/ND ngày 16-5-1954 ấn định quy chế hồ giá viên.

BỘ-TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP

Chiếu sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29-10-1955 được sửa đổi và bổ-túc do các văn-kị-tện kế tiếp ấn-định cách thành phần Chính-phủ;

Chiếu dụ số 4 ngày 18-10-1949 ấn định cách tổ-chức tư-pháp quốc-gia.

Chiếu sắc-lệnh số 26-TP ngày 19-9-1949 ấn-định chức chương của Tổng Trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Chiếu Nghị-định số 259-BTP/ND ngày 26-5-1954 ấn-định quy chế hồ-giá-viên ;

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ 1.— Những điều 4, 6, 9, 56, 61, 63 và 65 trong nghị định số 259-BTP/ND ngày 26 tháng 5 năm 1954 ấn-định qui chế hồ-giá-viên được bãi bỏ và thay thế như sau :

Điều thứ 4 mới.— Những người thiết thọ chức vụ hồ-giá-viên sẽ do Nghị-định của Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp bổ nhiệm sau khi hỏi ý kiến ông Chương-lý Tòa Thượng-thẩm.

Mỗi hồ-giá-viên chỉ được thiết thọ một phòng văn mà thôi.

Điều 6 mới — Hồ giá viên buộc cư trú trong quản hạt tòa án dân sự sơ thẩm hay tòa hòa giải rộng quyền mà họ đã được bổ nhiệm. Họ không có quyền vắng mặt ở Việt nam nếu không có giấy của Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp cho phép theo đề nghị của Chương lý Tòa Thượng thẩm.

Hồ giá viên nào phạm vào khoản cư trú này thì coi như nghỉ việc và Chương lý Tòa thượng thẩm có thể đề nghị người thay thế,

Điều 9 mới — Có thể được bổ nhiệm thẳng vào chức vụ hồ giá viên những người này, nếu có đủ các điều kiện 1, 2 và 3 ở điều 7 nói trên.

- 1 — Những thẩm phán các tòa án tư pháp Việt Nam;
- 2 — Các viên giám thu và nhơn viên cao cấp sở trước bạ;
- 3 — Các luật sư, chưởng khế và thừa phát lại có bằng cấp luật khoa cử nhơn, văn bằng luật học Đông Dương hay một cấp bằng của Trường Pháp chính Hà nội cũ;
- 4 -- Các lục sự trưởng đã làm chức vụ mình ít nhất 2 năm;
- 5 — Các lục sự các cựu tòa án đệ nhị cấp Việt-Nam đã thực sự làm việc ít nhất 4 năm ;
- 6 — Các tham tá lục sự, tham tá thông ngôn đã thực hiện làm công việc mình ít nhất bốn năm;
- 7 — Các thông sự Trưởng Hồ-giá-Viên đã thực sự làm chức vụ mình ít nhất hai năm ;
- 8 — Các người có bằng luật khoa cử nhân, nếu được ông Chương lý xét rằng có đủ năng lực và kinh nghiệm để hành sự.

Điều 56 mới.— Hồ-giá-Viên không được vắng mặt quá một tháng nơi quản hạt Tòa Sơ thẩm dân sự hay Tòa Hòa giải rộng quyền mà họ đã được bổ nhiệm nếu không có giấy phép do Bộ trưởng Bộ Tư-pháp cấp cho theo đề nghị của Chương lý, Giám đốc Sở Tư pháp Phần.

Nghị-định sẽ định thời gian nghỉ phép.

Điều 61 mới.—Tùy theo trường hợp, Chương lý Tòa Thượng thẩm có quyền cảnh cáo, khiển trách thường hay khiển trách có quả phạt các Hồ-giá-Viên trong quản hạt, hoặc gởi cho họ những lời khuyến cáo thích đáng.

Đối với các khoản trừng phạt khác Chương lý Tòa Thượng thẩm sẽ tự mình hoặc chiếu lời khiếu nại của các đương sự, đề nghị lên Bộ trưởng Bộ Tư pháp những phương pháp cần phải thi hành. Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ định đoạt sự trừng phạt.

Điều 63 mới.— Trong suốt thời kỳ huyền chức và trong trường hợp bãi miễn thì kể từ ngày bãi miễn cho đến khi cử người người thay thế Hồ-giá-Viên bãi miễn, Chương lý Tòa Thượng thẩm sẽ ủy thác một Hồ-giá-Viên khác để doanh lợi phòng văn Hồ-giá-Viên bị trừng phạt, hay chỉ định một người quyền nhiếp chiếu theo các điều thứ 19 và 22 trên đây.

Trong suốt thời kỳ quyền nhiếp, số lợi thu được đều thuộc về phần Hồ-giá-Viên được chỉ định hay ủy nhiệm. Cấm hẳn người này không được nhường lại một phần số lợi đó cho Hồ-giá-Viên bị huyền chức hay bị bãi miễn bất cứ dưới hình thức nào, bất tuân sẽ bị trừng phạt theo điều thứ 60.

Điều thứ 65 mới.— Khi cần thiết lập phòng văn mới Nghị định thiết lập sẽ chiếu theo đề nghị của Chương lý Tòa Thượng thẩm, Giám đốc Sở Tư pháp Phần,

Điều thứ 2.— Đồng lý Văn phòng Bộ Tư pháp, Chương lý Tòa Thượng thẩm, Giám đốc Sở Tư pháp Phần, chiếu nhiệm vụ, lãnh thi hành nghị định này.

Nghị định này sẽ đăng vào Công báo Việt-Nam Cộng-Hòa

Saigon, ngày 13 tháng 4 năm 1957

Bộ-trưởng Bộ Tư-pháp

NGUYỄN-VĂN-SĨ

NGHỊ ĐỊNH số 308-BTP/ND ngày 13-4-57 ấn định qui-lệ
Phòng phát mại

BỘ-TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP

Chiếu sắc lệnh số 4-TTP ngày 29-10-1955 được sửa đổi và bổ
túc do các văn kiện kế tiếp ấn-định thành phần Chánh phủ ;

Chiếu Dụ số 4 ngày 18-10-1949 ấn định cách tổ chức Tư
pháp Quốc gia ;

Chiếu Sắc lệnh số 26-BTP ngày 19-9-1949 ấn định chức
chương của Tổng trưởng Bộ Tư pháp ;

Chiếu Nghị định số 259-BTP/ND ngày 26-5-1954 ấn định
qui chế Hộ-giá-Viên được sửa đổi bởi nghị định số 406-BTP/ND
ngày 12-8-1954 ;

NGHỊ - ĐỊNH :

Điều thứ 1.— Qui lệ Phòng phát mại dự liệu ở điều 47
của nghị định số 259-BTP/ND ngày 26-5-54 nói trên, nay
được ấn-định như sau đây :

Điều thứ 2.— Ngày và giờ bán tại Phòng phát mại là thứ
năm và chúa-nhật, hồi 8 giờ buổi sáng.

Điều thứ 3.— Các hàng hóa, động sản và đồ vật đưa bán
sẽ được thầu nhận tại Phòng phát mại mỗi ngày trong giờ
làm việc, (trừ giờ bán) buổi sáng từ 8 giờ đến 11 giờ, buổi
chiều từ 3 giờ đến 6 giờ.

Điều thứ 4.— Những đồ vật đã giao Phòng phát mại sẽ
đem ra bán theo lời yêu cầu và dưới sự trách nhiệm của
người giao bán và thuộc về người được quyền ;

Điều thứ 5.— Bao giờ cũng bán tiền mặt và bán cho người
trả giá cao hơn hết và trả sau cùng. Khi ra giá hay trả giá
tới một ngàn đồng (1.000đ00) thì mỗi lần trả giá lên không
được thấp hơn mười phần trăm (10%) giá nói trên.

Điều thứ 6.— Những trích lục biên bản đấu giá cùng số
tiền bán đã khấu trừ tổn phí sẽ giao lại cho chủ bán, hai
mươi bốn giờ sau khi bán.

Điều thứ 7.— Không một đồ vật nào đã bán rồi mà được đem đi trong khoảng đang bán, sự giao đồ vật phải thực hiện ngay sau khi mãn cuộc bán trong giờ làm việc hay trong ngày chưa hết nhưng Hồ-giá-Viên không được đề trễ quá 24 giờ sau ngày bán.

Điều thứ 8.— Mỗi lô đã bán đấu giá phải đem đi trong hai mươi bốn giờ sau khi bán.

Quá kỳ hạn ấy phải trả, cứ 24 giờ và mỗi lô, tiền coi giữ ấn định theo bản văn hiện hành.

Điều thứ 9.— Những lô đã bán đấu giá và không đem đi thì Hồ-giá-Viên được giữ lại nhiều nhất là ba ngày và nhận thuế dự định ở điều 8 trên đây.

Quá kỳ hạn này Hồ-giá-Viên được đem ra bán lại mà phải báo cho người mua đấu giá biết bằng thơ báo đảm. Thủ tục này chỉ áp dụng với những lô mà giá tiền bán trên 500d00. Còn những lô mà giá bán bằng hay dưới 500d00 thì đem ra bán lại không cần báo trước cho người mua đấu giá.

Trong hai trường-hợp trên đây, người mua đấu giá đầu tiên phải trả bằng các phương-pháp theo luật định, mọi tiền tổn phí, thuế má và tiền chính lịch do sự đấu giá lại sinh ra mà không thể đòi hưởng tiền phụ trội nếu có.

Điều thứ 10.— Chỉ Hồ-giá-Viên mới được định giá tiền các đồ vật mà mình có nhiệm vụ đem bán.

Tuy nhiên, Hồ-giá-Viên sẽ chịu trách nhiệm một khi đã bàn bạc về sự ra giá giữa Hồ-giá-viên và chủ bán mà Hồ-giá-Viên đã chịu cam kết bằng giấy tờ.

Điều thứ 11.— Các tổn phí và lệ phí về những việc bán đấu giá công cộng ở Phòng phát mại do các bản văn hiện hành ấn định.

Điều thứ 12.— Đồng-lý Văn-phòng tại Bộ Tư-pháp và các Chương-lý, Giám-đốc Sở Tư-pháp, chiếu nhiệm vụ thi hành nghị định này.

Saigon, ngày 13 tháng 4 năm 1957

Bộ-trưởng Bộ Tư-Pháp

NGUYỄN-VĂN-SĨ

PHỤ LỤC

16 FÉVRIER 1921

DÉCRET PORTANT RÉFORME DE LA MAGISTRATURE
EN INDOCHINE

(B.O.C. p. 220)

TITRE PREMIER

COURS D'APPEL

DISPOSITIONS PRÉLIMINAIRES

1. — Le décret du 19 mai 1919 portant suppression de la cour d'appel de l'Indochine et création de deux cours d'appel, siégeant l'une à Saigon et l'autre à Hanoi, est modifié et complété ainsi qu'il suit :

.

2. — La justice est rendue en Indochine par les deux cours d'appel ci-dessus visées, par des cours criminelles, des tribunaux de 1^{ère} instance, des justices de paix à compétence étendue, des tribunaux résidentiels ou justices de paix à compétence étendue présidés par des administrateurs, par des tribunaux mixtes de commerce, des justices de paix ordinaires et, en Cochinchine seulement, par des justices de paix indigènes.

La commission criminelle spéciale au Tonkin, instituée par les articles 23 et suivants du décret du 15 septembre 1896, est maintenue. Elle continuera à fonctionner dans les conditions prévues par ledit décret modifié par celui du 14 avril 1906 jusqu'à ce qu'un décret vienne en régler à nouveau l'organisation et le fonctionnement.

CHAPITRE PREMIER

**DISPOSITIONS SPÉCIALES
À LA COUR D'APPEL D'HANOI**



Première section

Deuxième chambre de la cour d'appel d'Hanoi

3 — Le paragraphe 2 de l'article 12 du décret du 19 mai 1919 relatif à la composition de la deuxième chambre de la cour d'appel siégeant à Hanoi est modifié ainsi qu'il suit :

La deuxième chambre, présidée par le président de chambre avec l'assistance d'un conseiller et d'un mandarin, connaît des appels et de tous recours formés contre les jugements rendus par les tribunaux indigènes du Tonkin dans les conditions prévues à l'ordonnance du roi d'Annam du 16 juillet 1917, rendue exécutoire par arrêté du gouverneur général de même date, ainsi qu'au décret du 9 mars 1918.

Si les besoins du service l'exigent, il pourra être formé temporairement dans la deuxième chambre une seconde section présidée par un conseiller à la cour assisté d'un autre conseiller et d'un mandarin indigène, désignés tous trois par le premier président. Cette section temporaire sera établie par arrêté du gouverneur général, après avis du directeur de l'administration judiciaire, chef de la justice indigène au Tonkin, et sur la proposition du premier président de la cour d'appel.

Le premier président pourra, toujours présider l'une et

2ème section

**Chambres des mises en accusation de la cour
d'appel d'Hanoi**

7. — L'article 13 du décret du 19 mai 1919 est modifié ainsi qu'il suit :

La chambre des mises en accusation de la cour d'appel d'Hanoi sera présidée par le premier président, ou par le président de chambre, ou par un conseiller, avec l'assistance de deux conseillers. Sa compétence reste déterminée par les articles 6 et 13 du décret du 19 mai 1919.

CHAPITRE II

COURS CRIMINELLES



1ère section

Crimes commis par les Français et assimilés

8 — (Mod. D. 18 sept. 1936) Les crimes commis par les Français et assimilés, soit seuls, soit de complicité avec des Annamites ou assimilés dans tout le territoire de la Cochinchine, les provinces du Sud Annam placées dans le ressort de la cour de Saigon, les îles de Poulo-Condore, sont jugés par une cour criminelle siégeant à Saigon.

Les mêmes crimes commis dans tout le territoire du Cam-

l'autre sections et, dans chaque section, une affaire quelconque s'il le juge utile.

4.— Le procureur général près la cour d'appel d'Hanoi exerce par lui-même ou par ses substituts, sous la direction du directeur de l'administration judiciaire, chef de la justice indigène, le contrôle du fonctionnement de la justice indigène dans les provinces du Tonkin.

5.— La deuxième chambre de la cour d'appel constitue, en ce qui concerne la justice indigène au Tonkin, la juridiction supérieure à laquelle ressortissent les appels et demandes en annulation qui peuvent être formées contre les jugements rendus par les tribunaux indigènes du Tonkin, tels qu'ils sont ou seront institués par le pouvoir compétent. Elle connaît également des demandes en revision formées contre lesdits jugements ou les propres arrêts de cette chambre, passés en force de chose jugée, dans les cas prévus par l'article 443 du Code d'instruction criminelle modifié par la loi du 8 juin 1895.

Toutefois, les recours en cas de conflits soit de juridiction soit d'attribution, seront réglés dans les conditions prévues par les articles 525 à 538 inclus du Code d'instruction criminelle, 363 à 367 du Code de procédure civile, les décrets du 5 août 1881 (article 4) et du 7 septembre 1881, et l'article 25 de la loi du 24 mai 1872 sous réserve de ce qui sera dit au titre de la procédure sur les pourvois en annulation et en cassation.

6.— La deuxième chambre de la cour d'appel d'Hanoi juge suivant la loi et les coutumes civiles et pénales annamites telles qu'elles sont ou seront déterminées dans le protectorat du Tonkin par le pouvoir compétent.

bodge, les provinces de Battambang, Siemréap, Sisophon et celles du Laos placées dans le ressort de la cour d'appel de Saigon, seront jugés par une cour criminelle siégeant à Pnom-Penh.

9.— Les mêmes crimes commis dans tout le ressort de la cour d'appel d'Hanoi sont jugés par une cour criminelle siégeant à Hanoi.

10.— (Mod. D. 13 sept. 1936) Les cours criminelles sont composées :

1) Du premier président de la cour d'appel ou du président d'une chambre ou d'un conseiller, président ;

2) De deux conseillers.

Au cas où un seul conseiller serait disponible, un magistrat de lère instance sera appelé à faire partie de la cour criminelle. S'il n'y a aucun conseiller disponible, les deux conseillers seront remplacés par deux magistrats de lère instance. Ces magistrats seront toujours pris parmi les magistrats du siège et de préférence parmi ceux du tribunal du chef-lieu de la cour criminelle. Dans les procès criminels de nature à entraîner de longs débats, la cour criminelle pourra, en outre, s'adjoindre un ou deux juges du tribunal civil pour suivre ces débats.

3) De deux assesseurs citoyens français.

11.— (Mod. D. 18 sept. 1936) Il sera établi dans chacun des ressorts des cours de Saigon et d'Hanoi une liste de soixante notables français résidant dans le ressort et qui seront appelés à faire partie de la cour criminelle.

Pour la cour criminelle de Pnom-Penh, il sera établi une liste de quarante notables français résidant dans le ressort et qui seront appelés à faire partie de la cour criminelle.

12.— (Mod. D. 18 sept. 1936) § 1^{er} — Pour la cour criminelle de Saigon, la liste des assesseurs sera dressée chaque année dans la seconde quinzaine de décembre par une commis-

sion composée : du gouverneur de la Cochinchine, président ; du président du tribunal de première instance de Saigon, d'un membre du conseil privé et d'un membre du conseil municipal désigné par ces assemblées.

En cas de partage, le président aura voix prépondérante.

§ 2.— Pour la cour criminelle de Phom-Penh, la liste des assesseurs sera dressée chaque année dans la seconde quinzaine de décembre par une commission composée : du résident supérieur au Cambodge, président ; du président du tribunal de première instance de Phom-Penh, d'un membre non fonctionnaire du conseil de protectorat et d'un membre de la commission municipale de Pnom-Penh, ces deux derniers désignés par les assemblées auxquelles ils appartiennent.

En cas de partage, la voix du président est prépondérante.

§ 3.— Pour la cour criminelle d'Hanoi, la liste des assesseurs sera dressée chaque année dans la seconde quinzaine de décembre par une commission composée : du résident supérieur au Tonkin, président ; des présidents des tribunaux de première instance d'Haiphong et d'Hanoi, d'un membre non fonctionnaire du conseil de protectorat et d'un membre de chacun des conseils municipaux d'Hanoi et d'Haiphong, ces trois derniers désignés par les assemblées auxquelles ils appartiennent.

En cas de partage, le président aura voix prépondérante.

13. — Il sera, dans les mêmes conditions, établi une liste complémentaire de dix notables.

14. — Les mêmes membres peuvent être indéfiniment portés sur les listes dressées chaque année.

15. — Nul ne peut être inscrit sur ces listes et remplir les fonctions d'assesseur s'il n'est âgé de 30 ans accomplis, s'il ne jouit de ses droits civils et politiques, ou s'il est membre

de l'ordre judiciaire, ministre d'un culte quelconque, ou militaire en activité de service des armées de terre ou de mer.

16 — (Mod. D. 8 oct. 1935) Huit jours au moins avant l'époque fixée pour l'ouverture de la session criminelle, le président de la cour criminelle ou un des magistrats de la cour criminelle, délégué par lui à cet effet, tirera au sort sur la liste annuelle des assesseurs les noms des quatorze membres appelés à composer la liste de session.

17 — Le jour de ce tirage au sort est fixé par ordonnance du président de la cour criminelle sur la réquisition du procureur général.

18 — Le tirage au sort se fait en chambre du conseil, en présence du procureur général ou de l'un de ses avocats généraux ou substituts, du greffier, des accusés et de leurs conseils.

Le président de la cour criminelle, ou le magistrat délégué par lui, dépose un à un dans une urne, après les avoir lus à haute voix, soixante bulletins portant chacun le nom d'un des soixante notables inscrits sur la liste annuelle des assesseurs, complétée, le cas échéant, ainsi qu'il sera dit ci-après.

Ne sont point admis dans l'urne les noms des assesseurs décédés, absents de la colonie ou se trouvant dans un cas d'incapacité légale. Le président de la cour criminelle ou son délégué, procède à leur remplacement par simple ordonnance et complète la liste des soixante notables en suivant l'ordre d'inscription de la liste complémentaire dressée par application de l'article 13 ci-dessus.

19 — (Mod. D. 8 oct. 1935) Cette première opération terminée, le président retire successivement quatorze bulletins de l'urne et lit les noms qui s'y trouvent inscrits.

Les quatorze assesseurs ainsi désignés par le sort composent la liste de session.

20 — (Mod. D. 8 oct. 1935) Au jour fixé pour le jugement de chaque affaire, le président fait procéder au début de l'au-

audience publique à l'appel des quatorze assesseurs composant la liste de session. S'ils sont tous présents, il est immédiatement procédé au tirage au sort des deux assesseurs de jugement.

Si le procès paraît de nature à entraîner de longs débats, la cour pourra ordonner qu'indépendamment des deux assesseurs titulaires il en sera tiré au sort un ou deux autres qui assisteront aux débats, mais ne prendront part au jugement qu'en cas d'empêchement d'un ou deux des assesseurs titulaires.

Si un ou deux des assesseurs inscrits sur la liste de session ne se présentent pas, il sera néanmoins procédé au tirage au sort des assesseurs de jugement ainsi que des suppléants s'il y a lieu. Si le nombre des assesseurs présents est inférieur à douze, le président procède en audience publique au tirage au sort d'un nombre d'assesseurs suffisant pour compléter le chiffre de douze. Ces assesseurs complémentaires sont pris parmi les assesseurs inscrits sur la liste annuelle et résidant dans la ville même où siège la cour criminelle. Dès qu'ils auront répondu à la convocation qui leur sera adressée sur-le-champ, il sera procédé au tirage au sort des assesseurs de jugement et de leurs suppléants.

21 — Ce tirage se fait en audience publique, en présence du ministère public, des accusés et de leurs défenseurs. A cet effet, le président de la cour criminelle dépose dans une urne, après les avoir lus à haute voix, les noms des assesseurs présents inscrits sur autant de bulletins, puis il retire successivement chaque bulletin de l'urne et lit le nom qui s'y trouve inscrit. Les accusés, quel que soit leur nombre, ont la faculté d'exercer par eux-mêmes ou par leur défenseur quatre récusations péremptoires. Lorsqu'ils ne se sont pas entendus entre eux, l'ordre des récusations s'établit d'après la gravité de l'accusation ; dans le cas d'accusation de crimes de même gravité, l'ordre des récusations est déterminé par la voie du sort.

Le ministère public a aussi la faculté d'exercer quatre récusations péremptoires.

22.— (Mod. D. 13 avr. 1935) La liste des assesseurs est définitivement formée lorsque le nombre d'assesseurs nécessaires au jugement a été obtenu par le sort sans qu'il y ait de récusation, ou lorsque le droit de récusation a été épuisé de part et d'autre.

Les deux assesseurs désignés en premier lieu font partie de la cour criminelle pour le jugement de l'affaire. Les assesseurs suppléants ne seront appelés à remplacer les titulaires qu'en cas d'empêchement et dans l'ordre du tirage.

23.— Les empêchements résultant pour les juges de leur parenté ou de leur alliance soit entre eux, soit avec les accusés ou la partie civile, sont applicables aux assesseurs, soit entre eux, soit entre eux et les juges, soit entre eux et les accusés et la partie civile.

En outre, nul ne peut être assesseur dans la même affaire où il aura été officier de police judiciaire, témoin, interprète, expert ou partie.

24.— La cour criminelle ainsi constituée procédera à l'examen et au jugement en se conformant aux dispositions prévues au titre de la procédure.

2ème section

Crimes commis par des Annamites et des assimilés

25.— Dans le ressort de la cour d'appel de Saïgon, les crimes commis par des Annamites et assimilés sont jugés par

cinq cours criminelles siégeant à Saigon, Mytho, Vinh-long, Càntho et Pnom-Penh.

26 — La cour criminelle de Saigon est composée :

1) Du premier président ou du président de chambré ou d'un conseiller, président ;

2) De deux conseillers.

Au cas où un seul conseiller serait disponible, un magistrat de 1^{ère} instance sera appelé à faire partie de la cour criminelle ; s'il n'y a aucun conseiller disponible, les deux conseillers seront remplacés parmi les magistrats du siège, et de préférence parmi ceux du tribunal du chef-lieu de la cour criminelle.

3) De deux assesseurs indigènes désignés par voie de tirage au sort, conformément aux dispositions des articles 30 et suivants.

27.— Les autres cours criminelles du ressort sont composées :

Du premier président, ou du président de chambre ou d'un conseiller, président ;

De deux magistrats soit de la cour d'appel, soit des tribunaux de 1^{ère} instance du ressort de la cour, et de deux assesseurs indigènes.

Les assesseurs de la cour criminelle de Pnom-Penh seront Cambodgiens.

28.— Le ressort de la cour criminelle de Saigon comprend les villes de Saigon et de Cholon, les provinces de Cholon, Giadinh, Tayninh, Bienhoa, Baria et les provinces de l'Annam rattachées au ressort de la cour d'appel de Saigon.

Le ressort de la cour criminelle de Mytho comprend les arrondissements ou provinces de Mytho, Tân-an, Gocông et Bêntre.

Le ressort de la cour criminelle de Vinh-Long comprend les provinces de Vinh-Long, Travinh, Chaudoc et Hatien.

Le ressort de la cour criminelle de Cantho comprend les provinces de Cantho, Rachgia, Long-Xuyen, Soctrang et Bacieu.

Les limites des provinces comprises dans le ressort de chacune de ces cours criminelles sont celles déjà déterminées ou qui pourront être ultérieurement déterminées par décisions de l'autorité administrative compétente.

Le ressort de la cour criminelle de Pnom-Penh comprend tout le territoire du Cambodge, les provinces de Battambang, Siemréap, Sisophon, et celles du Laos placées dans le ressort de la cour d'appel de Saigon.

29. — (Mod. D. 30 oct. 1934) Dans le ressort de la cour d'appel d'Hanoi, les crimes commis par les Annamites et assimilés justiciables des juridictions françaises sont jugés par une cour criminelle siégeant à Hanoi, composée de la même façon que la cour criminelle de Saigon et dont le ressort est celui de la cour d'appel.

30. — (Mod. D. 30 oct. 1934) Les deux assesseurs indigènes qui doivent faire partie des cours criminelles sont désignés par la voie du sort sur une liste de vingt notables indigènes établie pour chacun des ressorts de ces cours criminelles. Les listes de ces assesseurs seront dressées chaque année dans la seconde quinzaine de décembre, sur la demande du procureur général du ressort pour les cours criminelles de Saigon, Mytho, Cantho et Vinhlong, par le gouverneur de la Cochinchine en conseil privé ; pour la cour de Pnom-Penh, par le résident supérieur du Cambodge, en conseil du protectorat ; pour la cour criminelle d'Hanoi, par le résident supérieur au Tonkin en conseil du protectorat.

Une liste complémentaire de dix notables indigènes sera dressée, dans les mêmes conditions, pour chacun des ressorts des cours criminelles.

Ces notables devront être âgés de trente cinq ans au moins et domiciliés dans le ressort de la cour criminelle. Ils seront choisis de préférence parmi les indigènes possédant une connaissance suffisante de la langue française.

Les mêmes noms pourront être indéfiniment reportés sur les listes dressées chaque année.

31.— Nul ne peut être inscrit sur les listes s'il appartient à l'administration judiciaire, s'il est ministre d'un culte, militaire en activité de service des armées de terre ou de mer ou s'il a encouru une condamnation qui, s'il était citoyen français, entraînerait pour lui privation de ses droits civils et politiques.

32.— Cinq jours au moins avant l'ouverture de la session de la cour criminelle, il est procédé sur la liste des vingt notables, par le président ou par le magistrat de la cour criminelle par lui délégué, au tirage au sort des deux assesseurs titulaires et de deux assesseurs supplémentaires qui pourront être appelés à suivre les débats pour remplacer, le cas échéant, les assesseurs titulaires empêchés de prendre part au jugement de l'affaire.

33.— Le jour de ce tirage au sort est fixé par une ordonnance du président de la cour criminelle, sur la réquisition du procureur général.

34.— Le tirage se fait en chambre du conseil, en présence du procureur général ou de l'un de ses avocats généraux ou substituts, ou d'un magistrat par lui délégué, du greffier, des accusés et de leurs défenseurs.

35.— Le président ou le magistrat par lui délégué dépose un à un dans une urne, après les avoir lus, les noms des vingt notables de la liste principale.

En cas de décès, d'incapacité ou d'absence de la colonie d'un ou de plusieurs des notables inscrits sur cette liste, le président la complète d'office par simple ordonnance en suivant l'ordre d'inscription sur la liste complémentaire.

36.— Cette première opération terminée, le président ou le magistrat par lui délégué retire successivement chaque bulletin de l'urne et lit le nom qui s'y trouve inscrit. Les accusés, quel que soit leur nombre, peuvent exercer quatre récusations péremptoires. S'ils ne se sont pas entendus entre eux, l'ordre de récusation s'établit d'après la gravité de l'accusation ; dans le cas d'accusation de crimes de même gravité, l'ordre des récusations est déterminé par la voie du sort.

Le ministère public peut également exercer quatre récusations péremptoires.

La liste des assesseurs est définitivement formée lorsque le nombre d'assesseurs nécessaires aux besoins de la session a été obtenu par le sort, sans qu'il y ait eu récusation, ou lorsque le droit de récusation a été épuisé de part et d'autre.

Les deux premiers assesseurs désignés par le sort font partie de la cour criminelle pour toute la durée de la session, en qualité d'assesseurs titulaires ; les deux suivants seront appelés, dans l'ordre du tirage, à remplacer les assesseurs titulaires en cas d'empêchement.

37.— Les empêchements résultant pour les juges de leur parenté et de leur alliance soit entre eux, soit avec les accusés et la partie civile, sont applicables aux assesseurs soit entre eux, soit entre eux et les juges, soit entre eux et les accusés ou la partie civile.

En outre, nul ne peut être assesseur dans la même affaire où il a été officier de police judiciaire, témoin, interprète, expert ou partie.

38.— La cour criminelle ainsi constituée procédera à l'examen et au jugement en se conformant aux dispositions prévues au titre de la procédure.

3^{ème} section

Dispositions communes à toutes les cours criminelles

39.— (Mod. D. 30 oct. 1934) Auprès des cours criminelles de Saigon et d'Hanoi, les fonctions du ministère public seront remplies par le procureur général ou un de ses avocats généraux ou substituts ; les fonctions de greffier sont remplies par le greffier en chef de la cour ou un commis greffier.

Auprès des autres cours criminelles, les fonctions du ministère public sont remplies par le procureur général, un avocat général ou un substitut du procureur général et, à défaut, par le procureur de la République près le tribunal du siège de la cour criminelle et même par un juge suppléant désigné à cet effet par le procureur général.

Les fonctions de greffier sont remplies par le greffier du tribunal ou un de ses commis-greffiers.

40.— (Mod. D. 30 oct. 1934) La cour criminelle siège tous les trois mois dans chacun des ressorts spécifiés.

Elle peut tenir exceptionnellement séance dans une autre ville que celle où elle siège d'ordinaire et tenir des sessions extraordinaires.

Lorsque la cour criminelle devra siéger dans un lieu autre que celui où elle siège habituellement, ce lieu sera déterminé par arrêt rendu par toutes les chambres assemblées et le procureur général entendu.

41.— (Mod. D. 30 oct. 1931) Les dates d'ouverture des sessions des cours criminelles seront fixées par le premier président à la fin de chaque trimestre pour le trimestre suivant. L'ordonnance portant fixation du jour de l'ouverture de la session criminelle sera affichée à la porte du prétoire de la

première chambre de la cour d'appel, ainsi qu'à la porte du tribunal du siège de la cour criminelle ; elle sera, en outre, publiée au Journal officiel de la colonie.

42.— Le premier président pourra, sur la demande du gouverneur général ou du procureur général, ordonner la réunion d'une cour criminelle en session extraordinaire.

Dans ce cas, la composition de la cour réunie ainsi extraordinairement sera la même que celle de la session ordinaire, et resterait la même si la session se prolongeait au-delà de la fin du trimestre, cette session devant se continuer jusqu'à épuisement du rôle.

La session extraordinaire ne peut jamais se tenir qu'après la session ordinaire.

En cas de décès ou d'empêchement légitime du président ou d'un juge de la session ordinaire, il sera remplacé à l'instant où la nécessité de la session extraordinaire sera connue ; le remplacement se fera par ordonnance du premier président.

43.— (Mod. D. 30 oct. 1934) Le premier président de la cour d'appel nomme pour chaque tenue de cour criminelle le président et les juges qui doivent composer la cour.

Le gouverneur général pourra néanmoins nommer les présidents et les juges des cours criminelles, mais il ne pourra user de cette faculté que pour le trimestre suivant et avant le commencement de la dernière décade du deuxième mois du trimestre en cours. Dès que cette décade aura commencé, il appartiendra au premier président seul de désigner les présidents et juges des cours criminelles pour le trimestre suivant.

44.— Les magistrats qui auront procédé à l'instruction ou qui auront fait partie de la chambre d'accusation ne pourront siéger à la cour criminelle.

CHAPITRE III

CRIMES ET DELITS COMMIS DANS LES LIEUX DE DÉPORTATION ET DE TRANSPORTATION PAR DES INDIVIDUS CONDAMNÉS À LA DÉPORTATION OU AUX TRAVAUX FORCÉS

45.— Les tribunaux correctionnels connaissent, conformément au droit commun, des délits commis par les déportés et les condamnés aux travaux forcés. L'appel sera jugé sur pièce, après que le condamné aura été invité à fournir ses moyens de défense par écrit, ou à se faire représenter. L'arrêt sera réputé contradictoire. La cour peut toujours, lorsqu'elle le jugera utile, ordonner la comparution personnelle des prévenus et entendre des témoins.

46.— (Mod. D. 19 mai 1932) La chambre correctionnelle de chacune des deux cours de Saigon et d'Hanoi connaît aussi des crimes commis par les déportés et les condamnés aux travaux forcés en cours de peine, ainsi que des crimes commis par les libérés des travaux forcés dans les cas prévus par l'article 16 du décret du 26 octobre 1914.

Elle est alors saisie par arrêt de la chambre des mises en accusation.

La cour jugera sur pièces comme pour les appels des jugements prononcés par les tribunaux correctionnels, avec faculté quand elle le jugera utile, d'ordonner la comparution personnelle des accusés et d'entendre des témoins. Toutefois, la comparution de l'accusé sera obligatoire pour les crimes de nature à entraîner la peine de mort. Dans ce dernier cas, l'accusé devra toujours être assisté d'un défenseur.

47.— En cas de poursuite pour évasion ou tentative d'évasion d'un déporté, d'un condamné aux travaux forcés ou d'un

libéré, tous les individus accusés de complicité sont justiciables de la cour d'appel, chambre des appels correctionnels.

Hors ce cas, lorsque la poursuite d'un crime comprend d'autres individus que des déportés ou condamnés aux travaux forcés, tous les accusés indistinctement seront traduits devant la cour criminelle ordinaire compétente.

Devant quelque juridiction que soient traduits les condamnés aux travaux forcés, ils restent passibles des peines qui leur sont spécialement applicables.

TITRE II

JURIDICTIONS DU 1^{er} DEGRÉ

**Tribunaux de 1^{ère} instance — Justice de paix
à compétence étendue—Tribunaux résidentiels**



CHAPITRE PREMIER

DISPOSITIONS GÉNÉRALES

48. — (Mod. D. 25 avr. 1930 et 27 déc. 1943) Les tribunaux de première instance, les justices de paix à compétence étendue et les tribunaux résidentiels ou justices de paix à compétence étendue présidées par des administrateurs énumérés à l'article 2 connaissent en premier et dernier ressort :

- 1) Des actions personnelles et mobilières jusqu'à la valeur de 7500 francs ou de 750 gias de paddy en principal (le poids du gia étant de 20 kilogrammes).
- 2) Des actions immobilières jusqu'à 300 francs ou 40 gias de paddy de revenu déterminé soit en rentes, soit par prix de bail, soit à défaut, par la déclaration concordante des parties, soit encore, en ce qui concerne le revenu en gia de paddy, par certificat des notables du village de la situation de l'immeuble litigieux.

Si, d'après le cours moyen des mercuriales du mois qui précède l'échéance ou la demande, la valeur du paddy dont le poids est fixé en gia, excède d'un tiers le taux de la compétence fixé comme ci-dessus, l'appel est recevable. Les demandes indéterminées sont toujours susceptibles d'appel.

Les juridictions énumérées au présent article connaissent à charge d'appel de toutes autres actions.

49.— Lorsqu'une demande reconventionnelle, ou en compensation, aura été formée dans les limites de la compétence en dernier ressort, il sera statué sur le tout sans qu'il y ait lieu à appel.

Si l'une des demandes s'élève au-dessus des limites ci-dessus fixées, le tribunal ne prononcera sur toutes demandes qu'en premier ressort.

Néanmoins, il sera statué en dernier ressort sur les demandes en dommages-intérêts lorsqu'elles seront fondées exclusivement sur la demande principale elle-même.

50.— (Mod.D. 25 avr. 1930). En matière civile, les parties même majeures ne pourront autoriser le tribunal à statuer en dernier ressort au-delà des taux de compétence ainsi déterminés soit en l'article 48, soit par arrêté du gouverneur général, même si la matière ne touche pas à l'ordre public.

51.— Comme tribunaux correctionnels, les tribunaux de 1ère instance, les justices de paix à compétence étendue et les

tribunaux résidentiels, connaîtront de toutes les infractions dont la peine excède cinq jours d'emprisonnement et quinze francs d'amende, sauf dérogations prévues par les lois et décrets spéciaux dûment promulgués dans la colonie.

52.— Les mêmes tribunaux connaîtront en outre des appels formés contre les jugements rendus en premier ressort par les tribunaux de simple police lorsque ces tribunaux prononceront un emprisonnement, ou lorsque les amendes, restitutions et autres réparations excéderont la somme de 5 francs, outre les dépens, et toujours sous réserve des dérogations expresses contenues dans les lois et décrets régulièrement promulgués.

53.— Lorsqu'il n'existera pas de justices de paix ou de tribunal de simple police dans l'arrondissement, le juge de 1ère instance statuera en premier et dernier ressort sur toutes les contestations civiles de la compétence des juges de paix de la métropole, et sur toutes les contraventions de police.

54.— En cas de nécessité, ou lorsque l'état des communications l'exigera, les ressorts territoriaux des tribunaux de 1ère instance de toute sorte, tels qu'ils seront déterminés ci-après, pourront être modifiés par arrêtés du gouverneur général ; partie d'une circonscription administrative pourra même être rattachée à un ressort judiciaire dont le siège serait situé dans une autre circonscription administrative. Toutefois, le ressort des tribunaux résidentiels aura toujours les mêmes limites que la circonscription administrative.

CHAPITRE II

1ère section

Tribunaux de 1ère Instance

55.— (Mod. 2 juin 1934) Les tribunaux de première instance sont constitués par un juge unique avec adjonction per-

manente d'un magistrat du ministère public.

Il y a trois tribunaux de 1ère classe, cinq tribunaux de 2ème classe et deux tribunaux de 3ème classe.

Les tribunaux de 1ère classe ont leur siège à Saigon, Hanoi et Haiphong, ceux de 2ème classe à Mytho, Vinh-Long, Cantho, Pnom-Penh et Tourane ; ceux de 3ème classe à Long-Xuyên et à Soctrang.

Un procureur de la République exerce les fonctions du ministère public auprès de chacun de ces tribunaux. A Saigon, il est assisté de deux substituts. Les juges suppléants dans le ressort de la cour d'appel de Hanoi, les juges de 3ème classe non affectés dans le ressort de la cour d'appel de Saigon, pourront remplir indifféremment les fonctions du siège ou du parquet.

56.— (Mod. D. 22 juin 1934). Le tribunal de Saigon comprend :

- Un président,
- Deux vice-présidents,
- Deux juges d'instruction,
- Un juge,
- Un procureur de la République,
- Deux substituts.

Le service du greffe est assuré par un greffier et autant de commis greffiers que l'exige la prompte expédition des affaires.

57.— Le tribunal de Saigon comprend deux chambres :

La première, présidée par le président, connaît des affaires entre Français et assimilés, ou entre ceux-ci et les Annamites ou assimilés, ou même entre indigènes lorsque le litige devra être réglé suivant la loi française ;

(Mod. D. 31 déc. 1926) La deuxième chambre est présidée par l'un des vice-présidents et connaît exclusivement des litiges entre Annamites et assimilés quand il y a lieu d'appliquer la loi annamite.

58.— (Mod. D. 31 déc. 1926) Pour le jugement des affai-

res correctionnelles, le président ou, à défaut, l'un des vice-présidents, devra toujours tenir l'audience lorsque les prévenus seront Français ou assimilés ; pour le jugement de toutes les autres affaires, l'audience pourra être tenue par un juge ou un juge suppléant, sauf dans le cas prévu au paragraphe 2 de l'article 88 ci-après.

59.— Le président pourra présider la deuxième chambre, les audiences correctionnelles, et même toute affaire quand il le jugera utile.

60.— (Mod. D. 22 juin 1934) L'instruction est répartie entre les deux juges d'instruction. Lorsque le service l'exigera, le juge titulaire ou l'un des juges de 3ème classe affecté au tribunal pourront, par ordonnance du premier président, d'accord avec le procureur général, être temporairement chargés de l'instruction, concurremment avec les juges d'instruction. Le juge titulaire est chargé des ordres et contributions et de tous autres travaux auxquels il pourra être commis par le président.

61.— (Mod. D. 31 déc. 1926) En cas d'empêchement momentané, le président est remplacé de droit à la chambre française par l'un des vice-présidents, qui est remplacé lui-même à la présidence de la chambre indigène par le juge ou, à défaut, par un juge suppléant.

62. — Le ressort territorial du tribunal de Saigon comprend les villes de Saigon et de Cholon, les provinces de Cholon et de Giadinh.

63. — (Mod. D. 22 juin 1934) Le tribunal d'Hanoi comprend :

Un président,
Un juge d'instruction,
Trois juges,
Un procureur de la République,
Un substitut.

Le service du greffe est assuré par un greffier et un ou plusieurs commis-greffiers. Le président tient lui-même les audiences ; il pourra, cependant, déléguer un juge affecté au service du tribunal, sauf pour le jugement des affaires correctionnelles françaises ou assimilées.

Le juge d'instruction est seul chargé de l'instruction.

Toutefois, lorsque le service l'exigera, un juge titulaire ou un juge suppléant affecté au tribunal pourra, par ordonnance du premier président, d'accord avec le procureur général, être temporairement chargé de l'instruction concurremment avec le juge d'instruction.

Le juge le plus ancien sera détaché pour remplir les fonctions de juge de paix et pourra aussi être commis à certains travaux du tribunal compatibles avec les fonctions de juge de paix.

Ces deux magistrats pourront être chargés des enquêtes, des ordres, des contributions, et, s'il y a lieu à rapport, ils siégeront à l'audience avec voix consultative. Les deux autres juges pourront être spécialement affectés à la présidence des tribunaux provinciaux indigènes de deuxième degré du Tonkin, par application de l'article 12 (chap. II) du code organisant les juridictions annamites au Tonkin. Ils seront commis à ces fonctions par décision du directeur de l'administration judiciaire, chef de la justice indigène au Tonkin, sur la proposition du premier président de la cour, à la demande du résident supérieur du Tonkin.

Le ressort du tribunal de Hanoi comprend le territoire de la ville de Hanoi et des provinces de Hadong, Bac-Ninh, Sontay, Hung-Yên, Vinh-Yen et Bac-Giang.

64.— (Mod. D. 22 juin 1934). Le tribunal de Haiphong comprend :

Un président,
Un juge d'instruction,
Un juge,
Un procureur de la République,
Un substitut.

Le service du greffe est assuré par un greffier et un ou plusieurs commis-greffiers. Le président tient lui-même les audiences ; il pourra, cependant, déléguer le juge, sauf pour le jugement des affaires correctionnelles de Français ou assimilés.

Le juge d'instruction est seul chargé de l'instruction. Toutefois, lorsque le service l'exigera, le juge titulaire ou un juge suppléant affecté au tribunal pourra, par ordonnance du premier président, d'accord avec le procureur général, être temporairement chargé de l'instruction concurremment avec le juge d'instruction.

Le juge sera détaché pour remplir les fonctions de juge de paix, mais pourra aussi être commis à certains travaux du tribunal compatibles avec les fonctions de juge de paix.

Le juge d'instruction et le juge pourront être chargés des enquêtes, des ordres et des contributions, et, s'il y a lieu à rapport, ils siégeront à l'audience avec voix consultative.

Le ressort territorial du tribunal de Haiphong comprend la ville de Haiphong et les provinces de Kien-an, Haiduong et Quang-Yen.

65.— (Mod. D. 22 juin 1925). Les tribunaux de Mytho, Vinh-Long et Cantho se composent d'un juge-président, d'un lieutenant de juge et d'un procureur de la République.

Le service du greffe est assuré par un greffier et un ou plusieurs commis-greffiers.

Le président tient toutes les audiences ; il peut cependant déléguer le lieutenant de juge ou le juge suppléant, notamment

pour la tenue des audiences correctionnelles indigènes. Le lieutenant de juge peut juger les affaires correctionnelles qu'il a instruites.

Le lieutenant de juge est spécialement chargé de l'instruction ; il peut l'être des ordres et contributions ainsi que des enquêtes ; il siège à l'audience avec voix consultative quand il y a lieu à rapport.

En cas d'empêchement du procureur de la République et du juge suppléant, le lieutenant de juge peut remplir provisoirement les fonctions de ministère public.

Le ressort du tribunal de Mytho comprend les provinces de Mytho, Tanan et de Gocong.

(Mod. D. 31 août 1924) Le ressort du tribunal de Vinh-Long comprend les provinces de Vinh-Long et de Sadec.

Le ressort du tribunal de Cantho comprend le territoire de la province de Cantho.

66.— (Mod. D. 22 juin 1925) Les tribunaux de Pnom-Penh et de Tourane se composent chacun d'un juge-président et d'un procureur de la République.

Le service du greffe est assuré par un greffier assisté, s'il y a lieu, d'un ou plusieurs commis-greffiers.

Le président tient toutes les audiences, procède lui-même à l'instruction, aux enquêtes, ordres et contributions.

Le ressort du tribunal de Pnom-Penh comprend les territoires de la ville de Pnom-Penh, de la circonscription Kandal, des provinces cambodgiennes de Kukumpul (ancien), Khsach-Kandal (circonscription résidentielle de Kompong-Cham) et Lovéa-Om (circonscription de Prey-Veng).

Le ressort du tribunal de Tourane comprend la ville de Tourane, le Huyện de Hao-Vang, les provinces de Quang-Tri, Thua-Thiên et Quang-Nam.

67. — (Mod. D. 22 juin 1934). Les tribunaux de Long-Xuyen et Soctrang comportent chacun un président, un juge, un procureur de la République, un greffier et un ou plusieurs commis-greffiers.

Leur fonctionnement est réglé de la même manière qu'il a été dit à l'article 65 du présent décret pour les tribunaux de Mytho, Vinh-Long et Cantho.

Le ressort de chacun de ces tribunaux comprend le territoire même de la province.

2ème section

Justice de paix à compétence étendue

68. — Les juges de paix à compétence étendue sont investis de toutes les attributions conférées aux présidents des tribunaux de première instance ; ils règlent eux-mêmes les ordres et contributions, font les enquêtes en matière civile, procèdent d'office à l'instruction des affaires criminelles et des affaires correctionnelles qu'ils estiment n'être pas en état d'être portées à l'audience en flagrant délit et par voie de citation directe.

En cas de flagrant délit, ils procèdent avant l'audience à une interrogation sommaire pour faire connaître à l'inculpé la nature de l'infraction relevée contre lui, et décernent mandat de dépôt s'il y a lieu, en se conformant aux dispositions de la loi du 20 mai 1863.

La présence du ministère public n'est pas obligatoire.

Le droit de se porter partie principale en matière civile, dans le cas où il est dévolu par la loi au ministère public, est réservé au procureur général près la cour d'appel.

Le procureur général procède par voie de requêtes et de

conclusions écrites. Il peut, si les besoins du service l'exigent, déléguer un magistrat du ressort, même un juge, un lieutenant de juge ou un juge suppléant, pour remplir les fonctions du ministère public.

Les affaires civiles simplement communicables seront jugées sans intervention du ministère public.

Le procureur général pourra se faire communiquer les procédures criminelles en cours, en vertu de l'article 61 du Code d'instruction criminelle, et faire tous actes que peuvent accomplir les officiers du ministère public devant les tribunaux de première instance.

Le service du greffe est assuré par un greffier et, s'il y a lieu, par un ou plusieurs commis-greffiers.

69 (1) — (Mod. D. 22 juin 1934) Dans le ressort de la cour d'appel de Saigon, il y a des justices de paix à compétence étendue à Baria, Bienhoa, Baclieu, Bentre, Chaudoc, Rachgia et Travinh.

Ces justices de paix se composent chacune d'un juge de paix. Toutefois, le premier président pourra adjoindre momentanément au juge de paix à compétence étendue un juge de 3ème classe non affecté du ressort de la cour d'appel.

70.— (Mod. D. 22 juin 1934) Dans le ressort de la cour d'appel de Hanoi, il y a des justices de paix à compétence étendue à Nam-Dinh et Vinh. Elles se composent d'un juge de paix à compétence étendue. Toutefois, si les nécessités du service l'exigent, le premier président pourra adjoindre momentanément au juge de paix à compétence étendue un juge suppléant affecté au ressort de la cour d'appel.

(1) Les art. 60, 70 et 71 ont été complétés et modifiés par ord. fédérale 12 juin 1946. Se reporter à ce texte.

71.— (Mod. D. 22 juin 1934) Le ressort de la justice de paix à compétence étendue de Baria comprend la province de Baria et le territoire du cap Saint-Jacques.

Le ressort de la justice de paix à compétence étendue de Bien-hoa comprend le territoire des provinces de Bien-hoa, Thu-dau-mot et Tay-ninh.

Les ressorts des justices de paix à compétence étendue de Bentre, Travinh, Bac-lieu et Rach-gia comprennent les territoires de ces provinces.

Le ressort de la justice de paix à compétence étendue de Chaudoc comprend le territoire des provinces de Chaudoc et Hatien.

Le ressort de la justice de paix à compétence étendue de Nam-Dinh comprend les provinces de Nam-Dinh, Phu-ly, Thai-binh et Ninh-binh.

Le ressort de la justice de paix à compétence étendue de Vinh comprend les provinces de Nghe-an, Thanh-hoa et Ha-tinh.

3ème section

Tribunaux résidentiels

72.— Dans les pays de protectorat (Annam, Cambodge, Tonkin, Laos) et à Battambang, en dehors des territoires compris dans les ressorts des tribunaux de première instance ou justices de paix à compétence étendue, les résidents chefs de province sont investis des fonctions de juge de paix à compétence étendue.

Le ressort de chaque tribunal résidentiel comprend le territoire de la province tel qu'il est délimité par arrêté du Gouvernement général.

(Compl. D. 30 oct. 1934) L'administrateur du territoire de Kouang-Tchéou-Wan est investi desdites fonctions dans les mêmes conditions que le résident chef de province dans toute l'étendue du territoire.

(Compl. D. 7 juin 1939) En principe, les fonctions de juge de paix sont remplies par l'administrateur chef de province lui-même ; toutefois, en cas d'absence ou d'empêchement, il peut être remplacé par le fonctionnaire qui lui est adjoint.

(Rempl. D. 16 févr. 1942) En toute matière et s'agissant d'affaires graves et difficiles, le premier président peut, par ordonnance, habilitier l'un des membres d'un tribunal de première instance du ressort désigné dans les conditions indiquées au présent article, à procéder à l'instruction ou au jugement d'une ou de plusieurs affaires déterminées au lieu et place du juge résidentiel compétent. Il en sera de même jusqu'à la date de cessation légale des hostilités toutes les fois où les circonstances rendront cette mesure opportune, quelle que soit la nature des affaires, et sans que le magistrat désigné pour remplacer le juge résidentiel soit tenu de se transporter au siège du tribunal résidentiel dessaisi. L'ordonnance peut intervenir même au cours d'une information commencée.

(Mod. D. 2 avr. 1927) Cette mesure peut être prise d'office par le premier président après avis conforme du procureur général ou par le juge résidentiel intéressé lui-même après avis du chef du parquet. En cas de désaccord entre le premier président et le procureur général sur l'opportunité de la mesure, le différend sera soumis au directeur de l'administration judiciaire qui décidera.

Les ordonnances rendues dans les conditions ci-dessus

sont immédiatement portés, par les soins du procureur général, à la connaissance du juge résidentiel dessaisi, du chef de l'administration locale du pays dont il dépend et du directeur de l'administration judiciaire.

Les premiers présidents de Hanoi et de Saigon établiront, au mois de décembre de chaque année, un tableau des magistrats susceptibles d'être désignés pour suppléer les juges résidentiels. Ce tableau comprendra quatre noms, les désignations seront faites à tour de rôle et suivant l'ordre d'inscription, chacun des magistrats pouvant, en cas d'absence ou d'empêchement, être remplacé par le suivant dans l'ordre du tableau.

Les dispositions qui précèdent ne s'opposent pas à ce que le juge résidentiel ou les parties aient recours, dans les formes ordinaires, à la procédure de l'abstention ou de la récusation.

73.— Dans les îles de Poulo-Condore, le fonctionnaire investi des attributions du chef de service exerce la juridiction conférée au juge de paix à compétence étendue. En cas d'empêchement, il est remplacé par le fonctionnaire qui le supplée dans ses fonctions administratives.

(Compl. D. 2 avr. 1927) Les dispositions prévues à l'article 72 ci-dessus, relatives au dessaisissement du juge résidentiel et à son remplacement par un magistrat de carrière, pour l'instruction ou le jugement d'une ou de plusieurs affaires déterminées, sont applicables, dans les mêmes conditions, dans les îles de Poulo-Condore.

74.— Tout ce qui a été prescrit relativement aux fonctions du ministère public près les justices de paix à compétence étendue s'applique aux tribunaux résidentiels et au tribunal de Poulo-Condore.

75.— (Mod. D. 11 août 1923 et 25 mars 1943) Un fonc-

tionnaire civil en service dans le centre, siège du tribunal, fait fonctions de greffier dans les tribunaux résidentiels et le tribunal de Poulo-Condore; il pourra lui être adjoint un ou plusieurs commis-greffiers. Toutefois, à la demande du chef de l'administration locale, les fonctions de greffier près ces mêmes tribunaux peuvent être confiées, par arrêté du gouverneur général pris sur la proposition du directeur de l'administration judiciaire, à un commis greffier du service judiciaire.

CHAPITRE III

DISPOSITIONS COMMUNES A TOUTES LES JURIDICTIONS DE PREMIERE INSTANCE— AUDIENCES FORAINES — DELEGATION DE POUVOIRS

76.— Les présidents et les juges-présidents des tribunaux de première instance, les juges, les lieutenants de juge, les juges de paix à compétence étendue et les juges suppléants attachés à ces juridictions pourront tenir des audiences foraines dans l'étendue de leur circonscription. Ils sont autorisés, dans ce cas spécial, à siéger sans l'assistance d'un représentant du ministère public. Ils doivent être assistés d'un greffier. Leurs décisions devront être inscrites sur un registre spécial conservé au greffe du tribunal du chef lieu.

77.— Les présidents et juges-présidents des tribunaux de première instance, les juges de paix à compétence étendue, les juges résidentiels pourront déléguer leurs pouvoirs de juges correctionnels à des administrateurs chefs de province ou délégués administratifs résidant à de grandes distances du siège du tribunal.

Cette délégation ne pourra être donnée qu'après avis conforme du procureur général, dans des cas exceptionnels. lorsque, par suite des difficultés de communication, les prévenus et les témoins ne pourraient se rendre sans inconvénient grave au tribunal du chef-lieu. L'administrateur délégué pourra décerner mandat de dépôt en cas de flagrant délit, procéder à l'instruction en se conformant aux indications du juge qui l'aura délégué, décerner tous mandats réguliers et juger l'affaire.

CHAPITRE IV

TRIBUNAUX DE COMMERCE

1ère section

Tribunaux mixtes de commerce.

78 (1) — (Mod. D. 18 déc 1928) Dans les ressorts des tribunaux de première instance de Saigon. Hanoi et Haiphong, la juridiction commerciale est composée du président du tribunal civil, président, et de six juges élus, pour deux ans, par l'assemblée des électeurs français de la chambre de commerce, suivant le mode adopté pour l'élection des membres français de cette assemblée

79 — (Mod. D. 31 déc. 1926) En cas d'absence ou d'empêchement du président du tribunal, il est remplacé de droit à Saigon par l'un des vice-présidents, ou, à défaut, par l'un des juges ; à Hanoi et à Haiphong, par des juges du tribunal civil.

(1) Pour Pnom-Penh, D. 22 oct. 1929

80.— (Mod. D. 18 déc. 1928) Douze juges suppléants élus dans chaque ressort, dans les mêmes formes et conditions que les juges consulaires, seront chargés de les remplacer, en cas d'absence ou d'empêchement.

81 — Les juges consulaires et leurs suppléants continueront leurs fonctions jusqu'à la nomination de leurs successeurs.

Si, dans l'intervalle entre deux élections, le nombre des juges consulaires, titulaires ou suppléants, devenait insuffisant, il serait procédé à l'élection du nombre de juges déterminé par le directeur de l'administration judiciaire sur la proposition du premier président du ressort.

82 — Sont éligibles aux fonctions de juges et de juges suppléants au tribunal de commerce les électeurs français à la chambre de commerce, âgés de 25 ans accomplis et domiciliés, au moment de l'élection, dans le ressort du tribunal.

Le mandat de juge et de juge suppléant au tribunal de commerce est gratuit et indéfiniment renouvelable.

Sont applicables aux élections du tribunal de commerce les dispositions en vigueur en Cochinchine pour les élections à la chambre de commerce de Saigon, et les voies de recours contre ces élections.

83 (1) — Le ressort territorial de chacun des tribunaux mixtes de commerce de Saigon, Hanoi et Haiphong est le même que celui des tribunaux civils siégeant dans ces villes.

(1) Pour Pnom-Penh, v. D. 22 oct. 1929.

2ème section

Tribunaux ordinaires jugeant commercialement

84.— (Mod. D. 22 oct. 1929.) Dans les arrondissements judiciaires autres que ceux de Saigon, Hanoi, Haiphong, et Pnom-Penh, le président du tribunal de première instance ou de la justice de paix à compétence étendue connaîtra des matières commerciales, conformément à l'article 640 du Code de commerce.

85.— La compétence des tribunaux mixtes de commerce et des juridictions civiles statuant en matière commerciale est réglée par le livre IV, titre II (articles 631 et suivants) du Code de commerce.

TITRE III

JUSTICES DE PAIX



CHAPITRE PREMIER

DES JUGES DE PAIX FRANÇAIS

86.— La justice de paix de Saigon est maintenue. Elle comporte un juge de paix, un greffier et un ou plusieurs commis-greffiers.

En cas d'absence ou d'empêchement du juge de paix, il sera remplacé par un juge suppléant du tribunal de Saigon désigné par le président de cette juridiction.

87.— Dans les villes de Hanoi et de Haiphong, les fonctions de juge de paix sont remplies par un juge du tribunal de 1ère instance conformément aux articles 63 et 64 du présent décret.

Un commis-greffier du tribunal, désigné par le président sur la proposition du greffier, sera spécialement affecté à la justice de paix. Au cas où les besoins du service l'exigeraient, un ou plusieurs autres commis-greffiers lui seraient adjoints.

88.— La compétence et le fonctionnement de ces justices de paix sont déterminés conformément aux règles qui régissent les justices de paix de la métropole, notamment au titre Ier de la loi du 12 juillet 1905, qui sera promulguée dans la colonie en même temps que le présent décret.

En cas d'appel d'un jugement de justice de paix, l'audience du tribunal devant lequel l'appel sera porté ne pourra être tenue que par le président ou le vice-président du tribunal.

89. — Le ressort de la justice de paix de Saigon comprend les territoires des villes de Saigon et de Cholon ; celui de la justice de paix de Hanoi, le territoire de la ville de Hanoi ; celui de la justice de paix de Haiphong, le territoire de la ville de Haiphong.

90.— (Mod. D. 31 août 1927) La compétence de ces juges de paix s'étend à tous les justiciables français domiciliés ou résidant dans leur ressort.

En matière indigène, les fonctions tutélaires et gracieuses des juges de paix s'exercent dans la mesure compatible avec la loi indigène, notamment avec le décret du 3 octobre 1833, et dans les cas et conditions qui seront déterminés par arrêtés du gouverneur général.

Dans les provinces où siège soit un tribunal de première instance, soit un tribunal de paix à compétence étendue, soit un

tribunal résidentiel, les présidents, les juges de paix à compétence étendue, ou les résidents-juges exercent les fonctions des juges de paix français et statuent en premier et dernier ressort sur toutes les affaires qui sont, en France, de la compétence des juges de paix, sous réserve de ce qui sera dit ci-après pour les juges de paix indigènes en Cochinchine.

91.— En dehors des ressorts des justices de paix de Saigon, de Hanoi et de Haiphong, et des provinces, siège d'un tribunal de 1^{ère} instance, d'une justice de paix à compétence étendue ou d'un tribunal résidentiel, les administrateurs chefs de province ou les délégués administratifs français remplissent les fonctions tutélaires, gracieuses et conciliatrices des juges de paix, et jugent en premier ressort, suivant les distinctions établies par la loi française, les contraventions de police commises par les justiciables français, sauf ce qui sera dit à la section suivante pour les indigènes de la Cochinchine après l'institution des justices de paix indigènes.

Ils pourront recevoir l'affirmation des procès-verbaux dressés par les agents des douanes et régies, les agents forestiers et tous autres dont les procès-verbaux sont soumis à l'affirmation du juge de paix.

CHAPITRE II

JUSTICES DE PAIX INDIGÈNES

92.— (Mod. D. 31 déc. 1942) En Cochinchine et dans les concessions françaises de l'Indochine, un arrêté du gouverneur général pourra en temps opportun créer un corps spécial de juges de paix annamites.

93.— Il n'y aura point de ministère public à côté des juges de paix indigènes, mais le procureur général ou le procureur de la République près le tribunal dans lequel se trouvera la justice de paix pourra soit d'office, soit sur la demande des juges de paix, leur envoyer des conclusions écrites dans toutes les affaires qui pourront solliciter leur attention.

94 — Il n'y aura pas d'huissiers près les justices de paix indigènes; toutes les significations, notifications et tous les actes d'exécution seront accomplis par les notables des villages sous la direction du juge de paix, et sous le contrôle des magistrats du parquet de 1ère instance et de la cour.

95.—L'assistance des avocats défenseurs ou de mandataires quelconques ne sera pas admise devant les juges de paix indigènes. Les parties devront se présenter en personne. Elles ne pourront se faire représenter que par de proches parents: ascendants ou descendants, épouses, frères ou soeurs, porteurs d'une procuration spéciale et de pièces d'identité. Les mineurs seront représentés par leur tuteur, les femmes mariées par leur mari.

96.— Les juges de paix indigènes seront chargés de la tentative de conciliation pour les litiges entre indigènes, lorsque les parties jugeront à propos d'y recourir.

97.— Les juges de paix indigènes exerceront tous les actes de la fonction tutélaire et gracieuse qui entrent dans les attributions de juges de paix français, dans la mesure où ces actes sont compatibles avec la loi indigène. Ils accompliront, en outre, certains actes de surveillance et de protection résultant de la loi ou de la coutume indigène, et tous ceux qui seront déterminés par arrêté du gouverneur général.

98.— Ils auront juridiction sur tous les Annamites et assimilés énumérés dans l'arrêté du chef du pouvoir exécutif

du 23 août 1871 (1), c'est-à-dire qu'ils seront compétents lorsque toutes les parties en cause seront Annamites et assimilés. Dès qu'il y aura en cause un Français ou assimilé, le juge français seul sera compétent.

Pour toutes les affaires contentieuses, les juges de paix indigènes seront assistés d'un secrétaire assermenté faisant fonctions de greffier.

99.— Les juges de paix indigènes exerceront la police judiciaire pour tous les crimes et délits commis par des Annamites et assimilés.

100.— Ils procéderont dans tout leur ressort sur délégation du procureur de la République, du juge d'instruction et des autorités judiciaires en général, à toutes enquêtes, investigations et constats en matière civile indigène comme en matière criminelle.

101.— En matière civile, leur compétence sera la même que celle des juges de paix français, c'est-à-dire qu'elle sera réglée notamment par les articles, 2, 3, 7, 23, 24, 25, 26, 27 du Code de procédure civile, et par le titre 1er de la loi du 12 juillet 1905.

102.— En matière de simple police, les juges de paix connaîtront des contraventions de simple police prévues par le Code pénal modifié par décret du 31 décembre 1912, en premier et dernier ressort, suivant les distinctions établies par l'article 172 du Code d'instruction criminelle.

Ils connaîtront également de toutes infractions prévues par les lois, décrets ou arrêtés spéciaux, et dont la connaissance est attribuée aux juges de paix.

(1) «Les Asiatiques qui, aux termes du décret du 25 juillet 1864, sont soumis à la loi annamite sont : les Chinois, les Cambodgiens, les Minh-Huong, les Siamois, les Mois, les Chams, les Stiengs, les Sang-Mélés, Malais de Chau-doc. Tous les autres indigènes, à quelque race qu'ils appartiennent, sont soumis à la loi française».

103.— (Mod. D. 31 déc. 1942) La compétence territoriale de ces juges de paix sera déterminée par arrêté du gouverneur général et du chef d'administration locale.

104.— (Mod. D. 13 déc. 1943) Les juges de paix annamites recevront un traitement et leurs secrétaires faisant fonctions de greffiers une indemnité spéciale qui seront fixés par arrêté du gouverneur général.

105.— Tout ce qui concerne le mode de recrutement, la nomination, l'avancement, la discipline et les insignes des juges de paix indigènes sera réglé par arrêté du gouverneur général.

Le fonctionnement des justices de paix indigènes, la procédure à suivre devant ces juridictions, le tarif des frais de justice seront également fixés par arrêté du gouverneur général.

106.— (Mod. D. 31 déc. 1942) Les juges de paix annamites pourront tenir des audiences foraines dans les lieux qui seront déterminés par arrêtés du gouverneur général sur la proposition du procureur général du ressort.

TITRE IV

**PERSONNES SOUMISES AUX JURIDICTIONS
FRANÇAISES. LEGISLATION APPLICABLE
PAR CES JURIDICTIONS**



CHAPITRE PREMIER

**PERSONNES SOUMISES A LA JURIDICTION
FRANÇAISE**

107.— En Cochinchine et dans les villes ou concessions françaises de Hanoi, Haiphong et Tourane, toutes personnes, sans distinction, sont soumises, en toutes matières, à la juridiction française.

(V. D. 17 mai 1943 portant dérogation en ce qui concerne les Moïs de Cochinchine).

108.— Dans les autres régions de l'Indochine, les tribunaux français sont compétents, en matière civile et commerciale, à l'égard des Français et assimilés, des sujets français, des Annamites originaires des concessions françaises, des protégés français étrangers au pays et des étrangers quelconques. Il en est ainsi même lorsqu'une des parties est indigène.

Ainsi, la juridiction française est compétente, en Annam-Tonkin, pour connaître des litiges entre Annamites du pays et Cambodgiens ou Laotiens; au Cambodge, pour connaître des contestations entre Cambodgiens et Annamites ou Laotiens; en-

fin, au Laos pour connaître des litiges entre Laotiens et Annamites ou Cambodgiens.

Sur les territoires de Kouan-Tchéou Wan, les Chinois, dans leurs contestations entre eux, sont quelle que soit leur origine, considérés comme indigènes et restent soumis aux tribunaux indigènes du pays.

Sur les territoires français des provinces de Battambang, Siemréap et Sisophon, les indigènes restent soumis aux tribunaux indigènes quand il n'y a en cause ni Français, ni sujets ou protégés étrangers au pays, ni étrangers quelconques.

109.— Au Tonkin, les indigènes peuvent porter leurs différends devant les tribunaux français lorsque toutes les parties sont d'accord à ce sujet. Ils le peuvent même s'ils déclarent vouloir rester soumis à la loi indigène. Lorsque les indigènes auront contracté sous l'empire de la loi française, cette option entraînera compétence pour la juridiction française.

110.— En matière pénale, les juridictions françaises sont compétentes à l'égard des Français ou assimilés, des sujets français, des Annamites originaires des concessions françaises de Hanoi, Haiphong et Tourane, des protégés français étrangers au pays, des étrangers quelconques, ainsi qu'à l'égard de leurs coauteurs ou complices.

Elles sont également compétentes pour connaître des infractions commises par des indigènes au préjudice de Français ou assimilés, de sujets français, d'Annamites originaires des concessions françaises de Hanoi, Haiphong et Tourane, de protégés français étrangers au pays, ou d'étrangers quelconques. En dehors des territoires de la Cochinchine et des villes de Hanoi, Haiphong et Tourane, les juridictions indigènes ne sont compétentes que pour connaître des infractions commises exclusivement par des indigènes au préjudice d'indigènes.

111.— La première chambre de la cour d'appel de Hanoi connaît des jugements rendus par les tribunaux indigènes du Tonkin, dans les conditions prévues à l'ordonnance royale du 16 juillet 1917, rendue exécutoire par arrêté du même jour, ou qui pourront être prévues par de nouvelles ordonnances rendues exécutoires dans les mêmes formes.

Les présidents et juges des tribunaux de première instance ainsi que les juges de paix à compétence étendue du Tonkin, pourront être investis des fonctions juridictionnelles attribuées aux résidents des provinces par l'ordonnance royale précitée ; des juges ou des juges suppléants du ressort de la cour de Hanoi pourront également être désignés pour remplacer les résidents à la présidence des tribunaux indigènes du deuxième degré.

CHAPITRE II

LÉGISLATION APPLICABLE PAR LES JURIDICTIONS FRANÇAISES

112— En matière civile, la loi française régit toutes les conventions et toutes les contestations entre Français, entre Français et assimilés, entre Français ou assimilés et indigènes ou assimilés.

La loi annamite régit toutes les conventions et toutes les contestations entre indigènes et assimilés. Toutefois, la déclaration faite dans un acte par des indigènes ou assimilés qu'ils entendent contracter sous l'empire de la loi française entraîne l'application de cette loi. Ils peuvent également, d'un commun accord, demander à la juridiction saisie qu'il leur soit fait application de la loi française.

Cette option n'est pas permise aux indigènes du Cambodge et de l'Annam proprement dit, à moins que des ordonnances de leurs souverains ne les y autorisent expressément,

113— La deuxième chambre de la cour d'appel de Hanoi appliquera la loi civile indigène telle qu'elle est ou sera réglée par les ordonnances de S.M. le Roi d'Annam, rendues exécutoires par arrêté du gouverneur général.

114— En matière commerciale, les tribunaux français appliquent le Code de commerce et les lois ou décrets spéciaux au commerce dûment promulgués dans la colonie,

Toutefois, demeurent en vigueur: 1-le décret du 27 fév. 1892 réglementant le commerce asiatique en Indochine; 2— l'arrêté

du gouverneur général réglementant le commerce asiatique au Tonkin, approuvé par le décret du 21 octobre 1911; 3— l'arrêté du 12 janvier 1912 réglementant commerce asiatique du Cambodge lequel est expressément approuvé par le présent décret.

115— En matière, pénale le Code métropolitain, les lois et décrets qui l'ont modifié, ainsi que les textes qui prévoient et punissent des infractions spéciales, régulièrement promulgués dans la colonie sont applicables aux Français et assimilés.

Les infractions commises par les Annamites et assimilés au préjudice d'autres Annamites ou assimilés restent soumises au Code pénal modifié par le décret du 31 décembre 1912.

Ledit décret est également applicable aux Annamites et assimilés à raison de certaines infractions commises au préjudice de l'Etat ou du gouvernement français ou même au préjudice de Français ou assimilés, lorsque ces infractions sont expressément prévues par le décret.

En conséquence, les crimes et délits commis contre la sûreté extérieure ou intérieure de l'Etat français restent soumis aux dispositions des articles 75 et suivants du Code pénal, modifié par le décret du 31 décembre 1912.

Les lois, décrets et arrêtés spéciaux régulièrement promulgués dans la colonie sont applicables à tous les justiciables français de l'Indochine, à moins qu'une disposition spéciale n'en restreigne l'application soit aux Français et assimilés, soit aux Annamites et assimilés, ou que la nature même des infractions prévues n'en limite l'application à l'égard des uns ou des autres.

116— La deuxième chambre de la cour d'appel de Hanoi appliquera les lois pénales en vigueur au Tonkin telles qu'elles sont ou seront édictées par ordonnance de S.M. le Roi d'Annam, rendues exécutoires par arrêté du gouverneur général de l'Indochine.

TITRE V

**PROCÉDURE À SUIVRE
DEVANT LES TRIBUNAUX FRANÇAIS**

Chapitre premier

PROCÉDURE EN MATIÈRE CIVILE

1ère section

Procédure civile française

117— (Mod. D. 31 août 1927) La procédure à suivre devant les juges de paix français ou devant les tribunaux français faisant fonctions de justice de paix est celle tracée par le Code de procédure civile ou par les lois et décrets réglementant des matières spéciales et dument promulguée.

118— (Mod. D. 31 août 1927) Aucune demande principale introductive d'instance entre parties capables de transiger et sur des objets qui peuvent être la matière d'une transaction ne sera reçue dans les tribunaux de première instance avant que le défendeur n'ait été préalablement appelé en conciliation devant le juge de paix ou que les parties n'y aient volontairement comparu.

Sont dispensés du préliminaire de conciliation : les demandes énumérées en l'article 49 du Code de procédure civile, celles formées contre le gouvernement général et les diverses administrations locales, ainsi que les demandes contre les défendeurs domiciliés hors du ressort du tribunal ou résidant à plus de dix myriamètres du siège de la justice de paix.

Dans les causes urgentes, le magistrat dispense de la tentative de conciliation par ordonnance motivée.

Le juge de paix invite les parties à comparaître en personne sur simple avertissement adressé par lettre recommandée avec avis de réception.

En matière indigène, la conciliation est réglementée par arrêté du Gouverneur général.

119— (Mod. D. 31 août 1927) Les formes de procédure en matière civile, dans les affaires soumises à la législation française sont celles suivies dans la métropole devant les tribunaux civils à la date de la publication du présent décret, à quelque nationalité que les parties en cause puissent appartenir, lorsque ces formes ne sont pas incompatibles avec l'organisation locale.

Sous le même réserve, la procédure devant les cours d'appel d'Indochine est la même que devant les cours d'appel de la métropole.

Néanmoins, dans les affaires civiles, les parties peuvent déclarer, soit spontanément, soit sur l'interpellation du président, qu'elles sont d'accord, même hors des cas expressément prévus par la loi, pour suivre la procédure du Code de procédure civile, première partie, livre II titre XXIV, relative aux matières sommaires. Les procédures de séparation de corps et de divorce sont exclues de cette faculté.

Au moment où elles contractent, les parties peuvent également convenir qu'en cas de contestation judiciaire, elles entendent suivre la procédure sommaire pour le règlement de leurs litiges éventuels.

En cas d'urgence, il est loisible à l'une des parties de demander au président, statuant en référé, d'ordonner toutes mesures d'instruction et de procéder à une enquête écrite même en l'absence de l'autre partie. Celle ci pourra néanmoins, par la suite, faire compléter la première enquête soit par une seconde audition des témoins, soit par l'audition de témoins nouveaux.

L'assistance des avocats défenseurs, qui remplacent les avoués de la métropole, n'est pas obligatoire.

Les dispositions du Code de procédure ne sont pas applicables dans les cas où elles prévoient l'intervention forcée des avoués.

Les parties peuvent comparaître en personne même devant la cour d'appel. Elles peuvent se faire représenter par leurs descendants ou ascendants, époux, épouse, frères soeurs dont l'indentité et les pouvoirs seront vérifiés. Une partie absente de la colonie peut se faire représenter par un mandataire ad litem.

Si une partie ne se présente pas personnellement, ou ne se fait pas régulièrement représenter, il est donné contre elle défaut faute de comparaître. Si, après s'être présentée ou s'être fait représenter, la partie, sur l'avertissement du juge, ne dépose pas ou ne fait pas déposer des conclusions écrites ou un mémoire, cette carence équivaut, avec toutes ses conséquences, au défaut faute de conclure. Si la partie n'a pas d'avocat défenseur, l'opposition au jugement faute de conclure sera recevable pendant le mois à partir du jour de la signification de ce jugement à sa personne ou à son domicile élu dans la colonie.

Les parties résidant à plus de dix myriamètres du siège d'un tribunal ne sont pas obligatoirement tenues de se présenter ou de se faire représenter à l'audience. Elles peuvent adresser au président de la juridiction des conclusions écrites, en y joignant tous mémoires et documents utiles. Ces conclusions tiennent lieu de comparution sous réserve du droit que conserve le juge d'exiger la présence de la partie ou le cas échéant de son conseil.

Lors de la comparution personnelle, les parties peuvent déposer toutes les conclusions qu'elles jugent utiles.

La partie, dont l'avocat défenseur est décédé, démissionnaire, interdit, suspendu, destitué, ou même absent de la colonie, si elle n'a pas pris l'initiative d'en constituer un autre, est invitée par le juge ou le président à se présenter en personne ou à constituer un autre avocat-défenseur, sous peine de

voir prononcer défaut contre elle ou à déposer un mémoire dans les conditions prévues ci-dessus.

En cas de récusation, le juge président, le juge de paix à compétence étendue, le juge résidentiel qui déclare s'abstenir, est remplacé d'office pour l'affaire qui a motivé la récusation, par ordonnance du premier président de la cour. Si le juge refuse de s'abstenir, il fait connaître sa réponse aux moyens de récusation. L'expédition de l'acte de récusation et de la déclaration du juge est envoyée par le greffier, sur la réquisition de la partie la plus diligente au procureur général et la récusation est portée devant la première chambre de la cour d'appel, laquelle statue conformément à l'article 394 du Code de procédure civile.

Les recours en cassation sont réglés par les dispositions des lois métropolitaines, régulièrement promulguées en Indochine, notamment par la loi du 2 juin 1862 rendue applicable dans la colonie par le décret du 2 juillet 1862 sous réserve des dispositions spéciales des décrets du 8 janvier 1903 et 5 septembre 1922, promulgués en Indochine le 6 mars 1903 et le 1er novembre 1922. Les jugements rendus par les juges de paix peuvent être attaqués par la voie du recours en cassation pour excès de pouvoir, incompetence et pour violation de la loi.

120 — (Mod. D. 31 août 1927) La procédure devant les juges de paix français statuant en matière indigène et devant les juges de paix indigènes de la Cochinchine est réglée par arrêté du gouverneur général, pris sur la proposition du premier président, chef de l'administration judiciaire et après délibération de la cour d'appel, conformément à l'article 62 du décret du 6 juillet 1810.

Il en est de même de la procédure devant les tribunaux de première instance statuant en matière indigène, sans qu'en aucun cas, il puisse être porté atteinte aux dispositions réglementaires relatives à la compétence respective des juges de paix, et des tribunaux de première instance. Devant les tribunaux

de première instance, les parties peuvent se faire représenter par des avocats-défenseurs ou par leurs ascendants, descendants, époux, épouse, frères ou sœurs, dont l'identité et les pouvoirs sont vérifiés, sinon elles doivent comparaître elles mêmes.

Toutefois, les parties résidant à plus de dix myriamètres du siège d'un tribunal ne sont pas obligatoirement tenues de se présenter ou de se faire représenter à l'audience et peuvent adresser au président de la juridiction des conclusions écrites (avec tous documents utiles) qui tiennent lieu de comparution, sous réserve du droit que conserve le juge d'exiger, le cas échéant, la présence de la partie ou d'un mandataire ad litem.

Les parties peuvent obtenir l'assistance judiciaire dans les conditions prévues par les textes en vigueur.

La procédure devant la cour d'appel reste fixée en matière indigène par les lois et décrets actuellement en vigueur. Les recours en cassation et les pouvoirs en annulation en matière indigène, sont réglés par le décret du 20 juin 1927, modifiant les articles 121 et 173 du décret du 16 février 1921 portant réorganisation de la justice en Indochine.

Les voies d'exécution sont fixées par décret.

121 — (Mod. D. 20 juin 1927) La procédure à suivre devant les tribunaux indigènes du Tonkin et la deuxième chambre de la cour d'appel de Hanoi continuera à être réglée par les ordonnances de Sa Majesté le Roi d'Annam, rendues exécutoires par des arrêtés du gouverneur général.

Les jugements et arrêts pourront être attaqués par les voies de recours déjà organisées dans les codes de procédure civile et commerciale et de procédure pénale applicables devant les juridictions annamites du Tonkin et pour les autres voies de recours empruntées au droit français et qui seront jugées nécessaires dans les conditions et dans les formes de procédure qui seront établies par ordonnance du Roi d'Annam, rendues

111.— La première chambre de la cour d'appel de Hanoi connaît des jugements rendus par les tribunaux indigènes du Tonkin, dans les conditions prévues à l'ordonnance royale du 16 juillet 1917, rendue exécutoire par arrêté du même jour, ou qui pourront être prévues par de nouvelles ordonnances rendues exécutoires dans les mêmes formes.

Les présidents et juges des tribunaux de première instance ainsi que les juges de paix à compétence étendue du Tonkin, pourront être investis des fonctions juridictionnelles attribuées aux résidents des provinces par l'ordonnance royale précitée ; des juges ou des juges suppléants du ressort de la cour de Hanoi pourront également être désignés pour remplacer les résidents à la présidence des tribunaux indigènes du deuxième degré.

CHAPITRE II

LÉGISLATION APPLICABLE PAR LES JURIDICTIONS FRANÇAISES

112— En matière civile, la loi française régit toutes les conventions et toutes les contestations entre Français, entre Français et assimilés, entre Français ou assimilés et indigènes ou assimilés.

La loi annamite régit toutes les conventions et toutes les contestations entre indigènes et assimilés. Toutefois, la déclaration faite dans un acte par des indigènes ou assimilés qu'ils entendent contracter sous l'empire de la loi française entraîne l'application de cette loi. Ils peuvent également, d'un commun accord, demander à la juridiction saisie qu'il leur soit fait application de la loi française.

Cette option n'est pas permise aux indigènes du Cambodge et de l'Annam proprement dit, à moins que des ordonnances de leurs souverains ne les y autorisent expressément,

113— La deuxième chambre de la cour d'appel de Hanoi appliquera la loi civile indigène telle qu'elle est ou sera réglée par les ordonnances de S.M. le Roi d'Annam, rendues exécutoires par arrêté du gouverneur général.

114— En matière commerciale, les tribunaux français appliquent le Code de commerce et les lois ou décrets spéciaux au commerce dûment promulgués dans la colonie,

Toutefois, demeurent en vigueur: 1-le décret du 27 fév. 1892 réglementant le commerce asiatique en Indochine; 2— l'arrêté

du gouverneur général réglementant le commerce asiatique au Tonkin, approuvé par le décret du 21 octobre 1911; 3— l'arrêté du 12 janvier 1912 réglementant commerce asiatique du Cambodge lequel est expressément approuvé par le présent décret.

115— En matière, pénale le Code métropolitain, les lois et décrets qui l'ont modifié, ainsi que les textes qui prévoient et punissent des infractions spéciales, régulièrement promulgués dans la colonie sont applicables aux Français et assimilés.

Les infractions commises par les Annamites et assimilés au préjudice d'autres Annamites ou assimilés restent soumises au Code pénal modifié par le décret du 31 décembre 1912.

Ledit décret est également applicable aux Annamites et assimilés à raison de certaines infractions commises au préjudice de l'Etat ou du gouvernement français ou même au préjudice de Français ou assimilés, lorsque ces infractions sont expressément prévues par le décret.

En conséquence, les crimes et délits commis contre la sûreté extérieure ou intérieure de l'Etat français restent soumis aux dispositions des articles 75 et suivants du Code pénal, modifié par le décret du 31 décembre 1912.

Les lois, décrets et arrêtés spéciaux régulièrement promulgués dans la colonie sont applicables à tous les justiciables français de l'Indochine, à moins qu'une disposition spéciale n'en restreigne l'application soit aux Français et assimilés, soit aux Annamites et assimilés, ou que la nature même des infractions prévues n'en limite l'application à l'égard des uns ou des autres.

116— La deuxième chambre de la cour d'appel de Hanoi appliquera les lois pénales en vigueur au Tonkin telles qu'elles sont ou seront édictées par ordonnance de S.M. le Roi d'Annam, rendues exécutoires par arrêté du gouverneur général de l'Indochine.

TITRE V.

**PROCÉDURE À SUIVRE
DEVANT LES TRIBUNAUX FRANÇAIS**

Chapitre premier

PROCÉDURE EN MATIÈRE CIVILE

1ère section

Procédure civile française

117— (Mod. D. 31 août 1927) La procédure à suivre devant les juges de paix français ou devant les tribunaux français faisant fonctions de justice de paix est celle tracée par le Code de procédure civile ou par les lois et décrets réglementant des matières spéciales et dument promulguée.

118— (Mod. D. 31 août 1927) Aucune demande principale introductive d'instance entre parties capables de transiger et sur des objets qui peuvent être la matière d'une transaction ne sera reçue dans les tribunaux de première instance avant que le défendeur n'ait été préalablement appelé en conciliation devant le juge de paix ou que les parties n'y aient volontairement comparu.

Sont dispensés du préliminaire de conciliation : les demandes énumérées en l'article 49 du Code de procédure civile, celles formées contre le gouvernement général et les diverses administrations locales, ainsi que les demandes contre les défendeurs domiciliés hors du ressort du tribunal ou résidant à plus de dix myriamètres du siège de la justice de paix.

Dans les causes urgentes, le magistrat dispense de la tentative de conciliation par ordonnance motivée.

Le juge de paix invite les parties à comparaître en personne sur simple avertissement adressé par lettre recommandée avec avis de réception.

En matière indigène, la conciliation est réglementée par arrêté du Gouverneur général.

119— (Mod. D. 31 août 1927) Les formes de procédure en matière civile, dans les affaires soumises à la législation française sont celles suivies dans la métropole devant les tribunaux civils à la date de la publication du présent décret, à quelque nationalité que les parties en cause puissent appartenir, lorsque ces formes ne sont pas incompatibles avec l'organisation locale.

Sous le même réserve, la procédure devant les cours d'appel d'Indochine est la même que devant les cours d'appel de la métropole.

Néanmoins, dans les affaires civiles, les parties peuvent déclarer, soit spontanément, soit sur l'interpellation du président, qu'elles sont d'accord, même hors des cas expressément prévus par la loi, pour suivre la procédure du Code de procédure civile, première partie, livre II titre XXIV, relative aux matières sommaires. Les procédures de séparation de corps et de divorce sont exclues de cette faculté.

Au moment où elles contractent, les parties peuvent également convenir qu'en cas de contestation judiciaire, elles entendent suivre la procédure sommaire pour le règlement de leurs litiges éventuels.

En cas d'urgence, il est loisible à l'une des parties de demander au président, statuant en référé, d'ordonner toutes mesures d'instruction et de procéder à une enquête écrite même en l'absence de l'autre partie. Celle ci pourra néanmoins, par la suite, faire compléter la première enquête soit par une seconde audition des témoins, soit par l'audition de témoins nouveaux.

L'assistance des avocats défenseurs, qui remplacent les avoués de la métropole, n'est pas obligatoire.

Les dispositions du Code de procédure ne sont pas applicables dans les cas où elles prévoient l'intervention forcée des avoués.

Les parties peuvent comparaître en personne même devant la cour d'appel. Elles peuvent se faire représenter par leurs descendants ou ascendants, époux, épouse, frères soeurs dont l'indentité et les pouvoirs seront vérifiés. Une partie absente de la colonie peut se faire représenter par un mandataire ad litem.

Si une partie ne se présente pas personnellement, ou ne se fait pas régulièrement représenter, il est donné contre elle défaut faute de comparaître. Si, après s'être présentée ou s'être fait représenter, la partie, sur l'avertissement du juge, ne dépose pas ou ne fait pas déposer des conclusions écrites ou un mémoire, cette carence équivaut, avec toutes ses conséquences, au défaut faute de conclure. Si la partie n'a pas d'avocat défenseur, l'opposition au jugement faute de conclure sera recevable pendant le mois à partir du jour de la signification de ce jugement à sa personne ou à son domicile élu dans la colonie.

Les parties résidant à plus de dix myriamètres du siège d'un tribunal ne sont pas obligatoirement tenues de se présenter ou de se faire représenter à l'audience. Elles peuvent adresser au président de la juridiction des conclusions écrites, en y joignant tous mémoires et documents utiles. Ces conclusions tiennent lieu de comparution sous réserve du droit que conserve le juge d'exiger la présence de la partie ou le cas échéant de son conseil.

Lors de la comparution personnelle, les parties peuvent déposer toutes les conclusions qu'elles jugent utiles.

La partie, dont l'avocat défenseur est décédé, démissionnaire, interdit, suspendu, destitué, ou même absent de la colonie, si elle n'a pas pris l'initiative d'en constituer un autre, est invitée par le juge ou le président à se présenter en personne ou à constituer un autre avocat-défenseur, sous peine de

voir prononcer défaut contre elle ou à déposer un mémoire dans les conditions prévues ci-dessus.

En cas de récusation, le juge président, le juge de paix à compétence étendue, le juge résidentiel qui déclare s'abstenir, est remplacé d'office pour l'affaire qui a motivé la récusation, par ordonnance du premier président de la cour. Si le juge refuse de s'abstenir, il fait connaître sa réponse aux moyens de récusation. L'expédition de l'acte de récusation et de la déclaration du juge est envoyée par le greffier, sur la réquisition de la partie la plus diligente au procureur général et la récusation est portée devant la première chambre de la cour d'appel, laquelle statue conformément à l'article 394 du Code de procédure civile.

Les recours en cassation sont réglés par les dispositions des lois métropolitaines, régulièrement promulguées en Indochine, notamment par la loi du 2 juin 1862 rendue applicable dans la colonie par le décret du 2 juillet 1862 sous réserve des dispositions spéciales des décrets du 8 janvier 1903 et 5 septembre 1922, promulgués en Indochine le 6 mars 1903 et le 1er novembre 1922. Les jugements rendus par les juges de paix peuvent être attaqués par la voie du recours en cassation pour excès de pouvoir, incompétence et pour violation de la loi.

120 — (Mod. D. 31 août 1927) La procédure devant les juges de paix français statuant en matière indigène et devant les juges de paix indigènes de la Cochinchine est réglée par arrêté du gouverneur général, pris sur la proposition du premier président, chef de l'administration judiciaire et après délibération de la cour d'appel, conformément à l'article 62 du décret du 6 juillet 1810.

Il en est de même de la procédure devant les tribunaux de première instance statuant en matière indigène, sans qu'en aucun cas, il puisse être porté atteinte aux dispositions réglementaires relatives à la compétence respective des juges de paix, et des tribunaux de première instance. Devant les tribunaux

de première instance, les parties peuvent se faire représenter par des avocats-défenseurs ou par leurs ascendants, descendants, époux, épouse, frères ou sœurs, dont l'identité et les pouvoirs sont vérifiés, sinon elles doivent comparaître elles mêmes.

Toutefois, les parties résidant à plus de dix myriamètres du siège d'un tribunal ne sont pas obligatoirement tenues de se présenter ou de se faire représenter à l'audience et peuvent adresser au président de la juridiction des conclusions écrites (avec tous documents utiles) qui tiennent lieu de comparution, sous réserve du droit que conserve le juge d'exiger, le cas échéant, la présence de la partie ou d'un mandataire ad litem.

Les parties peuvent obtenir l'assistance judiciaire dans les conditions prévues par les textes en vigueur.

La procédure devant la cour d'appel reste fixée en matière indigène par les lois et décrets actuellement en vigueur. Les recours en cassation et les pouvoirs en annulation en matière indigène, sont réglés par le décret du 20 juin 1927, modifiant les articles 121 et 173 du décret du 16 février 1921 portant réorganisation de la justice en Indochine.

Les voies d'exécution sont fixées par décret.

121 — (Mod. D. 20 juin 1927) La procédure à suivre devant les tribunaux indigènes du Tonkin et la deuxième chambre de la cour d'appel de Hanoi continuera à être réglée par les ordonnances de Sa Majesté le Roi d'Annam, rendues exécutoires par des arrêtés du gouverneur général.

Les jugements et arrêts pourront être attaqués par les voies de recours déjà organisées dans les codes de procédure civile et commerciale et de procédure pénale applicables devant les juridictions aynamites du Tonkin et pour les autres voies de recours empruntées au droit français et qui seront jugées nécessaires dans les conditions et dans les formes de procédure qui seront établies par ordonnance du Roi d'Annam, rendues

exécutoires par arrêtés du gouverneur général. Le recours en cassation ne peut être introduit que dans les cas et suivant les conditions fixées au paragraphe suivant.

En cas d'excès de pouvoir, relevé d'office ou à lui signalé, le procureur général près la cour d'appel de Hanoi, agissant sur les instructions formelles qui lui seront données par le chef du service de la justice indigène au Tonkin, pourra, seul, déférer à la cour de cassation, les arrêts rendus tant en matière civile qu'en matière répressive, par la deuxième chambre de cette cour d'appel. Ce pouvoir sera introduit dans les conditions prévues par la loi du 27 ventôse an VIII.

CHAPITRE II

PROCÉDURE EN MATIÈRE COMMERCIALE

122 — (Mod. D. 31 août 1927) En matière commerciale, la procédure est celle déterminée par le Code de procédure civile, le Code de commerce et les lois et décrets spéciaux régulièrement promulgués dans la colonie.

La loi du 11 mars 1924 sur les référés commerciaux et la loi du 31 décembre 1925, relative à la clause compromissoire sont applicables à l'Indochine.

CHAPITRE III

PROCÉDURE EN MATIÈRE PÉNALE

1^{ère} section

Action publique et action civile

Police judiciaire

123 — Seront observés les articles 1 à 7 du Code d'instruction criminelle, tels qu'ils sont actuellement en vigueur, quant à l'exercice de l'action publique et de l'action civile.

124 — En Indochine, la police judiciaire est exercée dans les conditions prescrites et par les personnes indiquées dans

les articles 8 à 136 inclusivement du Code d'instruction criminelle.

Elle est en outre exercée : 1— par les sous-officiers et commandants de brigade et de postes de gendarmerie (décret du 5 mai 1901) ; 2 — par les inspecteurs et les gardes principaux européens de la garde indigène (décret du 27 avril 1902) ; 3 — par les administrateurs des services civils, chefs de provinces (décret du 21 août 1917) ; 4 — à l'égard des indigènes seulement, par les juges de paix indigènes et tous fonctionnaires indigènes auxquels des arrêtés du gouverneur général reconnaîtront la qualité d'officiers de police judiciaire.

125 — Les chefs d'administration locale (gouverneur de la Cochinchine, résidents supérieurs des pays protégés et administrateur-chef du territoire de Kouang-Tchéou Van) exercent la police judiciaire dans les conditions prévues à l'article 10 du Code d'instruction criminelle (décret du 21 août 1917).

126 — Les juges d'instruction se conforment aux dispositions du décret du 18 décembre 1906 complétant et modifiant l'article 93 du Code d'instruction criminelle.

127 — Il est également fait application, en ce qui concerne la mise en liberté provisoire, de l'article 416 du Code d'instruction criminelle, tel qu'il a été modifié par la loi du 22 décembre 1918, promulguée par arrêté du 5 avril 1918, et de tous autres lois et décrets régulièrement promulgués.

2ème section

Justices de paix

fonctionnant comme tribunaux de simple police

128 — La procédure à suivre devant les juges de paix français est celle tracée par les articles 145 à 165 du Code d'instruction criminelle. Les citations pourront toujours être données par un agent de la force publique.

Celle à suivre devant les juges de paix indigènes sera établie par arrêté du gouverneur général.

129 — (Mod. D. 20 mars 1940) Tout contrevenant en matière de simple police aura la faculté, pour éviter des poursuites ultérieures du ministère-public, de se libérer dans les vingt-quatre heures du montant de l'amende encourue, entre les mains du commissaire de police compétent ou de son délégué. Toutefois, en cas de récidive ou lorsque la contravention est de nature à entraîner l'emprisonnement, le commissaire pourra refuser l'offre de versement et donner suite au procès-verbal.

Chaque contrevenant qui voudra user de la faculté ci-dessus recevra une quittance signée du commissaire de police ou de son délégué et détachée d'un registre à souches, coté et paraphé, avant tout usage, par le receveur municipal ou le fonctionnaire du Trésor en tenant lieu.

Ce registre de recette sera présenté dans les cinq premiers jours de chaque mois, au visa du receveur municipal ou du fonctionnaire du Trésor en tenant lieu pour encaissement des recouvrements mensuels effectués.

Chaque commissariat et, s'il y a lieu, chaque poste de police sera muni d'un registre à souche distinct.

Tout contrevenant pourra également, dans les conditions énoncées ci-dessus, se libérer dès réception de la citation en simple police donnée à la requête du ministère public.

Dans ce cas, le versement effectué au commissariat de police devra comprendre le montant des frais exposés (procès-verbal et citation) outre celui de l'amende encourue.

La citation sera toujours mise à l'appui du versement. Les commissariats qui recevront les versements de cette nature devront transmettre d'urgence les citations émargées de la mention de paiement (montant, date et numéro de la quittance) au ministère public près le tribunal de simple police ou au juge de paix à compétence étendue, à fin de radiation de l'affaire du rôle avant l'audience.

Les contrevenants, condamnés par jugements de simple police sur citation donnée à la requête du ministère public et lorsqu'il n'y aura pas eu constitution de partie civile, auront la faculté d'acquitter, aussitôt après la condamnation, le montant de l'amende et des frais mis à leur charge.

Ce paiement aura lieu entre les mains du greffier de la juridiction de simple police qui en effectuera le versement au bureau du Trésor du ler au 5 de chaque mois.

Un registre à souche sera spécialement affecté à chaque tribunal de simple police.

Lorsque le contrevenant qui aura versé le montant de l'amende et des frais dans les conditions prévues au présent article, sera ultérieurement cité directement devant le tribunal de simple police par une partie civile, la procédure suivra son cours conformément à la loi, mais le tribunal ordonnera dans son jugement la restitution au prévenu de l'amende et des frais payés avant ou pendant les poursuites exercées d'office par le ministère public.

130.— Pour les matières de la compétence des juges de simple police réglées par des lois ou décrets spéciaux, dûment promulgués, la procédure particulière tracée par ces lois et décrets sera seule appliquée.

3ème section

Tribunaux correctionnels

131.— La procédure d'appel des jugements de simple police dans les cas où cet appel est permis, est réglée par les articles 172 à 176 inclusivement et 178 du Code d'instruction criminelle. Le pourvoi contre les jugements rendus en dernier ressort par les tribunaux statuant en matière de simple police est réglé par le décret du 25 juin 1879.

132.— En matière de délit, les tribunaux observent les dispositions des articles 179, 181 à 199 inclusivement, 201 à 216 inclusivement du Code d'instruction criminelle actuellement en vigueur dans la métropole.

133.— Seront observées les dispositions de la loi du 20 mai 1863 sur l'instruction des flagrants délits.

134.— Les articles 185 et 186 du Code d'instruction criminelle sont modifiés ainsi qu'il suit :

« Art. 185 — Même lorsqu'une peine d'emprisonnement sera encourue, le prévenu pourra se faire représenter par un avocat défenseur si le tribunal saisi n'est par celui de son domicile ou s'en trouve éloigné de plus de 10 myriamètres. Le tribunal pourra, néanmoins, s'il a des motifs graves, ordonner sa comparution en personne. »

« Art. 186 — (Texte mod; par D. 8 août 1935 applic. Indoch. D. 22 janv. 1936 V. C. Instr. cr.) ».

4ème section

Mises en accusation

135.— Pour les mises en accusation, il sera fait application des articles 217 à 239 inclus, 241 à 243 inclus, 246 à 250 inclus du Code d'instruction criminelle, sauf dispositions contraires prévues au présent décret.

136.— Les pourvois en cassation contre les arrêts de renvoi de la chambre des mises en accusation ne pourront avoir lieu qu'après les arrêts de condamnation. S'ils sont formés auparavant, ils ne seront pas suspensifs.

Les moyens de cassation contre les actes de procédure et contre l'arrêt de renvoi pourront être invoqués sur le pourvoi contre l'arrêt de condamnation. La Cour de cassation annulera, s'il y a lieu, la procédure depuis et y compris le premier acte nul.

5ème section

Procédure devant les cours criminelles

Fonctions du président

137.— Le président est chargé : 1- d'entendre l'accusé lors de son arrivée dans la maison de justice ; 2- de procéder au

tirage au sort des assesseurs ainsi qu'il a été prescrit précédemment, tant en matière française qu'en matière indigène.

Il pourra déléguer ces fonctions à l'un des juges assesseurs de la cour criminelle.

138.— Il sera de plus chargé personnellement de diriger les débats, de procéder à toute l'instruction et de déterminer l'ordre entre ceux qui demanderaient à parler. Il aura la police de l'audience.

139.— Le président est investi d'un pouvoir discrétionnaire en vertu duquel il pourra prendre sur lui tout ce qu'il croira utile pour découvrir la vérité, et la loi charge son honneur et sa conscience d'employer tous ses efforts pour en favoriser la manifestation.

140.— Il pourra, dans le cours des débats appeler même par mandat d'amener, et entendre toute personne ou se faire apporter toutes nouvelles pièces qui lui paraîtraient d'après les nouveaux développements donnés à l'audience soit par les accusés, soit par les témoins, pouvoir répandre un jour utile sur le fait contesté.

Les témoins ainsi appelés ne prêteront point serment et leurs déclarations ne seront considérées que comme renseignements.

Le président devra rejeter tout ce qui tendrait à prolonger les débats sans donner lieu d'espérer plus de certitude dans les résultats.

Fonctions du procureur général.

141.— Le procureur général près la cour d'appel poursuivra soit par lui-même, soit par ses substituts, toute personne mise en accusation suivant les formes prescrites au présent décret. Il ne pourra porter à la cour aucune autre accusation, à peine de nullité, et, s'il y a lieu, de prise à partie.

142.— Aussitôt que le procureur général ou son substitut aura reçu les pièces, il apportera tous ses soins à ce que les actes préliminaires soient faits et que tout soit en état pour que

les débats puissent commencer à l'époque de l'ouverture des cours criminelles.

143.— Il assistera aux débats ; il requerra l'application de la peine ; il sera présent à la prononciation de l'arrêt.

Procédure

144.— Quand l'accusation aura été prononcée, si l'affaire ne doit pas être jugée dans le lieu où siège la cour d'appel, le procès sera, par les ordres du procureur général, envoyé dans les vingt-quatre heures au greffe du tribunal de lère instance, siège de la cour criminelle, ou au greffe du tribunal qui aura été désigné.

Dans tous les cas, les pièces servant à conviction qui seront déposées au greffe du tribunal d'instruction, ou qui auraient été apportées au greffe de la cour d'appel, seront réunies dans le même délai au greffe du lieu où doit siéger la cour criminelle

145.— Les vingt-quatre heures courront du moment de la signification faite à l'accusé de l'arrêt de renvoi devant la cour criminelle.

L'accusé, s'il est détenu, sera dans le même délai transféré dans la maison de justice du siège de la cour criminelle.

146.— Vingt-quatre heures au plus tard après la remise des pièces au greffe et l'arrivée de l'accusé dans la maison de justice, celui-ci sera interrogé par le président de la cour criminelle ou par le juge qu'il aura délégué.

147.— (Mod. D. 30 oct. 1934) L'accusé sera interpellé de déclarer le choix qu'il aura fait d'un conseil pour l'aider dans sa défense ; s'il déclare n'avoir fait aucun choix, le juge lui désignera un conseil d'office, sur le champ, à peine de nullité de tout ce qui suivra.

Cette désignation sera comme non avenue et la nullité ne pourra être prononcée si l'accusé choisit un conseil.

Le conseil de l'accusé est choisi par lui ou désigné par le juge parmi les avocats et, à défaut d'avocat résidant au siège

de la cour criminelle, parmi les personnes parlant le français et jouissant de leurs droits civils et politiques. Le président peut, en outre, autoriser l'accusé à prendre pour conseil l'un de ses parents ou amis, à condition qu'il parle français.

148.— Le conseil pourra communiquer avec l'accusé après son interrogatoire. Il pourra aussi prendre communication de toutes les pièces, sans déplacement et sans retarder l'instruction.

149.— S'il y a de nouveaux témoins à entendre et qu'ils résident hors du lieu où siège la cour criminelle le président ou le juge qui le remplace pourra commettre, pour recevoir leurs dépositions, le juge d'instruction de l'arrondissement où résident les témoins. Ce magistrat, après les avoir reçues, enverra les dépositions sous pli cacheté au greffier qui doit exercer ses fonctions à la cour criminelle.

150.— Les témoins qui n'auront pas comparu sur la citation du président ou du juge par lui commis, et qui n'auront pas justifié qu'ils étaient légitimement empêchés ou qui refuseront de faire leur déposition, seront jugés par la cour criminelle et punis conformément à l'article 80 du Code d'instruction criminelle.

151.— Les conseils des accusés pourront prendre ou faire prendre, à leurs frais, copie de telles pièces du procès qu'ils jugeront utiles à la défense.

Il ne sera délivré gratuitement aux accusés, en quelque nombre qu'ils puissent être, et dans tous les cas qu'une seule copie des procès-verbaux constatant le délit et des déclarations écrites des témoins.

Les présidents, les juges et le procureur général sont tenus de veiller à l'exécution du présent article.

152.— Si le procureur général ou l'accusé ont des motifs pour demander que l'affaire soit renvoyée en fin de rôle ou à une autre session, ils présenteront au président de la cour criminelle une requête en prorogation de délai.

153.— Lorsqu'il aura été formé à raison du même délit

plusieurs actes d'accusation contre différents accusés, le procureur général pourra requérir la jonction et le président pourra l'ordonner, même d'office.

154— Lorsque l'acte d'accusation visera plusieurs délits non connexes, le procureur général pourra requérir que les accusés ne soient mis en jugement, quant à présent, que sur l'un ou quelques-uns de ces délits, et le président pourra l'ordonner d'office.

155— Les accusés qui ne seront arrivés dans la maison de justice qu'après le tirage des assesseurs ou l'ouverture des assises ne pourront être jugés que lorsque le procureur général l'aura requis, lorsque l'accusé y aura consenti, et lorsque le président l'aura ordonné. En ce cas, le procureur général et les accusés seront considérés comme ayant accepté la composition de la cour criminelle.

156— L'accusé, arrêté et détenu en vertu d'une ordonnance de prise de corps, comparaitra libre, et seulement accompagné de gardes pour l'empêcher de s'évader.

S'il refuse de comparaître, il sera procédé contre lui conformément aux dispositions de la loi du 9 septembre 1825 rendues applicables en Indochine par le présent décret.

157— Si l'accusé n'a pu être saisi ou ne se présente point, on procédera contre lui par contumace, conformément au chapitre II du titre IV du Code d'instruction criminelle (art. 244 245, 465 à 478 du Code d'instruction criminelle, ledit article 478 modifié par la loi du 22 décembre 1917).

158— En matière française, à l'appel de chaque affaire, après que le président a vérifié l'identité des accusés et averti leurs défenseurs «qu'ils ne peuvent rien dire contre leur conscience ou contre le respect dû aux lois et qu'ils doivent s'exprimer avec décence et modération», il est procédé au tirage au sort des assesseurs de jugement de la manière indiquée aux articles 20, 21 et 22 ci-dessus. Cette opération terminée, les assesseurs désignés par le sort prennent place à droite et à gauche des

magistrats de la cour dans l'ordre du tirage, et prêtent le serment prescrit.

En matière indigène, après l'accomplissement des formalités relatives à la constatation de l'identité des accusés et l'avertissement donné aux défenseurs, les assesseurs indigènes, désignés par le sort pour siéger pendant toute la durée de la session par application des articles 32 à 36 inclus du présent décret, prennent séance de la manière indiquée au paragraphe précédent, et prêtent le serment réglementaire qui vaudra pour toute la durée de la session.

159— Tout assesseur qui ne se sera pas rendu à son poste sur la citation qui lui aura été notifiée sera condamné par la cour criminelle à une amende, laquelle sera :

Pour la première fois, de 200 francs au moins et de 500 francs au plus ;

Pour la deuxième fois, de 500 francs au moins et de 1000 francs au plus.

Pour la troisième fois, de 1000 francs au moins et de 2000 francs au plus.

Cette troisième fois l'assesseur défaillant sera, de plus, déclaré incapable d'exercer à l'avenir les fonctions d'assesseur.

Seront excusés ceux qui justifieront qu'ils étaient dans l'impossibilité de se rendre au jour indiqué. La cour prononcera sur la validité de l'excuse.

Les peines ci-dessus seront également applicables à l'assesseur qui, s'étant rendu à son poste, se retirera avant l'expiration de ses fonctions dans une excuse admise par la cour.

160— (Mod. D. 16 avr. 1935) Les formalités préliminaires énumérées ci-dessus étant accomplies, le président fait prêter aux assesseurs, debout et découverts, le serment suivant, dont il prononce la formule en ces termes :

« Je jure et promets devant Dieu et devant les hommes d'examiner avec l'attention la plus scrupuleuse les affaires qui me

seront soumises pendant le cours de la présente session, de ne trahir ni les intérêts de l'accusé, ni ceux de la société, de n'écouter ni la haine, ni la méchanceté, ni la crainte, ni l'affection, et de me décider que d'après les charges et les moyens de défense, suivant ma conscience et mon intime conviction, avec l'impartialité et la fermeté qui conviennent à un homme probe et libre, de conserver le secret des délibérations même après la cessation de mes fonctions».

Chacun des assesseurs, appelé individuellement par le président, répondra, en levant la main droite : «Je le jure», à peine de nullité.

161— Sont ensuite observées les dispositions des articles 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333 du Code d'instruction criminelle.

Dans le cas de l'article 332, si l'interprète appartient au service judiciaire et a déjà prêté serment en cette qualité, cette circonstance sera mentionnée au procès verbal, et l'interprète n'aura pas à prêter le serment prescrit par ledit article.

162— Sont également observées les dispositions des articles 334, 335, 336 (modifiés par la loi du 19 juin 1881) 337, 338, 339, 340, du Code d'instruction criminelle.

163— En toute matière criminelle, même en cas de récidive le président, après avoir posé les questions résultant de l'acte d'accusation et des débats, pose la question des circonstances atténuantes.

164— Après la lecture des questions par le président, l'accusé, son conseil, la partie civile et le procureur général peuvent faire sur la position de ces questions telles observations qu'ils jugent convenables.

Si le procureur général ou l'accusé s'opposent à la position des questions telles qu'elles ont été présentées, il est statué par la cour sur le mérite de cette opposition.

165— Le président fait ensuite retirer l'accusé de l'auditoire, et la cour se rend avec les assesseurs dans la chambre du conseil, pour délibérer sur la solution des questions.

166— La cour criminelle avec les assesseurs rentre ensuite en séance, et le président, après avoir fait comparaître l'accusé, donne lecture de la délibération qui est signée par les membres de la cour, les assesseurs, le greffier, et l'interprète s'il y a lieu.

167— Les membres de la cour criminelle et les assesseurs prononcent en commun sur toutes les questions posées et sur l'application de la peine, aussi bien en matière indigène qu'en matière française.

L'arrêt de condamnation sera signé des juges, des assesseurs, du greffier, et de l'interprète s'il y a lieu.

168— Les membres de la cour connaissent exclusivement des incidents de droit et de procédure qui s'élèveraient avant l'ouverture ou pendant le cours des débats.

169— La déclaration de culpabilité est prononcée à la majorité des voix (4 sur 7 en matière française, 3 sur 5 en matière indigène).

170— Seront observées les dispositions des articles 358 à 379 du Code d'instruction criminelle; il sera statué par la cour, sans la participation des assesseurs, sur toutes les demandes en dommages-intérêts.

171— Toutes les minutes des arrêts rendus par les cours criminelles seront réunies et déposées au greffe du tribunal de première instance, siège de la cour criminelle.

Toutefois les minutes des arrêts rendus par la cour criminelle du lieu où siège la cour d'appel resteront déposées au greffe de ladite cour.

6ème section

Recours en annulation et en cassation

172— Les demandes en annulation restent réglées par le titre II du décret du 25 juin 1879 modifié par l'article 28 du décret du 17 mai 1895, par les décrets des 12 juillet 1897 et 25 décembre 1906, enfin par le titre Ier, chapitre IV du décret du 19 mai 1919.

173— (Mod. D. 20 juin 1927) Sous réserve de ce qui a été dit pour les pourvois en annulation aux articles 131 et 172 du présent décret, le recours en cassation est ouvert au ministère public, au condamné, à la partie civile, aux personnes civilement responsables, contre les arrêts et jugements en dernier ressort rendus par les cours et les tribunaux de l'Indochine en matière française, criminelle et correctionnelle, dans les formes et suivant les règles actuellement en vigueur dans la métropole.

7ème section

Autres procédures et dispositions générales

174— Pour les autres procédures réglées par le Code d'instruction criminelle métropolitain, il sera fait application dudit code, avec les modifications résultant des lois et décrets actuellement en vigueur.

Les décret du 26 mars 1903 réglementant le casier judiciaire en Indochine continuera à être appliqué. Le casier central prévu à l'article 10 dudit décret sera tenu au greffe de la cour d'appel de Saigon.

Les bulletins No 1 des condamnés de toute sorte originaires du Tonkin seront classés à un casier spécial tenu au greffe de la cour d'Hanoi. Ceux concernant les condamnés originaires de l'Annam seront classés au greffe du tribunal de Tourane. Ceux concernant les condamnés originaires du Cambodge et du territoire de Battambang seront classés au greffe du tribunal de Pnom-Penh. Ceux concernant les condamnés originaires du Laos seront classés au greffe du tribunal de Vientiane. Enfin ceux concernant les condamnés originaires du territoire de Kouang-Tchéou-Wan seront classés au greffe du tribunal de Fort-Bayard.

175— Lorsqu'un individu originaire du Tonkin, né et domicilié hors des villes d'Hanoi et d'Haiphong, sera déféré à une juridiction de répression française, s'il peut être établi qu'il a été antérieurement condamné par un tribunal indigène provin-

cial du Tonkin ou par la 2ème chambre de la cour d'appel d'Hanoi, il sera tenu compte de cette condamnation pour l'application de la peine de la récidive dans les conditions prévues aux articles 56 et suivants du Code pénal.

176— En matière criminelle, correctionnelle et de simple police, et dans les affaires civiles où le ministère public agit comme partie principale, les huissiers pourront être chargés de toutes assignations, significations et notifications, et le gouverneur général pourra, par arrêté, leur accorder une indemnité annuelle et forfaitaire, par dérogation à l'article 178 du décret-tarif du 25 novembre 1910.

ooo

TITRE VII

SERMENT ET COSTUME DES MAGISTRATS INCOMPATIBILITÉS — HONNEURS ET PRÉSÉANCES

CHAPITRE PREMIER

Serment

180— (1) (Mod. D. 24 juin 1927) Les magistrats de l'Indochine, conformément aux dispositions des règlements fixant le statut de la magistrature coloniale, prêteront le serment professionnel au moment de leur première installation, mais ils n'auront point à le renouveler à l'occasion des avancements successifs ou des mutations dont ils pourront être l'objet dans le même ressort.

Seuls, dans ce dernier cas, les magistrats de première instance appelés à servir à la cour, comme intérimaires ou comme titulaires, devront prêter un nouveau serment. Devront également prêter un nouveau serment, les magistrats de la cour nommés premiers présidents ou procureurs généraux, titulaires ou par intérim, ainsi que le premier président ou procureur général nommé président, chef de l'administration judiciaire.

(1) V.D. 22 Août 1928.

181.— (Mod. D. 7 juin 1939) Les dispositions des articles 78, 79, 80 et 110 du décret du 22 août 1928 relatives au serment des magistrats sont applicables aux fonctionnaires de l'ordre administratif appelés à exercer des fonctions judiciaires à titre permanent ou subsidiaire.

Les dispositions de l'article 10 du même décret sont applicables aux juges de paix indigènes.

CHAPITRE II

COSTUME ET INSIGNES DES MAGISTRATS

182.— (1) Les magistrats de l'Indochine portent aux audiences le costume prescrit par les lois métropolitaines pour les magistrats de même grade.

Les juges de paix à compétence étendue portent le costume des juges des tribunaux de 1^{ère} instance.

Pour les actes extérieurs de leurs fonctions, tels que descentes de justice, transports, sommations, les magistrats de tous ordres se conforment à la législation métropolitaine.

Les costumes ou insignes des juges de paix indigènes seront déterminés par arrêté du gouverneur général. (1)

CHAPITRE III

HONNEUR ET PRÉSÉANCES (1)

183 — (Mod. D. 24 juin 1927) Le premier président chef de l'administration judiciaire, prendra rang de préséance immédiatement avant les premiers présidents et procureurs généraux.

Dans les cérémonies publiques où la cour se transporte en

(1) V.D. 22 août 1928.

corps, il précède le premier président de la cour et le procureur général, qui marchent de pair.

Au conseil supérieur du gouvernement, il occupe la place autrefois réservée au procureur général, chef du Service judiciaire de l'Indochine.

184 — Le directeur de l'administration judiciaire, les premiers présidents et les procureurs généraux pourront obtenir, en se retirant après vingt-cinq ans d'exercice de la fonction judiciaire, le titre de premier président honoraire.

Les règles relatives à l'honorariat des magistrats métropolitains sont applicables aux magistrats de l'Indochine.

CHAPITRE IV

INCOMPATIBILITÉS (1)

185 — Les parents et alliés, jusqu'au degré d'oncle ou de neveu, ne pourront être simultanément membres d'un même tribunal ou d'une même cour, soit comme juges, soit comme officiers du ministère public, soit même comme greffiers, sans une dispense du chef de l'Etat.

S'il y a dispense, lesdits parents ou alliés ne pourront siéger à la même chambre d'une cour d'appel.

En cas d'alliance survenue depuis la nomination, celui qui l'a contractée ne pourra continuer ses fonctions sans avoir obtenu une dispense du chef de l'Etat.

186 — Les magistrats de tous ordres ne pourront être élus députés, délégués au conseil supérieur des colonies, conseillers coloniaux ou municipaux.

Ils ne peuvent pas non plus remplir les fonctions d'assesseur près les cours criminelles.

187 — Nul magistrat ne pourra, à peine de nullité de la

(1) V. D. 22 août 1928.

procédure, connaître d'une affaire dans laquelle une partie quelconque sera représentée par un avocat défenseur ou un mandataire parent ou allié dudit magistrat, jusqu'au troisième degré inclusivement.

TITRE VIII

TRAITEMENTS ET PARITES D'OFFICE DES MAGISTRATS DE L'INDOCHINE — INDEMNITÉS ET PASSAGES

188— (V.D. 22 août 1928 et 27 juil. 1930) Les traitements des magistrats de l'Indochine sont fixés conformément au tableau ci-après :

193— Le directeur de l'administration judiciaire, les premiers présidents et les procureurs généraux restent classés à la première catégorie A du décret du 6 juillet 1904 avec tous les avantages attachés à cette classe.

Tous les autres magistrats de l'Indochine, jusqu'au grade de lieutenant de juge exclusivement, sont classés à la première catégorie B du même décret avec tous les avantages attachés à cette classe.

Le lieutenants de juge, le juge de paix de Saigon, et les juges suppléants sont classés à la même première catégorie B pour les passages à bord des paquebots seulement, sans avoir droit aux autres avantages de cette classe.

Les attachés au parquet sont classés à la deuxième catégorie.

TITRE IX

GREFFIERS, COMMIS-GREFFIERS ET SECRÉTAIRES DE PARQUET — FONCTIONS ACCESSOIRES DES GREFFIERS

CHAPITRE PREMIER

ORGANISATION ET TRAITEMENT DES GREFFIERS

194 — Provisoirement et jusqu'à ce qu'il en soit autrement disposé, le mode de recrutement, de nomination, l'avancement, la discipline des greffiers près les cours et tribunaux de l'Indochine continuent à être régis par les textes actuellement en vigueur, sous réserve des dispositions suivantes :

195 — Les paragraphes 1 et 2 de l'article 40 du décret du 19 mai 1919 sont modifiés ainsi qu'il suit :

« Dans l'ensemble de deux ressorts, l'intérim du greffe des cours d'appel sera assuré par un greffier de 1ère classe. Les intérim des greffes de 1ère classe seront assurés par les greffiers de 2ème classe. Les intérim des greffes de 2ème classe seront assurés par les greffiers de 3ème classe. Les intérim des greffes de 3ème classe seront assurés par les greffiers des justices de paix à compétence étendue, ou par le greffier de la justice de paix de Saigon. Les intérim des greffes des justices de paix à compétence étendue et de la justice de paix de Saigon seront assurés par les commis-greffiers principaux, à défaut par des commis greffiers de 1ère classe, à défaut par des commis-greffiers de 2ème classe.

« A grade égal, il est fait appel au greffier ou au commis-greffier le plus ancien ; en cas de non-acceptation de la part de celui que son grade et son ancienneté désignent pour l'intérim, il est fait appel au suivant. Le greffier ou le commis-greffier qui aura refusé un intérim prendra rang, en vue des intérim futurs, après le dernier des fonctionnaires de son grade sur le tableau de roulement.

«L'intérimaire demeurera en fonctions nonobstant le retour dans la colonie d'un greffier ou d'un commis-greffier plus gradé ou plus ancien qui était absent au moment de l'ouverture de l'intérim.

«Les intérimis sont conférés par décisions du procureur général».

196 — Les traitements des greffiers...

197 — Dans la colonie, les greffiers recevront en sus de leur traitement tel qu'il est ci-dessus déterminé un supplément colonial égal aux sept dixièmes de ce traitement conformément au décret du 11 septembre 1920.

Ceux d'entre eux qui sont encore soumis au régime de la loi du 9 juin 1853 sur les pensions civiles conservent provisoirement leur ancienne parité d'office.

198 — Les greffiers auront droit, en sus de leur traitement, pour frais de service et indemnité de responsabilité, à une remise de 10 p. 100 sur les droits de greffe prévus au décret-tarif du 25 novembre 1910, au lieu de celle de 20 p. 100 qui leur était attribuée par ledit décret.

Toutefois, continueront à percevoir la remise de 20 p. 100 les greffiers des cours d'appel, ainsi que les greffiers des tribunaux qui n'exercent pas en même temps les fonctions de notaire.

L'article 81 du décret du 19 mai 1919 est, en conséquence, abrogé.

199 — Les greffiers seront soumis au point de vue des passages au règlement général établi pour les fonctionnaires de l'Indochine nommés par les autorités locales, notamment par l'arrêté du 24 mars 1919.

CHAPITRE II

FONCTIONS ACCESSOIRES DES GREFFIERS

200 — (Mod. D. 22 juin 1934) En dehors des arrondissements judiciaires où il existe des charges spéciales de notaire, les greffiers des tribunaux de première instance et des justices de paix à compétence étendue, ainsi que ceux des tribunaux résidentiels, continuent à remplir les fonctions de notaire, sauf nécessités de l'organisation notariale.

(Comp. D. 4 avr. 1936) Ces fonctions de notaire pourront leur être retirées individuellement par arrêté du gouverneur général.

201 — (Mod. D. 5 mai 1928) Des décrets rendus sur la proposition du ministre des Colonies, après avis du garde des Sceaux, ministre de la justice, pourront créer de nouveaux offices de notaires.

Les titulaires de ces offices sont nommés par décret rendu sur la proposition du ministre des Colonies.

202 — (Mod. D. 19 sept. 1929) Le tarif des actes que les greffiers accomplissent en qualité de notaire est le même que celui appliqué aux notaires de la colonie.

Toutefois, sur les honoraires bruts par eux perçus, il sera prélevé au profit du budget qui supporte leur traitement de greffier, une retenue de :

20 p. 100 jusqu'à 20.000 piastres inclusivement ;

30 p. 100 au-dessus de 20.000 piastres et jusqu'à 50.000 piastres inclusivement ;

40 p. 100 au-dessus de 50.000 piastres.

203 — (Mod. D. 19 septembre 1929) En dehors des arrondissements judiciaires où sont institués des offices de commissaires-priseurs, les greffiers des tribunaux de première instance, de justice de paix à compétence étendue, ainsi que ceux des tribunaux résidentiels continuent à remplir les fonctions de

commissaires-priseurs dans les conditions où ils exercent actuellement.

Ils bénéficient des tarifs en vigueur; toutefois, sur les honoraires par eux perçus, il sera prélevé au profit du budget qui supporte leur traitement de greffier une retenue qui sera calculée d'après le barème fixé à l'article précédent.

CHAPITRE III

COMMIS-GREFFIERS ET SECRÉTAIRES DE PARQUET

204 — Les conditions de recrutement et d'avancement, les règles de la discipline et les traitements des commis-greffiers et des secrétaires de parquet de l'Indochine seront réglés par arrêtés du gouverneur général, conformément à l'article 1er du décret du 11 septembre 1920.

Jusqu'à la mise en vigueur des arrêtés locaux ci-dessus prévus, qui devront intervenir dans le délai de deux mois à partir de la promulgation du présent décret, le personnel des commis-greffiers et des secrétaires de parquet de l'Indochine reste soumis au régime actuel.

TITRE X

NOTAIRES ET COMMISSAIRES - PRISEURS

COURTIERS DE COMMERCE

205 — (Mod. D. 5 mai 1928) Il est statué, par décret rendu sur le rapport du ministre des Colonies, après avis du garde des sceaux, ministre de la justice, sur la réglementation des professions de notaire, de commissaire-priseur, de courtier de commerce et d'huissier.

206 — (Mod. D. 15 juil. 1937) Il sera prélevé sur les honoraires bruts des notaires et des commissaires priseurs, autres que les greffiers, au profit du budget général de l'Indochine, les redevances suivantes, savoir:

1.) Redevances sur les honoraires des notaires.

- 1.— 8 p. 100 au-dessus de 10.000 piastres et jusqu'à 20.000 piastres inclusivement ;
- 2.— 10 p. 100 au-dessus de 20.000 piastres et jusqu'à 40.000 piastres inclusivement ;
- 3.— 15 p. 100 au-dessus de 40.000 piastres et jusqu'à 70.000 piastres inclusivement ;
- 4.— 20 p. 100 au-dessus de 70.000 piastres et jusqu'à 200.000 piastres inclusivement ;
- 5.— 22 p. 100 au-dessus de 200.000 piastres.

2.) Redevances sur les honoraires des commissaires-priseurs.

- 1.— 10 p. 100 au-dessus de 10.000 piastres et jusqu'à 20.000 piastres inclusivement ;
- 2.— 15 p. 100 au-dessus de 20.000 piastres et jusqu'à 50.000 piastres inclusivement ;
- 3.— 20 p. 100 au-dessus de 50.000 piastres.

Pour le calcul des redevances prévues au présent article et aux articles 202 et 203 ci-dessus, il est tenu compte de toutes les sommes effectivement et annuellement perçues par les intéressés à titre d'honoraires, y compris les droits de rôle et d'expédition.

Au cas de changement de titulaire de la charge et pour les greffiers, en cas d'intérim, la redevance liquidée ainsi qu'il est dit au présent article sera supportée par les intéressés au prorata des honoraires respectivement encaissés par chacun d'eux pendant la durée de sa gestion.

Les prélèvements prévus par le présent décret ne peuvent

avoir pour conséquence une responsabilité quelconque de la colonie à l'occasion des faits de change.

Le gouverneur général déterminera les conditions dans lesquelles seront perçues ces redevances, par arrêté pris sur la proposition du directeur de l'administration judiciaire et du directeur des Finances.

TITRE XI

DISPOSITIONS TRANSITOIRES

Les dispositions des décrets des 4 mai 1916 et 24 juillet 1918 et l'article 85 du décret du 19 mai 1919, autorisant la transformation momentanée de tribunaux de 1^{ère} instance en justices de paix à compétence étendue et la réunion de deux ou plusieurs tribunaux en un seul, sont provisoirement maintenues en raison de la pénurie du personnel.

208 — Les nouveaux traitements des magistrats et greffiers, résultant de l'application du présent décret, sont acquis à compter du 1^{er} juillet 1919, sous déduction des suppléments temporaires payés depuis la même époque, conformément à l'article 8 de la loi du 6 octobre 1919.

209 — Les magistrats et greffiers, actuellement en fonctions, qui subiraient une diminution de traitement du fait de l'application du présent décret, continueront à percevoir leur traitement actuel jusqu'à leur promotion à un traitement supérieur.

210 — L'article 63 du décret du 19 mai 1919 est complété ainsi qu'il suit :

« Art. 63 — Toutefois, s'il est impossible de trouver sur place ou dans la colonie des licenciés en droit, des fonctions intérimaires pourront être confiées à des non licenciés, mais, dans ce cas, la nomination ne pourra être faite qu'après délibération spéciale et motivée de la cour d'appel prise sur les conclusions conformes du procureur général constatant cette impossibilité.

En aucun cas, un intérimaire non licencié en droit ne pourra faire partie de la cour d'appel ».

211 — Les dispositions du présent décret relatives à la création des justices de paix à compétence étendue de Vientiane et de Sadec, à la transformation des justices de paix à compétence étendue de Bac-lieu et de Rach-gia en tribunaux de 1ère instance, au fonctionnement des justices de paix d'Hanoi et d'Haiphong, et du nouvel office de notaire à Hanoi, seront appliquées dès que les circonstances le permettront et dans le délai qui sera fixé par arrêté du gouverneur général lequel prendra, sur la proposition du directeur de l'administration judiciaire toutes mesures nécessaires à cet effet.

212— Toutes dispositions antérieures contraires au présent décret sont abrogées.

SỐ 9

HỘI-ĐỒNG CHẤP-CHÁNH LÂM-THỜI TRUNG-KỲ

Chiếu bản biểu-quyết ngày 11-3-1947 của Hội-đồng Tham nghị Lâm-thời Trung-kỳ định chấp lấy chánh quyền và thiết-lập một cơ-quan hành-chánh thực-tế để giải-quyết những vấn-đề cần-thiết hiện thời;

Chiếu biên-bản ngày 10-4-1947 và ngày 12-4-1947 của Hội đồng Tham-nghị Lâm-thời Trung-kỳ về việc thiết-lập Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ và cử những người sung vào Hội-đồng ấy;

Chiếu nghị-định số 5 ngày 19-4-1947 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ tạm thiết-lập một ban Tư-pháp tại Trung-kỳ;

Theo lời đề-nghị của Ban Tư-Pháp Trung-kỳ.

NGHỊ-ĐỊNH :

Khoản thứ 1— Cách tổ-chức các tòa-án và các thủ tục thi-hành tạm-thời ấn-định như sau này :

CHƯƠNG I

TÒA-CHỨC CÁC TÒA-ÁN

TIẾT I

Tòa-án sơ-cấp

Điều thứ 1.— Ở mỗi Phủ, Huyện, Châu, Thị-xã tạm thiết-lập một tòa-án sơ-cấp.

Điều thứ 2.— Ở các tòa-án sơ-cấp, các ông Phủ-trưởng, Huyện-trưởng hoặc Bang-lá tạm kiêm chức Thẩm-phán, có một Lục-sự hay thư-ký giúp việc.

TIẾT II

Tòa-án đệ-nhi-cấp

Điều thứ 3.— Ở mỗi tỉnh, đạo tạm thiết-lập một tòa-án đệ-nhi-cấp.

Điều thứ 4.— Tòa-án đệ-nhi-cấp gồm có : 1 Chánh-án, 1 Chánh lục-sự và một số lục-sự hoặc thư-ký giúp việc.

Điều thứ 5.— Ở các tỉnh lớn có thể bổ một ông thẩm-phán giúp việc ông Chánh-án.

TIẾT III

Ban Tư-Pháp Trung-kỳ

Điều thứ 6.— Tại Huế tạm thiết-lập một ban Tư-pháp Trung-kỳ gồm có một Trưởng-ban, hai hội-viên và một số lục-sự hoặc thư-ký giúp việc.

CHƯƠNG HAI

THẨM-QUYỀN TÒA-ÁN

TIẾT I

Tòa-án sơ-cấp

Mục A - Về Hình - Vụ

1.— Vi-cảnh

Điều thứ 7.— Các tòa-án sơ-cấp, được quyền sơ-thẩm và chung-thẩm các án vi-cảnh phạt bạc từ 5\$00 đến 50\$00.

Điều thứ 8.— Các tòa-án sơ-cấp được quyền sơ-thẩm và chung-thẩm, nếu không bị kháng-cáo các án vi-cảnh phạt giam từ 1 đến 10 ngày.

II.— Việc tiểu-hình và đại-hình

Điều thứ 9.— Về việc tiểu-hình và đại-hình, các tòa-án sơ-cấp có nhiệm-vụ điều-tra và lập hồ-sơ đệ lên tòa-án đệ-nhi-cấp xét xử.

Điều thứ 10.— Khi nào xảy ra việc đại-hình thời tòa-án sơ-cấp phải trình ngay cho tòa-án đệ-nhi-cấp biết.

Mục B - Về Hộ - Vụ

Điều thứ 11.— Các tòa-án sơ-cấp có nhiệm-vụ hòa giải tất cả các việc hộ bất cứ giá ngạch bao nhiêu.

Điều thứ 12.— Các tòa-án sơ-cấp có quyền sơ-thẩm và

chung-thăm các việc tương-tranh về động-sản mà giá ngạch do nguyên-đơn định dưới 500\$00.

Điều thứ 13.— Các tòa-án sơ-cấp có quyền sơ-thăm và chung-thăm, nếu không bị kháng cáo ; các việc tương-tranh về động sản và bất-động-sản mà giá ngạch do nguyên-đơn định dưới 1000\$00.

Điều thứ 14.— Các tòa-án sơ-cấp có nhiệm-vụ lập hồ-sơ đệ lên tòa-án đệ-nhị-cấp xét xử các việc tương-tranh về động-sản và bất-động-sản mà giá ngạch do nguyên-đơn định trên 1000\$00, những việc về nhân thể và những việc tương-tranh các công-sản.

TIẾT II

Tòa-án đệ-nhị-cấp

Mục A — Về Hình - Vụ

1.— Vi cảnh

Điều thứ 15.— Các tòa-án đệ-nhị-cấp phúc duyệt và chung-thăm tất cả các án vi-cảnh của tòa-án sơ-cấp xử phạt giam mà có bị kháng-cáo.

II— Việc tiểu-hình và đại-hình

Điều thứ 16.— Các Tòa-án đệ-nhị-cấp có quyền sơ-thăm và chung-thăm, nếu không bị kháng-cáo, tất cả các việc tiểu-hình và đại-hình.

Điều thứ 17.— Về các án xử tử hình, dầu không bị kháng cáo, các tòa-án đệ-nhị-cấp đều phải đệ trình Ban Tư-Pháp phúc duyệt và Hội-đồng Chấp-chánh quyết-định.

Mục B — Về Hộ - Vụ

Điều thứ 18.— Các tòa-án đệ-nhị-cấp có quyền phúc duyệt và chung-thăm tất cả các án hộ của tòa-án sơ-sấp có bị kháng cáo.

Điều thứ 19.— Các tòa-án đệ-nhị-cấp có quyền sơ-thăm và chung-thăm các việc tương-tranh về động-sản và bất-động-

sản mà giá ngạch do nguyên-đơn định trên 1000\$00 nhưng dưới 5000\$00.

Điều thứ 20.— Các tòa án đệ-nhi-cấp có quyền sơ-thẩm và chung-thẩm, nếu không bị kháng-cáo, các việc tương-tranh về động-sản và bất-động-sản mà giá ngạch do nguyên-đơn định trên 5000\$00 các việc kiện thuộc về nhân thể và các việc tương-tranh công-sản bất cứ giá ngạch bao nhiêu.

TIẾT III

Ban Tư-pháp Trung-Kỳ

Điều thứ 21.— Ban Tư-pháp Trung-kỳ phúc duyệt và chung-thẩm tất cả các án hình và hộ của các tòa-án đệ-nhi-cấp có bị kháng-cáo (nhưng vì tình-thế hiện tại, đường giao thông khó-khăn, nên Ban Tư-pháp Trung-kỳ chỉ tạm chiếu nguyên án và hồ-sơ mà phúc duyệt).

Điều thứ 22.— Ban Tư-Pháp Trung-kỳ đề-nghị nhân-viên ngạch Tư-pháp đề do Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung kỳ bổ-dụng.

CHƯƠNG THỨ BA

KỲ-HẠN KHÁNG-CÁO

TIẾT I

Về Hình Vụ

Điều thứ 23.— Thuộc về các án xuất tịch, hạn kháng-cáo định là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án làm đầu.

Điều thứ 24.— Thuộc về các án khuyết tịch, hạn kháng án khuyết tịch định là 15 ngày tròn, kể từ ngày người can-cứu được giấy báo-thị kết-quả phiên tòa làm đầu.

TIẾT II

Về Hộ Vụ

Điều thứ 25.— Thuộc về các án xuất tịch hạn kháng cáo định là 80 ngày tròn kể từ ngày tuyên án làm đầu.

Điều thứ 26.— Thuộc về các án khuyết tịch, hạn kháng-cáo án khuyết tịch định là 30 ngày tròn kể từ ngày người đương-sự tiếp được giấy báo-thị kết-quả phiên tòa làm đầu,

CHƯƠNG THỨ TƯ

ÁN-PHÍ VÀ LỆ-PHÍ

TIẾT I

Về Hình Vụ

Điều thứ 27.— Người nào bị tuyên án xử phạt về một tội tiểu-hình phải chịu một số tiền án-phí định là 10\$00

Điều thứ 28.— Người nào bị tuyên án xử phạt về một tội đại-hình phải chịu một số tiền án-phí định là 20\$00.

TIẾT II

Về Hộ Vụ

Điều thứ 29.— Người nào nộp đơn khởi tố kiện một việc hộ (trừ việc thuộc về nhân thế ngoại) phải nộp một số tiền lệ-phí định là 20\$00.

Điều thứ 30.— Mỗi lần kháng-cáo án Hộ lên tòa-án trên, người xin kháng-cáo phải nộp một số tiền lệ-phí định là 50\$00.

CHƯƠNG THỨ NĂM

LUẬT-LỆ

Điều thứ 31.— Trừ các khoản trên này đã ấn-định riêng, các tòa-án tạm thời tham chiếu tất cả các Bộ Hoàng Việt Hình Luật, Hoàng Việt Hộ Luật, các thể-lệ tổ-tụng về Hình-vụ và Hộ-vụ và các Bỏ-nghị do các Dụ, Chỉ ấn-định mà xét xử.

Điều thứ 32.— Cách tổ-chức và thẩm-quyền các tòa-án và Ban Tư-pháp Trung-kỳ định trên này là tạm-thời thi-hành cho đến khi có thể-lệ nhất-định.

Điều thứ 33.— Về Tư-pháp hình thời các tòa-án và Ban Tư-pháp Trung-kỳ chỉ có thẩm-quyền xét xử các vụ phạm-

pháp thường. Còn về các vụ chính-trị thời các tòa-án chỉ điều tra, lập hồ-sơ đệ trình một Hội-đồng duyệt xét. Những ông sung vào Hội-đồng này sẽ do Hội đồng Chấp-chánh lần cử sau.

KHOẢN THỨ 2— Ông Tổng Thư-ký Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ, Ban Tư-Pháp Trung-kỳ, các ông Tỉnh-Trưởng chiếu theo nghị-định này thi-hành.

Huế, ngày 23 tháng 4 năm 1947

Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ

Hội-trưởng : TRẦN-VĂN-LÝ

Hội-viên : LÊ-SĨ-NGẠC

Hội-viên : BỬU-HIỆP



SỐ 85

HỘI-ĐỒNG CHẤP-CHÁNH LÂM-THỜI TRUNG-KỲ

Chiếu bản biểu-quyết ngày 11-3-1947 của Hội-đồng Tham-ngị Lâm-thời Trung-kỳ định chấp chánh lấy quyền và thiết-lập một cơ-quan hành-chánh thực-tế để giải-quyết những vấn-đề cần-thiết hiện thời;

Chiếu biên-bản ngày 10-4-1947 và ngày 12-4-1947 của Hội-đồng Tham-ngị Lâm-thời Trung-kỳ về việc thiết-lập một Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ và cử những người sung vào Hội-đồng ấy;

Chiếu nghị-định số 5 ngày 19-4-1947 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ tạm thiết-lập một Ban Tư-Pháp Trung-kỳ;

Chiếu nghị-định số 9 ngày 23-4-1947 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ về khoản tổ-chức các Tòa-án Trung-kỳ;

Theo lời đề-ngị của Ban Tư-Pháp Trung-kỳ.

NGHỊ-ĐỊNH:

Khoản thứ 1 — Trong lúc thành-phố Huế chưa có tòa-án thị-xã, tòa-án Thừa-Thiên tạm kiêm công-việc tư-pháp ở địa-hạt thành-phố Huế.

Khoản thứ 2 — Ông Tổng Thư-Ký Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ, ông Trưởng-ban Tư-Pháp Trung-kỳ chiếu nghị-định này mà thi-hành.

Huế, ngày 21 tháng 5 năm 1947

Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ

Hội-trưởng : TRẦN-VĂN-LÝ

Hội-viên : LÊ-SĨ-NGẠC

Hội-viên : BỬU-HIỆP

●
SỐ 108

HỘI-ĐỒNG CHẤP-CHÁNH LÂM-THỜI TRUNG-KỲ

Chiếu bản biểu-quyết ngày 10-4-1947 và ngày 12-4-1947 của Hội-đồng Tham-ng nghị Lâm-thời Trung-kỳ về việc thiết-lập Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ và cử những người sung vào Hội-đồng ấy;

Chiếu nghị-định số 5 ngày 19-4-1947 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ tạm thiết-lập một Ban Tư-pháp tại Trung-kỳ;

Chiếu nghị-định số 9 ngày 23-4-1947 và quyết-định thăm-quyền các tòa-án;

Chiếu chi xét cần phải tổ-chức lại các phiên tòa ở tại các tòa-án và thêm Hội-thẩm đề xử việc đại-hình;

Xét lời đề-ngị của Ban Tư-Pháp Trung-kỳ,

NGHỊ-ĐỊNH

Khoản thứ 1 — Mỗi tuần-lễ ở tại các tòa-án phải mở hai phiên tòa: phiên tòa hộ và phiên tòa hình. Mỗi tháng tòa-án tỉnh mở một hoặc hai phiên tòa đại-hình.

Khoản thứ 2 — Phiên tòa lúc nào cũng mở công-khai trừ trường-hợp đặc-biệt (có ảnh-hưởng đến phong-tục) thời có thể họp xử kín.

Khoản thứ 3 — Ở các tòa-án sơ-cấp về việc hộ và việc binh, ông thẩm-phán (Phủ-trưởng, Huyện-trưởng, Bang-tá) ngồi xử có một lục-sự ngồi giúp việc.

Khoản thứ 4 — Ở các tòa-án đệ-nhi-cấp về việc hộ và việc tiểu-hình: ông Chánh-án ngồi xử có một lục-sự ngồi giúp việc. Về việc đại-hình: ông Chánh-án ngồi Chánh-thẩm có hai ông thẩm-phán sơ-cấp ngồi hội xử và một lục-sự ngồi giúp việc.

Khoản thứ 5 — Hai viên thẩm-phán này sẽ do Ban Tư-pháp Trung-kỳ lần cử, và nên chọn những viên thẩm-phán sơ-cấp ở gần tỉnh-lỵ nhất.

Trong việc kết án đại-hình, hai viên thẩm-phán sơ-cấp này có quyền quyết-nghị. Nếu ý-kiến bất đồng thì phải bỏ phiếu kín mà không được bỏ phiếu trắng, ông Chánh-án sẽ theo bên đa số mà định.

Khoản thứ 6 — Nghị-định này tạm thi hành cho đến khi có lệnh mới.

Khoản thứ 7 — Ông Tổng Thư-Ký Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ, ông Trưởng-ban Tư-pháp Trung-kỳ, và các ông Tỉnh-Trưởng tại Trung-kỳ chiếu nghị-định này mà thi-hành.

Huế ngày 29 tháng 5 năm 1947

Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-Thời Trung-kỳ

Hội-trưởng : TRẦN-VĂN-LÝ

Hội-viên : LÊ-SĨ-NGẠC

Hội-viên : BỬU-HIỆP

●
Số 496

HỘI ĐỒNG CHẤP CHÁNH LÂM THỜI TRUNG KỲ

Chiếu bản biểu-quyết ngày 11.3.1947 của Hội-đồng Tham-nghị lâm-thời Trung-kỳ định chấp lấy chánh quyền và thiết-lập một cơ-quan hành-chánh thực-tế để giải-quyết những vấn-đề cần-thiết hiện thời;

Chiếu biên-bản ngày 10-4-47 và ngày 12-4-47 của Hội-đồng Tham-nghị Lâm-thời Trung-kỳ về việc thiết-lập Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ và cử những người sung vào Hội-đồng ấy;

Chiếu nghị-định số 5 ngày 19-4-47 của Hội-đồng chấp-chánh lâm-thời Trung-kỳ tạm thiết-lập một ban Tư-pháp Trung-kỳ;

Xét cần phải sửa đổi lại giá ngạch tiền phạt bạc và giá tiền tang-vật định trong Hoàng-Việt Hình-luật cho thích hợp với thời giá bây giờ;

Chiếu lời đề-nghị của Ban Tư-Pháp Trung-kỳ,

NGHỊ-ĐỊNH

Khoản thứ 1 — Nay thủ tiêu điều thứ 7 trong nghị-định số 9 ngày 23-4-47 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ riêng về khoản định giá ngạch bạc phạt vi-cảnh .

Khoản thứ 2 — Giá ngạch tang-sổ định trong Hoàng-Việt Hình-luật về các tội vi-cảnh «trộm cắp», «bội-tin», «được của rơi», «biền-thu», «lạm-thu», «trá-thủ» nay cải định tăng lên xấp năm, nghĩa là nếu không có trọng tình gì khác mà tang-sổ không quá 10\$00 thì các tội ấy sẽ chiếu vi-cảnh nghĩ-phạt, còn quá 10\$00 sẽ chiếu trừng-trị nghĩ phạt

Khoản thứ 3 — Giá ngạch các số bạc phạt định trong Hoàng-Việt Hình-luật nay cũng cải định tăng lên xấp năm, trừ khoản «bạc phạt gấp đôi tang sổ» định trong các điều 167, 169, 181, 245, 246, 256 nhưng cụ thi hành.

Khoản thứ 4 — Nghị-định này tạm thi-hành cho tất cả các tỉnh Trung-kỳ cho đến khi có lệnh mới.

Khoản thứ 5 — Ông Tổng Thư-Ký H.Đ.C.C.L.T.T.K. và ông Trưởng-ban Tư-pháp Trung-kỳ chiếu nghị-định này mà thi-hành.

Huế, ngày 26 tháng 8 năm 1947

Hội-trưởng,

Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ

ký tên : TRẦN-VĂN-LÝ

Phó thư

Hội-viên kiêm quản Tư-pháp

ký tên : ĐINH-HỮU-UYÊN

SỐ 877

HỘI-ĐỒNG CHẤP-CHÁNH LÂM-THỜI TRUNG-KỲ

Chiếu...

Chiếu nghị - định số 5 ngày 19 - 4 - 47 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ thiết-lập Ban Tư-Pháp Trung-kỳ;

Chiếu nghị-định số 9 ngày 23 - 4 - 47 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm thời Trung-kỳ tổ-chức các tòa-án ở Trung-kỳ,

NGHỊ - ĐỊNH

Khoản 1.— Nay thủ tiêu nghị-định số 5 ngày 19 - 4 - 47 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ thiết-lập Ban Tư-Pháp Trung-kỳ và cử những người sung vào Ban ấy.

Khoản 2.— Nay thủ tiêu các điều thứ 21 và 22 nghị-định số 9 ngày 23-4-47 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ nói về quyền hạn Ban Tư-Pháp Trung-kỳ.

Khoản 3.— Việc tổ-chức và kiểm-soát công-việc tư pháp tại Trung-kỳ nay đề thuộc quyền ông Hội-viên kiêm-quản Tư-pháp tại Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ, kiêm thay Công-tổ-viện.

Khoản 4.— Trừ các thẩm-phán thực-thụ hay dự-khuyết tại các cơ-quan tư-pháp ngoại, ông Hội-viên kiêm-quản Tư-pháp kiêm thay Công-tổ-viện đề nghị lên Hội-đồng Chấp-chánh Lâm thời Trung-kỳ đề tuyển-bổ, thuyên cử, cáo-giới, khiển trách cách bãi các lục-sự-trưởng, lục-sự, thư-ký lục-sự cùng tất cả các nhân-viên khác giúp việc tại các cơ-quan tư-pháp ở Trung-kỳ.

Khoản 5.— Các công-việc khác cùng các giấy tờ mà trước kia theo luật-lệ hiện hành phải do ông Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp của cựu Chính-Phủ Nam-Triều duyệt hành, thời nay đều đề thuộc quyền ông Hội-viên kiêm quản Tư-Pháp kiêm thay Công-tổ-viện thẩm-định.

Khoản 6— Điều thứ 15 nghị-định số 9 ngày 23-4-57 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ cải lại như sau :

« Tại các tỉnh-lỵ chưa thiết-lập tòa-án sơ-cấp thị xã, tòa án đệ-nhi-cấp sơ-thẩm và chung-thẩm tất cả các việc vi-cảnh phạm trong phạm vi quản-hạt của tòa-án ấy.

« Các tòa-án đệ-nhi-cấp phúc duyệt và chung-thẩm tất cả án vi-cảnh của các tòa-án sơ-cấp xử phạt giam mà có bị kháng cáo ».

Khoản 7.— Điều thứ 16 nghị-định số 9 ngày 23 - 4 - 47 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ cải lại như sau :

« Các tòa-án đệ-nhi-cấp có quyền sơ-thẩm và chung-thẩm, nếu không bị kháng-cáo, tất cả các việc tiểu-hình.

« Các tòa-án đệ-nhi-cấp chỉ có quyền sơ-thẩm các việc đại-hình »

Khoản 8— Nay thủ tiêu điều thứ 17 nghị-định số 9 ngày 23-4-47 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ nói về các án xử tử hình.

Khoản 9— Điều thứ 11, 12, 13, 14, 18, 19 và 20 nghị định số 9 ngày 23-4-47 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ nay cải lại như sau :

« **Điều thứ 11—** Các tòa-án sơ-cấp có nhiệm-vụ hòa-giải, tất cả các việc tương tranh về hộ-vụ và thường-sự bất cứ giá ngạch bao nhiêu,

« Các thẩm-phán các tòa-án sơ-cấp có thể chiêu-tập Hội-đồng gia-tộc và chủ-tọa hội-đồng ấy cũng phải coi sóc cách tổ-chức các việc giám-hộ những người vô tư-cách về đường pháp luật, như đã định ở thiên thứ IX quyền 1 Luật Hộ.

« **Điều thứ 12—** Các tòa-án sơ-cấp có quyền sơ-thẩm và chung-thẩm các việc sau này mà giá ngạch không quá 150\$

« a) việc kiện về thường-sự

« b) việc kiện về hộ-vụ thuộc động-sản hoặc đối với người,

« c) việc đòi đền-hoàn hay bồi-thường tổn hại do sự phạm pháp sinh ra mà chưa do tòa-án hình xử đến,

« *Điều thứ 13.*— Các tòa-án sơ-cấp có quyền sơ-thẩm và « chung thẩm, nếu không bị kháng-cáo, các việc nói trong điều « thứ 12, mà giá ngạch từ trên 150\$00 đến 500\$00 ».

« *Điều thứ 14.*— Các tòa-án sơ-cấp tạm thời có nhiệm-vụ « lập hồ -sơ đệ lên tòa-án đệ-nhi-cấp xét xử các việc sau này :
« a) các việc kiện nói trong điều thứ 12 mà giá ngạch trên

500\$00 hoặc giá ngạch không định rõ được là bao nhiêu,

« b) các việc tương tranh về bất-động-sản và công sản,

« c) các việc kiện về nhân thế và căn-cước người ta,

« d) các việc kiện về sự thừa tự,

« e) các việc thương sự thuộc về sự khánh-tận.

« *Điều thứ 18.*— Các tòa-án đệ-nhi-cấp có quyền phúc duyệt « và chung-thẩm tất cả các án của tòa-án sơ-cấp thuộc về hộ- « vụ và thương-sự mà có bị kháng-cáo.

« *Điều thứ 19.*— Các tòa-án đệ-nhi-cấp có quyền sơ-thẩm « và chung-thẩm các việc sau này :

« a) các việc kiện nói trong điều thứ 12 mà giá ngạch từ trên 500\$00 đến 1500\$00,

« b) các việc kiện thuộc về bất-động-sản mà giá ngạch định theo lợi-tức đồng-niên không quá 150\$00.

« *Điều thứ 20.*— Các tòa-án đệ-nhi-cấp có quyền sơ-thẩm « và chung-thẩm nếu không bị kháng-cáo :

« a) các việc kiện nói trong điều thứ 12 mà giá ngạch trên 1500\$00 hoặc giá ngạch không định rõ được là bao nhiêu,

« b) các việc kiện thuộc về sự khánh-tận,

« c) các việc kiện về bất-động-sản mà giá ngạch định theo lợi-tức đồng-niên quá 150\$00, hoặc không định rõ được là bao nhiêu,

« d) các việc kiện về công-sản, nhân-thế, căn-cước của người ta cùng các việc thuộc về sự thừa-tự ».

Khoản 10— Tất cả các điều khoản trong các luật lệ hiện hành trái với nghị-định này đều bãi bỏ.

Khoản 11— Ông Tổng Thư-ký Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ, ông Trưởng-ban Tư-Pháp Trung-kỳ, các ông Tỉnh-trưởng và Chánh-án các tỉnh Trung-kỳ chiếu nghị-định này thi-hành.

Huế, ngày 20 tháng 11 năm 1947

Hội-trưởng

Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ

ký tên : TRẦN-VĂN-LÝ

Phó thư

Hội-viên kiêm-quản Tư Pháp

ký tên : ĐINH-HỮU-UYÊN



SỐ 878

HỘI-ĐỒNG CHẤP-CHÁNH LÂM-THỜI TRUNG-KỲ

Chiếu...

Chiếu nghị-định số 9 ngày 23-4-47 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ tổ-chức các tòa-án ở Trung-kỳ ;

Chiếu nghị-định số 877 ngày 20-11-47 của Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ bãi bỏ Ban Tư-Pháp Trung-kỳ và bổ-khuyết nghị-định số 9 ngày 23-4-47 nói trên,

NGHỊ-ĐỊNH

Khoản 1.— Nay lập lại ở Huế một Tòa Thượng-thẩm chung cho tất cả các tỉnh Trung-kỳ.

Khoản 2.—Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ có một ông Chánh-Nhất, ba ông Hội-thẩm đều do Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ bổ-dụng, và một lục-sự trưởng cùng nhiều lục-sự hay thư-ký lục-sự giúp việc.

Khoản 3.— Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ gồm có ba phòng:

1. — *Phòng đại hình* được quyền chung-thẩm tất cả các việc đại-hình do các tòa-án đệ-nhi-cấp sơ-thẩm.

Riêng các án có xử tử hình, sau khi Phòng đại-hình phúc duyệt, án và hồ-sơ phải đệ do Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ xét định về sự ân giảm

2. — *Phòng trưng trị* : Được quyền chung-thăm tất cả các việc tiêu hình do các tòa-án đệ-nhi-cấp xử mà có bị kháng-cáo.

3. — *Phòng hộ-vụ và thương-sự* : Được quyền chung-thăm tất cả các việc kiện thuộc về hộ vụ và thương-sự do các tòa-án đệ-nhi-cấp xử mà có bị kháng-cáo.

Bất cứ phòng nào, khi ra phiên tòa phải có ba thẩm-phán ngồi xử và một lục-sự giúp việc.

Khoản 4. — Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ họp đủ các phòng lại kiểm cả chức-vụ Tòa Tiêu-án và Tòa Tái-thẩm theo như điều thứ 36 và điều 42 Trung-kỳ Pháp-viện Biên-chế.

Khoản 5. — Trong các cuộc thẩm-ng nghị tại Tòa Thượng-Thẩm Trung-kỳ, nếu ý-kiến các ông thẩm-phán ngồi xử bất đồng, thì phải bỏ phiếu kín có chữ ký của mỗi ông và không được bỏ phiếu trắng. Ông thẩm-phán chủ-tọa phiên tòa sẽ theo ý-kiến bên đa số mà quyết-dịnh. Nếu số phiếu bằng nhau, thì ý-kiến bên nào có phiếu của ông thẩm-phán chủ-tọa phiên tòa là hơn.

Khoản 6. — Ông Chánh-Nhất Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ làm lệnh cử các ông Hội-thẩm sung làm thẩm-phán của mỗi phòng.

Tuy nhiên, ông Chánh-Nhất bao giờ cũng phải chủ-tọa phòng đại-hình. Nếu vì lẽ cần-thiết, ông Chánh-Nhất vắng mặt hay bị ngăn-trở, thì ông Hội-thẩm thâm-niên hơn hết (hoặc nhiều tuổi hơn hết nếu cùng thâm-niên như nhau) thay thế, nhưng phải tự rõ trong các bản án hoặc lệnh của ông Chánh-Nhất.

Sự xếp đặt và phân chia công việc trong Tòa Thượng thẩm Trung-kỳ thời tùy quyền ông Chánh-Nhất làm lệnh định.

Ông Chánh-Nhất Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ đề-ng nghị lên Hội-đồng Chấp-chánh Trung-kỳ đề tuyên-bổ, thuyên-cải, cáo-giới, khiển-trách, cách-bãi các ông thẩm-phán ở các cấp tòa-án.

Khoản 7.— Vì tình-thế hiện tại, tạm thời Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ có thể tùy tiện hoặc chiếu nguyên án và hồ-sơ của các tòa-án cấp dưới mà phúc-duyet, hoặc đòi đương-sự đến phiên tòa thẩm-vấn và tuyên xử.

Khoản 8.— Ông Hội-viên kiêm quản Tư-pháp kiêm thay Công-tổ-viện tạm thời chỉ phải đính bản cáo-trạng của mình vào các án và hồ-sơ gửi do Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ phúc duyet.

Tuy nhiên, ông Hội-viên kiêm quản Tư-pháp kiêm thay Công-tổ-viện phải dự những phiên tòa tuyên xử của Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ mà có đòi đương-sự đến dự.

Bất cứ trường-hợp nào, nếu vì lẽ cần thiết, ông Hội-viên kiêm-quản Tư-pháp kiêm thay Công-tổ-viện vắng mặt hay bị ngăn trở, không dự được các phiên tòa ấy, thì Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ sẽ làm nghị-định cử người thay thế.

Khoản 9.— Tại các phiên tòa ở Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ cũng như ở các tòa-án đệ-nhị-cấp, các thẩm-phán ngồi xử án hoặc đứng buộc tội phải mặc y-phục theo quốc-tế nghĩa là áo dài đen, tay rộng, giải trắng có nếp trước ngực giải đen có lòng trắng quàng trên vai bên trái.

Lục sự cũng mang y-phục như vậy, duy không có giải đen có lòng trắng quàng trên vai bên trái.

Khoản 10.— Khi bắt đầu nhận chức, các thẩm-phán các cấp tòa-án, lục-sự trưởng và các lục-sự hay thư-ký lục sự đều phải tuyên-thệ và mỗi khi chuyển-chuyên qua một tòa-án khác đều phải tuyên-thệ lại.

Vị nào được bổ làm Chánh-Nhất Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ bao giờ cũng phải tuyên-thệ lại.

Khoản 11.— Ông Hội-viên kiêm thay Công-tổ-viện ông Chánh-Nhất và các ông Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ.

Các thẩm-phán tòa-án đệ-nhị-cấp tuyên-thệ trước Tòa

Thượng-thẩm Trung-kỳ họp công-khai đủ các phòng, có lục-sự-trưởng giữ bút ký.

Các Thẩm-phán sơ-cấp tuyên-thệ trước tòa-án đệ nhị cấp tỉnh mình làm việc.

Lục-sự trưởng và các lục-sự hay thư-ký lục-sự Tòa Thượng-thẩm Trung-kỳ tuyên-thệ trước phòng hộ tòa-án ấy.

Các lục-sự hay thư-ký lục-sự các tòa-án đệ nhị-cấp và sơ-cấp đều tuyên-thệ tại trước tòa-án đệ nhị-cấp tỉnh mình làm việc.

Khoản 12— Nếu vì xa xôi hay ngăn trở, các thẩm-phán, lục-sự hay thư-ký lục-sự các tòa-án đệ nhị-cấp và sơ-cấp không thể đến thề được ở trước tòa-án được quyền nhận lời thề của mình, thì có thể viết lời thề ra giấy gửi về tòa-án ấy xác-nhận lời thề đó và lập biên-bản.

Khoản 13— Lời thề của ông Hội-viên kiêm thay Công-tổ-viện và của tất cả các thẩm-phán của các cấp tòa-án Trung-kỳ như sau :

« Tôi thề sẽ hết lòng phụng-sự Quốc-gia.

« Tôi thề sẽ lấy hết công-tâm làm tròn chức-vụ của tôi, « giữ kín những cuộc thẩm-nghe và luôn luôn cư-xử cho xứng-« đáng một vị thẩm-phán cương-trực và liêm-khiết ».

Lời thề của các lục-sự trưởng, lục-sự và thư-ký lục-sự là :

« Tôi thề sẽ hết lòng phụng-sự Quốc-gia,

« Tôi thề sẽ mang hết sức và công-tâm ra làm cho đầy đủ « và xứng-đáng nhiệm-vụ của tôi ».

Khoản 14 - Những điều nào trong các luật-lệ hiện-hành mà trái với nghị-định này đều bãi bỏ.

Khoản 15— Ông Tổng Thư-ký H.Đ.C.C.L.T.T.K. các ông Tỉnh-Trưởng, Chánh-án các tỉnh Trung-kỳ, chiếu nghị-định này thi-hành.

Huế, ngày 20 tháng 11 năm 1947

Hội trưởng.

Hội-đồng Chấp-chánh Lâm-thời Trung-kỳ,

ký tên : TRẦN-VĂN-LÝ

Phó thư

Hội-viên kiêm quản Tư-pháp

ký tên : ĐÌNH-HỮU-UYÊN

Dự số 8 ngày 1 tháng 12 năm 1955 ấn-định chuyển đi thẩm-quyền Tòa Thượng-Thẩm Hà-Nội và các Tòa-án Bắc-Việt và các Tòa-án ở trên vĩ tuyến 17 vào Tòa Thượng thẩm và Sơ Thẩm Huế.

TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Chiều Hiến-ước tạm-thời số 1 ngày 26 tháng 10 năm 1955 ;

Chiều Dự số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tồ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền ;

Chiều Dự số 2 ngày mồng 1 tháng 7 năm 1949 tồ-chức quy-chế các công-sở, sửa đổi bổít Dự số 21 ngày mồng 4 tháng 8 năm 1954 cải-tổ nền hành-chính cấp-phần ;

Chiều Sắc-lệnh số 4-TTP ngày 21 tháng 10 năm 1955 ấn-định thành-phần Chánh-Phủ ;

Chiều Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tồ-chức tư-pháp quốc-gia ;

Chiều Dự số 23 ngày 27 tháng 8 năm 1954 ấn-định chuyển-di những việc đang xét tại Tòa Thượng-Thẩm Hà-Nội và các Tòa-án Bắc-Việt và Đông-Hới vào Tòa Thượng-Thẩm và Sơ-Thẩm Huế ;

Chiều Sắc-lệnh số 87-TP ngày 17 tháng 9 năm 1954 nới rộng quản-hạt Tòa sơ-thẩm Hải-Phòng ;

Theo đề-ng nghị của Bộ-trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Hội-đồng Nội-các đã thảo-luận.

DỰ :

Điều thứ nhất. — Kể từ ngày Tòa Thượng-Thẩm Hà-Nội rời đi nơi khác cho tới khi chính-quyền quốc-gia triệt-thoái Bắc-Việt các việc đáng lẽ tòng-thẩm tòa này sẽ thuộc thẩm-quyền Tòa Thượng-Thẩm Huế.

Điều thứ 2. — Những vụ phạm-pháp xảy ra trên vĩ-tuyến 17 trước ngày chính-quyền quốc-gia triệt-thoái sẽ thuộc thẩm-quyền Tòa Sơ-Thẩm Huế.

Tuy nhiên các Tòa-án nơi cư-sở của can-phạm hay nơi can-phạm bị bắt cũng có thẩm-quyền.

Điều thứ 3.— Những việc hộ và thương-mại mà các Tòa-án Huế (sơ-thẩm hay thượng-thẩm) đã thụ-lý chiếu Dự số 23 ngày 27 tháng 8 năm 1954 nhưng chưa xét xử sẽ thuộc thẩm-quyền của Tòa-án nơi trú-quán của bị-đơn, và nếu không biết trú-quán của bị-đơn, hay nếu bị-đơn ở ngoài vùng quốc-gia, thời Tòa-án có thẩm-quyền là Tòa-án nơi trú-ngụ của nguyên-đơn.

Các Tòa-án Huế (Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm) sẽ chuyển-giao hồ-sơ theo hiện-trạng mà không cần phải lên án nhượng-thẩm.

Điều thứ 4.— Trong trường-hợp mà trú-quán đương-sự không biết ở đâu, hay ở ngoài vùng quốc-gia thì các truyền-phiếu và giấy truyền-đặt sẽ được niêm-yết tại Tòa Thị-Sảnh hay Tòa Tỉnh-Trưởng nơi Tòa-án có thẩm-quyền xét xử.

Điều thứ 5.— Nay bãi-bỏ những điều khoản nào trái ngược với Dự này.

Điều thứ 6.— Bộ-Trưởng Bộ Nội-Vụ và Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp chiếu nhiệm-vụ thi-hành Dự này. Dự này sẽ đăng vào Công-Báo Việt-Nam.

Làm tại Saigon, ngày 1 tháng 12 năm 1955

Tổng-Thống

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Dụ số 11 ngày 8-12-1955 sửa đổi vài thủ-tục tố-tụng

TÔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Chiếu Hiến-Uớc tạm-thời số 1 ngày 26 tháng 10 năm 1955 :

Chiếu Dụ số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền :

Chiếu Dụ số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ-chức quy-chế các công-sở, sửa đổi bởi Dụ số 21 ngày 4-8-1954 ;

Chiếu Sắc-lệnh số 4/TTP ngày 29 tháng 10 năm 1955 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Theo đề-nghị của Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp ;

Sau khi Hội-đồng Nội-các đã thảo-luận.

DỤ :

Điều thứ 1.— Cho tới ngày ban-hành các bộ luật dân-sự, thương-sự tố-tụng và hình-sự tố-tụng, những điều khoản sau đây được áp-dụng.

Điều thứ 2.— Trong các vụ cấp-thẩm, thời-hạn kháng-cáo định là 10 ngày tổng-đạt án-lệnh. Viên lục-sự phải tổng-đạt án-lệnh trong hạn 48 giờ sau khi tuyên án-lệnh, mặc dầu khi tuyên-án các đương-sự hay các luật-sư của họ có mặt hay không.

Điều thứ 3.— Trong việc tổng-đạt án-văn và án-lệnh cùng là các báo-thị và tất cả các văn-thơ, các viên thừa-phát-lại hoặc nhân-viên thay quyền thừa-phát-lại phải chép y nguyên vào giấy tổng-đạt phần chủ-văn của án-văn hay án-lệnh.

Điều thứ 4.— Những thừa-phát-lại và nhân-viên phụ-trách việc tổng-đạt phải tổng-đạt hoặc cho đích thân đương-sự, hoặc tại cư-sở của đương-sự. Nếu vì trường-hợp đặc-biệt nào mà không tổng-đạt được như vậy, thì thừa-phát-lại phải ghi rõ trường-hợp ấy vào giấy tổng-đạt.

Mọi sự lạm-dụng tổng-đạt tại trụ-sở hành-chánh sẽ bị phạt bạc từ 200\$00 đến 1.000\$00, do ông Chánh-án sở-quan, chiếu thẩm-quyền, tuyên phạt người phạm lỗi. Đó là chưa kể sự trừng phạt theo kỷ-luật, nếu cần.

Điều thứ 5. — Những hồ-sơ kháng-cáo phải gửi tới Tòa xử kháng-cáo trong những thời-hạn tối-đa sau đây kể từ ngày kháng-cáo.

— hai tháng đối với những việc hộ và thương-mãi hay việc đại-hình ;

— một tháng đối với những việc tiểu-hình và vi-cảnh ;

— nửa tháng đối với các vụ cấp-thẩm ;

— năm ngày đối với việc bác đơn xin tạm tha.

Nếu chuyển-giao hồ-sơ quá hạn mà không có lý-do chính-dáng, lục-sự-trưởng có thể bị phạt vạ 50\$00 do án-lệnh ông Chánh-Án Tòa nào đã xử vụ đó và bị trừng-phạt về hành-chánh.

Điều thứ 6. — Những điều-khoản trước trái với Dự này đều bãi bỏ.

Điều thứ 7. — Bộ-Trưởng Bộ Tư-Pháp chiếu nhiệm-vụ thi-hành Dự này. Dự này sẽ đăng vào Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa.

Làm tại Sài-gòn, ngày 8 tháng 12 năm 1955

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Dụ số 1 ngày 8 tháng 1 năm 1955

quy định tư-pháp bảo-trợ.

ĐỨC BẢO-ĐẠI, QUỐC-TRƯỞNG,

Chiếu Dụ số 1 ngày 1 tháng 7 năm 1949 tổ chức và điều hành các cơ quan công quyền ;

Chiếu Dụ số 2 ngày 1 tháng 7 năm 1949 sửa đổi bởi Dụ số 21 ngày 4 tháng 8 năm 1954 tổ chức quy chế các công sở ;

Chiếu Dụ số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ chức tư-pháp quốc gia ;

Chiếu Dụ số 27 ngày 2 tháng 9 năm 1954 thiết lập tòa phá án ;

Chiếu Dụ số 2 ngày 5 tháng 1 năm 1950 thiết lập tòa án hành chánh ;

Chiếu Dụ số 38 ngày 9 tháng 11 năm 1954 thiết lập tham chính viện ;

Chiếu Dụ số 15 ngày 8 tháng 7 năm 1952 ban hành bộ luật lao động Việt-Nam nhứt là điều 249 ;

Chiếu sắc-lệnh số 15 ngày 19 tháng 6 năm 1954 bổ nhiệm Thủ-Tướng Chánh-phủ ;

Chiếu sắc-lệnh số 94/CP ngày 24 tháng 9 năm 1954 sửa đổi bởi sắc-lệnh số 155/CP ngày 17 tháng 12 năm 1954, nhứt là điều 3, ấn định thành phần Chánh-phủ ;

Chiếu sắc-lệnh số 26/TP ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn định chức chương của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ;

Chiếu các luật lệ về trước bạ và con niêm, về án phí và các luật lệ về giá mục luật sư và giá mục thừa phát lại ;

Theo lời đề nghị của Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp ;

Sau khi Hội-đồng Tổng-trưởng đã thảo luận ;

DỤ :

THIÊN THỪ NHẤT

Tư-pháp bảo trợ về dân sự và hành chánh sự.

CHƯƠNG THỪ NHẤT

Thẻ thức cấp tư pháp bảo trợ.

Điều thứ nhất.— Tư-pháp bảo-trợ có thể cấp trong tất cả

mọi trường hợp cho tất cả mọi người, tất cả các sở công lập hoặc sở công ích hay các hội tư có mục đích từ thiện và có tư cách pháp nhân, khi, vì không đủ tài sản, những người ấy, những sở công lập và sở công ích ấy, những hội ấy không có thể sử dụng quyền tranh tụng với tư cách nguyên cáo hay bị cáo.

Tư pháp bảo trợ được áp dụng :

1^o)— đối với các việc tranh-tụng trước tòa-án hộ, thẩm-phán cấp thẩm, phòng thẩm-ngi, tòa thương-mại, tòa hòa-giải, tòa thượng - thẩm, tòa phá - án, tòa hành - chánh, tham - chánh viện, tòa định-quyền sẽ thiết lập sau đây, tòa án lao-động hay tòa-án dân-sự xét-xử các vụ cá-nhân phán-tranh xảy ra giữ chủ-nhân và công-nhân trong việc thi-hành khế-uớc lao-động và đối với các dân-sự nguyên-cáo trước các cơ quan tài-phán trưng trị hoặc thẩm-cứu ;

2^o)— Ngoài mọi việc tranh-tụng, đối với các việc thuộc quyền tài phán phi tụng và đối với các phương-pháp bảo - thủ.

Tuy nhiên, tư-pháp bảo trợ chỉ có thể cấp cho pháp nhân và người ngoại-quốc khi nào ở tại xứ sở của họ người Việt-Nam cũng được hưởng đặc quyền ấy.

Điều thứ 2.— Tư pháp bảo trợ đương nhiên phổ cập đến các hành-vi, văn-thư và thủ-tục chấp-hành làm theo quyết nghị được cấp tư pháp bảo trợ.

Nếu tài-sản của người xin chấp - hành không được đầy đủ thì tư-pháp bảo-trợ cũng có thể cấp cho những hành - vi, văn thư và thủ-tục làm theo các quyết nghị không được hưởng tư pháp bảo-trợ hoặc làm theo tất cả các văn thư dù chỉ là ước định.

Điều này sẽ áp-dụng trừ những thể-lệ sẽ nói trong điều 8 sau đây.

Điều thứ 3.— Đối với tất cả mọi việc, tư-pháp bảo-trợ được cấp do một phòng tư-pháp bảo-trợ đặt tại trụ sở của mỗi tòa thượng-thẩm. Phòng này gồm có :

1^o)— Vị trưởng lý hay đại diện Chủ tịch

- 2^o)— Một vị thay mặt đại biểu chánh phủ
ở mỗi phần Hội viên
- 3^o)— Một đại diện Giám đốc Sở trước bạ nt
- 4^o)— Hai đại diện đoàn thể dân cư ngụ tại
trụ sở tòa thượng thẩm do đại biểu chánh
phủ mỗi phần chỉ định. nt
- 5^o)— Một luật sư trong hội đồng luật sư đoàn do
đoàn trưởng luật sư đoàn chỉ định nt
- 6^o)— Một công lại do chương lý chỉ định nt

Nếu trong quản hạt tòa thượng thẩm không có luật-sư thì vị luật-sư hội-viên không cần thiết.

Điều thứ 4.— Chức-vụ thư-ký ở phòng tư-pháp bảo - trợ do chánh lục sự hay một lục-sự tòa thượng-thẩm đảm-nhiệm.

Điều thứ 5.— Phòng tư-pháp bảo - trợ chỉ có thể thảo-luận khi nào có sự hiện-diện của 5 hội-viên. Phòng ấy quyết-nghị theo đa số, và khi số phiếu ngang nhau, phiếu của chủ-tịch được ưu thế.

Tuy nhiên, trong trường-hợp khẩn-cấp, phòng tư-pháp bảo trợ có thể cấp tư-pháp bảo trợ tạm thời dù số hội viên có mặt nhiều hay ít, phiếu của chủ-tịch được ưu thế. Chủ tịch lại có quyền tự mình cấp tư-pháp bảo-trợ.

Khi tư-pháp bảo trợ chỉ được cấp tạm thời, phòng tư-pháp bảo trợ sẽ phán định, trong một thời hạn ngắn, nên duy trì hay bác bỏ việc bảo trợ ấy.

Điều thứ 6.— Các hội-viên của phòng tư-pháp bảo trợ, trừ những vị đại diện chính-quyền, hàng năm được cử lại vào khoảng 15 ngày đầu tháng giêng dương lịch. Những hội viên viên mãn nhiệm có thể được tái cử.

Điều thứ 7.— Quản hạt tòa thượng thẩm là quản hạt phòng tư pháp bảo trợ.

Điều thứ 8.— Trong những trường hợp tư-pháp bảo trợ đương nhiên phổ cập đến các hành vi, văn thư và các thủ tục

chấp hành, như đoạn thứ nhất điều 2 đã ấn định, theo đơn xin của người được bảo trợ, phòng tư pháp bảo trợ phải ấn định tính chất những hành-vi, văn-thư và những thủ-tục chấp hành được hưởng tư-pháp bảo trợ. Đối với những vụ kiện mà các hành-vi văn-thư và thủ-tục chấp hành đã ấn định như trên có thể gây ra hoặc giữa người được bảo trợ và người bị kiện, hoặc giữa người được bảo trợ và người đệ tam, thì quyết nghị trước của phòng tư-pháp bảo trợ chỉ còn hiệu lực để công nhận sự túng thiếu của người đứng xin tư-pháp bảo trợ, còn sự cấp bảo trợ thì sẽ do phòng tư pháp bảo trợ quyết định.

Điều thứ 9.— Đối với tất cả mọi việc người nào muốn xin tư pháp bảo trợ phải gửi đơn có kèm theo các giấy tờ chứng minh đến ông Biện lý hoặc ông Chánh án hòa giải rộng quyền nơi mình cư trú,

Thẩm phán nhận giấy tờ sẽ sưu tầm tài-liệu về sự túng bần của người đứng xin và về nội-dung việc kiện ; vị ấy có thể nghe cả hai bên đương sự rồi tư đơn, kết quả điều tra và các giấy tờ lên chủ-tịch phòng tư pháp bảo trợ mà trong quần hạt phòng ấy vụ kiện sẽ được xét xử.

Điều thứ 10.— Nếu đương sự đã được hưởng tư - pháp bảo trợ trước một tòa án nào mà nay tòa án ấy lại tuyên bố vô thẩm quyền và vì đó việc tranh tụng phải đem đến trước tòa án khác, cùng loại, cùng thứ bậc thì quyền hưởng tư-pháp bảo trợ vẫn tồn tại trước tòa án sau này.

Người nào đã được hưởng tư-pháp bảo trợ tại một tòa án nào thì vẫn được hưởng khi đối phương thượng cáo hay thượng tố và khi bị kháng cáo kể cả trường - hợp mà người ấy đứng kháng cáo phụ đối.

Người được hưởng tư pháp bảo trợ đứng xin kháng cáo chánh, thượng cáo hay thượng tố chỉ có thể được hưởng tư pháp bảo trợ trong khi kháng cáo, thượng cáo hay thượng tố là khi nào có một quyết nghị mới cho người ấy được hưởng. Muốn được như thế, người ấy phải gửi lên Chủơng lý một đơn xin có kèm theo một bản sao đã được tổng đạt hay một bản

toàn sao của quyết-nghị cấp-phát tư-pháp bảo-trợ mà ý muốn chống lại bằng cách kháng-cáo, thượng-cáo hay thượng-lỗ.

Điều thứ 11.— Người nào muốn được hưởng tư-pháp bảo-trợ phải nộp :

1) một bản trích lục thuế bạ người ấy phải đóng, hay một tờ chứng-chỉ nhận thực-sự miễn đóng thuế ;

2) một giấy chứng-chỉ của Cảnh-sát Trưởng hay Ủy-viên Cảnh-sát nơi cư-trú, nhận-thực sau khi điều-tra rằng người ấy không đủ tài-sản để sử-dụng quyền tranh-tung và trong giấy chứng-chỉ ấy phải kê rành mạch các sinh kế đầu bằng cách gì.

Điều thứ 12.— Phòng tư pháp bảo trợ mở mọi cuộc điều-tra cần-thiết để biết rõ sự túng-thiếu của người đứng xin tư-pháp bảo-trợ, nếu các tài-liệu đã xuất-trình không có đủ chi-tiết để xét-định.

Phòng Tư-pháp bảo-trợ báo-tri cho đối-phương của người đứng xin tư-pháp bảo-trợ biết có thể đến trình-diện tại phòng ấy để khiếu nại về sự túng-thiếu của người này hoặc để giải-thích về nội-dung.

Nếu đối-phương đến trình-diện thì phòng tư-pháp bảo-trợ sẽ tìm cách để hòa-giải đôi bên.

Điều thứ 13.— Quyết-nghị phòng tư-pháp bảo-trợ đều có ghi chú sơ-lược những sự kiện, những phươg-liện và sự tuyên-cáo cho hưởng tư-pháp bảo-trợ hay không. Trong trường-hợp thứ nhất phòng tư-pháp bảo-trợ không có quyền viện rõ lý-do. Nhưng nếu đơn xin tư-pháp bảo-trợ bị bác thì phòng tư-pháp bảo-trợ đó phải nói rõ duyên cớ.

Quyết-nghị phòng tư-pháp bảo-trợ đều là chung-thầm.

Các quyết-nghị phòng tư-pháp bảo-trợ chỉ có thể thông-tri cho những người xin tư-pháp bảo-trợ hay người thay mặt họ, những giấy tờ phải để nguyên tại chỗ.

Các quyết-nghị đó không được xuất-trình hoặc đem ra bàn cãi trước tòa-án, trừ trường-hợp đưa ra trước tòa tiểu-hình dự-liệu ở điều 26 Dự này.

CHƯƠNG THỨ II

Hiệu-lực của tư-pháp bảo-trợ

Điều thứ 14.— Trong 3 ngày sau khi tư-pháp bảo-trợ được cấp, Chủ-tịch phòng tư-pháp bảo-trợ gửi đến chánh-án tòa-án có thẩm-quyền hay thẩm-phán có thẩm-quyền một bản trích-lục quyết-ngị của phòng tư-pháp bảo-trợ mà chỉ có ghi chú rằng tư - pháp bảo - trợ đã được cấp ; chủ-tịch đính theo các giấy tờ của sự-vụ và yêu-cầu Đoàn-Trưởng luật-sư đoàn chỉ định một luật-sư để hành sự trong các trường hợp dự liệu ở đoạn 4 sau đây.

Chánh án tòa nào đã thụ lý việc tranh-tụng sẽ chỉ định thừa phát lại giúp đỡ người được bảo trợ.

Nếu là hành vi, văn-thư hay thủ-tục chấp hành thì các giấy tờ phải gửi đến chánh án tòa án nơi cho nhập hành ; thẩm phán ấy sẽ chỉ định một thừa phát lại để giúp đỡ người được bảo trợ.

Một luật sư cũng có thể được chỉ định theo thể thức nói ở trong đoạn 1 để giúp đỡ người được bảo trợ không cư - trú tại trụ sở tòa án hay là khi nào phòng tư-pháp bảo trợ phán rằng người ấy không thể đến trình-diện hoặc tự mình biện hộ hay thỉnh cầu được. Các sự chỉ-định này phải làm trong một thời hạn không quá 15 ngày.

Nếu không có luật-sư cư trú tại trụ-sở tòa-án thẩm xét việc tranh tụng, nếu xét cần, đoàn trưởng luật sư đoàn có thể chỉ định một luật sư cư-trú trong một quận-hạt gần nhất và chánh án tòa án xét việc tranh tụng sẽ cho ký thác các giấy tờ ở phòng lục-sự hay phòng thư-ký tòa-án và truyền cho lục-sư hay viên thư ký chuyển các giấy tờ cho luật sư được ủy thác để vị này thảo các thỉnh luận-trạng và kết-luận-trạng cần-thiết để việc tố tụng có thể đem ra xử được.

Nếu không có luật-sư nào được đoàn-trưởng luật-sư đoàn chỉ định thì chánh án tòa án xét việc tranh tụng cho ký thác các giấy tờ ở phòng lục sự hay phòng thư ký tòa án và truyền cho lục sự hay viên thư-ký làm các việc tổng-đạt và gửi các

giấy đòi cần thiết để đưa việc kiện ra xét xử.

Quá thời hạn mười lăm (15) ngày định ở đoạn 4 và trong trường hợp khẩn cấp, nếu đoàn trưởng luật sư đoàn không chỉ định, thì chánh-án có thể tự quyền cử một luật-sư. Nhưng sau đó, nếu xét cần, đoàn-trưởng luật-sư đoàn có thể chỉ định một luật-sư khác để thay thế luật-sư đã được cử trước.

Trong thời hạn ba (3) ngày đã ấn định trong đoạn 1 nói trên thư ký phòng tư pháp bảo trợ phải gửi bản trích lục quyết nghị của phòng tư-pháp bảo trợ cho chủ sự sở trước bạ tại nơi có tòa án hay tại nơi có vị thẩm-phán mà người được bảo trợ phải đến trình-diện.

Điều thứ 15. . Người được bảo trợ tạm thời được miễn trả cho ngân khố những món tiền lệ phí về con niêm, trước bạ hay phòng lục-sự và được tạm thời miễn ký thác mọi số tiền phạt

Đương sự cũng được tạm miễn trả các khoản tiền thu cho quốc-gia và các khoản tiền phải trả cho công-lại luật-sư hay thông ngôn chính ngạch được ủy cử.

Những hành-vi, văn-thư về thủ tục tố tụng lập ra theo lời yêu-cầu của người được bảo-trợ đều được ghi thế con niêm và đóng trước-bạ chịu.

Sự ghi thế con niêm được phê nhận trên bản chánh các văn-thư ấy ngay lúc trước-bạ.

Những văn-kiện và chứng-khoán do người được hưởng tư pháp bảo-trợ xuất-trình để chứng-minh quyền-lợi và tư-cách của mình, cũng được ghi thế con niêm và đóng trước-bạ chịu.

Nếu những văn-kiện và chứng-khoán đó ở trong số các văn-kiện và chứng-khoán mà luật-lệ bắt buộc phải trước-bạ trong một thời-hạn nhất-định thì lệ-phí trước-bạ bắt-buộc phải nộp ngay sau khi án thành nhất-định ; những số tiền phải chịu vì vi-phạm luật-lệ về con niêm cũng phải nộp ngay như thế.

Nếu văn-kiện và chứng-khoán nói trên không thuộc số các văn-kiện và chứng-khoán mà luật-lệ bắt buộc phải trước-bạ trong một thời hạn nhất-định thì lệ-phí trước-bạ các văn-

kiện và chứng-khoán ấy được coi như lệ-phí các văn-thư về thủ-tục tố-tụng.

Trên đoạn ghi thẻ con niêm hay đóng trước-bạ chịu phải ghi ngày tháng bản quyết-nghị cấp tư-pháp bảo-trợ ; về những văn-kiện và chứng-khoán do người được bảo-trợ xuất-trình, sự ghi thẻ con niêm hay sự đóng trước-bạ chịu chỉ có hiệu-lực đối với vụ tranh-tụng mà sự xuất-trình ấy cần phải có.

Sở phí vãng phản các thẩm-phán, công lại, luật-sư hay thông-ngôn hay giám-định-viên, tiền công của những người này và của các thông-ngôn không chính ngạch, sở-phí các nhân-chứng đã được tòa-án hay thẩm-phán cho phép lấy cung, nói tóm lại tất cả các phí tổn phải trả cho những người đệ tam không phải là công-lại hay thông-ngôn chính-ngạch thì đều được ngân-khoổ ứng trước.

Đoạn thứ 6 điều này cũng áp-dụng cho việc truy-hoàn những số tiền ứng trước.

Điều thứ 16.— Những chương-khế, thông-ngôn hay tất cả cả mọi thụ thác công lại khác chỉ bị bắt buộc cấp phát hoặc phiên-dịch không lấy tiền những văn-kiện và những bản toàn sao do người được bảo-trợ yêu cầu là khi nào có mệnh lệnh của thẩm-phán hay có lời yêu-cầu của công-tổ-viện hay ủy viên chánh-phủ.

Điều thứ 17.— Trong trường-hợp đối-phương của người được bảo-trợ bị nghi phạt chịu án phí thì các tụng-phí sẽ gồm có những lệ-phí, những tạp-phí và những thù kim mà người được bảo-trợ đáng lẽ phải trả nếu không có tư-pháp bảo-trợ.

Điều thứ 18.— Về trường-hợp dự-liệu ở điều 17 trên, sự kết-án được tuyên-cáo và mệnh-lệnh chấp-hành được cấp phát nhân-danh sở trước-bạ để cho sở này lo việc truy-hoàn theo thẻ-thư sách hoàn những số tiền trước-bạ, trừ phi nếu xét ra có lợi, người được bảo-trợ có quyền dùng những thủ tục truy-tố cùng với chính-phủ để thi-hành các nghị-quyết đã được phán định hay hay để bảo-tồn hiệu-lực của các nghị-quyết ấy

Đối với những thủ-tục chấp-hành và những việc tố-tụng

liên-quan đến việc chấp-hành ấy xảy ra giữa người được bảo-trợ và người bị kiện, nếu những thủ-tục chấp-hành và những việc tổ-tụng ấy đã bị gián đoạn hay bị đình-chỉ quá một năm thì những sở phí được hưởng tư-pháp bảo-trợ sẽ coi như do người bị-kiện phải-chịu, trừ phi có bằng chứng hay có quyết nghị cho miễn. Mệnh-lệnh chấp-hành sẽ cấp phát theo như đoạn 1 điều này.

Đối với những lệ-phí không được ghi trong mệnh-lệnh chấp hành cấp-phát để chống-lại đối-phương thì phải làm một mệnh-lệnh chấp-hành riêng cấp cho sở trước-bạ vì người được bảo-trợ vẫn phải nộp những lệ-phí ấy cho ngân-khố theo như đoạn 6 điều 15 đã ấn-định.

Sở trước-bạ sẽ đem chia ngay cho những người được hưởng quyền những số tiền thu được.

Các khoản tiền do ngân-khố tạm ứng nhất là những lệ-phí về phòng lục-sự, trước-bạ, con niêm và phí-tồn các văn-kiện của thừa phát-lại đều được trả trước các khoản tiền của những người được quyền khác.

Điều thứ 19.— Về trường-hợp mà người được bảo-trợ bị phạt chịu án-phí thì cũng chiếu quy-tắc định trong điều nói trên mà thu các khoản tiền phải trả cho ngân-khố theo như những đoạn 6 và 9 điều 15 đã dự-định.

Điều thứ 20.— Trong thời-hạn một tháng sau khi tòa án phải thanh-toán các án-phí hay sau khi vị thẩm-phán đã định những số tiền tụng-phí thì các viên lục-sự các tòa-án dân sự hay các viên thư ký các tòa-án hành-chính có phận-sự phải gửi đến chủ-sự sở trước - bạ bản trích-lục án văn hoặc bản mệnh-lệnh chấp-hành, nếu không sẽ bị phạt một trăm đồng (100\$00) về mỗi bản trích-lục án văn hay mỗi mệnh-lệnh chấp-hành gửi quá hạn định.

CHƯƠNG III

Sự thu-hồi tư-pháp bảo-trợ

Điều thứ 21.— Quyền được hưởng tư-pháp bảo-trợ có thể

bị thu-hồi trước các tòa-án dù ở trong trường-hợp nào kể cả trường-hợp các vụ tranh-lụng và những thủ-tục tố tụng được hưởng tư-pháp bảo-trợ đã kết-thúc :

1^o)— nếu người được hưởng tư-pháp bảo-trợ lại có tài lực được coi là đủ ,

2^o)— nếu người ấy đã đánh lừa phòng tư-pháp bảo-trợ bằng lời khai man trá.

Điều thứ 22.— Sự thu hồi tư-pháp bảo-trợ có thể do công tố viên, hoặc ủy viên chánh phủ, hoặc đối phương yêu cầu. Sự thu hồi ấy cũng có thể do phòng tư-pháp bảo-trợ tự ý quyết định.

Trong mọi trường hợp phải viện rõ lý do sự thu hồi tư pháp bảo trợ.

Điều thứ 23.— Tư pháp bảo trợ chỉ có thể bị thu hồi sau khi người được bảo trợ đã được báo tin phải bày tỏ lý lẽ của mình.

Điều thứ 24.— Sự thu hồi tư pháp bảo trợ có hiệu lực là người được bảo trợ phải trả lại ngay những khoản tiền lệ phí, thù kim và mọi khoản tiền tạm ứng mà y đã được miễn.

Trong tất cả những trường hợp mà tư pháp bảo trợ bị thu hồi thì thư ký phòng tư pháp bảo trợ phải tức khắc báo ngay cho chủ sự sở trước hạ biết để thu tiền và phân phối theo quy tắc đã định ở điều 18 trên đây.

Điều thứ 25.—Tổ quyền sách thu theo mệnh lệnh chấp hành gửi cho sở trước hạ đề đòi người được hưởng tư pháp bảo trợ, hay đề đòi đối phương, bị tiêu diệt vì thời hiệu sau thời hạn 10 năm.

Tổ quyền của đối phương đối với người được hưởng tư pháp bảo trợ để sách hoàn các tụng phí mà tòa đã xử bắt người ấy phải chịu thay cho người được hưởng tư pháp bảo trợ, bị tiêu diệt vì thời hiệu theo như thường pháp.

Điều thứ 26.— Nếu sự tư-pháp bảo-trợ bị thu-hồi vì người được bảo trợ đã khai man về sự nghèo túng của y thì người này, có thể theo đề nghị của phòng tư-pháp bảo trợ, bị đưa ra tòa tiểu hình và có thể bị xử phạt, ngoài những lệ phí và các thứ tụng phí mà họ đã được miễn, bằng một số tiền ngang với lệ phí và tụng phí ấy nhưng không được dưới 250\$ và bị phạt giam từ một đến sáu tháng.

THIÊN THỨ II

Tư pháp bảo trợ về hình sự.

Điều thứ 27.— Trước các tòa án xử việc đại-hình các bị cáo phải có người bào chữa.

Bị cáo sẽ được chất vấn để biết y có lựa chọn một biện hộ viên để bào chữa cho y hay không, bằng không vị thẩm-phán sẽ chỉ định ngay một biện hộ viên để bào chữa cho y, nếu khiếm khuyết thì các thủ tục tố tụng về sau sẽ vô hiệu lực.

Sự khiếm khuyết về việc chất vấn hay về việc chỉ định biện hộ viên nói trên sẽ không làm mất hiệu-lực thủ-lục tố tụng, nếu bị cáo đã lựa chọn một biện hộ viên.

Điều thứ 28.— Các chánh án tòa tiểu hình hay các thẩm phán chủ tọa những tòa ấy sẽ tự ý chỉ định một biện hộ viên để bào chữa cho những bị can bị công-tố-viện truy tố hay cho những người bị giam giữ, khi những người ấy có đơn xin và nếu sự nghèo túng của họ được chứng tỏ hoặc bằng các giấy tờ nói ở điều 11, hoặc bằng mọi tài liệu khác.

Điều thứ 29.— Các chánh-án tòa đại-hình, các chánh-án tòa tiểu-hình và các thẩm-phán chủ-tọa tòa tiểu-hình có thể ra lệnh đòi những nhân-chứng do bị-cáo hay bị can nghèo túng nại ra nếu những lời khai của những nhân-chứng ấy xét ra có ích cho sự khám phá sự-thực.

Các vị ấy lại có thể tự ý ra lệnh bắt xuất-trình và kiểm soát tất cả các thứ tài-liệu.

Các mệnh-lệnh nói trên sẽ được công-tố-viện tự liệu thi-hành.

TỔNG KẾT

Điều thứ 30.— Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp có thể ra nghị định ban-hành các biện-pháp cần thiết để thi - hành dụ này.

Điều thứ 31.— Tất cả những điều-khoản trước trái với dụ này đều bãi bỏ.

Điều thứ 32.— Tổng-trưởng Bộ-Nội-Vụ, Tổng-trưởng Bộ Tư-pháp, Tổng-trưởng Bộ Tài-chính và Bộ-trưởng đặc nhiệm phủ Thủ-tướng, chiếu nhiệm-vụ thi hành dụ này. Dụ này sẽ đăng vào Công-báo.

Làm tại Sài-gòn, ngày mồng 8 tháng giêng năm 1955

Thừa ủy-nhiệm Đức Quốc-Trưởng

Thủ-tướng Chính-phủ

NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

DANH SÁCH CÁC TÒA-ÁN VIỆT-NAM

(Quy giới tư pháp dân sự)

Liệt kê	Hạng	Quản hạt	Các bản văn thiếp lập và ấn định quản hạt	Ghi chú
1) Tòa Thượng-Thẩm Saigon	nhứt	I.— Tòa Phá-Án : Toàn quốc Trụ sở Saigon II.— Các Tòa Thường Tụng A) Tòa Thượng Thẩm Nam-phần và các tỉnh Cao-nguyên Trung-Phần trừ hai tỉnh Pleiku và Kontum. Trung Nguyên Trung-Phần và 2 tỉnh Pleiku, Kontum.	Dự số 27 ngày 2.9.1954	
2) Tòa Thượng-Thẩm Huế	nhì	B) Các Tòa Sơ-Thẩm và Tòa Hòa-Giới Rộng-Quyên o) Trong quản hạt Tòa Thượng Thẩm Saigon Tòa Sơ-Thẩm : Đô thành Saigon, tỉnh Gia-Định	Dự số 4 ngày 18.10.1949	
1) Tòa Sơ-Thẩm Saigon	ngoại hạng		Dự số 4 ngày 18.10.1949 Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	

Liệt kê	Hạng	Quản hạt	Các bản văn thiết lập và ấn định quản hạt	Ghi chú
2) Tòa Sơ-Thẩm Định-Tường	nhì	Tỉnh Định-Tường tạm thời thêm tỉnh Kiến-Tường	Dụ số 4 ngày 18-10-1949 Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958 Nghị định số 536 BTP/NĐ ngày 16-6-1958	
3) Tòa Sơ-Thẩm Vĩnh-Long	nhì	Tỉnh Vĩnh-Long tạm thời thêm tỉnh Kiến-Phong	Dụ số 4 ngày 18-10-1949 Sắc lệnh số 20-TP ngày 29-3-1954 Nghị định số 536-BTP/NĐ ngày 16-6-1958	
4) Tòa Sơ-Thẩm Biên-Hòa	nhì	Tỉnh Biên-Hòa, Long-Khánh Phước-Thành <u>Tòa Hòa Giải Rộng Quyền</u>	Sắc lệnh số 234-TP ngày 7-12-1961	
1) Tòa Hòa-Giai Rộng Quyền Long-Xuyên	nhì	Tỉnh An-Giang (trừ 5 quận trước thuộc tỉnh Châu-Độc)	Sắc lệnh số 179-TP ngày 24-7-1961 Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	
2) Tòa Hòa-Giai Rộng Quyền An-Xuyên	nhì	Tỉnh An-Xuyên	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	

Liệt kê	Hạng	Quản hạt	Các bản văn thiết lập và ấn định quản hạt	Ghi chú
3) Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền Ba-Xuân	nhất	Tỉnh Ba-Xuân	Sắc lệnh số 73-TP ngày 20-7-50 Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-58	
4) Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền Banmethuot	nhì	Tỉnh Darlac tạm thời thêm tỉnh Quảng-Đức	Sắc lệnh số 21-TP ngày 18-11-55	
5) Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền Bình-Dương	nhất	Tỉnh Biên-Hòa, Bình-Long, Phước-Long	Nghị định số 353-BTB/NĐ ngày 28-5-1959 Đã được đổi thành Tòa Sơ Thành do Sắc lệnh số 234-TP ngày 7-12-1961	
6) Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền Bình-Long (chưa hoạt động)	nhì	Tỉnh Bình-Long và Phước-Long	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	
7) Tòa Hòa-Giải Rộng Bình-Tuy (chưa hoạt động)	nhì	Tỉnh Bình-Tuy	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	Tỉnh Bình-Tuy tạm thời nằm trong quản hạt Tòa HGRQ Phước Tuy
8) Tòa Hòa-Giải Rộng Đalat	nhì	Tỉnh Lâm-Đông và Tuyên-Đức	Sắc lệnh số 38-TP ngày 7-5-1952	

Liệt kê	Hạng	Quân hạt	Các bản văn thiết lập và ấn định quân hạt	Ghi chú
9) Tòa Hòa-Giải Rộng Kiên-Giang	nhì	Tỉnh Kiên-Giang	Dụ số 4 ngày 18-10-1949 Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	Tỉnh Kiến Phong tạm thời nằm trong quân hạt I-à Sơ Thăm VinhLong-Tỉnh Kiến Tường, Tòa Sơ Thăm Định Tường
10) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Kiến-Hòa	nhứt	Tỉnh Kiến Hòa	Dụ số 4 ngày 18.10.1949 Sắc lệnh số 320-TP ngày 14.6.1958	
11) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Kiến Phong (chưa hoạt động)	nhì	Tỉnh Kiến Phong và Kiến Tường	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14.6.1958	
12) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Long An	nhứt	Tỉnh Long An	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	
13) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Phong Dinh	nhứt	Tỉnh Phong Dinh	Dụ số 4 ngày 18-10-49 Nghi-dịnh số 160-BTP/NĐ ngày 7-3-1956 Sắc lệnh số 320-TP ngày 14 6-58	
14) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Phước Tuy	nhì	Tỉnh Phước Tuy và tạm thời thêm tỉnh Bình Tuy	Sắc lệnh số 77-TP ngày 1-9-1954 Nghi định số 1081-BTP/NĐ ngày 27-11-1957. Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958 Nghi định số 536-BTP/NĐ ngày 16-6-1958	
15) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Tây Ninh	nhì	Tỉnh Tây Ninh	Sắc lệnh số 78-TP ngày 1-9-1954 Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-58	

Liệt kê	Hạng	Quân họ	Các bản văn thiết lập và ấn định quân họ
16) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Vĩnh Bình	nhì	Tỉnh Vĩnh Bình	Dự số 4 ngày 18-10-1949 Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958
17) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Châu Phú	nhứt	Các quận: Châu Phú, Tri Tôn, Tỉnh Biên, Tân Châu và An Phú b) Trong quân họ Tòa Thượng Thảm Huế — Tòa Sơ Thảm	Sắc lệnh số 179-TP ngày 24-7-1961
1) Tòa Sơ Thảm Huế	nhứt	Đô thị Huế. Tỉnh Thừa Thiên	Dự số 4 ngày 18. 10. 1949
2) Tòa Sơ-Thảm Quảng-Nam	nhì	Tỉnh Quảng Nam	Dự số 4 ngày 18-10-1949. Sắc lệnh số 20-TP ngày 29-3-1954.
3) Tòa Sơ-Thảm Khánh-Hòa (Nha-Trang)	ba	Tỉnh Khánh Hòa Tòa Hòa Giải Rộng Quyền	Sắc lệnh số 70-TP ngày 15-7-1950 Sắc lệnh số 123-TP ngày 20-10-1954
1) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Quảng Trị	nhì	Tỉnh Quảng Trị	Dự số 4 ngày 18-10-1949
2) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Quảng Ngãi	nhì	Tỉnh Quảng Ngãi	Sắc lệnh số 192-TP ngày 14-12-1956

Liệt kê	Hạng	Quản hạt	Các bản văn thiết lập và ấn định quản hạt	Ghi chú
3) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Phú Yên	nhì	Tỉnh Phú Yên	Sắc lệnh số 118-TP ngày 20-10-1953	
4) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Bình Định	nhì	Tỉnh Bình Định	Sắc lệnh số 20-TP ngày 18-11-1955	
5) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Bình Thuận	nhì	Tỉnh Bình Thuận	Sắc lệnh số 108-TP ngày 16-12-1950	
6) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Ninh Thuận	nhì	Tỉnh Ninh Thuận	Sắc lệnh số 56-TP ngày 28-7-1954	
7) Tòa Hòa Giải Rộng Quyền Pleiku	nhì	Pleiku và Kontum	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	
III.— Các Tòa Đặc Thẩm : A— Tòa Hòa-Giải o) Trong Quản hạt Tòa Thượng Thầm Saigon				
1) Tòa Hòa Giải Saigon		Đô Thành Saigon và Tỉnh Gia Định	Sắc lệnh số 49-TP ngày 7-6-1950	
2) Tòa Hòa Giải Gò-Công		Quận Gò Công	Sắc lệnh số 71-TP ngày 15-7-1950	

Liệt kê	Hạng	Quân hạt	Các bản văn thiết lập và ấn định quân hạt	Ghi chú
3) Tòa Hòa Giải Sa Đéc		Các quận Tỉnh Vĩnh Long thuộc Tỉnh Sa Đéc cũ	Sắc lệnh số 71-TP ngày 15-7-1950	
4) Tòa Hòa Giải Cà Mau (chưa hoạt động)		Tỉnh An Xuyên	Sắc lệnh số 117-TP ngày 19-4-1955	
5) Tòa Hòa Giải Bình Dương (chưa hoạt động)		Tỉnh Bình Dương	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	
6) Tòa Hòa Giải Long Khánh (chưa hoạt động)		Tỉnh Long Khánh	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	
7) Tòa Hòa Giải Phước Long (chưa hoạt động)		Tỉnh Phước Long	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	
8) Tòa Hòa Giải Kiến Tường (chưa hoạt động)		Tỉnh Kiến Tường	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	
9) Tòa Hòa Giải Bạc Liêu		Các Quận Vĩnh Lợi Gia Rai, Phước Long	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	
10) Tòa Hòa Giải Hà Tiên (chưa hoạt động)		Quận Hà Tiên	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	

Liệt kê	Hạng	Quận hạt	Các bản văn thiết lập và ấn định quân hạt	Ghi chú
11) Tòa Hòa-Giải Phú-Quốc (chưa hoạt động)		Quận Phú Quốc	Sắc lệnh số 320-TP ngày 14-6-1958	
1) Tòa Hòa Giải Hội An		b) Trong quân hạt Tòa Thượng Thảm Huế Quận Điện Bàn-Thành phố Hội An	Sắc lệnh số 75-TP ngày 4-10-1950 Sắc lệnh số 7-TP ngày 10-1-1955	
1) Tòa án Lao động Saigon		B) Tòa-án Lao-Động Đô thành Saigon và Tỉnh Gia Định	Sắc lệnh số 140-TP ngày 6-5-1955	
2) Tòa án Lao Động Cần-Thơ		Tỉnh Phong Dinh	Sắc lệnh số 140-TP ngày 6-5-1955	
3) Tòa án Lao Động Mỹ-Thơ		Tỉnh Định Tường	Sắc lệnh số 140-TP ngày 6-5-1955	
4) Tòa án Lao Động Dalat		Tỉnh Lâm Đồng và Tuyên Đức	Sắc lệnh số 140-TP ngày 6-5-1955	
5) Tòa án Lao Động Biên Hòa		Các tỉnh thuộc quân hạt Tòa HGRQ Biên Hòa	Sắc lệnh số 385-TP ngày 8-7-1958	
6) Tòa án Lao Động Huế		Tỉnh Thừa Thiên	Sắc lệnh số 140-TP ngày 6-5-1955	
7) Tòa án Lao Động Đà Nẵng		Tỉnh Quảng Nam	Sắc lệnh số 140-TP ngày 6-5-1955	

Liệt kê	Hạng	Quản hạt	Các bản văn thiết lập và ấn định quản hạt	Ghi chú
8) Tòa án Lao Động Nha Trang		Tỉnh Khánh Hòa	Sắc lệnh số 140-TP ngày 6-5-1955	
Có Tòa án Điện địa tại mỗi nơi có Tòa Sơ Thẩm hay Tòa Hòa Giải Rộng Quyền		C) Tòa-án Điện-Địa Cùng quản hạt với Tòa Sơ Thẩm hay Tòa Hòa Giải Rộng Quyền ở tại.	Dự số 57 ngày 22-10-1956 Sắc lệnh số 498-ĐT/CCĐĐ ngày 27-11-1957	Hiện nay chưa có đủ
1) Tòa-án Điện Địa Sài-gòn (thực sự hoạt động từ tháng 5 năm 1958		Đô thành Sài Gòn Tỉnh Gia Định	Dự số 57 ngày 22-10-1956 Sắc lệnh số 498-ĐT/CCĐĐ ngày 27-11-1957	
2) Tòa án Điện Địa Định Tường		{ Tỉnh Định Tường Kiến Tường	— như trên —	
3) Tòa án Điện Địa Long An		Tỉnh Long An	— như trên —	
4) Tòa án Điện Địa An Giang		Tỉnh An Giang	— như trên —	

MỤC LỤC

	Trang
Dẫn nhập tổng quát	5
I.— Cơ quan tài-phán tư-pháp	
<i>Khái niệm mở đầu</i>	7
Chương I.— Tòa Hòa Giải	14
Chương II.— Tòa án cấp sơ thẩm	18
Đoạn I : Tòa Sơ Thẩm	18
Đoạn II : Tòa Hòa Giải Rộng Quyền	30
Chương III.— Tòa Thượng Thẩm	32
Chương IV.— Tòa Phá Án	43
Chương V.— Quy chế các ngạch thẩm phán tư pháp và thượng hội đồng thẩm phán	47
<i>Kết luận</i>	58
II.— Cơ quan tài phán hành chánh	59
Tiết I.— Nguồn gốc và lý do thiết lập các pháp đình hành chánh	59
Tiết II.— Lịch sử pháp đình hành chánh Việt Nam	84
Tiết III.— Hệ thống pháp đình hành chánh Việt Nam hiện tại	85
Đoạn I : Tòa Án cấp dưỡng	86
Đoạn II : Tòa Án hành chánh	88
Đoạn III : Tham chính viện	89
Tiết IV.— Thủ tục tố tụng hành chánh	96
Tiết V.— Quy chế thẩm phán hành chánh	101
<i>Kết luận</i>	104
Phụ bản ngoại ngữ	
Organisation Judiciaire du Vietnam	105

QUYỀN NHẤT.—

Phần thứ nhất : Tổ chức Bộ Tư Pháp	122
— Chức chương Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp (Sắc lệnh số 26-TP ngày 19-9-1949)	123
— Tổ chức hành chánh trung ương Bộ Tư Pháp (Nghị định số 505-BTP/NĐ ngày 17-6-55)	127
Phần thứ nhì : Tổ chức các Tòa Án	139
— Viện Bảo Hiến (Luật số 7/60 ngày 23-12-60)	140
— Phòng Tổng Thư Ký Viện Bảo Hiến (Sắc lệnh số 227-TTP ngày 23-11-1961)	150
1.— Các Tòa Thượng-Thẩm, Sơ-Thẩm, Hòa Giải Rộng Quyền, Hòa Giải	155
— Dự số 4 ngày 18-10-1949	155
Thiên I.— Tòa Thượng Thẩm	156
Thiên II.— Các Tòa Án cấp Sơ Thẩm — Tòa Sơ Thẩm, Tòa Hòa Giải có Rộng Quyền	169
Thiên III.— Các Tòa Hòa Giải (hay Sơ cấp)	181
Thiên IV.— Tòa Án xử các việc đại hình	183
— Dự số 11 ngày 8-12-1955 sửa đổi vài thủ tục tố tụng	190
— Thông tư số 779-BTP/VP/TT ngày 24-12-49 của Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp về việc thi hành Dự số 4 ngày 18-10-1949	192
2.— Tòa Phá Án (Dự số 27 ngày 2-9-54)	201
— Dự số 5 ngày 18-10-1949 tổ chức Tội Cao Pháp Viện	204
Phần thứ ba : Các Tòa Án Hành Chánh	217
1.— Tòa Án cấp dưỡng (Dự số 22 ngày 15-11-1952)	218

II.— Tòa Án hành chánh (Dụ số [2](#)
ngày 5-1-1950) [226](#)

Thiên I : Thẩm quyền và cách tổ
chức tòa án hành chánh [226](#)

Thiên II : Thủ tục tố tụng trước tòa
án hành chánh [229](#)

III.— Tham chính viện (Dụ số [38](#)
ngày 9-11-1954) [243](#)

Chương I : Thành phần [244](#)

Chương II : Quy chế nhân viên [246](#)

Chương III : Thẩm quyền [246](#)

Chương IV : Phương pháp tố tụng [249](#)

Chương V : Cách thức phiên họp [252](#)

Chương VI : Việc xử án [252](#)

Chương VII: Phương pháp kháng tố
các bản án khuyết tịch
Việc xin kháng án
của đệ tam nhân [253](#)

Chương VIII: Án phí [254](#)

Chương IX : Tổng tắc [254](#)

Phần thứ tư : Tổ chức các Tòa Án đặc biệt [255](#)

[1](#)— Tòa Án thiếu nhi (Luật số [11/58](#)
ngày 3-7-1958) [256](#)

Sắc lệnh số 549-TP ngày 24-11-1958 thiết
lập các Tòa Án thiếu nhi xử về việc tiêu
hình và đại hình cấp sơ thẩm tại Saigon,
Định Tường, Huế và Nha trang và cấp
Thượng thẩm tại Saigon và Huế. [261](#)

[2](#)— Tòa Án Lao động (Trích Bộ luật Lao động
từ điều [249](#) đến [279](#)) [263](#)

[3](#)— Tòa Án Điện Địa (Sắc lệnh số 498-ĐT/CCĐĐ
ngày 27-11-[57](#)) [271](#)

Sắc lệnh số 558-ĐT/CCĐĐ ngày 5-12-1958
sửa đổi sắc lệnh số 498-ĐT/CCĐĐ ngày
27-11-57 thành lập Tòa án Địa phương [275](#)

4— Các Tòa Án Quân Sự

— Sắc lệnh số 79-QP ngày 22-11-1951 thiết lập
một Tòa án quân sự tại Saigon [277](#)

— Sắc lệnh số 35-QP ngày 23-3-1953 thiết lập
một Tòa án quân sự tại Hà Nội [278](#)

— Sắc lệnh số 78 QP ngày 29-10-1953 thiết lập
tại Huế một Tòa án Quân sự [279](#)

— Luật lệ áp dụng trước Tòa án quân sự [280](#)

— Sắc lệnh số 24-CAB-Prés ngày 20-6-1950 về
những phương pháp để ngăn ngừa và trừng
trị những hành động có hại đến nền an ninh
công cộng và sự trị an trong nước. [280](#)

— Nghị định số 359-Cab-SG ngày 24-7-1951 giao
công việc xét xử các tội phạm nói trong sắc
lệnh số 24-Cab-Prés ngày 20-6-1950 cho tòa
án quân sự [286](#)

— Dự số 8 ngày 14-5-1951 ban bố thi hành bộ
quân luật [288](#)

— Dự số 16 ngày 27-7-1952 đặt những người
được trang bị về mục đích quân sự thuộc
thẩm quyền tòa án quân sự [289](#)

— Dự số 12 ngày 5-5-1953 tạm thời áp dụng
thủ tục tố tụng và hình phạt thi hành trong
thời kỳ chiến tranh trước các tòa án quân sự [290](#)

— Dự số 8 ngày 16-5-1954 ấn định thể thức đưa
thằng ra tòa án quân sự, không cần thẩm vấn
sơ khởi các người bị bắt quả tang về một
trọng tội hay khinh tội đã dự liệu trong bộ
quân luật [291](#)

— Sắc lệnh số 276-QP ngày 30-11-1960 ấn định
lại quân hạt các tòa án quân sự [293](#)

5— Tòa án quân sự đặc biệt

(Trích luật số 10/59 ngày 6-5-1959) [294](#)

- Dự số 13 ngày 31-3-1956 ấn định các hình phạt áp dụng cho tội cướp bóc, đạo thiết và hiếp dâm, do các quân nhân hay quân nhân đồng hóa phạm trong lúc chiến tranh hay trong các cuộc hành quân tảo thanh 298
- 6— Tòa Án quân sự tại mặt trận (Sắc luật số 11/62 ngày 21-5-1962) 300

QUYỀN NHÌ.—

Phần thứ nhất : Quy chế các ngạch thuộc Bộ Tư Pháp 305

- Quy chế ngạch thẩm phán hòa giải và thẩm phán các tòa sơ thẩm và thượng thẩm (Dự số 3 ngày 29-3-1954) 306
- Quy chế riêng cho ngạch thẩm phán Tòa Phá Án (Dự số 28 ngày 2-9-1954) 326
- Thượng Hội Đồng Thẩm Phán (Luật số 66/1 ngày 15-3-1961) 333
- Quy chế ngạch thẩm phán hành chính (Dự số 40 ngày 15-11-1954) 338
- Quy chế ngạch Lục sự các Tòa án (Nghị định số 14 BTP/NĐ ngày 9-1-1952) 346
- Quy chế chung ngạch Chương Khê (Dự số 43 ngày 29-11-1954) 353
- Quy chế riêng cho ngạch Thư ký tòa án (Nghị định số 404.BTP/NĐ ngày 11-8-1954) 385

Phần thứ hai : Quy chế các nghề liên quan đến Tư

Pháp : 389

- Luật sư đoàn quốc gia
 - Dự số 25 ngày 5-12-1952 390
 - Dự số 41 ngày 15-11-1954 408
 - Dự số 1/62 ngày 8-1-1962 414

— Pháp quy của Thừa-phát-lại Việt-Nam :	
— Nghị định số 111-BTP/NĐ	
ngày 4-2-1950	437
— Nghị định số 959-BTP/NĐ	
ngày 20-12-1956	453
— Quy chế Hồ giá viên :	
— Nghị định số 259-BTP/NĐ	
ngày 26-5-1954	454
— Nghị định số 307-BTP/NĐ	
ngày 13-4-1957	471
— Qui lệ Phòng phát mại :	
— Nghị định số 308-BTP/NĐ	
ngày 13-4-1957	474
PHỤ LỤC	476
Décret du 16.2.1921 portant réforme de la	
magistrature en Indochine	477
— Titre I : Cours d'Appel	477
— Titre II : Juridiction du 1 ^{er} degré	493
— Titre III : Justices de Paix	509
— Titre IV : Personnes soumises aux juridictions	
françaises. Législation applicable par ces	
juridictions	515
— Titre V : Procédure à suivre devant les	
tribunaux français	520
— Titre VII : Serment et costume des Magistrats	
Incompatibilités — Honneurs et préséances	538
— Titre VIII : Traitements et parités d'office	
des magistrats de l'Indochine. Indemnités	
et passages	541
— Titre IX : Greffiers, commis-greffiers et	
secrétaires de Parquet — Fonctions acces-	
soires des greffiers	542
— Titre X : Notaires et commissaires	
priseurs — Courtiers de commerce	545
— Titre XI : Dispositions transitoires	547

— Nghị định của Hội đồng chấp chánh lâm thời	
Trung-kỳ :	
— Sô 9 ngày 23.4.1947	549
— Sô 85 ngày 21.5.1947	554
— Sô 106 ngày 29.5.1947	555
— Sô 496 ngày 26.8.1947	556
— Sô 877 ngày 20.11.1947	558
— Sô 878 ngày 20.11.1947	561
— Dự sô 8 ngày 1.12.1955 ấn định chuyển di thẩm quyền Tòa Thượng-thẩm Hanoi và các Tòa án Bắc Việt và các Tòa án ở trên vĩ tuyến 17 vào Tòa Thượng-thẩm và Sơ-thẩm Huế	565
— Dự sô 11 ngày 8.12.1955 sửa đổi vài thủ-tục tò tụng	567
— Dự sô 1 ngày 8.1.1955 quy định tư-pháp bảo trợ	569
— Danh sách các Tòa án Việt-Nam	581
MỤC LỤC	590-596

ĐANG SOẠN

1— TÒA CẤP THẨM (Dân-sự tố-tụng thẩm-cứu)

của *TRỊNH XUÂN NGẠN*

2— TỘI TRẠNG HỌC (Hình Luật riêng biệt)

của *NGUYỄN VĂN HẢO*

3— CÔNG-TỒ-VIỆN, sáng tác tập thể của một nhóm

Luật-sư, Thẩm-Phán và Giáo-sư Đại-học.

4— CHÁNH-ÁN DÂN-SỰ, sáng tác tập thể do một nhóm

Thẩm-Phán dưới sự điều khiển của *VŨ TIỀN TUÂN*

5— CHÁNH - ÁN TIÊU - HÌNH, do một nhóm Thẩm-Phán

dưới sự điều khiển của *DƯƠNG ĐỨC THỤY*

6 DỰ - THẨM của *MAI VĂN AN* và *NGUYỄN VĂN THỌ*

7— LỤC-SỰ CẨM-NANG của *NGUYỄN HUY SINH* và

ĐỖ NGỌC TOÁN do *TRỊNH ĐÌNH QUỲNH* phối hiệp

8— DANH-TỪ PHÁP - LUẬT LƯỢC - GIẢI

của *TRẦN THỨC LINH*

Barcode
Inside

ĐANG SOẠN

1— TÒA CẤP THẨM (Dân-sự tố-tụng thẩm-cứu)

của *TRỊNH XUÂN NGẠN*

2— TỘI TRẠNG HỌC (Hình Luật riêng biệt)

của *NGUYỄN VĂN HẢO*

3— CÔNG-TỒ-VIỆN, sáng tác tập thể của một nhóm
Luật-sư, Thẩm-Phán và Giáo-sư Đại-học.

4— CHÁNH-ÁN DÂN-SỰ, sáng tác tập thể do một nhóm
Thẩm Phán dưới sự điều khiển của *VŨ TIỀN TUÂN*

5— CHÁNH - ÁN TIỂU - HÌNH, do một nhóm Thẩm-Phán
dưới sự điều khiển của *DƯƠNG ĐỨC THỤY*

6 DỰ - THẨM của *MAI VĂN AN* và *NGUYỄN VĂN THỌ*

7— LỤC-SỰ CẨM-NANG của *NGUYỄN HUY SINH* và
ĐỖ NGỌC TOÁN do *TRỊNH ĐÌNH QUỲNH* phối hiệp

8— DANH-TỪ PHÁP - LUẬT LƯỢC - GIẢI

của *TRẦN THÙC LINH*

Nhà in NAM-SƠN 36, Nguyễn-an-Ninh — Đ.T. : 5g 288

GIÁ { Công sở : 200\$
Tư nhân : 150\$

FEB 6 1963
YALE
UNIVERSITY
LIBRARY

Digitized by Google